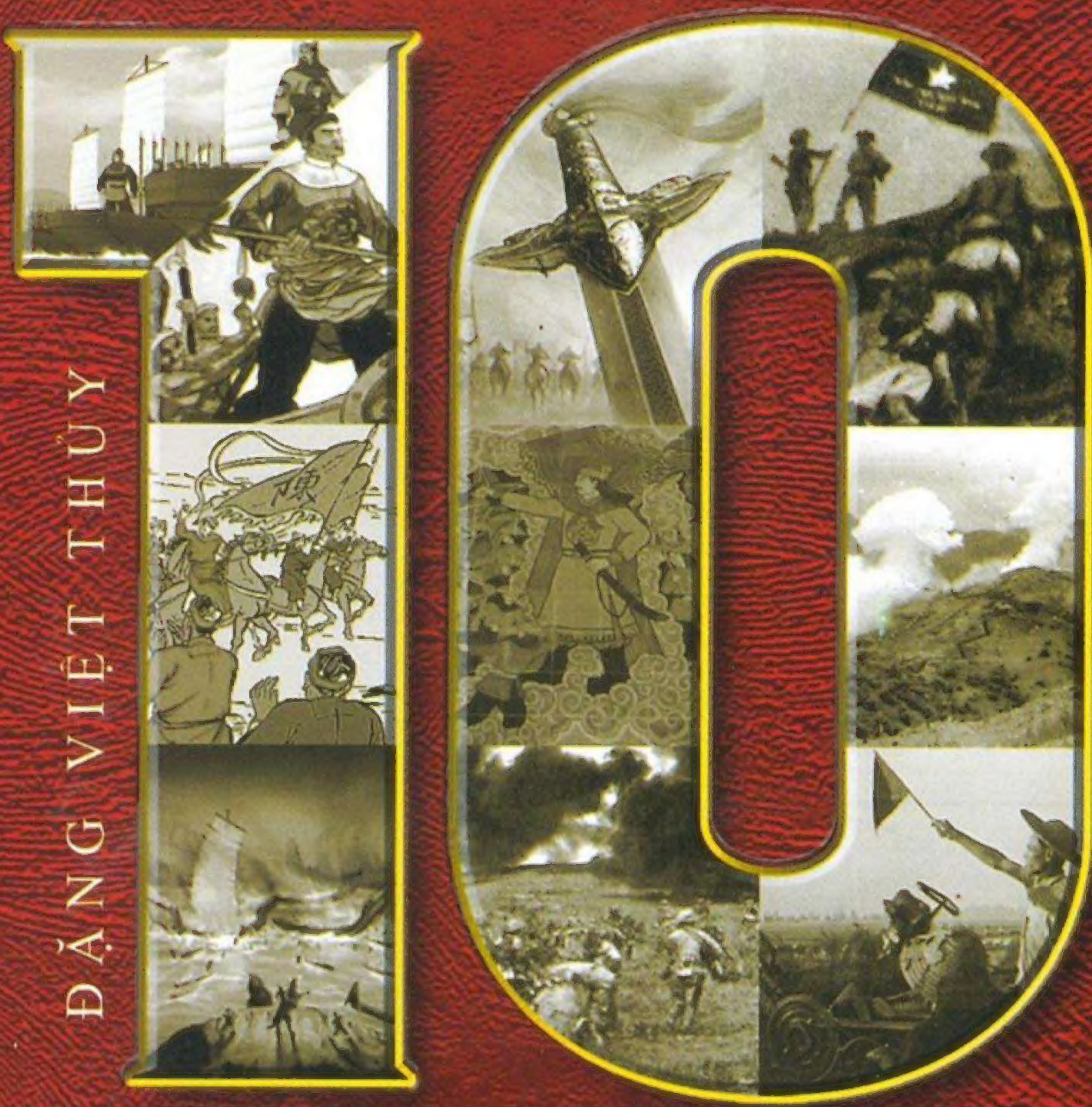


ĐẶNG VIỆT THỦY



TRẬN ĐÁNH NỔI TIẾNG

trong lịch sử Việt Nam



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

10 TRẬN ĐÁNH NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam
Đặng Việt Thủy**

10 trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam / Đặng Việt
Thủy. - H. : Hồng Đức ; Tp. Hồ Chí Minh : Công ty Tri thức Văn
hóa Sách Việt, 2018. - 368tr. ; 21cm

Thư mục: tr. 363-365

1. Lịch sử 2. Trận đánh 3. Chiến dịch 4. Việt Nam
959.7 - dc23



HDM0071p-CIP

- ✓ Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn
Marc 21 miễn phí.
- ✓ Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email
đến thư viện, hoặc download từ trang web: www.vinabooks.com.vn

ĐẶNG VIỆT THỦY

**10 TRẬN ĐÁNH NỔI TIẾNG
TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã trải qua mấy nghìn năm, với biết bao biến cố thăng trầm, đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt và sự trường tồn của đất nước mà cội nguồn của sức mạnh đó là ý thức độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất và trí thông minh, sáng tạo của nhân dân ta.

Trong suốt chiều dài lịch sử đó, dân tộc ta đã phải chiến đấu chống giặc ngoại xâm gần như thường xuyên và đã chiến thắng một cách oanh liệt. Đánh giặc giữ nước là một nội dung chủ yếu, một nét nổi bật của lịch sử Việt Nam, là thử thách gay go, ác liệt nhất nhưng cũng là niềm tự hào lớn nhất của dân tộc ta. Chỉ tính sơ bộ từ cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tần đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi (năm 1975), trong khoảng hơn 22 thế kỷ, dân tộc ta đã tiến hành hàng chục cuộc chiến tranh giữ nước hết sức quyết liệt và đã giành được những chiến công vô cùng rực rỡ, giữ vững được độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Từ thực tiễn đấu tranh chống giặc ngoại xâm, cha ông ta đã xây đắp nên một bề dày lịch sử quân sự rất phong phú và đặc sắc. Đó là truyền thống vẻ vang rất đáng tự hào và cũng là một kho tàng kinh nghiệm quý báu, một di sản vô giá đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của các thế hệ con cháu sau này.

Nhằm giới thiệu một số trận đánh nổi tiếng, tiêu biểu và qua đó làm sáng tỏ truyền thống đấu tranh quân sự của dân tộc, chúng tôi tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách ***“10 trận chiến nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam”***. Đây là những trận đánh được đánh giá là những trận đánh, chiến dịch tiêu biểu, có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật quân sự Việt Nam, đó là:

Trận Bạch Đằng (năm 938): Trận phục kích đường sông do Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy diệt thủy quân Nam Hán trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ hai (năm 938). Đây là trận quyết chiến chiến lược, lần đầu sử dụng thủy triều và trận địa cọc ngầm có hiệu quả trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Chiến thắng Bạch Đằng đã đánh dấu bước ngoặt lịch sử vĩ đại, hoàn toàn chấm dứt thời kỳ đô hộ hơn một nghìn năm của các triều đại phong kiến Trung Quốc, mở ra thời kỳ độc lập dân tộc lâu dài và phát triển của đất nước.

Trận Như Nguyệt (năm 1077): Trận quyết chiến chiến lược diệt quân Tống xâm lược trên phòng tuyến Sông Cầu (Bắc Ninh) của quân dân Đại Việt do Lý Thường Kiệt chỉ huy, kết thúc cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai (1075-1077). Chiến thắng Như Nguyệt dồn quân Tống vào thế cùng lực kiệt, buộc phải giảng hòa, xin rút quân về nước. Nhà Tống phải từ bỏ âm mưu xâm lược Đại Việt.

Trận Đông Bộ Đầu (năm 1258): Trận phản công chiến lược của quân dân nhà Trần do vua Trần Thái Tông chỉ huy đánh tan đạo quân xâm lược Mông Cổ tại Đông Bộ Đầu (khu vực gần cầu Long Biên, Hà Nội ngày nay), kết thúc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất (1258). Nắm vững thời cơ, chọn hướng tiến công đúng, dùng thủy binh để hạn chế ưu thế của kỵ binh địch là nét đặc sắc của trận Đông Bộ Đầu.

Trận Bạch Đằng (năm 1288): Trận phục kích đường sông của quân dân nhà Trần, do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chỉ huy diệt quân Nguyên - Mông rút chạy, kết thúc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ ba (1287 - 1288). Đây là trận quyết chiến chiến lược, đập tan ý chí xâm lược của nhà Nguyên, kế thừa và phát triển nghệ thuật lợi dụng thủy triều, dùng trận địa cọc ngầm ở trận Bạch Đằng năm 938 trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trận Chi Lăng - Xương Giang (năm 1427): Trận quyết chiến chiến lược diệt quân Minh xâm lược trên địa bàn từ Chi Lăng

đến Xương Giang (113km) của nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo tiến hành, kết thúc cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng chống Minh (1418 - 1427). Chiến thắng của trận Chi Lăng - Xương Giang chứng tỏ tài thao lược của những người lãnh đạo nghĩa quân, chọn hướng chiến lược chính xác, sử dụng binh lực hợp lý, bày thế trận lợi hại.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút (năm 1785): Trận phục kích đường sông nổi tiếng của quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy, diệt quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh trong khởi nghĩa Tây Sơn (1771-1789). Với trận quyết chiến chiến lược này, Nguyễn Huệ đã đập tan ý đồ bán nước của Nguyễn Ánh cùng âm mưu xâm lược của quân Xiêm. Trận Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong những trận thủy chiến lớn nhất và lẫy lừng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trận Ngọc Hồi - Đống Đa (năm 1789): Trận quyết chiến chiến lược tiến công quân xâm lược Mãn Thanh trên cả hai hướng chủ yếu và hướng thứ yếu, thể hiện quyết tâm đánh tiêu diệt và nghệ thuật tổ chức lực lượng, kết hợp với sức mạnh của nhân dân, phát huy cao độ sức đột phá của bộ binh, tượng binh, nhất là dùng voi chiến công đồn của Nguyễn Huệ. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa là một trong những chiến công hiển hách bậc nhất của dân tộc ta. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, đặc biệt là trong 5 ngày đêm đầu tiên mùa xuân Kỷ Dậu, từ đêm 30 Tết đến ngày 5 Tết (25 đến 30-1-1789), bằng một trận quyết chiến chiến lược, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ đã quét sạch 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh ra khỏi bờ cõi, giữ vững nền độc lập dân tộc.

Chiến dịch Điện Biên Phủ (năm 1954): Chiến dịch quyết chiến chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam nhằm tiêu diệt quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi quyết định trong chiến cục Đông Xuân 1953-1954. Chiến dịch Điện Biên Phủ là đòn tiến công tiêu diệt lớn nhất, điển hình nhất của quân và dân

Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, góp phần đưa Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (8-5 đến 21-7-1954) đến thành công; là sự phát triển đến đỉnh cao của nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Trận Điện Biên Phủ trên không (năm 1972): Chiến dịch của các lực lượng phòng không và không quân Việt Nam đánh trả cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Sau 12 ngày đêm chiến đấu, ta bắn rơi 81 máy bay (trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay F111), bắt sống nhiều giặc lái, đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược của Mỹ, buộc tổng thống Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra và nối lại cuộc đàm phán ở Paris. Cùng với cuộc tiến công chiến lược 1972 của quân và dân miền Nam, trận “Điện Biên Phủ trên không” là đòn chiến lược có ý nghĩa quyết định buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam, rút hết quân Mỹ về nước.

Chiến dịch Hồ Chí Minh (năm 1975): Chiến dịch quyết chiến chiến lược của quân và dân Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đánh vào đầu não và lực lượng quan trọng nhất của chính quyền và quân đội Sài Gòn, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ. Chiến dịch Hồ Chí Minh là một điển hình về hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, các binh chủng, quân chủng, sự kết hợp trên quy mô lớn giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng; đòn quyết chiến chiến lược táo bạo, kịp thời, chính xác, kết thúc chiến tranh.

Đây là những trận chiến nổi tiếng trong rất nhiều trận chiến tiêu biểu, nổi tiếng khác của dân tộc ta trong lịch sử chống ngoại xâm. Hy vọng “*10 trận chiến nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*” sẽ mang đến cho bạn đọc những tư liệu tổng hợp, ngắn gọn, bổ ích, thiết thực, dễ nhớ, dễ kể lại, đặc biệt là các bạn đọc trẻ tuổi muốn tìm hiểu về

nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn, cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự góp ý kiến, phê bình của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

I - TRẬN BẠCH ĐẰNG (NĂM 938)

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán lần thứ hai (năm 938), trận Bạch Đằng do Ngô Quyền chỉ huy là trận quyết chiến chiến lược, là cuộc đọ sức quyết liệt giữa dân tộc ta và giặc Nam Hán. Đây là trận phục kích đường sông, có những nét rất độc đáo và có ý nghĩa to lớn trên nhiều lĩnh vực.

Kể từ khi vua Hùng dựng nước, dân tộc ta đã ghi biết bao sự tích kỳ diệu trên khắp mọi miền của đất nước, trong đó Bạch Đằng nổi lên là một trong những dòng sông ghi lại nhiều chiến công hiển hách của ông cha ta trong các cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Bạch Đằng là một dòng sông không dài lắm, khoảng hơn 20 kilômét tính từ thượng lưu nối với sông Đá Bạc đến cửa biển Nam Triệu. Phía trên, sông Bạch Đằng tiếp nước sông Đá Bạc từ sông Lục Đầu qua sông Kinh Thầy đổ xuống và các dòng nước sông Gia Đước, sông Thái, sông Giá bên hữu ngạn, sông Khoai, sông Xim bên tả ngạn đổ về. Từ đó, dòng sông mở rộng đưa nước ra biển qua cửa Nam Triệu và các chi lưu vốn xưa là lạch thoát triều, như sông Chanh, sông Kênh (cửa sông này đã bị lấp), sông Nam (hay sông Rút). Thượng lưu và trung lưu sông Bạch Đằng chảy giữa hai huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) và Yên Hưng (Quảng Ninh). Cửa Nam Triệu nằm giữa đảo Cát Hải và Vũ Yên - Đình Vũ (Hải Phòng) ngày nay.

Do gần biển, nước sông Bạch Đằng lên xuống theo thủy triều. Lúc triều dâng, mặt sông menh mông trải rộng đôi bờ đến vài kilômét. Lòng sông khá sâu, trung bình khoảng 8 - 11 mét, có chỗ sâu đến

16 mét và cửa sông giáp biển cũng sâu 13 - 14 mét. Độ chênh lệch giữa mức nước lên cao nhất và mức nước xuống thấp nhất vào kỳ nước cường khoảng 2,5 - 3,2 mét và vào kỳ nước kém khoảng 0,5 - 1 mét.

Về phương diện giao thông, sông Bạch Đằng giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống các đường thủy vùng Đông Bắc nước ta. Đặc biệt, cửa sông Bạch Đằng là một trong những cửa biển nhìn ra vịnh Bắc Bộ và nối liền với con đường biển trọng yếu giữa nước ta và Trung Quốc. Đó là con đường ven biển từ cửa biển Bạch Đằng đến cửa biển Khâm, Liêm (Quảng Đông, Trung Quốc). Phía trong là bờ biển, phía ngoài là một loạt các đảo lớn nhỏ của vịnh Hạ Long và Bái Tử Long ngăn cách với biển cả, tạo thành một dải nước khá yên lặng rất thuận lợi cho sự đi lại của các tàu thuyền ngày xưa chạy bằng buồm và mái chèo.

Do vị trí giao thông đường thủy của nó, sông Bạch Đằng và cửa biển Bạch Đằng trước hết là một trục giao lưu kinh tế - văn hóa ở trong nước cũng như giữa trong nước và ngoài nước. Trong thời Bắc thuộc, nhiều thuyền buôn Trung Quốc từ Quảng Châu đã theo con đường ven biển qua cửa biển Bạch Đằng để buôn bán với Giao Châu.

Nhưng mặt khác, kẻ thù xâm lược, trong thời cổ đại và trung đại chủ yếu là các đế chế phong kiến phương Bắc, cũng lợi dụng sông Bạch Đằng như con đường xâm lược thuận tiện nhất về mặt đường thủy. Từ các bến cảng Khâm, Liêm (Quảng Đông), thủy quân có thể vượt qua vịnh Bắc Bộ nếu có gió thuận hoặc theo đường ven biển vào cửa Bạch Đằng rồi ngược sông Bạch Đằng lên sông Lục Đầu. Quân bộ có thể hành quân theo đường ven biển vịnh Bắc Bộ hoặc có thể từ Quảng Tây theo các đường bộ tiến sang và hội quân với quân thủy ở vùng Lục Đầu. Cửa sông Bạch Đằng là một “cửa ngõ đường biển”, có một vị trí chiến lược về quân sự đặc biệt quan trọng và xung yếu.

Năm 931, cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ thắng lợi. Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, tiếp tục sự nghiệp của cha họ Khúc, lo củng cố chính quyền tự chủ vừa giành lại được. Năm 937, Dương Đình Nghệ bị người nha tướng là Kiều Công Tiễn, hào trưởng đất Phong Châu giết hại để đoạt chức Tiết độ sứ. Hành động đó đã gây nên sự phẫn nộ của các tầng lớp quân, dân. Từ châu Ái (Thanh Hóa), Ngô Quyền là tướng và là con rể của Dương Đình Nghệ, sửa soạn tiến quân ra bắc diệt trừ tên phản bội. Trước sự căm ghét và phản kháng của nhân dân cả nước, Kiều Công Tiễn lo sợ, tự thấy thế cô lực yếu, đã đề hèn cho người sang cầu cứu nhà Nam Hán. Đây là dịp tốt để vua Nam Hán thực hiện âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa.

Ngô Quyền (897-944) người làng Cam Lâm (nay thuộc xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội), là một làng quê rất giàu truyền thống yêu nước và có nhiều đóng góp cho lịch sử dân tộc trong cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ chống giặc phương Bắc. Cha Ngô Quyền là Ngô Mân từng giữ chức Châu mục bản châu (châu Đường Lâm). Ngô Quyền sớm tỏ rõ chí khí phi thường hiếm thấy. Vốn thông minh, có thân thể cường tráng, lại thường xuyên luyện tập võ nghệ nên tiếng tăm Ngô Quyền lan rộng cả một vùng. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* mô tả Ngô Quyền “vẻ khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi như cọp, có trí dũng, sức có thể nhấc vạc, giơ cao”. Ngô Quyền đã theo Dương Đình Nghệ đánh thành Đại La, cướp chính quyền, sau đó lại đánh thắng quân xâm lược Nam Hán do Trần Bảo chỉ huy, bảo vệ được chủ quyền dân tộc. Vì có tài nên Dương Đình Nghệ giao cho Ngô Quyền cai quản đất Ái Châu và gả con gái cho. Trong 5 năm (934-938), Ngô Quyền đã đem lại yên vui cho đất Ái Châu, tỏ rõ là người có tài đức.

Khi được tin tên phản phúc Kiều Công Tiễn ám hại chủ tướng và cũng là bố vợ của mình là Dương Đình Nghệ, đoạt quyền Tiết độ sứ cùng với hành động phản trắc đề hèn cầu ngoại viện của hắn,

Ngô Quyền đã nhanh chóng tập hợp lực lượng từ Ái Châu kéo ra Giao Châu diệt trừ nội phản, tiếp tục sự nghiệp giữ vững nền tự chủ còn dang dở của họ Dương.

Giữa lúc đất nước đang trong tình cảnh ngàn cân treo sợi tóc, người đứng đầu bị sát hại, quân thù đang ngấp nghé bên ngoài bờ cõi, Ngô Quyền đã trở thành niềm tin và hy vọng của toàn dân tộc, thành người thủ lĩnh có đủ tài năng và uy tín để đảm đương sứ mạng lịch sử lúc đó là huy động và lãnh đạo các lực lượng yêu nước trong toàn quốc đứng lên đánh đổ thù trong, dẹp giặc ngoài, giành nền độc lập, tự chủ, mở ra một kỷ nguyên mới lâu dài cho đất nước.

Từng hăm mộ tài đức của Ngô Quyền, hào trưởng từ nhiều nơi đem binh về với ông. Ngoài những lực lượng quân sự đó, quần chúng nhân dân lúc nào cũng là lực lượng đông đảo nhất và nhiệt thành nhất tham gia đánh giặc bảo vệ đất nước. Tất cả các lực lượng đã nhanh chóng tập hợp dưới trướng của Ngô Quyền và Ngô Quyền lúc này đã trở thành vị thủ lĩnh tối cao với một lực lượng quân sĩ khá hùng mạnh, có mặt ở khắp các vùng từ châu Ái vào châu Hoan ra tới tận châu Giao, khiến lực lượng của Kiều Công Tiễn ở Đại La càng trở nên bị cô lập và hoàn toàn bất lợi.

Khi đã tập hợp xong lực lượng và nhận thấy nguy cơ xâm lược của nhà Nam Hán đã đến gần, vào tháng 9 năm Mậu Tuất (10 - 938), Ngô Quyền cho quân tiến từ châu Ái ra Đại La khí thế như vũ bão, diệt trừ tên phản bội Kiều Công Tiễn, bêu đầu hắn trước công thành. Thù trong đã diệt xong, Ngô Quyền rảnh tay đối phó với giặc ngoài là quân Nam Hán.

Về phía nhà Nam Hán, được tin cầu cứu của Kiều Công Tiễn, vua Nam Hán là Lưu Cung cho đây là cơ hội đặc biệt thuận lợi, nên đã họp triều thần bàn mưu tính kế. Vấn đề mà vua Nam Hán cần đưa ra bàn định trong triều là bằng cách nào để có thể chiếm được Giao Châu nhanh gọn nhất, vì trận thất bại cách đó 7 năm (năm 931) vẫn còn là bài học nhớ đời. Sùng văn sứ là Tiêu Ích, một viên quan có

địa vị cao trong triều, là người am hiểu tường tận về tình hình Giao Châu lúc đó, đã bày tỏ sự khó khăn và khuyên nhủ vua Nam Hán rằng: “Hiện nay mưa dầm mấy tuần, mà đường biển thì hiểm trở xa xôi, Ngô Quyền là người kiệt hiệt chớ nên khinh xuất. Đại quân đi phải nên cẩn thận chắc chắn, dùng nhiều người hướng đạo rồi mới nên tiến” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1972, trang 146). Nhưng vì cơ hội tái chiếm Giao Châu đã đến gần nên vua Nam Hán đã không thêm đếm xỉa gì tới lời bàn lợi hại đó của Tiêu Ích và một số triều thần, mà vẫn tự mình chuẩn bị một kế hoạch xuất quân sang Giao Châu để nhanh chóng thực hiện mưu đồ nung nấu từ lâu.

Lần xuất quân lần này, vua Nam Hán đã có kinh nghiệm hơn. Nam Hán đã tận dụng thế mạnh của mình là binh thuyền và đi theo đường biển từ Quảng Đông sang. Người được vua Nam Hán Lưu Cung giao trọng trách chỉ huy đội quân đánh chiếm Giao Châu lần này chính là con trai mình, Vạn Vương Hoảng Thao (có sách chép là Hoàng Thao, Hoàn Thao). Trước khi xuất quân, vua Nam Hán đã đổi tước phong cho Hoảng Thao từ Vạn Vương sang làm Nam Giao Vương với kỳ vọng rằng, nếu chiếm được Giao Châu sẽ lấy Giao Châu làm nơi phong thực ấp cho con. Không những thế, chính bản thân vua Nam Hán còn đích thân dẫn đầu một đạo quân ra đóng ở trấn Hải Môn (huyện Bắc Bạch, Quảng Đông) sát biên giới, làm kế thanh viện, kịp thời yểm trợ cho Hoảng Thao.

Với kế hoạch như vậy, cộng với sự tin tưởng là đã có Kiều Công Tiễn làm nội ứng, khi quân Nam Hán tới nơi thì hai bên hợp đồng tác chiến, thực hiện kế “nội công ngoại kích”, nhanh chóng đánh chiếm đất nước ta.

Cuộc chiến tranh quy mô lớn và mang đầy tham vọng đó của nhà Nam Hán được che đậy dưới chiêu bài “cứu giúp” Kiều Công Tiễn. Quân đội Nam Hán đã dày dạn trong chiến tranh ở vùng Hoa Nam và trong cuộc đàn áp các phong trào chống đối của các “Mạn trại”

ở vùng Quảng Đông và Quảng Tây. Từ khi lên ngôi hoàng đế, Lưu Cung càng lo củng cố và tăng cường quân đội của mình để chờ dịp bành trướng xuống phía Nam. Lực lượng mà Lưu Cung huy động tiến công nước ta lần này chủ yếu là thủy quân đã kinh qua chiến trận, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu.

Như vậy, Hoảng Tháo vừa được sự tiếp ứng của vua cha Lưu Cung phía sau, vừa có lực lượng nội ứng của bọn phản bội Kiều Công Tiễn ở ngay trong nước ta. Lúc đó, Kiều Công Tiễn đang cố gắng cố thủ ở thành Đại La để chờ quân cứu viện nhà Nam Hán.

Việc Ngô Quyền đã nhanh chóng ra tay diệt trừ tên phản bội Kiều Công Tiễn trước khi quân Nam Hán kéo vào nước ta đã làm cho quân giặc hoàn toàn bị bất ngờ. Thành công này của Ngô Quyền đã làm thất bại ngay từ đầu âm mưu dùng nội ứng của địch, vừa tạo ra thế chủ động cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta.

Bấy giờ, Hoảng Tháo đã được lệnh chỉ huy đạo thủy quân tiến vào sông Bạch Đằng. Trước tình hình đó, tại thành Đại La, Ngô Quyền họp các tướng bàn rằng: “Hoảng Tháo là một đứa trẻ dại, đem quân từ xa đến, quân lính mỗi mệt, lại nghe được tin Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta sức còn mạnh địch với quân mỗi mệt, tất phá được. Song họ có lợi ở thuyền, nếu ta không phòng bị trước thì chuyện được thua chưa thể biết được. Nếu ta sai người đem cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển trước, vạt nhọn đầu mà bịt sắt, thuyền của họ nhân khi nước triều lên tiến vào bên trong hàng cọc, bấy giờ ta dễ bẻ chế ngự. Không kể gì hơn kế ấy cả” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Sđd, tr.146).

Tướng sĩ nghe nói ai cũng vui mừng, tin rằng chắc thắng. Nhận định của Ngô Quyền chứng tỏ ông là một vị tướng biết địch biết ta. Ông đã nắm vững và phản ánh đúng tình hình địch, cho rằng quân giặc tuy đông, vũ khí, trang bị mạnh, nhất là các thuyền chiến lớn, nhưng cũng có nhiều hạn chế. Điểm yếu chí tử của chúng là tướng giặc (Lưu Hoảng Tháo) còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm

trận mạc, kiêu ngạo, chủ quan khinh địch. Dưới mắt ông “Hoàng Tháo chỉ là một đứa trẻ dại” mà thôi. Quân địch từ xa đến, địa hình xa lạ, hiểm trở, còn mệt mỏi, lại mất kẻ nội ứng, tinh thần yếu kém. Trong khi đó khí thế quân ta đang mạnh, lại làm chủ địa hình và biết đánh. Đó chính là điều kiện dẫn tới sự tất thắng của quân ta, sự bại vong không thể tránh khỏi của địch. Ngô Quyền cũng chỉ ra cái lợi thế của địch chính là việc chúng có thuyền chiến mạnh, nếu ta chủ quan không phòng bị chu đáo thì kết cục thắng hay bại của cuộc kháng chiến chưa thể lường trước được.

Nam Hán không phải là một triều đại lớn ở Trung Quốc. Quân đội Nam Hán tuy đã từng trải chiến tranh, nhưng cũng từng nếm mùi thất bại trong lần xâm lược năm 931, nay lại tổ chức một cuộc chiến tranh mới trong điều kiện đầy khó khăn. Tất nhiên, rút kinh nghiệm lần trước và để giành thắng lợi trong lần này, quân Nam Hán đã phát huy thế mạnh, sử dụng những thuyền chiến vừa to vừa chắc chắn, có trang bị đầy đủ và có khả năng chiến đấu trên sông biển. Từ hàng ngàn năm, Quảng Châu là một trung tâm thương mại lớn, có nhiều thuyền buôn trên biển. Nam Hán có thủy quân mạnh và quân đội của họ đã trải qua kinh nghiệm trận mạc. Lực lượng chiến đấu của thủy quân hầu hết là những người đã từng làm nghề đánh cá, làm muối, những thủy thủ và bọn cướp biển - những người lính đã được huấn luyện chu đáo vì mục đích chinh phục và ăn cướp. Vũ khí trang bị là bạch binh, ngoài câu liêm, móc treo, gươm giáo và áo giáp, còn có nhiều cung nỏ. Nỏ có nhiều loại, trong đó có nỏ nặng với hiệu suất chiến đấu cao và được trang bị tối đa. Quân Nam Hán rất giỏi sử dụng nỏ, sử Trung Quốc gọi họ là đội quân “Thần nỏ”. Những điều đó, Ngô Quyền đều biết và ông đánh giá cao những lợi thế về thuyền và khả năng thủy chiến của giặc.

Sử cũ không cho biết rõ lực lượng cụ thể của địch, của ta trong cuộc chiến tranh là bao nhiêu. Tuy nhiên, qua lời bình của sử gia Lê Văn Hưu về cuộc kháng chiến chống Nam Hán của sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi lại: “Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp

của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương...”, thì có thể thấy được tương quan lực lượng giữa ta và địch là rất chênh lệch.

Quân đội của Ngô Quyền lúc này tuy không hùng hậu lắm về số lượng nhưng là đội quân được trưởng thành trong cuộc chiến tranh vệ quốc, có lòng yêu nước cao độ, có kỷ luật nghiêm minh, mưu trí, gan dạ và dũng cảm. Họ đã từng theo Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền chiến đấu trong trận vây đánh thành Đại La, đuổi Thù sư Lý Tiến, giết Thừa chỉ Trần Bảo vào năm 931 và đặc biệt họ cũng vừa cùng chủ tướng của mình tham gia trừng trị tội nghịch thần, phản chủ, phản quốc của Kiều Công Tiễn, nên khí thế ra trận của họ rất hăng hái, mãnh liệt. Quân đội của Ngô Quyền còn có quân của các tướng, các hào kiệt địa phương đến tụ hội và các đội dân binh do các làng xã tổ chức để chống giặc ngoại xâm. Tuy nhiên, về mặt vũ khí, chiến thuyền còn nhiều hạn chế so với quân Nam Hán. Trước họa xâm lăng, bên cạnh lực lượng quân đội do Ngô Quyền thống lĩnh, có những đội dân binh ở các làng xã theo tiếng gọi cứu nước đã được tổ chức đội ngũ sẵn sàng tham gia kháng chiến. Trong quá trình gấp rút chuẩn bị đánh giặc, Ngô Quyền đã đặc biệt chú trọng xây dựng lực lượng thủy quân, cho sửa chữa, đóng mới và huy động nhiều thuyền phục vụ quân đội. Có thể lúc đó quân đội của Ngô Quyền đã dùng nhiều loại thuyền, trong đó có thuyền “mông đồng” mà sử sách thường nói tới. Thuyền “mông đồng” theo *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi thì, “mỗi thuyền có 25 chiến thủ, 23 tay chèo, thuyền chèo ngược xuôi nhanh như gió”, là loại thuyền hẹp và dài, có hai đáy, lớn nhỏ khác nhau, rất tiện sử dụng trong chiến đấu.

Không có tài liệu ghi chép về vũ khí của quân đội Ngô Quyền, nhưng qua lời Tống Cảo tâu lên vua Tống về tình hình vũ khí của quân ta thời Lê Hoàn (nửa thế kỷ sau) và qua nghiên cứu khảo cổ học, chúng ta có thể đoán được quân đội của Ngô Quyền được trang bị các loại cung, nỏ, khiên mộc, lao gậy, kiếm, dao găm, giáo, kích... Ngoài ra khi chiến đấu trên thuyền quân sĩ còn sử dụng cả câu liêm, móc treo, lưới cá...

Xét trên góc độ tiềm lực vật chất, trang bị quân sự thì có thể quân ta còn thua kém quân giặc. Song sức mạnh chiến đấu của quân đội mỗi bên tham chiến ngoài nhân tố tiềm lực vật chất - kỹ thuật, còn được tạo nên bởi các nhân tố khác như chế độ chính trị của đất nước, tinh thần chiến đấu của quân đội, tài thao lược của tướng lĩnh, những điều kiện thiên nhiên thuận lợi... hoặc theo cách nói của người xưa là các nhân tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Nếu đem so sánh tương quan giữa địch và ta về các mặt thì quân ta mạnh hơn quân Nam Hán xâm lược. Chính vì vậy, Ngô Quyền đã khẳng định quân địch sẽ “dễ bề chế ngự” và “tất phá được”.

Từ phân tích, đánh giá tình hình một cách chính xác tương quan lực lượng giữa ta và địch, thấy mặt mạnh của địch và mặt hạn chế của ta, đồng thời lại thấy rõ mặt yếu chí mạng của địch và mặt mạnh cơ bản của ta mà ở đây, trong cuộc chiến đấu sắp tới, những nhân tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa và tài thao lược của tướng lĩnh lại là những nhân tố hợp thành nguyên nhân quyết định sự thành công hay thất bại của mỗi bên tham chiến, Ngô Quyền đi đến xác định mưu lược đánh bại cuộc tiến công xâm lược của địch bằng kế tổ chức một trận đánh lớn tiêu diệt đạo binh thuyền giặc ngay tại vùng cửa sông Bạch Đằng, nơi chúng tất phải đi qua để có thể tiến vào nội địa nước ta.

Trong lời bàn với các tướng, Ngô Quyền đã đề xuất kế sách đánh thủy quân giặc là sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu bịt sắt đóng ngăn trước ở cửa sông và lợi dụng quy luật lên xuống của thủy triều để chế ngự thuyền giặc, không cho chúng chạy thoát. Đó chính là mưu lược phản công với quyết tâm đánh thắng giặc ngay khi chúng vừa xâm phạm đến bờ cõi nước ta, nhanh chóng giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến bằng trận phản công, kết hợp giữa phục kích và vận động chiến nhằm tiêu diệt gọn đạo quân xâm lược ngay từ cửa ngõ Tổ quốc.

Qua mưu lược chống giặc mà Ngô Quyền đã bàn với các tướng có thể thấy được mục đích của trận đánh là nhằm tiêu diệt toàn bộ

binh thuyền lớn do Hoảng Tháo chỉ huy khi chúng vượt biển tới vùng cửa sông Bạch Đằng. Đạo binh thuyền lớn của Hoảng Tháo là đạo quân xâm lược đi đầu, đạo quân chủ lực của địch. Còn đạo quân do Lưu Cung trực tiếp chỉ huy đóng ở trấn Hải Môn là đội quân tiếp sau, thế đội hai, lực lượng dự bị của địch. Nếu Hoảng Tháo tiến sang thuận lợi, hoặc chỉ bị quân ta chặn đánh tiêu hao, nhưng vẫn tiếp tục tiến sâu được vào nội địa nước ta, thì đội quân dự bị của Lưu Cung ắt sẽ tràn sang tăng cường để bẹp lực lượng kháng chiến. Nhưng nếu đội quân Hoảng Tháo bị ta chặn đánh tiêu diệt gọn một cách nhanh chóng thì đạo quân Lưu Cung sẽ không kịp sang tăng viện, mà chỉ còn cách duy nhất là hạ cờ rút lui để bảo toàn tính mạng. Do vậy, một khi thực hiện được mục đích trận đánh là nhanh chóng tiêu diệt gọn đạo binh thuyền Hoảng Tháo khi chúng vừa tiến vào cửa sông Bạch Đằng, làm cho Lưu Cung kinh hoàng khiếp sợ, buộc phải rút quân về, thì đã đạt được mục đích chiến lược của cuộc kháng chiến: tiêu diệt lực lượng quân địch, làm tan rã ý chí xâm lược của nhà Nam Hán, kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giữ nước, bảo vệ vững chắc chủ quyền của dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Qua lời Ngô Quyền định kế chống giặc trên, có thể thấy rõ một số điểm thuộc cách đánh trong trận quyết chiến này như sau:

Về đối tượng tác chiến: toàn bộ đoàn binh thuyền lớn của địch do Hoảng Tháo chỉ huy, gồm hàng vạn quân với hàng trăm thuyền chiến cỡ lớn.

Về địa bàn tác chiến: Ngô Quyền chọn một cửa sông mà khả năng quân địch sẽ tiến vào để bố trí trận địa mai phục, đó là cửa sông Bạch Đằng, nơi có địa thế hiểm trở có thể bố trí một trận thủy chiến.

Về cách đánh: Ngô Quyền chủ trương bố trí trận địa mai phục với những cọc gỗ bịt sắt nhọn đóng ngầm dưới nước để cản phá thuyền giặc, kết hợp giữa vận động tiến công và mai phục, đợi khi nước triều lên sẽ khiêu chiến như địch vào trận địa cọc ngầm rồi tiến công tiêu diệt chúng khi nước triều xuống.

Về sử dụng lực lượng: Lực lượng chiến đấu sẽ có hai bộ phận: một lực lượng với những chiến thuyền nhỏ và nhẹ, cơ động nhanh có nhiệm vụ khiêu chiến, nhử địch; bộ phận chủ lực gồm phần lớn quân thủy bộ bố trí mai phục để tiến công tiêu diệt khi chúng đã lọt vào trận địa cọc ngầm.

Quân đội chủ lực của Ngô Quyền sửa soạn chiến đấu trong sự phối hợp với các đội dân binh của các làng xã và sự tham gia phục vụ chiến đấu của nhân dân trong vùng.

Theo thần tích, truyền thuyết dân gian và gia phả họ Dương ở làng Ràng (Dương Xá, Thiệu Hóa, Thanh Hóa), ngoài Ngô Quyền là vị chỉ huy tối cao, tham gia trận quyết chiến này còn có các tướng Ngô Xương Văn (con cả Ngô Quyền), Dương Tam Kha (con Dương Đình Nghệ, em vợ Ngô Quyền), Đỗ Cảnh Thạc (hào trưởng Đỗ Động)...

Sau khi đánh tan bọn phản bội Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền và bộ tham mưu tiến quân về vùng biển Đông Bắc cùng nhân dân địa phương chuẩn bị thế trận đón đánh quân Nam Hán. Vùng sông Bạch Đằng, nơi Ngô Quyền chọn làm chiến trường quyết chiến là một vùng địa lý quan trọng, là cửa ngõ phía Đông Bắc và là đường giao thông quan trọng từ biển Đông vào nội địa nước ta. Theo cửa Nam Triệu vào Bạch Đằng, địch có thể ngược mãi lên và tiến đến thành Cổ Loa hoặc thành Đại La hoàn toàn bằng đường sông. Cửa biển Bạch Đằng to rộng, rút nước từ vùng Đông Bắc Bắc Bộ đổ ra vịnh Hạ Long. Từ cửa biển ngược lên gần 20km là đến cửa sông Chanh. Phía hữu ngạn có dãy núi đá vôi Tràng Kênh với nhiều hang động, sông lạch và thung lũng hiểm trở. Trước cửa sông Bạch Đằng, về phía Bắc là những đảo nhỏ từ vịnh Hạ Long kéo tới. Thuyền từ biển vào sông, len qua vùng quần đảo này khi gặp sóng to gió mạnh vẫn bảo đảm an toàn. Hai bên bờ sông, nay là đồng ruộng và xóm làng nhưng xưa kia còn nhiều cánh rừng rậm, cây cối um tùm che lấp bờ sông, thuận lợi cho quân ta che giấu, mai phục lực lượng, hạ lưu

sông chịu ảnh hưởng của thủy triều khá mạnh. Lúc triều dâng, nước trải đôi bờ đến vài kilômét. Với cơ chế nhật triều, thời gian từ lúc nước triều lên cho đến lúc xuống thấp nhất chỉ trong vòng một ngày.

Dấu ấn của rừng xưa còn như in trên tên sông, tên đất: sông Rừng, bến đò Rừng, xóm Rừng, giếng Rừng... sông Bạch Đằng (hay sông Rừng) rộng lớn, có sóng bạc đầu; tuy không dài lắm, chỉ khoảng vài chục kilômét, nhưng cảnh sắc thiên nhiên ở đây rất hùng vĩ, nơi có thể “thiên hiểm” như Trương Hán Siêu đã mô tả:

*Bát ngát sóng kinh muôn dặm
Thuốt tha đuôi trĩ một màu
Nước trời một sắc, phong cảnh ba thu
Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu*

(BẠCH ĐẰNG GIANG PHÚ)

Giữa vùng thiên nhiên sông biển đó, trên cơ sở sức mạnh đoàn kết và ý chí độc lập của cả dân tộc, Ngô Quyền khải trương xây dựng một thế trận mai phục lợi hại để chủ động phá giặc.

Ngô Quyền huy động quân dân vào rừng đẵn gỗ, vót nhọn, bịt sắt rồi cho đóng xuống dòng sông thành hàng dài, tạo nên một bãi cọc, một bãi chướng ngại dày đặc ở hai bên cửa sông. Khi nước triều lên mênh mông thì cả bãi cọc ngập chìm, khi triều xuống thì hàng cọc nhô lên cản trở thuyền qua lại. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Định kế rồi, (Ngô Quyền) mới cho đóng cọc ở hai bên cửa biển”.

Để bố trí được bãi cọc trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền đã khéo chọn những người giỏi địa lý trực tiếp theo dõi và tìm hiểu trong dân nắm chắc quy luật (thời điểm, mức độ, tốc độ) thủy triều lên, xuống hàng ngày và vị trí thuận lợi để đóng cọc. Nhờ huy động được lực lượng quân, dân nên chỉ trong thời gian ngắn, hàng nghìn cây gỗ lim, sến đầu vát nhọn, bịt sắt đã được bí mật cắm xuống lòng sông, thành những hàng dài chắc chắn, đầu cọc hướng chếch về phía nguồn. Khi triều rút, các hàng cọc mới phơi ra, còn lúc sáng sớm nước đang

mênh mông thì thuyền lớn qua lại ven hai bờ vẫn như không. Trận địa cọc được tiến hành rất gấp rút và chỉ trong khoảng thời gian hơn một tháng là mọi việc đã hoàn thành.

Trận địa cọc ngầm là một nét độc đáo, sáng tạo của nghệ thuật thủy chiến Việt Nam mà Ngô Quyền là người khởi xướng đầu tiên. Khi chuẩn bị trận địa, Ngô Quyền không những lợi dụng địa hình thiên nhiên, mà còn lợi dụng cả chế độ thủy triều. Đây cũng là một trận đánh biết lợi dụng con nước thủy triều sớm nhất trong lịch sử quân sự nước ta, mở đầu cho truyền thống lợi dụng thủy triều nhiều trận thủy chiến sau này.

Trận địa cọc có vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ thế trận của Ngô Quyền. Nó sẽ giúp quân ta “dễ bề chế ngự” đoàn thuyền địch, như lời Ngô Quyền đã khẳng định với tướng sĩ. Song trận địa đó sẽ mất hết tác dụng nếu đoàn thuyền giặc không bị đánh bại ở phía trong hàng cọc. Vì vậy, đồng thời với việc xây dựng trận địa cọc ngầm, Ngô Quyền đã tập trung công sức bố trí một thế trận quy mô lớn phía trong hàng cọc vùng hạ lưu và cửa biển Bạch Đằng.

Các bộ sử cũ không ghi chép cụ thể về vấn đề này, nhưng qua kết quả khảo sát thực địa, nghiên cứu dấu tích thành lũy, di tích và phong tục thời Ngô Quyền, Ngô Xương Ngập, các truyền thuyết dân gian có liên quan và nhất là qua một số thần tích, ngọc phả sưu tầm được ở vùng cửa sông Bạch Đằng, các nhà nghiên cứu có thể hình dung được phần nào sự bố trí lực lượng của Ngô Quyền.

Ở phía tả ngạn sông Bạch Đằng được bố trí lực lượng thủy binh thiện chiến, giàu kinh nghiệm sông nước do Dương Tam Kha chỉ huy phối hợp với đội binh thuyền địa phương do Đào Nhuận dẫn đầu. Cánh quân này phục sẵn ở các kênh rạch bên sông, lợi dụng thuận dòng nước triều xuống, bất ngờ chặn đầu, tiến công thẳng vào đoàn thuyền địch, hãm chúng sa vào trận địa cọc ngầm.

Một cánh quân khác do Đỗ Cảnh Thạc và Ngô Xương Ngập chỉ huy bố trí và đánh địch từ phía hữu ngạn sông Bạch Đằng.

Cánh quân này chiến đấu có sự kết hợp chặt chẽ với lực lượng dân binh địa phương, những đội dân binh của anh em Lý Minh, Lý Bảo, Lý Khả ở Hoàng Pha (xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng) và của chàng trai họ Nguyễn ở Lâm Động (Thủy Nguyên). Lực lượng do Đỗ Cảnh Thạc chỉ huy gồm cả bộ binh và thủy binh, cả quân chủ lực và dân binh. Họ mai phục trong rừng cây ven sông, rạch, phối hợp với cánh quân bên tả ngạn của Dương Tam Kha, từ hai phía tiến công vào đoàn thuyền chiến của quân Nam Hán. Có thể lúc đó có một đạo thủy quân mạnh phục sẵn làm nhiệm vụ chặn đầu, chờ khi nước xuống sẽ xuôi dòng đánh vỡ mặt đội hình tiến công của quân giặc.

Theo thần tích Ngô Quyền ở Gia Viên, trước khi quân Nam Hán đến xâm lược, Ngô Quyền đã lập đồn bên sông Gia Viên (tức sông Cấm) để chặn giặc. Đồn Gia Viên (Hải Phòng) là trung tâm, tập trung một lực lượng lớn thủy binh và bộ binh do Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy. Ở đồn Lương Xâm (An Hải, Hải Phòng) nay vẫn còn một số câu đối phản ánh điều đó như:

*Sư xuất vạn toàn, Hán tướng Bắc lai vô phản bái,
Danh lưu thiên cổ, Cấm giang đông hạ cựu
hành doanh.*

(Quân trảy vẹn toàn, tướng Hán từ phương Bắc kéo sang không còn ngọn cờ quay lại.

Tiếng lưu muôn thuở, sông Cấm về phía đông chảy xuống, nối tiếp hành doanh).

Quân thủy bộ, dưới sự thống lĩnh của Ngô Quyền đã bố trí mai phục sẵn ở phía trong bãi cọc, có lẽ trong khoảng hạ lưu và trung lưu sông Bạch Đằng; giấu quân trong các nhánh sông dưới rừng cây hai bên sông. Trong thế trận của Ngô Quyền, lực lượng mai phục trên sẽ giữ vai trò quyết định; trận địa cọc ngầm ở cửa sông nhằm cản phá, chặn đường tháo chạy của giặc. Sự bố trí kết hợp giữa hệ thống bãi cọc ngầm và quân mai phục chứng tỏ quyết tâm chiến lược của Ngô Quyền nhằm tiêu diệt hoàn toàn đạo quân xâm lược bằng một

trận đánh quyết định. Như vậy, chiến trận Bạch Đằng diễn ra trong một cuộc đọ sức quyết định giữa ta và địch. Quân địch quyết tâm xâm chiếm nước ta. Quân ta quyết tâm đánh một trận tiêu diệt triệt để, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Về diễn biến và hình thái cuộc chiến tranh, toàn bộ cuộc kháng chiến được thực hiện bằng một trận quyết chiến chiến lược lớn.

Tháng 12 năm Mậu Tuất (938), đoàn binh thuyền Nam Hán do Hoàng Tháo chỉ huy, hung hăng từ Quảng Đông (Trung Quốc) vượt biển xâm phạm vào lãnh thổ nước ta. Đoàn chiến thuyền thuận chiều gió đông bắc theo đường Đông Kênh qua châu Vĩnh An, theo trại Đại Bàng (đảo Kế Bào ngày nay) thuộc Ngọc Sơn, len qua các đảo nhỏ tiến vào vịnh Hạ Long. Dọc đường chúng không gặp một sự kháng cự nào, Hoàng Tháo là viên tướng trẻ tuổi hung hăng, rất chủ quan khinh địch, vội vàng thúc quân tiến thẳng vào cửa sông Bạch Đằng.

Khi những chiếc thuyền chiến đầu tiên của quân Nam Hán vừa đến vùng cửa biển Bạch Đằng thì đội quân khiêu chiến của ta trên những chiếc thuyền nhẹ bỗng nhiên xuất hiện. Dưới quyền chỉ huy của tướng Nguyễn Tất Tổ, quân ta chiến đấu rất dũng cảm, quyết liệt, vừa cô kìm chân giặc chờ nước triều lên cao, vừa để chúng không hoài nghi, giữ bí mật tuyệt đối cho trận địa mai phục. Quân Nam Hán vừa tiến vừa đánh; lợi dụng quân đông khí thế đang hăng và lúc nước triều dâng cao, chúng tăng tốc tiến sâu vào vùng cửa sông Bạch Đằng.

Lúc nước triều đã dâng cao ngập cọc thì đội thuyền chiến của Nguyễn Tất Tổ “dường như không còn sức”, họ vừa đánh vừa rút, để rử địch vào trận địa đúng lúc, đúng chỗ theo kế hoạch của chủ tướng Ngô Quyền. Thấy quân ta ít lại đang tìm cách tháo chạy, Hoàng Tháo đặc chỉ ra lệnh đuổi theo tiêu diệt. Càng đuổi, quân Nam Hán càng tiến sâu vào cửa sông và lọt vào trận địa mai phục của quân ta. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Khi nước triều dâng lên,

Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả cách thua để dụ địch. Hoảng Tháo quả nhiên tiến quân vào” (Sđd, tr.146).

Khi đoàn chiến thuyền của Hoảng Tháo vượt qua vùng cửa sông Bạch Đằng thì nước triều bắt đầu xuống; đó cũng là lúc toàn bộ đội hình quân giặc lọt vào trận địa mai phục của ta. Đúng lúc đó đội quân khiêu chiến của Nguyễn Tất Tổ được lệnh đánh quật trở lại và Ngô Quyền đích thân chỉ huy đại quân đổ ra từ ba phía, tiến đánh dữ dội. Trận tiến công bất ngờ, mãnh liệt của thủy quân ta từ thượng lưu đánh xuống chặn đầu, kết hợp với quân thủy bộ mai phục ở hai bên bờ sông đánh tạt ngang vào đội hình quân giặc.

Đoàn thuyền chiến của ta nhỏ nhẹ cơ động “nhanh như gió” lại xuôi theo dòng nước lao thẳng vào đội hình thuyền chiến của giặc khiến cho chúng không kịp chống đỡ, bị rối loạn, lúng túng. Các cánh quân của các tướng Dương Tam Kha, Đỗ Cảnh Thạc, Ngô Xương Ngập, Nguyễn Tất Tổ cùng các lực lượng dân binh nhất tề tiến công quân giặc. Toàn bộ đoàn binh thuyền của Hoảng Tháo nằm trọn trong vòng vây của quân ta. Quân Nam Hán bị đánh chặn quyết liệt ở phía trước, bị liên tiếp tiến công từ hai bên cạnh sườn. Lúc này, tất cả các lực lượng thủy bộ của quân ta cùng phối hợp chặt chẽ tiến công tiêu diệt các thuyền chiến của địch. Quân Nam Hán cố tìm cách chống đỡ, nhưng chúng dường như bất lực trước sức tiến công mãnh liệt của quân ta. “Hoảng Tháo không kịp chỉnh đốn binh thuyền”, tổ chức chống đỡ yếu ớt và định tìm đường rút chạy ra biển, nhưng không kịp, chúng đã sa vào bãi cọc ngầm của quân ta. Sử cũ chép rằng: “Hoảng Tháo phải chống cự luôn tay, mà nước triều xuống rất nhanh, thuyền bè đều bị vướng vào cọc. Quyền đánh hăng, đại phá được Hoảng Tháo” (*Việt sử lược*, Nxb. Văn Sử Địa, H., 1960, tr.41); và “Khi binh thuyền của Hoảng Tháo đã vào bên trong hàng cọc rồi, nước triều rút, cọc nhô lên, Quyền mới tiến quân đánh. Chúng (quân Nam Hán) đều liều chết mà đánh, không kịp chỉnh đốn thuyền mà nước triều rút xuống mạnh, thuyền đều vướng vào cọc mà đắm,

rối loạn tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.146).

Bị cọc chặn, bị quân đánh, thuyền địch không thể nào thoát ra biển được. Toàn bộ chiến thuyền của giặc bị đánh chìm, hầu hết quân giặc bị tiêu diệt. Đạo thủy quân xâm lược của Nam Hán đã vĩnh viễn bị nhấn chìm xuống dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Chủ soái của giặc là Lưu Hoàng Tháo bị giết tại trận. *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư* đều ghi: “Quyền thừa thắng đuổi theo đánh, bắt được Hoàng Tháo đem giết”. Sách *Ngũ đại sử ký* của Trung Quốc cũng chép về sự kiện này: “Thuyền của Hồng Thao (tức Hoàng Tháo) bị mắc cạn nên mắc vào cọc bịt sắt, vỡ đắm gần hết, Hồng Thao tử trận” (*Ngũ đại sử ký*, q.65).

Trong trận đánh, quân Nam Hán mới biết thế nào là tiến thoái lưỡng nan một cách vô cùng quần bách không chiều xoay xở. Trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái, trên bờ, dưới nước đều bị đánh tới tấp. Hầu hết thuyền lớn thuyền nhỏ đều bị cọc nhọn đâm thủng, va chạm vào nhau mà bị chìm xuống sông. Viên chủ tướng trẻ Hoàng Tháo lúc đầu hung hăng, ngạo mạn bao nhiêu thì đến đây càng bị mất tinh thần, hoảng loạn, khiếp đảm bấy nhiêu, cuối cùng bị quân của Ngô Quyền bắt và giết tại trận.

Cuộc chiến đấu cam go quyết liệt diễn ra và kết thúc chỉ trong vòng một con nước triều, nghĩa là chỉ trong vòng một ngày; thời gian chiến đấu ác liệt nhất là lúc nước triều xuống mạnh cho đến lúc nước rặc, nghĩa là chỉ trong nửa ngày. Toàn bộ đạo quân xâm lược hùng hổ, hung hăng với đoàn thuyền chiến lớn đã bị tiêu diệt ngay tại vùng cửa biển Bạch Đằng - nơi địa đầu sông nước của Tổ quốc - khi chúng chưa kịp đặt chân lên mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc ta, chưa kịp gây tội ác đối với nhân dân ta. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ hai này kết thúc thắng lợi nhanh, gọn trong một trận quyết chiến chiến lược. Đây cũng là một trong những cuộc

chiến tranh chống xâm lược tiêu biểu nhất cho lối đánh thần tốc có hiệu quả cao của dân tộc ta.

Lúc Hoảng Tháo đang bị bao vây và bị thất bại thảm hại ở hạ lưu và cửa sông Bạch Đằng thì Lưu Cung cùng đạo quân ở trấn Hải Môn vẫn hoàn toàn không hay biết gì. Trận Bạch Đằng diễn ra nhanh chóng, triệt để đến mức vua Nam Hán đang đóng quân ở sát biên giới mà không sao tiếp ứng kịp cho con. Nghe tin thất bại quá kinh hoàng và bất ngờ, vua Nam Hán rụng rời chân tay, vô cùng thất vọng, thương khóc, đành thu nhặt tàn quân quay về nước. Sử chép: “Vua Hán thương khóc, thu nhặt quân còn sót lại mà lui. Vua Hán cho tên Cung là xấu là vì thế (Lưu Cung tức là Lưu Yêm)” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.146).

Chiến thắng Bạch Đằng đã phá tan kế hoạch xâm lược của Nam Hán. Từ đó, triều Nam Hán phải vĩnh viễn từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, không dám đụng đến chủ quyền lãnh thổ nước ta nữa. Sử Trung Quốc cũng thừa nhận: “Trong thời Lưu Nghiễm (tức Lưu Cung), Quyền giữ Giao Châu, Nghiễm sai Hồng Thao sang đánh, Hồng Thao tử trận, rồi bỏ không đánh nữa” (*Ngũ đại sử ký*, q.65).

Điểm nổi bật trong trận Bạch Đằng là quyết tâm tiêu diệt địch, là tinh thần chủ động, kiên quyết của Ngô Quyền tiêu biểu cho quyết tâm ý chí của dân tộc. Bấy giờ đất nước ta mới giành được độc lập. Chính quyền tự chủ của họ Khúc mới xây dựng còn non trẻ và những hậu quả nặng nề của hơn 1.000 năm Bắc thuộc vẫn chưa dễ gì khắc phục được. Nhà Nam Hán tuy chỉ là một tiểu quốc ở miền đông nam Trung Quốc trong thời đại Ngũ đại thập quốc, nhưng lại là một nước mạnh đủ sức hùng cứ một phương, trấn giữ một vùng dồi dào về nguồn lợi kinh tế. Đặc biệt là về quân sự có một lực lượng thủy quân khá hùng hậu, trang bị nhiều thuyền chiến lớn chắc chắn, và một đội quân cung nỏ rất lợi hại. Vua Nam Hán lại hết sức cay cú vì đã bị Dương Đình Nghệ đánh bại trong trận xâm lược năm 930-931, nên cuối năm 938 cha con Lưu Cung quyết tâm chiếm nước ta.

Cuộc kháng chiến chống Nam Hán vì thế diễn ra trong một tình thế hết sức khó khăn. Ngô Quyền với một “đội quân mới hợp đất Việt” (*Đại Việt sử ký toàn thư*) mà phải chống lại hàng vạn quân thiện chiến của nhà Nam Hán, đó quả là một thử thách có ý nghĩa quyết định trên bước đường giành độc lập hoàn toàn của nhân dân ta.

Thế nhưng đoàn binh thuyền Nam Hán do vua Nam Hán sai con là Hoảng Tháo làm Lãnh hải quân Tiết độ sứ, đời phong Giao Vương, đem quân sang đánh nước ta, khi vừa tiến vào cửa sông Bạch Đằng đã bị chặn lại và bị đánh tan tành. Toàn bộ đạo quân xâm lược cùng chủ tướng đều bị nhấn chìm trong dòng nước Bạch Đằng.

Có thể nói trận Bạch Đằng năm 938 là trận quyết chiến chiến lược lớn nhất, có ý nghĩa to lớn nhất trong lịch sử quân sự Việt Nam từ thế kỷ X về trước. Trận đánh đã kế thừa và phát huy có hiệu quả cao truyền thống thủy chiến của dân tộc ta. Cả cuộc chiến tranh chỉ giải quyết nhanh gọn bằng một trận quyết chiến, chỉ diễn ra trong vòng một ngày, bắt đầu từ lúc nước triều lên và kết thúc vào lúc nước triều xuống thấp. Đó là một trận tiêu diệt nhanh, gọn, triệt để nhất, đánh tan quân xâm lược ngay từ cửa ngõ của đất nước.

Khi tiến hành xâm lược nước ta, trong mưu kế của quân Nam Hán, ngoài đoàn binh thuyền của Hoảng Tháo giữ vai trò chủ công và đạo quân do đích thân vua Nam Hán chỉ huy áp sát biên giới sẵn sàng tiếp ứng khi cần thiết, còn có lực lượng nội ứng của tên phản bội Kiều Công Tiễn ở La Thành. Do vậy, để phá kế hoạch phối hợp của địch, Ngô Quyền đã chủ trương trước hết phải diệt trừ lực lượng phản bội bên trong, sau đó tập trung lực lượng đánh trận thủy chiến quyết định tiêu diệt gọn đạo quân của Hoảng Tháo thật nhanh gọn, khiến vua Nam Hán không kịp trở tay, phải chấp nhận thất bại.

Trận Bạch Đằng (năm 938) là trận phục kích đường sông kết hợp với vận động tiến công tiêu diệt địch trên sông nước. Lần đầu tiên trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, Ngô Quyền đã lợi dụng thế “thiên hiểm” của sông Bạch Đằng để bố trí trận địa phục binh,

kết hợp ém binh mai phục với bãi cọc ngầm vót nhọn bịt sắt và lợi dụng nước thủy triều lên xuống để đánh giặc. Sông Bạch Đằng sâu và rộng, núi rừng san sát ven bờ, trên bãi sông và trên các kênh rạch, lau lách và cây cối um tùm, có nhiều nhánh sông và nước triều lên xuống rất mạnh. Việc xác định không gian và thời gian quyết chiến của Ngô Quyền đều nhằm triệt để lợi dụng địa hình, phát huy cao độ uy thế thủy chiến của quân dân ta trong điều kiện thiên thời, địa lợi và nhân hòa để đánh địch. Trận địa cọc ngầm đã có tác dụng to lớn; lối đánh nghi binh lừa và nhử địch vào trận địa phục binh đã được thực hiện chính xác, đúng ý định chủ tướng Ngô Quyền và bộ tham mưu của ông.

Chiến thắng Bạch Đằng đã thể hiện trình độ tổ chức chỉ huy tài tình, khéo léo, linh hoạt, sáng tạo, kịp thời của Ngô Quyền và các tướng lĩnh. Để trận quyết chiến chiến lược kết thúc thắng lợi trong một lần thủy triều lên xuống là việc không hề đơn giản. Nếu tính toán của ta không chính xác, “lực không mạnh, thế không vững”, không buộc địch phải rút chạy đúng thời điểm (thủy triều xuống) thì trận đánh không những không thắng lợi mà có thể phải chịu thất bại nặng nề, đất nước sẽ lại chịu trong cảnh nô lệ.

Trong trận quyết chiến chiến lược này, Ngô Quyền đã khéo phán đoán, xử lý và dẫn dắt tình huống, chuyển hóa thế trận một cách linh hoạt, có lợi nhất để từng bước phá vỡ đội hình hành quân đường dài của địch, không cho chúng triển khai đội hình chiến đấu, tiêu diệt từng bộ phận, tiến lên đánh bại toàn bộ quân địch. Thắng lợi của trận chiến Bạch Đằng là kết quả nghiên cứu, nắm chắc quy luật tự nhiên, theo dõi chặt chẽ “nhất cử, nhất động” của đạo binh thuyền địch. Từ đó, tính toán nhử, dụ địch vào thế trận bày sẵn của ta để chớp thời cơ tiến công tiêu diệt chúng. Trong suốt trận đánh, Ngô Quyền luôn nắm và giữ quyền chủ động trên chiến trường, vận dụng linh hoạt các thủ đoạn tác chiến: vừa đánh, vừa lui, vận động tiến công kết hợp với cản phá bằng trận địa cọc, truy kích tiêu diệt địch tháo chạy. Với nghệ thuật phát triển cách đánh liên tục, sáng tạo theo tiến độ

trận đánh nên quân địch đang từ thế chủ động đã lâm vào bị động đối phó, bất ngờ..., đẩy chúng đến chỗ tuyệt vọng, sụp đổ và bị tiêu diệt hoàn toàn.

Trận chiến Bạch Đằng đã quy tụ và phát huy sức mạnh của cả dân tộc chống quân Nam Hán xâm lược. Sức mạnh giữ nước trong trận Bạch Đằng là sức mạnh trỗi dậy của cả dân tộc, của chiến tranh nhân dân yêu nước chống giặc ngoại xâm. Với tư duy chiến lược, Ngô Quyền thấy rõ vai trò sức mạnh của dân tộc. Chính vì vậy, ông đã nhanh chóng tập hợp được đông đảo lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đặc biệt, sau khi ông đã diệt trừ tên phản bội Kiều Công Tiễn, ổn định được tình hình trong nước, nhân dân khắp nơi đồng tình ủng hộ tham gia kháng chiến, các tướng lĩnh, hào kiệt đồng lòng đứng về phía Ngô Quyền quyết tâm đánh giặc, giữ nước. Vì vậy, chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng đã lên tới vài vạn người, nhiều tướng lĩnh tài giỏi từ các nơi đã xung phong theo ông ra trận.

Quân chủ lực của Ngô Quyền chiến đấu trong sự phối hợp với các đội dân binh và sự tham gia phục vụ chiến đấu của toàn dân. Ông còn chủ động khơi dậy tinh thần độc lập dân tộc, cổ kết cộng đồng, động viên mọi tiềm lực trong dân, nhất là sức người, sức của cho trận đánh. Khi nghe tin Ngô Quyền dấy binh đánh giặc, nhân dân khắp nơi nô nức mang lương thực, thực phẩm, vũ khí, thuyền chiến tham gia và ủng hộ cuộc kháng chiến. Đặc biệt, quân và dân không quản khó khăn, vất vả, vượt qua đêm tối, mưa rét, tích cực xuyên rừng, vượt núi, chèo và chắt gỗ, vận chuyển đến trận địa đúng quy định.

Trong lịch sử, kẻ thù của dân tộc ta chủ yếu là các thế lực phong kiến phương Bắc ở sát liền biên giới. Trong nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, quân địch thường tiến vào nước ta theo hướng Bắc và Đông Bắc của Tổ quốc. Chúng kết hợp tiến công cả đường bộ và đường thủy, trong đó trên đường thủy quân địch thường theo hướng Vân Đồn - Bạch Đằng tiến vào nội địa nước ta. Chính vì thế,

trận Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 có ý nghĩa mở ra truyền thống đánh giặc trên sông nước Bạch Đằng. Nghệ thuật thủy chiến của Ngô Quyền đã để lại những bài học kinh nghiệm lớn mà tổ tiên ta trong các thế kỷ kế tiếp đã vận dụng thành công. Đó là trận Bạch Đằng năm 981 của Lê Hoàn đánh quân Tống, trận Bạch Đằng năm 1288 đánh quân Nguyên - Mông, thời nhà Trần do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lãnh đạo...

Chiến thắng Bạch Đằng chứng tỏ sự trưởng thành của ý thức dân tộc Việt Nam, sự lớn mạnh của nhân dân ta về trí tuệ và khả năng đánh thắng quân thù không chỉ bằng du kích mà cả bằng chính quy, không chỉ trên bộ mà cả bằng thủy chiến. Đó là một thí dụ điển hình về mưu trí, sáng tạo, về sự tính toán chính xác trong nghệ thuật quân sự của dân tộc ta.

Chiến thắng Bạch Đằng (năm 938) là một chiến thắng bất hủ, một võ công hiển hách trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, nó đánh dấu một mốc son lịch sử, một bước ngoặt vĩ đại, có ý nghĩa vạch thời đại, *hoàn toàn chấm dứt nền thống trị hàng nghìn năm của phong kiến phương Bắc, mở ra một kỷ nguyên mới - độc lập tự chủ thực sự và lâu dài cho toàn dân tộc.*

Hơn ba thế kỷ sau, sử gia Lê Văn Hưu - nhà sử học Việt Nam đầu tiên đã hiểu rõ tầm cỡ và đánh giá rất chuẩn xác về những chiến công trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước của Ngô Quyền:

“Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể bảo là một cơn giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương chưa lên ngôi hoàng đế và đổi niên hiệu, mà chính thống của nước Việt ta ngõ hầu đã nối lại được” (Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, trang 147, 148).

Sau Lê Văn Hưu, nhiều sử gia khác cũng hết lời ca ngợi chiến công hiển hách của Ngô Quyền trong đánh giặc giữ nước và sự

nghiệp xây dựng đất nước, mở đầu kỷ nguyên độc lập tự chủ của dân tộc ta.

Sử gia Ngô Sĩ Liên cũng bàn rằng: “*Lưu Cung tham đất của người ta, muốn mở rộng bờ cõi, đất chưa lấy được mà đã chết mất con và hại nhân dân*” (Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr.146).

Nhà yêu nước Phan Bội Châu, vào đầu thế kỷ XX đã xếp Ngô Quyền là Vị tổ trung hưng của nước ta, đứng sau vị thủy tổ dựng nước đầu tiên là Hùng Vương và đứng trước vị anh hùng trung hưng thứ hai là Lê Lợi với những lời lẽ như sau: “*Tất phải giặc ngoài mà đuổi đi được, quyền thống của nước bị đứt mà biết nối lại được, thì không ai hơn được Ngô Quyền*” (Phan Bội Châu, Việt Nam quốc sử khảo, Nxb. Giáo dục, H.1962, trang 22-23).

Chiến thắng Bạch Đằng (năm 938) đã thực sự đưa đất nước ta, nhân dân ta thoát khỏi hiểm họa bị diệt vong sau hàng nghìn năm bị dày xéo bởi ách đô hộ ngoại bang. Chiến công chói lọi này đã gắn liền với tên tuổi vị anh hùng dân tộc Ngô Quyền, xứng đáng là một chiến công mở màn cho mọi chiến công trong lịch sử chống ngoại xâm, đánh giặc cứu nước của dân tộc ta ở thế kỷ X.

Sau chiến thắng Bạch Đằng, đất nước ta bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên quy mô lớn. Đó là kỷ nguyên văn minh Đại Việt, của Văn hóa Thăng Long, kỷ nguyên phá Tống, bình Chiêm, đuổi Minh, một kỷ nguyên văn trị võ công rực rỡ của những triều đại Đinh, Lê, Lý Trần và Lê Sơ. Nhà sử học Ngô Thì Sĩ thế kỷ XVIII qua *Việt sử tiêu án* đã đánh giá đúng: “*Trận thắng trên sông Bạch Đằng là cơ sở cho việc khôi phục quốc thống. Những chiến công đời Đinh, Lê, Lý, Trần sau này còn nhờ dựa vào uy danh lẫm liệt ấy để lại. Trận Bạch Đằng là vũ công cao cả vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lấy lòng ở một thời bấy giờ mà thôi đâu*”.

II - TRẦN NHƯ NGUYỆT (NĂM 1077)

Trần Như Nguyệt (18-1 đến 28-2-1077), trận quyết chiến chiến lược diệt quân Tống xâm lược trên phòng tuyến sông Cầu (Bắc Ninh) của quân dân Đại Việt do Lý Thường Kiệt chỉ huy, kết thúc cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai (1075-1077). Trần Như Nguyệt cũng là trận chiến bảo vệ Kinh đô Thăng Long mùa Xuân năm 1077.

Năm Canh Tuất (1010), vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, đổi tên là thành Thăng Long), cốt để *“mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân...”* (Chiếu dời đô).

Bắt đầu từ Lý Thái Tổ, mảnh đất Thăng Long mới trở thành Kinh đô của nước ta. Và mảnh đất đó cũng trở nên linh thiêng một phần chính vì những truyền thuyết liên quan đến Lý Công Uẩn. Ông không những là vị vua khai cơ cho triều Lý, mà còn là vị vua khai sinh ra Kinh thành Thăng Long, đặt ra một kinh đô lý tưởng cho các triều đại sau này.

Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt, ra sức củng cố và phát triển chế độ trung ương tập quyền, Bộ máy nhà nước phong kiến tổ chức khá quy củ. Hệ thống tổ chức hành chính được thành lập từ trung ương đến cơ sở. Đất nước được chia thành các lộ, các trại, các phủ, các châu; ở cấp dưới là huyện, hương, giáp. Triều đình có những chính sách để *“cố kết nhân tâm”*, tranh thủ tù trưởng miền núi, thắt chặt khối đoàn kết dân tộc, tăng cường mối quan hệ với các địa phương tạo cơ sở chính trị thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc. Đối với vùng biên cương phía Bắc và Đông Bắc Tổ quốc - vùng giữ vị trí chiến lược trọng yếu, triều đình có kế hoạch phòng thủ thích hợp.

Về quân sự, kế thừa những kinh nghiệm tổ chức quân đội thời Đinh, Lê, nhà Lý đã tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang quốc gia theo chính sách “ngụ binh ư nông” (gửi quân lính ở nông thôn). Chính sách này đã đáp ứng được yêu cầu dựng nước gắn liền với giữ nước.

Ngoài quân triều đình, còn có quân địa phương do các lộ tổ chức và quản lý, chi huy, đồng thời đặt dưới sự thống lĩnh của triều đình. Hương binh, thổ binh được tổ chức ở làng, bản, xã.

Quân đội nhà Lý được trang bị giáo, mác, kiếm bằng sắt, các loại áo giáp, cung nỏ, máy bắn đá... và được huấn luyện, thao diễn thống nhất. Các quan văn võ lần lượt đến điện giảng võ ở Thăng Long để nghe giảng binh pháp.

Như vậy, thời Lý, đất nước Đại Việt được phát triển về mọi mặt khá hoàn chỉnh. Sự phát triển đó tạo cơ sở thuận lợi cho việc ổn định và nâng cao một bước đời sống của nhân dân, tăng cường đoàn kết trong nước, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ đất nước, cho khả năng động viên trăm họ thực hiện cả nước đánh giặc khi nước nhà bị xâm lược và cuối cùng tạo cơ sở thuận lợi cho sự phát triển nghệ thuật quân sự truyền thống đã được hình thành phong phú trước đó.

Đặc biệt việc dời đô ra Thăng Long đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Về xây dựng đất nước: Kinh đô ở vào nơi trung tâm của đất nước, tiện cho việc chỉ đạo thực hiện các chính sách của triều đình, lại thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các miền đồng bằng, trung du và miền núi, các lộ phía bắc và các lộ phía nam, các vùng người Kinh và các vùng dân tộc ít người... Nhờ đó mà thúc đẩy sự phát triển về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa

của Thăng Long và của cả nước. Kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa sầm uất, phồn thịnh nhất của cả nước.

Về bảo vệ đất nước: Ở Thăng Long triều đình nắm tình hình các mặt thuận lợi hơn ở Hoa Lư như tình hình biên giới phía bắc, tình hình và âm mưu xâm lược của phong kiến phương Bắc, đồng thời cũng có điều kiện nắm tình hình biên giới phía nam, theo dõi sự cấu kết chống Đại Việt của nhà Tống với phong kiến Chiêm Thành. Việc cơ động lực lượng theo đường biển và đường sông, đường bộ từ kinh đô đến các địa phương và ngược lại cũng thuận tiện. Khi cần thiết, việc động viên sức người, sức của để kháng chiến từ trong dân cũng được tiện lợi và nhanh chóng.

■

Vào giữa thế kỷ XI, nhà Tống ở Trung Quốc đang ở giai đoạn phát triển cực thịnh. Nhà Tống vốn nuôi dưỡng mưu đồ làm bá chủ cả thiên hạ, trước hết là đánh chiếm các nước ở phía nam, trọng điểm là Đại Việt. Nhằm mục đích đó triều đình Tống ra sức xây dựng quân đội nhà nghề gồm cả bộ binh, kỵ binh và thủy binh.

Mặt khác, sự bóc lột phong kiến cũng phát triển. Thuế khóa hết sức nặng nề, của cải của dân chúng nước Tống bị vơ vét đến tận cùng. Trong lúc nông dân sống trong cảnh khốn cùng, “người nghèo ngày càng lưu tán, chết đói, chết đường không ai thương” thì bọn vua quan, thương gia lớn và điền chủ sống sung sướng, xa hoa. Mâu thuẫn xã hội giữa giai cấp nông dân với giai cấp phong kiến, địa chủ quan liêu ngày càng trở nên quyết liệt. Tình hình đó có ảnh hưởng đến sức chiến đấu của quân đội xâm lược nhà Tống và khả năng động viên lực lượng khi cần thiết.

Tại Đại Việt, năm 1072 vua Lý Thánh Tông băng hà, Thái tử Càn Đức mới bảy tuổi lên nối ngôi. Nhà Tống coi đây là cơ hội tốt để đem quân đánh lấy Đại Việt. Tháng 3 năm 1074, nhà Tống bắt đầu điều động binh mã, xây lập các căn cứ ở các châu Ung, Khâm, Liêm,

tích trữ lương thảo, gấp rút chuẩn bị lực lượng tấn công Đại Việt, đồng thời cho quân quấy phá biên giới.

Vua Tống là Thần Tông cùng với Tể tướng Vương An Thạch quyết định xâm lược nước ta với mục đích là giải quyết mối nguy cơ về đối nội và đối ngoại, nhưng trước hết là để lấn chiếm đất đai, mở rộng phạm vi chiếm đóng của triều đình Tống. Theo nhà Tống, đánh nước ta nếu thắng, thế Tống tăng, các nước Liêu, Hạ sẽ phải kiêng nể. Do vậy, lần này chúng chuẩn bị xuất quân rất chu đáo.

*

Trước những hoạt động chuẩn bị xâm lược của nhà Tống, triều đình nhà Lý khẩn trương chuẩn bị kháng chiến. Triều đình sắp xếp lại chức vụ của các đại thần, cử Lý Đạo Thành chuyên lo công việc nội chính, giao cho Lý Thường Kiệt chuyên trách công việc binh bị để chống giặc. Lệnh trưng binh được ban hành trong nước. Quân đội được tăng cường huấn luyện và diễn tập.

Lý Thường Kiệt cho rằng: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc” (Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh*). Chủ trương “tiên phát chế nhân” của Lý Thường Kiệt được triều đình tán thành ủng hộ. Ông quyết định mở cuộc tiến công quy mô lớn sang đất Tống, nhằm phá tan các cứ điểm xâm lược Ung, Khiêm, Châu, mà chủ yếu là thành Ung Châu rồi quay về phòng thủ đất nước, chủ động đánh địch.

Trong cuộc tiến công này, Lý Thường Kiệt đã huy động hơn 10 vạn quân thủy bộ.

Ngày 27 tháng 10 năm 1075, cuộc tiến công bắt đầu. Các đạo quân của ta từ Quảng Nguyên, Quang Lang, Tô Mậu do Tôn Đản, Hoàng Kim Mãn, Thân Cảnh Phúc và các thủ lĩnh dân tộc thiểu số khác chỉ huy chia thành nhiều mũi, vượt biên ải bất ngờ tấn công vào hệ thống đồn trại quân Tống, rồi vây đánh thành Ung Châu.

Ngày 30 tháng 12 năm 1075, Lý Thường Kiệt thống lĩnh 6 vạn quân, từ Vĩnh An (Móng Cái) dùng thuyền ngày đêm vượt biển tiến về Khâm Châu. Quân ta lần lượt đánh chiếm Khâm Châu, Liêm Châu, tiến về Ung Châu. Trên đường tiến binh, Lý Thường Kiệt cho phát bản *Phạt Tống lộ bố văn* (bài văn nói rõ lý do đánh Tống), lên án sự bóc lột hà khắc của nhà Tống, công bố mục đích cứu dân của cuộc tiến quân, xác định thái độ phân biệt quốc thổ, không phân biệt chủng dân, kêu gọi dân chúng chớ mang lòng sợ hãi. Dân Tống vui mừng, đem trâu, rượu khao quân đội nhà Lý.

Trung tuần tháng 1 năm 1076, các cánh quân ta bao vây, tiến công thành Ung Châu; ngày 1 tháng 3 năm 1076 tiêu diệt hoàn toàn quân Tống, làm chủ thành này. Sau hơn 120 ngày đêm chiến đấu, nhiệm vụ triệt phá các căn cứ xâm lược đã hoàn thành, quân ta đã tiêu diệt và bắt sống khoảng 10 vạn quân Tống. Lý Thường Kiệt lệnh lui quân về nước.

Bằng cuộc tập kích táo bạo, tiến công vào kẻ địch đang chuẩn bị xâm lược, Lý Thường Kiệt đã “*chặn mũi nhọn của giặc*” đẩy kẻ thù vào thế bị động ngay từ đầu và tạo ra nhiều điều kiện có lợi cho cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc ta. Bao nhiêu căn cứ quân sự và hậu cần nhà Tống chuẩn bị bấy lâu nay đã bị phá hủy tan tành.

*

Biết thế nào quân Tống cũng kéo quân sang xâm lược, Lý Thường Kiệt cùng triều đình nhà Lý lo xúc tiến ngay công việc chuẩn bị chống giặc. Bằng một mạng lưới thám tử tung sang đất Tống dưới nhiều hình thức như nhà sư, lái buôn, dân chài... Lý Thường Kiệt nắm chắc tình hình địch và theo dõi từng bước hoạt động của quân Tống.

Tháng 3 năm 1076, vua Tống hạ chiếu cử Quách Quỳ là một võ tướng cao cấp đã từng giúp Phạm Trọng Yêm giữ biên thùý phía bắc chống lại nước Hạ làm chánh tướng, đem quân sang xâm lược

nước ta. Triệu Tiết giữ chức viên ngoại lang bộ lại đang coi Diên Châu (Thiểm Tây) được điều về làm phó tướng. Dưới trướng Quách Quỳ và Triệu Tiết, có nhiều tướng đã quen với chiến trận ở miền bắc. Về quân số, Quách Quỳ muốn huy động một lực lượng thật lớn, càng nhiều càng tốt. Chốt lại, triều đình Tống quyết định điều 10 vạn quân chiến đấu gồm bộ binh và kỵ binh, 1 vạn ngựa và 20 vạn phu vận chuyển lương thực. Ngoài ra, nhà Tống còn tổ chức một đội thủy binh tiến sang để cùng hiệp đồng với bộ binh, kỵ binh trong hành quân và chiến đấu. Như vậy, toàn bộ quân xâm lược Tống lên đến trên 30 vạn, trong đó có 10 vạn quân chiến đấu tinh nhuệ. Vua Tống còn hạ chiếu cho Chiêm Thành và Chân Lạp đem quân cùng đánh Giao Chỉ.

Theo kế hoạch, bộ binh và kỵ binh quân Tống sẽ tập trung ở Ung Châu rồi đột nhập vào vùng biên giới đông bắc nước ta. Thủy quân của chúng sẽ từ cửa biển Khâm, Liêm vượt biển tiến vào cửa sông Bạch Đằng để phối hợp với bộ binh. Các căn cứ xâm lược ở vùng châu Ung, Khiêm lại được lệnh gấp rút xây dựng. Vua Tống Thần Tông đích thân kiểm tra việc điều quân lương và mọi mặt chuẩn bị. Thần Tông còn căn dặn tướng Quách Quỳ cuộc viễn chinh này phải toàn thắng, vì “bốn phương nhìn về”, nếu không sẽ “bất tiện cho nước nhà”.

Thời bấy giờ nhà Tống là một triều đại phong kiến lớn trên thế giới, lại ở sát nước ta. Quân đội nhà Tống mấy năm chiến tranh liên miên với các tộc phía bắc và phía tây nên có kinh nghiệm tác chiến, sở trường với lối đánh trận địa, có bộ binh và kỵ binh mạnh. Ngoài các vũ khí thông thường, quân Tống còn sử dụng phổ biến máy bắn đá và tuy chưa chế tạo ra hỏa pháo nhưng đã sử dụng thuốc súng trong chiến tranh, dùng hỏa tiễn (một loại pháo thăng thiên) để đốt cháy doanh trại đối phương.

Quân dân ta khẩn trương chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, sẵn sàng đánh địch. Đồng thời Lý Thường Kiệt thống lĩnh một đạo thủy

quân tình nhuệ đi kinh lý phía nam để tuyên cáo tin thắng trận, động viên sĩ khí quân các lộ, cũng là để báo cho Chiêm Thành biết thất bại thảm hại của nhà Tống. Vua Chiêm Thành do đó không tiến quân hội chiến theo chiếu dụ của nhà Tống.

Trong điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch giữa ta với địch và trước cuộc tiến công ồ ạt của hàng chục vạn quân Tống, nếu ta đưa toàn bộ lực lượng ra quyết chiến với địch ngay từ đầu là hết sức bất lợi. Do vậy, Lý Thường Kiệt không chủ trương chặn địch ở biên giới. Nhưng ông cũng không chủ trương tạm thời rút lui chiến lược để cho quân địch tiến quá sâu vào lãnh thổ của nước ta. Trên cơ sở tính toán, cân nhắc kỹ thế và lực của ta và địch, đồng thời phát huy thắng lợi vừa giành được trong cuộc tiến công tự vệ trước đó, Lý Thường Kiệt đề ra một kế hoạch kháng chiến rất chủ động, tích cực nhằm hạn chế đến mức cao nhất sự tàn phá của quân xâm lược và giành thắng lợi to lớn cho đất nước.

Về phía địch, lúc này nhà Tống phải lo đối phó nhiều mặt, vua Tống vẫn còn e sợ các nước Liêu, Hạ nhận thấy Tống bận việc phương Nam sẽ gây sự ở phương Bắc nên Tống Thần Tông còn căn dặn Quách Quỳ “phải lo việc An Nam cho chóng xong”. Nhà Tống hết sức giữ bí mật cuộc Nam chinh này vì nếu không đánh nhanh thắng nhanh sẽ không kham nổi cuộc hành binh lâu dài trên đất nước ta, khi gặp khó khăn sẽ có ít khả năng tăng viện. Như vậy là quân Tống tiến hành xâm lược trong thế bị động và không thể kéo dài chiến tranh. Còn quân dân ta thì bước vào cuộc kháng chiến với tư thế chủ động, với quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và được chiến đấu trên đất nước yêu thương của mình.

Từ những điều kiện khách quan, chủ quan trên, Lý Thường Kiệt chủ trương lập chiến tuyến ở nơi có lợi nhất để chặn bước tiến của quân Tống, bảo vệ an toàn Kinh đô Thăng Long và địa bàn cơ bản của đất nước. Sau khi đã đánh bại mọi cuộc tiến công của địch, giam hãm chúng vào tình trạng mệt mỏi, tiêu hao, khôn cùng, sẽ tiến hành

phản công, thực hành quyết chiến chiến lược giành thắng lợi quyết định. Đây là một chiến lược sáng tạo, độc đáo của Lý Thường Kiệt, thể hiện tư tưởng tiến công chủ động, tích cực của ông.

Sau khi nghiên cứu rất kỹ địa hình, địa vật, Lý Thường Kiệt quyết định cho xây dựng tuyến phòng ngự quân giặc ở bờ Nam sông Như Nguyệt đi từ sườn đông dãy núi Tam Đảo đến sườn tây dãy núi Yên Tử. Sông Như Nguyệt là tên sông Cầu, đoạn chảy từ ngã ba sông Cà Lồ và sông Cầu chảy qua làng Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đến Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Tính toán kỹ đường đi nước bước của quân Tống, Lý Thường Kiệt cho xây dựng tuyến phòng thủ ở đây là rất hợp lý, vừa bảo vệ được Kinh thành Thăng Long, vừa bảo vệ được lăng tẩm của nhà Lý ở Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Bởi đây chính là những mục tiêu quan trọng phải chiếm cho được của quân Tống khi xâm lược nước ta. Kinh thành Thăng Long và lăng tẩm của nhà Lý lại được che chở bởi con sông Cầu. Các đường tiến vào Thăng Long của quân Tống từ Ung Châu xuống đều phải qua con sông Cầu chạy dài suốt từ Cao Bằng đến Lục Đầu đổ ra biển. Vì vậy sông Cầu cùng thượng lưu của nó có vai trò rất hệ trọng đối với việc bảo vệ miền đồng bằng và Kinh đô Thăng Long. Trừ vùng thượng lưu có núi non hiểm trở ra, đoạn từ Thái Nguyên trở xuống có thể qua được, nhưng mặt sau lại có dãy Tam Đảo chắn ngang nên khúc từ Đa Phúc đến Lục Đầu nhất là đoạn từ bến đò Như Nguyệt đến chân núi Nham Biền là thuận lợi nhất, có bến, có lối, qua sông dễ dàng. Dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, quân và dân nhà Lý đã xây dựng tại đây một hệ thống phòng thủ kiên cố chưa từng có.

Để phòng thủ phía dưới được tốt, Lý Thường Kiệt đã cho quân chủ lực làm nhiệm vụ chặn đường quân Tống từ trại Vĩnh Bình trở xuống, đặt doanh trại tại các cửa ải, vì Vĩnh Bình là tâm điểm để đi vào các vùng Quảng Nguyên, Quang Lang và Tô Mậu. Cửa khẩu đầu tiên được quân Lý đặt doanh trại là cửa ải Quyết Lý (Nhân Lý, thuộc xã Văn Thụ, Lạng Sơn) ở phía bắc châu Quang Lang và cửa khẩu

thứ hai được đặt ở phía nam của châu này là cửa ải Giáp Khẩu (Chi Lăng). Con đường hành quân duy nhất từ Nam Quan xuống Thăng Long của quân Tống buộc phải đi qua hai cửa ải hiểm yếu mà hai bên toàn là núi non hiểm trở và rừng rậm này. Hai cửa ải Quyết Lý và Giáp Khẩu cùng nằm trong hệ thống phòng tuyến nhưng nó chỉ mang ý nghĩa quan trọng khi thực hiện nhiệm vụ đánh tía lúc quân địch đặt chân vào Đại Việt. Còn phòng tuyến quan trọng bậc nhất có tính quyết định thắng lợi của cuộc chiến là phòng tuyến phía Nam sông Cầu (Như Nguyệt).

Để ngăn cản của bước tiến của quân Tống qua sông, Lý Thường Kiệt đã cho đắp đê cao như bức tường thành ở mặt Nam sông Cầu. Bên trên đóng tre làm giậu dày mấy tầng. Bức tường thành kiên cố nhân tạo chạy dài gần 100 cây số từ chân dãy núi Tam Đảo trở xuống, bao bọc che đỡ cho cả hai vùng đồng bằng rộng lớn. Có sách viết rằng, phía Nam sông Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt cho đắp chiến lũy bằng đất dọc bờ sông. Phía ngoài lũy, mặt giáp sông, ông sai đóng cọc tre làm giậu dày mấy tầng. Dưới bãi sông còn có những hố chông ngầm, giậu tre dày, tất cả những kiến trúc tự nhiên và nhân tạo đó được tổ chức lại, kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo thành một chiến lũy kiên cố.

Như vậy, hệ thống thành lũy, đồn ải từ sông Như Nguyệt đến biên giới phía Bắc đều được củng cố. Lực lượng dự bị chiến lược gồm hai khối: khối bộ binh bố trí giữa vùng Thiên Đức và Thăng Long, khối thủy binh bố trí ở sông Lục Đầu. Tháng 11 năm 1076, quân và dân ta đã hoàn thành việc xây dựng tuyến phòng ngự và triển khai lực lượng trên các hướng.

Quân chủ lực được điều đến để chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt. Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy ở đây. Ông không dàn mỏng lực lượng trên chiến tuyến kéo dài đó mà bố trí binh lực có trọng điểm vừa kiểm soát bảo vệ được toàn bộ trận địa, vừa dễ dàng cơ động để có thể nhanh chóng tập trung quân đánh bại những mũi đột phá của địch hay tổ chức phản công khi thời cơ đã đến.

Trên chiến tuyến, một bộ phận bộ binh đóng thành từng trại quân ở những vị trí xung yếu mà quân địch có thể vượt sông tiến công nhằm chọc thủng chiến tuyến của ta. Trong số các trại quân đó có ba trại quan trọng bố trí ở Như Nguyệt, Thị Cầu, Phấn Động. Hai trại quân Như Nguyệt và Thị Cầu không chế hai bên đò ngang và con đường tiến về Thăng Long. Vùng Phấn Động (xã Tam Đa, Yên Phong) ngược lên phía bắc đến Thọ Đức và xuôi xuống phía nam đến Đại Lâm (đều thuộc xã Tam Đa) xưa kia là cánh rừng rậm, không có bên đò ngang, nhưng ở đây dòng sông hẹp, giữa sông lại có ghềnh đá Can Vang (khoảng ngang thôn Thọ Đức), quân địch có thể bắc cầu vượt sông. Trại quân Phấn Động có nhiệm vụ bảo vệ đoạn phòng tuyến này, đề phòng quân địch lợi dụng địa hình có lợi để tổ chức vượt sông. Ở mỗi trại quân, ngoài bộ binh có thể có một số thủy binh phối hợp. Thuyền chiến của ta đậu ở ven sông bên phía bờ Nam. Nhưng đại bộ phận thủy binh đóng tập trung ở Vạn Xuân về phía cực đông của chiến tuyến.

Vạn Xuân là một vị trí chiến lược trọng yếu ở vào đầu mối của tất cả các đường thủy vùng Đông Bắc. Từ Vạn Xuân, thủy binh của ta có thể ngược dòng sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu tiến sâu vào địa bàn vùng Đông Bắc, có thể xuôi sông Bạch Đằng, sông Thái Bình ra biển, lại có thể theo sông Đuống về Thăng Long. Lực lượng thủy binh đóng ở Vạn Xuân do hai hoàng tử Hoảng Chân và Chiêu Văn chỉ huy, có trên 400 thuyền chiến và hơn hai vạn quân. Nhiệm vụ của đoàn binh thuyền này là sẵn sàng cơ động tiếp ứng cho mọi mặt trận khi cần thiết và đặc biệt là phối hợp với chủ lực bộ binh bảo vệ chiến tuyến sông Như Nguyệt và tổ chức phản công, thực hành những trận quyết chiến.

Lý Thường Kiệt trực tiếp nắm đại bộ phận bộ binh, đóng tập trung ở phủ Thiên Đức, phía sau chiến tuyến. Địa điểm đóng quân là một vị trí cơ động có thể không chế mọi ngã đường tiến về Thăng Long và kịp thời chi viện cho các hướng trên chiến tuyến mỗi khi bị tiến công. Đại quân có nhiệm vụ sẵn sàng sử dụng binh lực tập trung

tổ chức phản kích đánh bại mọi mũi tiến công của địch và giữ vai trò lực lượng chủ yếu trong cuộc phản công chiến lược sau này.

Lực lượng quân chủ lực bố trí trên chiến tuyến sông Như Nguyệt, gồm cả quân bộ và quân thủy, lên đến 6 vạn quân.

*

Cuối năm Bính Thìn - 1076, quân xâm lược Tống vượt biên giới, tiến công vào nước ta. Sách *Việt sử lược* đời Trần chép: “Mùa thu, tháng 7, Tống lấy Quảng Tây tuyên phủ sứ Quách Quỳ, Triệu Cao (Triệu Tiết) làm chiêu thảo sứ, thống lĩnh 9 tướng quân tới đánh nước ta” (*Việt sử lược*, Nxb. Văn Sử Địa, H., 1960, trang 111). Quân Tống chia thành hai cánh nhằm mục tiêu là thành Thăng Long. Cánh chính do Quách Quỳ chỉ huy. Quân dân ta dựa vào các thành ải và địa hình hiểm trở kiên cường ngăn chặn địch ngay từ biên giới. Quân địch mạnh hơn, vượt qua được. Quân dân ta quay lại giữ các căn cứ phía sau và đánh địch trên các đường giao thông phía sau chúng.

Ngày 18 tháng 11 năm 1077, các mũi tiến công của quân Tống đến bờ bắc sông Như Nguyệt. Đúng như dự kiến của Lý Thường Kiệt, đến đây bộ binh và kỵ binh địch bị chặn đứng lại trước chướng ngại tự nhiên là dòng sông và chiến tuyến kiên cố của quân ta ở bờ nam Như Nguyệt. Đây chính là nơi và cũng là lúc quân thủy, bộ của địch cần phối hợp với nhau, tổ chức vượt sông để tiến thẳng về Thăng Long như kế hoạch hành quân của chúng đã vạch ra. Nhưng trước đó, thủy binh Tống đã bị đội thuyền binh ta, do Lý Kế Nguyên chỉ huy, chặn lại ở Vĩnh An. Quân Tống cố gắng đánh mở đường để theo sông Đông Kênh tiến vào cửa sông Bạch Đằng, nhưng 10 trận liền bị quân ta đánh bại, không thể tiến lên nổi. Tiến không được, lui không xong, vì rút lui về nước sợ bị tội, thủy binh địch đành đóng ở cửa sông Đông Kênh để chờ đợi tin tức của bộ binh. Cho đến khi có lệnh của triều đình gọi về, bọn thủy binh này mới biết chiến tranh đã thất bại và kết thúc! Đó là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân ta nằm trong toàn bộ kế hoạch của Lý Thường Kiệt.

Đại quân của Quách Quỳ chờ mãi không thấy tằm tích thủy binh đến để hiệp đồng vượt sông, Quách Quỳ đành phải quyết định tạm đóng quân lại ở bờ Bắc sông Như Nguyệt. Với ý đồ chuẩn bị vượt sông, tiếp tục cuộc tiến công đánh chiếm Kinh thành Thăng Long, nên địch không dàn đều lực lượng trên trận tuyến dài mà chúng đóng thành từng khối ở những vị trí xung yếu nhất là những bến đò, những con đường thuận lợi tiến về Thăng Long. Một bộ phận quan trọng quân Tống do phó tướng Triệu Tiết chỉ huy đóng ở bờ Bắc bến đò Như Nguyệt vùng thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại bản doanh của Quách Quỳ đóng ở phía đông, cách khu đóng quân của Triệu Tiết, Miêu Lý 60 dặm (khoảng 30 kilômét). Đó là địa điểm đối diện với Thị Cầu (Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh ngày nay). Đây là vị trí trọng yếu nằm trên đường thiên lý.

Như vậy, địch chia quân làm hai khối lớn cho chánh tướng và phó tướng trực tiếp chỉ huy, đóng cách nhau hơn 30 kilômét ở Bắc sông Như Nguyệt trước mặt hai bến đò lớn (bến Như Nguyệt và bến Thị Cầu) nằm trên hai trục đường quan trọng tiến về Thăng Long. Điều này chứng tỏ quân địch vẫn giữ đội hình tiến công và tạm đóng quân lại để tìm cách vượt sông Cầu, chọc thủng phòng tuyến quân ta, mở đường tiến đánh Thăng Long.

Khoảng giữa hai khối quân lớn, địch còn đóng giữ một số vị trí cần thiết để có thể liên hệ, tiếp ứng cho nhau khi tổ chức vượt sông hoặc bị tiến công. Trong số các vị trí đó có địa điểm núi Tiên Lát ở thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn (huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) ngày nay. Khu núi Tiên Lát gồm có Núi Voi, núi Chúc, núi Lều, núi Phụng Hoàng... cao dưới 80 mét. Đứng trên núi Phụng Hoàng có thể nhìn rõ một vệt dài ở bờ Nam sông Như Nguyệt từ xã Dũng Liệt đến xã Hòa Long (đều thuộc huyện Yên Phong) và đến cả vùng Thị Cầu.

Tiến xuống bờ Bắc sông Như Nguyệt, quân Tống chỉ còn cách Thăng Long khoảng 20 kilômét (tính theo đoạn Như Nguyệt - Thăng Long). Quách Quỳ nóng lòng muốn đánh chiếm Thăng Long để thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh như vua Tống đã căn dặn. Việc Quách Quỳ phải tạm dừng lại đợi thủy quân vào hiệp đồng tác chiến là rất bất đắc dĩ. Sau một thời gian không thấy thủy quân, Quách Quỳ và Triệu Tiết quyết định tự tổ chức vượt sông bằng lực lượng bộ binh và kỵ binh.

Tướng Tống là Vương Tiến được lệnh bắc cầu phao qua bến Như Nguyệt để cho đội quân xung kích của Miêu Lý sang sông. Đội quân này khoảng hai nghìn tên nhờ cầu phao mà qua sông dễ dàng và sau đó chọc thủng được chiến tuyến của quân ta. Sau khi chiếm được đầu cầu, Miêu Lý chủ quan, tự mãn, không cần chờ đại quân qua sông mà phát triển tiến công đánh về hướng Thăng Long. Các vệ quân chủ lực của ta bố trí trên tuyến phòng ngự lập tức cơ động đánh trả, cắt ngang đội hình địch, không cho quân Tống sang sông. Cũng trong lúc này, một cánh quân ta, được lệnh của Lý Thường Kiệt, từ hướng Thăng Long tiến lên phản kích mạnh mẽ vào sườn cánh quân Miêu Lý. Quân Tống mới qua sông Như Nguyệt, đi được khoảng mười dặm thì bị vây đánh tứ phía một cách quyết liệt, chúng bị thương vong lớn, vội vã tháo chạy. Quân ta đuổi theo đánh gập. Những tên sống sót cùng Miêu Lý hốt hoảng chạy về Như Nguyệt, Nhưng đến nơi thì cầu phao đã bị cắt và quân ta đã chặn đường về của chúng. Bên kia sông, quân địch cho bè sang cứu nhưng không có kết quả. Quân địch hỗn loạn, một số nhảy xuống sông bơi được về bờ bắc. Miêu Lý dùng thuyền nhỏ chạy thoát. Hầu hết cánh quân xung kích của y bị quân ta tiêu diệt. Cuộc tiến công lần thứ nhất của quân Tống đã bị đập tan nhanh chóng.

Sau trận đó, Quách Quỳ lại huy động một lực lượng mạnh hơn và đóng bè lớn chở quân qua sông lần thứ hai. Mỗi lần bè đưa được 500 tên. Bè không có nhiều, chở quân sang lại phải quay về đón

số mới. Hết lớp này đến lớp khác, quân Tống đổ sang bờ nam Như Nguyệt rồi xông lên phá bãi chướng ngại ven sông. Chúng chặt đốt những hàng rào bằng tre, nhưng hàng rào mấy tầng rất khó phá. Quân ta từ trận chiến lũy lại đánh xuống dữ dội, làm cho địch lớp trước bị tiêu diệt, lớp sang cứu viện cũng bị đánh tan.

Hai lần vượt sông, hai lần thất bại thảm hại, vì thế nên còn trong tay gần nguyên vẹn số quân 10 vạn, số phu 20 vạn mà Quách Quỳ không dám nghĩ đến tiến công nữa. Quách Quỳ quyết định dứt khoát phải chờ thủy binh và buồn rầu ra lệnh: “Ai bàn đánh sẽ chém”.

Chủ lực của địch là bộ binh và kỵ binh đã không thể liên hệ được với thủy binh và bị chặn đứng trước chiến tuyến sông Như Nguyệt. Quân địch tuy chiếm được khu Đông Bắc và Bắc ngạn sông Cầu nhưng đã mất thế chủ động tiến công và bị hãm trong một địa bàn rất bất lợi. Đó là vùng thượng du và trung du, dân cư thưa thớt, quân Tống không thể vơ vét cướp bóc được. Lương ăn của đạo quân xâm lược hoàn toàn trông chờ vào việc vận chuyển tiếp tế bằng đường bộ của dân phu.

Quân dân ta vòng sau lưng địch lại phát triển các hoạt động du kích quấy rối liên tục. Những đoàn phu vận chuyển lương thực của quân Tống luôn bị chặn đánh. Những đội quân thượng du của ta cùng với bà con các dân tộc thiểu số len lỏi trong rừng sâu, núi cao thường bất ngờ tiến ra đánh tia. Hoạt động mạnh nhất là đạo quân của phò mã Thân Cảnh Phúc, người dân tộc Tày ở vùng động Giáp. Quân địch ngày càng bị tiêu hao, mệt mỏi, hoang mang lo sợ vì những hoạt động du kích lợi hại đó.

Hai tháng đã trôi qua, quân Tống ngày càng bị tiêu hao về số lượng và đặc biệt nghiêm trọng là chúng không thể vơ vét cướp bóc của cải được. Như trên đã nói, lương ăn của đạo quân xâm lược này hoàn toàn trông chờ vào việc vận chuyển bằng đường bộ của dân phu. Viên quan chuyên vận sứ Lý Bình Nhất đã tính phải có 40 vạn phu, nhưng nhà Tống chỉ điều được 20 vạn. Do đó,

một số vũ khí và tên sắt của quân lính đã phải bỏ lại, lương thực không mang được nhiều.

Quân Tống tuy thế suy, lực giảm nhưng vẫn còn một số lượng khá đông. Chúng vẫn đóng trên một trận tuyến dài khoảng 30 kilômét ở bờ bắc sông Như Nguyệt. Từ lúc chuyển sang thế tạm thời cố thủ, chúng không dám tiến công ta dù bị khiêu khích, nhưng lại có âm mưu như quân ta sang bờ bắc để tiêu diệt.

Trong điều kiện quân địch còn đông và lo phòng thủ như vậy nên ta không thể mở cuộc tổng tiến công bao vây tiêu diệt toàn bộ quân địch. Lý Thường Kiệt chủ trương mở nhiều cuộc công kích để vừa có thể chia sẻ lực lượng vừa tiêu diệt được nhiều địch. Hai đối tượng chính mà Lý Thường Kiệt dự kiến tập trung lực lượng đánh vào là khối quân của Quách Quỳ và Triệu Tiết.

Lý Thường Kiệt cử hai hoàng tử Hoảng Chân và Chiêu Văn đem 400 chiến thuyền chở hai vạn quân từ Vạn Xuân ngược sông Như Nguyệt mở một cuộc tiến công vào doanh trại Quách Quỳ.

Hai hoàng tử đã chiếm núi Nham Biền, rồi từ đó đánh thẳng vào doanh trại quân Tống. Trước sức tiến công mãnh liệt của quân ta, quân Tống phòng ngự ở vòng ngoài chống cự không nổi buộc phải rút chạy. Thừa thắng quân ta chia thành nhiều mũi đánh sâu vào mặt đông và đông nam doanh trại Quách Quỳ. Sợ quân ta thừa thắng đánh tràn vào đại bản doanh, Quách Quỳ phải điều động phần lớn lực lượng dự bị gồm 7.000 kỵ binh để ngăn chặn cuộc phản công của quân ta. Các viên tướng chủ chốt như Yên Đạt, Thế Cự, Vương Mãn, Lý Thường, Điền Chung đều phải xuất trận để bảo vệ đại bản doanh Quách Quỳ. Do có lực lượng lớn, quân Tống tiếp tục tăng quân phản kích, quân ta buộc phải rút xuống thuyền. Ở trên bờ địch dùng cung nỏ và máy bắn đá bắn theo dữ dội làm cho một số thuyền chiến của ta bị đắm và gây thương vong lớn. Cả hai hoàng tử Hoảng Chân, Chiêu Văn và mấy nghìn quân sĩ đã anh dũng hy sinh.

Cuộc tiến công bằng thủy binh quân ta mặc dù bị tổn thất nhưng đã gây cho địch nhiều thiệt hại nặng về lực lượng cũng như đảo lộn về thế trận. Cuộc tấn công chính diện này không chỉ nhằm tiêu diệt sinh lực địch mà còn nhằm thu hút lực lượng và tập trung sự chú ý của các khối quân địch vào đây. Việc đó tạo nên thời cơ cho mũi tiến công khác, mũi tiến công chủ yếu của Lý Thường Kiệt, bất ngờ tập kích vào chỗ sơ hở của địch để giành thắng lợi quyết định.

Trong lúc chánh tướng Quách Quỳ mãi lo đối phó với sự tiến công mãnh liệt của thủy binh ta, phó tướng Triệu Tiết và các tướng phụ trách các doanh trại khác cũng chăm chú theo dõi diễn biến chiến sự ở đó, thì gần như đồng thời, Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy đại quân ban đêm vượt bến đò Như Nguyệt, đánh úp doanh trại phó tướng Triệu Tiết ở xã Mai Đình đối diện với bến đò Như Nguyệt.

Số quân Lý Thường Kiệt chỉ huy là 3 vạn người vượt sông trong đêm tối đánh vào sườn tây doanh trại Triệu Tiết ở thôn Mai Thượng, xã Mai Đình. Các đạo quân của ta đồng loạt phát triển tiến công đánh chiếm các quân Tổng ở khu vực chùa Tiên Sát và Ai Quan. Cùng lúc đó, một cánh quân của ta phòng ngự ở biên giới, khi địch tràn qua đã tổ chức dàn thế trận từ Bắc Sơn theo hướng Hiệp Hòa cũng đánh vào sau lưng cụm quân Triệu Tiết. Thế trận cụm quân Triệu Tiết bị vỡ, hơn 2 vạn tên bị diệt. Sách *Việt sử lược* thời Trần chép: “Lý Thường Kiệt biết rằng quân Tổng sức lực đã khôn, đang đêm sang sông đánh úp, đại phá ược. Quân Tổng 10 phần chết 5, 6” (*Việt sử lược*, Sđd, tr.111). Triệu Tiết phải lên ngựa cùng với đội thân quân mở đường chạy sang trại quân Quách Quỳ. Các cánh quân chủ lực của ta hợp lại như hai gọng kìm từ mặt tây và đông doanh trại Quách Quỳ, xiết chặt lấy chúng.

Sử sách ghi chép quá sơ sài về diễn biến của trận tập kích này. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: “Một đêm quân sĩ chợt nghe ở trong đền Trương tướng quân có tiếng ngâm to rằng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Dịch:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Cối bờ ngăn cách tự sách trời.
Cớ chi quân giặc sang xâm lấn?
Thất bại bay xem sẽ đến nơi.*

Rồi sau quả nhiên như thế. (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1972, tr.238).

Đây chính là bài thơ thần khích lệ tinh thần yêu nước thành sức mạnh chiến đấu trực tiếp diệt quân thù. Bài thơ là một lời khẳng định hùng hồn cho một chân lý của tạo hóa là: Nước Nam do người Nam làm chủ, đó là chủ quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, bất chấp đó là ai, nếu đi ngược lại chân lý của tạo hóa là xâm lược lãnh thổ nước Nam thì chắc chắn sẽ chuốc lấy thất bại. Nhân dân địa phương vẫn truyền tụng nhiều chi tiết và chỉ rõ những di tích ghi lại chiến công oanh liệt này, khu vực doanh trại địch biến thành bãi chiến trường. Hàng vạn xác giặc nằm ngổn ngang khắp cánh đồng, gò đất. Nhân dân địa phương gọi là cánh đồng Xác, gò Xác.

Thất bại này của quân Tống thật quá nặng nề. Chỉ trong một đêm, toàn bộ doanh trại gồm 3, 4 vạn quân bị đánh tan tành, binh sĩ thương vong gần hết.

Thắng lợi của cuộc tập kích xuất phát từ bến Như Nguyệt này cộng với những thiệt hại mà quân ta đã gây ra cho địch ở ở khối quân Quách Quỳ làm cho thế phòng ngự của quân Tống ở bờ Bắc sông Như Nguyệt bị rung chuyển hoàn toàn.

Trong lúc quân Tống có nguy cơ bị tiêu diệt toàn bộ, Lý Thường Kiệt cử “biện sĩ” tới bản doanh của Quách Quỳ nói rằng “hạ chiếu

rút đại binh về, thì sẽ lập tức sai sứ sang tạ tội và triều cống”. Trong tình thế nguy khốn Quách Quỳ đã thốt lên: “Ta không đạp đổ sào huyết giặc bắt được Càn Đức để báo mệnh triều đình, đó là bởi trời! Thôi ta đành liều một thân, chịu tội với triều đình, để mong cứu hơn 10 vạn nhân mạng “ (*La Sơn Yên Hồ*, Hoàng Xuân Hãn, Tập 2, Nxb. Giáo dục, 1998, tr.432).

Khi triều đình Tống nhận được tin, Tống Thần Tông giận lắm, định điều thêm viện binh để cô qua sông, nhưng nhiều quần thần can ngăn rằng chiến tranh sẽ kéo dài, hao người tốn của, Tống Thần Tông nuốt hận phải nghe theo.

Quách Quỳ định ngày rút quân, nhưng không dám công khai vì viên chủ tướng này vẫn nơm nớp lo sợ quân Lý đuổi theo, đành bí mật thực hiện kế hoạch của mình. Đang đêm, vào đầu tháng 2 năm Đinh Tỵ (3-1077), Quách Quỳ lệnh cho quân sĩ lập tức rút quân. Vẫn chưa hết khiếp đảm vì những trận tập kích vừa qua, quân sĩ Tống nghe lệnh rút lui đã tranh nhau tháo chạy trong cảnh hỗn loạn.

Trong tình thế rút lui của quân Tống như vậy, việc truy kích tiêu diệt chúng không có gì khó khăn, nhưng Lý Thường Kiệt đang muốn mau chóng đem lại hòa bình cho đất nước và không muốn bội ước nên đã để cho quân Tống rút lui một cách yên ổn. Nhưng về đất đai thì khi quân Tống rút lui đến đâu, Lý Thường Kiệt đã cho quân tiến theo chiếm lại đến đó. Quân dân nhà Lý thu hồi ngay được các châu Quai Lang, Môn, Tô Mậu và Tư Lang một cách nhanh chóng. Còn châu Quảng Nguyên (Cao Bằng) thì hai năm sau (1079) nhà Tống phải trao trả nốt cho Đại Việt.

Từ trận đột kích Ung Châu đến trận tập kích Như Nguyệt (Mai Thưng) 30 vạn lính và phu của nhà Tống bị tiêu diệt. Trong lần xuất chinh năm 1076-1077 thì 10 vạn quân ra đi, khi về đến nước Tống (4-1077) chỉ còn hơn 2 vạn (23.400), 8 vạn trong số 20 vạn phu đã bỏ nạng, ngựa 1 vạn chỉ còn 3.174 con. Toàn bộ chi phí chiến tranh được người Tống tính ra là 5.190.000 lạng vàng.

Chiến thắng Như Nguyệt năm 1077 là thắng lợi oanh liệt của trận quyết chiến chiến lược có ý nghĩa kết thúc chiến tranh. Cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược của quân dân Đại Việt đời Lý đã thu được thắng lợi hoàn toàn. Kinh đô Thăng Long được bảo vệ nguyên vẹn, bất khả xâm phạm.

Sau chiến thắng, để cho nhà Đại Tống đỡ mất mặt, để khôi phục hòa bình lâu dài giữa hai nước, triều đình Lý cử phái đoàn sứ giả Đại Việt lên đường sang kinh đô Tống. Từ Kinh đô Thăng Long, sứ thần ta mang theo quốc thư và cống phẩm của Lý Nhân Tông gửi Tống Thần Tông. Với lời lẽ thương thuyết kiên quyết và mềm dẻo của sứ thần nước ta, lại “có cái oai thắng trận, người trung châu phải sợ” (theo sử thần Ngô Sĩ Liên), triều đình Tống phải chấp nhận điều kiện là bên ta thả 1.000 tù binh, bên Tống trả lại cho ta châu Quảng Nguyên. Triều đình Tống phải chính thức công nhận Đại Việt là một quốc gia độc lập “An Nam quốc”. Quan hệ giữa hai nước Việt - Tống trở lại bình thường.

Ý đồ đánh chiếm Đại Việt mà nhà Tống đã theo đuổi gần một thế kỷ đến đây bị đánh bại. Nhà Tống còn trị vì ở Trung Quốc hơn 200 năm nữa (1077 - 1257), nhưng không dám tiếp tục gây chiến với ta. Kinh đô Thăng Long từ khi định đô được an toàn trong gần 250 năm (1010 - 1257).

*

Từ thực tiễn cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược thời Lý, đặc biệt là qua chiến thắng Như Nguyệt năm 1077, ta có thể rút ra đôi điều về nghệ thuật quân sự:

Tư tưởng tích cực chủ động phòng ngự và tiến công quân địch là nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự nhà Lý. Trong quá trình chiến tranh, ta đã vận dụng cả phương thức tác chiến tiến công và phương thức tác chiến phòng ngự. Lý Thường Kiệt đã kết hợp khéo léo giữa hai phương thức đó hỗ trợ lẫn nhau nhằm mục đích tiêu diệt địch, giành thắng lợi triệt để. Quân ta phòng ngự trên chiến tuyến

Như Nguyệt không phải vì yếu và bị động mà đó là trận tuyến phòng ngự hoàn toàn chủ động, tích cực, nhằm mục đích chặn đứng quân Tống, làm thất bại kế hoạch tiến công của địch, từng bước làm suy yếu và đẩy đạo quân Quách Quỳ, Triệu Tiết vào thế bất lợi để quân ta chuyển sang tiến công tiêu diệt chúng. Phòng ngự ở hướng chủ yếu là chiến tuyến Như Nguyệt, tiến công hướng thứ yếu ở sông Đông Kênh. Trước mặt địch thì phòng ngự đánh trả chúng quyết liệt, đập tan những cuộc tiến công của chúng, kiên quyết phản kích khi chúng lọt vào trận địa phòng ngự, sau lưng địch thì tiến công liên tục dùng mọi lực lượng bằng mọi thủ đoạn, tập kích, phục kích, quấy rối... Khi mục đích phòng ngự đã đạt được nhanh chóng chuyển sang tiến công tập kích giành thắng lợi quyết định.

Lý Thường Kiệt không những đã xây dựng cho quân dân nhà Lý có tinh thần hăng hái chống giặc cứu nước rất cao mà còn xác định một phương thức đánh địch tài giỏi và sáng tạo. Qua diễn biến trận chiến Như Nguyệt năm 1077, một trong những vấn đề nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Lý Thường Kiệt là vấn đề xác định cách đánh. Sau khi giành thắng lợi trên chiến trường Ung - Khâm - Liêm, Lý Thường Kiệt chủ trương sử dụng một phần lực lượng để tổ chức phòng ngự trên sông Như Nguyệt. Sử dụng phương thức tác chiến phòng ngự, quân ta đã tiêu diệt, tiêu hao được nhiều quân Tống trong quá trình chúng tiến công sang ta, làm cho địch bị tổn thất về lực lượng chiến lược hết sức nặng nề. Đồng thời ta cũng nhanh chóng phá tan được kế hoạch tiến công chiến lược tốc quyết của Quách Quỳ.

Với hình thức tác chiến phòng ngự, quân ta đã làm cho quân Tống mất khả năng tiến công, hoàn toàn lâm vào thế bị động, buộc phải chuyển sang cầm cự cố thủ với ta. Trước tình thế đó, Lý Thường Kiệt đã lập tức tung toàn lực tiến công chiến lược để tiêu diệt toàn bộ đạo quân viễn chinh xâm lược Tống. Đòn tiến công này đã nhanh chóng giành thắng lợi, thực hiện trận then chốt quyết định, kết thúc chiến tranh một cách toàn thắng.

Trong chỉ đạo tác chiến, Lý Thường Kiệt còn sử dụng và kết hợp chặt chẽ giữa phương thức tập trung đánh lớn của quân chủ lực với phân tán đánh nhỏ của quân địa phương cùng dân binh, kết hợp giữa tác chiến trận địa với tác chiến cơ động; giữa tiến công với phòng ngự để đánh địch. Phép dụng binh mưu lược trên đây của Lý Thường Kiệt đã tạo ra cho quân ta một thế chủ động hoàn chỉnh, vững mạnh và vô cùng lợi hại. Thực tế sự kiện lịch sử xảy ra trong trận Như Nguyệt chứng tỏ phép dụng binh mưu lược của Lý Thường Kiệt vượt xa trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn về quân sự của bọn tướng lĩnh nhà Tống. Quách Quỳ, Triệu Tiết, Tô Giám và Dương Tùng Tiên đều là những tướng giỏi được vua Tống tin dùng, song trước nghệ thuật chỉ huy quân sự kiệt xuất của Lý Thường Kiệt, chúng biến thành những kẻ cầm quân bất tài. Đó là một trong những nhân tố dẫn đến sự thất bại thảm hại của quân Tống trong chiến tranh.

Nghệ thuật tạo và nắm thời cơ, hành động kịp thời được thực hiện thành công trong trận tiến công bắc sông Như Nguyệt. Sau khi kết thúc trận chiến phòng ngự thắng lợi, Lý Thường Kiệt đã sử dụng tổng lực mở trận phản công lớn để tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch ở bờ Bắc sông Như Nguyệt. Quân ta đã giành được thắng lợi rất lớn, tiêu diệt cụm quân Triệu Tiết, đánh vỡ hệ thống phòng ngự tuyến ngoài, phía đông của cụm quân Quách Quỳ. Phát huy thắng lợi ban đầu, nắm lấy thời cơ thuận lợi này, Lý Thường Kiệt đã ra lệnh cho cả hai đạo quân chính, kỳ nhanh chóng tiến công hợp vây cụm quân Quách Quỳ. Tình hình đó dẫn tới khả năng Quách Quỳ không dám liều mạng tử chiến trong thế không có chiến thành phòng ngự vững chắc mà khả năng Quách Quỳ sẽ tổ chức phá vây, tháo chạy về nước. Do tạo ra được thời cơ như vậy, Lý Thường Kiệt đã mở lối thoát cho quân Tống, chủ động “giảng hòa” để kết thúc chiến tranh, buộc chúng phải rút về quân về nước. Quân Tống rời khỏi trận địa, rút chạy trong hoảng loạn, tinh thần suy sụp... Quân Tống rút lui đến đâu, quân ta tiến theo thu hồi đất đai đến đó.

Ngoài việc sử dụng phương thức đánh địch một cách sáng tạo và chính xác, Lý Thường Kiệt còn rất giỏi trong việc sử dụng nhân tố bất ngờ để đánh địch. Ông đã chỉ huy đại quân tiến công cụm quân Triệu Tiết, tạo được thế đánh hết sức bất ngờ, tiêu diệt cụm quân Triệu Tiết, rồi thừa thắng chuyển sang tiến công cụm quân chủ yếu của Quách Quỳ, dồn quân Tống vào thế cùng lực kiệt, buộc phải giảng hòa, xin rút quân về nước. Nhân tố bất ngờ trong chiến tranh đã được Lý Thường Kiệt biến thành một sức mạnh quân sự rất lớn, khó có thể định trước. Đây là một nội dung nói lên nghệ thuật dụng binh mưu lược thiên tài của Lý Thường Kiệt và cũng là một bài học lịch sử vô cùng quý báu về quân sự của dân tộc ta.

Trận Như Nguyệt năm 1077 đã để lại bài học lớn về quân sự trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Bằng chiến tuyến sông Như Nguyệt, dưới sự chỉ huy tài giỏi của Lý Thường Kiệt, quân và dân ta đã chặn đứng và đập tan mọi cuộc tiến công của quân địch và làm thất bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của nhà Tống và kẻ thù bị giam hãm trong một địa bàn bất lợi. Khi quân địch đã bị động, mệt mỏi, suy yếu, Lý Thường Kiệt sáng suốt nắm lấy thời cơ giành quyền chủ động mở cuộc phản công nhanh chóng đánh tan quân địch. Đây là cuộc tập kích quy mô lớn, phối hợp chặt chẽ giữa quân thủy và quân bộ. Đặc biệt cuộc kháng chiến đó thể hiện nổi bật tư tưởng chủ đạo là chủ động tiến công, dù có lúc ta ở thế phòng ngự gay go phức tạp.

Chiến tuyến sông Như Nguyệt là một công trình lớn của quân dân ta ở thế kỷ XI, được xây dựng một cách hợp lý, khoa học. Đặc điểm nổi bật của thế trận này là bố trí trên diện rộng, có chiều sâu, có trọng điểm, phối hợp chặt chẽ giữa quân chủ lực với quân địa phương nhằm đánh địch cả phía trước và sau lưng. Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, Lý Thường Kiệt là người duy nhất thực hiện thắng lợi phòng ngự có quy mô lớn theo kiểu chiến tuyến kết hợp với phản công.

Từ hành động tiến công sang đất địch, phá bàn đạp tiến công của chúng, tranh thủ thời gian thực hành chuẩn bị ở trong nước, làm cho địch suy yếu phải chuẩn bị lại, để ta có điều kiện xây dựng phòng tuyến, đến hành động phòng ngự kiểu chiến tuyến theo sông nhằm chặn đứng quân địch, phát huy thế mạnh của ta, khoét sâu chỗ yếu của địch, đánh địch bằng cả chặn trước đánh sau, buộc quân địch phải chuyển từ tiến công sang phòng ngự, tạo điều kiện và thời cơ để quân ta thực hành phản công và giành thắng lợi.

Khi rút quân về lập tuyến phòng ngự trên sông Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt đã lập một thế trận phòng ngự rất tốt: Dựa vào bờ nam sông để đắp lũy, dùng dòng sông làm vật chướng ngại thiên nhiên lợi hại, có lực lượng mạnh chặn địch trực tiếp ở bờ nam sông, có lực lượng của quân và dân tại chỗ phía bắc sông Như Nguyệt dựa vào địa hình hiểm trở của đất nước để chặn địch từ xa, suốt từ biên giới phía Bắc, lại có lực lượng dự bị cơ động bố trí ở phía sau, bộ binh trên hướng Thăng Long, thủy binh trên hướng Lục Đầu. Thế trận phòng ngự đó phát huy được sức mạnh của quân và dân, khai thác thế lợi của địa hình, thời tiết nước ta, tăng cường khả năng tiến công trong phòng ngự của quân và dân ta. Với quan điểm quân sự ngày nay, đó là một thế trận rất hiện đại mang đặc tính của nghệ thuật chiến tranh nhân dân Việt Nam. Đó là cách hay nhất để bảo vệ Kinh đô Thăng Long từ xa. Triệt phá các căn cứ quân sự của quân Tống ở Ung, Khâm, Liêm, đánh địch suốt từ biên giới phía Bắc đến sông Như Nguyệt rồi chặn đứng trên sông Như Nguyệt bằng cố gắng phối hợp của các lực lượng trên toàn bộ thế trận phòng ngự. Cuối cùng là phản công chiến lược mạnh mẽ, gây tổn thất lớn cho địch, đưa chúng vào thế cùng và buộc chúng phải lui quân, ta thu hồi lãnh thổ trọn vẹn.

Vừa đánh vừa đàm buộc địch phải chịu thua. Đánh thắng lại đàm để buộc địch phải công nhận độc lập chủ quyền nước ta, lập lại quan hệ hòa bình lâu dài giữa hai nước mà không mất thế diện của nước lớn. Vừa chuẩn bị đánh quân Tống xâm lược, vừa thuyết phục vua Chiêm Thành không đưa quân hội chiến theo chiếu dụ nhà Tống. Đó là những nét rất đặc sắc của nghệ thuật quân sự thời Lý.

III - TRẬN ĐÔNG BỘ ĐẦU (NĂM 1258)

Trận Đông Bộ Đầu (ngày 29-1-1258, tức ngày 24 tháng Chạp năm Nguyên Phong thứ 7) là trận phản công chiến lược của quân đội nhà Trần, do vua Trần Thái Tông chỉ huy đánh tan đạo quân xâm lược Mông Cổ tại Đông Bộ Đầu (khu vực gần cầu Long Biên, Hà Nội ngày nay), kết thúc cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất (năm 1258).

Vào thế kỷ XIII, sau khi các bộ lạc được thống nhất, quốc gia Mông Cổ được thành lập, Thành Cát Tư Hãn bắt đầu mở những cuộc xâm lăng ra nước ngoài. Từ một bộ tộc ở vùng thảo nguyên châu Á, sau nửa thế kỷ chinh phạt, Mông Cổ đã trở thành một đế quốc hùng mạnh có lãnh thổ rộng lớn từ châu Á đến châu Âu. Những đạo kỵ binh Mông Cổ đã gây bao đau thương cho nhân dân nhiều nước nơi mà vó ngựa của chúng đã đi qua, nhưng tham vọng bành trướng của Mông Cổ vẫn không dừng. Sau khi chiếm được nước Đại Lý (vùng Vân Nam - Trung Quốc ngày nay), năm 1257, chúa Mông Cổ là Mông Ke (Mongka, cháu nội của Thành Cát Tư Hãn) quyết định mở cuộc tiến công tiêu diệt nước Tống (vùng Nam Trung Quốc ngày nay) giáp với biên giới nước ta. Thực hiện kế hoạch xâm lược, đích thân Mông Ke dẫn đại quân theo đường Tứ Xuyên tiến vào. Hốt Tất Liệt (Khubilai, em trai của Mông Ke, năm 1260 Hốt Tất Liệt lên ngôi vua nhà Nguyên tức Nguyên Thế Tổ) chỉ huy một cánh quân vượt qua sông Trường Giang đánh chiếm châu Ngạc (Vũ Xương, Hồ Bắc). Một cánh quân khác do Tô Ga Tra chỉ huy đánh chiếm hạ lưu sông Trường Giang. Tướng Ngột Lương Hợp Thai đang ở Đại Lý được lệnh đem quân xuống Đại Việt, từ đó đánh vào châu Ung

(Nam Ninh, Quảng Tây), châu Quế (Quế Lâm, Quảng Tây) tiến lên gặp các cánh quân khác ở châu Ngạc. Cánh quân này như một mũi kiếm lao vào lưng quân Tống.

Đại Việt nằm ở phía Nam nước Tống đã trở thành vị trí hết sức quan trọng trong kế hoạch tiến xuống phía Nam của quân Mông Cổ. Chiếm được Đại Việt, chúng không chỉ có thêm một mũi vu hồi vào nước Tống, mà nơi đây còn trở thành bàn đạp; đồng thời là nơi cung cấp nhân vật lực để chế Mông Cổ mở các cuộc viễn chinh xuống các quốc gia Đông Nam châu Á. Họa giặc Mông Thát, nỗi kinh hoàng của nhiều dân tộc trên thế giới lúc bấy giờ bắt đầu đe dọa sự tồn vong của quốc gia Đại Việt.

Đứng trước nguy cơ đất nước bị xâm lược, nhà Trần đã tích cực phát triển kinh tế, chủ động tăng cường tiềm lực quân sự, thường xuyên theo dõi và nắm tình hình địch.

Tháng 9 năm 1257, tướng giặc là Ngột Lương Hợp Thai (Uryangkhadai) cho sứ sang nước ta yêu cầu nhà Trần cho quân Mông Cổ vào Đại Việt, lấy cớ là mượn đường để sang đánh Ung Châu, Quế Châu của Trung Quốc. Quân Mông Cổ vốn ỷ vào sức mạnh áp đảo, thường dùng đe dọa ngoại giao kết hợp với tiến công quân sự để lấy thành, cướp nước của người. Trải qua mấy chục năm đánh đông cướp tây, mỗi khi quân Mông Cổ cho sứ tới đâu, nơi ấy thường khiếp sợ, cúi đầu dâng đất xin hàng hoặc xưng thần nộp cống. Đối với Đại Việt, quân Mông Cổ cũng làm như thế. Nhưng ở Đại Việt, tình hình lại không diễn ra theo ý muốn của chúng. Dân tộc ta thời Trần hiểu rất rõ thế mạnh của giặc. Qua những hành động xâm lược của Mông Cổ trên đất Trung Quốc, diệt Tây Hạ, diệt Kim, đánh Tống, diệt Đại Lý, đô hộ Cao Ly...

Nhưng dũng khí của dân tộc ta vượt lên trên sức mạnh của giặc. Dân tộc ta thời Trần kiên quyết bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, kiên quyết chống xâm lược, không nao núng trước bất cứ một

sức mạnh phi nghĩa nào. Đối với giặc Mông Cổ, triều đình nhà Trần bước đầu trừng trị ngay lối ngoại giao đe dọa của giặc. Vua Trần Thái Tông không những không cho mượn đường mà còn hạ lệnh tổng giam sứ giặc không cho trở về.

Cuối năm 1257, vua Trần Thái Tông xuống chiếu điều quân lên tăng cường bố phòng ở biên giới Tây Bắc, lệnh cho cả nước sắm sửa vũ khí, khẩn trương chuẩn bị kháng chiến. Với sự chuẩn bị tích cực, cùng với tinh thần kiên quyết chống giặc xâm lược, nhà Trần và quân dân Đại Việt đã chủ động từng bước sẵn sàng kháng chiến chống quân Mông Cổ.

Tháng 12 năm 1257, tướng Ngột Lương Hợp Thai đưa quân tập trung sát vùng biên giới nước ta hòng đe dọa quân dân nhà Trần. Sau thất bại về đe dọa ngoại giao, Ngột Lương Hợp Thai hùng hổ đưa quân vượt biên giới sang đánh Đại Việt.

Theo kế hoạch, đạo quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy tiến vào Đại Việt phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: nhanh chóng đánh chiếm Đại Việt sau đó thực hiện mũi vu hồi vào phía Nam nước Tống. Từ Vân Nam tiến vào nước ta có hai con đường bộ thuận tiện cho kỵ binh Mông Cổ hành quân; một theo bờ phải và một theo bờ trái sông Thao (sông Thao là đoạn Sông Hồng từ biên giới phía Bắc nước ta đến ngã ba Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ).

Lực lượng tiên phong của quân Mông Cổ chia làm hai cánh dưới sự chỉ huy của Triệt Triệt Đô và một số tướng khác theo tả và hữu ngạn sông Thao tiến vào nước ta. Tướng A Truật (18 tuổi, con của Ngột Lương Hợp Thai) được lệnh vừa tiếp ứng cho các cánh quân tiên phong, vừa dò xét tình hình phòng thủ của quân ta. Đại quân dưới sự thống lĩnh của Ngột Lương Hợp Thai tiến tiếp sau.

Từ thực tế của tình hình chiến đấu, triều đình nhà Trần quyết định để cho giặc tiến vào nội địa nước ta, trên đường từ biên giới tới Thăng Long, quân ta sẽ đánh tiêu hao, nhân dân thì làm vườn không

nhà trống, không cho địch giết người cướp của trên dọc đường chúng hành quân, và Kinh thành Thăng Long phải triệt để sơ tán..

Theo kế sách của triều đình nhà Trần, quân dân ta dưới quyền Tiết chế Trần Quốc Tuấn đã anh dũng chiến đấu, đánh chặn địch từng bước nhằm tiêu hao sinh lực, hạn chế đường tiến quân của chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho đại binh từ Kinh đô tiến lên hướng Tây Bắc. Quân thủy quân bộ của ta được lệnh tiến lên biên giới chắc số lượng không nhiều và hẳn chưa phải là để đánh đuổi giặc ra khỏi biên giới hoặc tiêu diệt chúng tại biên giới. Đây là những đơn vị làm nhiệm vụ phối hợp với quân và dân địa phương vùng Tây Bắc tiến công tiêu hao địch, khiến chúng mệt mỏi và suy yếu dần, tạo điều kiện cho đại quân ta tập trung tiêu diệt chúng tại một địa bàn thuận lợi trong nội địa.

Ta dự kiến sẽ tiến hành trận quyết chiến ở Bình Lệ Nguyên (vùng Bình Xuyên, Vĩnh Phúc ngày nay). Đây là vùng đất có sông Cà Lồ chắn ngang đường tiến công của quân địch. Tại đây quân ta lập một phòng tuyến chặn giặc bảo vệ kinh đô. Trận địa của quân ta lập bên này sông, bố trí cả bộ binh, tượng binh và thủy binh cùng nhiều thuyền chiến đậu sát bờ sông, Vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy và tướng tiên phong là Lê Tần - một viên dũng tướng tài ba, mưu lược, có tư duy phân tích thực tiễn nhạy bén.

Ngày 17 tháng 1 năm 1258, quân Mông Cổ tới được Bình Lệ Nguyên. Để tiến qua sông, địch chia lực lượng thành ba đội. Đội tiên phong do Triệt Triệt Đô cầm đầu vượt sông trước ở phía hạ lưu; Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy trung quân đột phá chính diện quân ta. Đội thứ ba do phò mã Hoài Đô cùng A Truật chỉ huy chỉ huy tiến tiếp theo đánh vào phía sau quân ta. Âm mưu của địch là như quân ta vượt sông giao chiến để chúng bao vây, cắt đường rút, hòng tiêu diệt hoàn toàn lực lượng quân ta, rồi tiến thẳng về Thăng Long. Nhưng thực tế chiến trận lại không theo ý muốn của địch. Khi đội quân tiên phong của Triệt Triệt Đô vừa tới bờ sông liền bị quân ta đón đánh

quyết liệt, buộc Ngột Lương Hợp Thai phải đưa đại quân ra tiếp ứng. Trận chiến diễn ra rất ác liệt. Địa thế bằng phẳng tạo thuận lợi cho kỵ binh địch tung hoành. Quân giặc cày đông quân, ào ạt tấn công ta từ nhiều phía. Quân ta không hề nao núng, bình tĩnh, dũng cảm chống trả các đợt tiến công của địch, kiên quyết giữ vững trận địa. Vua Trần Thái Tông bắt chấp mưa đạn xông lên phía trước, đốc thúc tướng sĩ đánh giặc. Tướng Lê Tần cưỡi ngựa lao vào đánh giặc với sắc mặt bình thản như không. Quân địch do phát huy được sở trường và quen chinh chiến, quân ta nhiều năm chưa chiến đấu với giặc ngoài nên khó tránh khỏi lúng túng, trận địa của ta mất dần trước sức đột kích mạnh của kỵ binh thiện chiến địch.

Tình thế cuộc chiến đặt quân ta vào sự lựa chọn: tiếp tục chiến đấu hay lui quân? Có ý kiến đề nghị vua Trần Thái Tông hãy quyết chiến với kẻ thù tại đây. Từ thực tế so sánh thế trận giữa ta và địch trên chiến trường, nhận thấy tiếp tục chiến đấu sẽ khó có thể trụ nổi với giặc, tướng Lê Tần, vị tướng gan dạ luôn xông pha chiến trận đã cố khuyên vua Trần Thái Tông tạm thời rút lui bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ có lợi để phản công: “Như nay chỉ là bệ hạ dốc túi đánh nước cuối cùng thôi. Nên lánh đi, chớ nên nhẹ dạ tin người ta” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, Tập II, tr.29). Lời khuyên này chứng tỏ Lê Tần là viên tướng tài ba, ông đã phát hiện sở trường và thế mạnh của kẻ thù, nhận rõ được thế ta, thế địch trong hoàn cảnh bấy giờ để đưa ra kế “tạm lánh” nhằm bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ sẽ tiến công tiêu diệt địch.

Nghe theo lời khuyên của Lê Tần, vua Trần Thái Tông quyết định cho quân lên thuyền xuôi theo dòng sông Cà Lồ. Quân địch đuổi theo bắn loạn xạ. Lê Tần đi phía sau cho quân lấy ván thuyền cản tên bắn của giặc bảo vệ cho vua cùng quân ta rút lui về Phù Lỗ để tiếp tục lập phòng tuyến chặn đánh giặc.

Quân Mông Cổ không cướp được thuyền, không chặn được quân ta rút lui, âm mưu bắt sống vua Trần, tiêu diệt lực lượng của ta không

Đông Bộ Đầu là một bến thủy quân lớn ở liền sát kinh thành, trên bến có doanh trại thủy binh đóng (Đông Bộ đầu ở phía đông thành Thăng Long, khoảng từ dốc Hàng Than đến phố Hòe Nhai, quận Ba Đình, Thủ đô Hà Nội ngày nay). Khi quân Mông Cổ tới Đông Bộ Đầu thì thủy quân và thuyền chiến của ta đã rời đi từ trước, chỉ còn doanh trại trống không. Giặc đóng ở đấy. Nhưng giặc không thể vượt xa được để cướp lương ăn. Từ khi đề giặc vào Thăng Long, quân ta một mặt vây chặt không để giặc lọt ra ngoài, một mặt ráo riết chuẩn bị phản công.

Binh lực của Ngột Lương Hợp Thai có khoảng 3 vạn quân, gồm kỵ binh Mông Cổ và kỵ binh người Lô Lô hay Thoán Bạc (một tộc người Vân Nam - Trung Quốc). Ngột Lương Hợp Thai cho dựng hàng ngàn lều trại lớn nhỏ bằng da thú ở bến Đông Bộ Đầu. Đại bản doanh của Ngột Lương Hợp Thai đặt ở vị trí trung tâm, giữa những lều trại của những đội quân thân binh, vòng ngoài là trại của binh lính. Cạnh các lều trại đều có tàu ngựa, yên cương luôn đóng sẵn; quân lính luôn ở tư thế sẵn sàng tham chiến. Phía ngoài của khu đóng quân còn có ba tuyến canh gác thường trực, trên các ngã đường đến bản doanh đều đặt trạm canh giới. Những đội kỵ binh nhỏ ngày đêm lùng sục quanh thành Thăng Long nắm tình hình, truy tìm vết tích đại binh của ta và tiến hành cướp lương thực... nhưng đều bị quân ta đánh lui.

Về phía quân ta, sau khi rút khỏi Thăng Long, triều đình nhà Trần cùng đại quân theo Sông Hồng về đóng ở bãi sông Thiên Mạc (Thiên Mạc là tên cổ của khúc Sông Hồng chảy giữa các tỉnh Hưng Yên và Hà Nam ngày nay) cách địch khoảng 30 - 35 kilômét về phía Nam. Được nhân dân hết lòng che chở, giữ bí mật, quân ta tranh thủ thời gian tập trung bổ sung lực lượng, chỉnh đốn đội ngũ, sẵn sàng chờ lệnh là xuất quân. Linh Từ quốc mẫu Trần Thị Dung, vợ Thái sư Trần Thủ Độ đã thu thập tất cả những quân khí ở trong thuyền của các gia đình đi lánh nạn để gửi ra cho quân đội. Sau một thời gian rất ngắn khẩn trương chuẩn bị, lực lượng đã hồi phục, khí thế chiến đấu

của quân ta lại bùng lên. Trong khi đó, quân Mông Cổ bắt đầu khổ sở và lúng túng, sa sút tinh thần vì thiếu lương thực trong một tòa thành trống, bệnh tật phát triển và do không hợp khí hậu, sức chiến đấu giảm nhanh chóng. Quân địch cố gắng tiến hành những cuộc cướp nông ra vùng xung quanh Thăng Long nhưng ở đâu chúng cũng gặp sức chống trả mãnh liệt của nhân dân ta. Chẳng hạn như khi quân Mông Cổ tiến đến Cổ Sở (nay là xã Yên Sở), nhân dân ở đây đã đoàn kết chiến đấu, bảo vệ xóm làng, đánh cho bọn địch phải bỏ chạy tan tác.

Đối với quân ta, lần đầu tiên giao chiến với kỵ binh Mông Cổ, trước thế tiến công ào ạt, hung hăng và áp đảo của địch, vua Trần và các tướng lĩnh như Trần Thủ Độ, Lê Tần, Trần Quốc Tuấn, Trần Khánh Dư... ngày đêm suy nghĩ, phân tích những mặt mạnh, mặt yếu của địch, của ta để rút ra chiến lược, chiến thuật phù hợp và cách đánh hiệu quả nhất.

Quân Mông Cổ đóng ở Đông Bộ Đầu ngày càng gặp khó khăn do không nắm được tình hình quân ta, lương thảo ngày càng vơi cạn, tinh thần quân lính bắt đầu chán nản, dao động, còn Ngột Lương Hợp Thai chần chừ chưa quyết định tấn công. Lúng túng, cùng quẫn, quân Mông Cổ lâm vào thế bất buộc phải án binh bất động; mà động cũng không được vì bị quân ta vây chặt; không chết trận thì chết đói. Điều kiện chủ quan và khách quan đó đã tạo nên một thời cơ tốt nhất để ta phản công tiêu diệt chúng.

Trước thời cơ đó, vua Trần Thái Tông họp bàn với các tướng lĩnh. Tướng Lê Tần, tướng Trần Khánh Dư cùng bộ chỉ huy tối cao nhiệt liệt tán thành kế hoạch “nhân cơ đánh úp giặc”. Cuộc phản công được nhanh chóng quyết định với quyết tâm cao của quân dân nhà Trần khẳng định qua lời nói của Thái sư Trần Thủ Độ với vua Trần: “Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì bệ hạ không cần lo ngại gì cả” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1971, tr.29). Lời nói quả quyết, tràn đầy hào khí đã tạo niềm tin vững chắc,

sức mạnh chiến thắng của quân ta được bộ chỉ huy quyết định cuộc phản công chiến lược bất ngờ diễn ra vào đêm 28 rạng 29 tháng 1 năm 1258.

Tham gia trận đánh quyết định này, bên cạnh vua Trần Thái Tông và Thái tử Trần Hoảng còn có nhiều vương hầu, tướng lĩnh chủ chốt như Trần Quốc Tuấn, Trần Thủ Độ, Lê Tần là những người thường xuyên có mặt tại đại bản doanh tại sông Thiên Mạc để cùng bàn bạc nghĩ kế đánh phòng và phản công. Dưới quyền tiết chế của Trần Quốc Tuấn trong trận phản công chiến lược táo bạo này có khoảng gần 4 vạn quân gồm bộ binh, thủy binh và kỵ binh.

Sau khi đã xác định kế hoạch trận đánh úp, đúng ngày đã định, hai cánh quân thủy bộ bắt đầu xuất phát nhằm thẳng kinh đô tiến quân. Cánh bộ chia làm hai mũi từ phía nam và phía tây chọc thẳng vào khu địch đóng quân; cánh thủy do vua Trần Thái Tông cùng các tướng chỉ huy đoàn binh thuyền từ Thiên Mạc theo Sông Hồng đổ bộ lên Đông Bộ Đầu, triển khai đội hình tập kích vào doanh trại quân địch ở mặt đông.

Đêm 28 tháng 1 năm 1258, tiền quân nhà Trần đã tiến sát Thăng Long và tách làm hai hướng. Khoảng 5 nghìn kỵ binh hợp thành một mũi tiến công về phía tây (mũi trái) khu đóng quân của địch. Khoảng 3 nghìn bộ binh tiếp tục tiến sát khu địch đóng quân từ mặt nam (mũi phải). Đến nửa đêm thì các mũi tiến quân của ta đã tiếp cận các tuyến canh gác của địch mà chúng vẫn không hề hay biết. Mặc dù thủy binh và đạo quân chủ lực còn ở xa, nắm lấy thời cơ có lợi, tướng tiên phong Trần Khánh Dư lập tức hạ lệnh đánh úp thẳng vào trại giặc.

Đúng như kế hoạch, bộ binh và kỵ binh của ta thần tốc lao vào khu lều trại quân Mông Cổ. Kỵ binh của ta chớp nhoáng tiêu diệt kỵ binh địch; đồng thời từng nhóm bộ binh ta tổ chức bao vây tiêu diệt ngay trong lều trại của chúng. Quân của Ngột Lương Hợp Thai

hỗn loạn, bị động bất ngờ “người không kịp mặc giáp, ngựa không kịp đóng yên” chống lại một cách yếu ớt, hoảng loạn. Tuy về số lượng quân ta ít hơn quân địch (chủ lực của ta gần sáng mới tới) nhưng do chủ động, tinh thần chiến đấu cao, cách đánh tài tình, táo bạo, chọn đúng thời cơ không cho địch kịp phát huy sở trường (thời điểm người tách khỏi ngựa), quân ta chiếm hoàn toàn ưu thế.

Mặc dù dốc sức đối phó, chống trả, đến sáng Ngột Lương Hợp Thai mới biết rõ đại quân của y đã bị thiệt hại hết sức nặng nề. Trong lúc đó, sức mạnh của quân ta lại được tăng cường, chủ lực đến tiếp sức. Thấy rõ nguy cơ bị tiêu diệt, lợi dụng quân ta đang triển khai lại đội hình thì tướng giặc Ngột Lương Hợp Thai ra lệnh cho cho các tướng sĩ mở đường máu, rút chạy khỏi Thăng Long về hướng Bạch Hạc.

Quân giặc chạy lên ngã ba Bạch Hạc để theo đường bên phải sông Thao, chạy qua vùng Quy Hóa trở về Đại Lý. Khi quân giặc chạy tới Bạch Hạc, Sơn Vi thì Phùng Lộc Hộ lại đem quân địa phương đánh đuổi chúng, giặc lại chạy lên Quy Hóa (Phú Thọ). Chủ trại Quy Hóa là Hà Bổng (dân tộc Mường) cùng quân và dân bố trí đánh tập kích, giặc thua to. Tàn binh giặc mất hết tinh thần chiến đấu, cố chạy thoát thân ra khỏi biên giới. Khi về đến Đại Lý, đạo quân của Ngột Lương Hợp Thai chỉ còn lại khoảng 5 nghìn tên.

Khi đem tàn quân ra khỏi biên giới Đại Việt để về Đại Lý (Việt Nam - Trung Quốc), Ngột Lương Hợp Thai dừng chân tại thành Áp Xích (Côn Minh, Trung Quốc). Ngột Lương Hợp Thai (Uryangkhadai) - viên tướng bách chiến bách thắng của của Đại hãn Mông Ke từng làm mưa làm gió trên các chiến trường Á, Âu đã phải thua trận nhục nhã trên đất Đại Việt. Đội quân xâm lược này tiến vào Đại Việt tuy không lớn nhưng có đến 50 viên tướng tá là thân vương, trong đó phải kể đến Abisca - con trai Thành Cát Tư Hãn. Đạo quân hùng mạnh thiện chiến và nhiều tướng tài như vậy mà chỉ chiếm được thành Thăng Long có 9 ngày.

Trận đánh của quân dân nhà Trần đã hoàn toàn thắng lợi. Khoảng 2 vạn kỵ binh địch đã phải bỏ xác trên bến Đông Bộ Đầu.

Sáng 29 tháng 1 năm 1258 (tức ngày 24 tháng Chạp năm Đinh Ty), vua Trần Thái Tông cùng các tướng lĩnh, binh sĩ tiến vào kinh thành vừa được giải phóng trong niềm hân hoan của nhân dân kinh đô.

Thắng lợi trong cuộc chiến chống quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất (năm 1258) thể hiện ý chí kiên cường và lòng dũng cảm, mưu lược vô song của quân và dân Đại Việt dưới sự chỉ huy tài giỏi của vua Trần Thái Tông và các quần thần, trong đó có vai trò rất to lớn của Thái sư Trần Thủ Độ.

Ngày 5 tháng 2 năm 1258 (mùng 1 Tết Mậu Ngọ), tại Thăng Long, triều đình nhà Trần tổ chức lễ mừng thắng trận và phong thưởng cho tướng sĩ đã có công lao trong trận thắng vừa qua. Lê Tần được phong chức Ngự sử đại phu, tước Bảo Văn hầu, được đổi gọi là Lê Phụ Trần. Vị thủ lĩnh người dân tộc miền núi ở trại Quy Hóa là Hà Bổng cũng được phong tước hầu, Trần Khánh Dư được khen thưởng vì đã có công thừa cơ tập kích giặc. Trong số những người được khen thưởng có những người là dân thường nhưng rất kiên cường, anh dũng tiêu biểu cho khí phách anh hùng và sức mạnh chiến đấu của đông đảo nhân dân yêu nước, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc như Phùng Lộc Hộ và bảy anh em họ Lỗ đã cùng nhân dân địa phương ngoan cường đánh địch từ khi chúng tiến công tới và khi chúng rút chạy. Riêng Phùng Lộc Hộ hy sinh trong chiến đấu, được nhà vua đặc biệt gia phong tước “Lân Hồ đô thống đại vương” và khen tặng tám chữ “*Nam thiên tráng khí, Bắc khấu hàn tâm*” (Trời Nam khí mạnh, giặc Bắc lòng run).

Cùng với Kinh đô Thăng Long, quân và dân cả nước ta vui mừng phấn khởi, tự hào cùng đón những ngày đầu năm chiến thắng. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất của quân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi mà Đông Bộ Đầu là trận có tính chất

quyết định. Cuộc xâm lược Đại Việt của đế quốc Mông Cổ bước đầu thất bại, việc tạo dựng gọng kìm để tấn công vào phía Nam nước Tống cũng bị bẻ gãy.

Chiến thắng Đông Bộ Đầu năm 1258 thời Trần là thắng lợi hiển hách đầu tiên của những nước bị đế quốc Mông Cổ xâm lược. Đây cũng là thất bại đầu tiên của đế quốc Mông Cổ trong cuộc trường chinh chiếm gần 50 nước từ Á sang Âu. Quân giặc đánh đâu thắng đấy, nếu đánh một lần chưa được thì đánh liên tiếp lần khác cho tới khi giành thắng lợi. Vậy mà đối với Đại Việt sau lần thất bại này (1258), giặc Mông Nguyên phải chùn bước, mãi gần 30 năm sau chúng mới dám mở cuộc tiến công xâm lược lần thứ hai (1285). Thắng lợi đó đã khẳng định chân lý một nước nhỏ nhưng anh dũng và thông minh, biết đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết các dân tộc hoàn toàn có khả năng đánh bại các cuộc xâm lược của một đế quốc hùng mạnh.

*

Trận Đông Bộ Đầu năm 1258 đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất, để lại nhiều kinh nghiệm đánh giặc vô cùng quý báu cho quân và dân Đại Việt. Những kinh nghiệm ấy là nền móng hình thành nên tư tưởng chiến lược “*lấy nhàn chờ nhọc*”, “*lấy đoản binh phá trường trận*”... mà Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và triều đình nhà Trần đã tổng kết và áp dụng thành công trong các cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ hai và thứ ba sau này.

Qua diễn biến của trận tập kích Đông Bộ Đầu, có thể rút ra mấy vấn đề về nghệ thuật quân sự như sau:

Đánh giá đúng địch ta, xác định chính xác phải rút lui và rút lui đúng thời cơ. Để tránh sức mạnh ban đầu và sở trường của địch, quân đội nhà Trần đã rút lui chiến lược khỏi Bình Lệ Nguyên, sau đó rút lui khỏi cả Kinh đô Thăng Long, làm kế hoạch bao vây đánh tan quân ta của địch bước đầu bị thất bại. Để bảo đảm an toàn cho các

lực lượng rút lui, quân Trần đã triển khai các điểm chốt chặn trên các trọng điểm như Phù Lỗ, quân ta phá cầu Phù Lỗ làm cho quân Mông Cổ không truy đuổi kịp vua Trần. Đồng thời, quân ta sử dụng một bộ phận lực lượng cùng các lực lượng dân binh, thổ binh đánh nhỏ lẻ rộng khắp cả trước mặt, sau lưng, hai bên sườn địch; kết hợp với kế hoạch “thanh dã”, đã gây cho địch từ tập trung phải chuyển sang phân tán đối phó và luôn bị uy hiếp căng thẳng, mệt mỏi, thiếu lương thảo... khi tới Thăng Long thì chỉ là một kinh thành trống vắng, chúng nổi ra xung quanh cướp phá lương thảo nhưng lại bị đánh trả quyết liệt. Quân ta ngày đêm tổ chức tập kích, quấy rối... làm cho địch không dám đóng quân trong thành mà đóng tại bên Đông Bộ Đầu dừng lại điều chỉnh chiến lược. Về phía ta, khi tình hình thực tế chưa cho phép diệt địch triệt để, kịp thời thay đổi kế hoạch rút lui để bảo toàn lực lượng là hết sức đúng đắn và sáng suốt.

Rút lui bí mật, nghi binh tạo bất ngờ cao, bảo toàn lực lượng, giữ vững ý chí chiến đấu, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho tổng phản công. Quân ta chủ động rút lui khỏi Thăng Long không những bảo toàn được lực lượng, tranh thủ được thời gian, tạo thời cơ để phản công mà còn đặt địch trước tình thế không thực hiện được chiến lược đề ra. Một trong những tình huống khó khăn và đáng lo ngại nhất của quân Mông Cổ là không biết tình hình và ý định hành động của quân ta. Quân dân Đại Việt đã chủ động tạo nên cục diện mới trên chiến trường. Đại quân và triều đình theo Sông Hồng rút về xuôi, đóng dọc khúc sông Thiên Mạc. Quân ta dùng thuyền rút theo đường sông nên kỵ binh Mông Cổ nếu truy kích sẽ gặp khó khăn. Mặt khác địch lại không rõ tình hình, ý định của quân ta nên không dám truy kích. Tại vùng Thiên Mạc, quân ta nhanh chóng củng cố, tăng cường lực lượng. Khi thời cơ đến, binh thuyền của ta có thể nhanh chóng theo Sông Hồng tiến về Thăng Long tiến hành phản công được thuận tiện.

Chọn thời cơ tập kích chính xác, kiên quyết, dùng mục tiêu, hướng chủ yếu, vận dụng phương pháp phản công sáng tạo. Trong cuốn

“*Bình thư yếu lược*”, đã tổng kết về thời cơ như sau: “Thời là cái đến không đầy chớp mắt, trước thì thái quá, sau thì bất cập...”. Quân Mông Cổ không dám đóng trong thành Thăng Long, phải cụm lại Đông Bộ Đầu trong vòng vây của thế đánh nhỏ lẻ. Sau một cuộc hành quân chiến đấu trên quãng đường dài, sinh lực bị tiêu hao, binh lính mệt mỏi và bắt đầu mất hết tinh thần chiến đấu. Sau 9 ngày vào chiếm Kinh thành Thăng Long, quân Mông Cổ đã mất hết “nhuệ khí ban mai” của một đạo quân tiến công như lộc cuốn... Đó là thời cơ để nhà Trần phản công. Mặc dù đạo quân chủ lực do vua Trần chỉ huy còn chưa tới, ngay trong đêm nắm lấy thời cơ có lợi, tướng Trần Khánh Dư lập tức hạ lệnh tập kích (đánh úp)... lực lượng địch có khoảng 3 vạn được xác định là mục tiêu chủ yếu. Lực lượng phản công của nhà Trần chia làm 2 cánh, một cánh theo đường bộ cơ động triển khai trước, còn cánh chủ yếu theo đường thủy (Sông Hồng) đổ bộ lên đánh thẳng vào cụm quân địch. Lợi dụng đêm tối quân ta quen địa hình, cuộc phản công được vận dụng dưới hình thức một trận tập kích lớn, chia cắt người và ngựa quân địch, giành thắng lợi quyết định trong đêm.

Nghệ thuật rút lui và nghệ thuật phản công trong chiến trận Đông Bộ Đầu thể hiện đầy đủ tính tích cực, chủ động tiến công địch, thực hiện rút lui chiến lược, tiến công nhỏ lẻ rộng khắp buộc địch co cụm lại, sa vào thế bị động chống đỡ, từ mạnh chúng chuyển thành yếu... đó là thời điểm để quân ta tập kích đạt hiệu quả cao nhất. Quân ta từ yếu thành mạnh, mạnh chuyển thành thắng thông qua đòn tập kích quyết định.

Giặc Mông Cổ có ưu thế về lực lượng kỵ binh cơ động nhanh, nhưng quân ta đã không cho chúng có dịp phát huy sở trường này. Ta tạm lùi một bước để tránh giao chiến với địch khi điều kiện đánh tiêu diệt chưa chín muồi; tạo điều kiện tập trung lực lượng, chớp thời cơ có lợi để phản công, xác định hướng chiến lược chính xác, cách đánh úp ban đêm táo bạo, bất ngờ, phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, tận dụng được yếu tố bí mật, hạn chế được sở trường

của kỵ binh địch là những kinh nghiệm lớn rút ra từ chiến thắng Đông Bộ Đầu lịch sử.

Bài học từ cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất cho thấy quân xâm lược chỉ duy trì được khả năng chiến đấu tốt nhất trong thời gian đầu. Càng về sau vì xa hậu phương, nguồn lương thực cạn kiệt, quân sĩ không quen khí hậu, bệnh tật phát triển, sức chiến đấu giảm sút nhanh chóng. Cùng với việc theo dõi sát sao tình hình địch, nhà Trần chủ trương không quyết chiến với địch khi chúng còn đang sung mãn để bảo toàn lực lượng. Tích cực chuẩn bị, tạo thế, tạo thời cơ, đánh một đòn quyết định, làm xoay chuyển tình thế chiến tranh. Đó là một quyết định đúng đắn và táo bạo. Đây cũng là kinh nghiệm quý báu trong cuộc chiến tranh vệ quốc của quân và dân ta.

Chiến thắng chống quân xâm lược Mông Cổ mùa xuân năm Nguyên Phong thứ 7 (năm 1258) không chỉ là niềm tự hào của quân dân Đại Việt thời Trần mà mãi mãi được ghi nhớ trong tâm thức các thế hệ người Việt Nam. Trong bài thơ “*Xuân nhật yết Chiêu lăng*” (Ngày xuân bái yết Chiêu lăng - Lăng vua Trần Thái Tông), vua Trần Nhân Tông (cháu đích tôn của vua Trần Thái Tông), vị vua anh hùng cứu nước, người đã lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên vào năm 1285 và 1288 có những câu thơ rất hào sảng như sau:

*Bạch đầu quân sĩ tại
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.
(Người lính già đầu bạc
Kể mãi chuyện Nguyên Phong).*

IV - TRẬN BẠCH ĐẰNG (NĂM 1288)

Trận Bạch Đằng ngày 9-4-1288 là trận phục kích đường sông của quân đội nhà Trần (Đại Việt), do Trần Quốc Tuấn chỉ huy diệt quân Nguyên - Mông rút chạy, kết thúc cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ ba (1287-1288).

Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), đế quốc Mông - Nguyên đã liên tiếp ba lần tiến công xâm lược Đại Việt.

Lần thứ nhất, năm 1258, hơn 3 vạn kỵ binh Mông Cổ dưới quyền chỉ huy của tướng Ngột Lương Hợp Thai (Uriangkhadai) tiến vào Đại Việt. Trước thế mạnh của giặc, quân ta buộc phải rút lui khỏi Kinh thành Thăng Long về vùng sông Thiên Mạc (Hưng Yên). Quân xâm lược chiếm được một kinh thành trống rỗng, không có lương ăn. Ngày 29 tháng 1 năm 1258, quân đội nhà Trần mở cuộc phản công. Bằng trận tập kích chiến lược Đông Bộ Đầu, quân Mông Cổ bị thất bại nặng nề, đám tàn quân chạy một mạch về Vân Nam (Trung Quốc). Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất vào năm Nguyên Phong thứ 7 (1258) đã giữ vững được nền độc lập và chủ quyền của quốc gia Đại Việt. Đất nước hòa bình trong hơn một phần tư thế kỷ (1258 - 1284). Nhưng nguy cơ ngoại xâm mới chỉ được đẩy lùi chứ chưa phải đã hết. Đế quốc Mông Cổ đang trên đà phát triển và chưa chịu từ bỏ ý đồ xâm lược các nước phía Đông và Đông Nam Á. Vì vậy, đây là thời kỳ đấu tranh ngoại giao vừa quyết liệt vừa khôn khéo của vua tôi nhà Trần với các đoàn sứ thần Mông Cổ. Năm 1258, vừa mới chạy thoát thân về đến Vân Nam, Ngột Lương Hợp Thai đã sai sứ sang dụ vua Trần sang châu vua Mông Cổ. Hành động ngang ngược đó liền bị nhà Trần đáp lại

đích đáng. Vua Trần Thái Tông sai trói sứ giả của giặc lại rồi đuổi về. Năm 1260, sau khi chúa Mông Cổ là Mông Ke chết, Hốt Tất Liệt tự xưng làm Đại Hãn. Cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ đế quốc Mông Cổ khiến chúng phải tạm ngừng cuộc tấn công Nam Tống và nới lỏng hơn trong quan hệ với Đại Việt. Khi lên ngôi Hãn năm 1271, Hốt Tất Liệt đổi quốc hiệu là Nguyên, thống trị cả vùng đất Trung Quốc, tăng cường dùng sức mạnh ngoại giao hòng khuất phục triều Trần. Trong vòng hai mươi năm liền, nhà Nguyên đã liên tiếp phái nhiều đoàn sứ giả sang Đại Việt dụ dỗ, yêu sách, đe dọa ngày càng trắng trợn, hống hách, ngang ngược đối với vương triều Trần...

Lần thứ hai, năm 1285, vua Nguyên là Hốt Tất Liệt (Khubilai) huy động 50 vạn quân do con trai là Thoát Hoan chỉ huy, tiến công Đại Việt. Quân dân ta dưới sự lãnh đạo của hai vua Trần (Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông) mà trực tiếp là Quốc công Tiết chế Trần Quốc Tuấn đã anh dũng chiến đấu ngăn chặn các mũi tiến công của quân giặc. Trước đó, triều đình nhà Trần đã mở hội nghị Bình Than và Diên Hồng nêu cao quyết tâm đánh giặc cứu nước. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã ra *Hịch tướng sĩ*. Bài hịch đã có tác dụng khích lệ, cổ vũ lòng yêu nước và thúc giục các tướng sĩ hăng hái luyện tập binh mã để giết giặc lập công. Quân và dân Đại Việt dưới quyền tổng chỉ huy của Trần Quốc Tuấn và các tướng Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật đã chặn giặc từng bước ở các cửa ải biên giới, ở Sông Hồng, ở Nghệ An và Thanh Hóa. Nhưng cũng như lần trước, triều đình và quân đội nhà Trần phải tạm rút lui khỏi kinh thành về Thiên Trường, Trường Yên (thuộc Nam Định và Ninh Bình) rồi vào Thanh Hóa. Cả nước thực hiện cuộc chiến tranh toàn dân, thực hiện vườn không nhà trống, triệt nguồn lương thảo của giặc và liên tục tiến hành đánh nhỏ, phục kích và tập kích, đánh tiêu hao quân xâm lược. Tháng 5 năm 1285, khi quân giặc đã mệt mỏi, sức lực suy yếu, sa vào thế bị động, quân ta mở cuộc phản công chiến lược bằng một loạt các trận đánh lớn như: A Lỗ (Thái Bình), Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương (Hà Nội), tiêu diệt

nhiều sinh lực địch, rồi thừa thắng bao vây và tiến công mạnh quân địch ở Thăng Long. Bị thất bại liên tiếp, Thoát Hoan và các tướng giặc tìm đường tháo chạy về nước. Nhưng chúng bị chặn đánh ở Sông Cầu và bị thua to ở Vạn Kiếp (Hải Dương). Đạo quân Toa Đô cũng bị đánh tan ở Tây Kết. Toa Đô bị chém đầu tại trận. Cuối tháng 6 năm 1285, toàn bộ quân xâm lược bị quét sạch khỏi bờ cõi nước ta.

Lần thứ ba, vào cuối năm 1287, đầu năm 1288, vua Nguyên là Hốt Tất Liệt dốc toàn bộ lực lượng quyết tâm đánh chiếm Đại Việt. Hai lần xâm lược, hai lần thất bại thảm hại. Hốt Tất Liệt vô cùng tức tối, tổ chức cho được cuộc xâm lược lần thứ ba. Hắn bãi bỏ kế hoạch đánh Nhật Bản đã được chuẩn bị từ trước và dồn sức lực cho cuộc viễn chinh này.

Khác với hai lần trước, lần này ngoài bộ binh và kỵ binh, nhà Nguyên còn huy động một lực lượng thủy binh hùng mạnh và mang theo lương thực đầy đủ. Tổng số quân Nguyên khoảng 50 vạn do Trần Nam vương Thoát Hoan thống lĩnh, chia thành ba đạo tiến vào Đại Việt:

- Đạo quân do Thoát Hoan chỉ huy chiếm phần lớn quân số, tiến từ Quảng Tây theo đường Lạng Sơn tiến vào.
- Đạo quân do Ái Lỗ (Aruc) chỉ huy từ Vân Nam theo Sông Hồng tiến xuống.
- Đạo quân thủy do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy với khoảng 600 chiến thuyền từ Khâm Châu (Quảng Đông, Trung Quốc) theo sông Bạch Đằng tiến vào rồi hội quân ở Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương). Ngoài ra còn có đội thuyền vận tải do Trương Văn Hổ cầm đầu chở hơn 70 vạn斛 lương theo sau.

Các tướng giặc chỉ huy cuộc viễn chinh lần thứ ba đều là những tên thiện chiến, hầu hết đều rất quen thuộc với chiến trường Đại Việt. Thoát Hoan giữ chức Tiết chế tổng chỉ huy là kẻ cầm đầu cuộc xâm lược lần trước.

Quân dân Đại Việt bước vào cuộc kháng chiến lần thứ ba hết sức chủ động vì lúc đó nước ta đã chuẩn bị đầy đủ các mặt kinh tế, chính trị, quốc phòng. Toàn quân, toàn dân Đại Việt đã sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược. Từ khi được tin quân Nguyên chuẩn bị xâm lược thì việc huấn luyện, diễn tập của quân đội được đẩy mạnh và tăng cường. Vua Trần Nhân Tông đã lệnh cho các vương hầu, tôn thất mộ thêm binh lính, chấn chỉnh lực lượng. Chiến thuyền, khí giới được gấp rút chế tạo, tu sửa. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lại được cử làm Quốc công Tiết chế thống lĩnh quân đội kháng chiến. Các vương hầu đem quân đóng ở các nơi hiểm yếu, sẵn sàng chống giặc. Vua Trần hỏi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn: “Thế giặc năm nay thế nào?”. Quốc Tuấn trả lời: “Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh, cho nên năm trước quân Nguyên xâm lấn, hoặc có người đầu hàng trốn tránh. Nhờ được uy linh của tổ tông và thần võ của bề hạ đã quét sạch được rợ Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc đánh dẹp mà quân họ thì ngại về đi xa; và lại họ đã cách về sự thất bại của Hảng và Quán, không có lòng chiến đấu nữa. Cứ ý thần xem thì tất đánh tan được” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1971, tr.63 - 64. Hảng và Quán là tướng Nguyên bị quân ta bắn chết khi bảo vệ Thoát Hoan chạy về nước, trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ hai).

Trong trận chiến lần này, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn rất chú trọng đến vùng biển Đông Bắc. Đó là đường tiến của thủy quân và đoàn thuyền tải lương của quân Nguyên. Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư được phong làm phó tướng, phụ trách mọi việc ở vùng biển này, đóng quân ở Vân Đồn; Phán thủ Thượng bộ Nhân Đức hầu Trần Toàn lãnh nhiệm vụ ngăn chặn thủy quân giặc. Quân đội nhà Trần với tinh thần “Sát thát” đã ra sức rèn luyện để có tinh thần và kỹ thuật chiến đấu cao. Tướng sĩ đã từng trải chiến trận, thông hiểu binh pháp. Quân đội được xây dựng theo phương thức “cốt tinh nhuệ”, trở thành chỗ dựa tin cậy của vương triều.

Cuối tháng 12 năm 1287, quân xâm lược vượt biên giới tiến công Đại Việt. Theo kế hoạch của Quốc công Tiết chế, quân ta chủ động rút lui, không quyết chiến buổi đầu với giặc, nhằm bảo toàn lực lượng, từng bước đánh kìm chân địch và dẫn dắt quân thù vào thế trận của ta, tạo thời cơ phản công tiêu diệt. Trong khi đó các cánh quân bộ binh, kỵ binh của Thoát Hoan và Ái Lỗ ào ạt tiến vào Đại Việt thì đạo thủy quân của chúng cũng lên đường. Trên hướng đường thủy, quân ta do phó tướng Trần Khánh Dư chỉ huy không thể ngăn chặn được bước tiến của đạo thủy quân do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp cầm đầu. Tuy nhiên, thủy quân của ta đã giành được một thắng lợi có ý nghĩa lớn, đó là chiến thắng Vân Đồn - Cửa Lục, hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ. Quân Trần thu được lương thực, khí giới của giặc rất nhiều không kể xiết. Còn tên chỉ huy đoàn thuyền tải lương của quân Nguyên là Trương Văn Hổ vội vã lấy thuyền nhẹ chạy trốn ra Quỳnh Châu (đảo Hải Nam, Trung Quốc).

Về phía quân Nguyên, sau khi hội quân ở Vạn Kiếp, Thoát Hoan đã cố xây dựng ở vùng này thành một căn cứ quân sự lớn cho cả quân bộ lẫn quân thủy. Đến ngày 27 tháng 1 năm 1288, Thoát Hoan bắt đầu chia quân tiến về Thăng Long. Quân dân nhà Trần đã đặt phục binh đánh giặc rồi lại rút lui. Thoát Hoan lại chiếm được Kinh thành Thăng Long. Từ Thăng Long, chủ tướng Thoát Hoan huy động một lực lượng thủy quân lớn có sự hỗ trợ của bộ binh đuổi theo quân đội nhà Trần hòng bắt sống vua Trần và triều đình. Tướng giặc Ô Mã Nhi đe dọa vua Trần: “Người chạy lên trời, ta theo lên trời; người chạy xuống đất ta theo xuống đất; người trốn lên núi ta theo lên núi; người lặn xuống nước ta theo xuống nước” (Từ Minh Thiên, *Thiên Nam hành kí*, bản thuyết phụ (tài liệu Trung Quốc) tr.12).

Thế nhưng ý đồ của quân Nguyên không thực hiện được, chúng không sao bắt được những người lãnh đạo chủ chốt của triều đình nhà Trần. Quân giặc tức tối thẳng tay tàn sát nhân dân. Tướng giặc

Ô Mã Nhi đã cho quân sục vào phủ Long Hưng (Tiên Hưng, Thái Bình), nơi có lăng mộ của họ Trần, cho khai quật lăng Trần Thái Tông để trả thù lần thất bại trước của hắn. Bấy giờ vua Trần và triều đình đã theo cửa Thiên Trường (Giao Thủy) ra biển.

Quân giặc còn triệt hạ đền trang thái ấp, tàn phá nhiều làng mạc, gây ra trăm ngàn tội ác với nhân dân ta. Một dải đồng bằng từ Thăng Long đến các lộ Hồng, Khoái tiêu điều xơ xác. Tuy nhiên đi đến đâu, chúng cũng gặp vườn không nhà trống và bị quân dân địa phương chống lại quyết liệt. Chúng cũng không thể cướp được lương thực vì nhân dân đã mang hết thóc, gạo cất giấu đi nơi khác.

Ngày 6 tháng 2 năm 1288, không đuổi kịp được vua Trần, Thoát Hoan đành cho quân trở lại Thăng Long. Việc thiếu lương thực đã trở thành nguy cơ nghiêm trọng đối với đạo quân khổng lồ của nhà Nguyên. Đã gần hai tháng đóng quân ở Thăng Long, mấy chục vạn quân Nguyên lâm vào tình trạng nguy khốn. Quân Nguyên tuy chiếm được một vùng rộng lớn, nhưng ý đồ đánh nhanh thắng nhanh, tiêu diệt quân chủ lực và bộ máy lãnh đạo kháng chiến của nhà Trần không thực hiện được. Bấy giờ quân ta tiến công ở nhiều nơi, quân Nguyên ốm yếu và thiếu lương ăn, tinh thần chiến đấu sa sút, rệu rã. Thoát Hoan đã thấy chán nản, muốn rút quân về. Bọn tướng Nguyên bàn với Thoát Hoan: “Ở Giao Chỉ không có thành trì để giữ, không có lương thực để ăn, mà thuyền lương của Trương Văn Hổ không đến. Vả lại, khí trời nóng nực, lương hết, quân mệt, không lấy gì để chống giữ lâu được, làm hổ thẹn cho triều đình, chi bằng nên toàn quân rút về thì hơn” (*Nguyên sử*, quyển 209, *An Nam truyện*). Thoát Hoan cũng thừa nhận: “Ở đây nóng nực ẩm thấp, lương hết quân mệt” và đồng ý rút quân về.

Lúc đó lực lượng của quân Nguyên tuy còn rất đông, do bị quân ta tiến công mãnh liệt, chúng sa vào một cuộc chiến tranh toàn dân, ngày càng tiến gần đến nguy cơ bị tiêu diệt. Thoát Hoan chấp nhận rút quân, nhưng rút bằng cách nào là cả một vấn đề mà các tướng

Nguyên phải bàn bạc. Kẻ thì đề nghị hủy thuyền đi bộ, kẻ khác muốn đi cả bộ lẫn thuyền. Tập trung mấy chục vạn quân rút theo đường bộ thì quá chậm chạp, thật khó mà an toàn tính mạng. Bài học “Hằng, Quán” cũng như vết nhọc và nỗi sợ “chui vào ống đồng” trước đây vẫn ám ảnh viên chủ tướng. Cũng cần nói thêm rằng, trong cuộc xâm lược Đại Việt lần trước, Thoát Hoan đã thất bại thảm hại. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Tháng 6-1285, Lý Hằng đem quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên thuốc bắn trúng vào đầu gối bên trái của Hằng, Hằng chết, tỳ tướng là Lý Quán thu nhặt 5 vạn quân còn lại lấy đồ đồng giấu Thoát Hoan vào trong để trốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Võ Vương đuổi theo, lấy tên thuốc bắn trúng Lý Quán, Quán chết. Quan Nguyên cả võ” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sdd, tr.61 - 62).

Cuối cùng, Thoát Hoan quyết định lần này chia quân làm hai đường thủy bộ rút về nước. Kế hoạch rút lui của giặc như sau:

- Quân bộ do Thoát Hoan chỉ huy, có A Bát Xích (Abatri) dẫn kỵ binh đi trước mở đường rút theo đường Lạng Sơn.
- Quân thủy do Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp chỉ huy rút về theo đường sông Bạch Đằng ra biển. Cùng rút với đạo quân thủy còn có thân vương Tích Lệ Cơ và viên quan vạn hộ thủy quân Trương Ngọc. Để bảo vệ cho đoàn thủy binh rút lui có đội kỵ binh dọc theo sông hộ tống.

Về phía ta, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cùng hai vua Trần (Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông) luôn theo dõi chặt chẽ mọi âm mưu và hành động của giặc. Trần Quốc Tuấn biết chắc rằng, Thoát Hoan không còn cách gì hơn là tháo chạy. Vì thế, trên khắp các ngã đường mà quân Nguyên có thể chạy qua, quân đội Đại Việt đã được lệnh bố trí lực lượng để chặn đánh. Một cạm bẫy lớn đã được giăng ra, đặc biệt trên hướng đường thủy ở Bạch Đằng, sẵn sàng đánh đòn quyết định tiêu diệt giặc Nguyên.

Từ các nguồn tin thu thập ở Thăng Long và Vạn Kiếp, quân ta đã nắm chắc được lực lượng và kế hoạch rút lui của quân Nguyên. Kế hoạch rút chạy của Thoát Hoan không nằm ngoài dự đoán từ trước của Quốc công Tiết chế Trần Quốc Tuấn.

Quân và dân ta được huy động chuẩn bị cho một trận đánh quyết định. Không có tài liệu nào ghi chép cụ thể số lượng quân dân ta tham chiến trong trận Bạch Đằng. Nhưng do vị trí và ý nghĩa chiến lược của trận quyết chiến này, chắc chắn Trần Quốc Tuấn đã tập trung về đây một bộ phận quan trọng quân chủ lực của triều đình kết hợp với quân của các vương hầu và dân binh. Trong lực lượng chủ lực được huy động vào trận Bạch Đằng, có phần lớn thủy binh và những lực lượng bộ binh tinh nhuệ của nhà Trần như đạo quân của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, đạo quân của hai vua Trần, đạo quân Thánh dực nghĩa dũng do tướng Nguyễn Khoái chỉ huy, đạo quân Hữu vệ thánh dực do Phạm Ngũ Lão chỉ huy, đạo quân của các con Trần Quốc Tuấn (như Hưng Trí Vương Hiến), quân của Trần Quốc Bảo...

Đáng chú ý trong trận Bạch Đằng, cùng tham gia chuẩn bị và trực tiếp chiến đấu với quân đội chủ lực còn có nhiều đội dân binh và sự đóng góp hết sức to lớn của nhân dân vùng ven biển Hạ Hồng (Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh), trong đó có đông đảo nhân dân hai xã bên bờ sông Bạch Đằng. Sử sách không ghi chép nhiều về sự tham gia của dân binh, nhưng tên tuổi của nhiều anh hùng địa phương và sự tích cứu nước của quần chúng nhân dân vẫn còn được lưu truyền trong dân gian với một số di tích đền miếu, bia tượng, địa danh... Những di tích và câu chuyện dân gian đó thường gắn liền với vai trò tổ chức, lãnh đạo và hình ảnh của vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn.

Toàn bộ lực lượng quân sự trên đây đều đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Dưới quyền ông là những danh tướng “sức dư trăm trận” như:

Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão, Nội minh tự Đỗ Hành - người đã từng tham gia “bẻ gãy giáo giặc ở bến Chương Dương, bắt sống giặc Hồ ở cửa Hàm Tử”. Có những tướng soái thuộc dòng tôn thất như Trần Quốc Hiến, Trần Quốc Bảo; có người chỉ huy giỏi xuất thân từ gia nô hay binh dân như Yết Kiêu, Dã Tượng; có những quan văn giỏi mưu kế như Nguyễn Xuân, có nhiều võ tướng anh dũng người địa phương như Vũ Đại, Hoàng Thán, Hoa Duy Thành, và còn biết bao nhiêu người chỉ huy dân binh dũng cảm, mưu trí khác.

Từ dự đoán đường rút của quân Nguyên và dự kiến kế hoạch tác chiến của mình, Trần Quốc Tuấn đã dùng đại bộ phận thủy quân cùng một lực lượng lớn bộ binh bố trí thành một trận địa mai phục ở thượng lưu sông Bạch Đằng. Một trận địa bãi cọc ngầm được chuẩn bị, bày sẵn. Đó là bãi cọc gỗ nằm ở cửa sông Chanh sát liền với sông Bạch Đằng, ngày nay ta quen gọi là bãi cọc Yên Giang và các bãi cọc kết hợp khác ở sông Kênh, sông Rút... Tất cả kết hợp với nhau kéo dài như một phòng tuyến ngầm dàn ra ở các cửa sông, sẵn sàng chặn đánh quân địch tháo chạy. Bộ binh của ta một phần mai phục ở núi Tràng Kênh để phối hợp với thủy binh chiếm giữ các điểm cao và sẵn sàng đánh bật địch xuống sông nếu chúng dám liều lĩnh đổ bộ lên bờ. Lực lượng mai phục trong những cánh rừng và bãi sú vẹt kín đáo ven sông bên tả ngạn, nhiều nhất là ở vùng cửa sông Chanh, sông Kênh... Đây là nơi mà hàng trăm thuyền chiến địch sẽ dồn lại và lực lượng thủy bộ của ta phối hợp với nhau đánh giặc cả trên sông, trên bờ, tiêu diệt toàn bộ quân giặc.

Nhiều thuyền nan, thuyền nứa chứa đầy củi khô tẩm các thứ nhựa, dầu cháy đã được chuẩn bị sẵn sàng ở chân núi Tràng Kênh để thực hiện kế hoạch hỏa công. Một đội thuyền nhẹ của ta sẵn sàng khiêu chiến như địch.

Về phía quân Nguyên, thực hiện kế hoạch đã định, từ căn cứ Vạn Kiếp, Thoát Hoan cho đạo quân thủy của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp rút lui trước. Trên bờ có đội kỵ binh hộ tống do Hữu thừa

Trình Bằng Phi và Thiêm tinh Đạt Truật chỉ huy. Đạo quân bộ của Thoát Hoan vẫn đóng ở Vạn Kiếp để hỗ trợ cho quân thủy rút lui an toàn rồi mới rút theo đường bộ qua Lạng Sơn. Về số lượng quân Nguyên rút lui bằng đường thủy là bao nhiêu? Khi tiến sang xâm lược nước ta cuối năm 1287, đoàn thuyền chiến của địch gồm 620 chiếc (theo *Nguyên sử* q.209 và *An Nam chí lược* q.4, lúc đầu nhà Nguyên huy động 500 thuyền chiến sang đánh Đại Việt. Sau đó lại bổ sung thêm 120 chiếc lấy ở Quỳnh Lôi, Hải Nam và Nam Ninh, Quảng Tây, đưa tổng số thuyền chiến lên 620 chiếc). Sau mấy trận đánh ở chiến trường vùng ven biển Đông Bắc, số thuyền của địch có bị hao hụt, nhưng chúng lại cướp và đóng thêm để bù vào. Số chiến thuyền quân Nguyên sử dụng trong cuộc rút lui này khoảng 600 chiếc. Theo những tài liệu đương thời thì mỗi thuyền chiến của quân Nguyên có thể chở được trên dưới 100 người. Như vậy số quân địch rút quân bằng đường thủy có khoảng trên 6 vạn binh sĩ.

Ngày 30 tháng 3 năm 1288, đạo thủy quân do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy bắt đầu rút. Đoàn kỵ binh hộ tống của Trình Bằng Phi gặp nhiều khó khăn, tiến chậm chạp do bị quân ta triệt phá cầu đường và liên tục đánh chặn. Khi đến chợ Đông Triều (Quảng Ninh), không thể vượt qua sông được, đoàn kỵ binh này quay trở lại. Vì cầu đường đã bị phá và biết tin quân ta đang chờ chặn đánh nên Trình Bằng Phi không dám trở về theo đường cũ, đang đêm chúng cưỡng bức các hương lão đã bị chúng bắt, đưa đường khác trở về Vạn Kiếp để còn kịp theo Thoát Hoan rút chạy về nước. Ta không tốn nhiều sức mà đội kỵ binh của địch mới đi được mười dặm đã phải quay trở lại, bỏ mặc đạo binh thuyền Ô Mã Nhi đang hành trình trên sông, Việc tách được đoàn thuyền chiến khỏi đội kỵ binh hộ tống, đã tạo điều kiện thuận lợi cho trận chiến sau đó.

Do đánh nhau liên tục với quân ta trong mấy tháng trời, vừa trở về Vạn Kiếp nay lại phải ra đi, đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi gặp rất nhiều khó khăn. Quân sĩ mỗi mệt, bọn tướng chỉ huy thì run sợ, hoang mang lo lắng. Chúng miễn cưỡng tiến hành cuộc hành quân

bằng đường thủy, điều mà chúng hoàn toàn không muốn, nhất là trong trường hợp này. Trước đây, chúng đã bao phen bị đại bại khi đụng đầu với thủy binh Đại Việt ở An Quảng, Đại Bàng, Tháp Sơn và giờ đây quân ta đang đợi chúng trên đường về. Dọc đường từ Vạn Kiếp qua sông Kinh Thầy, quân ta đã tổ chức nhiều trận đánh tiêu hao địch. Nhiều trận tập kích đã xảy ra kìm hãm bước tiến của chúng. *Nguyên sử* chép: “Giao chiến ngày này qua ngày khác”. Vì không có quân hộ tống nên đoàn thuyền của Ô Mã Nhi di chuyển vô cùng chậm chạp.

Ngày 8 tháng 4, tiền vệ của địch do do tướng Lưu Khuê chỉ huy tiến đến đầu sông Giá (dẫn theo Lê Trác trong *An Nam chí lược*, có ý kiến cho rằng Lưu Khuê rút theo đường bộ). Chúng vừa thăm dò lực lượng quân ta vừa tìm đường gần nhất để theo sông này ra sông Bạch Đằng. Đến vùng Trúc Động, Lưu Khuê bị quân ta đón đánh (Trúc Động nay thuộc xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng). Trận Trúc Động là trận phục kích nghi binh diễn ra cả ngày lẫn đêm. Theo truyền thuyết, trước đó mỗi gia đình người dân ở đây nộp cho quân đội nhiều mo cau có trát sơn và các bẻ chuối. Khi được tin quân giặc sắp kéo đến, quân ta từ trên núi thay đổi quần áo và cờ lệnh năm lần với năm màu sắc khác nhau, lại thả rất nhiều mo cau và thân chuối trôi đầy sông. Đêm tối, đuốc sáng trưng, chiêng trống vang trời. Đồng thời quân ta từ phía trước và hai bên cùng đánh, tên bắn xuống như mưa gây cho địch nhiều thiệt hại. Giặc Nguyên tưởng quân ta đông, rất hoang mang lo sợ. Qua một ngày đêm chiến đấu, mưu trí và linh hoạt, quân dân ta đã đánh cho đội quân Lưu Khuê thất bại hoàn toàn, phần lớn bị tiêu diệt, số còn lại quay ra dòng Đá Bạc xuôi cùng đoàn thuyền Ô Mã Nhi. Trúc Động là trận đánh chặn bảo vệ, chuẩn bị cho trận Bạch Đằng. Trần Quốc Tuấn không để địch xuôi theo sông Giá; vì nếu địch hành quân theo đường này thì lực lượng bố trí của ta bị lộ, thế chủ động bất ngờ của trận Bạch Đằng không còn nữa. Mặt khác, quân ta cần phải kiểm chế để từng bước dẫn dắt quân địch vào trận địa mai phục đúng địa điểm và thời gian đã định.

Thắng lợi Trúc Động đã bảo vệ an toàn cho lực lượng ta bố trí trên sông Giá, sông Thái và các dãy núi hai bên bờ. Thắng lợi đó bảo đảm bí mật cho trận địa Bạch Đằng và buộc địch phải đi theo đường dự kiến của ta.

Sáng sớm ngày 9 tháng 4 năm 1288, đoàn thuyền của Ô Mã Nhi theo sông Đá Bạc tiến xuống. Đội tiền quân do Tham chính Phàn Tiếp chỉ huy. Lúc đó nước triều vẫn còn mênh mông, thuyền địch đi chậm chạp. Ngày hôm đó, đúng vào độ nước cường, thủy triều dâng cao và lên xuống mạnh, dự tính về con nước lúc cao nhất vào nửa đêm hôm trước là 3,20m và thấp nhất là 0,90m vào buổi trưa ngày hôm sau, như vậy độ chênh lệch là 2,30m. Khi triều xuống thấp thì nước chảy rất mạnh.

Quân Đại Việt trên các môm đá đã sẵn sàng cung tên, giáo dài, chờ vào lúc nước triều xuống mạnh và đạo binh thuyền Ô Mã Nhi qua sông Đá Bạc, lọt vào sông Bạch Đằng mới đổ ra quyết chiến. Khoảng 6 đến 7 giờ sáng (giờ mao) nước triều từ từ xuống, tức là gần đến khi các bãi cọc phát huy tác dụng, cũng là lúc cuộc chiến đấu bắt đầu. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ra lệnh “cho quân khiêu chiến, rồi giả cách thua, quân giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại” (Sdd, tr.67). Đội quân của Phàn Tiếp đuổi theo và tiến lên phía trước.

Thủy triều xuống mạnh càng đưa thuyền địch lao nhanh. Phàn Tiếp vội đưa thuyền áp sát về phía Tràng Kênh rồi thúc quân “chiếm lấy đỉnh cao” (Lê Trắc, *An Nam chí lược*, q.5) hòng ngăn chặn quân ta phía núi, hỗ trợ cho trung và hậu quân tiến lên.

Địch lọt vào trận địa mai phục của ta. Trống hiệu nổi lên, cờ hiệu tung bay phấp phới thôi thúc đoàn quân chiến đấu. Thủy binh ta trên các thuyền nhẹ từ các ngả sông, nhánh sông, từ trong các lùm cây, bãi sít bất ngờ xông ra. Bộ phận quân ta gồm cả quân chủ lực và dân binh dưới quyền chỉ huy của tướng Trần Quốc Bảo đóng ở các áng núi, lạch sông, mai phục sẵn ở núi Tràng Kênh lao ra quyết chiến.

Từ trên núi cao quân ta đánh hất địch xuống hết đợt này đến đợt khác để giữ vững vị trí.

Thủy quân Hải Đông - Vân Trà từ các phía Điện Công, Gia Đước, sông Thái, sông Giá nhanh chóng tiến ra sông Bạch Đằng. Quân Thánh dự nghĩa dũng lộ Hồng Khoái (Hải Dương, Hưng Yên) do tướng quân Nguyễn Khoái chỉ huy với hàng trăm chiến thuyền cùng quân các lộ căng tay chèo lao nhanh ra sông, dựa vào Ghềnh Cốc lập thành một dải chiến thuyền hùng vĩ chặn đầu quân địch, “chấn chiến hạm ở ngang sông”.

Đại quân địch do Ô Mã Nhi thống lĩnh lúc đó cũng vừa đổ vào sông Bạch Đằng. Thuyền chiến của giặc san sát, phần nhiều là loại thuyền Quảng Đông to lớn đóng bằng thứ gỗ tốt nặng nề trôi về hướng Ghềnh Cốc. Bộ phận đi đầu cố tránh quăng ghềnh cạn, dồn đội hình lại, định vượt qua quăng ghềnh sâu nhưng bị ngay thủy quân ta tiến công vào giữa đội hình. Một số thuyền giặc luống cuống va vào quăng ghềnh cạn, chiếc bị đắm, chiếc lật nghiêng. Những chiếc khác hốt hoảng giạt sang một bên, bị thủy quân ta xông vào tiêu diệt. Các thuyền chiến của tướng quân Nguyễn Khoái tả xung hữu đột trên quăng sông Ghềnh Cốc khiến quân Nguyên không thể nào vượt qua được. Tiếng chiêng trống, tiếng hò reo của quân ta khiến quân Nguyên càng hoảng loạn. Quân ta “bắn tên như mưa” dồn thuyền địch về phía tả ngạn sông. Ô Mã Nhi phải ra lệnh thúc thuyền hướng theo các cửa sông Chanh, sông Kênh, sông Rút để tìm đường tháo chạy ra biển.

Bảy giờ là quăng giữa trưa. Thủy triều rút nhanh, nước xuống đến mức thấp nhất. Các trận địa cọc im lìm bấy lâu ẩn dưới làn nước triều mênh mông bỗng nhiên xuất hiện, như vùng lên cùng người đánh giặc. Bị nước đẩy xuôi, lại bị đánh gập phía sau lưng, thuyền giặc hết lớp trước đến lớp sau bị dồn vào bãi cọc. Nhiều thuyền chiến của giặc bị nghẽn trước cửa sông Chanh, một số thuyền bị cọc đâm thủng, nhiều chiếc va vào Ghềnh Cốc, một số dồn lại

trước cửa sông Kênh, sông Rút. Số thuyền giặc bị đắm hoặc bị mắc cạn không thể tiến lên được nhiều vô kể.

Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt. Từng trận mưa tên tầm thuốc độc trùn lên đầu giặc. Thuyền chiến của quân ta cơ động nhanh áp sát vào thuyền địch đánh gần; quân ta dùng gươm, câu liêm hai lưỡi, lưỡi quắm, giáo dài, ngách lớn, dùi bốn cạnh đâm chém giết chết vô số quân giặc. Quân ta càng đánh khí thế càng hăng.

Đúng lúc đó, các bè nứa, thuyền nan chứa đầy chất dễ cháy giấu sẵn ở vùng Tràng Kênh, từ các làng Do Lễ, Phục Lễ, Phả Lễ được các đội dân binh nổi lửa đốt lên, thả xuôi dòng nước lao thẳng vào giữa đội hình thuyền chiến của giặc đang hỗn loạn, bị nghẽn tắc trước hàng cọc gỗ. Thuyền giặc bắt lửa, bốc cháy ngùn ngụt, thiêu sống bọn giặc trên thuyền. Trận hỏa công dữ dội đã gây ấn tượng mạnh mẽ, đến tận ngày nay nhân dân địa phương vẫn còn lưu truyền câu ca:

*“Bạch Đằng nhất trận hỏa công
Tặc binh đại phá, huyết hồng mãn giang”.*

(Bạch Đằng một trận hỏa công
Phá tan quân giặc, máu hồng đầy sông).

Trên đà thắng lợi, quân ta càng hăng hái đánh địch. Phía núi Tràng Kênh, quân ta vừa dùng cung tên bắn, vừa đánh giáp lá cà, khiến cho toàn đội binh thuyền Phàn Tiếp phải nhảy xuống sông. Địch bị chết, bị thương không kể xiết. Tướng giặc là Phàn Tiếp bị trúng tên, nhảy xuống nước, bị quân ta dùng câu liêm móc lên, bắt sống.

Giữa lúc trận thủy chiến và hỏa công đang diễn ra quyết liệt thì đoàn thuyền chiến của hai vua Trần theo kế hoạch đã kịp xông tới hợp sức tiến công địch. Trước đó, đạo quân của hai vua đóng ở vùng Hiệp Môn bên bờ sông Giáp (sông Kinh Thầy, vùng Kinh Môn) làm nhiệm vụ đánh tiêu hao và kiềm bước địch. Khi biết giặc đã lọt vào sông Bạch Đằng, hai vua Trần sẵn sàng đội ngũ, cờ hiệu rợp sông,

theo đà nước, tiến gấp để kịp thời đánh địch. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh hăng, quân Nguyên chết đuối không xiết kể, nước sông đến nổi đỏ ngầu” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.67). Đòn của hai vua Trần đánh vào sau lưng địch đã khiến cho chúng càng bị động, lúng túng và thiệt hại nặng. Sau đó mấy chục năm, đầu thế kỷ XIV, danh sĩ Phạm Sư Mạnh viết bài thơ ca ngợi chiến công Bạch Đằng trong đó có nhắc tới hai vua rằng:

*“Ức tích Trùng Hưng đế
Khắc chuyền khôn oát kiền
Hải phổ thiên môn đồng
Hiệp Môn vạn tinh chiên”.*

(Nhớ xưa vua Trùng Hưng
Khéo xoay trời chuyển đất
Bãi biển nghìn chiến thuyền
Hiệp Môn vạn cờ xí).

Ô Mã Nhi bạt đô, viên tướng Nguyên mang danh hiệu “dũng sĩ” ấy không thể nào chống đỡ nổi đòn tiến công mãnh liệt của quân và dân nhà Trần. Tình thế không thể xoay chuyển được. Thủy triều xuống thấp, chiến thuyền quân Nguyên vướng cọc bị đốt, đắm và phá hủy ngày càng nhiều. Đến chiều hầu như toàn bộ chủ sự của quân Nguyên bị tiêu diệt. Chủ tướng chỉ huy thủy quân giặc là Ô Mã Nhi bị quân ta bắt sống. Viên Vạn hộ thủy quân Trương Ngọc tử trận. Rất nhiều tướng giặc bị bắt, trong đó có viên đại quý tộc Mông Cổ tước vương Tích Lệ Cơ (Si rê ghi) và quan giữ văn thư theo Ô Mã Nhi là Lý Thiên Hựu cùng bọn thuộc hạ bị bắt sống. Hơn 400 thuyền giặc lọt vào tay quân dân Đại Việt.

Một bộ phận quân Nguyên hốt hoảng bỏ thuyền chạy lên bờ tả ngạn Yên Hưng hòng tìm đường trốn thoát. Nhưng khi chúng vừa lên bờ đã vấp phải bộ binh quân ta dưới quyền chỉ huy của Trần Quốc Tuấn, phục sẵn từ trước. Cuộc chiến đấu trên bộ cũng diễn ra

hết sức quyết liệt. Nếu như trận thủy chiến trên sông đã tiêu diệt phần lớn sinh lực địch thì trận đánh trên bộ lại bồi thêm cho chúng những đòn chí tử, tướng giặc Phạm Nhan bị bắt, toàn bộ quân địch bị tiêu diệt. Trương Hán Siêu, nhà văn, nhà chính trị nổi tiếng thời Trần đã mô tả rằng: “*Chiết kích trầm giang, khô cốt doanh khâu*”, nghĩa là: giáo mác chìm sông, xương khô đầy gò. Cho đến nay, nhân dân các xã vùng Hà Nam còn lưu truyền câu ca dao nói về cuộc chiến đấu gay go trên bộ ấy:

*“Bạch Đằng giang là sông của ai
Tống Hà Nam là bãi chiến trường”.*

Đến chiều, trận đánh vô cùng ác liệt và oai hùng trên sông Bạch Đằng kết thúc. Cả đạo thủy binh hùng mạnh của Ô Mã Nhi bị tiêu diệt hoàn toàn, đúng như Trương Hán Siêu đã mô tả:

*“... Bấy giờ:
Muôn dặm thuyền bè, tinh kỳ phấp phới
Sáu quân oai hùng, gươm giáo sáng chói
Sóng mài chưa phân, Bắc - Nam lũy đối
Trời đất rung rinh (chừ) sắp tan
Nhật nguyệt u ám (chừ) mờ tối...”.*

(Phú sông Bạch Đằng)

Bài phú đã nói lên hùng khí của quân dân ta trong giờ phút lịch sử, lòng dũng cảm tuyệt vời của các chiến sĩ quyết xả thân vì nước.

Trong khi toàn bộ đoàn thuyền binh của quân Nguyên tan tác trên sông Bạch Đằng thì cánh quân bộ của Thoát Hoan cũng đang khốn đốn trên đường tháo chạy khỏi biên giới Đại Việt. Trên tất cả các đường rút của bộ binh và kỵ binh giặc đều bị quân đội nhà Trần phục kích chờ đánh. Thoát Hoan dẫn quân chạy đến cửa quan Nội Bàng thì lại lọt vào trận địa phục kích đã được bố trí sẵn. Bọn chúng phải ra sức chống lại mới mở đường máu rút được. Nhưng quân Trần vẫn tiếp tục truy kích, Thoát Hoan phải cho Vạn hộ Trương Quân chỉ huy ba nghìn quân tinh nhuệ đi sau hộ vệ. Quân Nguyên vừa ra khỏi cửa

Nội Bàng, chưa kịp hoàn hồn thì được tin quân Trần đã đóng ở cửa quan Nữ Nhi và núi Khuru Cấp. Quân ta đã rải quân suốt hơn một trăm dặm để chặn đường về của giặc.

Tin đại thắng trên sông Bạch Đằng nhanh chóng truyền lan khắp nước, càng làm nức lòng quân dân Đại Việt, trở thành nguồn động viên mạnh mẽ đối với tất cả các chiến sĩ miền biên giới hăng hái xông lên tiêu diệt đạo quân Thoát Hoan. Những chiến thắng to lớn ở cửa quan Hãm Sa, các ải Nội Bàng, Nữ Nhi, Khuru Cấp (đều thuộc Bắc Giang, Lạng Sơn) đã liên tiếp giáng cho đạo quân này những đòn thất bại nặng nề. Hàng vạn quân Nguyên phải rải xác trên đường tháo chạy. Những hố sâu được đào và nguy trang rất khéo léo để làm bẫy diệt kỵ binh giặc. Quân ta từ trên núi cao bắn tên độc xuống. Tướng giặc là Abatri trúng ba mũi tên độc, đầu cổ đùi đều sưng lên rồi chết. Cuối cùng, quân Nguyên cũng về được đến phủ Tư Minh (Quảng Tây, Trung Quốc) vào ngày 19 tháng 4 năm 1288, Thoát Hoan cho rải tán đám tàn quân. A Ruc đem quân trở về Vân Nam, Agurutri dẫn quân về Bắc. Trần Ích Tắc lại lẽo đẽo theo bọn tướng tá Nguyên trở về Ngạc Châu.

Chín ngày sau trận đại thắng Bạch Đằng, ngày 18 tháng 4 năm 1288 Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về phủ Long Hưng, đem bọn tù binh Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ, Phan Tiếp và nhiều tên Vạn hộ, Thiên hộ khác của giặc làm lễ mừng thắng trận trước lăng Trần Thái Tông, vị vua anh hùng đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất năm 1258.

Trong buổi lễ trang nghiêm, vua Trần Nhân Tông nhớ lại những ngày gian khổ, cảm khái đọc:

*“Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu”.*

(Đất nước hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng).

Đề ca ngợi công lao đó, Trương Hán Siêu đã làm bài thơ:

*Vua Trần hai vị Thánh quân
Sông kia còn dấu tẩy trần giáp binh
Ngàn xưa ngẫm cuộc thắng bình
Tại đâu đất hiểm, bởi mình đức cao!*

Ngày 28 tháng 4 năm 1288 xa giá hai vua Trần và triều đình trở về Kinh đô Thăng Long. Giữa cung điện bị thiêu hủy, kinh thành bị tàn phá nặng nề, vua Trần ban lệnh đại xá thiên hạ, miễn tô dịch toàn phần cho những nơi bị giặc cướp phá.

*

Trận Bạch Đằng năm 1288 hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ tiêu diệt đạo quân rút lui đường thủy do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy, là trận quyết chiến lớn nhất, kết thúc cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ ba. Một đạo quân lớn trên 6 vạn người, giàu kinh nghiệm viễn chinh xâm lược, những tên tướng quý tộc, cao cấp thân cận của Hốt Tất Liệt, sùng sỏ và độc ác như Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ, Lưu Khuê... sau mấy lần giày xéo đất nước ta, đã phải đền tội.

Chiến thắng Bạch Đằng cùng với những chiến công khác trong cuộc chiến tranh đã đánh tan mấy chục vạn quân Nguyên xâm lược, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, khẳng định sự tồn tại vững vàng không thể lay chuyển được của cả nước Đại Việt, một đất nước ở sát cạnh một đế chế cường thịnh nhất thế giới đương thời đầy âm mưu xảo quyệt và tham vọng bành trướng. Chiến thắng của quân dân nhà Trần đã đập tan âm mưu chiếm nước ta làm căn cứ, làm bàn đạp để tiến hành xâm lược các nước phương Nam, ngăn chặn sự bành trướng của đế quốc Mông - Nguyên xuống Đông Nam Á. Chiến thắng Bạch Đằng cùng với những chiến thắng khác đã gây chấn động ở nhiều nước và nó đã có tác dụng góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc cho các nước láng giềng.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là hình ảnh tập trung tiêu biểu nhất của sức mạnh tổng hợp về tinh thần và vật chất của quân và dân ta, là biểu tượng của khí phách anh hùng, ý chí quật cường bất khuất và tinh thần đoàn kết dân tộc thời bấy giờ. Đặc biệt, chiến công này đã thể hiện trí tuệ và tài thao lược của ông cha ta thế kỷ XIII mà tiêu biểu là nhà quân sự kiệt xuất - anh hùng dân tộc Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Trước hết, đó là tư tưởng chủ động về chiến lược cũng như chiến thuật của Trần Quốc Tuấn và các nhà lãnh đạo kháng chiến. Cũng như trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai (1285), trong cuộc kháng chiến lần này Trần Quốc Tuấn lại được cử làm Quốc công Tiết chế, lĩnh sứ mệnh tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang. Qua kinh nghiệm dày dặn phong phú của hai cuộc kháng chiến trước, Trần Quốc Tuấn đã đề ra kế hoạch đánh giặc rất chủ động, tài giỏi. Buổi đầu, trước thế mạnh của giặc, quân ta rút về vùng ven biển để bảo toàn lực lượng. Nhưng ở khắp nơi, nhân dân các địa phương trên đường giặc đi qua và trong vùng bị tạm chiếm đóng đều được lệnh cất giấu lương thực, kiên quyết triệt nguồn lương thảo của chúng; đồng thời dân binh đẩy mạnh hoạt động đánh địch làm cho chúng tiêu hao sức lực, ăn không ngon, ngủ không yên, đẩy quân địch vào thế bị động, mệt mỏi, hao kiệt cả về tinh thần lẫn vật chất, cuối cùng mở cuộc phản công chiến lược đánh bại hoàn toàn quân địch.

Khi được tin giặc sắp tràn vào biên giới nước ta, vua Trần Nhân Tông đã hỏi Hưng Đạo Vương: “Giặc đến làm thế nào?”. Hưng Đạo Vương trả lời: “Năm nay giặc đến dễ đánh” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.65). Câu nói đầy tin tưởng đó thể hiện tư tưởng chủ động của ông. Trương Hán Siêu viết:

Duy thử giang chi đại tiếp
Do Đại vương chi tặc nhàn
 (Kìa sông này mà đại thắng
 Bởi Đại vương coi thế giặc nhàn).

Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ ba, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và triều đình rất chú trọng đến chiến trường ven biển Đông Bắc. Đây là đường tiến quân của thủy binh và đoàn thuyền tải lương của giặc. Phó tướng Trần Khánh Dư được Trần Quốc Tuấn tin tưởng giao cho mọi công việc biên thủy ven biển, có nhiệm vụ chặn thủy quân giặc, tiêu diệt đoàn thuyền lương, làm thất bại ngay từ đầu kế hoạch hậu cần của chúng. Đây là một đòn hiểm, đánh thẳng vào “dạ dày” của giặc. Vừa mới ra quân, địch đã mất sạch lương dự trữ. Đoàn quân viễn chinh bị lâm ngay vào cảnh thiếu đói. Tiền đề cho thắng lợi của ta và thất bại của địch đã được tạo ra. Chính vì vậy, khi được tin Trương Văn Hổ cùng đoàn thuyền lương bị tiêu diệt thì quân giặc rất hoang mang, hoảng sợ, lúng túng và buộc phải bàn kế lui quân. Và như vậy đã trúng vào kế sách của Trần Quốc Tuấn.

Tuy nhiên trên thực tế, từ hai cuộc kháng chiến lần trước chúng mình: bị thua thảm bại, tướng chết quân tàn, phải chạy về nước, nhưng quân Mông - Nguyên vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta, vẫn ngoan cố quay trở lại. Vì giặc Mông - Nguyên là một đế chế lớn, có tiềm lực kinh tế và quân sự rất mạnh, ý đồ mở rộng phạm vi thống trị rất xảo quyệt. Chưa ném đòn thật đau, thật hiểm thì chúng chưa chịu từ bỏ tham vọng quay trở lại xâm lược nước ta. Bởi vậy, Trần Quốc Tuấn và Bộ tham mưu kháng chiến đã nắm đúng thời cơ, lúc địch mệt mỏi, suy yếu, buộc địch phải tháo chạy, để tập trung sức lực đánh đòn quyết định tiêu diệt toàn bộ đạo quân thủy của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 cũng như tác động của nó đối với chính sách sau này của nhà Nguyên quả là một thành công tiêu biểu của tư tưởng tiến công, tư tưởng chủ động chiến lược của Trần Quốc Tuấn.

Quân Nguyên tuy phải rút lui, nhưng lực lượng của chúng còn đông tới hàng chục vạn và lại rút bằng hai đường thủy và bộ. Trong so sánh lực lượng lúc bấy giờ, ta chưa đủ sức để đồng thời tiêu diệt cả hai cánh quân. Trần Quốc Tuấn đã từng tổng kết và nêu thành một

phương châm chỉ đạo chiến lược: “Tóm lại, giặc cây trường trận, ta cây đoàn binh, lấy đoàn chế trường là việc thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ồ ạt như lửa cháy gió thổi thì thế dễ chế ngự. Nếu nó đi chậm như cách tầm ăn, không cần của dân, không cần được chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thì mà làm, có thu được quân lính một lòng như cha con thì mới dùng được” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.88 - 89).

Ở đây, vấn đề đặt ra là phải chọn đối tượng quyết chiến chính xác để có thể đạt được hiệu quả tiêu diệt chiến lược cao nhất, buộc nhà Nguyên phải từ bỏ ý đồ tiếp tục xâm lược nước ta. Trên cơ sở phán đoán đúng mưu đồ, ý định của Thoát Hoan và đánh giá đúng tương quan lực lượng, Trần Quốc Tuấn và Bộ tham mưu đã có chủ trương trước hết tập trung lực lượng tiêu diệt cánh quân rút lui theo đường thủy, rồi sau đó thừa thắng tiêu diệt một bộ phận cánh quân đi bộ. Đây là sự lựa chọn đúng đắn và là quyết tâm chiến lược sáng suốt, chính xác của một nhà chiến lược lớn có tầm nhìn bao quát rộng, có trí tuệ phân tích và phán đoán sắc sảo minh mẫn. Chọn cánh quân rút lui theo đường thủy làm đối tượng tiêu diệt trước hết và chủ yếu là chính xác, vì cánh quân này rút trước và chiến đấu trên sông nước vốn là chỗ mạnh truyền thống của quân đội nhà Trần, là chỗ yếu của quân giặc. Cánh quân thủy khi đã bị tiêu diệt gọn thì cánh quân bộ sẽ phải rút lui trong cảnh hoảng loạn, sợ hãi và sẽ là đối tượng chặn đánh, truy kích dễ dàng của quân dân ta để giáng thêm những đòn tổn thất nặng nề cho quân địch. Như vậy, Trần Quốc Tuấn đã biết nhằm đúng chỗ yếu nhất của địch để tập trung sức tiến công, phát huy cái sở trường của ta để đánh vào cái sở đoản của địch.

Với chủ trương và quyết tâm chiến lược như trên, khúc sông Bạch Đằng, ở vùng thượng lưu đã được Trần Quốc Tuấn chọn làm điểm quyết chiến chiến lược. Việc xác định không gian và thời gian quyết chiến đều nhằm triệt để lợi dụng địa hình thiên nhiên, phát huy cao độ ưu thế thủy chiến trong điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa thuộc về ta.

Trong chiến tranh chống ngoại xâm, dân tộc ta đánh địch và thắng địch ngay trên đất nước, quê hương của mình. Do vậy, điều kiện địa lý như núi sông, thời tiết, khí hậu... nếu biết tận dụng sẽ trở thành một điều kiện rất có lợi cho ta, một nhân tố thắng lợi của chiến tranh yêu nước. Trần Quốc Tuấn đã nghiên cứu rất tường tận địa hình, sông nước, chế độ thủy triều của sông Bạch Đằng và sử dụng thành công trong việc xây dựng trận địa quyết chiến và bài binh bố trận.

Quãng sông Bạch Đằng, nơi được chọn làm điểm quyết chiến là một khu vực hiểm yếu, có đủ những điều kiện cần thiết đáp ứng được yêu cầu bố trí một trận địa mai phục trên sông với quy mô lớn. Địa hình sông Bạch Đằng vốn có thể thiên hiểm với sông sâu và rộng, rừng núi sát ven bờ, nhiều lạch thoát triều và bãi triều, nhiều nhánh sông đổ vào, nước triều lên xuống rất mạnh.

Để tăng thêm thế lợi hại của trận địa mai phục, Trần Quốc Tuấn đã kế thừa truyền thống của Ngô Quyền và Lê Hoàn trong kháng chiến chống quân Nam Hán (năm 938) và chống Tống (năm 981), đã cho đóng cọc gỗ nhằm cản phá đội hình, chặn đường tháo chạy của thuyền chiến địch, bao vây và tiêu diệt triệt để quân xâm lược.

Trận địa quyết chiến với bãi cọc ngầm chỉ phát huy được tác dụng khi nước triều xuống, nên nó đòi hỏi người chỉ huy điều hành trận chiến đấu phải biết lợi dụng chế độ thủy triều với cả một nghệ thuật dẫn dắt thuyền giặc vào trận địa đúng lúc, đúng chỗ. Ở đây, yếu tố không gian và thời gian kết hợp chặt chẽ với nhau, trận đánh phải bắt đầu và kết thúc một cách chính xác vào thời điểm có lợi nhất để tận dụng chế độ thủy triều và phát huy được hết tác dụng của bãi cọc ngầm. Tài năng xuất chúng của Trần Quốc Tuấn và Bộ tham mưu kháng chiến là đã hoàn toàn cô lập đạo quân thủy của Ô Mã Nhi với đạo quân bộ, rồi dần dần điều động nó từng bước vào đúng điểm quyết chiến đã định và đúng thời gian đã xác định (từ mờ sáng đến trưa ngày 9 tháng 4 lúc nước triều rút mạnh). Do vậy mà hiệu suất chiến đấu càng cao.

Trận Bạch Đằng năm 1288 là trận đánh mai phục kết hợp với vận động tiến công quy mô lớn nhằm bao vây, tiêu diệt gọn đoàn binh thuyền đông đến hàng mấy trăm chiếc với hàng vạn quân địch. Trong trận chiến đấu này, dĩ nhiên thủy binh giữ vai trò chủ yếu. Là một dân tộc có lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời trên một lãnh thổ có nhiều sông biển, ao hồ, nên nhân dân ta quen thuộc với nghề sông nước. Quân đội Đại Việt có truyền thống giỏi thủy chiến. Thuyền chiến của ta có thể không lớn và chắc như thuyền địch, nhưng thủy binh của ta lại quen thuộc với sông nước quê hương, có tinh thần chiến đấu quả cảm và lối đánh cơ động, lợi hại theo phương châm “dĩ đoản chế trường”.

Trần Quốc Tuấn đã nêu rõ: Lấy đoản binh thắng trường trận là việc thường của binh pháp. Đoản binh là chi bộ binh của ta, một đội quân với số lượng không nhiều nhưng được huấn luyện tinh nhuệ, biên chế gọn nhẹ là cái mạnh của ta. Kỵ binh và quân đông, sức cơ động nhanh là cái mạnh của địch. Nhưng khi trường trận bị dàn mỏng ra, bị phân tán, đứt quãng, không được tiếp tế đầy đủ, không ứng cứu được nhau và lâm vào tử địa, do địa hình không phát huy được thì trở thành yếu, dễ bị công kích và tan vỡ. Như trong trận Đông Bộ Đầu (năm 1258), trận chiến đấu diễn ra ban đêm, quân địch dày đặc nhưng không kịp lên ngựa, bị những đoàn binh nhẹ nhàng mang vũ khí ngắn của ta xông vào chém giết, đã hỗn loạn và tan tác. Hoặc trong trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng này, một đoàn dài thuyền lớn, nặng nề chậm chạp của địch bị những thuyền nhẹ của ta từ những ngách sông xông ra đón đánh, đã không xoay sở chạy kịp, đâm vào cọc nhọn bị chìm và bị tiêu diệt.

Rõ ràng dĩ đoản chế trường là một sáng tạo sâu sắc của ta dùng để chống lại một kẻ địch đông đảo và trang bị mạnh hơn mình. Sáng tạo này cho tới nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Điểm nổi bật là trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng có sự phối hợp chặt chẽ giữa quân thủy và quân bộ, giữa quân chủ lực với

quân địa phương và dân binh, giữa đánh thủy và đánh bộ. Trần Quốc Tuấn đã vận dụng cách đánh tiến công kiên quyết, kết hợp nhiều lối đánh phong phú, đa dạng nhằm phát huy tổng hợp tất cả thế mạnh của chiến tranh nhân dân yêu nước, của truyền thống thủy chiến, của điều kiện thiên nhiên để giành thắng lợi trọn vẹn và triệt để nhất. Các lực lượng tham chiến đã hiệp đồng chặt chẽ với nhau cả về không gian và thời gian, đã sử dụng những lối đánh truyền thống một cách sáng tạo, đó là chiến thuật tiến công địch trên sông và trên bộ, nghi binh kiềm chế, giữ vững điểm cao, từng bước dẫn dắt quân địch, kết hợp đánh chặn phía trước, phía sau và các mũi bên sườn, đánh dồn địch vào cửa sông nhỏ bên tả ngạn, đúng chỗ bố trí các trận địa bãi cọc, hiểm hóc, dùng đòn hỏa công thiêu cháy đoàn thuyền giặc khi chúng vướng cọc... Tất cả các hình thức chiến thuật, các lối đánh đó đều phát huy được tác dụng lợi hại của nó.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là sự thể hiện tập trung những sáng tạo về nghệ thuật quân sự của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và quân dân ta thời Trần, biết phát huy cao độ nội lực, tận dụng mọi điều kiện khách quan thuận lợi, biết tạo ra và lợi dụng chỗ yếu và sai lầm của địch, sáng tạo ra cách đánh hay, có sự chỉ đạo chiến lược sắc bén, chọn mục tiêu và thời cơ thuận lợi đánh những đòn hiểm, đòn đau, đưa cuộc chiến đấu đến toàn thắng. Tài thao lược của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng kiệt xuất, nhà chiến lược lỗi lạc của dân tộc ta và các tướng lĩnh tài ba, kết hợp với sức mạnh chiến đấu của toàn quân, toàn dân ta thời Trần đã tạo nên chiến thắng Bạch Đằng lịch sử. Hòa trong võ công hiển hách ba lần đánh bại quân Nguyên - Mông của dân tộc ta, trận Bạch Đằng nổi lên như một kiểu mẫu của nghệ thuật “dùng đoản binh đánh trường trận” và là đỉnh cao chói lọi của sức mạnh và nghệ thuật quân sự Việt Nam thời đó.

Trận đánh tiêu diệt trên sông Bạch Đằng năm 1288 là một mẫu mực về mọi phương diện: chuẩn bị chu đáo, tỉ mỉ, giữ bí mật cao độ, tính toán thời gian chuẩn xác, mưu kế tài tình, tiến công mãnh liệt.

Trận đánh trên bộ cũng là kết quả tất yếu của thế bố trí chủ động, không kẽ hở. Trên đường rút chạy, địch liên tục bị đánh chặn phía trước, truy kích phía sau. Cả một đoàn quân lớn tan tác, không ứng cứu được nhau, lần lượt bị tiêu diệt và bắt sống, chỉ còn một nhóm nhỏ chạy thoát về bên kia biên giới.

Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên - Mông thắng lợi oanh liệt. Ý chí xâm lược của địch hoàn toàn bị bẻ gãy. Hốt Tất Liệt, hoàng đế nhà Nguyên kêu ngạo, hiếu chiến buộc phải thừa nhận sự tồn tại của nước Đại Việt. Nền độc lập dân tộc và bờ cõi của nước ta được giữ vững.

V - TRẬN CHI LĂNG - XƯƠNG GIANG (NĂM 1427)

Trận Chi Lăng - Xương Giang (ngày 8-10 đến 3-11-1427), trận quyết chiến chiến lược diệt quân Minh (Trung Quốc) trên địa bàn từ Chi Lăng đến Xương Giang (113 kilômét) do nghĩa quân Lam Sơn tiến hành, kết thúc cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng chống Minh (1418-1427).

Trong lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt của dân tộc ta, khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống ách đô hộ của nhà Minh là một trong những cuộc chiến tranh giành độc lập anh dũng, hiên hách nhất của nhân dân ta. Sau hội thề Lũng Nhai (1416), ngày 7 tháng 2 năm 1418 Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở vùng núi Lam Sơn (Thanh Hóa), tự xưng Bình Định Vương, truyền hịch kêu gọi nhân dân cứu nước, được anh hùng hào kiệt khắp nơi lần lượt kéo về tụ nghĩa. Trong gần 10 năm ngoan cường chiến đấu, “nếm mật nằm gai” (1418-1427) nghĩa quân Lam Sơn đã để lại những sự kiện lịch sử chống ngoại xâm huy hoàng, tô thắm thêm truyền thống anh hùng và chủ nghĩa yêu nước của dân tộc ta. Trong những chiến công có ý nghĩa quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng ở thế kỷ XV phải nói đến là trận Chi Lăng - Xương Giang.

Từ cuối năm 1426, các cuộc tiến công của nghĩa quân Lam Sơn đã đẩy quân xâm lược nhà Minh vào tình trạng nguy ngập, chuyển hẳn sang thế phòng ngự bị động, chúng phải dồn sức vào việc củng cố các thành lũy, cố thủ trước vòng vây ngày càng xiết chặt của nghĩa quân. Đông Quan, căn cứ lớn nhất của quân Minh luôn bị quân ta bám sát; các cứ điểm ngoại vi lần lượt bị nghĩa quân triệt hạ

khiến chúng không thể ra khỏi nội thành. Mặc dù “chí cùng lực tận” nhưng bọn tướng tá nhà Minh không chịu từ bỏ dã tâm chiếm đóng nước ta. Chủ tướng giặc là Thành Sơn hầu Vương Thông chủ động đưa thư xin được giảng hòa mong sớm được toàn quân trở về nước nhưng thực chất muốn có thêm thời gian thực thi mưu đồ cầu viện, tiếp tục chiến tranh. Chúng bí mật sai người mang thư bọc sáp đi lúi tắt về xin viện binh.

Tin thất trận ở nước ta liên tiếp được truyền về triều đình nhà Minh. Mặc dù tình hình chính quốc không được yên ổn, Minh Tuyên Tông mới lên ngôi, đang phải đương đầu với nhiều khó khăn trong công việc nội trị nhưng triều đình nhà Minh vẫn quyết định điều tướng, tăng quân với hy vọng xoay chuyển lại cục diện chiến tranh và giữ nền đô hộ ở Giao Châu.

Cuối năm Bính Ngọ (tháng 1 năm 1427), nhà Minh điều động 15 vạn quân, 3 vạn ngựa chia làm hai đường sang cứu nguy cho Vương Thông ở thành Đông Quan:

- Đạo quân thứ nhất do An Viễn hầu Liễu Thăng giữ chức Tổng binh, mang ấn Chinh lỗ tướng quân chỉ huy 10 vạn quân, 2 vạn ngựa theo đường Quảng Tây tiến sang. Dưới trướng Liễu Thăng còn có Bảo Định bá Lương Minh giữ chức Phó tổng binh và Đô đốc Thôi Tự. Đội quân này được huy động ở các Hộ vệ Vũ Xương, Thành Đô; Lưu vệ Trung Đô; các Đô ty Hồ Quảng, Chiết Giang, Hà Nam, Sơn Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, Vân Nam, Tứ Xuyên và các hành Đô ty Tứ Xuyên. Binh bộ thượng thư Lý Khánh, Công bộ thượng thư Hoàng Phúc được điều động theo cánh quân này làm Tham tán quân sự.

- Đạo quân thứ hai do Kiểm quốc công Mộc Thạnh giữ chức Tổng binh mang ấn Chinh nam tướng quân chỉ huy 5 vạn quân và 1 vạn ngựa từ Vân Nam tiến sang. Phụ tá cho Mộc Thạnh có các tướng Hưng An bá Từ Hanh giữ chức Tả phó tổng binh, Tân Ninh bá Đàm Trung giữ chức Hữu phó tổng binh.

Đây là lần viện binh lớn nhất của nhà Minh kể từ khi chúng xâm lược nước ta. Với một lực lượng đông đảo, dưới sự chỉ huy của những viên tướng dày dạn trận mạc, quân Minh tin sẽ giành được thắng lợi quân sự quyết định để tiếp tục thi hành chính sách cai trị, đô hộ của chúng.

Kế hoạch viện binh của nhà Minh đặt nghĩa quân Lam Sơn trước tình thế hết sức khó khăn, cùng một lúc phải đối phó với kẻ thù từ hai phía: quân tiếp viện và quân của Vương Thông đang ở thành Đông Quan và một số thành khác trong đất nước ta. Mặc dù lúc này lực lượng nghĩa quân đã mạnh hơn trước, đang ở thế bao vây kẻ địch nhưng chưa đủ sức tiêu diệt hẳn chúng, giờ đây lại phải đối phó thêm với hơn 15 vạn quân từ biên giới kéo sang, cán cân lực lượng không có lợi cho ta. Tình thế hết sức khẩn trương, kẻ thù đông và mạnh, sức ta có hạn. Đánh như thế nào? Đó là vấn đề lớn đặt ra đối với Bộ chỉ huy nghĩa quân. Không ít những kiến nghị đề xuất nhằm giải quyết câu hỏi: Đánh thành trước hay diệt viện trước?... một vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của nghĩa quân Lam Sơn. Có ý kiến cho rằng cần phải đánh gấp thành để tuyệt đường nội ứng của kẻ địch rồi dốc sức ra đánh viện binh. Lê Lợi với vai trò là tổng chỉ huy, lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa đã quyết định “vây thành diệt viện” trên cơ sở phân tích tình hình chính xác và khoa học: “Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững hàng năm hàng tháng không hạ được, khi ấy quân ta sức mỗi chí nhụt, nếu viện binh giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị tấn công, đó là con đường nguy hiểm, chỉ bằng nuôi sức quân, mài giũa tinh thần sắc bén để đợi viện binh của giặc. Viện binh giặc bị phá thì thành giặc nhất định phải hàng. Như thế là nhất cử lưỡng tiện, là mưu chước vẹn toàn” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1998, tr.275).

Như vậy, nghĩa quân kiên quyết tiếp tục vây hãm giặc ở Đông Quan và các thành khác, đồng thời tập trung một lực lượng cần thiết chặn đánh viện binh. Chủ trương “vây thành diệt viện” được sự

đồng lòng của tướng sĩ, thể hiện sự nhạy bén trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của những người lãnh đạo nghĩa quân Lam Sơn.

Viện binh của giặc chia làm hai đạo tiến sang theo hai đường khác nhau. Nếu cùng lúc tiến đánh cả hai, lực lượng nghĩa quân sẽ bị phân tán, do vậy Bộ chỉ huy nghĩa quân chủ trương sẽ tập trung binh lực đánh địch trên một hướng và dùng một phần lực lượng kiềm chế địch trên một hướng khác sau đó sẽ đánh tiêu diệt. Đạo quân Mộc Thạnh có 5 vạn. Đạo quân Liễu Thăng có hơn 10 vạn. Đánh quân Mộc Thạnh có phần dễ hơn nhưng nếu tập trung binh lực để đánh đạo quân ấy thì không đủ quân để kiềm chế đạo quân của Liễu Thăng, quân Liễu Thăng đông và mạnh dễ tiến vào Đông Quan bởi đường tiến quân từ Pha Lũy đến Đông Quan ngắn và dễ đi hơn đường từ Lê Hoa về Đông Quan. Nghĩa quân quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng trước và kiềm chế đạo quân Mộc Thạnh tại Lê Hoa. Các lãnh tụ nghĩa quân cũng nắm được tâm lý của Mộc Thạnh là một viên tướng già, có kinh nghiệm, đạo quân của y có nhiệm vụ phối hợp với đạo quân của Liễu Thăng nên Mộc Thạnh hành quân thận trọng, sẽ không vượt qua biên giới trước đạo quân chủ lực. “Mộc Thạnh tuổi đã già, từng trải việc đời đã nhiều... nhất định còn đợi xem quân Liễu Thăng thành bại ra sao chứ không nhẹ dạ tiến quân” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.277). Ngay từ tháng 5 năm 1427 Lê Lợi đã cho tướng Trần Ban đem quân lên tu sửa cửa ải Lê Hoa, điều này chứng tỏ các lãnh tụ Lam Sơn đã có dự tính sẽ dùng công sự kiên cố và tận dụng địa hình hiểm trở vùng biên giới để chặn giữ một phần viện binh tại đây. Việc kiềm giữ đạo quân Mộc Thạnh không cho đạo quân này phối hợp với đạo quân của Liễu Thăng được giao cho các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Lê Khuyển với nhiệm vụ “Đặt mai phục chờ đợi, chờ vội giao chiến” (*Đại Việt sử ký toàn thư*).

Đạo quân của Liễu Thăng được nghĩa quân Lam Sơn xác định là mục tiêu tiến công chiến lược trong kế hoạch đánh quân tiếp viện

nhà Minh, đồng thời quyết tâm bẻ gãy đạo quân này khi chúng vừa đặt chân lên đất nước ta. Đây là một đạo quân binh hùng, tướng mạnh, phải đánh thế nào cho chắc thắng? Vấn đề này được Bộ chỉ huy Lam Sơn cân nhắc, tính toán cụ thể và đề ra một phương án tác chiến tận dụng tối đa điều kiện địa hình, tăng cường sức mạnh của ta, đánh thật mạnh ngay từ đầu không cho quân địch kịp trở tay. ải Chi Lăng được chọn làm trận quyết chiến với phương châm: ta đặt phục binh ở nơi hiểm địa này để đập gãy đội quân tiên phong của địch. Các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh, Đinh Liệt, Lê Thu được lệnh đem 10.000 quân tinh nhuệ và 5 voi chiến lên mai phục ở ải Chi Lăng, sau đó lại thêm 30.000 quân dưới sự chỉ huy của Lê Lý và Lê Văn An lên tiếp ứng. Hai cánh quân này có nhiệm vụ tiêu diệt một phần đạo quân chủ lực của Liễu Thăng.

Chi Lăng (nay thuộc xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn) là cửa ải hiểm trở nhất nằm trên con đường từ Pha Lũy đến Đông Quan, cách Đông Quan 106km. Là một thung lũng nhỏ hình bầu dục, Chi Lăng có chiều dài khoảng 4km theo đường bắc nam, chỗ rộng nhất khoảng hơn 1km. Phía tây là dãy núi đá vôi dựng đứng (nay gọi là dãy núi Cai Kinh) có dòng sông Thương chảy sát chân núi dọc theo thung lũng. Phía đông là dãy núi Thái Hòa và Bảo Đài gồm nhiều ngọn núi trùng điệp. Trong lòng ải Chi Lăng có 5 ngọn núi nhỏ: Hàm Quý, Nà Nông, Nà Sản, Kỳ Lân, Mã Yên. Hai đầu bắc nam của thung lũng, mạch núi khép lại tạo thành tạo thành hai cửa ải. Cửa ải phía bắc ở khoảng giữa núi Cai Kinh và núi Hàm Quý. Cửa ải phía nam ở khoảng giữa núi Cai Kinh và núi Bảo Đài còn gọi là ngõ Thề. Hai cửa ải này tạo nên thế hiểm của Chi Lăng. Chính quân Minh cũng phải thừa nhận đây là “nơi hiểm yếu đại quân ra vào”. Chi Lăng đã từng được chọn là điểm tiêu diệt kẻ thù xâm lược phương Bắc dưới thời Tiền Lê và thời nhà Trần. Thế kỷ XV, một lần nữa Chi Lăng lại được Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn chọn làm nơi quyết chiến đầu tiên với đạo viện binh nhà Minh nhằm “bẻ mũi tiên phong của chúng”.

Như trên đã nói, hơn 1 vạn nghĩa quân tinh nhuệ cùng 100 ngựa, 5 voi chiến dưới sự chỉ huy của các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh, Đinh Liệt được lệnh đến Chi Lăng mai phục chờ giặc. Lực lượng nghĩa quân được bố trí từ cửa Hàm Quý đến ngõ Thê và cả phía trước con đường dẫn vào cửa ải. Quân ta giấu mình trong các ngọn núi, hang đá, lũy đất, quan sát cuộc hành binh của giặc, chờ thời cơ bẻ gãy mũi nhọn của đạo viện binh. Trên con đường từ ải Pha Lũy đến Chi Lăng, cứ cách quãng nghĩa quân lại dựng rào đắp lũy tạo thành những phòng tuyến cản đường tiến quân của quân xâm lược. Cửa ải Pha Lũy (Hữu Nghị Quan ngày nay) đang được đạo quân của tướng Trần Lựu và Lê Bôi trấn giữ. Khi viện binh nhà Minh kéo sang, đạo quân này được lệnh giặc đến thì “ra đánh nhưng giả cách không thắng”. Trần Lựu và đạo quân của ông phải chặn đánh giặc để vừa bảo vệ được mình vừa tiêu diệt một phần sinh lực của chúng nhưng quan trọng hơn cả là phải nhử được địch đi vào ải Chi Lăng, nơi đại quân ta đang mai phục.

Ngày 8 tháng 10 năm 1427, đạo viện binh của Liễu Thăng hùng hổ tiến vào nước ta qua cửa ải Pha Lũy. Theo kế hoạch đã định, quân của tướng Trần Lựu ra giao chiến vừa đánh vừa “thua” để nhử địch và kích động thêm tính chủ quan, khinh địch của Liễu Thăng, đồng thời từng bước dẫn dắt chúng tiến về phía Chi Lăng. Từ Pha Lũy, Trần Lựu cho quân lui về giữ Khâu Ôn (ở thành phố Lạng Sơn bây giờ). Quân giặc ồ ạt đuổi theo, nhanh chóng đánh chiếm được thành Khâu Ôn và tiếp tục tiến về Ải Lưu (ở địa đầu huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay).

Trên đường hành binh tiến vào nước ta, Liễu Thăng nhận được thư của Lê Lợi “xin” y hãy lui quân về biên giới để xem xét tình hình. Trong *Thư gửi Liễu Thăng* có đoạn viết: “Các ông là tướng lão luyện của thiên triều vâng mệnh đem quân ra cõi ngoài, công việc ngoài đô thành, mình tự chuyên là được rồi. Sao không xét rõ thời nghi, tùy tiện sắp việc, lui quân ra ngoài bờ cõi, sai một viên sứ giả mang một lá thư đến, xem hư thực, rồi sau đó đem công việc nên làm

ở trên đây xin mệnh lệnh của triều đình, may được chuẩn y, thì bọn các ông không phải khó nhọc lòng sức mà hưởng thành công. Nếu đình nghị không bằng lòng thì lúc đó tiến quân cũng chưa muộn gì. Nay, các ông không nghĩ đến việc ấy, đem quân cô độc đi sâu vào đất người cầu may nên được công việc. Tôi không cho việc làm ấy của các ông là phải. Vả lại, con ong cái bọ còn có nọc độc, huống chi người trong một nước, tôi há lại không có người nào là người có mưu kế dũng lược hay sao? Các ông chớ cho nước tôi là ít người mà coi thường. Đến lúc ấy thì lòng thành của nước tôi thờ nước lớn thực có phần thiếu, mà các ông hối lại sẽ không kịp nữa” (Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, phần *Quân trung từ mệnh tập*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1969, tr.169).

Vốn là một viên tướng thăng quan tiến chức nhanh, đã tham gia trong đạo quân xâm lược nước ta của Trương Phụ (1406-1407) đánh bại cuộc kháng chiến của nhà Hồ nên Liễu Thăng rất kiêu ngạo và hiếu chiến. Giờ đây cầm đầu đạo quân lớn tiến vào nước ta không gặp sự kháng cự đáng kể nên Liễu Thăng càng tỏ ý coi thường quân ta, thư của nghĩa quân Lam Sơn gửi đến hắn không thêm đề ý cứ nhất quyết tiến nhanh về cửa ải Chi Lăng. Trước thế hiểm của địa hình và hành động bất cẩn của Liễu Thăng các tướng giặc cùng đi lo ngại, thượng thư Lý Khánh đang ốm cũng cố gượng dậy khuyên Liễu Thăng nên cẩn thận, không được vội vàng. Đô sự Phan Nhân nhắc lại những thất bại của Vương Thông ở Cần Trạm, Ninh Kiều để Liễu Thăng đề phòng phục binh. Tất cả những lời khuyên can đều vô nghĩa đối với viên tướng ngạo mạn này. Liễu Thăng tiếp tục chỉ huy, đốc thúc quân sĩ tiến nhanh về phía trước.

Sau khi đề quân giặc vượt qua Ải Lưu, đạo quân của nghĩa quân Lam Sơn do Trần Lựu chỉ huy rút về Chi Lăng phối hợp với lực lượng mai phục chuẩn bị chiến đấu. Từ Ải Lưu tới Chi Lăng quân ta cho dựng rào lũy vừa để nghỉ binh vừa để tạo chướng ngại vật khiến quân giặc hành binh khó khăn hơn. Khi quân Liễu Thăng chỉ cách Chi Lăng vài dặm, Trần Lựu cùng nghĩa quân từ Chi Lăng

tiến ra nghênh đánh, vừa đánh vừa lui nhằm nhử chúng đi vào Chi Lăng không cho đi sang đường khác. Từ khi vượt biên giới vào nước ta, chỉ gặp sự kháng cự yếu ớt “vừa đánh vừa chạy” của đội quân Trần Lựu nên Liễu Thăng càng chủ quan, mất cảnh giác và lầm tưởng lực lượng ta mỏng, không sợ bị mai phục. Thấy quân ta lại thua chạy, Liễu Thăng thừa thắng cùng một vạn quân tiên phong đi trước mở đường tiến vào Chi Lăng.

Ngày 10 tháng 10 năm 1427 (tức ngày 20 tháng 9 năm Đinh Mùi), Liễu Thăng cùng quân tiên phong của hắn vào tới Chi Lăng, không thấy quân ta kháng cự, Liễu Thăng càng phấn khích, như thể làm gương cho tướng sĩ, chủ tướng của đạo quân 10 vạn này vội cùng hơn 100 kỵ binh băng lên phía trước, còn 1 vạn tiền quân tiến theo sau. Đội kỵ binh của Liễu Thăng vượt qua cửa ải phía bắc, tiến đến chân núi Mã Yên. Mã Yên là hòn núi đá cao khoảng 40 mét so với mặt đất, chu vi 300 mét, nằm ở phía nam cánh đồng Chi Lăng. Quanh chân núi là cánh đồng lầy lội, muốn đi tiếp phải qua cầu. Liễu Thăng định vượt qua cầu nhưng cầu hỏng (có thể là do quân ta bố trí trước). Đội kỵ binh của giặc tiến thoái lưỡng nan trước cánh đồng lầy, chúng đã hoàn toàn lọt vào trận địa mai phục của ta.

Đúng lúc này phục binh của ta từ bốn phía xông ra đánh tới tấp. Voi chiến xông thẳng vào đội hình quân địch khiến chúng rối loạn, nghĩa quân ào ạt xông lên dùng gươm, lao, mũi tên phóng tới tấp vào quân giặc, dồn chúng xuống cánh đồng lầy. Đội kỵ binh của giặc đang hung hăng tiến quân mở đường giờ đây mất sức chiến đấu hoàn toàn. Tổng binh Liễu Thăng cố tìm cách thoát thân nhưng không kịp. Y bị trúng lao tử trận ngay tại sườn núi Mã Yên. Toàn bộ đội kỵ binh gồm hơn 100 tên bị tiêu diệt.

Khi đội kỵ binh tiên phong giặc bị sa lầy ở Mã Yên, cũng là lúc đạo tiền quân địch lọt vào trận địa phục kích của ta. Từ các vị trí mai phục trong lòng ải Chi Lăng và hai bên sườn núi, quân ta nhất loạt

xông ra, tên thuốc độc, đạn đá, phi tiêu, mũi lao tới tấp phóng vào quân giặc. Bị đánh bất ngờ, lại mất chủ tướng, đạo quân địch hoang mang, rối loạn. Quân ta dũng mãnh xông tới, chia cắt quân giặc ra từng mảng để tiêu diệt. Dân binh địa phương hiệp đồng và tích cực sát cánh cùng quân chủ lực chặn đánh giặc khiến chúng càng thêm hoảng hốt. Đặc biệt, “Đội tuần đình tuần tráng” của Lý Huệ ở Đồng Mô đã đánh giặc rất dũng cảm và lập nhiều chiến công. Trận đánh diễn ra dữ dội cho đến chiều tối. Quân dân ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ “bẻ gãy mũi nhọn” của đạo viện binh chủ lực nhà Minh, tiêu diệt hơn 1 vạn tên, thu và tiêu hủy nhiều khí giới của địch, đặc biệt ta còn thu được những sắc thư, phù tín, ấn chương, cờ hiệu, sỏ quân của chính tổng binh Liễu Thăng và bắt một số tướng Minh.

Chi Lăng, một chiến công chói lọi của nghĩa quân Lam Sơn, tại đây quân ta đã giết chết tổng binh Liễu Thăng và đập tan bộ phận tiên phong của đạo viện binh chủ lực của nhà Minh. Đây là chiến thắng mở đầu quan trọng, tạo đà mạnh mẽ cho hàng loạt thắng lợi tiếp sau theo kế hoạch chủ động của Bộ chỉ huy nghĩa quân. Chiến thắng Chi Lăng còn là đòn chí mạng đối với quân tiếp viện nhà Minh: chủ tướng bị giết tại trận, một phần sinh lực tinh nhuệ bị tiêu diệt khiến cho kế hoạch tác chiến của chúng bị đảo lộn và gây một tình trạng rối loạn, hoang mang cao độ trong hàng ngũ quân địch, tinh thần và thế tiến công của đạo viện binh bị giảm sút đáng kể.

Với chiến thắng Chi Lăng, quân đội Lam Sơn dưới sự chỉ huy của các tướng Lê Sát, Lê Linh, Lưu Nhân Chú, Đinh Liệt, Trần Lựu... đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đập gãy đạo tiên phong của quân tiếp viện nhà Minh. Chiến công này là hình ảnh tiêu biểu của tinh thần quả cảm và nghệ thuật quân sự điêu luyện của nghĩa quân Lam Sơn.

*

* *

Sau khi Liễu Thăng bị giết, phó tổng binh là Bảo Định bá Lương Minh lên thay, cầm quyền chủ soái. Nguyễn Trãi lại viết thư cho Lương Minh, vạch rõ thể thất bại không tránh khỏi của quân địch: “Nay các ông đem quân đi sâu vào cõi đất người chính là bị hãm vào thế trong miệng cọp, muốn tiến không được, muốn lui không hay. Còn ta thì nhân thế chẻ tre, sau khi chẻ được mấy đốt, cứ lọng lưỡi dao mà chẻ đi, thực không khó gì”. Từ đó Nguyễn Trãi khuyên Lương Minh: “Xin các ông lui ngay quân ra ngoài bờ cõi, ta tự dẹp mở lối về, cho các ông được thung dung đem quân về... Như thế thì các ông có thể ngồi hưởng thành công mà Nam, Bắc từ nay vô sự, há chẳng hay ư? Nếu có thể thôi được mà không thôi, là do các ông không biết dập tắt lửa đi để cho nó tự cháy lên, không phải là tội của ta vậy” (Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, Sđd, tr.170 - 171). Nhưng còn 9 vạn quân trong tay, Lương Minh cùng binh bộ thượng thư Lý Khánh, đô đốc Thôi Tụ vẫn còn ngoan cố, tiếp tục thực hiện mưu đồ xâm lược. Lương Minh cố gắng chấn chỉnh lại đội ngũ và ra lệnh tiến quân.

Phía dưới Chi Lăng, các tướng Lam Sơn là Nguyễn Đình Lý, Lê Văn An đã đem 3 vạn quân lên bày sẵn một trận địa mai phục thứ hai tại *Cần Trạm* (huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày nay) để đợi giặc. Một vạn quân của Lê Sát, Lưu Nhân Chú, sau chiến thắng Chi Lăng, vẫn bám sát quân địch, sẵn sàng công kích vào phía sau lưng chúng.

Cần Trạm (Lạng Giang, Bắc Giang) ở vào cuối dãy núi Bảo Đài, nơi tiếp giáp giữa vùng thượng lưu và trung du. Đây là một dịch trạm trên con đường Đông Quan - Pha Lũy. Sau khi chiếm nước ta, quân Minh lập nên ở đây một đồn trại để bảo vệ dịch trạm và án ngữ con đường giao thông huyết mạch nối liền với Trung Quốc. Di tích thành Cần Trạm hiện nay vẫn còn.

Ngày 15 tháng 10 năm 1427 (25 tháng 9 năm Đinh Mùi) quân Minh lọt vào trận địa mai phục ở Cần Trạm. Ba vạn phục binh của ta do các tướng Nguyễn Đình Lý, Lê Văn An chỉ huy, từ nhiều ngả

xông lên đánh tạt ngang vào đội hình hành quân của địch. Cùng lúc đó, hơn một vạn quân của Lê Sát, Lưu Nhân Chú... đánh mạnh vào hậu quân địch.

Trận đánh xảy ra trên một quãng đường dài khoảng 5km, dấu vết còn bảo tồn đến nay là những tên đất như Bãi Chiến ở đông bắc thành Cần Trạm, Nghè Trận ở gần Kép... Phó tổng binh, Bảo Định bá Lương Minh mới lên nắm quyền chỉ huy được 5 ngày, lại bị trúng lao chết ngay tại trận. Khoảng hơn một vạn quân địch bị tiêu diệt. Quân ta thu được rất nhiều lương thực, vũ khí...

*

Sau trận Cần Trạm, quân ta chủ động thu quân và nhanh chóng vận động theo đường tắt về phía Nam để tiếp tục trận địa mai phục, tổ chức những trận đánh mới.

Quân địch bị bồi thêm một đòn thất bại nặng nề. Lực lượng bị tiêu diệt chưa thật nhiều nhưng thế của địch bắt đầu suy sụp, chuyển sang chống đỡ một cách bị động. Đô đốc Thôi Tụ giữ chức hữu tham tướng, lên nắm quyền chỉ huy. Thôi Tụ cùng với thượng thư bộ binh Lý Khánh và thượng thư bộ công Hoàng Phúc, thu thập quân lính, cố gượng tiến về thành Xương Giang mà chúng tưởng đang ở trong tay quân Minh.

Phía nam Cần Trạm là địa hình trung du, đồi núi thoai thoải và thưa dần. Đường hành quân của địch xuyên qua các thung lũng hẹp và dài, hai bên là đồi thấp và rừng thưa. Quân ta lợi dụng địa thế và đội hình hành quân kéo dài của 7 - 8 vạn quân địch, tổ chức những trận đánh vào cạnh sườn, nhất là vào đội quân lương đi sau của địch. Đó là lối đánh “dùng kỳ binh chặn đường, cắt ngang lương đạo” (*Bình Ngô đại cáo*).

Ngày 18 tháng 10 năm 1427 (28 tháng 9 năm Đinh Mùi), quân ta đánh một trận lớn ở *Phố Cát* (gần Phố Tráng, Lạng Giang, Bắc Giang). Đồi Mã Ngô còn như lưu lại dấu tích của trận đánh này.

Những trận đánh liên tiếp như vậy làm cho quân địch bị tiêu diệt thêm khoảng một vạn quân, mất thêm nhiều quân lương, vũ khí. Quân ta “bắt được lừa, ngựa, trâu, quân nhu, khí giới không biết bao nhiêu mà kể” (*Đại Việt sử ký toàn thư*).

Sau trận Phố Cát, thượng thư bộ binh giữ chức tham tán quân vụ là Lý Khánh, phần vì ốm nặng, phần vì lo sợ và tuyệt vọng đã “kể cùng phải thất cổ”, lại thêm một chủ tướng nữa của giặc bị chết.

Chỉ sau 10 ngày (từ ngày 8 đến 18 tháng 10 năm 1427) đặt chân lên đất nước ta, đạo viện binh chủ yếu của nhà Minh đã bị những tổn thất hết sức nặng nề. Nguyễn Trãi đã mô tả thể trận và những thắng lợi của ta trong *Bình Ngô đại cáo* như sau:

*“Ta đã chọn phục binh giữ hiểm, đập gãy tiên phong,
Sau lại dùng kỳ binh chặn đường, cắt ngang
lương đạo,
Ngày mười tám, Liễu Thăng bị đánh, Chi Lăng
trúng kế.
Ngày hai mươi, Liễu Thăng bị bại, Mã Yên phơi thây,
Ngày hai mươi lăm, bá tước Lương Minh trận hãm phải
bỏ mình,
Ngày hai mươi tám, thượng thư Lý Khánh kể cùng phải
thất cổ”.*

Quân địch đã bị tiêu diệt khoảng 3 vạn quân, các tướng chủ chốt lần lượt bị chết. Số quân còn khoảng 7 vạn, nhưng thế và lực đã hoàn toàn suy sụp. Từ tướng đến quân đều hoang mang, tuyệt vọng.

*

Tuy vậy, với số quân còn lại khoảng hơn 7 vạn đó, bọn tướng tá nhà Minh vẫn gắng tiếp tục kéo quân tiến sâu vào nội địa nước ta. Đô đốc Thôi Tụ, thượng thư Hoàng Phúc, hai tướng lĩnh cao cấp nhất còn lại của đạo quân này cùng toàn quân tập trung sức lực đánh mở đường cố tiến quân xuống Xương Giang (ở thành phố Bắc Giang ngày nay) hy vọng có thể phối hợp với quân thành

Xương Giang, một cứ điểm quân sự mạnh và quan trọng của chúng nằm trên đường tiến quân về Đông Quan, xoay chuyển lại tình thế, lập lại nền đô hộ ở nước ta. Quân giặc không ngờ rằng, từ cuối tháng 9 năm 1427 thành Xương Giang đã bị đã bị nghĩa quân Lam Sơn đánh chiếm và giờ đây đã trở thành một pháo đài kiên cố của quân ta chặn ngang đường tiến quân của chúng và chia cắt hoàn toàn, tách biệt hẳn đạo quân viện binh của địch với Đông Quan. Tại đây một thế trận bao vây của nghĩa quân đã được chuẩn bị sẵn chờ giặc.

Thoát chết ở Cần Trạm, Phố Cát, cố gắng hết sức bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc cùng đạo quân mới tới được gần Xương Giang nhưng lại được tin thành đã thuộc về nghĩa quân Lam Sơn. Nguy khôn lại càng nguy khôn, tiến thoái lưỡng nan, quân giặc lúng túng và hoang mang. Nếu tiến tiếp sẽ bị quân ta chặn đánh phía trước. Lui quân cũng không xong với các đạo quân của các tướng Lê Sát, Lê Văn An, Lê Lý (Nguyễn Đình Lý)... vẫn bám sát đằng sau. Thoát khỏi vòng vây thật khó khăn. Cuối cùng bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc “không còn mưu kế gì khác đành phải đắp lũy ngoài đồng để tự vệ” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1998, tr.276). Chúng cho quân lui về đóng trên cánh đồng Xương Giang, cách thành 3 kilômét về phía Bắc với hy vọng đồng bọn ở Đông Quan, Chí Linh và đạo quân Mộc Thạnh sẽ tới ứng cứu.

Nơi quân Minh đóng quân là một vùng đồng ruộng, xung quanh được bao bọc bởi các dãy đồi thấp và dòng sông Thương (đoạn sông Thương này còn có tên là sông Xương Giang).

Đóng quân giữa một vùng đồng bằng trũng thấp, khó lợi dụng địa hình để tổ chức phòng vệ cầm cự, quân Minh phải đuổi dân, phá làng mạc, chặt cây cối dựng rào, đắp lũy, đào công sự để tạm thời phòng vệ và lo đối phó với những cuộc tiến công sắp tới của quân ta.

Tuy bị truy kích liên tiếp trên đường tiến quân và không vào được thành Xương Giang, nhưng trong tay vẫn còn một lực lượng đáng kể

nên bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc vẫn kiên quyết cố thủ chống lại nghĩa quân Lam Sơn và hy vọng thoát khỏi vòng vây.

Về phía nghĩa quân Lam Sơn, sau những chiến thắng liên tiếp ở Chi Lăng, Cần Trạm, Phố Cát giờ đây đã buộc đạo viện binh chủ lực của nhà Minh phải giam chân tại vùng Xương Giang đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của nghĩa binh. Khí thế của nghĩa quân lên rất cao, muốn tiến đánh ngay quân địch. Bộ chỉ huy nghĩa quân nhận thấy lực lượng địch vẫn còn đông nên quyết định chưa vội tiến công tiêu diệt ngay mà tiếp tục điều thêm quân thủy bộ tới Xương Giang tiến hành vây hãm và dụ hàng nhằm làm cho đạo quân này ngày càng suy yếu về lực lượng, khốn quẫn về lương ăn, dành thời gian và lực lượng thực hiện kế hoạch tiêu diệt đạo viện binh thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy tiến sang theo đường Vân Nam, không cho chúng tiến sâu vào lãnh thổ nước ta. Các đạo quân ở chiến trường Xương Giang được lệnh khép chặt vòng vây không cho quân địch trốn thoát. Toàn bộ đạo quân của Thôi Tụ, Hoàng Phúc nằm trong thế trận bao vây của nghĩa quân. Quân thủy bộ của ta án ngữ mọi phía. Quân ta “lập hàng rào ở bên tả sông Xương Giang” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, t.276). Một bộ phận quân thủy phối hợp với quân bộ án ngữ phía tây. Mặt khác hai đạo quân của Lê Sát, Lưu Nhân Chú và Lê Lý, Lê Văn An sau trận Phố Cát tiến xuống trấn giữ. Phía nam, thành Xương Giang đã thuộc về quân ta và thành Thị Cầu, cách thành Xương Giang 20 kilômét do đạo quân của Trần Lựu án ngữ. Thế bao vây nhiều lớp như vậy đã bịt kín đường về Đông Quan. Nghĩa quân Lam Sơn còn khóa chặt đường về Quảng Tây và làm chủ con đường đến thành Chí Linh. Nằm trong vòng vây khép kín, vững chắc và dày đặc của quân thủy bộ ta, quân địch dù đông cũng khó thoát.

Tuy vậy, để đề phòng sự liều lĩnh phá vây của kẻ địch trong thế khốn cùng, đồng thời nhằm tránh một cuộc giao chiến lớn, tiêu hao sinh lực của cả hai bên, thay mặt Bộ chỉ huy nghĩa quân, Nguyễn Trãi nhiều lần viết thư khuyên Thôi Tụ, Hoàng Phúc nên hòa giải,

lui quân. Vừa khuyên giải, đồng thời Nguyễn Trãi cũng cảnh báo quân giặc: “Nếu các ông còn dửng dăng lâu ngày, chứa lòng nghi ngờ, làm hỏng mưu kế; tôi sợ rằng các ông sẽ chết uổng vùi xương trong bụng cá ở Xương Giang (sông Thương) sống có ích gì đâu...” (Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1976, tr.164).

Nghĩa quân Lam Sơn kiên trì dụ hàng, nhưng ý thế quân đông, bọn giặc vẫn rất ngoan cố, không tiến, không lui, chẳng cầu hòa. Chúng hy vọng kéo dài thời gian cầm cự chờ đồng bọn ở Đông Quan lên ứng cứu hoặc đạo quân Mộc Thạnh tiến sang tiếp sức. Đã có lần, chúng “giả xin hòa nhưng ngầm muốn chạy vào Chí Linh” (*Dại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.44). Xin hòa của giặc không phải là để được về nước mà chúng muốn kéo vào thành Chí Linh (một thành ở gần thành Xương Giang) để tập trung lực lượng, tiếp tục chiến tranh. Để đập tan mưu đồ của Thôi Tụ, Hoàng Phúc, quân ta xiết chặt vòng vây hơn nữa và gấp rút hạ thành Chí Linh.

Sau một thời gian bị vây hãm, bọn địch đã lâm vào thế cùng sức hết, không còn lương thực để ăn, ốm đau bệnh tật khiến quân số bị tiêu hao đáng kể. Một lần nữa Nguyễn Trãi viết thư dụ giặc đầu hàng và chỉ cho chúng đừng hy vọng gì ở sự cứu viện từ Đông Quan và đạo quân Mộc Thạnh. Nghĩa quân cũng đưa ra thời hạn rút quân cho giặc là 3 ngày. Mặc dù con đường sông đã được mở nhưng bọn giặc vẫn ngoan cố không chịu trả lời. Thời điểm tiêu diệt kẻ thù đã đến. Các tướng Lê Khôi, Nguyễn Xí, Phạm Vãn, Trương Lôi được lệnh đem ba nghìn quân thiết đột và 4 voi chiến lên tăng cường cho Xương Giang.

Ngày 3 tháng 11 năm 1427 (tức ngày 15 tháng 10 năm Đinh Mùi), các đạo nghĩa quân Lam Sơn ở Xương Giang được lệnh đồng loạt tiến công. Từ bốn phía, mấy vạn quân gồm bộ binh, kỵ binh, tượng binh ồ ạt xông vào trận địa. Các mũi tiến công nhất loạt đánh quyết liệt vào các hệ thống phòng ngự và đột phá vào khu trung tâm của giặc. Quân ta vừa tiến đánh vừa kêu gọi quân địch đầu hàng

khiến đội ngũ của chúng rối loạn, binh tướng mất hết tinh thần chiến đấu, không thể chống sự nổi.

*“Một tiếng trống, sạch sanh kinh ngạc,
Hai tiếng trống, tan tác chim muông.
Tan tổ kiến xoi, bảm nơi đê vỡ,
Nổi gió mạnh, trút sạch lá khô”.*

(Bình Ngô đại cáo)

Số phận của quân địch được định đoạt nhanh chóng:

*“Đô đốc Thôi Tụ, quỳ gối chịu tội,
Thương thư Hoàng Phúc trối tay nộp mình”.*

Sau vài giờ chiến đấu quyết liệt, toàn bộ quân giặc ở Xương Giang bị tiêu diệt. Hơn 5 vạn tên địch bị giết tại trận, chủ tướng Thôi Tụ, Hoàng Phúc và toàn bộ tướng chỉ huy lớn nhỏ hơn 300 tên cùng hơn một vạn quân bị bắt sống, một số ít quân giặc chạy trốn khỏi trận địa nhưng sau đó vài ngày cũng bị dân ta bắt được không sót tên nào. Trong số hơn 7 vạn tên giặc, chỉ duy nhất có tên chủ sự Phan Nguyên Đại trốn thoát về nước. Nghĩa quân thu toàn bộ chiến lợi phẩm bao gồm ngựa, chiến khí, vàng bạc, là lụa, đoạn vóc “từng đồng, từng hòm chứa chất như núi, không thể kể xiết” (Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, phần *Lam Sơn thực lục*, Sđd, tr.54).

Xương Giang là trận đánh lớn cuối cùng tiêu diệt nhiều sinh lực địch nhất của nghĩa quân Lam Sơn trong hơn 10 năm tiến hành chiến tranh. Cùng với Chi Lăng, Cần Trạm, Phố Cát, chiến thắng Xương Giang đã tiêu diệt toàn bộ đạo viện binh chủ lực của nhà Minh. Với thắng lợi này, quân dân ta đã làm tiêu tan mọi cố gắng của quân xâm lược nhà Minh nhằm duy trì ách cai trị đối với nhân dân ta. Đạo quân lớn nhất của đoàn quân cứu viện bị tiêu diệt hoàn toàn, hy vọng của Vương Thông và số quân địch còn lại trên đất nước ta bị tiêu tan, tinh thần chiến đấu của chúng bị suy sụp. Đây là chiến thắng oanh liệt mở ra thời kỳ giành thắng lợi hoàn toàn cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của quân dân ta ở thế kỷ XV.

Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang là kết quả của tinh thần liên tục tiến công kẻ thù của nghĩa quân Lam Sơn. Kể từ khi đạo viện binh của Liễu Thăng xâm phạm bờ cõi nước ta (8-10-1427) chúng liên tục bị đánh tới tấp: khi trước mặt, lúc sau lưng, khi bị đánh cạnh sườn, lúc bị truy kích bao vây khiến quân địch tan tác “như lá rụng trong cơn gió mạnh”. Thoát chết ở Chi Lăng, Cần Trạm, Phổ Cát, số quân địch còn lại về đến Xương Giang với hy vọng hội quân nhưng không ngờ lại rơi vào vòng vây ngày càng khép chặt và phải lâm vào tình trạng khốn quẫn: đói khát, rét mướt, tinh thần thể lực sa sút. Cuộc tiến công không ngừng của nghĩa quân Lam Sơn khiến kẻ địch luôn bị tiêu hao về lực lượng, không có thời gian phục hồi; căng thẳng về tinh thần, chúng luôn trong trạng thái lo sợ, hoảng hốt. Do bị nghĩa quân Lam Sơn tiến công liên tục, đã đẩy số quân còn lại của đạo viện binh giặc khi về đến Xương Giang đã quá mệt mỏi. Khi buộc phải đóng quân trên cánh đồng Xương Giang, một địa hình trống trải, càng làm cho quân Minh hoang mang rệu rã, không còn tinh thần chiến đấu, do đó nhanh chóng tan rã trước cuộc tổng công kích của quân ta.

*

Về đạo viện binh thứ hai của quân Minh do Kiểm Quốc công Mộc Thạnh giữ chức Tổng binh mang ấn Chinh nam tướng quân chỉ huy 5 vạn quân và 1 vạn ngựa từ Vân Nam tiến sang, trong lúc đạo viện binh thứ nhất từ Quảng Tây tiến xuống đang bị nghĩa quân Lam Sơn đánh tơi bời ở Chi Lăng, Cần Trạm, Phổ Cát và bị vây hãm ở Xương Giang, thì đạo viện binh thứ hai này vẫn án binh bất động ở gần biên giới. Vốn là một tướng xâm lược lão luyện nên Mộc Thạnh rất thận trọng, không vội tiến xuống mà cho đóng quân lại nghe tin tức của Liễu Thăng.

Tại ải Lê Hoa, quân ta do các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Lê Trung chỉ huy, chiếm lĩnh những nơi trọng yếu, bố trí mai phục để làm nhiệm vụ ngăn chặn địch và sẵn sàng tiến

công khi thời cơ đến. Biết rõ thái độ dè dặt của Mộc Thạnh, Nguyễn Trãi gửi thư vạch rõ những thất bại, tổn hại nặng nề của quân Minh ở nước ta và dùng lời lẽ ôn tồn khuyên Mộc Thạnh xin triều đình bãi binh.

Sau khi đã giam chặt số quân của Thôi Tụ, Hoàng Phúc ở Xương Giang, Bộ chỉ huy nghĩa quân Lâm Sơn chủ trương phải kịp thời tổ chức tiến công đánh tan đạo quân Mộc Thạnh.

Lê Lợi sai một tên chỉ huy, ba tên thiên hộ bắt được trong đạo quân Liễu Thăng, mang sắc thư, ấn tín của Liễu Thăng cùng một bức thư của Nguyễn Trãi, chuyển cho Mộc Thạnh. Trong thư, Nguyễn Trãi chủ yếu báo tin cho Mộc Thạnh biết sự thất bại thảm hại của Liễu Thăng vì “mạo hiểm tiến quân vào sâu, chuyên việc chém giết, định diệt hết không để sót người nào” nên “bị chết tại trận tiền, không biết lẫn lộn vào đâu” và “Bảo Định bá, Thôi đô đốc, Lý thượng thư cũng nối nhau chết nốt” (Nguyễn Trãi, *Toàn tập*), (thực ra lúc đó đô đốc Thôi Tụ chưa bị chết).

Đòn tiến công “đánh vào lòng người” đã có tác dụng lớn. Đọc thư, lại tận mắt nhìn thấy những chứng tích thất bại của Liễu Thăng, tướng Mộc Thạnh vô cùng khiếp sợ. Đang đêm, Mộc Thạnh vội vàng đem quân tháo chạy.

Quân ta đã chuẩn bị sẵn sàng lập tức tung quân ra đuổi đánh. Mộc Thạnh dù tháo chạy, nhưng cũng phải bị đánh cho tan nát thì mới đè bẹp được ý chí xâm lược của quân thù.

Quân ta thắng lớn ở Lãnh Câu và Đan Xá (Hà Giang), giết chết hơn 1 vạn, bắt sống hơn 1.000 quân địch và thu được hơn 1.000 ngựa cùng rất nhiều vũ khí, lương thực và của cải.

Nguyễn Trãi đã mô tả chiến thắng này trong *Bình Ngô đại cáo*:

“Bị quân ta chẹn ở Lê Hoa,
quân Vân Nam kinh sợ mà trước đã vỡ mặt.

*Nghe quân Thăng thua ở Cần Trạm,
quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
Lãnh Câu máu chảy thấm dòng, nước sông ảm ức.
Đan Xá thấy chồng thành núi, có nội thất hồng”.*

*

Trong khoảng không đầy một tháng, từ ngày 8 tháng 10 đến ngày 3 tháng 11 năm 1427, toàn bộ hai đạo viện binh của Liễu Thăng, Mộc Thạnh đã bị tiêu diệt và đánh tan.

Nhằm khủng bố tinh thần quân Minh đang cố thủ ở thành Đông Quan, Lê Lợi sai Thông sự Đặng Hiếu Lộc dẫn các tướng giặc bị nghĩa quân bắt là Thôi Tụ, Hoàng Phúc cùng ấn tín của Liễu Thăng đến báo cho Vương Thông biết. Vương Thông vô cùng hoang mang lo sợ và biết không còn hy vọng gì ở quân cứu viện. Thế đã cùng, lực đã kiệt, lại đang bị bao vây khốn đốn, Vương Thông xin giảng hòa và đã được Lê Lợi chấp thuận. Tuy nhiên, Vương Thông một mặt phái sứ giả đi cầu hòa, mặt khác tập trung toàn bộ lực lượng còn lại trong thành Đông Quan mở một cuộc tập kích lớn hòng xoay chuyển tình thế. Nhưng khi Vương Thông mang quân ra khỏi thành liền bị phục binh của nghĩa quân đánh cho tan tác. Vương Thông ngã ngựa suýt bị bắt sống, từ đó không dám ra khỏi thành.

Tháng 12 năm 1427, Lê Lợi phái tướng Nguyễn Lôi đem thư dụ hàng được binh tướng hai thành Tây Đô và Cổ Lộng.

Cùng với việc tăng cường lực lượng vây hãm thành Đông Quan, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi soạn thảo thư từ khuyên nhủ Vương Thông đầu hàng. Để tỏ ra thiện chí muốn giảng hòa, Lê Lợi cho con là Quận vương Tư Tề đi cùng với Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin. Vương Thông cũng cho các tướng là Sơn Thọ, Mã Kỳ đến ở dinh Bồ Đề.

Ngày 10 tháng 12 năm 1427 (22 tháng 11 năm Đinh Mùi), Lê Lợi dẫn các tướng lĩnh đến cùng với Vương Thông và các tướng Minh

tổ chức hội thề ở phía nam thành Đông Quan. Tại Hội thề Đông Quan, Vương Thông cam kết rút hết quân về nước và đến ngày 29 tháng 12 năm 1427 (ngày 12 tháng 12 năm Đinh Mùi), các cánh quân Minh phải lập tức lên đường.

Đúng như hẹn ước, ngày 29 tháng 12 năm 1427, Vương Thông cùng với các cánh quân lên đường về nước. Lê Lợi sai cung cấp đầy đủ lương thực và phương tiện cho quân Minh:

Cấp 500 chiếc thuyền do Phương Chính, Mã Kỳ chỉ huy quân thủy theo đường biển rút về.

Cấp đầy đủ lương thực cho cánh quân bộ do Hoàng Phúc, Sơn Thọ chỉ huy. Đồng thời giải vây các thành Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh, cấp lương thực đầy đủ cho chúng theo đường bộ về nước.

Trao trả 2 vạn tù binh và 2.000 ngựa giao cho Mã Anh lĩnh nhận cùng rút về.

Quân Minh hết sức cảm động, kéo đến dinh Bồ Đề lạy tạ những người lãnh đạo đầy lòng khoan dung, nhân đạo của nghĩa quân Lam Sơn.

Ngày 3 tháng 1 năm 1428, cánh bộ binh cuối cùng do Vương Thông chỉ huy lên đường về nước. Tổng số quân Minh rút về ước tính khoảng 8 vạn 6 nghìn quân.

Cuộc chiến tranh kết thúc bằng chiến thắng hào hùng của dân tộc ta và cuộc đầu hàng rút lui nhục nhã của quân thù:

*"Quân giặc các thành khốn đốn cời giáp ra hàng,
Tướng giặc bị bắt tù, xin thương hại vẫy đuôi
cầu sống.*

*Uy thần chẳng giết hại,
lấy khoan hồng thể bụng hiếu sinh,*

*Bọn tham chính Phương Chính, nội quan Mã Kỳ được
cấp năm trăm thuyền, đã vượt biển vãn hồn kinh
phách lạc.*

*Lũ tổng binh Vương Thông, tham chinh Mã Anh, được
cấp cho mấy nghìn ngựa, đã về nước còn ngực đập
chân run.*

*Chúng sợ chết thêm sống mà thực muốn cầu hòa,
Ta lấy toàn quân làm cốt cho dân được yên nghỉ.
Chẳng những mưu kế kỳ diệu.
Cũng là chưa thấy xưa nay”.*

(Bình Ngô đại cáo)

Sau 20 năm sống rên xiết dưới ách thống trị tàn bạo của quân Minh, đến đây đất nước ta đã sạch bóng quân xâm lược. Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi soạn thảo văn bản *Bình Ngô đại cáo*, ban bố khắp trong nước khẳng định nền độc lập của quốc gia Đại Việt.

✱

Trận Chi Lăng - Xương Giang đã để lại những kinh nghiệm quý báu về nghệ thuật quân sự.

Trước hết, đó là tinh thần tích cực giành thế chủ động về chiến lược và chiến thuật của Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn. Sự khôn ngoan có nguy cơ bị tiêu diệt của số quân đang có mặt trên đất nước ta buộc nhà Minh phải đưa quân sang cứu viện. Kế hoạch viện binh của giặc đặt nghĩa quân Lam Sơn trước một tình thế mới: đánh thành trước hay diệt viện trước. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, Bộ chỉ huy nghĩa quân đã kiên quyết, kịp thời thay đổi chỉ đạo chiến lược; không đánh thành (mặc dù ta đang có nhiều ưu thế) mà tập trung “vây thành diệt viện”. Viện binh là niềm hy vọng của quân giặc trong thành, nếu quân tiếp viện bị tiêu diệt thì giặc trong thành thế tất phải ra hàng, như các lãnh tụ nghĩa quân đã nhận định. Như vậy làm một mà được hai. Từ đó nghĩa quân tích cực chủ động chuẩn bị đánh viện binh ngay từ khi chúng mới vào biên giới. Việc chọn hướng, bố trí lực lượng, định đối tượng tác chiến cũng được giải quyết ngay từ khi viện binh địch chưa tới nơi. Với một lực lượng nghĩa quân có hạn, vừa phải tiến hành vây hãm số quân Minh trong 4 thành,

nếu cùng lúc đánh cả hai đạo viện binh thì lực lượng của ta sẽ rất mỏng, nên ngay từ đầu Bộ chỉ huy nghĩa quân đã vạch ra kế hoạch tác chiến vừa kiềm chế, chia cắt quân địch, vừa tập trung lực lượng đánh vào một hướng chủ yếu để tiêu hao sinh lực địch. Nghĩa quân đã tập trung binh lực tiến công tiêu diệt đạo viện binh chủ lực do Liễu Thăng cầm đầu. Đây là một đội quân đông, có nhiều tướng giỏi giữ vai trò chủ yếu trong đội hình chiến lược của địch. Nếu đạo quân này bị tiêu diệt sẽ làm rung chuyển và sụp đổ toàn bộ thế trận của địch. Đối với đạo quân của Mộc Thạnh, chỉ dành một lực lượng vừa phải để ngăn chặn không cho chúng tiến vào Đông Quan liên lạc với Vương Thông, đồng thời vẫn dành một bộ phận vây hãm các thành không cho chúng thoát ra ngoài. Địa bàn tác chiến chính được lựa chọn là vùng rừng núi Lạng Sơn, Lạng Giang trên con đường mà viện binh địch sẽ đi qua, trong đó ải Chi Lăng là nơi quân ta mai phục dàn sẵn thế trận đợi giặc. Đây là địa bàn hiểm trở nằm sâu trong biên giới, có nhiều điều kiện thuận lợi để quân ta mai phục chặn đánh địch. Kế hoạch tác chiến cũng được vạch ra cụ thể: ta không đem đại quân chủ lực ra quyết chiến với địch ngay khi chúng vừa vào biên giới, mở đầu chỉ là những trận đánh như địch của đạo quân do tướng Trần Lựu chỉ huy với kế hoạch vừa đánh vừa lui khiến quân địch vừa phải hành quân vừa tác chiến trên chặng đường rừng núi hơn trăm dặm. Khi đến Chi Lăng sức chiến đấu của chúng không còn được như lúc ban đầu, tới lúc đó ta đem quân “nhàn” đánh quân “mệt nhọc”, chia cắt đội hình khiến chúng đông quân mà không mạnh, phải bị động đối phó với ta, đánh theo lối đánh của ta. Kỵ binh, một thế mạnh của giặc không phát huy được sở trường...

Việc giành và giữ được quyền chủ động linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược cũng như chiến thuật của Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn là điều kiện tiên quyết làm nên chiến thắng.

Thứ hai, Chi Lăng là một trong những trận đánh tiêu biểu của nghệ thuật nghi binh. Trong chiến đấu nếu nghi binh giỏi có thể biến ít thành nhiều, tạo được những nhân tố bất ngờ khiến quân địch

không biết được lực lượng của ta, không phán đoán được kế hoạch tác chiến của ta, khiến chúng hoang mang bị động đối phó với ta, tạo thời cơ và điều kiện cho ta tiêu diệt chúng. Trong quá trình tiến hành khởi nghĩa, xuất phát từ tương quan lực lượng địch mạnh, ta yếu, nghĩa quân Lam Sơn rất coi trọng hoạt động nghi binh và nhiều lần giành được thắng lợi. Nghệ thuật nghi binh lừa địch ở trận Chi Lăng nhằm đạt được mục đích phải kéo địch đi theo con đường ta đã chọn, buộc chúng phải đi qua ải Chi Lăng, nơi quân ta đã tổ chức trận địa mai phục. Đội quân của tướng Trần Lựu - người giỏi “trá bại dụ địch” - đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ như địch, vừa bảo vệ được mình vừa đánh lừa được địch, kéo chúng vào địa bàn tác chiến của ta. Mưu kế lừa địch trên chặng đường 60 kilômét độc đạo hiểm trở của đạo quân Trần Lựu khiến quân địch vừa tức giận vừa mệt mỏi, lại thêm kích thích tính chủ quan, hiếu thắng của chúng. Cùng với hoạt động của đội quân Trần Lựu, Bộ chỉ huy nghĩa quân còn viết thư gửi cho Liễu Thăng, xin y hãy ngừng tiến quân với mục đích làm cho viên tổng binh này thêm khinh suất. Đúng như dự đoán của ta, Liễu Thăng không thèm đọc thư, y còn bỏ ngoài tai những lời can gián của những tướng lĩnh có kinh nghiệm, cứ nhất mực gấp gấp tiến quân đuổi theo những toán quân nhỏ lẻ của ta. Kết cục đạo tiền quân do y chỉ huy đã tách khỏi đội hình, sa vào vòng vây của quân ta, không còn cách thoát thân.

Chính vì giỏi nghi binh, nghĩa quân Lam Sơn không những lừa được địch mà còn tạo ra những nhân tố bất ngờ khiến quân địch không thể đoán trước được hành động của quân ta. Với một lực lượng đông và mạnh, quân tiếp viện nhà Minh ồ ạt kéo vào biên giới nước ta. Do tính hiếu thắng, khi gặp đạo quân của Trần Lựu vừa đánh vừa chạy, chúng lại càng chủ quan “cho người nước ta nhút nhát, từ lâu vẫn sợ oai giặc nghe có đại quân đến tất phải sợ hãi”. Chúng có biết đâu rằng, đại quân ta đang chờ tiêu diệt chúng ở Chi Lăng.

Thứ ba, chiến thắng Chi Lăng là kết quả của nghệ thuật tạo lập thế trận, phát huy sức mạnh tổng hợp của nghĩa quân Lam Sơn. Xét về tương quan lực lượng, đạo quân của Liễu Thăng đông và mạnh hơn hẳn so với lực lượng của ta đưa ra biên giới chống lại chúng, nhưng trong trận Chi Lăng nghĩa quân đã phát huy được sức mạnh của quân chủ lực kết hợp với lực lượng dân binh địa phương. Sức mạnh của các lực lượng đó lại nhân lên khi nghĩa quân đã tận dụng địa hình sông núi hiểm trở để tạo lập thế trận khiến ưu thế của quân ta hơn hẳn quân địch. Lê Lợi, người đứng đầu Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn đã từng kết luận: “Quân địch đông, quân ta ít, đem ít đánh đông, chỉ ở những nơi hiểm yếu là có thể lập được công”. Bộ chỉ huy Lam Sơn đã nghiên cứu, đánh giá lựa chọn Chi Lăng là một điểm quyết chiến bởi đây là địa hình “thiên thời địa lợi” như sử sách mô tả: “Khâu Ôn, Pha Lũy, Cần Trạm núi giăng khít, địa hình hiểm trở, tiện giấu quân mai phục, đánh úp”. Chi Lăng là ải hiểm trở nhất nằm trên con đường độc đạo từ Pha Lũy đến Đông Quan. Với núi cao tạo thành lũy chắn bốn phía, có những ngọn núi nhỏ bên trong, Chi Lăng rất thuận lợi cho quân ta giấu quân, nhưng địa hình ấy lại rất bất lợi cho giặc do tầm quan sát và cơ động bị hạn chế.

Tận dụng địa thế, quân Lam Sơn đã bí mật bất ngờ triển khai lực lượng, lập thế trận. Trần Lựu, Lê Bôi giữ ải Pha Lũy, đánh như địch; Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Đinh Liệt mai phục ở ải Chi Lăng; Lê Lý, Lê Văn An mai phục ở Cần Trạm. Quân chủ lực Lam Sơn dưới sự chỉ huy của các tướng dày dạn kinh nghiệm trận mạc sát cánh cùng dân binh quanh vùng dựng rào đặt lũy, bố trí lực lượng trong các hẻm đá, khe núi đợi giặc. Đây là một thế trận bí mật, vững chắc và hiểm hóc, buộc quân Minh một khi đã sa vào thì vô cùng bất lợi vì đường hẹp, hai bên núi rừng hiểm trở lại có lực lượng đối phương phục binh chờ sẵn.

Quân ta vừa lập xong thế trận cũng là lúc quân Minh tiến vào ải Pha Lũy, tiếp đến là Khâu Ôn. Theo kế hoạch quân ta vừa chặn đánh vừa rút lui, làm cho quân Minh càng thêm kiêu căng khinh địch.

Lê Lợi, Nguyễn Trãi lại “đánh vào lòng người”, gửi thư cho Liễu Thăng, khiến tướng giặc càng thêm chủ quan, thúc quân tiến nhanh vào Chi Lăng, lao vào “tử địa”, mặc cho Lý Khánh can ngăn hết sức. Giặc bị trúng kế của ta, rơi vào thế trận “phục binh giữ hiểm, đập nát quân tiên phong”. Lần lượt, Liễu Thăng cùng Lương Minh và nhiều quân tướng khác phải tử trận.

Do biết tận dụng thế thiên hiểm của địa hình Chi Lăng tạo lập thế trận nên chiến thuật phục binh ở đây của nghĩa quân Lam Sơn được phát huy cao độ và đạt hiệu suất cao. Đó là nghệ thuật tạo lập thế trận xuất sắc.

Thứ tư, chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang thể hiện nghệ thuật điều động địch của nghĩa quân Lam Sơn, buộc chúng phải hành động theo ý định của ta, tạo điều kiện để ta tiêu diệt chúng từng bộ phận đến tiêu diệt hoàn toàn. Trong điều kiện thế giặc vẫn đang còn mạnh, muốn giành thắng lợi phải nắm bắt được ý đồ và bám sát những hành động của chúng, từ đó chủ động bày binh bố trận, sử dụng lực lượng hợp lý, tìm cách dụ nhử và từng bước dẫn dắt chúng hành động theo ý định của ta, đưa chúng vào trận địa đã chuẩn bị sẵn để tiêu diệt chúng. Trận Xương Giang là một thành công của nghĩa quân Lam Sơn về nghệ thuật điều địch. Để dồn địch về “cái túi” Xương Giang, nghĩa quân đã chủ động tạo lập một thế trận liên hoàn đánh viện binh nhà Minh từ khi chúng chuẩn bị kéo quân vào nước ta. Mở đầu là trận đánh chiếm thành Xương Giang, xóa bỏ một căn cứ quan trọng trên đường tiến quân của chúng. Tiếp theo là hành động như địch khéo léo của đạo quân Trần Lựu như phần trước đã nói và lời lẽ nhún nhường của Lê Lợi, Nguyễn Trãi trong những thư gửi cho Liễu Thăng để kích thích thêm tính chủ quan khinh địch của chúng, khiến chủ tướng địch phải bỏ mạng ở Chi Lăng. Sau đó các tướng lĩnh Lam Sơn lại khôn khéo vừa truy kích vừa dắt quân địch vào các trận địa dàn sẵn ở Phố Cát, Cần Trạm rồi đến Xương Giang. Tại Xương Giang quân địch đã sa vào vòng vây của ta và đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Thứ năm, Xương Giang còn là trận đánh tiêu biểu của nghệ thuật đánh tiêu diệt của nghĩa quân Lam Sơn. Trong chiến tranh, muốn chiến thắng kẻ thù phải tiêu diệt được lực lượng cơ bản và đập tan ý chí xâm lược của chúng. Muốn vậy phải có sức mạnh hơn hẳn kẻ thù. Sức mạnh đó được tạo bởi thế và lực.

Trên mặt trận Xương Giang, vào thời điểm tháng 11 năm 1427, xét về số quân chủ lực, ta không hơn quân Minh, nhưng ngoài lực lượng tinh binh ta còn có thêm hàng chục vạn dân binh làng xã. Quân ta ở thế hoàn toàn chủ động, tinh thần quyết chiến rất cao. Về phía địch, đạo viện binh chủ lực đã mất chủ tướng và bị tiêu diệt một phần, số còn lại trải qua hơn một tháng tham chiến, liên tục bị truy kích khiến chúng quá mệt mỏi; về tới Xương Giang thì thành đã mất không còn chỗ dựa, phải phơi mình trên địa hình trống trải, ở trong vòng vây bốn mặt của ta khiến chúng càng hoang mang, sức chiến đấu suy giảm. Thế và lực của ta lúc này hơn hẳn chúng, nhưng để đánh thắng kẻ thù cần phải có cách đánh có hiệu quả cao.

Thực hiện quyết tâm tiêu diệt hoàn toàn quân cứu viện nhà Minh trên cánh đồng Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã sử dụng hình thức chiến thuật bao vây kết hợp với tiến công. Mặc dù trước đó quân ta đã tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch ở Chi Lăng, Cần Trạm, Phổ Cát và dồn chúng về Xương Giang, nhưng trước thế giặc vẫn đang còn mạnh, Bộ chỉ huy Lam Sơn không đánh ngay mà quyết định tiến hành bao vây giam chân địch trên địa hình bất lợi cho chúng (ở giữa cánh đồng trống trải), đẩy chúng vào thế tiến không được, lui cũng không xong vì đường tiến quân về Đông Quan bị chặn đứng, đường rút về Quảng Tây cũng bị bịt kín. Quân Minh liều chết cố thủ hy vọng sự ứng cứu của đồng bọn ở thành Chí Linh, nhưng thành Chí Linh cũng đã bị hạ khiến Xương Giang càng bị cô lập. Địch càng xảo trá, vòng vây của quân ta càng xiết chặt. Khi quân địch lâm vào tình cảnh lương thực hết cả, binh lính chết đói, bệnh tật... Bộ chỉ huy Lam Sơn ra lệnh cho các cánh quân trên chiến trường Xương Giang đồng loạt tiến công. Bằng cuộc tổng công kích mãnh liệt, quân ta

nhANH chóng giành thắng lợi hoàn toàn. Toàn bộ quân giặc ở Xương Giang đã bị tiêu diệt hoặc bị bắt sống. Kê hoạch tăng viện của nhà Minh bị phá sản, hy vọng của Vương Thông bị dập tắt, y không còn con đường nào khác đành xin giảng hòa, thực chất là đầu hàng, cuối tháng 12 năm 1427 chúng phải rút quân về nước. Ý chí xâm lược nước ta của triều đình nhà Minh cũng bị tiêu tan, khiến cho suốt thời gian tồn tại sau đó, triều Minh phải giữ quan hệ bang giao bình thường với nước ta.

Thứ sáu, chiến thắng Xương Giang là sự kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với công tác địch vận. Mặc dù đã giam chân đại quân của Thôi Tụ, Hoàng Phúc trong vòng vây nhiều tầng lớp nhưng Bộ chỉ huy Lam Sơn vẫn xác định: với hơn 7 vạn quân lực lượng địch không phải là nhỏ, trong thế khốn cùng, thủ dữ thường quấy mạnh. Để phòng sự liêu lĩnh của kẻ thù, cùng với việc tăng cường lực lượng xiết chặt vòng vây, nhiều lần quân ta viết thư dụ hàng quân địch, khoét sâu vào chỗ yếu, những nhược điểm căn bản của kẻ xâm lược. Bằng những lời lẽ vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn những bức thư của Bộ chỉ huy Lam Sơn đã phân tích lẽ an nguy và chỉ ra con đường sống của bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc, chúng chỉ còn cách duy nhất là lui quân, nếu không sẽ bị chôn vùi tại Xương Giang. Công tác địch vận của nghĩa quân khiến quân giặc hoang mang không còn tinh thần chiến đấu. Cuộc tiến công địch bằng chính trị đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tiến công quân sự nhanh chóng giành thắng lợi. Phát huy chiến quả của thắng lợi trước nhằm uy hiếp và làm tan rã nhanh chóng tinh thần chiến đấu của địch ở các trận sau và cao hơn nữa, còn khiến cả đạo viện binh Mộc Thạnh không đánh mà tự bỏ chạy. Có thể nói, trên cơ sở tiến công bằng quân sự kết hợp với những biện pháp chính trị, binh vận, đánh địch về mọi mặt là một trong những tư tưởng chỉ đạo chiến tranh sáng tạo của nghĩa quân Lam Sơn.

Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang biểu thị sự nỗ lực phi thường của nghĩa quân Lam Sơn và sự kết hợp chặt chẽ giữa quân

đội và nhân dân các dân tộc trong cuộc chiến tranh giải phóng. Đặc biệt nhân dân các làng quanh thành Xương Giang có công lớn giúp nghĩa quân trong khi hạ thành và bao vây tiêu diệt viện binh. Việc giúp đỡ nhiệt tình và phối hợp tác chiến có hiệu quả của nhân dân địa phương đối với nghĩa quân Lam Sơn là hình ảnh đẹp đẽ của cuộc chiến tranh nhân dân thời bấy giờ.

Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang là một điển hình của nghệ thuật quân sự lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh của nghĩa quân Lam Sơn. Chiến thắng đó thể hiện sức mạnh của trí tuệ, tinh thần và ý chí quyết thắng của dân tộc ta.

Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang là một võ công hiển hách trong lịch sử quân sự Việt Nam. Đây là trận quyết chiến chiến lược oanh liệt dẫn đến thắng lợi hoàn toàn cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV. Chiến thắng này như một mốc vàng lịch sử, đã góp phần chấm dứt 20 năm đô hộ tàn bạo của nhà Minh trên đất nước ta, mở ra những trang mới trong lịch sử dựng nước và giữ nước quang vinh của dân tộc. Trong nhiều thế kỷ sau đó, đất nước ta sạch bóng giặc ngoại xâm.

VI - TRẬN RẠCH GẦM - XOÀI MÚT (NĂM 1785)

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút, trận phục kích đường sông nổi tiếng của quân Tây Sơn vào đêm 18 rạng ngày 19 tháng 1 năm 1785 (tức đêm mùng 8 rạng ngày 9 tháng Chạp năm Giáp Thìn) trên khúc sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút, do Nguyễn Huệ chỉ huy, đập tan 5 vạn quân Xiêm và hàng nghìn quân bản bộ của Nguyễn Ánh trong khởi nghĩa Tây Sơn (1771-1789), chôn vùi mộng bành trướng của vương quốc Xiêm La dưới thời Cha kri I cầm quyền.

Từ một thủ lĩnh chiến đấu dưới cờ của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã trở thành lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn, chăm lo xây dựng quân đội Tây Sơn thành quân đội tinh nhuệ, thiện chiến. Qua 21 năm chiến đấu, Nguyễn Huệ đã lập nên những kỳ tích oanh liệt: Chiến thắng Phú Yên (1775), ba lần đánh tan quân Nguyễn ở Gia Định (1777, 1782 và 1783), thắng quân Xiêm ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút (19-1-1785); đánh đổ các tập đoàn phong kiến: chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chấm dứt cảnh đất nước chia cắt trên 200 năm; quét sạch hơn 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh (1789).

Từ năm 1777 đến 1783, Nguyễn Huệ đã ba lần đánh vào Gia Định và toàn thắng.

Lần thứ nhất vào năm Đinh Dậu (1777), quân Nguyễn Huệ thắng trận liên tiếp giết được chúa Nguyễn là Phúc Thuận (Duệ Tông), chỉ có một mình Nguyễn Ánh chạy thoát ra sông Khoa (Long Xuyên).

Lần thứ hai, Nguyễn Huệ đánh vào Gia Định là tháng 3 năm Nhâm Dần (1782). Quân của Nguyễn Huệ qua đường biển tiến vào

Cần Giờ, quân Chúa Nguyễn thua to. Nguyễn Ánh chạy đến Lữ Phu (Giồng Lữ) còn thuộc hạ là Đinh Tường thu gom đám tàn quân khoảng 30 người cố gắng phản công đánh bại Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Học rồi thừa thắng tiến quân đóng ở Tứ Kỳ Giang (Gia Định). Nguyễn Huệ liền lập tức mang quân đến bày trận Bồi Thủy (quay lưng xuống nước kiêu Hàn Tín) để đánh, Nguyễn Ánh thua thảm hại, chạy về Hà Tiên rồi lại trốn ra đảo Phú Quốc, sai Nguyễn Hữu Thụy và Trần Xuân Trạch cùng Cai cơ Cao Phúc Trí sang Xiêm cầu viện.

Lần thứ ba là tháng 2, năm Quý Mão (1783), Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Lữ vào đánh Gia Định từ cửa biển Cần Giờ. Quân Nguyễn đại bại, Nguyễn Ánh phải chạy về Ba Giồng (Gia Định) quân không còn tới 100 người. Nguyễn Ánh và khoảng 5 - 6 bảy tôi trung thành chạy ra đảo Côn Lôn (Cỏ Long). Nguyễn Huệ lại cho quân vây đảo Côn Lôn, Nguyễn Ánh rơi vào đường cùng may mà nhờ có sóng lớn nên trốn thoát. Quân Tây Sơn của Phò mã Trương Văn Đa (con rể Nguyễn Nhạc) bị đắm thuyền, binh sĩ chết nhiều, Nguyễn Ánh may mắn thoát chết chạy về đảo Cổ Cốt. Sau khi thấy Tây Sơn rút quân, Nguyễn Ánh lại chạy về Phú Quốc, nhưng lúc này lương hết, còn cột buồm thì gãy may nhờ có thuyền gạo của một người ở Hà Tiên giúp mới qua cơn bĩ cực. Nguyễn Ánh để vợ con ở lại đảo, đem thuyền về cửa biển Ma-ni liền bị do thám của Tây Sơn phát hiện, Nguyễn Ánh phải chạy ra biển lênh đênh suốt 7 ngày đêm hết cả lương thực và nước ngọt. Cuối cùng, "số phận" chưa tận nên gặp được dòng nước ngọt mới thoát chết khát lại trở về Phú Quốc. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ rút quân về Quy Nhơn.

Bị đánh liên tiếp, trong cơn cùng quẫn, Nguyễn Ánh liền nhờ giáo sĩ Bá Đa Lộc cùng Phạm Văn Nhơn đem Thế tử Cảnh lúc đó mới 4 tuổi sang cầu viện nước Pháp. Mặt khác, Nguyễn Ánh lại sai người đi cầu cứu vua Xiêm La là Cha-kri (Chát Tri).

Tháng 12 năm 1783, tướng Tây Sơn là Trương Văn Đa dẫn quân tấn công Chân Lạp, đánh Chiêu Thủy Biện, vốn được Xiêm công nhận

là Phụ chính. Biện phải trốn qua Xiêm cầu viện. Trương Văn Đa biết tin liền báo rằng, quân Xiêm sẽ theo đường Lào đánh Quy Nhơn nên quyết định khai chiến. Hai bên đánh nhau vài lần. Ngày 6 tháng Giêng năm 1784, tướng Trương Văn Đa rút quân khỏi Nam Vang.

Thời gian này, nước Xiêm dưới triều vua Cha kri đang thi hành chính sách bành trướng ra các nước trong khu vực, có tham vọng chiếm Chân Lạp và Gia Định để mở rộng bờ cõi. Vua Xiêm thấy Nguyễn Ánh cầu viện thì cả mừng chớp ngay cơ hội, liền cho hai cháu là Chiêu Tăng, Chiêu Sương mang 5 vạn quân cả thủy và bộ, 300 chiến thuyền tiến công nước ta vào ngày 25 tháng 7 năm 1784. Nguyễn Ánh cũng kêu gọi các cự thần của nhà Nguyễn tập hợp binh lực. Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm và dư đảng Đông Sơn của Nguyễn Văn Thành cũng lần lượt xin theo Nguyễn Vương. Quân Xiêm đi đến đâu cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ rồi thì nhau chở thóc gạo về nước khiến cho dân chúng lâm than, lòng người oán giận. Hành động bạo ngược của quân giặc khơi sâu lòng căm thù của toàn dân miền Tây và cả miền Đông Gia Định, căm thù cả Xiêm lẫn Nguyễn kẻ rước giặc về phá quê hương, và hết lòng ủng hộ tướng sĩ Tây Sơn.

Khoảng tháng 12 năm 1784, Bá Đa Lộc gặp Nguyễn Ánh ở Thổ Châu đã than rằng: *“Người Xiêm lừa gạt ông, lấy cớ lập lại quyền bính cho ông nhưng thực chất là lấy danh ông để cướp bóc và bắt ông thôi”*. Tuy nhiên, sau 5 tháng (cuối năm Giáp Tuất 1784), sau khi đem quân vào nước ta, quân Xiêm chỉ chiếm được nửa phần đất phía tây Gia Định. Thành Mỹ Tho và nửa phần đất phía đông Gia Định, quân Tây Sơn vẫn giữ vững.

Cuối năm 1784, Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc cử Nguyễn Huệ đem thủy quân vào Nam tổ chức phản công, thực hiện quyết chiến chiến lược nhằm nhanh chóng quét sạch quân Xiêm - Nguyễn ra khỏi đất Gia Định.

Nguyễn Huệ dùng thuyền chiến vượt biển vào đến Gia Định khoảng đầu tháng 1 năm 1785, đóng quân và đặt sở chỉ huy tại Mỹ Tho.

Tổng số quân Tây Sơn ở Gia Định - kể cả quân đồn trú của Trương Văn Đa và đoàn binh thuyền mới được tăng cường của Nguyễn Huệ - lên đến khoảng 2 vạn. Về số lượng, quân Tây Sơn chưa bằng một nửa quân Xiêm, chưa kể quân bản bộ của Nguyễn Ánh.

Nhưng về trang bị vũ khí của quân đội Tây Sơn, ngoài bộ binh còn có tượng binh, kỵ binh và một đội thủy binh mạnh với nhiều loại thuyền chiến lớn nhỏ khác nhau. Đặc biệt là có nhiều đại bác các cỡ. Đó là những đại bác của quân Nguyễn bị quân Tây Sơn chiếm được trong các trận đánh, bao gồm đại bác do quân Nguyễn chế tạo và do chính quyền họ Nguyễn mua của các công ty tư bản phương Tây. Chỉ riêng trận đánh ra Quảng Nam giữa năm 1774, quân Tây Sơn đã chiếm được 45 voi chiến, 82 khẩu đại bác Hà Lan, Anh và 6 thuyền chở đầy đạn dược. Trên thuyền chiến, quân Tây Sơn thường đặt nhiều đại bác. Số đại bác này đã cho thấy quân Tây Sơn có lực lượng pháo binh khá mạnh.

Trước khi Nguyễn Huệ đem quân vào Gia Định (lần thứ tư), quân Xiêm - Nguyễn đã kiểm soát được vùng Hậu Giang và tiến tới vùng Tiền Giang. Chúng đã chiếm được Sa Đéc, Long Hồ (Vĩnh Long), Mân Thít, Ba Lai, từ hữu ngạn Tiền Giang cho đến sông Ba Lai. Cuối năm 1784, chúng chiếm được Trà Tân ở phía bắc Tiền Giang và sông Mỹ Tho (một chi lưu của sông Tiền Giang). Sau khi chia quân đóng giữ một số vị trí trọng yếu trong vùng đã chiếm được, Chiêu Tăng, Chiêu Sương cùng với Nguyễn Ánh đang tập trung quân về Trà Tân (Mỹ Tho). Chúng dự tính sẽ từ Trà Tân tiến lên Mỹ Tho, Gia Định, đánh tan quân Tây Sơn, hoàn thành việc xâm chiếm toàn bộ đất Gia Định. Để chuẩn bị cho cuộc tiến công đầy tham vọng đó, Nguyễn Ánh đã phái cai đội Nguyễn Văn Thành đi Bát Chiên và Quang Hóa thu thập tàn quân Đông Sơn là đội quân do Đỗ Thanh Nhân

lập ra trước đây để chống lại quân Tây Sơn. Như vậy là quân Nguyễn Ánh đã lên lút hoạt động ở vùng sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, khoảng giữa Mỹ Tho và Gia Định nhằm chia cắt và uy hiếp quân Tây Sơn từ mặt sau để phối hợp với cuộc tiến công từ Trà Tân lên.

Giữa lúc quân địch đang chuẩn bị cho cuộc tiến công đánh chiếm Mỹ Tho, Gia Định thì bất ngờ thủy quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy kéo vào đóng ở Mỹ Tho. Quân địch phải tạm thời hoãn cuộc tiến công để lo đối phó với Nguyễn Huệ, đề phòng quân Tây Sơn từ Mỹ Tho đánh lên.

Tại Trà Tân và vùng nam bờ sông Mỹ Tho, Tiền Giang, quân địch đã tập trung một khối lượng khá lớn gồm đại bộ phận quân Xiêm và quân bản bộ của Nguyễn Ánh. Chiêu Tăng, Chiêu Sương và Nguyễn Ánh đặt sở chỉ huy và đóng đại quân tại Trà Tân. Trà Tân ở phía bắc sông Mỹ Tho, khoảng giữa Cái Bè và Bình Chánh đông. Địa hình và vị trí vùng này khá lợi hại. Dòng sông bị chia cắt bởi những cù lao lớn như cù lao Tân Phong, cù lao Trà Luật (hay cù lao Năm Thôn) và nhiều cồn cát, bãi sa bồi. Các nhánh sông chỉ chít nhưng hẹp. Địa thế đó rất thuận lợi cho việc bố trí phòng thủ, phối hợp chặt chẽ giữa bộ binh và thủy binh. Vùng Trà Tân ở vào đầu sông Mỹ Tho tiếp với Tiền Giang và gần chỗ phân lưu của các sông Cổ Chiên, Hàm Luông, Ba Lai đổ ra biển. Khi tiến công, quân địch có thể từ Trà Tân theo dòng sông Mỹ Tho tiến đánh Mỹ Tho.

Ở phía nam Tiền Giang và sông Mỹ Tho, quân địch phân chia một bộ phận đóng giữ những vị trí quan trọng như Sa Đéc, Long Hồ (Vĩnh Long), vừa để bảo vệ sở chỉ huy, ngăn chặn quân Tây Sơn có thể từ biển theo các cửa sông Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên đánh lên, vừa sẵn sàng tiếp ứng cho đại quân ở Trà Tân.

Tiến công vào Trà Tân, một căn cứ tập trung đông quân địch và phòng bị chặt chẽ như vậy, quân Tây Sơn sẽ gặp nhiều khó khăn, bất lợi, nhất là khi quân ta ít hơn hẳn quân địch về số lượng. Hơn nữa trong tình hình cả nước lúc đó, tiền đồ phát triển của phong trào

Tây Sơn đòi hỏi Nguyễn Huệ phải đánh nhanh, giải quyết nhanh. Kẻ thù nguy hiểm của Tây Sơn không phải chỉ có quân xâm lược Xiêm và bọn phong kiến phản động Nguyễn Ánh ở Gia Định mà còn có quân Trịnh ở Thuận Hóa. Tiến công vào căn cứ Trà Tân, cuộc chiến đấu chắc chắn sẽ ác liệt và kéo dài. Như vậy, quân chủ lực tinh nhuệ của Tây Sơn bị giam chân ở mặt Nam, do đó ở mặt Bắc, quân Trịnh có thể lợi dụng thời cơ đánh vào Quy Nhơn. Quân Tây Sơn sẽ rơi vào tình thế nguy hiểm, phải đồng thời đối phó với hai kẻ thù ở hai phía. Đây là lý do quân sự và chính trị giải thích vì sao Nguyễn Huệ không mở cuộc tiến công vào Trà Tân. Nguyễn Huệ chủ trương như địch ra khỏi căn cứ, kéo chúng đến một địa hình có lợi cho ta và tiêu diệt gọn bằng một trận quyết chiến theo lối đánh vận động trên sông.

Những ngày đầu, Nguyễn Huệ sử dụng một binh lực nhỏ mở những trận tập kích vào một số vị trí đóng quân của địch. Lợi dụng nước thủy triều lên, Nguyễn Huệ cho những đội binh thuyền nhỏ xuất phát từ Mỹ Tho theo dòng sông đánh lên Trà Tân hoặc theo những cửa sông Ba Lai, Hàm Luông, Cỏ Chiên đánh lên những vị trí của địch xung quanh Trà Tân rồi lại rút lui. Đó là những trận tập kích nhằm nghi binh thăm dò lực lượng địch và kích động thêm tinh thần chủ quan, khinh địch của quân Xiêm.

Mặt khác, Nguyễn Huệ còn biết rõ dã tâm của vua Xiêm là lợi dụng danh nghĩa cứu giúp Nguyễn Ánh để xâm lấn đất Gia Định và bọn quân lính Xiêm thì lợi dụng cuộc viễn chinh để cướp bóc của cải. Cuối năm 1784, Nguyễn Ánh đã than phiền với Bá Đa Lộc về *“tình trạng hai lòng của người Xiêm”*. Để khoét sâu thêm nhược điểm cơ bản của quân địch và tìm cách ly gián, tăng thêm sự hoài nghi giữa Nguyễn Ánh với quân Xiêm, Nguyễn Huệ dùng một tù binh người Chân Lạp làm sứ giả mang nhiều vàng bạc, gấm vóc đến gặp chủ tướng của quân Xiêm xin giảng hòa. Chiêu Tăng vừa nhận lễ vật để thỏa lòng tham không đáy, vừa âm mưu giả vờ giảng hòa để rồi bất ngờ tiến công quân Tây Sơn. Hắn tưởng thế là cao tay, là *“tương kế tựu kế”*. Chủ tướng quân Xiêm đang thỏa mãn với những

“thắng lợi” đã đạt được và tin tưởng vào những dự tính lớn mai sau, nhưng có ngờ đâu đang bị Nguyễn Huệ từng bước, từng bước một dẫn dắt vào cạm bẫy mà quân Tây Sơn đã giăng sẵn.

Việc giảng hòa riêng với Chiêu Tăng còn có tác dụng gây thêm mối hoài nghi của Nguyễn Ánh đối với quân Xiêm. Trước thái độ ngờ vực của Nguyễn Ánh, Chiêu Tăng đã phải giải bày, thề thốt nọ kia để làm tin.

Hơn mười ngày đã trôi qua kể từ khi Nguyễn Huệ đem quân vào Mỹ Tho. Quân Xiêm lúc đầu lo phòng thủ để sẵn sàng chống lại một cuộc phản công lớn của quân Tây Sơn. Nhưng rồi chúng thấy quân Tây Sơn chỉ mở những cuộc tập kích nhỏ và Nguyễn Huệ lại điều đình xin giảng hòa. Tại Mỹ Tho, chúng thấy quân Tây Sơn “*lui lại, đem thuyền ra dân ở sông lớn để đợi xem biến chuyển ra sao*”. Những hành động của quân Tây Sơn càng làm cho Chiêu Tăng tin rằng Nguyễn Huệ không dám tiến công và đang chờ đợi kết quả giảng hòa. Hấn hi hừng bàn với Nguyễn Ánh: “*Giặc rất tin tôi, tất không phòng bị, ta nên thừa thế mà đánh phá giặc ngay. Xin hẹn đến đêm mồng 9 tháng này (tháng Chạp năm Giáp Thìn), quốc vương đem ngự binh đi trước xông vào thuyền giặc. Tôi cùng các tướng bản bộ đem tất cả chiến thuyền lớn nhỏ tiến lên phá các thuyền chắn ngang sông của giặc thì thế nào cũng toàn thắng*” (theo Mạc Thị gia phả). Chiêu Tăng đẩy quân bản bộ của Nguyễn Ánh đi trước mở đường, còn hấn sử dụng toàn bộ chiến thuyền, theo sông Mỹ Tho, mở cuộc tiến công lớn vào sở chỉ huy của Nguyễn Huệ, hòng bất ngờ đánh tan quân Tây Sơn.

Kế hoạch nhử địch ra khỏi căn cứ để tiêu diệt bằng một trận đánh vận động trên sông của Nguyễn Huệ đã thành công. Bọn tướng lĩnh Xiêm, như sử nhà Nguyễn chép: “*cây mình thắng luôn, bèn dẫn quân đến thẳng Mỹ Tho*”. Trong lúc đó, Nguyễn Huệ đã dày công nghiên cứu địa hình từ Trà Tân đến Mỹ Tho và quyết định chọn khúc sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với quân thù.

Sông Mỹ Tho là một dòng sông lớn, phía trên tiếp nước Tiền Giang rồi đổ ra biển qua cửa Đại, cửa Tiểu và các nhánh sông Ba Lai, Hàm Luông. Đặc biệt, sông Mỹ Tho chảy qua phía trước Trà Tân và Mỹ Tho (trần lý) là hai vị trí đóng quân và cũng là đại bản doanh của quân Xiêm - Nguyễn và quân Tây Sơn. Quân địch từ Trà Tân đánh lên Mỹ Tho phải hành quân theo đường sông Mỹ Tho.

Đoạn sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút dài chừng 7 kilômét. Lòng sông ở đây lại mở rộng hơn 1 kilômét, có chỗ đến trên dưới 2 kilômét. Với đoạn sông dài và rộng lớn như vậy, quân Tây Sơn có thể dồn hàng trăm thuyền chiến của địch lại mà tiêu diệt.

Hai bên bờ sông lúc đó có một số thôn xóm, nhưng thưa thớt, cây cỏ rậm rạp. Hai loại cỏ mọc nhiều ở vùng này là cỏ lác và cỏ tranh. Ven sông gần mặt nước là một dải rừng cây bản khá um tùm. Địa hình như vậy rất thuận lợi cho việc giấu quân và mai phục của bộ binh Tây Sơn.

Rạch Gầm và Xoài Mút là hai con sông nhỏ, thường gọi là rạch, nhưng giữ vị trí quan trọng trong thế trận của Nguyễn Huệ. Thủy binh Tây Sơn bố trí ở hai rạch này sẽ là hai mũi tiến công lợi hại chặn đầu và khóa đuôi toàn bộ đội hình quân địch một khi chúng đã lọt vào trận địa mai phục.

Khoảng giữa Rạch Gầm và Xoài Mút, dòng sông Mỹ Tho có cù lao Thới Sơn. Đây là một bãi đất bồi, chu vi dài 5 dặm (khoảng 6km) nằm hơi chệch về phía nam sông Mỹ Tho, đối diện với cửa sông Xoài Mút. Tiếp theo cù lao Thới Sơn về phía nam là cù lao Hộ hay bãi Tôn. Bộ binh Tây Sơn bố trí trên những cù lao đó có thể dùng đại bác bắn vào sườn đội hình quân địch và sẵn sàng tiêu diệt những tên địch liều lĩnh đổ bộ lên để tìm đường tháo chạy. Những nhánh sông nằm giữa các cù lao và bờ nam là những nơi mai phục và xuất phát của đội thuyền chiến Tây Sơn lao ra chia cắt đoàn thuyền của địch thành từng mảng để tiêu diệt.

Việc chọn đoạn sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm trận quyết chiến, chứng tỏ nghệ thuật lợi dụng địa hình hết sức tinh tường của Nguyễn Huệ.

Đoạn sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút cách Mỹ Tho khoảng 6 kilômét (tính từ cửa sông Xoài Mút) và cách Trà Tân khoảng 15 kilômét (tính từ cửa Rạch Gầm). Quân Tây Sơn từ Mỹ Tho có thể nhanh chóng đến chiếm lĩnh trận địa và giữ bí mật không cho quân địch ở Trà Tân dò biết. Trên cơ sở phán đoán đúng ý đồ của địch và với những nguồn tin do thám tin cậy, Nguyễn Huệ không những nắm được âm mưu tiến công của địch mà còn biết cả kế hoạch và thời gian tiến công nữa.

Quân địch định tới ngày mùng 9 tháng Chạp (tức ngày 19 tháng 1 năm 1785), sẽ rời Trà Tân, bắt đầu cuộc hành quân tiến đánh Mỹ Tho. Do vậy, quân Tây Sơn phải hoàn thành việc bố trí trận địa trước giờ tiến công của địch.

Nguyễn Huệ huy động đại bộ phận binh lực gồm cả bộ binh và thủy binh, bí mật vận động đến bày trận tại khu vực tác chiến đã được lựa chọn và nghiên cứu trước. Bộ binh với hỏa lực đại bác mạnh, bố trí mai phục bên bờ sông và trên cù lao Thới Sơn. Hai đội thủy binh tinh nhuệ giấu quân trong Rạch Gầm - Xoài Mút hình thành hai mũi tiến công chặn đầu, khóa đuôi vây chặt quân địch trong trận địa quyết chiến. Một bộ phận thủy binh mai phục trong các nhánh sông, lạch sông, ẩn nấp sau các cù lao, sẽ bất ngờ đánh tạt ngang vào đoàn chiến thuyền địch như những lưỡi dao sắc băm nát đội hình của chúng.

Một bộ phận thủy binh Tây Sơn vẫn đóng ở Mỹ Tho, bày thuyền chiến trên sông để nghi binh đánh lừa quân địch. Nhưng khi quân địch đã lọt vào trận địa Rạch Gầm - Xoài Mút thì bộ phận thủy binh này lập tức ngược dòng sông Mỹ Tho đến tiếp ứng, tăng cường sức mạnh cho quân ta vào giờ phút quyết định của cuộc chiến đấu.

Về phía địch, sau khi đã bàn bạc phối hợp với nhau và chuẩn bị các mặt, tối 18 tháng 1 năm 1785 (ngày 8 tháng Chạp năm Giáp Thìn), quân Xiêm - Nguyễn bắt đầu rời khỏi khu căn cứ Trà Tân tiến thẳng đến Mỹ Tho.

Chiêu Tăng, Chiêu Sương huy động tất cả chiến thuyền lớn nhỏ, toàn bộ lực lượng thủy binh và một bộ phận bộ binh vào cuộc tiến công này. Một bộ phận bộ binh còn lại do Sa Uyên chỉ huy vẫn đóng ở Đông Khẩn (Sa Đéc) để bảo vệ vùng đất chúng đã kiểm soát được thuộc hữu ngạn Tiền Giang. Chiêu Tăng trực tiếp chỉ huy cuộc tiến công.

Quân bản bộ của Nguyễn Ánh do tổng nhung chương cơ Lê Văn Quân chỉ huy cũng tham gia cuộc tiến công dưới quyền điều khiển chung của chủ soái quân Xiêm là Chiêu Tăng. Số quân của Nguyễn Ánh lúc bấy giờ có khoảng ba, bốn nghìn, bị Chiêu Tăng đẩy đi trước mở đường. Nguyễn Ánh tham dự cuộc hành quân với tinh thần lo lắng, hoài nghi và tâm lý thất bại. Nguyễn Ánh cố đi sau với một số bảy tôi thân cận như hộ bộ Trần Phúc Giai, cai cơ Nguyễn Văn Bình, thái giám Lê Văn Duyệt để phòng khi lâm nguy còn kịp tháo chạy. Không những thế, Nguyễn Ánh còn phái tham tướng Mạc Tử Sinh về ngay Trấn Giang, chuẩn bị sẵn thuyền bè ở Long Hồ (Vĩnh Long) để đón mình chạy trốn khi cuộc tiến công thất bại.

Khoảng đầu canh năm ngày 19 tháng 1 năm 1785, đoàn thuyền chiến của địch lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn ở Rạch Gầm - Xoài Mút. Từ Trà Tân, chiến thuyền của địch theo sông Trà Luật (một nhánh Tiền Giang chạy theo bờ phía bắc cù lao Trà Luật) và Tiền Giang ra sông Mỹ Tho. Từ đây dòng sông mở rộng và quang đãng, đoàn thuyền địch trên 300 chiếc lớn nhỏ, xếp thành đội hình tiến nhanh về phía Mỹ Tho. Khi đoàn thuyền đã vào hết trong khúc sông được chọn làm trận địa quyết chiến, nghĩa là tiền quân địch đã đến cửa sông Xoài Mút và hậu quân đã qua cửa Rạch Gầm, Nguyễn Huệ ra lệnh công kích.

Mở đầu trận đánh, hai đội thủy binh Tây Sơn từ Rạch Gầm, Xoài Mút bất ngờ lao ra, chặn đánh hai đầu, dồn quân địch vào vòng vây đã bố trí sẵn. Đồng thời, đại bác của quân Tây Sơn từ hai bên bờ sông và trên cù lao Thới Sơn bắn xối xả vào khúc giữa đoàn thuyền địch lúc bấy giờ đang bị ùn lại.

Bị chặn đầu, khóa đuôi và bị hỏa lực quân Tây Sơn áp đảo từ đầu, quân địch hết sức hốt hoảng và đội hình bị rối loạn. Ngay sau đó, những đội thuyền chiến của quân Tây Sơn từ các vị trí mai phục xông thẳng vào đội hình đang rối loạn của địch, chia nhỏ đoàn thuyền chúng ra từng mảng mà tiêu diệt. Chiến thuyền quân Tây Sơn từ Mỹ Tho cũng kịp thời đến tiếp ứng. Quân Tây Sơn, thủy bộ phối hợp với nhau, khép chặt vòng vây, hăng hái chiến đấu, tiêu diệt quân địch hết mảng này đến mảng khác.

Hàng loạt thuyền chiến của địch lần lượt bị đánh đắm vì trúng đạn đại bác hoặc vì quân Tây Sơn xông lên tiêu diệt. Vô số quân địch bị giết chết tại trận: kẻ bị trúng đạn, trúng tên; kẻ thì bị gươm giáo đâm chém hay bị chết đuối giữa sông nước. Một số quân địch cố bơi vào bờ để tìm đường tháo chạy. Nhưng ở đây, những đơn vị bộ binh Tây Sơn đã được bố trí sẵn để chờ chúng.

Toàn bộ thuyền chiến địch - trên 300 chiếc đều bị đánh đắm và phá hủy. Quân Xiêm bị *thua to, bỏ chạy* và *chết gần hết* (*Đại Nam thực lục*). Chiêu Tăng, Chiêu Sương cùng với một số tàn quân trốn được lên bờ bắc sông Mỹ Tho. Chúng phải liều chết đánh phá để mở đường tháo chạy lên Quang Hóa rồi qua đất Chân Lạp về Xiêm. Số tàn quân sống sót chạy theo Chiêu Tăng, Chiêu Sương có khoảng vài nghìn người. Đến tháng 3 năm 1785, bọn này mới về tới Vọng Các (Băng Cốc). Một bộ phận tàn quân địch bị thua trận ở phía sau, có lẽ thuộc hậu quân, bỏ chạy tán loạn ra các ngả. Chúng cướp được một số thuyền nhỏ của dân, theo đường thủy vượt biển về nước.

Khi các nhóm tàn quân Xiêm tháo chạy tán loạn theo các ngả đã dần dần tụ tập lại, Chiêu Tăng kiểm quân số thì thấy: “*Lúc xuất*

quân, quân thủy, bộ tất cả gồm 5 vạn quân, nay chỉ còn hơn 1 vạn” (Mạc thị gia phả).

Còn quân bản bộ của Nguyễn Ánh thì, bộ sử chính thức của triều Nguyễn, bộ *Đại Nam thực lục chính biên*, cũng đã ghi chép: “*Lê Văn Quân và các quân cũng đều tan vỡ, bỏ chạy*”. Đại bộ phận quân Nguyễn bị tiêu diệt. Viên cai cơ chỉ huy quân thủy là Nguyễn Văn Oai cùng nhiều viên tướng khác bị chết tại trận. Viên tướng tiền quân là Dũng hầu (chưa rõ tên) theo gót Chiêu Tăng trốn sang Chân Lạp. Chủ tướng quân Nguyễn là Lê Văn Quân thì quân lính tan tác mỗi người một ngả, phải vừa trốn tránh vừa thu nhặt tàn quân, đến giữa năm sau (tháng 6 năm 1786) mới đem được 600 quân sang Xiêm gặp Nguyễn Ánh. Những viên tướng khác như Nguyễn Văn Thành, Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội... mỗi người cũng chỉ còn được dăm chục tàn quân.

Riêng Nguyễn Ánh đã chuẩn bị cho cuộc chạy trốn trước khi bắt đầu cuộc tiến công của quân Xiêm - Nguyễn. Vừa thấy “*thế giặc mãnh liệt, không thể chống nổi*” (Mạc thị gia phả), Nguyễn Ánh đã vội bỏ mặc quân lính, rút chạy về phía sau. Nguyễn Ánh cùng một số tướng tá và tùy tùng hơn 10 người, theo sông Trà Luật ra Tiền Giang rồi tìm đường sang Trán Giang. Tại Long Hồ, Mạc Tử Sinh, một viên tướng của Nguyễn Ánh, cũng chỉ còn 3 chiếc thuyền để đón Nguyễn Ánh sang Hà Tiên. Bọn tàn quân dần dần nhóm họp lại, chạy theo Nguyễn Ánh có hơn 200 người và 5 chiếc thuyền. Bọn chúng bị quân Tây Sơn truy lùng nên phải chạy ra đảo Thổ Châu, Cổ Cốt rồi lại trốn sang Xiêm. Trên đường chạy trốn, bọn chúng hết sạch cả lương thực. Nguyễn Văn Thành có lần đi ăn cướp đã bị thuyền buôn đánh lại và bị trọng thương. Nguyễn Ánh cũng phải ăn cơm ngô và có lúc mệt mỏi, kiệt sức quá phải nhờ người tùy tùng cõng chạy.

Số quân bản bộ của Nguyễn Ánh có khoảng 3 - 4 nghìn thì chỉ còn hơn 800 tên chạy thoát sang Xiêm, trong đó có 200 tên chạy trốn

theo Nguyễn Ánh và 600 tên chạy theo Lê Văn Quân. Trong bức thư gửi cho giáo sĩ Li-ô sáu ngày sau trận Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Ánh phải đau xót thừa nhận một thực tế: *“Chúng tôi vừa bị thua trận, tất cả quân lính đều bị tan vỡ”*. Từ đây, Nguyễn Ánh và bọn tàn quân phải sống cuộc đời lưu vong khốn khổ, nhục nhã trên đất Xiêm. Họ phải đi khai hoang, đồn cù và có khi phải đi đánh thuê cho vua Xiêm để làm kế sinh sống và nương tựa.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút diễn ra trên một đoạn sông Mỹ Tho vào lúc trời còn chưa sáng, ánh lửa đom đóm còn lập lòe trên những cây bần ven sông nhô ra mặt nước, như một câu ca dao đã diễn tả:

*Bần gie lửa đóm sáng ngời,
Rạch Gầm soi dẫu muôn đời uy linh.*

Chỉ trong một ngày hôm đó (19 tháng 1 năm 1785) trận đánh đã kết thúc một cách nhanh chóng. Khoảng 3 vạn quân Tây Sơn đã giao chiến và đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm - Nguyễn, tiêu diệt gần 4 vạn quân Xiêm và hàng nghìn quân Nguyễn.

Với chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi quyết định, quét sạch quân xâm lược ra khỏi đất Gia Định, thu hồi những vùng đất bị chiếm đóng và làm tiêu tan tham vọng của vua Xiêm đối với phần lãnh thổ cực Nam của nước ta. Chính các sử thần triều Nguyễn cũng nhận thấy: *“Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn, miệng tuy nói khóac mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp”* (Đại Nam thực lục). Vua Xiêm Cha kri I cũng phải thừa nhận: quân Xiêm *“đại bại”*, bọn Chiêu Tăng, Chiêu Sương *“ngu hèn, kiêu căng, hung hãn đến nỗi bại trận”*, làm *“bại binh, nhục quốc”* (Mạc thị gia phả).

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút còn giáng một đòn đích đáng, vạch trần chân tướng phản bội của Nguyễn Ánh, đập tan lực lượng quân sự và ảnh hưởng chính trị của thế lực phong kiến phản động này.

*

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút đã chứng tỏ nghệ thuật dùng binh tài giỏi của người anh hùng “áo vải” Nguyễn Huệ. Điểm nổi bật đầu tiên của chiến thuật quân sự Nguyễn Huệ là tư tưởng đánh tiêu diệt. Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Xiêm được tiến hành bằng hai giai đoạn: Giai đoạn rút lui bảo toàn lực lượng của đạo quân trấn giữ vùng Gia Định và giai đoạn phản công chiến lược tiêu diệt địch của đạo quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy. Trong giai đoạn phản công chiến lược, vấn đề đánh tiêu diệt được đặt lên hàng đầu. Sở dĩ như vậy là xuất phát từ thực tế không cho phép Nguyễn Huệ kéo dài thời gian chiến đấu. Như phần trước đã nói, kẻ thù của Tây Sơn lúc này không chỉ có quân Xiêm và quân của Nguyễn Ánh mà còn có quân Trịnh đang trấn giữ ở mặt Bắc. Kể từ năm 1775, đã mười năm ròng rã nghĩa quân Tây Sơn phải đề cho quân Trịnh làm chủ Thuận Hóa và chiếm đóng từ đèo Hải Vân trở ra. Trong điều kiện đó, nghĩa quân Tây Sơn rơi vào thế không thể cùng một lúc đương đầu với cả hai tập đoàn phong kiến Trịnh và Nguyễn. Về phía chúa Trịnh, tuy rất muốn tiến xuống phía Nam, song vì đang sợ uy thế của Tây Sơn và cũng chưa có thời cơ thuận lợi. Nếu Tây Sơn kéo dài chiến tranh với quân Xiêm, quân Trịnh sẽ nhân cơ hội này, từ Thuận Hóa đánh vào Quy Nhơn, đẩy quân Tây Sơn vào tình thế cực kỳ nguy hiểm là cả hai mặt Nam, Bắc đều có giặc. Vì vậy, có nhanh chóng tiêu diệt và đánh tan được quân Xiêm ở mặt Nam, quân Tây Sơn mới bảo vệ được mặt Bắc. Mặt khác, về so sánh lực lượng, đầu tháng 1 năm 1785 khi đại quân của Nguyễn Huệ vượt biển tiến vào Gia Định thì lực lượng quân Xiêm còn rất mạnh. Tuy về trang bị, vũ khí hai bên không hơn kém nhau nhiều, nhưng về số lượng thì quân Xiêm vẫn chiếm ưu thế. Lực lượng quân Xiêm - Nguyễn có khoảng 5 vạn, trong đó quân của Nguyễn Huệ ước tính khoảng 3 vạn. Với sự chênh lệch đó, nếu không thực hiện được một trận đánh tiêu diệt lớn thì kẻ địch sẽ có điều kiện về thời gian để tổ chức lực lượng đánh bại quân Tây Sơn. Thực tế đó đòi hỏi vị tướng cầm quân phải có quyết tâm lớn

và tài giỏi trong chỉ huy đánh tiêu diệt. Hơn nữa, nếu không quyết định số phận quân địch trong thời gian ngắn, thì quân Xiêm - Nguyễn có điều kiện tập hợp bọn phản động trong nước để chống lại Tây Sơn và triển khai lực lượng chiếm đóng. Ở một số vùng chiến lược, quân Xiêm đã để người của chúng đóng giữ, như các tướng Sa Uyển đóng giữ Đồng Khẩu, Ông Cao đóng giữ ở Ba Thắc... Hoặc đối với Nguyễn Ánh, ở giai đoạn đầu đã tung một số tay chân đi các nơi tuyển mộ thêm quân để tăng cường lực lượng riêng. Chúng đã lôi kéo được hàng ngàn người theo, trong đó có quan lại cũ bị tán lạc trước đây và một số tên phản bội Tây Sơn đầu hàng giặc.

Do vậy, trong giai đoạn phản công chiến lược Nguyễn Huệ xác định quyết tâm đánh tiêu diệt để đáp ứng yêu cầu chiến lược đánh nhanh thắng gọn. Điều kiện lúc này cũng có điều kiện thuận lợi cho ông thực hiện quyết tâm của mình: quân địch tuy đông nhưng sức chiến đấu đã giảm sút, nhân dân rất nhiệt tình ủng hộ nghĩa quân; bên cạnh đó sự chuẩn bị của Nguyễn Huệ đã chu đáo, quân Tây Sơn vừa tiến vào khí thế đang hăng, các tướng sĩ đều muốn dốc lòng trong trận quyết chiến với quân thù.

Để thực hiện thắng lợi trận quyết chiến chiến lược này, Nguyễn Huệ đã giải quyết một cách tốt nhất những vấn đề về chiến thuật như chọn cách đánh hiệu quả, tìm địa điểm quyết chiến thích hợp, nghệ thuật lập thế trận tiêu diệt địch...

Từ cuối năm 1784, sau khi chiếm được Trà Tân và một phần đất Mỹ Tho, các tướng Xiêm chia quân giữ những vị trí quan trọng. Chúng chuẩn bị cho cuộc tiến công lên Mỹ Tho và Gia Định hòng đánh tan quân đội Tây Sơn ở đây để hoàn thành mục tiêu chiếm toàn bộ đất Gia Định. Nhưng khi biết tin đại quân của Nguyễn Huệ đã tiến vào Gia Định, quân Xiêm phải hoãn tiến công, lo phòng thủ để đề phòng một cuộc phản công lớn của quân Tây Sơn. Đại quân của giặc tạm thời hạ trại ở phía Tây Nam thị trấn Mỹ Tho từ Trà Luật đến Ba Lai, Trà Tân (kể cả cù lao Năm Thôn ngày nay). Ở đó, chiến thuyền của chúng có thể an toàn trong khúc sông giữa cù lao

Năm Thôn, Tân Phong với tả ngạn sông Năm Thôn. Phần lớn quân lính và sở chỉ huy của Chiêu Tăng, Chiêu Sương và Nguyễn Ánh đóng ở Trà Tân. Lúc đó, quân Xiêm tìm cách thăm dò lực lượng và ý đồ của Nguyễn Huệ để quyết định đánh Gia Định.

Từ Quy Nhơn tiến quân vào, Nguyễn Huệ không tổ chức phòng ngự ở Gia Định mà cho quân tiến thẳng vào Mỹ Tho, đóng quân ẩn chỗ tập kết của địch. Thủy quân của Nguyễn Huệ vừa đến đã thực hiện một số cuộc tiến công nhỏ. Từ Mỹ Tho, theo nước triều lên, thuyền chiến Tây Sơn tiến lên khiêu chiến với giặc. Nhưng phía quân Xiêm và bọn Nguyễn Ánh vẫn “án binh bất động”. Sở dĩ như vậy vì cả hai phía đều hiểu rằng đây là bước thăm dò đối phương, tìm hiểu âm mưu, ý đồ của nhau. Quân địch chưa muốn đánh ngay vì chúng cũng gờm uy danh Nguyễn Huệ. Còn Nguyễn Huệ cũng đang đứng trước những khả năng tác chiến: có thể đem tất cả quân thủy bộ thực hành một cuộc tổng công kích vào đội hình đóng quân của giặc hoặc tiến hành tiến công địch khi chúng ra khỏi khu vực đóng quân và đánh chúng ở khu vực nào thuận lợi nhất?

Nguyễn Huệ không chọn phương thức tiến công lớn vào cụm quân giặc ở Trà Tân vì yếu tố bất ngờ lúc này không còn nữa. Nếu đánh ngay sẽ gặp nhiều khó khăn, có thể bị tổn thất nhiều và khó thắng nhanh được. Bởi vì lúc này địch đã có sự chuẩn bị và chọn vị trí đóng quân khá lợi hại. Phải “điều hổ ly sơn”, kéo chúng ra khỏi căn cứ đóng quân và thực hiện trận quyết chiến ở một địa hình thuận lợi cho ta. Đó là ý đồ chiến thuật của Nguyễn Huệ. Trước đó, ngay từ khi mới đến Mỹ Tho, để tìm hiểu đối phương và nghi binh địch, theo lệnh của Nguyễn Huệ, một bộ phận nhỏ quân đội Tây Sơn đã thực hiện một số trận đánh với giặc. Ông còn để một bộ phận thủy quân chặn ngang sông Tiền Giang để ngăn địch, bảo đảm bí mật cho những hành động quân sự của mình. Ngoài ra ông còn thực hiện một số hoạt động “ngoại giao” nghi binh khác làm cho quân Xiêm lầm tưởng quân Tây Sơn yếu, không đủ khả năng thực hiện các cuộc phản công lớn như trước đây. Từ đó quân Xiêm càng chủ quan,

ngạo mạn, khinh thường quân Tây Sơn và sớm muộn chúng sẽ mở cuộc tiến công lên Mỹ Tho.

Căn cứ vào tình hình trên, Nguyễn Huệ quyết định chọn hình thức tiến công địch đang vận động, kéo địch ra khỏi căn cứ đóng quân, đưa chúng đến một đoạn sông khác, nơi địa hình có lợi nhất cho ta để tiêu diệt toàn bộ quân địch trong một trận quyết chiến.

Nguyễn Huệ đã chọn khúc sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm trận quyết chiến với giặc. Đây là một sự lựa chọn chính xác và tài giỏi của ông (như phần trước đã trình bày rõ về đoạn sông được chọn làm trận địa này).

Việc xác định địa hình quyết chiến rất quan trọng, nhưng vấn đề lập thế trận, bố trí lực lượng hợp lý để đạt ý đồ chiến thuật cũng là một yêu cầu lớn của một trận tiêu diệt chiến lược. Thực tế trước khi tiến công Mỹ Tho, Nguyễn Huệ đã bí mật bố trí lực lượng, đã bày sẵn một thế trận mai phục ở Rạch Gầm - Xoài Mút để chờ quân Xiêm. Một bộ phận thủy quân nhận nhiệm vụ nghi binh đánh như địch, buộc địch phải rời vị trí đóng quân, kéo chúng ra đoạn sông quyết chiến. Hai đội thủy binh tinh nhuệ giấu ở hai nhánh sông Rạch Gầm và Xoài Mút, hình thành hai gọng kìm tiến công chặn đầu, khóa đuôi, bao vây, dồn ép đội hình quân địch về đoạn sông đã được chọn làm vị trí quyết chiến. Bộ binh và đại bác bố trí ở cả hai bên bờ sông và trên cù lao Thới Sơn có nhiệm vụ phát huy hỏa lực bắn vào đội hình địch khi chúng đã lọt vào trận địa mai phục, khiến địch bất ngờ, rối loạn đội hình. Tiếp đó quân Tây Sơn sẵn sàng giáp chiến và truy kích tiêu diệt tàn quân địch.

Còn lại một bộ phận thủy binh Tây Sơn vẫn đóng ở Mỹ Tho, nơi tập kết của đại quân để nghi binh và sẵn sàng tiếp ứng vào những giờ phút quyết định của trận quyết chiến. Thế trận thủy bộ liên hoàn của Nguyễn Huệ khá chặt chẽ, hoàn chỉnh và bí mật. Đó là một sáng tạo của chủ tướng Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn trong bố trí lực lượng, lập thế trận mai phục để tiêu diệt địch.

Trận đánh diễn ra đúng như dự kiến của Nguyễn Huệ. Quân giặc xuất phát tiến công từ đêm 18 tháng 1 năm 1785. Bằng mưu trí khôn khéo, quân Tây Sơn đã từng bước dẫn dắt quân địch vào cạm bẫy. Rạng sáng 19 tháng 1, toàn bộ đội hình địch lọt vào trận địa mai phục của ta. Trận đánh đã nhanh chóng diễn ra và kết thúc thắng lợi trong ngày hôm đó.

Như vậy, chỉ hơn mười ngày chuẩn bị kể từ khi tiến vào Gia Định, với số quân ít hơn nhiều so với địch, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã thực hiện một trận quyết chiến chiến lược hết sức oanh liệt, thắng lợi giòn giã. Trong trận này, Nguyễn Huệ đã làm chủ cả không gian và thời gian. Điều đó chứng tỏ rằng, Nguyễn Huệ đã đoán đúng âm mưu địch, biết rất rõ kế hoạch và thời gian tiến công của chúng. Nó cũng chứng tỏ tính chủ động, linh hoạt và tính kế hoạch trong hành động tác chiến của Nguyễn Huệ đã đạt đến một trình độ cao.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong những trận thủy chiến lớn nhất và lừng lẫy trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Tham gia trận đánh có cả lực lượng bộ binh và pháo binh, song giữ vai trò chủ yếu vẫn là thủy binh quân Tây Sơn.

Trước đó vào các năm 1782 và 1783, Nguyễn Huệ cũng đã thực hành hai trận thủy chiến tiêu diệt bọn Nguyễn Ánh. Đó là những trận thắng nhanh gọn, song về quy mô còn kém so với trận Rạch Gầm - Xoài Mút. Sự chỉ đạo chiến thuật của trận thủy chiến này có những đặc sắc đáng ghi nhận. Ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút, lần đầu tiên về thủy chiến, Nguyễn Huệ đã thực hiện hợp vây toàn bộ thủy quân địch và chia cắt đội hình chúng để tiêu diệt. Đây là một điểm mới về vận dụng thủ đoạn tác chiến của Nguyễn Huệ. Trong trận đánh mang ý nghĩa một trận hội chiến lớn này, Nguyễn Huệ đã thực hiện chia cắt về mặt chiến thuật. Do hợp vây tốt nên quân Tây Sơn đã đánh địch trên cả bốn mặt, trong đó Nguyễn Huệ đã sử dụng một lực lượng lớn đánh thật mạnh vào cạnh sườn địch khiến quân Xiêm - Nguyễn vô cùng bối rối, hoảng loạn, tạo điều kiện

thuận lợi để quân Tây Sơn giáp chiến tiêu diệt toàn bộ quân địch. Ở đây, Nguyễn Huệ đã tổ chức và thực hành một trận đánh phối hợp giữa bộ binh, thủy binh và pháo binh trong một quy mô lớn, thực hiện đòn tiêu diệt chiến lược trên sông Mỹ Tho.

Sự phát triển tương đối mạnh mẽ về hỏa lực pháo binh và sự xuất hiện một lực lượng lớn pháo binh trong quân đội Tây Sơn cùng với tài chỉ huy chiến đấu của Nguyễn Huệ dẫn đến sự xuất hiện hình thức “tập kích bằng pháo binh” vào đội hình tiên công của địch trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút. *Mạc thị gia phả* ghi: “Đêm hôm ấy là mùng 9 tháng Chạp, đến trống canh năm nghe tiếng đại bác nổ liên hồi, biết ngay là đã giao chiến với giặc (chỉ quân Tây Sơn). Một lát sau, thấy quan tiểu hoàng môn cho khiêng người bị thương về...”. Hỏa lực pháo binh được sử dụng ở mức cao và đã phát huy uy lực to lớn của nó, áp đảo quân địch ngay từ đầu. Dùng pháo binh bắn chuẩn bị trong một trận tiêu diệt là một điểm mới của chiến thuật Nguyễn Huệ.

Như vậy, hình thức chiến đấu hiệp đồng giữa pháo binh, thủy binh và bộ binh đã được Nguyễn Huệ thực hiện thành công. Sau đòn tập kích bằng pháo binh, thủy binh và bộ binh Tây Sơn đã nhất tề bao vây, tiến công và truy kích tiêu diệt quân địch.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, yếu tố bất ngờ về chiến lược cũng như về chiến thuật đã được thể hiện rõ trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút. Từ khi Nguyễn Huệ tiến quân vào Mỹ Tho để thực hiện phản công chiến lược, quân Xiêm liên tục bị bất ngờ. Chúng cho rằng Nguyễn Huệ có thể tiến công ngay vào Trà Tân và đã chủ động phòng bị; nhưng quân Tây Sơn đã không đánh, những trận tập kích và những hoạt động nghi binh của Nguyễn Huệ làm cho quân Xiêm lầm tưởng rằng quân Tây Sơn yếu không dám tiến quân, đồng thời làm cho quân địch chủ quan tự mãn, tạo nên yếu tố bất ngờ cho trận quyết chiến. Nguyễn Huệ còn tạo ra yếu tố này bằng cách giấu kín lực lượng, lừa địch, dụ địch, dẫn chúng vào trận địa phục binh đã bày sẵn, rồi bất ngờ tiến công, bao vây làm cho địch không kịp trở tay, không kịp đối phó, mặc dù lực lượng quân Xiêm rất lớn.

Kết cục, từ chỗ chủ quan, coi khinh quân Tây Sơn, cho rằng “thế nào cũng toàn thắng” (lời của tướng giặc Chiêu Tăng), quân giặc đã sa vào một tình thế thật thảm bại. Bốn phần năm quân số xâm lược bị tiêu diệt, 300 chiến thuyền bị phá hủy, bị nhấn chìm hay lọt vào tay Tây Sơn. Giặc chỉ còn lại ít tàn binh chạy trốn với tinh thần hoảng loạn, rã rời. Chiêu Tăng và Chiêu Sương trong lúc nguy ngập bỏ thuyền lên bộ chạy trốn, “may được mấy tù binh Cao Miên dẫn đường theo đường bộ Quang Hóa về được tới Nam Vang”...

Cuộc kháng chiến chống Xiêm thắng lợi mà đòn quyết định là trận Rạch Gầm - Xoài Mút đã đưa phong trào Tây Sơn phát triển lên một trình độ mới. Từ đây, phong trào Tây Sơn làm chủ toàn bộ đất Đàng Trong và có điều kiện tiến ra Đàng Ngoài lật đổ nền thống trị của tập đoàn phong kiến vua Lê - chúa Trịnh, làm nhiệm vụ lập lại nền thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc. Cũng từ đây, phong trào Tây Sơn trở thành phong trào quật khởi của cả dân tộc, kết hợp chặt chẽ trong mục tiêu, tinh thần đấu tranh và tổ chức lực lượng, tính chất ác liệt của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Đó là một nét đặc sắc tạo nên nguồn sức mạnh kỳ diệu cho phong trào Tây Sơn trong cuộc chiến đấu liên tục chống thù trong giặc ngoài, lập nên một chuỗi chiến công bất diệt trong lịch sử Việt Nam.

Trong lịch sử quân sự Việt Nam, trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống xâm lược Xiêm (1784-1785) giữ một vị trí khá đặc biệt, để lại những âm vang mà những trận đánh trước đó chưa từng có. Đây là một chiến công lẫy lừng của quân đội Tây Sơn, của nhân dân ta, chứng tỏ truyền thống bất khuất, tinh thần chiến đấu anh dũng và sáng tạo của quân dân ta thời đó dưới sự lãnh đạo thiên tài của Nguyễn Huệ, đã nâng cao và hoàn thiện một bước quan trọng nghệ thuật quân sự Việt Nam. Chiến thắng này đã nêu cao truyền thống thủy chiến lâu đời và ưu việt của quân dân ta, kế thừa và phát huy kinh nghiệm của những chiến thắng Bạch Đằng thời Ngô Quyền phá quân Nam Hán (năm 938) và thời Trần Hưng Đạo diệt quân Nguyên (năm 1288)...

VII - TRẬN NGỌC HỒI - ĐỒNG ĐA (NĂM 1789)

Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa năm 1789 là một trong những chiến công hiển hách bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, đặc biệt trong 5 ngày đêm đầu tiên của mùa Xuân Kỷ Dậu, từ đêm 30 Tết đến trưa ngày mùng 5 Tết (tức là từ 25 đến 30-1-1789), bằng một trận quyết chiến chiến lược, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo kiệt xuất của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ đã quét sạch 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh ra khỏi bờ cõi, giữ vững nền độc lập dân tộc.

Trong những năm 80 của thế kỷ XVIII, sau khi đánh đổ ách thống trị của các thế lực phong kiến Nguyễn ở Đàng Trong và đánh bại cuộc xâm lược của quân Xiêm ở phương Nam, phong trào Tây Sơn phải gánh vác nhiệm vụ lịch sử trọng đại là đánh đổ tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh ở phía Bắc, tiếp đó là đánh đuổi quân xâm lược Mãn Thanh.

Sau cuộc tiến quân lần thứ hai ra Bắc Hà để trừng trị Vũ Văn Nhậm do phản bội, và tổ chức lại bộ máy chính quyền mới, bố trí lực lượng trấn giữ Thăng Long, từ tháng 6 năm 1788, Nguyễn Huệ trở lại Phú Xuân. Lúc này lực lượng Tây Sơn trấn giữ Bắc Hà khoảng 1 vạn quân.

Đề khôi phục lại Lê Chiêu Thống, tháng 7 năm Mậu Thân (1788), Hoàng Thái hậu nhà Lê sang nhà Thanh xin cầu viện.

Vua Càn Long nhà Thanh theo lời tâu của Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị liền điều động binh sĩ 4 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu hẹn ngày sang cứu viện.

Ngày 22 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), quân xâm lược nhà Thanh gồm 29 vạn quân chia làm bốn đạo ồ ạt tiến vào nước ta. Đạo thứ nhất là quân chủ lực do Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy đi qua Lạng Sơn vào cửa ải trấn Nam Quan. Trấn thủ Lạng Sơn là Đô đốc Nguyễn Văn Diệm lui quân. Ngô Văn Sở cử Đô đốc Phan Văn Lân dàn binh bày trận ở sông Nguyệt Đức. Nhưng quân của Lân vừa qua sông đã bị chết cồng vì lạnh và hoảng sợ trước thế mạnh của giặc nên bỏ chạy hết. Đạo quân của Tôn Sĩ Nghị vào đến địa phận nước ta mà không gặp phải một trở ngại nào.

Đạo quân thứ hai do tri phủ Diên Châu Sầm Nghi Đống chỉ huy qua Cao Bằng tiến xuống. Đạo quân thứ ba do Đề đốc Ô Đại Kinh tiến sang qua đường Tuyên Quang. Đạo thứ tư theo hướng Quảng Ninh tiến vào đóng ở Hải Dương.

Đột tiến quân của quân Thanh không gặp một trở ngại nào là vì kế hoãn binh của Ngô Thì Nhậm đồng loạt cho rút quân. Ngô Thì Nhậm là một mưu thần rất sắc sảo của Nguyễn Huệ. Thấy quân giặc đông, Ngô Thì Nhậm chủ trương không đánh, chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng, đồng thời nuôi chí khí kêu binh và tư tưởng chủ quan của quân Thanh. Tướng Ngô Văn Sở lại muốn đốc quân đánh giặc ngay từ khi chúng mới bước chân đến. Thấy vậy, Ngô Thì Nhậm liền nói: *“Nay ta chủ động rút lui, không bị mất một mũi tên nào, đó là kế lùi một bước mà tiến hai bước, đợi khi chúng chủ quan, sơ hở, ta sẽ tiến công đánh cho chúng không còn mảnh giáp mà về, đó mới là kế hay”*. Ngô Văn Sở nghe xong liền cho rút toàn bộ quân về Thăng Long, tổ chức một cuộc chuyển binh lớn trên Sông Hồng, rồi cho thủy binh lui về đóng giữ ở Biện Sơn, Thanh Hóa, bộ binh thì lui về giữ ở núi Tam Điệp, Ninh Bình, như thế là cả thủy và bộ liên kết thành một phòng tuyến vững chắc. Ngô Văn Sở liền đưa tin cấp báo về thành Phú Xuân cho Nguyễn Huệ. Nhận được tin, Nguyễn Huệ rất bình tĩnh báo với ba quân: *“Chớ Ngô là cái thá gì. Chúng đến đây chỉ để tự đi đến chỗ chết. Việc gì phải cuống quýt làm vậy?”*¹.

¹ Nguyễn Thu, *Lê quý kỷ sự*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1974, tr.120.

Sau khi nghe tin Tôn Sĩ Nghị đem quân vào chiếm nước ta, các tướng đã bàn với Nguyễn Huệ rằng: *“Chúa công vừa có hiềm khích với vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc), dân chưa vững lòng tin cậy, nay nghe quân Thanh đến đánh như vũ bão tất sinh nghi ngại. Chi bằng trước hãy chính danh hiệu ra ơn đại xá để yên lòng những kẻ phản trắc bên trong, sau để quang minh chính đại mà mang quân chống giặc bên ngoài”*.

Nghe theo lời khuyên của các tướng, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22-12-1788), Nguyễn Huệ mặc áo long côn, đội mũ bình thiên tự tay vẽ kiểu, dẫn văn, võ bá quan làm lễ tế trời đất ở Bân Sơn, xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu Thái Đức năm thứ 11 thành niên hiệu Quang Trung năm thứ nhất (1788) để quang minh chính đại ra Bắc dẹp giặc.

Ngay ngày hôm ấy, Hoàng đế Quang Trung đốc toàn bộ quân ở thành Phú Xuân thẳng tiến ra Bắc.

Khi đi qua Nghệ An, Hoàng đế Quang Trung cho quân dừng lại hơn 10 ngày để tuyển thêm binh sĩ và thăm dò ý kiến của La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp. Hàng vạn người hăng hái tham gia quân ngũ. Tổng số quân lên đến 10 vạn, chia làm 5 doanh. Một cuộc duyệt binh lớn đã được tổ chức tại dinh trấn Nghệ An.

Tại Thanh Hóa, nghĩa quân Tây Sơn được tiếp tục bổ sung thêm nhiều đình tráng tự nguyện tòng quân diệt giặc, cứu nước. Những người lính Tây Sơn mới tuyển được phiên chế trong những đạo “Trung quân”, đặt ngay dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Quang Trung - Nguyễn Huệ. Với cách phiên chế đó, những người lính cũ lính mới không khác gì nhau về chính sách đãi ngộ cũng như về trách nhiệm. Do đó, họ dễ dàng đoàn kết, trao đổi để nâng cao tinh thần chiến đấu và kỹ thuật, chiến thuật, đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu mới.

Vua Quang Trung lại cho người mang ra trước trao cho Tôn Sĩ Nghị thư giả vờ xin hàng, lời lẽ trong thư rất nhã nhặn, khiêm tốn.

Về phần Tôn Sĩ Nghị thì từ lúc qua cửa ải, thấy không một ai dám đánh nên vênh váo tự cho mình là giỏi. Tôn Sĩ Nghị tuyên sắc thư của vua Càn Long phong Lê Chiêu Thống làm An Nam Quốc Vương, ban cho ấn vàng. Nay nhận được thư nhận tội của Nguyễn Huệ lại càng chủ quan, khinh suất, sai viết hịch bảo Nguyễn Huệ phải rút quân về Thuận Hóa chờ ngày xét hỏi, không được làm cản chuốc lấy tội.

Thấy Tôn Sĩ Nghị mắc mưu lơ là phòng thủ, vua Quang Trung cả cười thúc quân ngày đêm thần tốc ra Thăng Long. Trên đường đi, vua Quang Trung - Nguyễn Huệ làm lễ “Thệ sư” (một hình thức động viên quân sĩ) ở Thọ Hạc (Thanh Hóa). Vua Quang Trung ngồi trên đầu voi ra lệnh rằng: *“Trong các quân của ta, ai muốn đánh thì phải vì ta mà giết hết lũ chó Ngô. Các người hãy xem ta chỉ trong một trận sẽ giết được mấy vạn giặc cho coi. Các người hãy chờ xem. Không phải ta nói khoác đâu”*.

Tiếp đó, vua Quang Trung đã đọc bài hiệu dụ tướng sĩ với những lời tuyên bố đánh thép biểu thị cao độ ý chí độc lập tự chủ và quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược:

*Đánh cho để dài tóc,
Đánh cho để đen răng,
Đánh cho nó chích luân bất phản,
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,
Đánh cho sự tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.*

Vua Quang Trung vừa dứt lời, tiếng dạ của chư quân tướng sĩ vang lên như sấm rung động cả núi rừng.

Khi đến trấn Sơn Nam, vua Quang Trung lại viết một bức thư khác gửi cho tướng giặc Tôn Sĩ Nghị, nhưng trong thư lần này, Quang Trung không tiếc lời mắng Tôn Sĩ Nghị là kẻ cướp nước và gọi Sĩ Nghị là *Tôn điên*. Sĩ Nghị đọc thư xong thì tức tối sai Đề đốc Hứa Thế Hanh đem quân Tứ Dục đi trước đóng giữ các nơi hiểm yếu để bảo vệ thành Thăng Long.

Bốn đạo quân của quân Thanh đóng ở bốn vị trí Tây Long, Đồng Đa, Hải Dương, Sơn Tây. Như vậy Thăng Long là khu vực tập trung binh lực, trung tâm phòng thủ của địch. Đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị đóng ở cung Tây Long có đạo quân chủ lực bảo vệ. Ở Đồng Đa có đạo quân của Sầm Nghi Đống trấn giữ. Hai đạo quân Thanh đóng ở Sơn Tây và Hải Dương có nhiệm vụ bảo vệ phía tây bắc và phía đông nam của Kinh thành Thăng Long. Đó là một hệ thống phòng thủ có chiều sâu, có trọng điểm nhưng phải bố trí trên tuyến dài nên dễ bị quân ta đánh chia cắt hoặc vu hồi. Mục đích của Tôn Sĩ Nghị là buộc quân Tây Sơn phải giao chiến từ xa Thăng Long.

Dựa trên sự bố trí của địch như vậy, Quang Trung quyết định chia đại quân Tây Sơn thành năm đạo quân cùng đánh vào khu vực Thăng Long:

- Đạo chủ lực do Quang Trung trực tiếp chỉ huy đánh thẳng vào hệ thống ngồng ngựa chủ yếu của địch ở phía Nam Thăng Long.
- Đạo quân thứ hai do Đô đốc Bảo chỉ huy tiến ra Đại Áng (Thường Tín) có nhiệm vụ yểm trợ và phối hợp với đạo quân chủ lực.
- Đạo thứ ba do Đô đốc Long chỉ huy bất ngờ tiêu diệt đồn Đồng Đa rồi thọc sâu vào cung Tây Long nơi địch không ngờ tới và hiểm yếu nhất.
- Đạo quân thứ tư do Đô đốc Tuyết chỉ huy vượt biển đánh vào Hải Dương.
- Đạo quân thứ năm do Đô đốc Lộc chỉ huy là mũi bao vây chiến lược chặn đường rút lui của quân Thanh từ Thăng Long về Quảng Tây và sẵn sàng đánh chặn quân tiếp viện từ Quảng Tây sang bằng đường biển.

Với năm đạo quân được bố trí như trên, Quang Trung hình thành một thế trận gồm nhiều tầng nhiều lớp, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công chính diện với thọc sâu, bao vây vu hồi.

Từ thế trận đó, Quang Trung đã chọn những đồn quan trọng trong hệ thống phòng ngự của Tôn Sĩ Nghị như Hà Hồi, Ngọc Hồi và Đống Đa, tập trung lực lượng đánh vào các điểm đó. Khi cuộc chiến bắt đầu, theo kế hoạch tác chiến của Quang Trung đã hình thành rõ rệt thế trận bao vây rộng lớn toàn khu vực Thăng Long, cũng như các đường rút lui của địch đều có quân Tây Sơn phục kích, bủa vây. Một cánh do Đô đốc Long chỉ huy từ làng Nhân Mục tập kích đồn Khương Thượng và phía tây Thăng Long. Cánh Đô đốc Bảo tiến đánh các đồn phía nam Thăng Long. Trung quân do đích thân Quang Trung chỉ huy, phối hợp với Đô đốc Bảo đánh diệt các đồn phía nam Thăng Long. Cánh Đô đốc Tuyết và Đô đốc Lộc theo đường biển ra Bắc, chặn đường rút lui, chặn đường rút lui của địch ở phía bắc sông Nhị Hà và huyện Phụng Nhãn.

Vào đêm giao thừa đón chào năm mới - năm Kỷ Dậu (1789), tại cung Tây Long bên bờ sông Nhị, Tôn Sĩ Nghị cùng bọn tướng soái quân Thanh đang mở yến tiệc hát xướng để đón xuân và mừng “chiến thắng”. Trước đó, Lê Chiêu Thống cũng đã dâng lên “quan đại soái của thiên triều” lễ vật nhiều gấp đôi lễ tết sứ thần sang phong vương. Khắp các doanh trại, đồn lũy, quân địch đều chú ý đầu vào chè chén hay cờ bạc say sưa. Chính vào lúc đó - giữa đêm 30 Tết - đạo quân chủ lực của Quang Trung vượt sông Gián, mở màn cuộc đại phá quân Thanh. Tiền quân Tây Sơn bất ngờ tiến công tiêu diệt đồn tiền tiêu của địch ở Gián Khẩu. Đồn này do một đội quân Lê Chiêu Thống đóng giữ. Quân địch hoảng sợ, tan vỡ và bỏ chạy ngay từ đầu. Quân Tây Sơn thừa thắng tiến lên, nhanh chóng tiêu diệt luôn các đồn quân Thanh ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết và Nhật Tảo. Những toán quân Thanh do thám “*từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nót*”. Quang Trung ra lệnh truy kích ráo riết. Quân Tây Sơn đuổi đến Phú Xuyên (Hà Nội) thì bắt gọn được toàn bộ tàn quân và bọn lính do thám của địch, *không để tên nào trốn thoát*.

Quân Tây Sơn đã tiến đến Phú Xuyên (cách Thăng Long trên 30 kilômét), phá tung gần hai phần ba tuyến phòng thủ của địch mà

quân Thanh từ đồn Hà Hồi trở ra vẫn không biết gì hết. Bằng lối đánh bất ngờ, tiêu diệt gọn, truy kích triệt để, Quang Trung đã phong tỏa tin tức, giấu kín được cuộc tiến công của mình để tiếp tục phát huy thời cơ, tận dụng yếu tố bất ngờ.

Nửa đêm ngày mùng 3 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 28 tháng 1 năm 1789), quân Tây Sơn bí mật bao vây đồn Hà Hồi (Thường Tín). Đây là một đồn quan trọng của quân Thanh cách Thăng Long khoảng 20 kilômét.

Theo kế hoạch của Quang Trung, quân Tây Sơn sau khi vây chặt đồn trại của địch rồi bắc loa gọi hàng. Khắp bốn mặt đồn, “*tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hướng ứng, nghe như có hơn vài vạn người*”. Quang Trung chỉ sử dụng một bộ phận của đạo quân chủ lực, nhưng bằng hành động bí mật, bất ngờ, kết hợp bao vây uy hiếp dữ dội với biện pháp gọi hàng, làm cho quân địch “*ai nấy rụng rời, sợ hãi, liền xin ra hàng*”. Chỉ trong chốc lát, quân Tây Sơn đã diệt gọn một đồn quan trọng của địch, thu được rất nhiều vũ khí, lương thực.

Quân Tây Sơn tạm đóng quân ở phía nam Hà Hồi, trên một khu đất cao ráo, rộng rãi gồm cánh đồng Cung và những cánh đồng xung quanh. Đây là vị trí tập kết của đạo quân chủ lực trước khi bước vào trận quyết chiến tiêu diệt đồn Ngọc Hồi.

Sau khi đồn Hà Hồi bị tiêu diệt, sáng ngày mùng 4 Tết (ngày 29 tháng 1 năm 1789), Tôn Sĩ Nghị nhận được tin cáo cấp của đồn Ngọc Hồi: “*Quan quân ở đồn Hà Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết cả. Ở đây cách đồn Ngọc Hồi không xa, sớm chiều thế nào cũng bị đánh tới*”¹. Tin sét đánh đó làm cho quân Thanh vô cùng hoảng hốt. Chúng nói với nhau: “*Thật là tướng ở trên trời xuống, quân ở dưới đất chui lên*”². Bản thân Tôn Sĩ Nghị tuy có phòng bị trước, nhưng cũng hết sức kinh ngạc trước lối đánh thần tốc của quân Tây Sơn. Khi được tin cấp báo, hấn “*rút kiếm chém xuống đất nói rằng: Sao mà thần đến thế!*”.

^{1,2} Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Tôn Sĩ Nghị cố trấn tĩnh để tìm cách đối phó. Trước hết, hắn ra lệnh lập tức tăng viện cho đồn Ngọc Hồi. Lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp và viên hàng tướng Tây Sơn là Phan Khải Đức được lệnh đem một đội quân “cần vương” của Lê Chiêu Thống xuống tăng cường lực lượng cho đồn Ngọc Hồi. Tôn Sĩ Nghị còn đặc biệt phái 20 kỵ binh trong đội hầu cận của hắn theo Thang Hùng Nghiệp xuống Ngọc Hồi với nhiệm vụ “*trong khoảng chốc lát, phải tiếp tục báo tin về ngay*”.

Tối ngày mùng 3, sáng mùng 4 Tết, đạo quân chủ lực của Quang Trung đã tập kết đầy đủ tại cánh đồng Cung ở phía nam Hà Hồi. Cũng vào khoảng thời gian đó, theo kế hoạch hiệp đồng đã vạch ra ở Tam Điệp, đạo quân của đại đô đốc Bảo cũng tập kết tại Đại Áng (xã Thanh Hưng, Thường Tín) ở phía tây - nam Ngọc Hồi.

Đạo quân của đại đô đốc Bảo đi theo con đường núi ra Vân Đình (Ứng Hòa), rồi theo con đường ngày nay là quốc lộ 22 ra ngã tư Vác (Thanh Oai) và từ đó, đi theo con đường qua các làng Canh Hoạch, Tri Lễ, Úc Lý, Dư Dụ (đều thuộc Thanh Oai), rồi qua cầu Sáu trên sông Nhuệ đến Đại Áng. Con đường này không cách xa con đường thiên lý (con đường hành quân của đạo quân chủ lực) bao nhiêu. Trục vận động và địa điểm tập kết thể hiện rõ ý định của Quang Trung sử dụng đạo quân của đại đô đốc Bảo như một lực lượng tiếp ứng cho đạo quân chủ lực trên hướng tiến công chủ yếu. Quang Trung quyết định sử dụng đạo quân của đại đô đốc Bảo vào trận công phá và tiêu diệt đồn Ngọc Hồi. Sự phối hợp hai đạo quân - đạo quân chủ lực và đạo quân tiếp ứng - đã cho phép Quang Trung tạo nên một ưu thế binh lực tương đối so với quân địch. Tuy vậy, trước mặt quân Tây Sơn là một đồn lũy phòng thủ kiên cố có công sự bảo vệ, có binh lực tập trung, hỏa lực mạnh. Căn cứ vào sự bố trí lực lượng và diễn biến của trận đánh thì kế hoạch công phá đồn Ngọc Hồi như sau:

- Đại bộ phận đạo quân chủ lực do Quang Trung đích thân chỉ huy sẽ mở cuộc tiến công chính diện và mãnh liệt vào mặt nam đồn

Ngọc Hồi. Toàn bộ lực lượng tượng binh, đại bộ phận bộ binh, kỵ binh và hỏa pháo được tập trung vào mũi tiến công quyết liệt này.

- Số quân địch từ Ngọc Hồi chạy về Thăng Long phải đi theo hoặc con đường thiên lý qua đồn Lưu Phái, Văn Điển, hoặc đường đê sông Nhị, hoặc “đường cái cao” theo bờ sông Tô Lịch qua Quỳnh Đô lên Văn Điển. Chúng có thể tháo chạy theo một trong ba con đường đó mà thuận lợi nhất là con đường thiên lý, cũng có thể tháo chạy tán loạn theo cả ba con đường. Quang Trung quyết định chọn đầm Mực - một cái đầm lớn, lầy lội ở làng Quỳnh Đô - làm trận địa tiêu diệt bọn quân địch tháo chạy.

- Đạo quân của đại đô đốc Bảo từ Đại Áng được lệnh bí mật tiến lên, sẵn sàng chi viện cho đạo quân chủ lực nếu việc công phá đồn Ngọc Hồi gặp khó khăn, nhưng nhiệm vụ chủ yếu là bày sẵn một thế trận bao vây, tiêu diệt toàn bộ tàn quân địch ở đầm Mực (làng Quỳnh Đô).

*

Quang Trung quyết định cuộc tiến công đồn Ngọc Hồi sẽ bắt đầu vào mờ sáng ngày mùng 5 tháng Giêng (ngày 30 tháng 1 năm 1789) cùng một lúc với cuộc tiến công của đạo quân đô đốc Long vào đồn Đống Đa.

Cả ngày mùng 4, Quang Trung tiếp tục công việc chuẩn bị chu đáo cho trận quyết chiến và tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với đạo quân của đại đô đốc Bảo. Cũng trong ngày hôm đó, Quang Trung chỉ dùng những toán nhỏ đánh khiêu khích vùng ngoại vi Ngọc Hồi, gây tâm lý căng thẳng cho quân Thanh và tạo yếu tố bất ngờ cho cánh quân Đô đốc Long trên hướng thứ yếu đánh đồn Đống Đa.

Ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (ngày 30 tháng 1 năm 1789), lúc trời còn chưa sáng, bất thành lĩnh quân Tây Sơn tiến công mãnh liệt vào mặt nam đồn Ngọc Hồi.

Quân Tây Sơn tràn qua đồn Bình Vọng, một đồn tiền tiêu của địch, xông thẳng đến đồn Ngọc Hồi.

Vua Quang Trung cưỡi voi chỉ huy chủ lực quân tiến vào đồn Ngọc Hồi. Để biểu lộ sự quyết tâm đánh tan kẻ thù trước toàn quân, Quang Trung đã chít khăn vàng lên đầu. Quân sĩ cũng chít khăn đỏ lên đầu để hưởng ứng.

Cuộc tiến công bắt đầu. Quang Trung tung đội tượng binh gồm hơn 100 voi chiến tiến lên trước. Đây là một binh chủng xung phong, đột phá rất lợi hại. Một con voi chiến lúc đó có thể chở được 13 - 14 người kể cả quân tượng. Ngoài cung nỏ, giáo, lao, tượng binh Tây Sơn còn được trang bị thêm nhiều thứ hỏa khí như súng tay, hỏa hổ và đặc biệt đặt cả đại bác trên mình voi. Trước khi sang xâm lược nước ta, Tôn Sĩ Nghị đã nghe nói về binh chủng này và đã nghiên cứu cách đề phòng, chống đỡ. Phía ngoài đồn Ngọc Hồi, quân địch bố trí một bãi chướng ngại dày đặc, trong đó có chông sắt và địa lôi, nhằm ngăn cản tượng binh của ta từ xa, không cho tiến sát vào chiến lũy.

Nhưng trước cả một đội tượng binh lớn mạnh với hơn 100 voi chiến đang hùng hổ xông đến, trông từ xa như *"quả núi di động"*, quân Thanh vẫn không khỏi hoảng sợ. Đề đốc Hứa Thế Hanh phải vội vàng trấn an tinh thần quân lính và lập tức ra lệnh cho đội kỵ binh thiện chiến - binh chủng tinh nhuệ nhất của quân Thanh - lao ra khỏi cửa lũy nghênh chiến. Nhưng vừa trông thấy đoàn voi chiến của quân Tây Sơn, ngựa quân Thanh đã *"sợ hãi, hí lên, té chạy, lông lộn quay về, chà đạp lẫn nhau"*. Chưa đánh, đội kỵ binh thiện chiến của địch đã rối loạn cả đội hình.

Quân Tây Sơn thừa thắng thúc voi đuổi theo. Quân địch càng hoảng sợ, tất cả rút lui vào trong lũy cố thủ. Chúng dựa vào hệ thống chiến lũy, từ trên cao bắn đại bác và cung nỏ ra rất dữ dội để cản đường tiến của đoàn quân voi Tây Sơn.

Nhưng, trước hỏa lực của địch, “*súng và tên bắn ra như mưa*”, thế trận và đội ngũ quân Tây Sơn vẫn vững vàng.

Theo lệnh của Quang Trung, đội voi chiến lập tức chia ra làm hai cánh đánh vòng về hai phía tả và hữu để mở đường cho đội xung kích lao lên. Đây là một đội quân cảm tử gồm 600 người, chia làm 20 toán. Mỗi toán gồm 10 chiến sĩ giắt dao ngắn bên hông, khiêng một tấm mộc lớn bằng gỗ phía ngoài quần rơm ướt và 20 chiến sĩ cầm vũ khí tiến theo sau. Hai mươi toán quân cảm tử dàn ngang thành thế trận chữ “nhất”, phía trước là 20 tấm mộc kết liền với nhau như một bức tường thành di động, xông thẳng vào trận địa của địch. Những tấm mộc bọc rơm ướt có tác dụng chống đỡ đại bác và cung tên của địch từ trong chiến lũy bắn ra, che chở cho đội quân xung kích tiến lên.

Quân chủ lực Tây Sơn dưới sự đốc chiến trực tiếp của Quang Trung, lập tức xung phong vào đồn lũy của địch. Bộ binh, kỵ binh, tượng binh của ta ào ạt xông vào cửa lũy đã mở. Thế xung trận của quân Tây Sơn mạnh như triều dâng bão cuốn.

Từ hai bên sườn đồn Ngọc Hồi, đội tượng binh cũng đồng thời đánh ập vào. Quân ta *lùa voi, xông pha tên đạn, nhô rào lũy tiến vào*. Từ trên mình voi, quân ta dùng đại bác và hỏa hổ đốt phá đồn lũy, doanh trại địch và thiêu cháy quân địch.

Quân Thanh vốn đã khiếp sợ những con voi chiến hùng hổ của Tây Sơn, nay lại càng khiếp sợ hỏa lực lợi hại của binh chủng này. Đó là hỏa hổ, một thứ vũ khí nổi tiếng của quân Tây Sơn.

Đồn Ngọc Hồi, cứ điểm phòng ngự kiên cố nhất của quân Thanh bị phá vỡ. Một bộ phận quan trọng quân địch bị giết chết tại trận. Trong bộ chỉ huy của địch, đề đốc Hứa Thế Hanh, phó tướng của Tôn Sĩ Nghị và là tướng chỉ huy toàn bộ mặt trận phía nam Thăng Long và tổng binh Thượng Duy Thăng là tướng chỉ huy quân tả dực của Tôn Sĩ Nghị bị bỏ mạng tại đây.

Tuy nhiên, số quân Thanh thoát chết ở đồn Ngọc Hồi vẫn còn khá nhiều, khoảng vài vạn tên. Bọn tàn quân này theo tổng binh Trương Triều Long tìm đường tháo chạy về Thăng Long.

Đạo quân của đại đô đốc Bảo đã chăng sẵn một mẻ lưới bủa vây và tiêu diệt toàn bộ tàn quân địch ở đầm Mực.

Quân địch bị dồn vào bước đường cùng. Chúng còn khoảng vài vạn quân nhưng chỉ là một khối người rã rời, kiệt sức về thể xác và kinh hoàng đến tuyệt vọng về tinh thần. Từ ba mặt, quân Tây Sơn khép chặt vòng vây, dồn ép chúng vào khu đầm Mực lầy lội, um tùm mà tiêu diệt. Quân Thanh *“hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực làng Quỳnh Đô”* và *“quân Tây Sơn lừa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người”*¹. Toàn bộ bọn tàn quân địch ở đồn Ngọc Hồi đều bị tiêu diệt, trong đó có cả tổng binh Trương Triều Long. Một số tên lẩn trốn vào các làng xóm chung quanh cũng bị nhân dân giết chết hoặc bắt nộp cho quân Tây Sơn.

Chỉ trong sáng ngày mùng 5 tháng Giêng Tết Kỷ Dậu, quân Tây Sơn đã phá tan đồn Ngọc Hồi tiêu diệt toàn bộ quân địch khoảng 3 vạn tên ở Ngọc Hồi và đầm Mực. Đây là một cú điểm then chốt nhất của quân địch đã bị tiêu diệt, đập nát hệ thống phòng thủ của chúng ở phía nam Thăng Long, mở toang cửa ngõ tiến vào giải phóng kinh thành, uy hiếp đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị ở cung Tây Long. Đạo quân chủ lực của Quang Trung và đạo quân của Đô đốc Bảo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nặng nề trên hướng tiến công chủ yếu này. Đây là trận quyết chiến chiến lược thể hiện quyết tâm đánh tiêu diệt và nghệ thuật tổ chức lực lượng, nhất là dùng voi chiến công đồn của Quang Trung - Nguyễn Huệ. Trận Ngọc Hồi xứng đáng giữ vị trí quyết định trong toàn bộ cuộc tổng tiến công chống quân xâm lược Mãn Thanh cuối thế kỷ XVIII ở nước ta.

¹ Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb. Văn học, H., 2006, tr.360.

*

Cũng vào rạng sáng ngày mùng 5 tháng Giêng (30-1-1789), khi đạo quân chủ lực tiến đánh đồn Ngọc Hồi thì trên hướng tiến công phối hợp, đạo quân của đô đốc Long (có tài liệu nói là Đặng Tiến Đông) cũng đồng thời mở cuộc tiến công hết sức bất ngờ vào đồn Đống Đa (về danh tướng chỉ huy trực tiếp trận Đống Đa, hiện nay có những chủ kiến khác nhau: *Hoàng Lê nhất thống chí* ghi là Đô đốc Long. *Dại Nam chính biên liệt truyện* lại ghi là Đô đốc Mưu).

Đồn Đống Đa tuy không kiên cố như đồn Ngọc Hồi, nhưng cũng giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống phòng thủ Thăng Long của Tôn Sĩ Nghị.

Quân Thanh lập đồn trại ở Đống Đa là để khống chế con đường cái từ Tam Điệp ra phía tây - nam Thăng Long, đề phòng cuộc tiến công của quân Tây Sơn theo hướng này và bảo vệ trực tiếp cửa ô Thịnh Quang, một cửa ngõ phía tây - nam thành Thăng Long.

Đóng giữ đồn Đống Đa là đạo quân Diên Châu, Triều Châu do Sầm Nghi Đống chỉ huy. Đặc điểm của đạo quân này là số lượng khá đông - ước đoán khoảng vài vạn quân - nhưng chất lượng không đều và khá ô hợp. Đồn Đống Đa là hướng tiến công mà Tôn Sĩ Nghị chủ quan cho là khó có thể xảy ra vì con đường “thượng đạo” hiểm trở khó cơ động và triển khai lực lượng lớn các binh chủng. Để đánh đồn Đống Đa, đạo quân Tây Sơn của đô đốc Long phải hành quân bí mật, đi theo một con đường núi đã bẻ tắc, phải mở lấy đường mà đi và khắc phục nhiều trở ngại của núi rừng. Nhiệm vụ đó đòi hỏi tướng chỉ huy không những phải giàu nghị lực, có tài tổ chức, mà còn phải am hiểu cặn kẽ địa hình và đường đi lối lại trong vùng. Đạo quân của đô đốc Long không nhiều lắm - chỉ khoảng một vạn quân - nhưng theo kế hoạch phối hợp của Quang Trung, phải bất ngờ đánh úp, tiêu diệt đồn Đống Đa thật nhanh, gọn. Muốn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó, quân đội Tây Sơn cần được sự tham gia, hỗ trợ trực tiếp của nhân dân xung quanh đồn địch.

Đạo quân của đô đốc Long gồm kỵ binh và tượng binh, tuy không nhiều nhưng có sức cơ động nhanh và đột phá mạnh. Quân đội cũng được trang bị nhiều hỏa hổ và đại bác đặt trên mình voi chiến. Cuộc tiến công bắt đầu vào khoảng cuối canh tư (khoảng 3 giờ sáng). Bằng khí thế áp đảo quân thù, quân Tây Sơn với đội hình đã bày sẵn, xông thẳng vào đồn trại của địch. Quân ta đốt phá các doanh trại phía ngoài rồi nhanh chóng đánh thọc vào sở chỉ huy của địch. Sầm Nghi Đống cố đốc thúc quân lính chống cự nhưng không sao đương nổi sức tiến công mãnh liệt của quân Tây Sơn. Chỉ trong chốc lát, số quân Thanh bị chết và bị thương đã lên đến 5.000 người. Sầm Nghi Đống phải bỏ các doanh trại bên ngoài, rút về bảo vệ sở chỉ huy trên Loa Sơn để chờ quân cứu viện.

Cùng lúc đó, xung quanh đồn trại của địch đột nhiên xuất hiện một hàng rào lửa dày đặc. Đó là “trận rồng lửa” (hỏa long trận) của nhân dân địa phương góp sức cùng với quân đội Tây Sơn diệt giặc. Nhân dân 9 xã ở ngoại thành Thăng Long đã hăng hái dùng rơm rạ, cỏ khô bện thành những con cúi, tầm dẫu, nhựa trám và nhựa thông, nối lại thành những “con rồng”. Khi nghĩa quân nổ súng, nhân dân đốt cháy những con rồng rơm tạo thành bức tường lửa vây kín đồn trại giặc.

Quân địch đang choáng váng vì đòn tiến công bất ngờ của quân Tây Sơn lại càng khiếp đảm trước lưới lửa bao vây trùng điệp của nhân dân. Trong đêm tối, chúng chỉ còn trông thấy bốn bề lửa cháy rực trời, tiếng reo hò dậy đất. Đồn trại của địch tan vỡ nhanh chóng. Quân địch *đang lúc đêm tối, tự xéo lên nhau mà chạy*. Các mũi tiến công của quân Tây Sơn lao vào chém giết như vào chỗ không người.

Từ trên sở chỉ huy, Sầm Nghi Đống thấy rõ đã lâm vào cảnh thế cùng lực kiệt: chống đỡ không nổi, quân cứu viện không có, phá vây không được. Hắn tuyệt vọng, thắt cổ tự vẫn ngay tại sở chỉ huy. Đội thân binh trung thành của hắn cũng tự sát theo chủ tướng đến vài trăm tên.

Đồn Đồng Đa bị tiêu diệt chỉ sau mấy giờ chiến đấu. Đại bộ phận quân địch bị tiêu diệt tại trận. Một số tên chạy thoát ra ngoài cũng bị quân ta đuổi theo chém và bắt được đến quá nửa. Quân Tây Sơn thừa thắng tiêu diệt luôn các đồn Yên Quyết, Nam Đồng rồi nhanh chóng tràn vào cửa ô tây - nam thành Thăng Long.

Sau trận đánh, hàng vạn xác giặc nằm ngổn ngang khắp chiến trường từ trại Khương Thượng, Thịnh Quang đến trại Nam Đồng. Khi thu dọn chiến trường, quân dân ta đã nhặt xác giặc, xếp thành từng đồng rồi đắp đất lên thành những gò đồng lớn. Đó là lối chôn cất cổ truyền của nhiều nước phương Đông vừa có ý nghĩa biểu dương chiến công, để lại một di tích chiến thắng cho muôn đời con cháu, vừa nhằm cảnh cáo kẻ thù. Những đồng xác giặc đó gọi là *Kinh nghệ kinh quán*, có nghĩa là gò đồng lớn vùi xác quân giặc hung dữ ví như loài cá kinh, cá nghệ ngoài biển cả (là loại cá to hay đuổi bắt loại cá nhỏ mà ăn). Mười hai gò đồng như vậy đã xuất hiện trên trận địa như những chiến tích bất diệt của dân tộc. Trong bài *Loa Sơn điệu cổ*, nhà thơ đương thời Ngô Ngọc Du ca ngợi võ công oanh liệt của quân và dân ta gắn liền với những chiến tích đó:

Thành nam thập nhị Kinh nghệ quán,

Chiếu diệu anh hùng đại võ công.

(Phía nam thành, mười hai gò xác giặc,

Rạng rỡ công lớn của anh hùng).

Tuy vậy, mười hai gò lớn vẫn chưa vùi hết xác quân xâm lược, rải rác trên các cánh đồng vẫn còn có nhiều xác giặc chôn ở đó. Rất nhiều năm sau này (năm 1851), người dân khi đào đất để đắp đường, lập chợ đã tìm thấy nhiều xương cốt bèn thu nhặt đem chôn thành một hố, đắp thành gò thứ 13.

Trải qua năm tháng, trên các gò đồng đó, cây cối mọc um tùm, nhiều nhất là cây đa. Với tên đất sẵn có, nhân dân thường gọi những gò đồng đó là “gò Đồng Đa” và cùng có những gò đồng đó là “xứ Đồng Đa”.

Như trên đã nói, theo kế hoạch của Quang Trung, trong khi đạo quân chủ lực công phá đồn Ngọc Hồi, thì đạo quân của Đô đốc Long bất ngờ tập kích tiêu diệt đồn Đống Đa, rồi nhanh chóng thọc sâu vào thành Thăng Long, uy hiếp đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị. Do đó, mờ sáng ngày mùng 5, lúc đồn Đống Đa sắp bị tiêu diệt, đô đốc Long đã hết sức khẩn trương, mau lẹ, đem đội kỵ binh tiên phong của mình đánh thọc vào Thăng Long. Như một mũi dao nhọn, đội kỵ binh Tây Sơn lao thẳng về phía cung Tây Long. Đây là hành động bất ngờ, táo bạo mà Tôn Sĩ Nghị không thể nào lường trước được. Những tin tức khủng khiếp của mặt trận phía nam và phía tây - nam đồng thời đến với Tôn Sĩ Nghị như những đòn trời giáng. Cả một đạo quân chủ lực còn nguyên vẹn trong tay, nhưng viên chủ soái của quân Thanh hoảng hốt, không còn biết xoay xở, đối phó thế nào. Như trong bản tâu gửi về triều đình nhà Thanh, Tôn Sĩ Nghị cảm thấy “*quân giặc nhiều quá*” và quân Thanh đã bị “*vây kín bốn mặt*”. Hắn “*sợ mất mặt*” và “*ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kỵ mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng Bắc mà chạy*”¹. Viên thiên tổng Tiết Trung phải dắt cương ngựa cho Tôn Sĩ Nghị chạy trốn và phó tướng Khánh Thành đi theo hộ tống.

Chủ tướng bỏ chạy, “*quân sĩ các doanh nghe tin đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều*”². Tình hình hỗn loạn đến mức độ, tổng binh Lý Hóa Long chạy đến giữa cầu phao cũng bị quân lính đẩy ngã nhào xuống sông.

Qua khỏi cầu phao sang bờ bắc sông Nhị, Tôn Sĩ Nghị lại sợ quân Tây Sơn lợi dụng cầu phao đuổi theo. Chỉ lo bảo toàn tính mạng của bản thân, viên bại tướng đó không ngần ngại ra lệnh *cắt đứt cầu phao để chẹn phía sau*.

^{1,2} Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Hành động ích kỷ và tàn nhẫn của Tôn Sĩ Nghị đã làm cho hàng vạn quân Thanh bị dòng nước sông Nhị cuốn trôi. “*Cầu gãy, người bị chết vô kể*” và “*nước sông Nhị vì thế mà tắc nghẽn không chảy được*”. Số quân Thanh không kịp qua cầu phao cũng tìm mọi cách liều lĩnh vượt sông. Có bọn cướp được một số thuyền buôn và thuyền đánh cá đang đỗ bên bờ sông nhưng rồi chúng tranh nhau xuống thuyền đông quá nên hầu hết cũng bị đắm. Có bọn thì buộc giáo, mác, khiên, mộc lại thành từng bó để làm bè vượt sông. Vừa lúc đó, quân Tây Sơn ập tới. Số phận quân Thanh chưa kịp qua sông đã được định đoạt: nếu không vùi xác theo dòng sông Nhị thì cũng bị chém giết hoặc bắt làm tù binh. Một số tàn quân trốn tránh vào các xóm làng thì sau đó, trong vòng 10 ngày, đều phải ra đầu thú.

Số phận đám quân Thanh đóng ở bờ bắc sông Nhị cùng với số tàn quân vượt qua cầu phao chạy trốn theo Tôn Sĩ Nghị cũng không may mắn hơn bao nhiêu. Bọn chúng bị quân Tây Sơn truy kích phía sau và đến Phượng Nhãn lại bất ngờ bị đạo quân của đô đốc Lộc chặn đánh. Tôn Sĩ Nghị và bọn tàn quân không dám chạy theo đường cái. Chúng phải luồn rừng, lội suối, leo núi, *đường đi quanh co rẽ ngang rẽ dọc... luôn luôn lạc lối, không tìm được nẻo đi và đêm ngày đi gập, không dám nghỉ ngơi*. Tôn Sĩ Nghị phải vất bỏ tất cả mọi thứ mang theo kể cả sắc thư, kỳ bài, quân ấn chủ soái do vua Thanh ban cho, để lo chạy thoát thân.

Đạo quân Thanh đóng ở Hải Dương cũng bị đánh tan. Riêng đạo quân Vân Nam do đề đốc Ô Đại Kinh chỉ huy, ngày 21 tháng Chạp năm Mậu Thân (ngày 16 tháng 1 năm 1789) đến Tuyên Quang và những ngày cuối năm đó mới đến Sơn Tây. Vừa đóng quân được mấy ngày thì được tin Tôn Sĩ Nghị bại trận, cả đạo quân này hốt hoảng tháo chạy về nước. Không bị tiến công nhưng đạo quân Ô Đại Kinh cũng bị tan vỡ và rút chạy trong cảnh hỗn loạn. Qua vùng Tuyên Quang, chúng lại bị một đội dân binh dân tộc Tày do Ma Doãn Đảo chỉ huy chặn đánh. Chúng càng hoảng sợ, chen lấn, xô đẩy nhau giành đường về nước và một bộ phận khá đông

tán loạn vào núi rừng. Một toán quân do Phùng Chấn Tiên cầm đầu, bị lạc đường chạy sang Quảng Tây. Theo lời tâu của tổng đốc Vân Quý là Phú Cương thì trong đạo quân Ô Đại Kinh có một số không thấy trở về, trong đó có một viên vũ cử (cử nhân võ), một viên ngoại úy (võ quan cấp dưới) và mấy chục tên lính.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến thật là rực rỡ, chói lọi. Toàn bộ quân xâm lược Mãn Thanh khoảng 29 vạn quân cùng với vài vạn quân của bù nhìn Lê Chiêu Thống đã bị đánh tan tành, bị tiêu diệt đại bộ phận và bị quét sạch ra khỏi bờ cõi. Sáng mùng 5, đang ở trong cung điện, được tin quân Thanh bại trận, Tôn Sĩ Nghị rút chạy, Lê Chiêu Thống vội vàng bám gót chạy theo. Nhưng ra đến bờ sông thì cầu phao đã bị cắt, hấn hoảng sợ theo bờ sông chạy lên Nghi Tàm, cướp được chiếc thuyền đánh cá chèo qua sông. Hấn tìm đường chạy lên ải Nam Quan mới gặp Tôn Sĩ Nghị để bắt đầu cuộc sống lưu vong nhục nhã nơi đất khách quê người.

Trưa ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (30-1-1789), vua Quang Trung ngồi trên lưng voi, chiến bào màu đỏ của nhà vua xạm đen khói súng, đi đầu đại quân tiến vào Thăng Long giữa cảnh mừng vui khôn xiết của nhân dân. Không khí hân hoan chào đón đoàn quân giải phóng được nhà thơ đương thời Ngô Ngọc Du tả lại như sau:

*Mây tanh mù tan trời lại sáng
 Đầy thành già trẻ mặt như hoa
 Chung vai sát cánh cùng nhau nói
 Cố đô vẫn thuộc núi sông ta.*

Cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Toàn bộ 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh cùng với vài vạn quân của bọn bù nhìn Lê Chiêu Thống đã bị đánh tan tành, bị tiêu diệt đại bộ phận và bị quét sạch ra khỏi bờ cõi. Trong bốn đạo quân Thanh thì ba đạo, trong đó có đạo quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị bị tiêu diệt gần hết và một đạo quân không đánh mà cũng tan tác. Hàng loạt tướng lĩnh cao cấp của địch bị bỏ mạng.

Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã tiến hành nhiều cuộc kháng chiến, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, nhưng đến cuối thế kỷ XVIII, chưa có lần nào khi phải đương đầu với hàng chục vạn quân xâm lược mà đánh thắng oanh liệt, vang dội trong một thời gian ngắn như thế. Điều đó càng có ý nghĩa lớn lao khi cuộc kháng chiến chống quân Thanh diễn ra vào lúc chế độ phong kiến suy tàn, kẻ thù có sẵn chỗ dựa bên trong là bọn phong kiến phản động, và quân xâm lược đã chiếm kinh thành cùng nhiều vùng rộng lớn xung quanh.

Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa giữ vai trò là những trận quyết chiến chiến lược có ý nghĩa quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược. Nhìn riêng về từng hướng tiến công thì trận Ngọc Hồi là trận quyết chiến trên hướng tiến công chủ yếu và trận Đống Đa là trận quyết chiến trên hướng tiến công thứ yếu.

Trận Ngọc Hồi là trận tiến công chính diện nhằm tiêu diệt cứ điểm kiên cố nhất của địch, đập nát vị trí then chốt trong hệ thống phòng thủ cứng rắn phía trước, đồng thời thu hút chủ lực địch. Còn trận Đống Đa là trận vu hồi, thọc sâu hết sức bất ngờ, đánh thẳng vào một cửa ngõ thành Thăng Long và cũng là chỗ sơ hở, chỗ yếu của địch để trực tiếp uy hiếp bộ chỉ huy đầu não của địch. Sự phối hợp chặt chẽ của hai trận này làm cho quân Thanh bị chia cắt, cô lập không thể ứng cứu được cho nhau và đặc biệt làm cho Tôn Sĩ Nghị cùng với đạo quân chủ lực, cơ động to lớn của địch lâm vào tình thế bất ngờ, bị động, không kịp trở tay đối phó và cuối cùng bị tê liệt, tan rã và tháo chạy tán loạn.

Thật hiếm có một chiến công chống ngoại xâm, trong hoàn cảnh phức tạp của đất nước, trong so sánh lực lượng rất chênh lệch về quân số giữa ta và địch, mà lại giành được thắng lợi oanh liệt, thần tốc như cuộc đại phá quân Thanh.

Với cách đánh táo bạo, mãnh liệt, đánh nhanh, đánh hiểm, đánh thẳng vào sào huyệt trung tâm, chọc những mũi dao nhọn vào tim địch, diệt ngay được bộ chỉ huy cùng tập đoàn chiến lược chủ yếu của địch. Nguyễn Huệ thường chỉ bằng một trận quyết chiến đã giải quyết xong một cuộc chiến tranh. Đây là tài năng hiếm có của ông và cũng là điều ít thấy trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta. Những trận quyết chiến diệt quân Xiêm - Nguyễn, đánh tan quân Trịnh và đại phá quân Thanh là những trận nổi tiếng trong lịch sử, đã đưa Nguyễn Huệ trở thành người anh hùng, nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc ta.

Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa đã biểu hiện một cách rất rõ tài năng quân sự kiệt xuất của Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ, ý chí quyết chiến quyết thắng và bản lĩnh chiến đấu kiên cường của quân đội Tây Sơn.

Chiến thắng này là chiến thắng của lòng quyết tâm và ý chí “*Đánh cho sù tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*” được nhân dân hết lòng ủng hộ và giúp đỡ mạnh mẽ. Trên đường hành quân chiến đấu của quân Tây Sơn, nhân dân đã hăng hái cho con em mình gia nhập nghĩa quân, tiếp tế lương thực, thực phẩm, giúp đỡ các phương tiện vượt sông... Nhân dân các làng xã quanh kinh thành Thăng Long đã giúp quân Tây Sơn bí mật giấu quân ém sát đồn giặc, góp ván gỗ làm mộc công phá đồn Ngọc Hồi, đã phối hợp làm “trận rừng lửa” trong trận diệt đồn Đống Đa...

Ngọc Hồi - Đống Đa là một thiên anh hùng ca, một chiến công lừng lẫy, một sự nghiệp vĩ đại của Quang Trung - Nguyễn Huệ và của dân tộc ta, là một công hiến lớn lao cho nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

VIII - CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (NĂM 1954)

A. ĐƯỜNG TỚI ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Vài nét về Điện Biên Phủ

Điện Biên Phủ nay thuộc tỉnh Điện Biên, trước đây thuộc tỉnh Lai Châu, có một vị trí chiến lược quan trọng ở Tây Bắc Việt Nam cả Đông Dương. Nơi đây cũng là một vùng kinh tế trù phú, rừng núi bao la điệp trùng đan xen những thung lũng màu mỡ.

Từ rất lâu, vùng Điện Biên còn có tên gọi là Mường Then (Mường Trời) hoặc Mường Theng - vẫn quen gọi là Mường Thanh. Trung tâm Điện Biên là cánh đồng Mường Thanh, nằm trên trục đường từ Thượng Lào qua Lai Châu, xuống Sơn La, về Hà Nội... và từ Tây Nam Trung Quốc xuống miền Trung Việt Nam, Trung Lào. Với địa thế đó, Điện Biên đã được xem là vùng đất mà một tiếng gà gáy, người dân ba nước (Việt Nam, Lào, Trung Quốc) đều nghe. Cũng vì thế mà Điện Biên là điểm gặp, nơi hội tụ của nhiều dân tộc, tiếng nói, văn hóa tộc người, phong tục tập quán khác nhau.

Bao bọc xung quanh cánh đồng Mường Thanh là những dãy núi cao thấp khác nhau, muôn hình muôn vẻ. Phía tây và nam là dãy núi Pú Xam Xao chạy dọc biên giới Việt - Lào, với đỉnh cao nhất là 1.897 mét, tạo thành một dãy trường thành thiên nhiên, một bức bình phong kỳ vĩ. Phía bắc giáp với Pú Xam Xao là dãy Tây Trang - một hệ thống núi đá vôi, có nhiều cây cối um tùm và nhiều hang động tự nhiên khá hấp dẫn. Nơi đây có cửa khẩu Tây Trang - cửa ngõ của Điện Biên và cả vùng Tây Bắc thông sang vùng

Thượng Lào. Phía đông có dãy núi cao từ 1.200 đến 1.700 mét. Từ dãy núi chính này xòe ra ba nhánh ôm lấy cánh đồng Mường Thanh.

Cánh đồng Mường Thanh nằm gọn giữa ba dãy núi lớn kề trên và còn được bao bọc bởi hai mươi ngọn núi cao thấp, lớn nhỏ khác nhau. Với chiều dài gần hai mươi kilômét, rộng từ sáu đến tám kilômét, Mường Thanh là cánh đồng phì nhiêu nhất của vùng Tây Bắc Việt Nam. Bởi vậy từ lâu nhân dân vùng Tây Bắc đã có câu: “Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tắc”. Nghĩa là trong bốn cánh đồng, bốn vựa lúa lớn của Tây Bắc thì Mường Thanh lớn và trù phú nhất, thứ hai là Mường Lò - cánh đồng Nghĩa Lộ thuộc tỉnh Yên Bái, thứ ba là Mường Than - tức cánh đồng Than Uyên (Lai Châu - giáp Yên Bái), thứ tư là Mường Tắc - tức cánh đồng Phù Yên ở phía nam tỉnh Sơn La.

Cuối cánh đồng Mường Thanh - về phía nam, con sông Nậm Núa tỏa ra một nhánh sông có “tính khí” thất thường. Mùa nước cạn, sông chảy hững hờ, hiền lành. Khi mưa lũ, sông trở nên hung dữ, như ngựa tụt dây cương, nên được nhân dân đặt tên là Nậm Rốm.

Do Điện Biên ở vào vị thế quan trọng và là miền đất trù phú nên từ xa xưa vùng đất này đã là nơi quần tụ sinh sống của nhiều dân tộc anh em. Những dân tộc định cư lâu đời nhất gồm có: người Thái, người Kinh, người Mông, người Tày, người Khơ-mú, người Cống, người Lào, người Kháng, người Xinh-mun... Nhân dân các dân tộc anh em ở đây giàu truyền thống yêu nước, lao động cần cù, yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng chiến đấu chống lại mọi thế lực áp bức và giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập chủ quyền quê hương, đất nước. Họ cũng là chủ nhân của những điệu dân ca trữ tình, những điệu múa mềm mại, uyển chuyển, đậm đà bản sắc dân tộc.

Điện Biên Phủ đã bị thực dân Pháp chiếm từ năm 1888 sau khi tên thực dân khóac áo nhà thám hiểm O-guyt-xơ Pa-vi (Auguste Pavie) đã mò đến đây. Sau đó con đường mòn Lai Châu - Điện Biên Phủ được mang tên hấn - đường Pa-vi. Từ đầu thế kỷ XX,

Điện Biên Phủ là “hạt nhân của đạo quan binh thứ 4” của Pháp ở Bắc Đông Dương. Từ năm 1939, Điện Biên Phủ đã có một sân bay dã chiến. Trong cuộc Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, hàng ngàn quân Pháp đã qua con đường Lai Châu chạy sang Trung Hoa. Năm 1945, quân Nhật rồi quân Tưởng đã có mặt ở Điện Biên Phủ. Khi ta ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 với Pháp, Pháp đã yêu cầu được đưa hơn 800 quân trở lại vùng này để làm nhiệm vụ tiếp phòng quân Tưởng.

2. Điện Biên Phủ được cả ta và Pháp chọn làm điểm quyết chiến chiến lược

Năm 1953, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã bước vào năm thứ tám. Tám năm đó là những năm chiến đấu cực kỳ gian khổ và anh dũng của quân đội và nhân dân ta chống lại quân đội xâm lược của đế quốc Pháp có can thiệp Mỹ giúp sức. Thắng lợi của quân và dân ta trong hè thu 1953, đặc biệt là chiến thắng tây nam Ninh Bình, tạo thêm thuận lợi để cả nước bước vào chiến cuộc Đông Xuân.

Trước đó, với thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc mùa đông năm 1952 và chiến dịch Thượng Lào cuối xuân - đầu hè năm 1953, cục diện chiến tranh ở Việt Nam nói riêng và ở Đông Dương nói chung càng chuyển biến mạnh theo hướng có lợi cho quân và dân ta, bất lợi cho thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Để cứu vãn tình thế, Chính phủ Pháp tiến hành cải tổ bộ máy lãnh đạo và chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương, may chăng có được chính sách mới, tìm cho nước Pháp một “lối thoát danh dự”. Với hy vọng đó, Hăng-ri Na-va, một viên tướng tài năng, đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh lục quân Trung Âu thuộc khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) được điều sang giữ chức Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương thay cho tướng Xa-lăng bị triệu hồi. Tướng Na-va đã thông qua Hội đồng Quốc phòng tại Pa-ri bản kế hoạch chiến lược mới của mình, được chính giới Pháp và Mỹ đánh giá rất cao, mang tên là “kế hoạch Na-va”.

Cho tới những ngày cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 1953, Na-va và bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương còn rất chủ quan. Với một số kết quả hoạt động quân sự của phía Pháp trong mùa thu 1953, Na-va cho rằng việc triển khai kế hoạch chiến lược mới của quân Pháp đang trên đà phát triển thuận lợi và kế hoạch tác chiến thu đông của ta đã bước đầu bị phá vỡ. Vì thế, cuộc hành quân Hải Âu đánh ra vùng tự do tây nam Ninh Bình vừa chấm dứt ngày hôm trước, thì ngày hôm sau (7-11-1953) Na-va cho phát đi một bức thư gửi các sĩ quan, binh lính thuộc quyền, trong đó ông ta giải thích: “Tôi có nói với các bạn rằng tôi sẽ nắm quyền chủ động bằng những cuộc hành quân lớn và tôi sẽ phóng vào lúc và nơi mà tôi sẽ lựa chọn. Cuộc hành quân Hải Âu là đòn đầu tiên trong những đòn mà tôi có ý định đánh vào đối phương. Trong cuộc hành quân đó, chúng ta đã đạt được mục tiêu của chúng ta: lợi thời gian, chúng ta đã buộc Bộ tư lệnh Việt Minh phải xét lại kế hoạch tiến công và sẽ phải sửa đổi lại tới một ngày mà họ mong có thể hoạt động mạnh mẽ. Chúng ta đã nắm quyền chủ động và chúng ta muốn giữ vững quyền đó”. Trong cuộc họp báo ngày 7-11-1953, trung tướng Cônhi, tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ, đã tuyên bố: “...Tôi xin cải chính, cuộc hành quân Hải Âu không hề nhằm mục đích chiếm đóng vĩnh viễn đất đai. Vùng Nho Quan không có lợi gì cả, ta cũng chưa có ý định chiếm Thanh Hóa. Ta đổ bộ vào duyên hải Thanh Hóa là để đánh lừa Việt Minh mà thôi. Quả nhiên chúng đã bị lừa, ta đã đạt được mục đích. Chúng ta đã thắng lợi, loại trừ được Sư đoàn 320 ra ngoài vòng chiến, giam chân Sư đoàn 304 ở Thanh Hóa, trì hoãn được cuộc tiến công Thu Đông của Việt Minh vào đồng bằng Bắc Bộ, quân đội viễn chinh Pháp đã thành công trong việc mở đầu một chiến thuật tiến công mới” (theo tin báo Tia sáng, Hà Nội, ngày 9-11-1953). Phụ họa những lời tuyên bố của giới quân sự Pháp, các tờ báo xuất bản ở Pa-ri, Sài Gòn, Hà Nội trong thời gian này đều đăng trên trang đầu nhiều bài ca ngợi “thắng lợi rực rỡ” của phía Pháp trong cuộc đánh ra tây nam Ninh Bình. Tờ *Paris Press*

(Bản tin Pa-ri) ra ngày 2-11-1953 đưa ra lời bình luận: “Tướng Na-va đã thắng hiệp đầu trong cuộc đọ sức tay đôi với tướng Giáp”.

Trong không khí lạc quan như vậy, bỗng nhiên Na-va nhận được báo cáo “Đại đoàn 316 đóng quân ở phía nam Hòa Bình từ ngày 15 tháng 11 sẽ di chuyển về xứ Thái, nơi mà nó đã có sẵn một trung đoàn (trung đoàn 176). Dự kiến Đại đoàn 316 sẽ đến Tuần Giáo vào khoảng từ ngày 7 đến 11 tháng 12 năm 1953”. Tin này chứng tỏ rằng hướng tấn công chủ yếu của đối phương trong chiến cuộc 1953-1954 không phải là đồng bằng Bắc Bộ như ông ta và bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã phán đoán, mà có thể lại chính là Tây Bắc. Và như thế cả Thượng Lào cùng kinh đô Luông Phra Băng đều bị uy hiếp.

Tiếp tục thực hiện chiêu bài độc lập giả hiệu, ngày 22-10-1953 chính phủ Pháp đã ký với chính quyền tay sai một hiệp ước công nhận Lào là một nước độc lập trong khối liên hiệp Pháp. Việc để mất kinh đô Luông Phra Băng và Thượng Lào ngay khi ký một hiệp ước “phòng thủ chung” giữa Pháp và Lào vừa được ký kết, có thể dẫn tới những hậu quả chính trị, quân sự khó lường. Suy đi nghĩ lại, cuối cùng Na-va thấy cần phải “đi trước hành động của Đại đoàn 316 bằng cách tăng cường hệ thống bố trí ở xứ Thái, che chở cho Luông Phra Băng”. Để thực hiện ý đồ đó, ngày 2 tháng 11, Na-va chỉ thị cho tướng Cônhi chuẩn bị chiếm đóng Điện Biên Phủ bằng một cuộc hành binh không vận vào trước ngày 1 tháng 12 (tức là khoảng 15 ngày, trước khi Đại đoàn 316 có thể đến được vùng này).

Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn như đã trình bày ở trên, cách Hà Nội khoảng 300 kilômét đường chim bay, cách Luông Phra Băng khoảng 200 kilômét. Thung lũng này nằm gần biên giới Việt - Lào, trên một ngã ba của nhiều tuyến đường quan trọng, có sông Nậm Rốm chảy theo hướng nam - bắc đổ xuống sông Nậm Hu và có sân bay Mường Thanh được xây dựng từ năm 1889.

Theo đánh giá của Na-va và nhiều nhà quân sự Pháp thì Điện Biên Phủ “là một vị trí chiến lược quan trọng chẳng những đối với chiến trường Đông Dương mà còn đối với miền Đông Nam Á - một trục giao thông nối liền các miền biên giới Lào, Thái Lan, Myanma và Trung Quốc”. Đó là “một cái chìa khóa để bảo vệ Thượng Lào”, một “bàn xoay” có thể xoay đi bốn phía Việt Nam, Lào, Myanma, Trung Quốc. Từ Điện Biên Phủ, quân Pháp “có thể bảo vệ được Lào, rồi từ đó đánh chiếm lại các vùng đã mất ở Tây Bắc trong năm 1952-1953 và tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt các sư đoàn chủ lực của đối phương nếu họ đến đây”.

Việc tướng Na-va có ý định đưa quân lên chiếm đóng Điện Biên Phủ không phải là điều gì mới lạ. Trước đây Xa-lăng đã từng rất mong muốn đưa quân lên chiếm đóng Điện Biên Phủ, nhưng chưa thực hiện được. Tướng Cônhi cũng đã đề nghị với Na-va thực hiện điều đó từ tháng 6 năm 1953. Cônhi cho rằng “muốn giành chủ động phải chiếm đóng Điện Biên Phủ”. Nhưng tới khi Na-va quyết định hành động, thì do lo sợ sẽ thiếu quân để bảo vệ “đồng bằng có ích”, Cônhi và một số sĩ quan dưới quyền của ông ta đã có những ý kiến trái ngược hẳn lại.

Ngày 4-11-1953, đại tá Ba-xchi-a-ni, tham mưu trưởng lục quân Bắc Bộ, đưa ra ý kiến phản đối chủ trương chiếm đóng Điện Biên Phủ với lý do là hiện nay Thượng Lào chưa có hiện tượng gì bị uy hiếp cả. Và cho dù trong trường hợp Thượng Lào có bị uy hiếp, thì cái xứ Đông Dương này, người ta không thể chỉ ngăn chặn bước tiến của Việt Minh trên một hướng, đó là khái niệm ở châu Âu, ở đây không có giá trị gì. Đáng lẽ quân Pháp phải được sử dụng tập trung để bảo vệ miền đồng bằng đang bị đe dọa, thì lại bị tung lên một miền rừng núi cách Hà Nội 300 kilômét làm một việc không có tác dụng gì thiết thực cả; “muốn hay không muốn, Điện Biên Phủ cũng sẽ trở thành một vực thẳm nuốt các tiểu đoàn của quân viễn chinh Pháp”. Cùng với ý kiến phản đối có tính chiến lược của Ba-xchi-a-ni, các sĩ quan tác chiến, không quân, hậu cần của Bộ tham mưu Bắc Bộ

còn đưa ra những khó khăn về chiến thuật, kỹ thuật trong việc nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ và việc phải bảo đảm tiếp tế bằng đường không cho một căn cứ lớn và lại ở cách xa miền đồng bằng như vậy.

Trung tuần tháng 11 năm 1953, sự kiện Đại đoàn 316 bắt đầu chuyển quân lên miền Tây Bắc đã tạm thời chấm dứt cuộc tranh cãi giữa các tướng tá Pháp. Gạt sang một bên những ý kiến bất đồng, trong cuộc họp ngày 17 tháng 11 tại tổng hành dinh quân đội Pháp ở Hà Nội, Na-va quyết tâm giữ vững ý định thực hiện cuộc hành quân Ca-xto chiếm đóng Điện Biên Phủ. Tướng Gin, nguyên chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm Nà Sản được cử làm chỉ huy trưởng cuộc hành quân và như sau này, các tướng tá Pháp đã mô tả lại thì ngay chiều hôm ấy, “tại một dinh thự biệt lập ở Hà Nội, bốn sĩ quan dù, hai phi công cùng với cô thư ký của tướng Cônhi đã cho in rô-nê-ô và soạn những mệnh lệnh về cuộc hành quân Ca-xto sẽ được tiến hành ngày 18, 19 hoặc 20 tháng 11 năm 1953, tùy theo tình hình thời tiết tốt xấu... Chính họ cũng không biết rằng họ làm việc đó để chuẩn bị cho một trong những biến cố vĩ đại làm đảo lộn phương Tây” (Trích theo sách *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Nxb. QĐND, H., 1984, trang 86).

Sau khi đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, ngày 20-11-1953, cuộc hành binh Ca-xto đánh chiếm Điện Biên Phủ chính thức bắt đầu. Do chỉ tập trung được 60 chiếc Đa-cô-ta vào việc chở quân, đợt đầu (từ 10 giờ 35 phút đến 10 giờ 45 phút) quân Pháp thả hai tiểu đoàn dù xuống khu vực lòng chảo Điện Biên Phủ. Chiều 20 tháng 11 và trong các ngày tiếp sau đó chúng thả tiếp bốn tiểu đoàn khác và một đại đội công binh.

Vào thời điểm định mở cuộc hành binh Ca-xto, về phía ta có trung đoàn bộ trung đoàn 48 và tiểu đoàn 910 đang đóng quân ở Điện Biên Phủ tranh thủ củng cố, huấn luyện và chuẩn bị tiêu diệt vị trí Mường Pồn, phối hợp cùng Đại đoàn 316 tiến đánh Lai Châu.

Cuộc nhảy dù của địch có gây bất ngờ cho cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 148. Nhưng tới khi nhận biết được triệu chứng quân địch sắp nhảy dù, bộ đội ta lập tức triển khai lực lượng chiếm giữ các vị trí có lợi và liên tục đánh trả địch suốt sáu tiếng liền. Đến 16 giờ ngày 20, do thời cơ diệt địch không còn, đạn hết, để bảo toàn lực lượng, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 148 rút vào rừng và sau đó đã chuyển về Mường Phăng chuẩn bị cho nhiệm vụ mới.

Về phía địch, sau khi thả sáu tiểu đoàn cơ động cùng một khối lượng lớn đạn dược, lương thực và các thiết bị chiến tranh xuống Điện Biên Phủ, quân Pháp bắt tay ngay vào việc xây dựng cấu trúc trận địa và tiến hành các hoạt động tiến công để mở tuyến giao thông đường bộ nối Điện Biên Phủ với Lai Châu và Luông Phra Băng. Ngày 25 tháng 11, theo lệnh của Na-va, Cre-vơ Cơ - chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Lào sử dụng sáu tiểu đoàn mở cuộc hành binh từ Luông Phra Băng lên khu giải phóng Lào ở lưu vực sông Nậm Hu. Cùng ngày hôm đó, sân bay Mường Thanh được sửa chữa xong và chiếc Đa-cô-ta đầu tiên của quân Pháp đã hạ cánh an toàn xuống khu vực Điện Biên Phủ.

Thấy cuộc hành quân chiếm đóng Điện Biên Phủ kết thúc tương đối trót lọt, Na-va và Cônhi tin rằng quân đội Pháp ở Đông Dương đã trở lại nắm quyền chủ động tiến công và tình thế trên chiến trường đang nhanh chóng được cải thiện theo chiều hướng có lợi cho phía Pháp. Trong cuộc họp báo ngày 22-11-1953, tướng Cônhi lớn tiếng tuyên bố với các nhà báo rằng cuộc hành binh Ca-xto “không phải là một cuộc nhảy dù biệt kích như Lạng Sơn, đây là khởi đầu của một cuộc tiến công đại quy mô”. “Điện Biên Phủ là một điểm chốt. Nếu tập đoàn cứ điểm Nà Sản lấp được trên các bánh xe lăn, có lẽ tôi đã chuyển nó lên Điện Biên Phủ ngay từ khi tôi nhậm chức cách đây 5 tháng”. Trong buổi tiếp đô đốc Ca-ba-ni-ê, phái viên của chính phủ Pháp ngày 20 tháng 11, mặc dù đã được thông báo chính thức là sẽ không có 9 tiểu đoàn quân tăng viện như Na-va đã yêu cầu, nhưng khi được nghe truyền đạt

câu hỏi của tổng thống O-ri-ôn và thủ tướng La-ni-en là “trong lúc quân đội viễn chinh Pháp vừa chiến thắng, trong lúc Triều Tiên vừa ký kết đình chiến có nên đặt vấn đề ngừng bắn không”, Na-va đã trả lời rằng: tốt hơn hết nên chờ kết quả của cuộc chiến mùa đông, tình hình trong mùa xuân tới có thể sáng sủa hơn. Còn đối với việc Đại đoàn 316 đang tiến lên Tây Bắc, thì chỉ cần “một con nhím loại vừa” độ sáu tiểu đoàn như vậy cũng đủ để đối phó.

Có thể thấy rằng, mặc dù bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã tung lực lượng cơ động ứng chiến lên vùng rừng núi Tây Bắc, cho tới lúc này cuộc hành binh chiếm đóng Điện Biên Phủ đối với phía Pháp “vẫn còn là một cuộc hành binh thứ yếu có tính chất phòng vệ chiến lược và tính chất chính trị địa phương” như một sử gia phương Tây đã nhận xét. Phải tới cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1953 do một chuỗi các quyết định của cả hai bên tham chiến, Điện Biên Phủ mới trở thành một thử thách quyết định mà thực ra tướng Na-va rất muốn tránh trong chiến cuộc 1953-1954.

Ngày 25-11-1953, bộ chỉ huy Pháp nhận được báo cáo của phòng nhì (quân báo) là đêm qua tướng Giáp đã ra lệnh cho các đại đoàn 308, 312, 351 tiến quân lên miền Tây Bắc (sự thật không đúng như vậy). Trước đó, Đại đoàn 304 (thiếu một trung đoàn) cũng đã rời khỏi vùng tự do Thanh Hóa. Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304 đã tiến vào chuẩn bị phối hợp cùng Đại đoàn 325 hoạt động ở miền Trung Đông Dương. Những tin này đã buộc Na-va và các tướng lĩnh dưới quyền của ông ta phải tìm cách đối phó.

Do lo ngại về những trận đánh lớn có thể diễn ra ở vùng rừng núi Tây Bắc, tướng Cônhi đề nghị một phương án phân tán chủ lực ta bằng các cuộc hành quân tập kích chớp nhoáng đánh lên Phú Thọ, Yên Bái hoặc Thái Nguyên để giữ chủ lực của ta lại. Nhưng đề nghị đó của Cônhi không được chấp nhận vì Na-va không tin rằng đối phương lại có thể khắc phục khó khăn bảo đảm tiếp tế được cho bốn đại đoàn chủ lực tác chiến dài ngày ở xa hậu phương như vậy.

Na-va vẫn yên tâm khẳng định rằng chủ lực ta lúc này thực tế vẫn chưa có khả năng đánh diệt các tập đoàn cứ điểm như kiểu Nà Sản và việc chiếm đóng Điện Biên Phủ, tổ chức xây dựng ở đó một tập đoàn cứ điểm mạnh là hoàn toàn chính xác. Còn nếu chủ lực đối phương dám liều lĩnh kéo lên đây, thì quân viễn chinh Pháp cần tương kế, tựu kế biến Điện Biên Phủ thành một pháo đài vững chắc, vừa là một cái chốt, vừa là “một cái bẫy hay một cái máy nghiền, sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương, đồng thời lại vẫn bảo vệ được nước Lào”, ngăn chặn được các cuộc tiến công lớn của chủ lực đối phương vào cái “đồng bằng có ích”. Sau khi đã cùng tướng Cônhi đáp máy bay lên Điện Biên Phủ xem xét tại chỗ và cho thẩm tra lại một cách khá kỹ càng những tin tức tình báo về các hướng tiến công của chủ lực đối phương trong đông xuân này, Na-va quyết định chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ. Trong bản chỉ thị gửi Cônhi ngày 3-12-1953, Na-va giao nhiệm vụ cho bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ phải bảo vệ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào và đưa thêm lực lượng lên tăng cường phòng ngự, xây dựng Điện Biên Phủ thành một pháo đài bất khả xâm phạm, một cứ điểm mạnh hơn cả Nà Sản. Cụ thể cần thả dù thêm ba tiểu đoàn cơ động ứng chiến, đưa lực lượng phòng giữ Điện Biên Phủ từ sáu tiểu đoàn lên chín tiểu đoàn bộ binh và khoảng ba tiểu đoàn pháo. Đối với các đơn vị đồn trú ở Lai Châu thì có thể duy trì nếu điều kiện cho phép, hoặc có thể co về tăng cường cho Điện Biên Phủ.

Ngày 5-12-1953, các đơn vị nhảy dù xuống Điện Biên Phủ được chuyển thành binh đoàn tác chiến Tây Bắc, gọi tắt là GONO (Groupement Opérationnel du Nord Ouest). Vài ngày sau đó, chỉ thị tăng cường thêm ba tiểu đoàn cho Điện Biên Phủ của Na-va cũng đã được thực hiện.

Khi chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ, tướng Na-va vẫn không hề nghĩ rằng nó lại có thể trở thành đòn quyết định nhất của toàn bộ chiến cuộc 1953-1954. Trung thành với những tư duy chiến lược của mình được thể hiện ở bản “kế hoạch Na-va”,

trong một bức thư mật gửi chính phủ Pháp ngày 7-12-1953, Na-va khẳng định rằng trong chiến cuộc này, ông ta vẫn tập trung sự nỗ lực chiến lược chủ yếu vào miền Trung Việt Nam. Bằng một cuộc hành quân quy mô lớn mang tên Át-lăng, ông ta sẽ chiếm đóng vùng tự do Liên khu 5 và toàn bộ các hoạt động quân sự của phía Pháp trong sáu tháng đầu năm 1954 sẽ phải phụ thuộc vào cuộc hành quân quan trọng đó. Nếu cuộc hành quân Át-lăng thành công thì dù có bị thất bại ở nơi khác, triển vọng chung của cuộc chiến tranh đối với phía Pháp vẫn đáng được coi là tốt đẹp.

Về phía ta, trung tuần tháng 11 năm 1953, sau khi đã hạ lệnh hành quân cho Đại đoàn 316, đơn vị có vinh dự được đi tiên phong trong cuộc tiến quân lên miền Tây Bắc và nhắc nhở các đơn vị khác chuẩn bị sẵn sàng cơ động, ngày 19-11-1953 tại một vùng rừng núi Thái Nguyên thuộc căn cứ địa Việt Bắc, Bộ Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam mở hội nghị cán bộ phổ biến nhiệm vụ quân sự và kế hoạch Đông Xuân 1953-1954. Hội nghị kéo dài trong 5 ngày từ 19 đến 23 tháng 11 năm 1953. Tham gia hội nghị có các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Trần Đăng Ninh, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái cùng đông đảo cán bộ chủ trì các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh, cán bộ chỉ huy các chiến trường từ Liên khu 5 trở ra và cán bộ chỉ huy các đại đoàn chủ lực 308, 304, 312, 316, 320, 325, 351. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ trì hội nghị. Hội nghị đã nghe Đại tướng Tổng Tư lệnh thay mặt Tổng Quân ủy phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị và kế hoạch tác chiến của ta trong chiến cuộc Đông Xuân. Các đại biểu về dự hội nghị tích cực tham gia thảo luận từ chủ trương, phương hướng chỉ đạo tác chiến tới nhiệm vụ và những yêu cầu cụ thể của từng hướng chiến trường.

Hội nghị họp đến ngày thứ hai thì địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Ngay tối hôm ấy Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã kịp thời họp bàn để xem xét, đánh giá tình hình. Nhận định và kết luận bước đầu của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh là:

“... Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dầu ta không phán đoán được cụ thể về địa điểm và thời gian, nhưng cũng nằm trong phạm vi phán đoán trước của ta là nếu Tây Bắc bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng đó. Như vậy là trước sự uy hiếp của ta, địch đã phải bị động đối phó, phân tán một bộ phận cơ động lên Điện Biên Phủ để yểm hộ cho Tây Bắc, để che chở cho Thượng Lào, để phá kế hoạch tiến công của ta.

Rồi đây tình hình địch có thể biến hóa thế nào nữa?

- Chúng có thể vừa giữ Điện Biên Phủ, vừa giữ Lai Châu, một nơi chính, một nơi phụ, có thể lấy Điện Biên Phủ làm chính.

- Nếu bị ta uy hiếp, chúng có thể co về một nơi và tăng viện thêm một chừng nào; cũng chả nhất định có về nơi nào, nhưng khả năng có về Điện Biên nhiều hơn.

- Nếu bị ta uy hiếp mạnh hơn, chúng có thể tăng viện nhiều và biến thành một tập đoàn cứ điểm (trong trường hợp này chúng có thể lấy Điện Biên làm nơi thiết lập trận địa), nhưng chúng cũng có thể rút.

Hiện nay ta chưa thể quyết đoán địch sẽ đóng hay rút, sẽ đóng một nơi hay hai nơi, sẽ đóng lâu dài hay trong thời gian ngắn, sẽ tăng viện nhiều hay ít, v.v... Một là vì ta chưa có đủ căn cứ cụ thể để phán đoán âm mưu địch, hai là vì địch cũng có nhiều khó khăn, rút thì mất đất, tăng nhiều thì phân tán quân cơ động và có thể bị tiêu diệt nên chưa nhất định đã có chủ trương dứt khoát, hoặc hiện có chủ trương nhưng khi gặp khó khăn do sự đối phó của ta gây nên cũng có thể thay đổi.

Vô luận rồi đây địch thay đổi thế nào, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản là có lợi cho ta. Vì thế cần phải tìm cách kéo thêm chủ lực của chúng lên Điện Biên Phủ và giữ chúng lại đó”. (*Báo cáo kết luận* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong “Hội nghị cán bộ chiến dịch Đông Xuân” ngày 23-11-1953. Trích trong tập Báo

cáo kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn, tập 3 (chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ tổng tham mưu xuất bản, năm 1963, trang 15-16).

Từ những nhận định và kết luận trên, Bộ Tổng tư lệnh quyết định Đại đoàn 316 vẫn gấp rút tiến lên đánh địch ở Lai Châu và điều thêm Đại đoàn 308 lên để vây địch ở Điện Biên Phủ. Ở Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, các đại đoàn 312, 351 và cả Đại đoàn 304 (thiếu) được lệnh phải tuyệt đối giữ bí mật và sẵn sàng đánh trả địch nếu chúng liều lĩnh tiến công lên vùng căn cứ địa của ta.

Ngày 23-11-1953 Hội nghị phổ biến kế hoạch Đông Xuân kết thúc, cán bộ chỉ huy các đơn vị, các chiến trường nhanh chóng trở về tổ chức, lãnh đạo bộ đội thực hiện nhiệm vụ được cấp trên giao cho. Theo sự hướng dẫn của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ tổng tham mưu vừa theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch đã được xác định, đồng thời vừa khẩn trương nghiên cứu, xây dựng phương án đánh địch ở Lai Châu và Điện Biên Phủ. Đầu tháng 12 năm 1953, khi Na-va quyết định tiếp nhận cuộc giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ và quyết giữ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào, thì phương án tiến công Điện Biên Phủ của ta về cơ bản đã được dự thảo xong.

Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị họp nghe Tổng Quân ủy báo cáo quyết tâm tiến công Điện Biên Phủ.

Về tình hình địch và phương hướng chiến dịch, phương án tác chiến của Tổng Quân ủy ghi rõ: “Tuy hiện nay chưa thể khẳng định nhưng muốn bảo đảm thực hiện được quyết tâm của Trung ương là tiêu diệt địch và giải phóng vùng Lai Châu - Phong Xa Lỳ cho đến Luông Phra Băng trong Đông Xuân thì phải nhằm trường hợp địch tăng cường thành lập tập đoàn cứ điểm mà chuẩn bị.

Trong trường hợp này, trận Điện Biên Phủ sẽ là một trận công kiên lớn nhất từ trước tới nay. Vì vậy, sự chuẩn bị có nhiều khó khăn,

cần ráo riết tập trung lực lượng mới làm kịp, nhưng nếu kiên quyết khắc phục khó khăn, hoàn thành được chiến dịch thì thắng lợi này sẽ là một thắng lợi rất lớn”. (Báo cáo của Tổng Quân ủy trình Bộ Chính trị ngày 6-12-1953).

Về binh lực và thời gian tác chiến, phải sử dụng chín trung đoàn bộ binh và toàn bộ pháo binh, công binh, phòng không và một bộ phận pháo cao xạ, tổng số là 35.000 người. Nếu tính cả Bộ chỉ huy chiến dịch khoảng 1.850 người và 4.000 tân binh bổ sung sẽ đưa lên làm hai đợt thì quân số phải cung cấp cho hỏa tuyến sẽ tăng lên 40.850 người, chưa kể dân công.

Ở trung tuyến (từ Sơn La trở về) quân số bộ đội phải bố trí để bảo vệ tuyến cung cấp có 1.720 người. Quân số tổng quát của chiến dịch là 42.750. Thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ 45 ngày, nhưng còn tùy tình hình thay đổi, cũng có thể rút ngắn hơn.

Về nhu cầu nhân lực, vật lực: số nhân công phải huy động từ trung tuyến trở lên cần khoảng chừng 14.500 người, gồm cả dân công theo đơn vị, vận tải xe đạp và khuân vác, chưa kể số dân công của Hội đồng cung cấp mặt trận.

Thời gian phục vụ mặt trận, việc huy động gạo, thực phẩm, đạn dược... cũng được tính toán cụ thể. Về tình hình đường sá và kế hoạch vận chuyển cũng được chuẩn bị chi tiết, cụ thể và chu đáo.

Tổng Quân ủy kiến nghị: Muốn bảo đảm sự thực hiện quyết tâm của Trung ương là giải phóng Lai Châu - Phong Xa Lỳ, vấn đề mấu chốt hiện nay trong công tác chuẩn bị là phải bảo đảm đường sá. Cần phải tập trung khả năng và có kế hoạch cụ thể để tích cực giải quyết ngay từ bây giờ, chậm lắm là đến cuối tháng Giêng năm 1954, cần phải bảo đảm cho xe kéo pháo chạy được.

Sau khi nghe báo cáo quyết tâm của Tổng Quân ủy, Bộ Chính trị phân tích và kết luận: Về địch, Điện Biên Phủ sẽ là một tập đoàn cứ điểm mạnh, nhưng chúng cũng có cái yếu cơ bản là bị cô lập,

mọi việc tiếp viện, tiếp tế đều phải dựa vào đường không. Về ta, với chất lượng đã được nâng cao thêm một bước trong chỉnh huấn, chỉnh quân, với kinh nghiệm sẵn có và sự tiến bộ về trang bị kỹ thuật, quân đội ta tới đây đã có thể đánh được tập đoàn cứ điểm. Vấn đề đường sá tiếp tế cho chiến dịch đúng là một khó khăn rất lớn. Nhưng với quyết tâm của toàn Đảng, cả hậu phương đang chuyển động trong cải cách ruộng đất sẽ tập trung toàn lực chi viện cho tiền tuyến và nhất định bảo đảm cung cấp cho chiến dịch.

Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất trí thông qua phương án tác chiến của Tổng Quân ủy.

Trong khi cơ quan tham mưu chiến lược của ta đang tập trung xây dựng phương án tiến công địch thì cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 316 và Đại đoàn 308 vẫn đang gấp rút tiến lên thực hiện nhiệm vụ đánh địch ở Lai Châu, vây địch ở Điện Biên Phủ.

Đêm 7-12-1953, đại đoàn bộ Đại đoàn 316 và Trung đoàn 174 hành quân tới ngã ba Tuần Giáo, còn trung đoàn 98 mới hành quân tới bên kia đèo Pha Đin. Một ngày trước đó, lo sợ bị ta chia cắt lực lượng, Cônhi vội vã ra lệnh cho quân lính rút toàn bộ lực lượng khỏi Lai Châu, tập trung về phòng ngự Điện Biên Phủ. Kế hoạch tháo chạy khỏi Lai Châu được Cônhi đặt tên là cuộc hành quân Pôn-luých, một bộ phận được chuyên chở bằng máy bay, số còn lại rút theo đường bộ và ngày 18-12-1953 sẽ rút xong. Việc rút quân khỏi Lai Châu tuy cũng được cả Na-va và Cônhi tính đến từ trước, nhưng do sự xuất hiện nhanh chóng của Đại đoàn 316 trên vùng rừng núi Tây Bắc, làm cho quyết định của Cônhi “được đưa ra đột ngột đến nỗi binh đoàn biệt kích hỗn hợp không vận không có đủ thời gian để tập hợp 25 đại đội phụ lực người Thái đang được bố trí rải rác trong rừng rậm. Binh đoàn này chỉ có thể báo tin cho họ qua vô tuyến điện là phải chạy về Điện Biên Phủ một cách nhanh nhất”. Và để tới đích chúng sẽ phải vượt qua đoạn đường khoảng 100 kilômét và chắc chắn là sẽ rất nguy hiểm.

Được tin địch rút, ngay trong đêm mùng 7 tháng 12, sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh lập tức chỉ thị cho Đại đoàn 316 nhanh chóng cho một bộ phận theo đường số 41 đánh thẳng vào thị xã Lai Châu, còn đại bộ phận lực lượng phải tập trung cắt đứt cho bằng được đường Lai Châu - Điện Biên Phủ để chặn đánh, tiêu diệt bọn địch đang rút chạy bằng đường bộ. Đồng thời Bộ cũng đôn đốc Đại đoàn 308 khẩn trương tiến lên bao vây địch ở Điện Biên Phủ.

Căn cứ vào nhiệm vụ trên giao và tình hình cụ thể của đơn vị, đồng chí Lê Quảng Ba, đại đoàn trưởng và đồng chí Chu Huy Mân, chính ủy Đại đoàn 316 quyết định sử dụng Tiểu đoàn 439 dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Phạm Quang Vinh, phó chính ủy Trung đoàn 98 tiến đánh Lai Châu. Đại đoàn bộ cùng với trung đoàn 174, Tiểu đoàn 215 và trung đoàn bộ Trung đoàn 98 tiếp tục hành quân theo đường Tuần Giáo - Điện Biên, đến Nà Tấu sẽ xuyên rừng vượt đèo Pa Thông, cắt đường Lai Châu - Điện Biên Phủ ở quãng Pu San - Mường Pồn. Còn Tiểu đoàn 938, Trung đoàn 98 tạm dừng lại làm nhiệm vụ bảo vệ Tuần Giáo đề phòng địch nhảy dù tập kích vào phía sau, phá hậu phương trực tiếp của chiến dịch.

Tuy đã 20 đêm liên hành quân nhưng toàn đại đoàn vẫn náo nức bắt tay ngay vào cuộc đuổi đánh địch.

Trên đường tiến quân vào thị xã Lai Châu, đêm 9-12-1953 Tiểu đoàn 439 được sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh dùng xe chở gạo để chở bộ đội đến Nậm Mực (cách Tuần Giáo 45 kilômét). Vì đoạn đường tiếp sau quá xấu, ô tô không thể đi được, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 439 lại xuống xe tiếp tục hành quân bộ. Tối mùng 10, đơn vị tiến đến Pa Ham (cách thị xã Lai Châu 32 kilômét). Pa Ham có một đồn nhỏ của địch, nhưng khi nghe tin chủ lực của ta đang tiến đánh Lai Châu, địch vội vàng rút một số vị trí lẻ cò cụm về đây, nên quân số trong đồn đã tăng lên tới ba đại đội.

22 giờ, tiểu đoàn 439 nổ súng tiến công Pa Ham. Sau nửa giờ cầm cự, binh lính địch bỏ đồn tháo chạy. Tiểu đoàn 439 phát triển

tiếp lên đánh chiếm đèo Cờ-la-vô. Đèo này nằm cách thị xã Lai Châu 14 kilômét, địa thế rất hiểm trở. Bình thường chỉ cần một đại đội chốt giữ thì hàng trung đoàn cũng khó vượt qua được. Nhưng hoảng sợ trước thế mạnh của ta, nên khi cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 439 vừa xuất hiện địch đã vội vã tháo chạy.

24 giờ ngày 11-12-1953, tiểu đoàn 439 đến sát thị xã Lai Châu. Được đồng bào địa phương hướng dẫn, bộ đội ta vượt qua cầu sắt liên tiếp đánh bật địch ra khỏi các vị trí, hoàn thành việc giải phóng thị xã Lai Châu vào chiều ngày 12 tháng 12.

Trong khi tiểu đoàn 439 tiến đánh Lai Châu thì bộ phận lực lượng chủ yếu của Đại đoàn 316 sau bốn ngày hành quân gian khổ đã từ Tuần Giáo tới đường Điện Biên Phủ - Lai Châu. Trung đoàn 174 bố trí ở khu vực Mường Muôn, Mường Pồn, đón đánh quân địch từ Lai Châu chạy về. Trung đoàn 98 tiến xuống Pu San chặn đánh bọn địch từ Điện Biên Phủ kéo ra. Tiểu đoàn 888 Trung đoàn 176, theo nhiệm vụ đã được giao từ trước, tiếp tục hoạt động bám địch ở phía Him Lam - Bản Tấu.

Sáng ngày 12, đại đội 674 tiểu đoàn 251 dẫn đầu đội hình Trung đoàn 174 tiến xuống Mường Pồn. Phát hiện trong bản có nhiều địch từ Lai Châu chạy về đang tạm dừng ở đó, Đại đội 674 tổ chức bao vây. Bọn địch có máy bay từ Điện Biên Phủ lên bắn phá yểm hộ, ráo riết phản kích phá vây. Mặc dù lực lượng ít, lại ở vào một địa thế không có lợi phải từ dưới thấp đánh lên điểm cao, nhưng với quyết tâm chặn bằng được quân địch tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng tiếp sau kịp tiến lên tiêu diệt chúng, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 674 chiến đấu dũng cảm đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Chiến sĩ liên lạc Bế Văn Đàn mang lệnh đến cho tiểu đội Chu Văn Pù giữa lúc cả tiểu đội chỉ còn bốn người đang phải chặn đánh một cánh quân địch đông gấp nhiều lần. Địch từ trên cao tràn xuống. Chu Văn Pù có khẩu trung liên trong tay nhưng không tìm được chỗ đặt súng để bắn ngược lên. Bế Văn Đàn lao tới nhắc hai chân súng đặt trên vai

mình và giục đồng đội bắn... Người chiến sĩ dũng cảm đó hy sinh, nhưng đợt phản kích của địch đã bị chặn đứng.

Trong cả ngày 12, lực lượng địch tạm dừng ở Mường Pồn vẫn bị Đại đội 674 vây chặt. Táng sáng ngày 13, có Đại đội 317 kịp đến tiếp sức, bộ đội ta đã hoàn toàn làm chủ Mường Pồn, loại khỏi vòng chiến đấu hai đại đội thuộc Tiểu đoàn nguy số 301 và một đại đội vận tải, diệt tại chỗ 95 tên, bắt sống 52 tên khác, thu nhiều vũ khí và lừa ngựa.

Cũng trong những ngày này, hai tiểu đoàn địch (tiểu đoàn dù lê - dương số 1 và tiểu đoàn dù nguy số 5) từ Điện Biên Phủ kéo ra đón cánh quân ở Lai Châu rút về đã bị tiểu đoàn 888 chặn đánh ở Bản Tấu, loại khỏi vòng chiến đấu gần một trăm tên. Trưa ngày 13, các lực lượng còn lại của hai tiểu đoàn này mò ra được tới Pu San (đông nam Mường Pồn bốn kilômét). Tại đây, sau nhiều lần tổ chức xung phong đánh chiếm điểm cao 1.168 (một điểm cao không chế rất lợi hại đang được các chiến sĩ tiểu đoàn 215 và đại đội phòng không 677 chốt giữ) không thành công, hai tiểu đoàn dù này vội vã rời Pu San, tháo chạy trở về Điện Biên Phủ. Trong những ngày sau đó, mặc dù máy bay địch đã gọi nhiều bom đạn để chặn bước tiến của các chiến sĩ Đại đoàn 316, nhưng cũng không cứu nổi các cánh quân của chúng đang bị đánh tan tác trong rừng.

Qua 12 ngày đêm liên tục chiến đấu, truy kích, bao vây, tập kích trên núi rừng Tây Bắc hiểm trở, Đại đoàn 316 đã tiêu diệt và bức hàng 24 đại đội địch, giải phóng toàn bộ khu vực Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ từ phía bắc. Thắng lợi củ chiến dịch giải phóng Lai Châu là kết quả mở đầu xuất sắc của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân.

Mặc dù đã bị thất bại nặng ở Lai Châu và biết rằng một số đơn vị của ta đang tiếp tục tiến lên Tây Bắc, tướng Na-va vẫn chưa thấy được mối nguy hiểm sắp đến đối với Điện Biên Phủ. Ông ta vẫn đặt

nhiều kỳ vọng vào “cái bẫy”, “cái máy nghiền” sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương và quyết tâm giữ nó bằng bất cứ giá nào. Ngày 22-12-1953, một lần nữa Na-va lại quyết tâm tăng cường thêm cho Điện Biên Phủ ba tiểu đoàn bộ binh và một đại đội xe tăng nhẹ, đưa lực lượng của binh đoàn tác chiến Tây Bắc (GONO) lên 12 tiểu đoàn và bảy đại đội bộ binh lẻ, hai tiểu đoàn và ba đại đội pháo, một đại đội xe tăng nhẹ, một đại đội vận tải với tổng quân số là 12.000 người.

Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ đã trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của địch trên toàn chiến trường Đông Dương. Tuy vẫn quyết tâm giữ Điện Biên Phủ đến cùng, nhưng để đề phòng những trường hợp bất trắc, Na-va đã chỉ thị cho Cônhi và Cre-vơ Cơ bí mật chuẩn bị một kế hoạch rút lui khỏi Điện Biên Phủ. Ngày 23-12-1953, binh đoàn tác chiến Tây Bắc (GONO) cho một cánh quân vượt biên giới, sang bắt liên lạc với quân của Cre-vơ Cơ ở Xốp Nao (Thượng Lào) rồi rút ngay về Điện Biên Phủ. Nhưng bốn ngày sau đó, khi Trung đoàn 36 Đại đoàn 308 đã cơ động lên chốt ở Pom Lót, hình thành thế bao vây địch ở phía nam thì tuyến giao thông đường bộ nối giữa Điện Biên Phủ và Thượng Lào cuối cùng đã bị cắt đứt.

Như vậy, từ khi “kế hoạch Na-va” hình thành đến khi *Điện Biên Phủ được cả ta và quân Pháp chọn làm điểm quyết chiến chiến lược*, là cả một quá trình diễn ra cuộc đấu trí, đấu lực, khi công khai, khi thâm lặng giữa hai bộ thống soái. Na-va và nhiều tướng lĩnh Pháp, Mỹ và phương Tây đã từng giải thích vì sao bộ thống soái quân viễn chinh chọn Điện Biên Phủ để xây dựng tập đoàn cứ điểm, chấp nhận giao chiến với chủ lực ta. Họ nêu nhiều nguyên nhân, nhưng như trên đã trình bày, nổi bật lên là xuất phát từ vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ; yêu cầu chiến lược về chính trị “bảo vệ Thượng Lào”; từ “con chuột biển” đến “con nhím” khổng lồ; quyết tâm sắt đá của Na-va dù cấp dưới không đồng tình, dù Pa-ri có can ngăn... Nhưng rồi cũng đến lúc thần kinh của viên tướng này cũng dao động.

Từ cuối tháng 12 năm 1953, Na-va đã ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan. Mọi dự kiến đã bị đảo lộn hết. Quân Pháp đành phải phó mặc cho số phận: phải đánh với phương tiện của bản thân tập đoàn cứ điểm là chủ yếu.

B. DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (ĐIỆN BIÊN PHỦ - ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ)

Thực hiện kế hoạch tác chiến trong Đông Xuân 1953 - 1954, ngày 15 tháng 11 năm 1953, Đại đoàn 316 hành quân lên Tây Bắc, mở cuộc tiến công giải phóng Lai Châu. Phát hiện sự di chuyển của chủ lực ta lên hướng tây bắc, ngày 20 tháng 11, Na-va vội vã mở cuộc hành binh Ca-xto, đồ sáu tiểu đoàn Âu - Phi tinh nhuệ đánh chiếm Điện Biên Phủ, một địa bàn chiến lược quan trọng để giữ vững Lai Châu và bảo vệ Thượng Lào.

Ta kiên trì kế hoạch tiến công giải phóng Lai Châu, đồng thời tăng cường Đại đoàn 308 lên vây địch ở Điện Biên Phủ.

Ngày 3 tháng 12 năm 1953, Na-va quyết định bỏ Lai Châu, co lực lượng về Điện Biên Phủ, đồng thời gấp rút tăng cường lực lượng, phương tiện chiến tranh xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh, gọi là “Bình đoàn tác chiến Tây Bắc”. Đến ngày 15 tháng 12 năm 1953, quân địch ở Điện Biên Phủ đã lên đến 12 tiểu đoàn. Chúng hy vọng Điện Biên Phủ vừa là một cái chốt, vừa là một cái bẫy sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương.

Khi Na-va chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ và quyết giữ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào, thì phương án tiến công Điện Biên Phủ của ta cũng cơ bản được dự thảo xong. Đầu tháng 1 năm 1954, Bộ Chính trị họp tại bản Tỉn Keo, xã Diêm Mạc, huyện Định Hóa, Thái Nguyên nghe Tổng Quân ủy báo cáo và chính thức hạ quyết tâm: “Tập trung đại bộ phận chủ lực thiện chiến của ta lên mặt trận Điện Biên Phủ mở chiến dịch tiến công tiêu diệt những lực lượng tinh nhuệ nhất của địch trong tập đoàn cứ điểm mạnh nhất

của chúng trên chiến trường Đông Dương này”. Tại cuộc họp, Bộ Chính trị đã cử Bộ chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ gồm: Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận; Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng; Lê Liêm, Chủ nhiệm chính trị; Đặng Kim Giang, Chủ nhiệm cung cấp.

Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương. Tổng quân ủy phân công đồng chí Trần Đăng Ninh, phụ trách toàn bộ vấn đề đường sá, tiếp tế, cung cấp của Mặt trận Điện Biên Phủ. Các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng ở tại Tổng hành dinh chỉ đạo hậu phương và các mặt trận phối hợp trên toàn quốc.

Ngày 22-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cờ *Quyết chiến quyết thắng* cho quân đội, động viên các đơn vị giết giặc lập công. Nhân dân các vùng tự do, vùng Tây Bắc mới giải phóng, vùng sau lưng địch đồng bằng Bắc Bộ thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dồn sức người, sức của cho chiến dịch.

Ngày 5 tháng 1 năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng với sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh lên đường ra mặt trận Điện Biên Phủ.

Điện Biên Phủ có một vị trí chiến lược rất quan trọng như phần trước đã trình bày. Xung quanh thung lũng Điện Biên Phủ là một vùng rừng núi điệp trùng bao bọc. Núi có độ cao trung bình 500m, có mỏm đột xuất cao tới 1.461m. Thung lũng Điện Biên là cánh đồng bằng phẳng, đồng ruộng khô ráo, thỉnh thoảng nổi lên những đồi cao hơn mặt ruộng tám đến 20 mét, cá biệt có đồi cao tới 250m. Trong thung lũng có sông Nậm Rốm chảy theo hướng bắc nam đổ xuống sông Nậm Hu và có sân bay Mường Thanh được xây dựng từ năm 1889.

Thời tiết Điện Biên Phủ chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9. Vào mùa khô sương mù dày đặc từ 15 giờ ngày hôm trước đến tận 9 giờ ngày hôm sau. Mùa mưa, mưa kéo dài, nhiều lũ, độ ẩm lớn nên việc cơ động trong rừng vô cùng khó khăn.

Dân số Điện Biên Phủ có hơn hai vạn người, gồm 11 dân tộc khác nhau, đời sống nhân dân trong vùng còn rất khó khăn.

Về địch, đến khi ta nổ súng tiến công, chúng đã có gần bốn tháng để xây dựng và củng cố hệ thống phòng ngự ở Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương lúc bấy giờ. Lực lượng phòng ngự ở đây có 12 tiểu đoàn và bảy đại đội bộ binh, hai tiểu đoàn lựu pháo 105mm (24 khẩu), hai tiểu đoàn súng cối 120mm (20 khẩu), một đại đội trọng pháo 155mm (4 khẩu), một tiểu đoàn công binh, một đại đội xe tăng (10 chiếc), một đại đội xe vận tải (khoảng 200 xe ô tô) và một phi đội máy bay thường trực (14 chiếc). Tổng số quân lúc đầu lên tới 11.800 tên, chủ yếu là lính dù và Âu - Phi tinh nhuệ, đặt dưới quyền chỉ huy của đại tá Đờ Cát-xơ-ri.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có 49 cứ điểm, mỗi cứ điểm đều có hệ thống công sự, hàng rào vật cản hỏa lực để độc lập chiến đấu, đồng thời những cứ điểm gần nhau lại được tổ chức lại thành cụm cứ điểm (trung tâm đề kháng). Tập đoàn cứ điểm có tám trung tâm đề kháng (mỗi trung tâm mang tên một thiếu nữ Pháp) và được chia thành ba phân khu:

Phân khu trung tâm (trận địa trung tâm) là phân khu quan trọng nhất, nằm ở ngay giữa Mường Thanh, có năm tiểu đoàn chiếm đóng, ba tiểu đoàn cơ động (tức gần 2 phần 3 lực lượng của địch ở Điện Biên Phủ). Phân khu trung tâm được tổ chức thành năm trung tâm đề kháng bao bọc lấy cơ quan chỉ huy của tập đoàn. Các trung tâm đề kháng đó là: Trung tâm đề kháng đồi D (Đô-mi-nich), phòng ngự ở hướng đông bắc, gồm các cứ điểm D1, D2, E1, D3, 203, 204,

507, 508 do tiểu đoàn 3 An-giê-ri (3/3 RTA) chiếm giữ; trung tâm đề kháng đồi A (E-li-an), phòng ngự hướng đông và đông nam, là khu vực phòng ngự then chốt của trận địa trung tâm, gồm các cứ điểm C1, C2, A1, A3, 512, 506, 511 do tiểu đoàn 1 Ma-rốc (1/4 RTM) và tiểu đoàn 2 ngự Thái (2e BAT) chiếm giữ; trung tâm đề kháng nam sân bay Mường Thanh (Clô-đin), phòng ngự hướng tây nam gồm các cứ điểm 309, 310, 311B, 305, 322, 603, 604, 607 do Tiểu đoàn 1 lê dương (1/13 DBLE) chiếm giữ; trung tâm đề kháng tây sân bay (Huy-ghét) trực tiếp bảo vệ sân bay, gồm các cứ điểm 311, 311A, 206, 209, 307, do Tiểu đoàn 1 lê dương (1/2 REI) chiếm giữ. Trung tâm đề kháng Him Lam (Bê-a-tơ-ri-xơ) là vị trí phòng ngự đột xuất ở đông bắc cách Mường Thanh 2.500 mét, gồm các cứ điểm 101A, 101B, 102 do tiểu đoàn 3 lê dương (3/13 DBLE) chiếm giữ. Khu vực phía đông của phân khu trung tâm có các điểm cao có giá trị, địch đã xây dựng thành các cứ điểm rất lợi hại, đặc biệt là các ngọn đồi A1, C1, D1, E1...

Phân khu bắc gồm hai trung tâm đề kháng: Trung tâm đồi Độc Lập (Ga-bri-en) do Tiểu đoàn 5 An-giê-ri (5/7 RTA) chiếm đóng, trung tâm Bản Kéo - Căng Na (An-nơ Ma-ri) phòng ngự ở hướng bắc, gồm các cứ điểm 104A, 104B, 105, 106 do tiểu đoàn ngự Thái số 3 (3e BAT) chiếm giữ.

Phân khu nam còn có tên gọi là Hồng Cúm (I đa-ben) có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta tiến công từ phía nam lên. Phân khu này do binh đoàn cơ động số 6 chiếm giữ. Lực lượng cụ thể gồm tiểu đoàn lê dương số 3 (3/3 REI), Tiểu đoàn An-giê-ri số 2 (2/1 RTA) một đại đội pháo 105mm và một trung đội xe tăng có ba chiếc.

Trung tâm đề kháng Him Lam (Bê-a-tơ-ri-xơ) tuy thuộc phân khu trung tâm, nhưng cùng với các trung tâm đề kháng đồi Độc Lập và Bản Kéo của phân khu bắc tạo thành trận địa phòng ngự tiền duyên án ngữ phía bắc, ngăn chặn sự tiến công của ta từ hướng bắc và đông bắc.

Pháo binh của tập đoàn cứ điểm được chia thành hai căn cứ: căn cứ Mường Thanh có một đại đội pháo 155mm (bốn khẩu), một tiểu đoàn pháo 105mm (12 khẩu) và hai đại đội cối 102mm (16 khẩu), căn cứ Hồng Cúm có một tiểu đoàn pháo 105mm.

Đại đội xe tăng có 10 xe hạng nhẹ: bảy chiếc ở trận địa trung tâm, ba chiếc ở phân khu nam.

Với lực lượng đông, hỏa lực mạnh, hệ thống công sự vật cản được xây dựng vững chắc, hoàn chỉnh và tận dụng được thế lợi của địa hình, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thực sự là một hệ thống phòng ngự mạnh chưa từng có ở Đông Dương lúc bấy giờ. Bộ chỉ huy Pháp coi Điện Biên Phủ là một “pháo đài không thể công phá” và tin chắc “sẽ gây cho Việt Minh một thất bại nghiêm trọng” ở đây.

Về phía ta lực lượng tham gia chiến dịch lúc đầu gồm các đại đoàn bộ binh: Đại đoàn 308 (có Trung đoàn 102, 88, 36), Đại đoàn 312 (có Trung đoàn 141, 209, 165), Đại đoàn 316 (có Trung đoàn 174, 98, một tiểu đoàn của Trung đoàn 176); và Trung đoàn 57 thuộc Đại đoàn 304. Hỏa lực có Đại đoàn công pháo 351 gồm: trung đoàn pháo binh 45 (có hai tiểu đoàn pháo 105mm: 4 khẩu); trung đoàn sơn pháo 675 (có năm đại đội sơn pháo 75mm: 15 khẩu); trung đoàn pháo cao xạ 367 có hai tiểu đoàn cao xạ 37mm (24 khẩu) và hai đại đội súng máy cao xạ 12,7mm (24 khẩu). Tổng số quân chủ lực của ta khoảng hơn 40 nghìn, nếu tính cả tuyến hai thì số quân lên tới 55 nghìn.

Lực lượng phục vụ chiến dịch cũng rất lớn: 628 ô tô vận tải, 21.000 xe đạp thồ, 261.500 dân công cùng nhiều tàu thuyền, lừa, ngựa...

Sau khi Chiến dịch Điện Biên Phủ được Bộ Chính trị phê chuẩn mang mật danh Chiến dịch Trần Đình, ngày 14 tháng 1 năm 1954, tại Thẩm Púa, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch mở hội nghị cán bộ phổ biến kế hoạch tiêu diệt tập đoàn Điện Biên Phủ theo phương châm “Đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

Ý định ban đầu của ta là “Tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực đột phá chủ yếu từ phía tây đánh thẳng vào trung tâm Mường Thanh, đồng thời từ phía đông giáp công...”, dự kiến ngày 20 tháng 1 năm 1954 sẽ nổ súng.

Trong quá trình chuẩn bị chiến dịch ta thấy địch đã ráo riết xây dựng trận địa phòng ngự vững chắc hơn, đồng thời hàng ngày sử dụng từ 50 đến 60 chuyến máy bay chở từ 150 đến 200 tấn hàng tăng cường cho việc phòng thủ Điện Biên Phủ. Mặt khác, việc làm đường và đưa pháo vào trận địa của ta gặp rất nhiều khó khăn, ta chỉ dự kiến kéo pháo trong ba đêm song thực tế phải dùng một đại đoàn bộ binh kéo pháo trong bảy đêm liền mà pháo vẫn chưa vào hết vị trí. Bộ chỉ huy chiến dịch phải lùi thời hạn nổ súng vào 16 giờ ngày 25 tháng 1 năm 1954.

Trước sự tăng cường phòng ngự của địch và những khó khăn của ta về kéo pháo, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy nếu đánh theo phương châm “đánh nhanh giải quyết nhanh” thì không đảm bảo chắc thắng. Đúng 15 giờ 45 phút ngày 25 tháng 1 năm 1954 (trước thời hạn nổ súng 15 phút), Bộ chỉ huy quyết định hạ lệnh đình chỉ cuộc tiến công, kéo pháo ra, rút bộ đội, dân công về vị trí tập kết, và tiến hành mọi công tác chuẩn bị theo phương châm “Đánh chắc, tiến chắc”, dùng cách đánh vây hãm tiến công, đột phá lần lượt để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm. Đại đoàn 308 được lệnh tiến công sang Thượng Lào nhằm giúp Bạn mở rộng vùng giải phóng và nghi binh thu hút địch, tạo điều kiện cho các đơn vị ở Điện Biên Phủ rút ra chuẩn bị tiếp.

Theo kế hoạch mới, việc chuẩn bị và thực hành chiến dịch chia làm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, chủ yếu là làm đường vận chuyển, xây dựng các trận địa pháo binh thật kiên cố, bí mật, triển khai đội hình bao vây không chế sân bay.

Giai đoạn 2: tiến hành đánh bao vây nhằm tiêu diệt các trung tâm đề kháng ngoại vi, hình thành và thắt chặt trận địa bao vây tiến công địch, thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng, tiêu hao lực lượng, không chế sân bay.

Giai đoạn 3: tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Về tác chiến, giai đoạn thực hành chiến dịch dự định chia làm hai đợt.

Đợt 1: Tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt các trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập và Bản Kéo, phá vỡ thế trận phòng ngự ở phía bắc và đông bắc của tập đoàn cứ điểm, chiếm địa hình có lợi, siết chặt trận địa bao vây tiến công.

Đợt 2: Mở các trận tiến công tiêu diệt các cụm cứ điểm trên dãy điểm cao phía đông, đồng thời ở phía bắc tiến vào chiếm lĩnh sân bay, hình thành vòng vây lửa xung quanh tập đoàn cứ điểm, thu hẹp không phận và sự tiếp viện của địch, tạo thời cơ chuyển sang tổng công kích. Sở chỉ huy chiến dịch đặt tại Mường Phăng. Thời gian nổ súng dự định vào ngày 13 tháng 3 năm 1954.

Việc chuẩn bị cho chiến dịch theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc” được tập trung triển khai từ sau Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 7 tháng 2 năm 1954. Công việc nặng nề nhất là chuẩn bị đường cơ động và xây dựng trận địa kiên cố cho pháo. Lần này ta chủ trương bố trí pháo phân tán trên các điểm cao thành một đường vòng cung bao lấy tập đoàn cứ điểm để có thể ngắm bắn trực tiếp các mục tiêu dưới lòng chảo. Qua nghiên cứu thực địa, ta tìm được sáu trận địa cho các đại đội lựu pháo 105mm. Cự ly từ các trận địa pháo đến trung tâm Mường Thanh khoảng từ sáu đến tám kilômét (tức nằm gọn trong trong tầm bắn có hiệu quả của pháo binh hạng nặng của ta). Pháo và đạn được đặt trong hầm khoét sâu vào triền núi và được ngụy trang kín đáo. Để đưa pháo lớn vào các trận địa đã lựa chọn ta phải mở năm tuyến đường cơ động với tổng chiều dài 63 kilômét.

Đường phải đủ rộng cho xe pháo đi lại được dễ dàng và phải giữ được bí mật nghiêm ngặt. Các con đường mới đều qua các sườn núi ngọn đèo và nằm trong tầm hoạt động của phi pháo địch nên công việc hết sức khó khăn. Nhiệm vụ làm đường do trung đoàn công binh 151, Đại đoàn 312 và 316 đảm nhiệm.

Cùng với việc xây dựng trận địa pháo các đại đoàn bộ binh còn tổ chức xây dựng một hệ thống công sự trận địa liên công quy mô lớn. Các sở chỉ huy, hầm thương binh, hầm nghỉ đều được cấu trúc kiên cố.

Công tác đảm bảo hậu cần cho chiến dịch¹ được Trung ương Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm. Theo tính toán, khối lượng vật chất đảm bảo cho chiến dịch đánh theo phương châm, đánh chắc, tiến chắc tăng vọt lên gấp hai, ba lần. Riêng về lương thực, tổng số gạo cần huy động không phải là trên bảy nghìn tấn như trước mà là trên 20 nghìn tấn. Trung ương Đảng và Chính phủ đã động viên toàn Đảng toàn dân tập trung toàn lực chỉ viện cho tiền tuyến, đảm bảo cho chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Hệ thống đường vận chuyển cơ giới, đường thủy và đường bộ được tổ chức chặt chẽ để đảm bảo cho chiến dịch.

Tổng cục Cung cấp tiền phương được tăng cường thêm lực lượng (tổng quân số gồm 3.168 cán bộ, chiến sĩ và hơn ba mươi nghìn dân công) để tổ chức lại một bộ máy hậu cần chiến dịch gồm sở chỉ huy hậu phương, các kho, các tuyến vận tải, các đội điều trị... Ta đã tổ

¹ Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch lớn nhất trong kháng chiến chống Pháp. Lực lượng huy động cho chiến dịch lên tới 53.830 người, cộng với 33.000 thanh niên xung phong và dân công thường xuyên phục vụ. Hậu cần chiến dịch đã đảm bảo cho bộ đội 1.200 tấn đạn, 1.783 tấn xăng dầu, 14.950 tấn gạo, 268 tấn muối, 577 tấn thịt, 565 tấn thực phẩm và 177 tấn vật chất khác, đã cứu chữa 10.130 thương binh, 4.429 bệnh binh. Để có lương lương thực, thực phẩm trên cung cấp cho chiến dịch, Hội đồng cung cấp Mặt trận đã huy động 25.056 tấn gạo và 1.824 tấn thực phẩm. Về nhân lực đã huy động 261.453 lượt người, phục vụ gần 12 triệu ngày công, 20.991 xe đạp thồ, 736 xe thô sơ khác.....

chức ba tuyến hậu cần chiến dịch¹, mỗi tuyến đều có một ban chỉ huy riêng, không những chỉ đảm nhiệm công tác vận tải quân sự mà còn làm cả nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, thống nhất chỉ huy các ngành hậu cần trên toàn tuyến.

Vào cuối thượng tuần tháng 3, sau một thời gian cố gắng liên tục, công tác chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã hoàn thành, thế trận chiến dịch đã triển khai xong, các đơn vị đã sẵn sàng nổ súng vào đúng ngày quy định. Trong thực tế, chiến dịch được tiến hành theo ba đợt:

Đợt 1 (từ 13 đến 17 tháng 3 năm 1954): Tiêu diệt hai cụm cứ điểm Him Lam, Độc Lập, bức hàng cụm cứ điểm Bản Kéo.

Nhiệm vụ của đợt tiến công thứ nhất là tiêu diệt cả ba trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập và Bản Kéo, phá vỡ thế trận phòng ngự từ tây bắc sang đông bắc tập đoàn cứ điểm, đánh chiếm các vị trí vành ngoài, tạo điều kiện để ta thắt chặt vòng vây và tiến công vào khu trung tâm.

Nhiệm vụ cụ thể các đơn vị được phân công như sau: Đại đoàn 312 (thiếu trung đoàn 165) tiến công trung tâm đề kháng Him Lam; Trung đoàn 165 Đại đoàn 312 và Trung đoàn 88 Đại đoàn 308 tiến công trung tâm đề kháng Độc Lập; Trung đoàn 36 Đại đoàn 308 tiến công trung tâm đề kháng Bản Kéo; Đại đoàn 316 (thiếu Trung đoàn 176) tổ chức nghi binh và bí mật xây dựng trận địa tiến công ở phía đông phân khu trung tâm; Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tổ chức hỏa lực kiềm chế pháo binh địch phân khu Hồng Cúm; Đại đoàn công pháo 351 bắn phá hoại công sự địch trong các trung tâm đề

¹ Ba tuyến hậu cần chiến dịch là: Tuyến Sơn La - Tuần Giáo gồm các lực lượng vận tải, kho tàng, đội điều trị 6 (sau chuyển thành bệnh viện Mặt trận Sơn La); tuyến Tuần Giáo - Km 62 đường vào Điện Biên Phủ cũng gồm các lực lượng vận tải, kho tàng đội điều trị 7 (sau chuyển thành bệnh viện Mặt trận), tuyến Hậu cần hỏa tuyến ngoài lực lượng vận tải, kho tàng còn hai đội điều trị 1 và 4.

kháng chi viện cho bộ binh tấn công, kiểm chế pháo binh địch, tập kích hỏa lực vào sân bay, sở chỉ huy, kho tàng của chúng.

Lúc đầu, ta định đồng thời đánh cả Him Lam, Độc Lập và bao vây Bán Kéo. Nhưng khi trinh sát lần cuối, phát hiện địch bố trí nhiều hỏa điểm tiền duyên ở Him Lam và Độc Lập, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tập trung pháo ngắm bắn trực tiếp đánh Him Lam trước, rồi nhanh chóng cơ động pháo sang đánh Độc Lập sau.

Trung tâm đề kháng Him Lam có năm điểm cao được tổ chức thành ba cứ điểm vững chắc do tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 (3/13 DBLE) phòng giữ. Cứ điểm 1 (102) ở phía tây, gồm hai cao điểm 515 và 507, là điểm tựa chủ yếu có sở chỉ huy tiểu đoàn. Cứ điểm 2 (101A) ở đông bắc gồm hai cao điểm 517,5 và 505. Cứ điểm 3 (101B) ở phía nam là đồi trọc, thấp hơn hẳn cứ điểm 1 và 2. Ở từng cứ điểm trận địa phòng ngự được xây dựng vững chắc, có nhiều lô cốt và chiến hào, vòng ngoài có bốn đến sáu hàng rào dây thép gai và nhiều bãi mìn rộng từ 100 đến 200m.

Xác định đây là trận then chốt mở màn chiến dịch, Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ đánh Him Lam cho Đại đoàn 312 và tăng cường cho đại đoàn hai đại đội sơn pháo 75mm (6k), hai đại đội cối 120mm (8k), hai đại đội cối 82mm (8k). Trong quá trình chiến đấu, đại đoàn còn được hai đại đội lựu pháo 105mm chi viện trực tiếp.

Theo kế hoạch, 16 giờ pháo binh sẽ bắn chuẩn bị 15 phút, sau đó chi viện trực tiếp cho Đại đoàn 312 tiến công. Phát hiện ta xây dựng trận địa tiến công, khoảng 12 giờ ngày 13, địch cho một đại đội bộ binh cùng hai xe tăng từ Mường Thanh ra đánh phá. Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho đại đội 806 (lựu pháo 105mm) bắn 20 quả vào trung tâm đề kháng Him Lam. 18 quả đạn của ta bắn trúng mục tiêu, tên thiếu tá Pê-giô tiểu đoàn trưởng cùng ba sĩ quan khác bị chết trong loạt đạn này, bọn địch đi lúng sục hoảng sợ bỏ chạy về Mường Thanh.

Đúng 17 giờ, pháo 105mm của ta bắn cấp tập, mãnh liệt vào các trận địa pháo của địch ở 307A, 307B, chân đồi A và D, sau đó chuyển sang bắn phá hoại sân bay và cứ điểm 1, cứ điểm 3. Tranh thủ thời cơ địch bị chế áp, hỏa lực các cỡ của Đại đoàn 312 vào chiếm lĩnh trận địa, tham gia bắn phá hoại, chỉ viện trực tiếp cho bộ binh chiếm lĩnh trận địa xuất phát xung phong. Kết quả hỏa lực bắn chuẩn bị rất tốt, đã làm tê liệt các trận địa pháo, sân bay, phá hủy nhiều mục tiêu, công sự trận địa hỏa lực của địch, chỉ viện có hiệu quả cho các tiểu đoàn bộ binh hoàn thành việc chiếm lĩnh trận địa tiến công.

Từ 18 giờ 30, bộ binh ta bắt đầu mở cửa trung đoàn 141 (ba tiểu đoàn) sử dụng tiểu đoàn 11 làm nhiệm vụ chủ công, tiến công trên hướng bắc tiêu diệt cứ điểm 102; Tiểu đoàn 428 làm nhiệm vụ trợ công, tiến công trên hướng đông bắc tiêu diệt cứ điểm 101A. Trung đoàn 209 sử dụng Tiểu đoàn 130 tiến công trên hướng đông nam tiêu diệt cứ điểm 101B.

Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt, nhất là trên hướng chủ yếu khi tiến công cứ điểm 102. Đây là cứ điểm gần nhất của trung tâm Him Lam, đại đoàn phải tung lực lượng dự bị (Tiểu đoàn 166 thuộc Trung đoàn 209) vào tham gia chiến đấu, đồng thời có một mũi của tiểu đoàn 128 đánh từ 101A sang phối hợp mới chiếm được cứ điểm cuối cùng này.

Khoang 23 giờ 30 phút, trận đánh kết thúc, trung tâm đề kháng Him Lam hoàn toàn bị tiêu diệt. Hơn 200 tên bị chết, 270 tên bị bắt sống, tiểu đoàn lê dương số 3 bị loại khỏi vòng chiến đấu.

Mất Him Lam, Bộ chỉ huy Pháp bàng hoàng và liên tục thúc giục Đờ Cát tung quân ra phản kích chiếm lại. Nhưng trong suốt ngày 14, Đờ Cát không có cơ hội làm điều đó vì phải lo chỉ huy cấp dưới củng cố lại trận địa và đối phó với các cuộc tập kích hỏa lực chính xác của pháo binh ta. Đặc biệt, khu vực sân bay Mường Thanh đã bị pháo binh ta khống chế chặt chẽ. Chiều ngày 14 tháng 3, địch cho tiểu đoàn dù nguy số 5 (5e BPV) nhảy dù xuống tăng viện cho Điện Biên Phủ.

Đêm 14 tháng 3, ta mở cuộc tiến công vào trung tâm để kháng đội Độc Lập, một cụm cứ điểm có chiều dài khoảng 500m, rộng 200m cách trung tâm Mường Thanh 4km về phía bắc. Đây được coi là cụm cứ điểm phòng ngự kiên cố nhất của Điện Biên Phủ, trận địa phòng ngự được xây dựng vững chắc, có hệ thống công sự phụ khá mạnh, xung quanh có nhiều lớp hàng rào vật cản nhất là ở phía bắc và phía nam. Trung tâm do tiểu đoàn 5 thuộc trung đoàn An-giê-ri thứ 7 (5/7 RTA) và một đại đội ngự Thái chiếm giữ.

Nhiệm vụ tiến công đội Độc Lập được giao cho trung đoàn 165 Đại đoàn 312 và trung đoàn 88 Đại đoàn 308, được tăng cường hai đại đội sơn pháo 75mm cùng hai đại đội cối 120mm vừa đánh Him Lam xong. Chỉ huy trận đánh là đồng chí Vương Thừa Vũ - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308.

Trung đoàn 165 đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu đột phá từ hướng đông nam vào, trung đoàn 88 đảm nhiệm hướng tiến công thứ yếu đột phá từ hướng đông bắc vào. Trận đánh dự định vào 16 giờ 45 phút ngày 14, nhưng do trời mưa, sơn pháo 75mm và cối 120mm từ Him Lam chưa sang kịp, đồng chí Chỉ huy trưởng trận đánh quyết định để lựu pháo 105mm bắn chuẩn bị vào 17 giờ theo kế hoạch, còn bộ binh chờ pháo ở Him Lam tới, chuẩn bị thật chu đáo mới nổ súng.

2 giờ sáng ngày 15, sơn pháo 75mm và cối 120mm có mặt đầy đủ và nhanh chóng bắt tay vào xây dựng trận địa bắn. Đúng 3 giờ 30 phút, đồng chí Chỉ huy trưởng hạ lệnh nổ súng tiến công đội Độc Lập. Trên hướng chủ yếu, trung đoàn 165 đột phá thuận lợi. Một mũi thọc sâu đã tạo điều kiện cho trung đoàn nhanh chóng đánh sâu vào cứ điểm, diệt khu thông tin, trận địa cối, uy hiếp sở chỉ huy. Trên hướng thứ yếu, trung đoàn 88 lúc đầu mở cửa chưa đúng hướng, phải định hướng lại do đó vào chiến đấu bên trong chậm hơn. Cuộc chiến đấu bên trong khá quyết liệt, song do tinh thần chiến đấu dũng cảm và sức tiến công áp đảo, 6 giờ 30 phút ngày 15 tháng 3 ta hoàn toàn làm chủ trung tâm để kháng đội Độc Lập, diệt 483 tên, bắt 200 tên, trong đó có hai tên tiểu đoàn trưởng.

Trong lúc trận đánh đang diễn ra trên đồi Độc Lập, địch đã điều một tiểu đoàn bộ binh cùng năm xe tăng ra tăng viện. Lực lượng này bị pháo binh của ta bắn chặn, cháy một xe tăng, thương vong một số tên, chúng phải chạy về Bản Kéo.

Hai trung tâm đề kháng Him Lam và Độc Lập thất thủ, tinh thần binh lính địch ở trung tâm đề kháng Bản Kéo suy sụp. Theo kế hoạch, trung đoàn 36 Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ triển khai tiến công tiêu diệt Bản Kéo. 15 giờ ngày 17 tháng 3, sau khi ta bắn 20 quả lựu pháo 105mm uy hiếp và tiến hành binh vận gọi hàng mặc dù bị bọn chỉ huy không chế, binh lính tiểu đoàn ngự Thái số 3 (3e BTA) đóng ở Bản Kéo đã kéo cờ trắng, chạy vào rừng đầu hàng quân ta. Trung đoàn 36 chưa cần nổ súng đã chiếm được cụm cứ điểm Bản Kéo, tiếp nhận 232 hàng binh.

Đến đây, ta kết thúc đợt một chiến dịch. Trong năm ngày với hai trận chiến đấu hiệp đồng binh chủng lớn ta đã đập tan hệ thống phòng ngự tiền tiêu của địch trên hướng bắc và đông bắc, mở thông cửa xuống vùng lòng chảo, tạo điều kiện thuận lợi để các lực lượng chiến dịch áp sát khu trung tâm. Đây là thắng lợi mở đầu rất quan trọng không chỉ về quân sự mà còn đánh mạnh vào tinh thần, tâm lý của địch, làm cho chúng vô cùng hoảng sợ, đối phó lúng túng.

Đợt 2 (từ 30 tháng 3 đến 30 tháng 4 năm 1954): Đánh chiếm các ngọn đồi phía đông và sân bay Mường Thanh, siết chặt vòng vây, tạo thế trận cho tổng công kích.

Sau khi ta chiếm được các cụm cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, cánh cửa phía bắc xuống lòng chảo đã mở thông. Nhưng phân khu trung tâm của địch vẫn còn bốn trung tâm đề kháng gồm trên 30 cứ điểm liên kết chặt chẽ với nhau nằm giữa cánh đồng bằng phẳng trên hai bờ sông Nậm Rốm. Địch ở đây tập trung khoảng một vạn quân có sở chỉ huy, các căn cứ hỏa lực, các đơn vị xe tăng và sân bay. Ngày 16 tháng 3, địch lại tăng viện cho Điện Biên Phủ tiểu đoàn 6 dù thuộc địa (6e BPC) cùng một khối lượng khá lớn vũ khí

phương tiện chiến tranh và ra sức củng cố trận địa phòng ngự ở phân khu trung tâm. Những vị trí có giá trị đặc biệt về chiến thuật ở phân khu trung tâm là các cứ điểm, các điểm cao phía đông (A1, C1, D1, và E). Đây là khu vực phòng ngự then chốt, hiểm yếu của địch, nếu chiếm được ta sẽ có lợi thế tràn xuống Mường Thanh tiến công vào trung tâm chỉ huy của tập đoàn cứ điểm.

Nhiệm vụ chủ yếu nhất của ta trong đợt 2 chiến dịch là đánh chiếm khu vực phòng ngự then chốt trên các điểm cao phía đông, mở cửa thọc sâu vào tập đoàn cứ điểm.

Để có thể tiếp cận mục tiêu, đánh theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc” từ sau Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 17 tháng 3, ta đã dồn sức xây dựng một hệ thống trận địa tiến công và bao vây quanh tập đoàn cứ điểm. Hệ thống này gồm các đường hào trục, đường hào nhánh để vận chuyển và cơ động lực lượng hệ thống trận địa tiến công và xuất phát xung phong của các trung đoàn cùng rất nhiều hầm trú ẩn, hầm chỉ huy.

Sau 10 ngày vừa lao động cật lực, vừa phải đối phó với bom đạn và đánh trả các đợt phản kích của địch, bộ đội ta đã đào được trên một trăm kilômét giao thông hào, hàng vạn công sự ụ súng, hình thành một hệ thống trận địa tiến công và bao vây liên hoàn từ đại đoàn xuống các đơn vị.

Ngày 27 tháng 3, Bộ chỉ huy chiến dịch tập trung cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên để giao nhiệm vụ. Chủ trương chung của ta trong đợt 2 là: Tập trung tuyệt đối ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt cùng một lúc các vị trí phía đông Điện Biên Phủ chiếm các điểm cao uy hiếp Mường Thanh, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích. Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị như sau:

Đại đoàn 312, được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75mm, hai đại đội cối 120mm, một đại đội cối 82mm, có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt các cứ điểm đồi E (102), D1 (200), D2 (201A) thuộc

trung tâm đề kháng Đô-mi-nich, vị trí pháo binh địch ở 210 và quân cơ động thuộc tiểu đoàn dù nguy số 5 hoặc bộ phận của tiểu đoàn dù nguy số 6.

Đại đoàn 316 (thiếu trung đoàn 176) được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75mm, hai đại đội súng cối 120mm, có nhiệm vụ tiến công các cứ điểm A1 (310), C1 (302), C2 (304) thuộc trung tâm đề kháng E-li-an và phối hợp với Đại đoàn 308 tiêu diệt tiểu đoàn 6 dù thuộc địa.

Đại đoàn 308, có nhiệm vụ tiêu diệt khu trung tâm phía tây gồm tiểu đoàn nguy Thái số 2 (2e BAT), trận địa pháo binh ở phía đông trung tâm và phối hợp với Đại đoàn 316 tiêu diệt Tiểu đoàn 6 dù thuộc địa, dùng hỏa lực kiềm chế địch ở Mường Thanh và chặn viện từ Hồng Cúm lên.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304, được phối thuộc tiểu đoàn 888 Đại đoàn 316, một đại đội lựu pháo 105mm, một số đơn vị hỏa lực khác có nhiệm vụ chặn viện từ Hồng Cúm lên và đánh quân nhảy dù xung quanh Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 sử dụng trung đoàn lựu pháo 105mm chi viện trực tiếp cho bộ binh tiến công các cứ điểm E1, D1, D2, C1, C2, A1, đồng thời kiềm chế pháo binh địch ở Mường Thanh, Hồng Cúm. Riêng trung đoàn pháo cao xạ 367 được tăng cường phải giáng cho địch những đòn bất ngờ, yểm hộ cho pháo binh, bộ binh chiến đấu cả ngày lẫn đêm.

Thời gian bắt đầu tiến công đợt 2 vào chiều ngày 30 tháng 3 năm 1954. Ngày 30, sau mấy ngày mưa, trời đã tạnh nhưng mây đen vẫn bao phủ bầu trời, máy bay địch ít hoạt động, bộ đội ta chiếm lĩnh trận địa tiến công từ sớm. 17 giờ 30 phút, pháo binh chiến dịch bắn chuẩn bị, cuộc tiến công lớn vào các cứ điểm phía đông bắt đầu.

Trên hướng đông bắc, Trung đoàn 141 sử dụng Tiểu đoàn 16 và 428 tiến công cứ điểm đồi E. Sau 1 giờ 30 phút chiến đấu, Trung đoàn

đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn An-giê-ri số 3, chiếm lĩnh đồi E. Cùng thời gian, Trung đoàn 209 cũng sử dụng hai Tiểu đoàn 166 và 154 tiêu diệt gọn một tiểu đoàn địch và chiếm lĩnh cứ điểm đồi D1. Như vậy, Đại đoàn 312 đã hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm đồi E, D1. Đại đoàn tiếp tục điều tiểu đoàn 130 tiến công sang D2, các đơn vị vừa chiếm được đồi E phát triển vào các ngọn đồi ở phía trong. Cuộc chiến đấu của đại đoàn kéo dài cho đến khi trời sáng.

Trên hướng đông, trung đoàn 98 Đại đoàn 316 tiến công cứ điểm C1, sau 45 phút, trung đoàn làm chủ cứ điểm, diệt và bắt sống 140 tên. Thừa thắng, trung đoàn điều tiểu đoàn 215 tiến công sang C2 nhưng không thành công. Cùng thời gian trên, Tiểu đoàn 54 trung đoàn 102 luồn vào giữa D3 và C1 để tiêu diệt Tiểu đoàn nguy Thái số 2, nhưng do chuẩn bị không tốt, địch chống trả mạnh, bộ đội không mở được cửa, đội hình ùn tắc ở C1.

Trung đoàn 174 tiến công cứ điểm A1, một cứ điểm quan trọng nhất trong cụm điểm cao phía đông. Do đường dây điện thoại bị đứt, đại đoàn vào chiến đấu chậm hơn quy định 35 phút. Trung đoàn tổ chức đột phá hai mũi, 21 giờ 30 phút các mũi mở cửa xong, bộ binh xung phong đánh vào cứ điểm. Địch dựa vào hầm ngầm trên đỉnh đồi chống trả rất quyết liệt, cuộc chiến đấu của trung đoàn 174 hết sức ác liệt. Trung đoàn đã tung hết lực lượng dự bị, nhưng đến sáng 31 cũng chỉ chiếm được một phần cứ điểm A1.

Buổi chiều và đêm 30 tháng 3, ngoài lực lượng tiến công vào các ngọn đồi ở phía đông, Bộ chỉ huy chiến dịch còn sử dụng các Tiểu đoàn 11 Trung đoàn 141, Tiểu đoàn 115 Trung đoàn 165, Tiểu đoàn 54 làm nhiệm vụ thọc sâu, diệt trận địa pháo địch ở cứ điểm 210 và tiểu đoàn dù nguy số 5 đóng ở vòng trong. Các Tiểu đoàn 115 và 54 đã vượt qua được khoảng trống tiếp giáp giữa các vị trí C1 và D2, E và D1 tiến vào bên trong nhưng không mở được cửa mở qua hệ thống vật cản bên trong nên không thực hiện được nhiệm vụ. Riêng mũi của tiểu đoàn 11 đánh vào được một số vị trí, gây cho địch nhiều

thiệt hại. Đội dũng sĩ 243 phát triển ra tới bờ sông Nậm Rốm và gan góc trụ lại trong lòng địch suốt ngày hôm sau.

Ngày 31 tháng 3, địch tung lực lượng ra phản kích cố chiếm lại các vị trí đã mất. Ở khu vực đồi D1, đồi E, địch phản kích thất bại, buổi chiều chúng rút khỏi cả 210 và D2. Riêng ở cứ điểm A1, địch cho nhiều đại đội bộ binh có xe tăng, pháo binh không quân yểm hộ tìm mọi cách thu hẹp khu vực chiếm lĩnh của Trung đoàn 174. Về phía ta, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm tăng cường trung đoàn 102 từ hướng tây chuyển sang hướng đông tiếp tục tiến công A1, đồng thời lệnh cho Đại đoàn 308 đẩy mạnh hoạt động ở phía tây và bắc Mường Thanh, buộc địch phải phân tán đối phó.

Đêm 31 tháng 3, trung đoàn 102 và một bộ phận của Trung đoàn 174 tiến công A1 lần thứ hai. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sáng ngày 1 tháng 4, ta chiếm được 2 phần 3 vị trí. Ban ngày địch tổ chức phản kích chiếm lại phần lớn trận địa. Đêm 1 tháng 4, ta tổ chức tiến công lần ba cũng không thành công. Trận đánh ở khu vực này kéo dài đến ngày 4 tháng 4, ta chỉ chiếm được 1 phần 3 đồi A1, Bộ chỉ huy chiến dịch cho Trung đoàn 102 rút về củng cố và giao cho Trung đoàn 174 phòng ngự giữ phần đồi đã chiếm được.

Ở hướng tây bắc sân bay, đêm 1 tháng 4, Trung đoàn 36 tiến công tiêu diệt gọn cứ điểm 106, tiến vào uy hiếp sân bay. Đêm 2 tháng 4, trung đoàn lại bao vây uy hiếp cứ điểm 311. Khoảng 120 tên thuộc tiểu đoàn ngự Thái số 3 ra hàng, ta làm chủ cứ điểm này. Cũng đêm 2 tháng 4, hai đội dũng sĩ của hai Đại đoàn 308 và 312 đột nhập vào sân bay, diệt một số địch, bắt sống 10 tù binh.

Đêm 3 tháng 4, ở phía bắc sân bay, Trung đoàn 165 tiến công cứ điểm 105. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sáng 4 tháng 4, ta chiếm được 2 phần 3 cứ điểm, trời sáng địch tổ chức phản kích chiếm lại toàn bộ.

Ngày 4 tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tạm ngừng cuộc tiến công để củng cố lực lượng, giữ vùng trận địa và tiếp tục chuẩn bị cho đợt tiến công mới.

Sau năm ngày chiến đấu trong đợt 2 của chiến dịch, ta đã thu được những kết quả quan trọng. Ở phía đông, ta chiếm được bốn ngọn đồi hiểm yếu (E, D1, D2, C1), riêng điểm cao A1 địch vẫn chiếm giữ. Ở phía tây, ta chiếm thêm được điểm cao 106 và 311. Phạm vi chiếm đóng của địch bị thu hẹp, lực lượng bị tổn thất lớn, ba tiểu đoàn thiện chiến của chúng bị tiêu diệt.

Ngày 8 tháng 4, địch tăng viện cho Điện Biên Phủ tiểu đoàn dù thứ tư. Ngày 9 tháng 4, chúng tổ chức phản kích hòng chiếm lại C1. Lực lượng phòng ngự của Trung đoàn 98 bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch, nhưng do địch đông và có các cứ điểm lân cận hỗ trợ nên đến trưa ngày 10, chúng chiếm được một nửa đồi phía tây, ta chỉ giữ được nửa đồi phía đông.

Sau khi tạm ngừng đợt tiến công, Bộ chỉ huy chiến dịch tổ chức rút kinh nghiệm, đồng thời hạ quyết tâm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đề ra cho đợt 2, tiêu diệt thêm một bộ phận sinh lực, chiếm thêm một số vị trí có lợi, đưa trận địa tiến công và bao vây vào gần địch hơn nữa, thắt chặt thêm vòng vây, đánh chiếm sân bay, quyết tâm triệt hản tiếp tế và tăng viện của địch, uy hiếp chúng mạnh hơn nữa.

Thực hiện chủ trương đó, ngày 10 tháng 4, Bộ chỉ huy giao nhiệm vụ cho các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308 bố trí ở phía tây, từ sông Nậm Rốm đến Bản Kéo, có nhiệm vụ làm trận địa tiến công các cứ điểm 206, 311A, 311B, 310, bố trí lực lượng chặn viện giữa các cứ điểm 105, 206, 208, phối hợp với Đại đoàn 312 đào giao thông hào cắt ngang sân bay ở đoạn nam cứ điểm 206.

Đại đoàn 312 bố trí ở phía bắc, từ Bản Kéo đến đoạn đông sân bay Mường Thanh, có nhiệm vụ củng cố trận địa phòng ngự ở các cứ điểm 201, 202; xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm 105, 203 và khu tiểu đoàn ngự Thái số 2; phối hợp với Đại đoàn 308 đào giao thông hào cắt ngang sân bay.

Đại đoàn 316 làm trận địa tiến công ở đông Mường Thanh, bên trái tiếp giáp với Đại đoàn 312, bên phải tiếp giáp với Đại đoàn 308, xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm A1, C2; củng cố trận địa phòng ngự ở đồi C1, A1.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tiếp tục hoạt động bao vây, chặn viện ở phân khu Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 xây dựng thêm trận địa pháo ở tây bắc Mường Thanh, đưa pháo sát vùng lòng chảo; tổ chức phòng không, hiệp đồng chặt chẽ các loại pháo chi viện cho bộ binh và kiểm chế pháo binh địch.

Từ cuối thượng tuần tháng 4 năm 1954, các đơn vị bắt tay vào xây dựng trận địa tiến công. Các khu vực đã chiếm được như đồi E, D1 đã trở thành các cứ điểm phòng ngự vững chắc của ta. Ngày 16, chiến hào của Đại đoàn 312 và Đại đoàn 308 nối liền với nhau, cắt đôi sân bay Mường Thanh. Đêm 18 tháng 4, sau nhiều ngày vây lấn, trung đoàn 165 tiến công dứt điểm cứ điểm 105. Sáng 19, địch cho quân ra phản kích bị Đại đoàn 308 chặn đánh phải quay lại. Cứ điểm 105 bảo vệ phía bắc sân bay bị xóa sổ. Đêm 22, Trung đoàn 36 sau ba ngày vây lấn cũng đã tiến công chiếm gọn cứ điểm 206. Ngày 24, địch tung tiểu đoàn dù lê dương số 2 cùng năm xe tăng, có pháo binh, không quân yểm hộ mở đợt phản kích quyết liệt hòng đánh bật ta ra khỏi 206 và khu vực sân bay. Được pháo binh chi viện đặc lực, bộ đội ta đã đánh bại nhiều đợt xung phong của địch, thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ cắt đôi sân bay Mường Thanh, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch.

Tại khu vực đồi A1, ngoài việc Trung đoàn 174 kiên cường trụ vững tại trận địa đã chiếm được, ta còn tổ chức đào một đường hầm xuyên sâu vào lòng đồi A1, dưới hầm ngầm của địch để đặt khối thuốc nổ lớn chuẩn bị tiến công A1.

Từ trung tuần tháng 4, kết hợp với vây hãm, đánh lấn, các đơn vị còn tích cực tham gia bắn tỉa, tổ chức các đội dũng sĩ luồn sâu,

các tổ đoạt dù... gây cho địch nhiều tổn thất về sinh lực, phương tiện, căng thẳng về tinh thần.

Cùng với hoạt động vây ép của bộ binh, pháo cao xạ và súng máy phòng không của các đại đoàn tiến sâu vào thung lũng, tạo một lưới lửa phòng không khổng lồ chế không cho địch dùng máy bay tiếp tế cho quân địch bị vây trong lòng chảo Điện Biên Phủ. Đến giữa tháng 4 ta đã hạ 50 máy bay địch, buộc chúng phải thả dù ở độ cao trên ba kilômét, do đó trên một phần ba số dù tiếp tế rơi vào trận địa của ta.

Đợt 2 chiến dịch đã kéo dài gần một tháng, các đơn vị của ta đều bị thương vong khá lớn, thời tiết lúc này bắt đầu vào mùa mưa, bộ đội ta sống dưới chiến hào gặp rất nhiều khó khăn, tư tưởng bộ đội đã xuất hiện các biểu hiện ngại hy sinh gian khổ, chấp hành mệnh lệnh không nghiêm. Trước tình hình này, Tổng quân ủy đã mở hội nghị các bí thư đại đoàn ủy để kiểm điểm và mở đợt giáo dục chính trị tư tưởng, tập trung đẩy mạnh công tác bảo đảm hậu cần cải thiện một phần sinh hoạt cho bộ đội, nhằm củng cố thêm ý chí quyết chiến, quyết thắng cho cán bộ chiến sĩ các cấp.

Đợt 3 (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954): Đánh những điểm cao cuối cùng ở phía đông, thực hành tổng công kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Cho đến cuối tháng 4 năm 1954, vòng vây của ta đã siết chặt, phạm vi chiếm đóng của địch mỗi bề còn lại chỉ từ 1,3 đến 1,7 kilômét, lực lượng không vượt quá 37 đại đội. Việc thả dù tiếp tế cho Điện Biên Phủ hết sức khó khăn, lương thực thực phẩm khan hiếm, binh lính địch thực sự lâm vào tình trạng bị “bóp nghẹt”.

Trong lúc bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp và quan thầy Mỹ của chúng đang lúng túng chưa tìm được lối thoát cho Điện Biên Phủ, thì ta quyết định tiến hành đợt tiến công thứ ba vào đầu tháng 5 năm 1954. Nhiệm vụ các đại đoàn được giao như sau:

Đại đoàn 316 tiêu diệt C1 và giữ vững trận địa ở đó; đồng thời đánh lấn sang C2 để phối hợp với trận đánh ở A1. Nếu điều kiện thuận lợi thì phát triển tiêu diệt toàn bộ C2; tổ chức đánh chiếm những lô cốt quan trọng ở A1.

Đại đoàn 312 tiêu diệt các cứ điểm 505 và 505A, dùng một bộ phận lực lượng bộ binh và hỏa lực chặn viện khi Đại đoàn 316 tiến công C1. Ngày 5 tháng 5, phải tiêu diệt cứ điểm 204.

Đại đoàn 308 có nhiệm vụ diệt các cứ điểm 310, 311A, 311B.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 có nhiệm vụ kiểm chế pháo binh địch và đánh lấn vào phân khu Hồng Cúm, chuẩn bị một tiểu đoàn vận động tác chiến ở hướng Thượng Lào khi có lệnh.

Ngày 1 tháng 5 năm 1954, đợt tiến công thứ 3 bắt đầu. Ngay từ trưa, pháo các cỡ của ta bắt đầu bắn mãnh liệt khu vực trận địa địch. Trong đợt bắn phá này, hỏa tiễn 122 của ta lần đầu tiên xuất hiện làm cho binh lính địch càng thêm hoảng sợ. Cụm pháo địch ở Hồng Cúm bị tê liệt hoàn toàn, một kho đạn pháo với trên ba nghìn viên đạn bị nổ tung, một kho lương thực, thực phẩm bốc cháy. Sau đợt pháo kích kéo dài, bộ đội ta đồng loạt tổ chức tiến đánh nhiều vị trí.

Trên dãy đồi phía đông, trung đoàn 98 Đại đoàn 316 diệt gọn C1, thừa thắng, đẩy mạnh vây lấn và chuẩn bị tiêu diệt C2. Trên bờ phía đông sông Nậm Rốm, trung đoàn 209 Đại đoàn 312 tiến công các cứ điểm 505 và 505A. Đến 4 giờ sáng ngày 2 tháng 5, trung đoàn hoàn toàn làm chủ hai cứ điểm này. Ở phía tây, Trung đoàn 88 cũng diệt gọn cứ điểm 311A trong vòng 30 phút. Ở phân khu Hồng Cúm, trung đoàn 57 tăng cường vây ép, tấn công diệt nhiều sinh lực địch. Cũng ngày 2 tháng 5, Trung đoàn 36 tiến công tiêu diệt gọn tiếp cứ điểm 311B.

Thấy nguy cơ Điện Biên Phủ bị tiêu diệt, ngày 3 tháng 5, tướng Cônhi - Tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ, cho phép Đờ Cát rút chạy về Thượng Lào.

Nhưng kế hoạch rút chạy chưa kịp triển khai thì ngày 6 tháng 5, quân ta lại tiếp tục tiến công.

Ở hướng đông nam, Trung đoàn 174 sau thời gian đánh lần đề phối hợp, đúng 17 giờ ngày 6 tháng 5, cho nổ khối bộc phá gần 1.000kg đặt dưới đường hầm đào sâu vào cứ điểm địch, đồng thời bộ đội từ ba hướng đồng loạt xung phong. Trận chiến đấu diễn ra rất ác liệt, đến 4 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5, ta làm chủ hoàn toàn A1.

Cùng thời gian này, Trung đoàn 98 tiến công C2, Trung đoàn 165 tiến công cứ điểm 506. Ở phía tây, Trung đoàn 102 tấn công cứ điểm 310.

Đến 9 giờ ngày 7 tháng 5, các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ được giao và sẵn sàng chuyển sang tổng công kích.

Khoang từ 10 giờ ngày 7 tháng 5, trong khi các đại đoàn đang xúc tiến việc chuẩn bị bảo đảm cho tổng công kích thì cơ quan quân báo phát hiện địch có dấu hiệu rối loạn và có khả năng đầu hàng. Hồi 15 giờ ngày 7 tháng 5, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh tổng công kích trước giờ quy định: “Phải đánh thẳng vào sở chỉ huy, phải đánh mạnh, bao vây chặt không cho Đờ Cát hoặc bất cứ tên địch nào chạy thoát”.

Chấp hành mệnh lệnh, từ hướng đông Trung đoàn 209 tiến thẳng vào Mường Thanh. Tiếp sau là các Trung đoàn 98 và 174. Bên phía tây, Trung đoàn 36 tiến thẳng vào cứ điểm cuối cùng che chở cho sở chỉ huy của Đờ Cát. Trung đoàn 88 cũng mở đường qua sân bay tiến vào sào huyệt cuối cùng của địch. Bộ đội ta tiến tới đâu quân địch đầu hàng tới đó. 17 giờ 15, một cánh quân của Đại đoàn 312 tiến sát sở chỉ huy địch, tại cửa hầm của Đờ Cát xuất hiện cờ trắng xin hàng. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật cùng hai chiến sĩ Vinh và Nhỏ tiến vào hầm bắt sống tướng Đờ Cát cùng toàn bộ bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. 17 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5 năm 1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

Trên hướng Hồng Cúm, lúc này địch vẫn chống cự. Đêm 7 tháng 5, lợi dụng đêm tối địch ở đây rút chạy về hướng Thượng Lào. Bộ chỉ huy chiến dịch đã lệnh cho Đại đoàn 304 phải tích cực truy lùng đồng thời lệnh cho Trung đoàn 102 đi gấp sang Tây Trang chặn đường rút của địch. Hồi 22 giờ ngày 7 tháng 5, Đại đoàn 304 đã bao vây và bắt gọn toàn bộ quân địch ở Hồng Cúm thoát ra.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tổng số quân địch bị diệt và bị bắt sống là 16.200 tên, gồm 17 tiểu đoàn bộ binh và lính dù, ba tiểu đoàn pháo binh, 10 đại đội ngự vụ vừa bổ sung và các đơn vị công binh, vận tải, xe tăng... Tổng số sĩ quan và hạ sĩ quan bị diệt và bị bắt là 1.706 tên, gồm một thiếu tướng, 16 đại tá và trung tá, 353 sĩ quan từ thiếu úy đến thiếu tá. Số máy bay bị bắn rơi và phá hủy là 62 chiếc (trong đó tại mặt trận là 57 chiếc). Ta đã thu toàn bộ vũ khí kho tàng của địch ở Điện Biên Phủ, trong đó có 28 khẩu pháo lớn, 64 xe, 5.915 súng các loại, 20.000 lít xăng dầu cùng rất nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng khác.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã loại khỏi vòng chiến đấu một số lượng lớn sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng vùng đất đai có ý nghĩa chiến lược. Chiến thắng Điện Biên Phủ giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao của ta đi tới kết thúc thắng lợi. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành niềm tự hào của dân tộc của nhân dân ta và phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới lúc bấy giờ.

Chiến dịch Điện Biên Phủ là đòn quyết chiến chiến lược, là chiến dịch tiến công trận địa có quy mô lớn nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp. Lần đầu tiên ta tập trung một lực lượng lớn chủ lực tiêu diệt chủ lực địch phòng ngự trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất lúc bấy giờ.

Nghệ thuật chiến dịch trong Chiến dịch Điện Biên Phủ được biểu hiện cụ thể trong các nội dung sau:

Sớm hình thành thế bao vây, xây dựng trận địa tiến công và bao vây, ngày càng siết chặt từng cụm cứ điểm và tập đoàn cứ điểm, chia cắt thế liên hoàn của chúng. Quá trình chuẩn bị chiến dịch theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh”¹ lúc đầu, là quá trình quân ta hình thành thế bao vây quân địch. Đại đoàn 308 ở phía bắc và tây bắc; Đại đoàn 312 ở phía đông bắc; hai trung đoàn của Đại đoàn 316 ở phía đông; Trung đoàn 57 ở phía nam. Đặc biệt là từ hạ tuần tháng 1, khi ta đổi sang phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, cho đến ngày quân ta giành toàn thắng, hệ thống chiến hào hàng trăm kilômét ngày càng ken dày và siết chặt từng phân khu, từng cụm cứ điểm. Bằng hệ thống trận địa tiến công và bao vây, quân ta đã “trói chặt”, chia cắt thế liên hoàn của địch để lần lượt tiêu diệt từng bộ phận và đập tan mọi kế hoạch tháo chạy của chúng.

Tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực, đánh chắc thắng, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, từng bước uy hiếp tiến tới tiêu diệt khu vực trọng yếu nhất của địch giành thắng lợi quyết định.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm 49 cứ điểm trải trên một diện tích khoảng 40km². Trên các điểm cao từ tây bắc sang đông bắc và đông hình thành những cụm cứ điểm ngoại vi bảo vệ cho phân khu trung tâm. Khu vực giao chiến rộng, so sánh trang bị kỹ thuật chênh lệch, kinh nghiệm đánh công kiên của ta còn hạn chế, không cho phép ta tổ chức nhiều hướng tiến công đồng thời vào phân khu trung tâm của địch. Ta đã chọn cách “đánh chắc, tiến chắc”, tập trung ưu thế binh hỏa lực¹ đánh từng trận hay một số trận gối đầu

¹ Trong đợt 1, ta đã tập trung ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt ba cứ điểm ngoại vi phía bắc. Tỷ lệ binh lực trong trận Him Lam: địch 1/ta 3; trận đồi Độc Lập: địch 1/ta 4,5; trận Bản Kéo (theo kế hoạch) địch 1/ta 3. Trong trận then chốt mở đầu chiến dịch (Him Lam), so sánh pháo cối trực tiếp chi viện đánh vào mục tiêu, ta hơn địch gấp 10 lần. Nếu tính cả nhiệm vụ chế áp các mục tiêu khác, ta cũng hơn địch 2,6 lần.

liên tiếp, diệt từng cứ điểm, cụm cứ điểm ngoại vi, trước hết là trên các điểm cao khống chế phía bắc rồi phía đông, “bóc vỏ” từ ngoài vào, mở đường tiến xuống cánh đồng Mường Thanh, tiếp cận và từng bước uy hiếp tiến tới tiêu diệt phân khu trung tâm, trọng điểm là sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm.

Chọn cách đánh hiểm, phát huy uy lực mọi thứ vũ khí của ta, hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch.

Sau thắng lợi bước đầu của ta ở đợt 2, địch vẫn còn trên một vạn quân chiếm giữ trên các điểm cao khống chế và hỏa lực phi pháo còn rất mạnh. Trước tình hình đó, ta chủ trương dùng lực lượng nhỏ, hoạt động rộng rãi dưới các hình thức đánh lén, phá hủy từng ụ đề kháng, tiêu diệt thêm một số vị trí địch; bắn tia tiêu hao địch rộng rãi làm cho binh lính địch luôn ở trong trạng thái căng thẳng; đánh chiếm sân bay, thắt chặt vòng vây, thu hẹp không phận, khống chế máy bay, đoạt dù tiếp tế, hạn chế tiến tới triệt hản nguồn tiếp tế và tăng viện của địch.

Trên thực tế, từ trung tuần tháng 4, quân ta đã từng bước làm thay đổi cục diện chiến trường. Sân bay địch đã bị chiến hào ta cắt đôi, hai vị trí sát sân bay là 105 và 206 bị các đơn vị của ta vây lấn rồi tiêu diệt. Máy bay địch không thể lên xuống hoặc thả dù tiếp tế xuống hoặc thả dù tiếp tế xuống khu vực sân bay. Hai trận địa pháo địch ở 307A và 307B bị lựu pháo của ta loại khỏi vòng chiến đấu. Các tổ bắn tia được tổ chức rộng khắp và hoạt động thường xuyên đã gây nên nỗi kinh hoàng đối với binh lính địch. Pháo cao xạ của ta tiến sâu xuống cánh đồng Mường Thanh, khống chế không phận, trong khi hỏa lực pháo cối thu hẹp phạm vi thả dù, buộc máy bay địch phải thả dù ở độ cao lớn. Gần một nửa số dù của địch rơi sang phía trận địa ta hoặc rơi vào khoảng trống giữa ta và địch. Đến cuối tháng 4, quân số của địch ở Điện Biên Phủ tuy còn khoảng một vạn, nhưng chỉ có 42 phần trăm quân số đủ sức chiến đấu, tinh thần binh

lính suy sụp, nguồn tiếp tế bị bóp nghẹt, vũ khí trang bị thiếu thốn nghiêm trọng.

Chọn cách đánh thích hợp, ta đã làm cho địch quân còn đông mà hóa ít, trang bị còn nhiều mà hóa yếu, tinh thần, vật chất và thể trạng hoàn toàn rơi vào thế bất lợi. Chính bằng cách đánh hiểm và sáng tạo, đến cuối tháng 4, mặc dù quân ta chưa hoàn toàn làm chủ các dãy điểm cao phía đông, nhưng đã uy hiếp mạnh phân khu trung tâm và chuẩn bị đầy đủ điều kiện chắc thắng để chuyển sang đợt tiến công cuối cùng.

Chiến dịch Điện Biên Phủ thực sự là một điển hình xuất sắc, là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đánh dấu sự thất bại không thể cứu vãn nổi của đội quân viễn chinh Pháp, kết thúc vĩnh viễn chế độ thống trị của thực dân Pháp đã kéo dài gần một thế kỷ trên đất nước ta.

Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến thắng to lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954). Chiến thắng Điện Biên Phủ đã như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa... của dân tộc ta trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã viết: “*Điện Biên Phủ là điểm hẹn mà lịch sử dành cho những cuộc chiến tranh xâm lược trong thời đại ngày nay*” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Chiến dịch Điện Biên Phủ, Nxb. Quân đội nhân dân, H., 2004, tr.5).

C. ĐIỆN BIÊN PHỦ - MỐC VÀNG THỜI ĐẠI

Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử đã góp phần quyết định kết thúc thắng lợi chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân ta, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã làm cho ba tiếng *Điện Biên Phủ* trở thành biểu tượng của sức mạnh Việt Nam. Chiến thắng Điện Biên Phủ còn có ý nghĩa quốc tế lớn lao là đã góp phần làm thay đổi cục diện thế giới; đã chứng minh một chân lý của thời đại: Một dân tộc bị áp bức khi đã đoàn kết vùng dậy đấu tranh theo một đường lối đúng đắn, kiên quyết chiến đấu vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội thì có khả năng đánh thắng quân đội xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Trải qua 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, lực lượng vũ trang nhân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất trong hình thức tổ chức phòng ngự cao nhất của quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương lúc đó. Tại đây, quân Pháp tập trung tới hơn một vạn sáu nghìn quân, chủ yếu là lính dù và Âu Phi tinh nhuệ do thiếu tướng Đờ Cát-xơ-ri chỉ huy. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có 49 cứ điểm, mỗi cứ điểm đều có công sự, hàng rào vật cản, hỏa lực độc lập chiến đấu đồng thời những cứ điểm gần nhau lại được tổ chức thành cụm cứ điểm. Tập đoàn gồm 8 trung tâm đề kháng và được chia thành 3 phân khu. Phân khu Trung tâm là quan trọng nhất, nằm ngay giữa Mường Thanh, có 5 tiểu đoàn chiếm đóng, 3 tiểu đoàn cơ động. Phân khu Bắc gồm đồi Độc Lập và Bản Kéo cùng với cụm cứ điểm Him Lam (thuộc phân khu Trung tâm). Phân khu Nam là cụm cứ điểm có trận địa pháo và sân bay Hồng Cúm. Với 2 trận địa pháo bố trí ở Mường Thanh, Hồng Cúm và 2 sân bay nối liền với Hà Nội, Hải Phòng bằng một cầu hàng không, khi cần thiết được 80% lực lượng không quân ở Đông Dương chi viện, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là “một tập đoàn cứ điểm đáng sợ”, “một pháo đài bất khả xâm phạm”, “một Véc-đơong ở Đông Nam Á”.

Về phía ta, lực lượng tham gia chiến dịch lúc đầu gồm các đại đoàn bộ binh: 308, 312, 316 và Trung đoàn 57 (Đại đoàn 304). Hỏa lực có Đại đoàn công pháo 351 gồm Trung đoàn 45 lựu pháo 105mm, Trung đoàn 675 sơn pháo và cối, Trung đoàn 151 công binh, Trung đoàn 367 cao xạ, các đơn vị thông tin, vận tải (16 đại đội), quân y... Tổng quân số hỏa tuyến khoảng bốn vạn, nếu tính cả tuyến hai là năm vạn rưỡi, và 260 nghìn dân công hỏa tuyến.

Thời gian đầu khi địch chưa tăng cường, cùng cố lực lượng và hệ thống quân sự, phương châm tác chiến của ta là “*Đánh nhanh, giải quyết nhanh*”. Ngày 26-1-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề nghị và được Bộ Chính trị đồng ý, ta chuyển phương châm tác chiến sang “*Đánh chắc, tiến chắc*”, dùng cách đánh vây hãm tiến công, đột phá lần lượt để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm. Đây là một chủ trương chính xác, kịp thời và kiên quyết, góp phần quyết định thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Việc chuyển phương châm tác chiến từ “Đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “Đánh chắc chiến chắc” là “*một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình*” như lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Và thực tế lịch sử đã sớm khẳng định không thay đổi phương châm tác chiến thì chiến dịch không thể kết thúc thắng lợi.

Để đảm bảo cho pháo lớn lần đầu xuất trận giữ được bí mật, an toàn và phát huy hiệu lực cao nhất, bất ngờ nhất, Tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Văn Thái đích thân dẫn cán bộ men theo những sườn núi cao chưa có vết chân người nhưng đầy vạt, ve và ruồi vàng để tìm trận địa cho pháo. Trong những ngày kéo pháo, nhiều cán bộ chính trị chủ chốt của chiến dịch như Lê Quang Đạo, Phạm Kiệt, Phạm Ngọc Mậu... thường xuyên có mặt trên đường kéo pháo, cùng cán bộ đơn vị động viên, tổ chức bộ đội hoàn thành một kỳ công chưa từng thấy. Chưa có một chiến dịch nào trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cả Bộ trưởng Y tế (bác sĩ Vũ Đình Tụng) và Thứ trưởng (bác sĩ Tôn Thất Tùng), những thầy thuốc

đánh phá ác liệt tất cả các tuyến đường giao thông dẫn đến Điện Biên Phủ. Tướng Na-va đã giao nhiệm vụ cho lực lượng không quân của Pháp phải dành ưu tiên với mọi phương tiện tối đa cho việc hỗ trợ các lực lượng tác chiến của Pháp ở Tây Bắc. Trên các đoạn đường trọng điểm như Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, Lai Châu - Sơn La, Cò Nòi - Yên Bái, không quân địch đánh phá 24/24 giờ. Có trận không quân Pháp đã “dùng tới 39 máy bay B.26, 5 máy bay Pri-va-tơ và 21 máy bay khu trục thuộc hải quân, ném hàng trăm tấn bom trên những đoạn đường nghi ngờ. Lần đầu tiên trong các trận oanh tạc, Mỹ đã cho Pháp sử dụng loại máy bay vận tải cỡ lớn Pác-két C.119 (78 chỗ ngồi) để thả bom na-pan...”.

Mặc dù gặp muôn vàn khó khăn, ác liệt do địch đánh phá và thời tiết khắc nghiệt, nhưng từng đoàn xe ô tô, xe đạp thồ, ngựa thồ, từng đoàn thuyền lớn nhỏ của ta vẫn dũng cảm vượt bom đạn tiến lên phía trước. Hàng chục vạn anh chị em dân công, thanh niên xung phong, không quân hy sinh gian khổ vẫn ngày đêm băng rừng, trèo đèo lội suối, lấy sức mình vận chuyển lương thực, đạn dược ra mặt trận, tiếp tế cho bộ đội ta giết giặc.

Ác liệt gay go nhất vẫn là cuộc chiến đấu đối mặt với quân Pháp trong từng trận đánh. Chân lý đã được khẳng định: Thắng lợi trên chiến trường, suy cho cùng, vẫn là do những chiến binh cầm súng quyết định. Trước ngày mở màn chiến dịch, đã xuất hiện gương hy sinh chiến đấu của các anh: Hoàng Văn Nô, Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Văn Chức... Ngay từ đợt đầu, trận đầu là gương của các anh hùng: Phan Đình Giót, Trần Can... Sang đợt 2, tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu dũng cảm của hàng vạn chiến sĩ, là Đại đội 243 luồn sâu trong lòng địch trên các điểm cao phía đông, là các đơn vị đánh phản kích... đặc biệt là tinh thần dũng cảm hy sinh của cán bộ chiến sĩ các trung đoàn 174 và 102, giành giật với địch từng tấc đất trên đồi A1 suốt hàng tháng trời. Tại đây, trong giờ phút gay go nhất, các cán bộ trung đoàn đã thể hiện rõ bản lĩnh của người chỉ huy

dũng cảm, mưu trí, dày dạn; chiến sĩ thông tin Chu Văn Mùi một mình trong vòng vây địch, vừa truyền đạt mệnh lệnh vừa chiến đấu bảo vệ thương binh...

Trước tình hình cấp dưới gặp khó khăn trong nhiệm vụ cắt sân bay địch, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308 Vương Thừa Vũ ra tận trận địa, bổ khuyết từng thiếu sót cụ thể trong việc đào trận địa vây lấn, kết quả là cuối tháng 4-1954, sân bay Mường Thanh bị tê liệt hoàn toàn. Trên hướng đông, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 316 Lê Quảng Ba ra tận Đồi Cháy nghiên cứu vị trí A1, đề ra biện pháp tiêu diệt ụ súng trong hầm ngầm của địch. Sau đó, ngay trước mũi súng và trong tầm lựu đạn của địch, phân đội công binh 83 đã khắc phục những khó khăn tưởng như không vượt nổi, đã bí mật kiên trì khoét từng nhúm đất rắn như đá non, đào được một đường hầm xuyên vào lòng cứ điểm A1, góp phần quyết định số phận “điểm cao cuối cùng” của địch. Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn chỉ huy các đơn vị thuộc quyền tiêu diệt các cứ điểm 505A, 505B, 506, 507, đánh chiếm Sở chỉ huy của tướng Đờ Cát ở trung tâm Mường Thanh...

Chiều 13-3-1954 chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn, trải qua ba đợt. Đợt 1 (từ ngày 13 đến 17-3), ta đập tan thế phòng ngự vòng ngoài của địch ở phía bắc và đông bắc, mở đầu bằng trận Him Lam, tiếp đó tiêu diệt cụm cứ điểm đồi Độc Lập, bao vây, bức hàng cụm cứ điểm Bản Kéo, đánh bại nhiều đợt phản kích của địch. Đợt 2 (từ ngày 30-3 đến 30-4), sau hơn 10 ngày xây dựng trận địa tiến công và bao vây với hàng trăm kilômét hào giao thông, hàng ngàn công sự và ụ súng các loại, ta tiến công diệt các cứ điểm E, D1, D2, C1 trên dãy đồi phía đông và 106, 311 trên hướng tây bắc sân bay Mường Thanh, nhưng đánh cứ điểm A1 và các cứ điểm C2, 105 không thành công, bị địch phản kích chiếm lại nửa đồi C1. Từ ngày 16-4 ta phát triển trận địa bao vây, tiến công, đánh lấn diệt các cứ điểm 105, 206, đào hào cắt đôi sân bay Mường Thanh, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch nhằm giành lại sân bay, kết hợp bắn tỉa và đưa pháo

phòng không xuống cánh đồng Mường Thanh không chế rồi triệt hẳn tiếp tế đường không của địch. Đợt 3 (từ ngày 1 đến 7-5), ta lần lượt đánh chiếm các điểm cao còn lại ở phía đông (C1, C2 và A1), diệt một số cứ điểm ở phía tây, tăng cường vây ép phân khu Hồng Cúm, bao vây uy hiếp sở chỉ huy trung tâm, dập tắt hy vọng rút chạy của địch. 15 giờ ngày 7-5-1954, quân ta tiến hành tổng công kích vào trung tâm Mường Thanh, bắt tướng Đờ Cát-xtơ-ri và toàn bộ ban tham mưu của tập đoàn cứ điểm, buộc số địch còn lại ở phân khu trung tâm phải đầu hàng, ta truy kích và bắt gọn bộ phận địch ở Hồng Cúm định rút chạy. Lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* của quân đội ta đã tung bay trên nóc hầm sở chỉ huy của tướng Đờ Cát-xtơ-ri. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

Chiến dịch Điện Biên Phủ là đòn tiến công tiêu diệt lớn nhất, điển hình nhất của quân và dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, cùng với thắng lợi trên các chiến trường khác trong Đông Xuân 1953-1954 giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, góp phần đưa hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương đến thành công (8-5 đến 21-7-1954); là sự phát triển đến đỉnh cao của nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “*Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao tới thắng lợi hoàn toàn.*” (Báo Nhân Dân, số 3690, ngày 7-5-1964).

IX - TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG (NĂM 1972)

Năm 1972, năm thứ 18 của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Năm có tầm quan trọng quyết định về chiến lược trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Năm đòi hỏi quân và dân ta phải nỗ lực vượt bậc để giành thắng lợi lớn trên chiến trường, tạo thế và lực có lợi cho ta.

Sau cuộc tiến công chiến lược đầu năm 1972 của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam Việt Nam, chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của đế quốc Mỹ có nguy cơ bị sụp đổ hoàn toàn.

Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ buộc phải “*Mỹ hóa*” trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam, đồng thời tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc. Đế quốc Mỹ coi đó là biện pháp quyết định hòng cứu nguy cho sự sụp đổ của quân nguy Sài Gòn - xương sống của chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”.

Ngày 6 tháng 4 năm 1972, máy bay và tàu chiến Mỹ mở *Chiến dịch Linebacker I* (Sấm rền I). Sau 10 ngày đêm ném bom đánh phá dữ dội vùng phía bắc khu phi quân sự, thành phố Vinh, Bến Thủy (Nghệ An), Thanh Hóa và nhiều nơi khác thuộc Quân khu 4, ngày 16 tháng 4 năm 1972, Mỹ cho máy bay B52 ném bom thành phố Hải Phòng. Cùng ngày, vào hồi 9 giờ 30 phút đến 10 giờ 10 phút hơn 60 lần chiếc máy bay chiến thuật của Mỹ chia thành nhiều tốp ném bom Thủ đô Hà Nội. Các lực lượng phòng không chủ lực và dân quân tự vệ bảo vệ thành phố nổ súng, đánh trả địch quyết liệt. Trận đánh vừa kết thúc, thường vụ Thành ủy và thường trực Ủy ban Hành chính thành phố họp đột xuất quyết định sơ tán khỏi nội thành

từ 25 đến 30 vạn người. Sau 4 ngày khẩn trương thực hiện, cộng với sơ tán trước, Hà Nội đã chuyển ra khỏi nội thành 26 vạn người. Đến ngày 25 tháng 4, tình hình có chiều hướng căng thẳng hơn, thành phố quyết định sơ tán thêm 10 vạn người nữa ở nội thành, đồng thời dự kiến các bước sơ tán tiếp theo: Tình hình địch đánh phá ở mức độ chưa cao, sơ tán khỏi nội thành từ 25 đến 30 vạn; tình huống địch đánh phá ác liệt, sơ tán khỏi nội thành 45 đến 50 vạn người. Chỉ để lại nội thành 10 đến 15 vạn người gồm các lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Sau 4 tuần lễ đánh trả các cuộc tiến công bằng không quân và hải quân Mỹ, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 90 máy bay, bắn cháy 20 tàu chiến, bắt sống nhiều giặc lái. Đế quốc Mỹ vẫn không thể ngăn cản được cuộc tiến công của quân và dân ta ở miền Nam, không giành được thế mạnh ở Hội nghị Paris.

Trước tình hình đó, ngày 8 và 9 tháng 5 năm 1972, tổng thống Ních-xơn triệu tập Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ quyết định đẩy mạnh cường độ ném bom đồng thời dùng mìn, thủy lôi phong tỏa các hải cảng miền Bắc Việt Nam nhằm cắt đứt đến mức tối đa mọi nguồn chi viện quốc tế cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta, *“làm cho Hà Nội không có được các vũ khí và đồ tiếp tế cần thiết để tiếp tục chiến tranh”* (Tuyên bố của Ních-xơn. Dẫn theo *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ*, Nxb. Thông tin lý luận, H., 1986, tr.382).

Ngày 10 và 11 tháng 5 năm 1972, đế quốc Mỹ huy động hơn 100 lần chiếc máy bay ném bom đánh phá Hà Nội. Cầu Long Biên, ga Yên Viên, ga Gia Lâm, sân bay Bạch Mai là những mục tiêu chính của đợt đánh phá này. Các lực lượng phòng không và không quân bảo vệ Hà Nội đánh trả chúng quyết liệt, bắn rơi 12 máy bay. Đặc biệt trận địa súng máy cao xạ 14,5mm (ba khẩu) của tự vệ nhà máy điện Yên Phụ đã đánh một trận xuất sắc vào 12 giờ trưa ngày 10 tháng 5, bắn rơi một chiếc F4.

Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1972, quân dân thủ đô đã liên tục chiến đấu bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, bắt sống nhiều giặc lái, trong đó có chiếc máy bay thứ 3.700 bị bắn rơi trên miền Bắc (ngày 27 tháng 6 năm 1972) và chiếc máy bay thứ 300 bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội (ngày 7 tháng 7 năm 1972).

Nhằm tạo thêm sức mạnh trước khi có thể đạt được một giải pháp chính trị có lợi ở Hội nghị Paris và tạo lợi thế cho cuộc chiến tranh cử tổng thống sắp tới, Ních-xon quyết định tiếp tục tiến công Thủ đô Hà Nội quyết liệt hơn. Đó là con đường, là chìa khóa mà Nhà Trắng và Lầu Năm Góc đã chọn và cho rằng có thể đạt được mục đích sớm nhất.

Ngày 2 tháng 9 năm 1972, hơn 40 lần chiếc máy bay thay nhau đánh phá sân bay Nội Bài và khu vực Đông Anh. Ngày 10 tháng 9, 50 lần chiếc vào đánh phá cầu Long Biên (lần thứ tư), sân bay Gia Lâm và nhiều nơi khác. Ngày 11 tháng 9, chúng bắn tên lửa xuống phố Bà Triệu. Ngày 11 tháng 10, máy bay Mỹ tiếp tục ném bom Hà Nội phá hủy nhiều công trình kinh tế, văn hóa, giao thông vận tải, khoa học kỹ thuật, bệnh viện...

Tòa nhà chính của cơ quan Tổng đại diện Pháp ở phố Trần Hưng Đạo bị trúng bom. Ông Tổng đại diện Pháp Xôxini và một số nhân viên sứ quán bị bom Mỹ giết hại.

Với cuộc bầu cử tổng thống nước Mỹ vào tháng 11 năm 1972, chiến tranh ở Việt Nam trở thành vấn đề quan trọng hàng đầu phải giải quyết nếu Ních-xon muốn trúng cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa. Đầu tháng 10 năm 1972, phái đoàn ta ở Hội nghị Paris chủ động đưa ra bản dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Trước tình thế bất lợi trên cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam, trước sự phản đối của dư luận quốc tế và nước Mỹ, ngày 20 và 22 tháng 10 năm 1972, tổng thống Mỹ gửi thông điệp cho Thủ tướng Chính phủ ta hoan nghênh thiện chí của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hứa hẹn có thể ký hiệp định chính thức

vào ngày 31 tháng 10. Tuy nhiên với bản tính tráo trở, Ních-xơn tìm mọi cách dây dưa trì hoãn việc ký hiệp định như đã hứa, đồng thời ráo riết tiến hành bước phiêu lưu mới. Ngày 26 tháng 10 năm 1972, Chính phủ ta ra tuyên bố về *Tình hình cuộc đàm phán về vấn đề Việt Nam hiện nay* nêu rõ lập trường chính nghĩa, thái độ thiện chí của ta, vạch trần sự tráo trở của chính quyền Mỹ, đòi Mỹ phải thực hiện nghiêm chỉnh những vấn đề đã thỏa thuận. Ngày 8 tháng 11 năm 1972, Ních-xơn trúng cử tổng thống Mỹ nhiệm kỳ hai. Ngay sau đó, Mỹ trắng trợn lật lọng, đòi phải sửa chữa lại 126 điểm trong bản dự thảo hiệp định mà trước đó đã thỏa thuận với ta. Do sự lật lọng của Mỹ, Hội nghị Paris bế tắc. Ngày 13 tháng 12 năm 1972, Hen-ri Kít-xinh-giơ, cố vấn đặc biệt của phái đoàn Mỹ tuyên bố bỏ hợp vô thời hạn.

Ngày 14 tháng 12 năm 1972, với lời lẽ như một tối hậu thư, tổng thống Mỹ gửi điện cho Chính phủ ta đòi trong vòng 72 giờ tới phải trở lại bàn đàm phán ở Paris phải chấp nhận những yêu cầu của Mỹ, nếu không Mỹ sẽ ném bom trở lại. Cùng với việc gửi điện cho Chính phủ ta, Ních-xơn ra lệnh cho Bộ chỉ huy không quân chiến lược và chiến thuật thực hiện cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội, Hải Phòng. 193 máy bay chiến lược B52, gần 50 máy bay F111 cùng hơn 1.000 máy bay chiến thuật, 6 liên đội tàu sân bay và hàng chục máy bay tiếp dầu KC135... được huy động cho cuộc tập kích chiến lược mang mật danh *Chiến dịch Linebacker II* (Sấm rền II). Mục đích của chiến dịch Linebacker II là tàn phá Hà Nội, Hải Phòng hòng đánh sụp ý chí của nhân dân ta, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, ngăn chặn nguồn tiếp tế của ta cho chiến trường miền Nam, giúp cho chính quyền ngụy Sài Gòn có điều kiện củng cố lực lượng, buộc Chính phủ ta phải chấp nhận các điều kiện của Mỹ.

B52 là loại máy bay ném bom chiến lược của không quân Mỹ, có thể hoạt động ban đêm, trong điều kiện thời tiết phức tạp, ném bom ở độ cao từ 9.000 đến 11.000 mét. Từ khi tham chiến ở Việt Nam (năm 1965), máy bay B52 đã nhiều lần được cải tiến,

đặc biệt là hệ thống tự bảo vệ. Đến tháng 12 năm 1972, mỗi máy bay B52 đã trở thành một trung tâm tác chiến điện tử với 16 máy gây nhiễu tích cực bằng điện từ, 2 máy gây nhiễu tích cực bằng sợi kim loại (khi hoạt động có thể *phủ trắng* một khu vực rộng 450 kilômét vuông) và 2 quả tên lửa khi phóng ra sẽ có tín hiệu như B52 để đánh lừa ra-đa đối phương. Mỗi chiếc B52 được ví như một *kho bom lưu động trên không* có thể mang được 30 tấn bom. Mỗi tốp (ba chiếc) có thể rải thảm từ 80 đến 90 tấn bom trên một diện rộng, có thể thay thế cho 120 - 200 máy bay ném bom chiến thuật, hiệu quả lại cao hơn.

Với sức mạnh tàn phá to lớn của máy bay B52, đế quốc Mỹ cho rằng chỉ cần mở chiến dịch tập kích trong 3 ngày cũng đủ phá hủy Hà Nội, Hải Phòng. Sau nhiều lần xuất kích mà chưa bị trừng trị, đặc biệt là sau vụ ném bom rải thảm thành phố cảng Hải Phòng (ngày 16 tháng 4 năm 1972), giới quân sự Mỹ càng chủ quan cho rằng B52 *có thể đánh bất kỳ mục tiêu nào của Bắc Việt Nam*. Chúng tin rằng sử dụng loại vũ khí chiến lược này có thể đè bẹp ý chí chiến đấu của quân và dân ta, buộc ta phải khuất phục, chấp nhận các điều khoản của Mỹ, đồng thời để chứng tỏ với thế giới sức mạnh của “thần tượng không lực Hoa Kỳ”. Chúng cũng dự tính rằng hệ thống phòng không của Bắc Việt Nam sẽ không thể phát huy được hiệu quả trước đòn tiến công của B52 và tỉ lệ tổn thất của B52 là không đáng kể.

Việc đế quốc Mỹ sử dụng máy bay chiến lược B52 đánh phá Hà Nội không phải là điều bất ngờ đối với ta. Năm 1967, khi làm việc với Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “*Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến trước tình huống càng sớm càng tốt để có thời gian mà suy ngẫm chuẩn bị*” (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Chiến thắng B52*, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1997, tr.44). Thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã có bộ phận vào chiến trường nghiên cứu đánh B52

và chuẩn bị kế hoạch đánh B52 bảo vệ Thủ đô Hà Nội. Khi cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bắt đầu, qua đối chọi liên tục với máy bay B52 trên bầu trời các tỉnh Quảng Bình, Vĩnh Linh, Nghệ An, Thanh Hóa, chúng ta đã tổng kết được nhiều kinh nghiệm bổ ích trong phòng chống và đánh trả. Đến năm 1972, việc nghiên cứu cách đánh B52 càng được chú ý. Tháng 7 năm 1972 Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân thực hiện gấp việc tiếp tục nghiên cứu về triển khai kế hoạch đánh máy bay B52, biên soạn tài liệu huấn luyện bộ đội đánh máy bay B52 trong các tình huống phức tạp. Tháng 11 năm 1972 hội nghị chuyên đề đánh B52 của bộ đội tên lửa được tổ chức tại sở chỉ huy Sư đoàn phòng không 361 bảo vệ Hà Nội. Sau hội nghị, tài liệu “Cách đánh B52” được chính thức phát hành. Một số sân bay đã chiến được gấp rút xây dựng. Các biện pháp nghi binh, lừa địch, bố trí đội hình ra-đa để phát hiện địch kịp thời được triển khai khẩn trương. Công tác hậu cần, kỹ thuật được chuẩn bị chu đáo, đặc biệt là bổ sung đạn dược cho lực lượng cao xạ và xăng dầu cho máy bay.

Tại Hà Nội, công tác chuẩn bị chiến đấu cũng hết sức khẩn trương. Thành phố gấp rút cho sơ tán người già, trẻ em và những người không có nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất ra khỏi nội thành với thời hạn phải hoàn thành trước ngày 4 tháng 12 năm 1972. Đến ngày 18 tháng 12 năm 1972 nội thành đã sơ tán được khoảng 20 vạn người. Các trọng điểm ở ngoại thành được sơ tán khá triệt để. Việc tu sửa, nạo vét hầm hố nhanh chóng triển khai. Công tác chuẩn bị được đặc biệt chú ý. Bộ tư lệnh Thủ đô và Hội đồng Phòng không nhân dân thành phố đã kiểm tra, chấn chỉnh lại hệ thống đài quan sát, xây dựng thêm một số cơ sở mới và sửa chữa cơ sở cũ hư hỏng. Hệ thống thông báo, báo động cũng được kiểm tra bảo đảm yêu cầu nhanh nhạy, rộng khắp. Lực lượng dân quân tự vệ được trang bị thêm nhiều súng đạn và được học tập về kỹ thuật, cách đánh. Nhiều trận địa mới được xây dựng. Các cơ quan, xí nghiệp chuẩn bị xe, máy, người sẵn sàng cơ động khắc phục hậu quả khi có lệnh.

Cả Hà Nội sục sôi với hàng ngàn công việc cho trận quyết chiến sắp đến. Sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt tạo cơ sở vững chắc cho trận đánh B52 sắp tới.

Trước đó, ngày 27 tháng 11 năm 1972, lực lượng phòng không bảo vệ Hà Nội được phổ biến nhận định của Bộ Tổng tư lệnh: *“Địch sẽ đánh phá trở lại miền Bắc với mức độ ác liệt hơn, kể cả dùng B52 đánh ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng”*. Cùng ngày, Quân chủng Phòng không - Không quân nhận được lệnh *“tập trung mọi khả năng, nhằm đúng đối tượng B52 mà tiêu diệt”*. Với tinh thần chủ động, khẩn trương, ngày 4 tháng 12 năm 1972, Quân chủng chính thức báo cáo lên Bộ tổng tham mưu mọi công tác chuẩn bị đánh B52 đã xong, phương án đánh B52 đã sẵn sàng.

Giữa tháng 12 năm 1972, Hội đồng Phòng không và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội tổ chức diễn tập chiến đấu khắc phục hậu quả trên phạm vi toàn thành phố. Ngoài lực lượng thường trực chiến đấu, hệ thống còi loa báo động, thông tin liên lạc, đài quan sát cũng như lực lượng khắc phục hậu quả qua diễn tập có nhiều tiến bộ. Tuyến y tế từ thành phố xuống cơ sở có thể cấp cứu 5 nghìn người một ngày, các đội cứu sập, cứu hỏa ở các tuyến được bổ sung thêm phương tiện, thiết bị. Kế hoạch sửa chữa điện, nước, chôn cất người bị nạn, vệ sinh môi trường... được các ngành chuẩn bị với khả năng cao nhất.

Tình hình ngày càng khẩn trương, ngoài Sở Giao thông vận tải thành phố, Nhà nước thành lập *Ban bảo đảm giao thông vận tải khu vực* do đồng chí Đỗ Mười, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban. Các bến phà qua Sông Hồng ở khu vực Chương Dương, Khuyến Lương, Chèm và một số cầu phao, phà qua sông Đuống được gấp rút củng cố. Ngành giao thông vận tải đường sắt đã vận dụng thành tựu khoa học kỹ thuật lắp ráp thành công phà và cầu phao cho xe lửa. Cầu phao cho xe lửa có sức tải lớn nhưng không thuận tiện trong mùa mưa lũ, vì vậy phương tiện chủ yếu chuyển tàu hỏa qua sông là phà xe lửa. Trong thời điểm cuối tháng 11

đầu tháng 12 năm 1972, tại phía nam cảng Sông Hồng, bằng 2 chiếc phà xe lửa, đội cầu đường Hà Nội - Thái Nguyên đã vận chuyển được một khối lượng hàng hóa lớn. Trung bình một ngày đêm có 24 lượt toa tàu với hàng ngàn tấn hàng được chuyển từ bờ bắc sang bờ nam. Hàng qua sông chủ yếu là vũ khí nặng và trang bị kỹ thuật quân sự. Phà xe lửa được ghi nhận như một công trình khoa học mới của ngành giao thông vận tải đường sắt nước ta. Nó được áp dụng đúng lúc, có hiệu quả, góp phần tích cực cùng các phương tiện khác đáp ứng nhu cầu vận chuyển, phục vụ kháng chiến.

Trải qua hơn 6 tháng chiến đấu, đến tháng 12 năm 1972, lực lượng trực tiếp chiến đấu bảo vệ thủ đô có 4 trung đoàn không quân tiêm kích, 3 trung đoàn tên lửa, 6 trung đoàn pháo cao xạ, một số tàu hải quân. Dân quân tự vệ thủ đô có 4 đại đội cao xạ 100 mm (20 khẩu), 92 trận địa súng máy cao xạ 14,5mm, hơn 100 trận địa súng 12,7mm, đại liên, trung liên. Ngoài ra còn có hơn 4 vạn súng trường, tiểu liên, súng cối, ĐKZ tạo thành lưới lửa phòng không tầm thấp đồng thời sẵn sàng cơ động đánh địch đổ bộ đường không và truy lùng giặc lái Mỹ nhảy dù.

Một số tỉnh giáp với Hà Nội như Hà Bắc, Vĩnh Phú, Hà Tây, Hải Hưng, Nam Hà (địa danh hành chính thời kỳ này)... cũng đã sẵn sàng phương án tác chiến và khắc phục hậu quả, hỗ trợ cho Hà Nội.

Để đảm bảo liên lạc thông suốt, kịp thời, lực lượng thông tin của Bộ tư lệnh Thủ đô và Bộ tư lệnh Thông tin kết hợp với thông tin bưu điện nối liền các mạng liên lạc điện thoại và vô tuyến điện từ Trung ương xuống thành phố và các huyện. Ngoài ra còn có xe mô tô, xe đạp và các tổ truyền đạt chạy bộ từ xã, huyện lên thành phố.

Qua gần 2 tháng tạm ngừng, ngày 17 tháng 12 năm 1972, Mỹ ném bom trở lại tỉnh Thái Bình, thả bom sung thủy lôi và bắn tên lửa xuống cảng và thành phố Hải Phòng. Điều này càng làm rõ nhận định của ta: địch sẽ đánh phá trở lại miền Bắc, kể cả dùng máy bay B52 ném bom Thủ đô Hà Nội. Đây cũng là thử thách cao nhất của

quân dân miền Bắc, đặc biệt là quân dân Hà Nội trong cuộc chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Theo dõi chặt chẽ mọi âm mưu thủ đoạn của địch, 8 giờ sáng ngày 18 tháng 12 năm 1972, Bộ Quốc phòng điện nhắc các đơn vị pháo cao xạ, tên lửa, không quân, pháo binh đẩy mạnh công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cao, kịp thời đánh trả máy bay, tàu chiến địch.

Đêm ngày 18 tháng 12, đế quốc Mỹ huy động 90 lần chiếc máy bay chiến lược B52, 135 lần chiếc máy bay chiến thuật xuất phát từ đảo Guam và từ các căn cứ không quân ở Thái Lan lao về hướng Hà Nội. Đội hình máy bay địch kéo dài hàng chục kilômét được màn nhiễu điện tử che phủ ngược sông Mê Kông lên Tây Bắc rồi theo các dải núi bay vào Hà Nội. Đồng thời, hàng trăm lần chiếc máy bay chiến thuật cũng lao vào đánh phá Hải Phòng và một số địa phương miền Bắc.

19 giờ 10 phút, các đài ra-đa cảnh giới từ xa của ta đã phát hiện chính xác và kịp thời báo cáo về sở chỉ huy trung tâm: B52 đang bay vào Hà Nội. 19 giờ 25 phút, không quân ta cất cánh đón đánh các tốp máy bay chiến thuật Mỹ. Các đài ra-đa của các trận địa tên lửa cũng bắt đầu thu được tín hiệu của B52. Sở chỉ huy Bộ tư lệnh Thủ đô ra lệnh báo động toàn thành phố. Lập tức còi báo động từ Nhà hát lớn, Quảng trường Ba Đình, ga Hàng Cỏ và nhiều nơi khác nổi lên khẩn cấp. Trên hệ thống loa truyền thanh, Sở chỉ huy phát đi thông báo, máy bay Mỹ đã vào Hà Nội và ra lệnh cho các lực lượng chiến đấu kiên quyết đánh trả, bảo vệ thủ đô.

Từ 19 giờ 40 phút đến 20 giờ 18 phút, nhiều tốp máy bay B52 (mỗi tốp 3 chiếc) giội bom xuống các khu vực sân bay Nội Bài, Đông Anh, Yên Viên, Gia Lâm và nhiều nơi khác. Cuộc chiến đấu giữa lực lượng phòng không ta và máy bay địch diễn ra vô cùng ác liệt. Những loạt đạn tên lửa, pháo cao xạ ở phía tây và bắc thành phố

bắn liên tiếp làm sáng rực bầu trời trong đêm. Tiểu đoàn 59 tên lửa do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thăng chỉ huy đã bắn rơi chiếc máy bay B52 đầu tiên. Chiếc máy bay bị nổ tung rơi xuống cánh đồng giữa hai xã Phù Lỗ và Đồng Xuân thuộc tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc). Đây là chiếc B52 đầu tiên bị bắn rơi tại chỗ trên bầu trời Hà Nội, cũng là chiếc B52 đầu tiên bị bắn tan xác tại chỗ trên chiến trường Việt Nam và Đông Dương. Cùng lúc đó, một tiểu đoàn tên lửa khác của ta vừa phát hiện được địch, chưa kịp bắn đã bị tên lửa của chúng phóng xuống trận địa, làm một số cán bộ, chiến sĩ thương vong, khí tài bị hư hỏng. Các trung đoàn cao xạ 260, 212 bảo vệ khu vực sân bay Nội Bài, Cầu Đuống, Gia Lâm... cũng bị máy bay B52 ném bom vào trận địa. Mặc bom đạn dữ dội, ở hai xã Đồng Xuân và Phù Lỗ, nơi máy bay B52 rơi, cuộc đuổi bắt giặc lái Mỹ làm náo động cả một khu vực. Các cán bộ xã đội Đoàn Tấu, Trịnh Soi, Nguyễn Văn Lâm dẫn quân cơ động cùng nhân dân lùng sục từng bụi tre, vườn chuối. Bọn giặc lái, tên lơ lửng trên bụi tre gai, tên nằm úp mặt giữa hai luống cày, có tên chưa kịp tháo dù đã bị bắt trời.

Được tận mắt nhìn thấy máy bay B52 cháy và rơi tại chỗ, quân dân thủ đô có thêm sức mạnh, càng chiến đấu bền bỉ, kiên cường.

2 giờ sáng ngày 19 tháng 12 (cách đợt một 4 giờ) máy bay B52 vào ném bom Hà Nội lần thứ hai và đến 4 giờ 30 phút là đợt ném bom thứ ba. Đợt này chúng rải thảm xuống khu vực Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở Mễ Trì, xã Nhân Chính, nhà máy cao su Sao Vàng... Các trận địa tên lửa và pháo cao xạ liên tục đánh trả địch. Tiểu đoàn 77 tên lửa từ khu vực Chèm phóng đạn, tiêu diệt 1 máy bay B52. Xác chiếc máy bay này rơi xuống cánh đồng xã Tân Hưng, huyện Thanh Oai. Tên giặc lái bị bắt nói y đã lái chiếc máy bay B52D này cất cánh từ căn cứ Utapao lúc 2 giờ sáng. Mục tiêu ném bom là Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Bom B52 đã phá hỏng cột ăng-ten cùng một số thiết bị, đài phải tạm ngừng hoạt động. Nhưng chỉ sau 9 phút, Đài phát thanh dự bị được đưa vào hoạt động và *Tiếng nói*

Việt Nam phát thanh từ Hà Nội, thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại đồng đặc công bố với cả nước và thế giới về tội ác của đế quốc Mỹ trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng 12 năm 1972 ở Hà Nội.

Sau ngày 19 tháng 12, qua Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Chính phủ ta cực lực lên án, tố cáo đế quốc Mỹ dùng máy bay B52 ném bom dã man Thủ đô Hà Nội, đồng thời kêu gọi quân dân cả nước kiên cường chiến đấu, bắt quân thù phải đền nợ máu. Đài Tiếng nói Việt Nam cũng thông báo lần đầu tiên trong lịch sử chống chiến tranh phá hoại - cũng là lần đầu tiên trên thế giới, quân dân Hà Nội đã bắn rơi 3 máy bay chiến lược B52 (2 chiếc rơi tại chỗ), bắt sống nhiều giặc lái.

Đêm 18 tháng 12 năm 1972, gần 1 triệu người Hà Nội gần như không ngủ. Hàng chục triệu người ở các tỉnh, thành phố khác cũng hướng về Hà Nội xúc động, lo âu. Nhưng Hà Nội vẫn đứng vững. Các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân đội vẫn làm việc ở những căn hầm trong thành phố. Ngoài việc chỉ đạo quân dân cả nước, Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh đặc biệt chú trọng theo sát chỉ đạo cuộc chiến đấu của thủ đô. Giữ vững thủ đô lúc này là giữ vững niềm tin cho cả nước. Sau trận đánh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh quân đội đã đến ngay một số đơn vị phòng không và khu vực Đông Anh, Yên Viên vừa bị máy bay B52 ném bom, nghiên cứu thực địa và động viên bộ đội. Cũng trong buổi sáng ngày 19 tháng 12, trong buổi giao ban cán bộ chủ chốt Bộ tổng tham mưu do Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng chủ trì đã đặt ra nhiều cách giải quyết cấp bách cho cuộc đánh trả của Thủ đô Hà Nội, đặc biệt với lực lượng phòng không - không quân.

Những trận bom đêm 18 tháng 12 của không quân chiến lược Mỹ vào Hà Nội gây xúc động mạnh và làm chấn động dư luận quốc tế. Chính phủ Liên Xô lên án Mỹ trắng trợn xâm phạm thủ đô của một nước có chủ quyền. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Bugaria,

Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Ba Lan, Đảng Cộng sản Nhật Bản, Bộ Ngoại giao Trung Quốc... ra tuyên bố lên án tội ác của Mỹ, ủng hộ cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta. Nhiều nước trung lập và tư bản chủ nghĩa cũng tỏ thái độ phản đối hành động tàn bạo của Mỹ. Tổng thống Ghi-nê, Thủ tướng Đan Mạch, các Bộ Ngoại giao Ấn Độ, Pháp, Phần Lan, Thụy Điển, Hà Lan... ra tuyên bố hoặc gửi điện trực tiếp cho Tổng thống Mỹ yêu cầu lập tức chấm dứt tội ác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong cuộc tàn sát đẫm máu này.

Với nhân dân Việt Nam, việc Mỹ dùng máy bay B52 ném bom Thủ đô Hà Nội đã gây xúc động lớn trong tình cảm mỗi người, nhất là đồng bào và chiến sĩ đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Là những người đã từng chịu nhiều thảm cảnh do máy bay B52 gây ra, đồng bào và chiến sĩ ta ở miền Nam hiểu Hà Nội đang phải chịu đựng những tổn thất to lớn. Trả thù cho người thân ở địa phương, chia lửa với Hà Nội, chiến sĩ quân giải phóng cùng đồng bào càng quyết tâm chiến đấu, đập tan các cuộc phản kích của địch, giữ vững vùng giải phóng. Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã thông qua quyết định mở cuộc tiến công quân sự và chính trị ở thành phố Sài Gòn theo truyền thống *Hà Nội gọi, Sài Gòn trả lời*.

Do có kế hoạch chuẩn bị chu đáo và sự chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ, ngay đêm đầu tiên Hà Nội đã đánh trả địch có hiệu quả. Chiến thắng trận đầu khẳng định Thủ đô Hà Nội nhất định sẽ được bảo vệ vững chắc. *Rồng lửa Thăng Long* lần đầu tiên trên thế giới đánh gục tại chỗ thần tượng *pháo đài bay* ngay giữa lòng Hà Nội.

Với ý đồ không cho đối phương kịp khắc phục hậu quả, những trận bom trong đêm vừa dứt, Mỹ tiếp tục cho các loại máy bay ném bom chiến thuật ồ ạt vào đánh phá ban ngày. Cùng với chiến đấu, việc khắc phục hậu quả và tổ chức sơ tán trở thành nhiệm vụ cấp bách của thành phố. Đồng chí Trần Duy Hưng, Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố ra lệnh sơ tán cấp tốc người già, trẻ em và những người không có nhiệm vụ ở lại nội thành. Những người

còn lại phải phân tán. Cấp tốc sửa chữa và đào thêm hầm hào. Các lực lượng khắc phục hậu quả sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ. Các khu phố, huyện, các ngành, đoàn thể đình chỉ những cuộc hội họp. Học sinh tạm thời nghỉ học. Phân tán, giải tỏa hàng hóa, kho tàng. Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ thị cho các bộ, các ngành trực thuộc Trung ương chấp hành nghiêm túc các quy định của thành phố.

Đêm chiến đấu đầu tiên tuy giành được thắng lợi, nhưng lực lượng phòng không bảo vệ thủ đô gặp không ít khó khăn. Do chưa có kinh nghiệm chiến đấu liên tục với quy mô lớn, hầu hết các đơn vị hỏa lực tầm cao đã tiêu thụ quá mức cơ số đạn. Trận địa pháo 100mm của tự vệ khu phố Đống Đa bắn đến gần sáng thì hết đạn. Nhiều tiểu đoàn tên lửa cũng trong tình trạng đó. Có đơn vị đã phải phóng quả đạn tên lửa cuối cùng. Sư đoàn 361 và Quân chủng Phòng không - Không quân cấp tốc điều chỉnh đạn trong các đơn vị, đồng thời tổ chức thêm hai dây chuyền lắp ráp đạn tên lửa cho khu vực Hà Nội. Bộ Tư lệnh Thủ đô và các khu, huyện cũng khẩn trương điều động, bổ sung, thay thế người và vũ khí bị tổn thất. Bốn trận địa pháo 100mm của tự vệ được tiếp thêm đạn. Trận địa 14,5mm của dân quân xã Mễ Trì và một số nơi khác bị bom phá hủy được thay thế bằng súng máy 12,7mm.

Thực hiện âm mưu đánh quyết liệt, liên tục, đêm 19 tháng 12, máy bay B52 lại nối tiếp nhau ném bom Hà Nội và Hải Phòng. Riêng ở Hà Nội, 87 lần chiếc máy bay B52, hơn 200 lần chiếc máy bay cường kích đã ném 3 đợt bom xuống 68 điểm thuộc nội, ngoại thành. Sân bay Bạch Mai, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở Mễ Trì, thị trấn Yên Viên, Đông Anh, Gia Lâm, cảng Sông Hồng, Vĩnh Tuy... bị trúng bom địch. Các trận địa tên lửa, cao xạ và lưới lửa phòng không tầm thấp bảo vệ thủ đô anh dũng đánh trả địch. Hai máy bay B52 bị bắn rơi.

19 giờ ngày 20 đến rạng sáng 21, đế quốc Mỹ lại huy động 78 lần chiếc B52 và hơn 100 lần chiếc máy bay cường kích vào ném bom

Hà Nội. Tên lửa và pháo cao xạ ta chặn đánh chúng trên tất cả các hướng. Từ cự ly 22 kilômét, tiểu đoàn 93 tên lửa bắn rơi tại chỗ 1 máy bay B52, chiếc máy bay này rơi xuống xã Yên Thường, huyện Gia Lâm. Bọn giặc lái sống sót nhảy dù bị quân dân tỉnh Hà Bắc (nay là Bắc Ninh và Bắc Giang) bắt sống.

Mười phút sau khi chiếc máy bay B52 thứ nhất bị bắn rơi, Tiểu đoàn 77 tên lửa bắn rơi chiếc máy bay B52 thứ hai ở ngoại thành. Được chiến thắng đơn vị bạn cô vũ, 3 tiểu đoàn tên lửa 94, 79, 78 cũng bắn rơi 2 chiếc máy bay B52. Kết hợp với hỏa lực mặt đất, máy bay ta nhiều lần xuất kích căn phá đội hình máy bay địch. Đến 5 giờ sáng ngày 21, thành phố nổi còi báo động lần thứ 12. Mặc dù đã qua một đêm chiến đấu vô cùng ác liệt, bộ đội chủ lực và dân quân tự vệ vẫn động viên nhau kiên quyết đánh trả địch. Với kinh nghiệm dày dạn, kỹ thuật thành thạo, Tiểu đoàn 77 tên lửa do tiểu đoàn trưởng Đinh Thế Văn chỉ huy đã phóng hai quả đạn bắn rơi chiếc máy bay B52 thứ năm. Tiếp đó, tên lửa ta bắn rơi thêm một máy bay B52 và vào những phút chót của đêm chiến đấu, bằng 2 quả đạn tên lửa cuối cùng, tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Phiệt đã chỉ huy Tiểu đoàn 57 bắn rơi thêm một chiếc máy bay B52.

Pháo đài bay Mỹ bị ta trừng trị đích đáng, nhưng hậu quả của những trận bom trong đêm cũng thật nặng nề. Rất nhiều nơi trong thành phố bị tàn phá, trong đó có Khu tập thể An Dương. Một vệt bom B52 đã san bằng và phá hủy nặng 15 xí nghiệp, trường học, cửa hàng, trạm xá và hàng trăm nhà trong khu vực, làm chết 171 người, bị thương 151 người. Đây là trận B52 địch đánh sâu vào nội thành và gây tổn thất lớn nhất về người kể từ đêm 18 tháng 12.

Trong trận đánh đêm 20 rạng 21 tháng 12, các lực lượng phòng không bảo vệ thủ đô đã bắn rơi 7 máy bay B52 (có 5 chiếc rơi tại chỗ) và bắt sống nhiều giặc lái, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Đó là trận đánh hiệp đồng tốt giữa tên lửa, không quân, cao xạ với hỏa lực tầm thấp của dân quân tự vệ trên một địa bàn rộng, nhiều mục tiêu,

trọng điểm. Quân dân Hà Nội đã lập chiến công lớn. Chính kẻ địch đã thú nhận chúng bị mất 6 phần trăm tổng số lượt chiếc máy bay B52 xuất kích trong đêm, một tổn thất không thể chịu đựng nổi. Trận đánh này có ý nghĩa quan trọng góp phần đẩy nhanh thất bại của không quân chiến lược Mỹ trong chiến dịch *Linebacker II*.

Tuy máy bay B52 có sức tàn phá lớn, nhưng ở độ cao 10 kilômét, lại bị hỏa lực ta đánh trả quyết liệt, nó không dễ dàng hủy diệt được các mục tiêu theo ý muốn của bộ chỉ huy Mỹ. Vì thế, trưa ngày 21, Mỹ sử dụng nhiều máy bay ném bom chiến thuật, ném các loại bom *điều khiển từ xa* vào một số khu vực quan trọng trong thành phố. Ga Hàng Cỏ, trụ sở Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công đoàn... bị trúng bom. Ngôi nhà trung tâm ga Hàng Cỏ bị đổ sập, 16 toa xe lửa hư hỏng. Nhiều đoạn đường sắt bị phá hủy. Cũng bằng loại bom điều khiển, lúc 13 giờ, địch đã phá hủy nhà trung tâm Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Đó là lần ném bom thứ sáu liên tiếp trong 3 ngày đêm từ 18 đến 21 tháng 12 vào Đài Phát thanh. Hàng ngàn quả bom đã trút xuống khu vực, gây thương vong cho 130 đồng bào trong vùng. Hàng trăm nhà ở, vườn cây, giếng nước, công trình công cộng bị san bằng. Cùng thời điểm trên, máy bay địch ném bom dữ dội vào Nhà máy điện Yên Phụ, 12 trong số 22 lò bị phá hỏng. Hai công nhân Đặng Đình Thọ và Vũ Xuân Hòa tình nguyện ở lại điều chỉnh dòng điện, bị bom rơi trúng buồng máy hy sinh, nêu tấm gương cao đẹp của người thợ điện thủ đô.

Đêm 21 tháng 12, số lượng máy bay B52 ném bom vào Hà Nội đã giảm xuống còn 24 lần chiếc, bằng xấp xỉ một phần ba các đêm trước. Nhưng chúng thay đổi thủ đoạn, rút ngắn thời gian bay vào khu vực hỏa lực, tăng cường máy bay yểm trợ và gây nhiễu, rút ngắn cự ly các tốp, đồng thời thu hẹp vòng lượn để thoát khỏi khu vực uy hiếp của tên lửa sau khi ném bom.

Vận dụng linh hoạt phương thức tác chiến, bộ đội tên lửa đã bắn rơi thêm 3 chiếc, tiêu diệt một phần tám số máy bay B52 vào

ném bom trong đêm. Tuy vậy, ta cũng không ngăn chặn được những trận ném bom của địch. Lúc 3 giờ 45 phút ngày 22, Bệnh viện Bạch Mai bị máy bay B52 dội bom. Hàng tấn máy móc, thiết bị, thuốc men bị hư hại, 28 bác sĩ, y sĩ, y tá, nhân viên phục vụ cùng nạn nhân các trận bom trước đang nằm điều trị chết và bị thương. Bệnh viện Bạch Mai, trung tâm y tế lớn nhất miền Bắc thời kỳ này, từng được nhiều nước trên thế giới đầu tư, giúp đỡ bị phá hủy nặng. Các thầy thuốc và nhân viên bệnh viện đã làm việc hết sức mình tìm cứu người bị nạn. Nguyễn Thị Cúc, nhân viên khoa da liễu bới gạch đến róm máu tay, cứu được 12 người. Trần Thị Xiêm, được tá dẫn đầu chi đoàn thanh niên cùng cán bộ, nhân viên xông vào các khu vực đang còn khói lửa, cứu người, cứu thuốc. Khu phố Đống Đa và thành phố cấp tốc điều tới những đội cứu sập, cứu hỏa cùng giải quyết hậu quả.

Ngoài đối tượng chính là máy bay B52, trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, Hà Nội còn phải đối phó với lực lượng lớn máy bay chiến thuật Mỹ, đặc biệt là loại máy bay F111. Loại này thường bay rất thấp, hoạt động nhỏ, lẻ, bất ngờ, liên tục, gây tâm lý căng thẳng cho nhân dân ta.

Trước tình hình đó, Bộ tổng tham mưu đã chỉ đạo bổ sung phương án tác chiến đối với Hà Nội. Trước đây (từ đêm 18 tháng 12) hỏa lực tầm thấp trong nội thành không được bắn ban đêm, đề phòng bắn nhầm vào máy bay ta lên, xuống sân bay Gia Lâm; nay Bộ tổng tham mưu đã có kế hoạch bảo đảm an toàn cho máy bay ta, cho tất cả các loại hỏa lực trong nội thành phát huy cả ban ngày và ban đêm.

Qua theo dõi đường bay của máy bay F111, Bộ tư lệnh Thủ đô tổ chức một trận địa súng máy cao xạ 14,5mm đón lõng tại bãi cát Vân Đồn phía Bắc cảng Sông Hồng 2 kilômét. Trận địa gồm 5 khẩu đội của tự vệ 3 nhà máy tập trung lại: Gổ Hà Nội 2 khẩu, Cơ khí Mai Động 2 khẩu, Cơ khí Lương Yên 1 khẩu. Đồng chí Hoàng Minh Giám, cán bộ Bộ tư lệnh được cử xuống trực tiếp chỉ huy trận địa.

Đề chỉ dẫn đường bay địch, đội thông tin kéo một đường dây điện thoại từ sở chỉ huy ra trận địa.

9 giờ đêm 22 tháng 12 năm 1972, máy bay F111 bắt đầu xuất hiện. Được trên thông báo, Lê Xuân Máy, trực tiêu đồ đánh dấu chính xác đường bay khi chúng còn cách Hà Nội 100 kilômét. Trợ lý trinh sát Lê Thống theo dõi và thông báo đường bay, hướng bay ra trận địa Vân Đồn. Càng đến gần Hà Nội, máy bay địch càng hạ thấp độ cao. Tới khoảng cách 20 kilômét, các khí tài quan sát của ta mất mục tiêu. Lúc này, theo dõi phát hiện và chủ động đánh địch hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm, tài trí của các xạ thủ trên trận địa. Cũng giống như những đêm trước, từ phía tây bắc chiếc F111 bay theo dọc sông, qua cảng Sông Hồng đúng vào trận địa Vân Đồn, nơi các chiến sĩ tự vệ đang chờ chúng. Cả 5 khẩu đội đồng loạt nhắm đạn. Chiếc F111A bốc cháy, ngoặt sang hướng tây và rơi xuống huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hai tên giặc lái nhảy dù bị quân và dân địa phương bắt sống.

Trận đánh diệt máy bay F111 đầu tiên của tự vệ thủ đô được cấp trên đánh giá cao. Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo thành phố, Bộ tư lệnh Thủ đô đã xuống trận địa động viên, tặng quà các chiến sĩ.

Từ kinh nghiệm bắn rơi máy bay F111 ở Vân Đồn, Bộ tư lệnh Thủ đô chỉ đạo các khu phố, huyện nhanh chóng tổ chức 23 trận địa tập trung. Mỗi trận địa có từ 4 đến 6 khẩu, bố trí thành cụm, đón lõng các đường bay địch. Khu vực này không đón được máy bay, anh chị em lại chuyển trận địa sang khu vực khác. Phương tiện vận chuyển cũng rất linh hoạt, phong phú, khi bằng ô tô, máy kéo, lúc bằng xe bò, xe cải tiến hoặc khiêng vác.

Khí thế chiến đấu của quân dân Hà Nội càng lên cao sau khi được Bộ Tổng tư lệnh khen ngợi nhân ngày 22 tháng 12. Trong thư khen có đoạn: *"Nhiệt liệt khen ngợi bộ đội tên lửa, cao xạ, không quân,*

bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, đồng bào và cán bộ thủ đô đã chiến đấu giỏi, đánh những trận tiêu diệt rất xuất sắc, liên tiếp chiến thắng oanh liệt. Trong cuộc leo thang chiến tranh mới cực kỳ nghiêm trọng này, giặc Mỹ bị quân và dân miền Bắc, quân dân thủ đô ta giáng cho những đòn quyết liệt và tổn thất nặng..." (Báo Nhân Dân ngày 23-12-1972).

Những đợt ném bom mang tính chất hủy diệt của máy bay B52 xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác trên miền Bắc Việt Nam khiến dư luận thế giới hết sức phẫn nộ. Nhiều cuộc mít tinh biểu tình liên tiếp diễn ra ở nhiều nước kể cả ở Mỹ.

Do bị thất bại nặng nề và lấy cớ nghỉ lễ Noel, 24 giờ ngày 24 tháng 12 địch tạm dừng cuộc tập kích để củng cố lực lượng, ổn định tinh thần bộ đội, rút kinh nghiệm, tìm thủ đoạn đánh phá mới.

Ngay sau khi đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng đánh bom, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương nhận định: địch sẽ đánh phá trở lại Hà Nội ác liệt hơn. Quân dân miền Bắc, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội phải gấp rút chuẩn bị tốt lực lượng đánh địch trong những ngày tới. Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân phải kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm chiến đấu trong toàn quân chủng, tập trung lực lượng tên lửa, dành để đánh B52 ban đêm; ban ngày chỉ sử dụng không quân và pháo cao xạ đánh trả không quân chiến thuật của địch.

Tuy bị tổn thất lớn về số lượng máy bay B52 và giặc lái, bị dư luận thế giới và trong nước lên án mạnh mẽ, song tập đoàn Ních-xơn vẫn ngoan cố tiếp tục chiến dịch *Linebacker II* với cường độ lớn hơn vào ngày 26 tháng 12 năm 1972.

Chiều ngày 26 tháng 12, gần 60 chiếc máy bay chiến thuật các loại vào ném bom dữ dội các khu vực trận địa tên lửa, nhằm tạo thuận lợi cho máy bay B52 hoạt động ban đêm. Nhưng hầu hết các đợt sục sạo ban ngày của địch đều bị hỏa lực tầm trung và tầm tập của Hà Nội ngăn chặn. Tên lửa ta vẫn giữ được bí mật, an toàn.

Từ 22 giờ 30 phút đến 22 giờ 45 phút, 129 lần chiếc máy bay B52 ập đến ném bom dữ dội Thủ đô Hà Nội. Lần này chúng đánh phá trên cả 4 hướng tây nam, tây bắc, đông bắc và đông nam. 22 giờ 30 phút, máy bay B52 rải bom khu vực ga Văn Điển, Nhà máy Pin, kho Giáp Nhị, kho dầu Đức Giang, Đông Anh, khu trận địa tên lửa ngoại thành. 22 giờ 40 phút, chúng đánh phá Sân bay Bạch Mai, Nội Bài, khu công nghiệp và dân cư Đông Anh, Cổ Loa, Giáp Bát, cảng Sông Hồng, Thượng Đình... Tiếp đó, nhiều tốp máy bay B52 ném bom rải thảm Khâm Thiên và nhiều nơi thuộc khu phố Hai Bà Trưng. Thành phố rung chuyển. Ba tiểu đoàn tên lửa 76, 57, 88 đã tập trung bắn rơi tại chỗ 2 chiếc. Chưa bao giờ trên bầu trời Hà Nội diễn ra trận đánh ác liệt giữa *rồng Thăng Long* với *pháo đài bay Mỹ* như lúc này. Cùng với tên lửa, 20 khẩu pháo 100mm của tự vệ cùng bắn trả địch quyết liệt. Đêm mùa đông sáng rực bởi ánh lửa của đạn pháo, đạn tên lửa, của bom và những chiếc B52 bốc cháy.

Do địch cùng lúc đánh nhiều mục tiêu, chúng lại bay trong *hàng lang nhiều* dày đặc dài hàng chục kilômét, nên các tình huống chiến đấu diễn biến càng phức tạp. Với kinh nghiệm dày dặn, các tiểu đoàn tên lửa 59, 93, 78, 79 phân tích chính xác mục tiêu trong dài nhiều, bắn rơi trong đêm lên 5 chiếc. Phối hợp với tên lửa và pháo cao xạ, máy bay ta xuất kích, cản phá đội hình máy bay địch.

Cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên cũng bắn rơi 3 máy bay B52. Vậy là đêm 26 tháng 12, Thủ đô Hà Nội và các địa phương đã đánh một trận tiêu diệt xuất sắc, bắn rơi 8 "*pháo đài bay B52*", 10 máy bay cường kích chiến thuật, bắt sống nhiều giặc lái Mỹ.

5 giờ sáng ngày 27, trận đánh kết thúc. Điểm cấp cứu đầu tiên của Hà Nội là phố Khâm Thiên, khu phố (nay là quận) Đống Đa. Phố Khâm Thiên dài 1.200 mét nối liền ngã tư Ô Chợ Dừa với ngã tư đường Nam Bộ (nay là đường Lê Duẩn), một trong những phố có mật độ dân cư đông đúc nhất Hà Nội, gồm 5.968 hộ với 29.629 người (số liệu năm 1972). Vệt bom do máy bay B52 rải xuống

gần hết chiều dài đường phố đã giết chết 287 người, làm bị thương 290 người. Bom san bằng, phá sập gần hai nghìn ngôi nhà, đền chùa, trường học, trạm xá, hầm hố kiên cố của tập thể, cơ quan và gia đình. Hầm nhiều nhất 8 người chết và bị thương. Có gia đình 6 người ngồi trong một hầm, không ai sống sót. Ngay sáng hôm sau, mặc dù thành phố đang trong tình trạng báo động, nhiều khách nước ngoài, cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội, đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đại diện thành phố Hà Nội, các ký giả... đã đến thăm những người bị nạn ở Khâm Thiên. Nhiều đoạn đường, vỉa hè, nền nhà còn loang vết máu. Nhiều tử thi xếp dọc hè phố chờ khâm liệm và đưa đi mai táng.

Cùng với Khâm Thiên, trong đêm, máy bay B52 đã rải bom xuống hơn một trăm điểm trong thành phố. Hai phần ba trong số đó là khu dân cư, làm hơn một nghìn người chết và bị thương. Tàn sát hàng loạt dân thường để đạt tới mục tiêu chính trị là một tội ác hết sức dã man và ghê tởm của Nhà Trắng và Lầu Năm Góc. Các khu vực Yên Viên, Gia Lâm, Uy Nỗ... đã bị máy bay B52 ném bom đến lần thứ 10, thứ 12. Khu vực Yên Viên bị khoảng 5.000 quả bom; nhà ga cùng nhiều đoạn đường sắt, kho chứa hàng bị bom Mỹ đào lên lấp xuống đến mức không còn dấu tích cũ.

Cùng thời gian từ 22 giờ 30 phút đến 22 giờ 45 phút ngày 26 tháng 12, Mỹ dùng máy bay B52 đánh phá thành phố Hải Phòng và Thái Nguyên. Chúng thực hiện đánh cả ba khu vực Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên cùng lúc, đánh phá ồ ạt, liên tục, thời gian ngắn, đánh từ nhiều hướng. Đây là đợt đánh phá được Mỹ chuẩn bị kỹ, tổ chức hiệp đồng công phu với cường độ lớn. Địch tin rằng với chiến thuật mới đó chúng sẽ phân tán và gây nên sự rối loạn về chỉ huy của ta, làm cho hỏa lực phòng không, nhất là tên lửa và không quân bị tê liệt. Nhưng ngược lại, đây lại là đêm tổn thất máy bay B52 lớn nhất của không quân chiến lược Mỹ.

Trước hành động điên cuồng, hung hăng, tàn bạo của Mỹ, Thành ủy Hà Nội phát động căm thù trong toàn thành phố. Các lực lượng vũ trang, cơ quan, đoàn thể, các ngành và nhân dân đều tỏ rõ quyết tâm chiến đấu đến cùng với giặc Mỹ, trả thù cho Khâm Thiên và những nơi bị hủy diệt. Các tỉnh, thành trên miền Bắc tập nập gửi hàng hóa, thuốc men, lương thực... đến trợ giúp. Tỉnh Hà Tây (cũ) báo về có thể tiếp nhận của Hà Nội từ hai đến ba nghìn nạn nhân sau khi mổ. Cùng vào thời gian nóng bỏng này, đồng bào Sài Gòn - Gia Định kết nghĩa với Hà Nội, thay mặt quân dân miền Nam gửi thư chia sẻ đau thương, mất mát và tỏ lòng khâm phục truyền thống kiên cường bất khuất của thủ đô.

Với những diễn biến phức tạp, dồn dập trong đêm 26, ngày 27 tháng 12, Thủ tướng Chính phủ triệu tập cuộc họp khẩn cấp với các Bí thư, Chủ tịch một số tỉnh, thành phố để giải quyết những vấn đề cấp bách về chiến đấu, phòng tránh và tập trung sức chỉ viện cho thủ đô. Trước mắt, Bộ Quốc phòng tăng cường phương tiện, lực lượng để cùng Hà Nội nhanh chóng khắc phục hậu quả, giải tỏa giao thông. Các tỉnh Vĩnh Phú, Hà Tây, Hải Hưng, Hà Bắc (cũ) sẵn sàng chỉ viện theo yêu cầu của thủ đô, sẵn sàng tiếp nhận và cứu chữa nạn nhân của thủ đô.

Đêm 27 tháng 12, từ sân bay Yên Bái, phi công Phạm Tuấn lái máy bay MiG 21 vượt qua hàng rào bảo vệ của máy bay F4 tiến về hướng máy bay B52. Đến bầu trời Mộc Châu, Sơn La, anh tiếp cận được mục tiêu và bắn rơi 1 chiếc góp phần cản phá đội hình B52 đang bay xuống Hà Nội. Cũng trong đêm 27 tháng 12, do những tổn thất rất nặng từ trước, máy bay B52 vào ném bom Hà Nội giảm xuống còn 36 lần/ chiếc. Các trận địa tên lửa của ta đã đánh trả địch rất hiệu quả, 4 chiếc B52 bị bắn rơi, trong đó, một chiếc từ độ cao 10 kilômét chưa kịp cắt bom, bị trúng đạn bốc cháy rơi xuống làng Ngọc Hà, cách Quảng trường Ba Đình hơn 500 mét.

Trong lúc bầu trời và mặt đất ầm vang tiếng súng, tiếng bom, tiếng rít của đạn tên lửa, của máy bay F111, cuộc chiến đấu của các

lực lượng không cầm súng cũng diễn ra hết sức căng thẳng. Các chiến sĩ ra-đa luôn phải đấu trí với những tên giặc lái già đời sử dụng kỹ thuật mới nhất chống ra-đa phát hiện để đánh phá mục tiêu. Hàng trăm chiến sĩ trinh sát phòng không bám trụ trên những đài quan sát chênh vênh không vật che đỡ, theo dõi địch báo cáo kịp thời về Sở chỉ huy. Các chiến sĩ thông tin liên lạc bằng mình qua bom đạn để truyền đạt mệnh lệnh. Trong các căn hầm đã chiến, những người thầy thuốc làm việc suốt ngày đêm cấp cứu nạn nhân. Đặc biệt, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh Hà Nội làm việc liên tục ngày đêm, bảo đảm chương trình phát sóng. Các văn nghệ sĩ cũng gắn mình vào cuộc chiến đấu. Nhiều nhà văn, nhà báo của thành phố, của Trung ương, quân đội không quản hiểm nguy đến tận nơi xảy ra chiến sự ghi chép, tìm hiểu. Các phóng viên quay phim, chụp ảnh đã kịp thời thu những hình ảnh chiến đấu hào hùng của Thủ đô Hà Nội. Trong một lần báo động kéo dài, nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác bài hát *Hà Nội - Điện Biên Phủ* ở một căn hầm giữa thành phố. *Hà Nội đây, để quốc Mỹ có nghe chăng câu trả lời của Hà Nội chúng ta? Đâu chỉ vì riêng nước non này?...* Cùng nhiều tác phẩm văn hóa, nghệ thuật khác, bài hát ra đời đúng lúc đã cổ vũ mạnh mẽ ý chí chiến sĩ, đồng bào kiên quyết chiến đấu bảo vệ thủ đô.

Những cuộc tiến công ác liệt dồn dập vào Thủ đô Hà Nội vẫn không tạo được *thế mạnh* cho Mỹ ở Hội nghị Paris. Mỹ buộc phải xuống thang, đề nghị Chính phủ ta nối lại cuộc đàm phán. Và chiều ngày 28 tháng 12 năm 1972, phái đoàn ta do đồng chí Lê Đức Thọ làm cố vấn dẫn đầu trở lại Hội nghị Paris với lòng tự tin của một dân tộc chiến thắng. Cũng trong ngày 28, Bộ tổng tham mưu điện cho Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân: trước tổn thất rất nặng, địch có thể kết thúc cuộc tập kích. Trên tinh thần đó, quân chúng chỉ thị gấp cho Sư đoàn phòng không Hà Nội (Sư đoàn 361) và Sư đoàn 363 (bảo vệ Hải Phòng) tập trung lực lượng lớn nhất bắn rơi nhiều máy bay B52, giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Đến cuối ngày 28 tháng 12, Thủ đô Hà Nội hoàn thành sơ tán bước ba, đưa ra khỏi nội thành hơn 50 vạn người. Đây là lần sơ tán có quy mô lớn nhất trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm của Thủ đô Hà Nội. Tuy đã giảm tám mươi phần trăm số người, nhưng Hà Nội vẫn duy trì nếp sinh hoạt thời chiến, khẩn trương, kỷ luật, bình tĩnh, tự tin. Điều mà Nhà Trắng và Lầu Năm Góc mơ tưởng là Hà Nội sẽ tê liệt sau những trận B52 rải thảm đã không xảy ra. Một số chính khách, phóng viên người nước ngoài đến Hà Nội trong dịp này vẫn được đón tiếp chu đáo trong bầu không khí hữu nghị, bình thản.

Đêm 28 tháng 12, số máy bay B52 vào đánh phá Hà Nội chỉ còn 30 lần/ chiếc cùng với 131 lần/ chiếc máy bay chiến thuật các loại. Lực lượng tên lửa bảo vệ thành phố bắn rơi 1 chiếc. Trong lúc Hà Nội đang diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt, theo phương án đánh địch từ xa, sân bay Thọ Xuân (Thanh Hóa), phi công Vũ Xuân Thiều lái máy bay MiG 21 ngược lên Sơn La bắn rơi 1 chiếc máy bay B52. Nhưng do tiếp cận quá gần, máy bay của Vũ Xuân Thiều bốc cháy theo. Người con trai Hà Nội đã anh dũng hy sinh.

Sau đêm 28 tháng 12, B52 và các loại máy bay cường kích vẫn tiếp tục vào ném bom nhưng số lượng giảm hẳn so với những đêm trước. Thêm 1 chiếc máy bay B52 và 1 chiếc máy bay F4 bị quân dân Hà Nội bắn rơi.

Từ đánh nhỏ đến đánh lớn, đánh ban đêm và đánh ban ngày, đánh liên tục, dữ dội, nhưng Mỹ không đạt được mục đích mong muốn. Ngược lại, tổn thất về máy bay, nhất là B52 quá lớn, buộc Mỹ không thể kéo dài hơn nữa cuộc tập kích chiến lược vào Thủ đô Hà Nội. Đây thực sự là một đòn chiến lược có ý nghĩa quyết định làm cho đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi kế hoạch. 7 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 1972, tổng thống Mỹ ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, Chiến dịch *Linebacker II* của Mỹ kết thúc trong thất bại.

Cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ ở miền Bắc Việt Nam mà Thủ đô Hà Nội là mục tiêu chủ yếu đã diễn ra liên tục trong 12 ngày đêm. Trong 12 ngày đêm ấy, Mỹ đã sử dụng 726 lần chiếc B52, gần 2.000 lần chiếc máy bay chiến thuật. Riêng trên địa bàn Hà Nội có 444 lượt chiếc máy bay B52, chiếm trên 60 phần trăm tổng số lần máy bay B52 xuất kích và hơn 1.000 lần chiếc máy bay chiến thuật, ném xuống khoảng hơn mười nghìn tấn bom, giết chết 2.380 người, làm bị thương 1.355 người khác. Với số bom đạn trên, Mỹ đã gây cho Hà Nội nhiều khó khăn, tổn thất. Trên địa bàn thành phố có 9 ga xe lửa thì 7 bị phá hỏng. Trong 5 chiếc cầu, 5 bến phà, bị phá sập và hỏng nặng 4 cầu, 4 bến phà. Cảng Sông Hồng, cảng duy nhất, không còn hoạt động bình thường. Một phần ba trong số gần 200 nhà máy, xí nghiệp cùng với 5 bệnh viện, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam và nhiều công trình kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa bị phá hủy hoặc thiệt hại nặng. 67 xã ngoại thành và 39 khối phố nội thành bị đánh phá. Với khối lượng lớn bom đạn, đế quốc Mỹ đã gây nên sự tàn phá nặng nề và thương vong lớn cho dân thường, nhưng chúng vẫn không gây được sức ép đối với Chính phủ và nhân dân ta. Quân dân miền Bắc và Thủ đô Hà Nội đã chuẩn bị tốt thể trận và tinh thần, chủ động sơ tán, phân tán vừa chiến đấu đạt hiệu quả cao, vừa phòng tránh tốt, thương vong thấp.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, ta đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay F111. Hàng trăm tên giặc lái Mỹ, phần lớn là lái máy bay B52 bị chết hoặc bị bắt sống. Riêng ở Hà Nội - khu vực mục tiêu chủ yếu của địch, 23 máy bay B52, 2 máy bay F111 và 5 máy bay chiến thuật bị bắn rơi. Với chiến dịch *Linebacker II*, Mỹ định đánh ta bất ngờ với đòn hủy diệt mạnh, nhưng chúng đã lầm, chính chúng bị bất ngờ về số lượng máy bay B52 bị tiêu diệt, về mục đích gây sức ép không đạt, đặc biệt là bất ngờ về tinh thần bình tĩnh, vững vàng của quân và dân ta trước bom đạn ác liệt của quân thù. Cuộc tập kích chiến lược bằng đường không của đế quốc Mỹ bị đánh bại. Chính tổng thống Mỹ Ních-xơn đã phải thú nhận trong hồi ký của mình: *Điều lo ngại*

chính của tôi trong tuần lễ ném bom đầu tiên không phải là những đợt phản đối gay gắt ở trong nước và thế giới, điều này đã được dự tính, mà chính là thiệt hại nặng nề về B52.

Chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 của quân dân Hà Nội và của cả miền Bắc đã làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không” chôn vùi uy thế của không lực Hoa Kỳ. Chiến thắng này được coi là đỉnh cao nhất của quân dân Thủ đô cũng như của cả miền Bắc trong cuộc chiến tranh nhân dân hai lần chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Trong 12 ngày đêm, giặc Mỹ muốn biến Hà Nội thành bãi chiến trường của cuộc đổ sức cuối cùng mà chúng tin rằng sẽ nắm chắc phần thắng. Mọi tính toán của chúng bị đảo lộn. Hà Nội đã chiến thắng. Chiến công của quân và dân Thủ đô không chỉ là tiêu diệt nhiều máy bay địch mà quan trọng hơn là chủ động phòng tránh, giảm tổn thất về người và của, nhanh chóng khắc phục hậu quả sau mỗi trận đánh phá của kẻ thù, hơn tất cả là ý chí kiên cường, sự vững vàng, bình tĩnh của người Hà Nội trước thủ đoạn xâm lược của quân xâm lược. Trong những ngày chiến đấu các liệt, cùng với bộ đội phòng không - không quân, tất cả các tầng lớp nhân dân Thủ đô đã góp sức tạo nên chiến thắng. Hàng trăm tấm gương sáng ngời đã xuất hiện trên mọi lĩnh vực: chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự trị an, tính mạng và tài sản của nhân dân trong cứu thương, cấp cứu, trong đùm bọc cứu mang giúp đỡ lẫn nhau. Đó là hình ảnh các chiến sĩ công an bám trụ ngày đêm bảo đảm giao thông, là tấm gương của hai công nhân nhà máy điện Yên Phụ bám máy đến cùng bảo vệ dòng điện cho Thủ đô, đó là hàng ngàn các chiến sĩ tự vệ cùng lực lượng cứu sập, cứu hỏa quên mình dưới làn bom đạn vì nhiệm vụ; đó là những nữ dân quân, học sinh, sinh viên tình nguyện phục vụ tiếp đạn ra trận địa cho các chiến sĩ tên lửa, cao xạ...

Cùng Hà Nội làm nên chiến thắng còn có sự góp sức của quân dân các địa phương đã tổ chức chiến đấu bảo vệ Hà Nội từ xa và cứu mang giúp đỡ hàng chục vạn đồng bào Thủ đô về sơ tán.

Hà Nội đã cùng quân dân miền Bắc làm nên trận “*Điện Biên Phủ trên không*”, một trận thắng có ý nghĩa chiến lược: đánh thắng lực lượng không quân chiến lược của Mỹ, đánh thắng kẻ thù khi chúng leo thang đến mức cao nhất. Đánh thắng B52, ta đã đập tan mọi cố gắng phản kích của Mỹ vào thời điểm quan trọng. Thắng lợi này đẩy đế quốc Mỹ lún sâu vào thế bẽ tắc hơn cả những lần trước đây. Không còn cách nào khác hơn, Mỹ phải trở lại bàn Hội nghị Paris, chấp nhận những nội dung đã thỏa thuận tháng 10 năm 1972 và phải ký Hiệp định Paris (27-1-1973) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngày 28 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Paris bắt đầu có hiệu lực, chấm dứt vai trò của quân viễn chinh Mỹ trên chiến trường miền Nam Việt Nam.

Qua thắng lợi 12 ngày đêm đánh trả cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ, vị trí của Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam càng có thể đứng vững chắc trong lòng nhân dân thế giới. Ngoài các nước xã hội chủ nghĩa anh em coi cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân Việt Nam như cuộc chiến đấu của chính mình, rất nhiều nước trung lập, tư bản chủ nghĩa, các nước mới trỗi dậy tỏ rõ thái độ phản đối hành động dã man của đế quốc Mỹ. Dư luận tiến bộ thế giới lên án *Tổng thống Mỹ thứ 37 (Ních-xơn)* đã đi vào lịch sử như một *Hít-le*, *Kẻ sát hại đàn bà và trẻ em*, *Sự sỉ nhục của trái đất...* Cùng với quân dân cả nước, quân dân Hà Nội đã đập tan huyền thoại về B52, loại siêu pháo đài *bất khả xâm phạm* của Không lực Hoa Kỳ, một trong bộ ba Vũ khí chiến lược của Mỹ. Từ hồi hộp, lo lắng, nhân dân thế giới đi đến ngạc nhiên, khâm phục cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam, của Thủ đô Hà Nội.

Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, mà đỉnh cao là 12 ngày đêm cuối năm 1972 trên bầu trời Hà Nội đã đi vào lịch sử Việt Nam và thế giới như một dấu son chói lọi. Cùng với cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân miền Nam, nó còn là đề tài cho nhiều nhà quân sự, chính trị, sử học trên thế giới

ngiên cứu, khai thác về tính chất anh hùng Việt Nam, của Hà Nội và về sai lầm của Mỹ.

Thắng lợi của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ mà đỉnh cao là Chiến dịch mười hai ngày đêm ở Hà Nội, trước hết là thắng lợi của nghệ thuật phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; là thắng lợi của sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng phòng không chủ lực với hệ thống phòng không dân quân tự vệ, lấy lực lượng phòng không chủ lực làm nòng cốt, đồng thời động viên đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức, các lực lượng khác trong thành phố tham gia bảo đảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Thắng lợi đánh bại máy bay B52 là thắng lợi của tên lửa phòng không, của bộ đội ra-đa có sự phối hợp hiệp đồng của ba thứ quân, của tác chiến phòng không nhân dân. Thắng lợi đó còn là sự phát huy thế mạnh của thủ đô được Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy, kết hợp chặt chẽ với sự lãnh đạo, chỉ đạo của thành phố trong từng chủ trương, từng tình huống cụ thể.

Cả nước vì thủ đô, thủ đô vì cả nước là mối quan hệ máu thịt, một yếu tố cực kỳ quan trọng dẫn đến thắng lợi, đặc biệt là các tỉnh bạn lân cận đã đồng tâm hiệp lực với Hà Nội đánh bại *sức mạnh không thể tưởng tượng nổi của không lực Hoa Kỳ tạo nên một trận Điện Biên Phủ trên không*.

“Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không” - cũng là “Chiến thắng B52”, “Chiến thắng 12 ngày đêm” đã được nhắc đến nhiều lần trên các sách, báo, các đài phát thanh, các đài truyền hình của nước ta và từ cuối năm 1972 đến nay và còn vang vọng đến mai sau.

X - CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (NĂM 1975)

Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 đến 30-4-1975) là chiến dịch quyết chiến chiến lược của quân và dân Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đánh vào đầu não và lực lượng quan trọng nhất của chính quyền và quân đội Sài Gòn, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ ngày 26-4-1975, quân ta hình thành thế bao vây Sài Gòn từ 5 hướng. 17 giờ ngày 26 tháng 4, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Từ 26 đến 28 tháng 4, ta đột phá tuyến phòng thủ vòng ngoài, đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng: Long Thành, Trảng Bom, Nhơn Trạch, thị xã Bà Rịa...; cắt đứt hoàn toàn đường 4 từ Sài Gòn đi các tỉnh miền Tây; chế áp, làm tê liệt các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất. Ngày 29 tháng 4, ta tiêu diệt các tập đoàn chủ yếu của địch ở vòng ngoài và vùng ven, đánh chiếm các căn cứ Nước Trong, Long Bình, thành Tuy Hạ, Đồng Dù, thị xã Hậu Nghĩa...

Sáng 30 tháng 4, ta tổng công kích vào nội thành Sài Gòn, nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu then chốt: sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tổng tham mưu, Biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát...; 11 giờ 30 phút chiếm dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Cùng với đòn tiến công quân sự, nhân dân nội thành, ngoại thành Sài Gòn nổi dậy giành chính quyền ở 107 điểm, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

A. NHẬT KÝ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Ngày 8-4-1975

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Tư lệnh: Đại tướng Văn Tiến Dũng, Chính ủy: Phạm Hùng, các Phó tư lệnh: Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Lê Đức Anh, Trung tướng Đinh Đức Thiện. Ngày 12-4, bổ sung thêm Trung tướng Lê Trọng Tấn - Phó tư lệnh, Trung tướng Lê Quang Hòa - Phó chính ủy.

Ngày 9 đến 20-4-1975

Chiến dịch Xuân Lộc, Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công thị xã Xuân Lộc, khu vực phòng thủ trọng yếu trong tuyến phòng thủ cơ bản (Biên Hòa - Xuân Lộc - Bà Rịa - Vũng Tàu), tiêu diệt lực lượng địch phòng giữ ở phía đông Sài Gòn, tạo thuận lợi cho chiến dịch Hồ Chí Minh.

Lực lượng địch có Sư đoàn bộ binh 18 (Quân đoàn 3), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an, được máy bay, pháo binh chi viện hỏa lực. Trong quá trình chiến đấu được tăng viện Lữ đoàn dù 1, Trung đoàn bộ binh 8 (Sư đoàn 5), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp.

Lực lượng ta tham chiến gồm Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9), Sư đoàn bộ binh 6 (Quân khu 7), 1 trung đoàn tăng thiết giáp, 1 trung đoàn pháo binh, cuối chiến dịch được tăng cường Trung đoàn 95 (Sư đoàn bộ binh 325) và 1 đại đội xe tăng. Bộ tư lệnh Quân đoàn 4, Khu ủy Khu 7 trực tiếp chỉ huy chiến dịch.

Mở màn chiến dịch (ngày 9 tháng 4), ta đồng loạt đột phá Xuân Lộc và tiểu khu Long Khánh nhưng không thành công. Ở ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 tập kích chiếm 5 chốt của địch làm chủ đường 1A (đoạn Hưng Nghĩa - đèo Mẹ Bông Con). Sáng ngày 10

tháng 4, ta tiếp tục đột phá Xuân Lộc, chiếm sân bay, đánh Lữ đoàn dù số 1 vừa đổ quân xuống Tân Phong. Địch phải điều thêm 1 liên đoàn biệt động quân (Trung đoàn 8, Sư đoàn bộ binh 5) tăng viện cho Xuân Lộc.

Theo dõi chặt chẽ cuộc chiến đấu trên hướng Xuân Lộc, nắm chắc quá trình phát triển tiến công trên hướng khác, Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ Chỉ huy chiến dịch thay đổi cách đánh, chuyển đội hình tiến công sang bao vây Xuân Lộc và đánh viện. Trong các ngày từ 15 đến 17 tháng 4, ta tập kích tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở ngã ba Dầu Giây, đánh lui các đợt phản kích của địch từ Biên Hòa đến. Bị thiệt hại nặng, ngày 18 tháng 4, địch phải bỏ thị xã Xuân Lộc tháo chạy. Trong chiến dịch này, ta đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, loại khỏi vòng chiến đấu Trung đoàn 52 (Sư đoàn 18), uy hiếp tuyến phòng thủ của địch ở Biên Hòa - Hồ Nai.

Ngày 11 đến 29-4-1975

Bộ Quốc phòng chỉ đạo và tổ chức các lực lượng gồm đội 4 (Trung đoàn đặc công nước 126), một số đội đặc công của Quân khu 5 và Tỉnh đội Khánh Hòa do Trung tá Mai Năng chỉ huy tiến ra Trường Sa. Ngày 14 tháng 4, bộ đội ta giải phóng đảo Song Tử Tây. Từ ngày 25 đến 29 tháng 4, ta giải phóng các đảo Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa...

Ngày 14-4-1975

Bộ Chính trị quyết định chính thức hạ quyết tâm mở chiến dịch quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh. Trong Điện văn số 37/TK gửi Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, Bộ Chính trị “Đồng ý Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh.... chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn có kết hợp với nổi dậy của quần chúng, kết thúc chiến tranh. Đó là chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử”.

Ngày 15 đến 20-4-1975

Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho các quân đoàn và lực lượng vũ trang địa phương:

- Hướng tây bắc Sài Gòn: Quân đoàn 3 do Thiếu tướng Vũ Lăng (Tư lệnh), Đại tá Đặng Vũ Hiệp (Chính ủy) chỉ huy, cùng 2 trung đoàn (1 và 2 Gia Định), các đội đặc công - biệt động của Thành đội Sài Gòn được pháo binh và lực lượng phòng không chiến dịch chi viện hỏa lực đánh chiếm căn cứ Đồng Dù, tiêu diệt Sư đoàn 25 ngụy, chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, cùng Quân đoàn 1 đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy.

- Hướng bắc và đông bắc Sài Gòn: Quân đoàn 1 do Thiếu tướng Nguyễn Hòa (Tư lệnh), Thiếu tướng Hoàng Minh Thi (Chính ủy) chỉ huy, được tăng cường Trung đoàn 95 (Sư đoàn 325 Quân đoàn 2) và 1 trung đoàn phòng không đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy và căn cứ Bộ tư lệnh các binh chủng của địch ở Gò Vấp.

- Hướng đông và đông nam Sài Gòn: Quân đoàn 4 do Thiếu tướng Hoàng Cầm (Tư lệnh), Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện (Chính ủy) chỉ huy, được tăng cường Lữ đoàn bộ binh 52 (Quân khu 5) và một số tiểu đoàn binh chủng tiêu diệt Sở chỉ huy Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 và Sư đoàn 18 ngụy ở Biên Hòa, sau đó thọc sâu vào nội thành đánh chiếm dinh Độc Lập; Quân đoàn 2 do Thiếu tướng Nguyễn Hữu An (Tư lệnh), Thiếu tướng Lê Linh (Chính ủy) chỉ huy đánh chiếm Bà Rịa, các căn cứ Nước Trong, Long Bình, chặn đường rút chạy của địch trên sông. Sau đó, tiến vào nội thành cùng Quân đoàn 4 chiếm dinh Độc Lập.

- Hướng tây và tây nam Sài Gòn: Đoàn 232 do Trung tướng Lê Đức Anh (Tư lệnh), Thiếu tướng Lê Văn Tường (Chính ủy) chỉ huy cùng lực lượng vũ trang Quân khu 8 có nhiệm vụ cắt đường số 4, đánh chiếm Biệt khu Thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy.

Các đơn vị đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang thành phố Sài Gòn có nhiệm vụ đánh địch, giữ các cầu vào thành phố, dẫn đường cho các binh đoàn thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công quân sự.

Ngày 23-4-1975

Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 66/QP-QĐ giao Tổng cục Kỹ thuật tiếp quản căn cứ Cam Ranh để tổ chức thành căn cứ liên hợp bảo đảm kỹ thuật và hậu cần khu vực trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật.

Ngày 24-4-1975

Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 70/QP-QĐ thành lập Trung đoàn ô tô vận tải cơ động 526 trực thuộc Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần, làm nhiệm vụ vận chuyển quân sự phục vụ chiến đấu.

Ngày 26 đến 30-4-1975 Chiến dịch Hồ Chí Minh

Lực lượng địch có Quân đoàn 3 (4 sư đoàn bộ binh 22, 25, 5 và 18), 3 liên đoàn biệt động quân, sư đoàn thủy quân lục chiến, 3 lữ dù, 1 lữ đoàn kỵ binh thiết giáp, 19 tiểu đoàn pháo, hơn 800 máy bay, 862 tàu hải quân, tàn quân các quân đoàn 1, 2 và lực lượng dự bị chiến lược, các đơn vị cảnh sát và phòng vệ dân sự trên địa bàn Quân khu 3. Địch tổ chức phòng thủ Sài Gòn bằng 3 tuyến: Tuyến ngoài cách Sài Gòn 30 - 50km do 5 sư đoàn, 2 lữ đoàn đóng giữ. Tuyến ven đô (Hóc Môn, Cầu Bông, Vĩnh Trạch...) do biệt động quân và bảo an, dân vệ đóng giữ. Tuyến nội đô do lực lượng cảnh sát, phòng vệ dân sự, các lực lượng bảo vệ căn cứ, các lực lượng thuộc Biệt khu Thủ đô đảm nhiệm.

Lực lượng ta tham gia chiến dịch, bộ đội chủ lực có các quân đoàn 1, 2, 3, 4, Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) với 15 sư đoàn bộ binh, 6 trung đoàn, 4 tiểu đoàn và một số đại đội đặc công, biệt động, 3 lữ đoàn, trung đoàn và 8 tiểu đoàn pháo binh, các đơn vị binh chủng khác, một bộ phận không quân, hải quân. Lực lượng

vũ trang địa phương có 2 trung đoàn và nhiều tiểu đoàn, đại đội bộ binh, 6 trung đoàn đặc công, 1 lữ đoàn biệt động với 60 tổ, dân quân tự vệ và nhân dân trong địa bàn chiến dịch.

Cách đánh của ta là chia cắt chiến lược, bao vây chặn, diệt chủ lực ở tuyến ngoài, tổ chức binh đoàn binh chủng hợp thành thọc sâu tiến vào nội đô đánh chiếm các mục tiêu chiến lược then chốt là: Bộ tổng tham mưu nguy, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Bộ tư lệnh Cảnh sát quốc gia, dinh Độc Lập, trong đó có dinh Độc Lập là hợp điểm chiến dịch, kết hợp với nổi dậy của nhân dân giành chính quyền ở cơ sở. Hướng chủ yếu bắc và tây bắc, tây bắc là chủ yếu nhất. Hướng hiểm yếu và quan trọng đông và đông nam.

Sau các chiến dịch và đợt chiến đấu tạo thế (bắt đầu từ ngày 9-4 đến 26-4-1975), ta bao vây áp sát Sài Gòn trên năm hướng: Hướng bắc là Quân đoàn 1, tây bắc là Quân đoàn 3, đông là Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2, tây nam là Đoàn 232, nam là chủ lực Quân khu 8, một số đơn vị đặc công và biệt động đã đứng chân được ở ven đô bảo vệ các cầu trên các trục đường giao thông cho quân ta tiến vào. 17 giờ ngày 26 tháng 4, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

Ở hướng đông và đông nam, từ ngày 26 đến 28 tháng 4, ta chọc thủng tuyến phòng thủ vòng ngoài, đập tan sự chống cự của các sư đoàn địch. Trên hướng khác, ta tiêu diệt các lực lượng địch ngăn chặn, chiếm lĩnh các địa bàn quan trọng. Chiều ngày 28 tháng 4, Bộ tổng tham mưu quân đội Sài Gòn mất hiệu lực chỉ huy. Địch rối loạn về chiến lược. Ngày 29, ta tổng công kích trên toàn mặt trận, tiêu diệt các lực lượng địch ngăn chặn chiếm tuyến ven đô. Sáng 30, ta thọc sâu vào nội đô đánh chiếm các mục tiêu kế hoạch. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, quân ta chiếm và cắm cờ trên nóc dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Cùng với đòn tiến công quân sự, nhân dân nội thành, ngoại thành Sài Gòn

nổi dậy giành chính quyền ở 107 điểm. Năm vững thời cơ chiến lược, ngày 1 tháng 5, quân và dân Khu 8, Khu 9 tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng còn lại của địch ở đồng bằng sông Cửu Long, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

Kết quả ta tiêu diệt và làm tan rã khoảng 250.000 tên địch, gồm 7 sư đoàn bộ binh, 5 lữ đoàn dù, kỵ binh thiết giáp, pháo binh, 4 sư đoàn không quân... thu 500 khẩu pháo, trên 400 xe tăng, xe bọc thép, 800 máy bay, 600 tàu chiến, 3.000 xe quân sự, 270.000 khẩu súng các loại; đập tan hệ thống chính quyền Sài Gòn từ trung ương tới cơ sở, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh Tân An, Gò Công, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu... tạo điều kiện cho các Quân khu 8 và 9 giải phóng đồng bằng sông Cửu Long, các đảo ở vùng biển Tây Nam Tổ quốc, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là một điển hình về hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, các binh chủng, quân chủng, sự kết hợp trên quy mô lớn giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng; đòn quyết chiến chiến lược táo bạo, kịp thời, chính xác, kết thúc chiến tranh. Chiến dịch thể hiện sự chỉ đạo chỉ huy thống nhất của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

B. DIỄN BIẾN CỦA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Trận Xuân Lộc - mở "cánh cửa sắt" cho cánh quân phía đông tiến về giải phóng Sài Gòn

Cuối tháng 3 năm 1975, sau khi Đà Nẵng thất thủ, Mỹ ngụy vội vã tổ chức tuyến phòng thủ mới, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc, một thị xã thuộc tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 60km về phía đông bắc là điểm trọng tâm, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo đường số 1 và đường số 20 đánh

vào Biên Hòa và Sài Gòn. Tướng Mỹ Uây-oen nói với Nguyễn Văn Thiệu và các tướng ngự: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Từ nhận định như vậy, địch đã tập trung một lực lượng lớn phòng thủ.

Ở Xuân Lộc, địch bố trí lực lượng mạnh mà nòng cốt là Sư đoàn 18 bộ binh, một đơn vị còn nguyên vẹn của Quân đoàn 3 ngự. Tuyển phòng ngự của sư đoàn này được xác định trên một chính diện khá rộng, từ Túc Trưng qua Dầu Giây, thị xã Xuân Lộc đến ngã ba Tân Phong.

Cùng với chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Trị Thiên - Huế và chiến dịch Đà Nẵng, ở miền Đông Nam Bộ, ta đã mở thêm được một số vùng giải phóng lớn nối liền với các căn cứ giải phóng cũ, tạo thế, tạo lực, chuẩn bị một bước quan trọng cho giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 2 tháng 4, quán triệt tư tưởng chỉ đạo “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng... một mặt cần cơ động nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung đầy đủ lực lượng mới làm ăn” của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc nhằm tiêu diệt sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, cắt giao thông, cô lập Sài Gòn, tạo thế có lợi để mở đường tiến công Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4, được phối thuộc Sư đoàn bộ binh 6, hai tiểu đoàn xe tăng và hai tiểu đoàn bộ đội địa phương. Tham gia Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch gồm có các đồng chí trong Bộ tư lệnh Quân đoàn 4, Tư lệnh, Chính ủy Quân khu 7. Đồng chí Hoàng Cầm được giao trọng trách làm tư lệnh chiến dịch, đồng chí Bí thư khu ủy Khu 7 làm chính ủy.

Địa bàn chiến dịch thuộc địa hình trung du, khá thuận lợi cho bộ đội tập kết, triển khai lực lượng. Song do một số điểm cao

không chế địch đang chiếm giữ như: núi Thị (cao 100 mét), điểm cao 396 án ngữ ngã ba Dầu Giây và tây thị xã, núi Gió án ngữ phía nam thị xã... nên việc đưa pháo vào gần bắn thẳng chi viện cho bộ binh của ta gặp nhiều khó khăn.

Ngày 3 tháng 4, tại sở chỉ huy ở đông cầu La Ngà, Bộ tư lệnh chiến dịch bàn phương án tiến công Xuân Lộc. Bộ tư lệnh chiến dịch có đề ra hai phương án:

Phương án 1: Tập trung hai sư đoàn tiêu diệt sư đoàn 18 ngụy, giải phóng chi khu Xuân Lộc và từ ngã ba Dầu Giây đến núi Chứa Chan; một sư đoàn bao vây chia cắt địch ở Gia Kiệm, Túc Trưng tạo điều kiện diệt quân ứng cứu của địch, nắm thời cơ tiến công giải phóng chi khu Gia Kiệm - Dầu Giây, lộ 20.

Phương án 2: Nếu tình huống không có lợi thì tập trung lực lượng tiêu diệt địch ở bên ngoài, giải phóng hai chi khu Tân Phong và Gia Kiệm, tiêu diệt quân viện của địch tiến tới tiến công dứt điểm Long Khánh và tổ chức đánh địch rút lui. Nhưng trước tình hình địch đang hoang mang dao động, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định tiến công thị xã Xuân Lộc theo phương án 1.

Bộ tư lệnh chiến dịch xác định: Sư đoàn 7 tiến công trên hướng chủ yếu từ phía đông thị xã, có nhiệm vụ đánh chiếm hậu cứ trung đoàn 5 thiết giáp, chiến đoàn 43, sở chỉ huy sư đoàn 18 ngụy, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đông thị xã; Sư đoàn 341 tiến công trên hướng thứ yếu từ phía bắc thị xã, có nhiệm vụ đánh chiếm ty cảnh sát, khu cổ văn Mỹ, dinh tỉnh trưởng và cùng Sư đoàn 7 phát triển xuống phía nam; Sư đoàn 6 chia cắt ở đường 1, đoạn ngã ba Dầu Giây, có nhiệm vụ tiêu diệt các chốt địch từ ấp Hưng Lộc - đèo Mẹ Bồng Con, đánh viện binh và đánh địch rút chạy. Quân đoàn tổ chức bốn cụm pháo, hai cụm cao xạ chi viện và bảo vệ cho các hướng chiến đấu. Sở chỉ huy chiến dịch đặt ở bắc sông La Ngà.

Sáng ngày 9 tháng 4, trên các hướng, ta đồng loạt nổ súng tiến công địch: Trên hướng chủ yếu, Trung đoàn 165 của Sư đoàn 7

được tăng cường tám xe tăng tiến đánh căn cứ sư đoàn 18 nguy, khi đến cách cổng 300 mét bị địch chặn đánh quyết liệt, bắn hỏng ba xe tăng, trung đoàn phải chuyển hướng tiến công chiếm được một phần hậu cứ chiến đoàn 52 nguy.

Hướng thứ yếu, Trung đoàn 266 của Sư đoàn 341 nhanh chóng đánh chiếm khu thông tin, khu cổ vấn Mỹ, khu cảnh sát, khu chợ, khu bảo an, nhưng khi tiến vào dinh tỉnh trưởng thì bị địch ngăn chặn quyết liệt, phải dừng lại bên ngoài sở chỉ huy tiểu khu.

Ở vòng ngoài, Trung đoàn 270 Sư đoàn 341, Trung đoàn 209 Sư đoàn 7 đánh bại hai tiểu đoàn và diệt bảy xe tăng của hai chiến đoàn 43 và 48 từ Tân Phong và núi Thị vào cứu viện, giải phóng ấp Bảo Toàn, bắt 174 tên địch. Tiểu đoàn địa phương Bà Rịa tiến công địch ở suối Cát, bắt tù binh thu vũ khí và phát triển về Bảo Toàn. Trên hướng chia cắt, Sư đoàn 6 tổ chức diệt năm chốt của địch trên đường 1 từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, thu hai pháo 105mm, buộc chiến đoàn 52 nguy phải bỏ Túc Trưng co về giữ ngã ba Dầu Giây.

Như vậy, trong ngày đầu ta đã chiếm được một nửa thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu, đã đưa được ba tiểu đoàn vào bên trong và thực hiện cắt đường 1 ở đoạn ngã ba Dầu Giây - đèo Mẹ Bồng Con. Bộ tư lệnh chiến dịch đôn đốc các đơn vị tiếp tục thực hiện quyết tâm.

Ngày 10 tháng 4, trên hướng chủ yếu, Sư đoàn 7 đưa dự bị là Trung đoàn 141 cùng một tiểu đoàn phòng không đột phá từ hướng bắc xuống cùng Trung đoàn 165 tiến đánh căn cứ sư đoàn 18, bị địch ở hậu cứ chiến đoàn 52 và trung đoàn 5 thiết giáp phản kích quyết liệt. Đến 11 giờ 30 phút, Trung đoàn 141 mở được cửa và đánh chiếm chốt Bảo Vĩnh A. Trung đoàn 209 tiến công vào thị xã từ phía nam lên, đánh thiệt hại chiến đoàn 43 nguy. Khi gặp tuyến phòng thủ dã ngoại của địch ở nam sân bay, trung đoàn phải dừng lại cùng cố bàn đạp.

Trên hướng thứ yếu, Sư đoàn 341 đưa Trung đoàn 270 vào thị xã cùng Trung đoàn 266 đánh địch phản kích và giữ các khu vực đã chiếm. Trung đoàn 266 sử dụng hai tiểu đoàn 5 và 7 bốn lần tiến công vào sân bay Cáp Rang nhưng không thành công. Các mũi khác đánh vào trại Lê Lợi, hậu cứ chiến đoàn 43 cũng bị địch chặn lại. Trên hướng chia cắt, Trung đoàn 33 Sư đoàn 6 tiến công và làm chủ chi khu Dầu Giây, đánh bại phản kích của tiểu đoàn 1 thuộc chiến đoàn 52, một chi đội thiết giáp và một tiểu đoàn biệt động.

Ngày 11 tháng 4, ở thị xã Xuân Lộc, trên các hướng ta và địch giằng co quyết liệt. Ở hướng chia cắt, Sư đoàn 6 tổ chức tiến công tiểu đoàn 1 của chiến đoàn 52, nhưng diệt không gọn.

Quyết tâm giữ Xuân Lộc, ngày 12 tháng 4, địch vội vã đổ lữ đoàn 1 dù từ Sài Gòn xuống ngã ba Tân Phong, các ngày sau đó bố trí lại đội hình trong thị xã và điều lữ đoàn 3 thủy quân lục chiến, chiến đoàn 318 biệt động đến Trảng Bom, chiến đoàn 322 biệt động ở Bầu Cá, chiến đoàn 315 ở Bầu Hàn, điểm cao 122, trung đoàn 8 thuộc sư đoàn 5 từ Lai Khê sang Bầu Cá. Như vậy, địch đã tập trung ở khu vực này 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh và hầu hết xe tăng, xe thiết giáp của quân đoàn 3 cùng lực lượng tổng dự bị tương đương một sư đoàn. Không quân ở các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động trung bình 80 lần chiếc mỗi ngày để chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích. Địch còn sử dụng cả bom CBU, loại bom có sức hủy diệt lớn, thế giới cấm sử dụng để ngăn chặn ta tiến công.

Cuộc chiến đấu ở Xuân Lộc diễn ra hết sức quyết liệt. Qua ba ngày chiến đấu, tuy ta đã chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch và giữ được một số bàn đạp quan trọng, nhưng ta chưa diệt gọn được một tiểu đoàn nào của chúng, bộ đội bị thương vong nhiều (Sư đoàn 7 thương vong 300, Sư đoàn 341 thương vong 1.200, sáu xe tăng bị địch bắn hỏng và cháy, hầu hết pháo 85mm và 57mm bị hỏng vì bom đạn).

Xuất phát từ nhận định cơ bản: Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối với Biên Hòa, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương lập thế trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1, chặn đánh địch từ Trảng Bom lên, đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa.

Thực hiện chủ trương trên, Bộ tư lệnh đã ra lệnh ngừng tiến công thị xã, mỗi sư đoàn chỉ để lại một tiểu đoàn kiểm chế nghi binh địch, còn lại lui ra phía sau củng cố làm lực lượng cơ động. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B (vừa được trên tăng cường) tổ chức bao vây tiêu diệt chiến đoàn 52, thực hiện chốt chặn chiến dịch, diệt quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích. Trung đoàn 209 triển khai trên dải ở phía bắc chi khu Tân Phong chặn đánh lữ đoàn 1 dù, không cho chúng vượt qua cầu Gia Liên để phối hợp với trung đoàn 43 trong thị xã. Ngày 13, các đơn vị của ta rút khỏi thị xã.

Trong khi ta chuyển thế trận, địch hí hửng tưởng rằng chúng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta, tổng thống ngự quyền Nguyễn Văn Thiệu tuyên truyền rùm beng về “chiến thắng Xuân Lộc”, về “khả năng chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được phục hồi” và hy vọng chúng “còn đủ mạnh để giữ vững chế độ”.

Rạng sáng ngày 15 tháng 4, pháo 130mm của chiến dịch bắn dồn dập vào sân bay Biên Hòa, cùng lúc bằng năm trận tập kích, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đã tiêu diệt chiến đoàn 52, diệt gọn một tiểu đoàn pháo, một chi đoàn thiết giáp, giải phóng hoàn toàn chi khu Gia Kiệm, ngã ba Dầu Giây, cắt đứt đường số 1 đoạn Xuân Lộc - Bầu Cá, đường 20 đoạn Túc Trưng - ngã ba Dầu Giây.

Trong hai ngày 16 và 17, sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 ngự ở Trảng Bom đốc thúc lữ đoàn 3 thiết giáp cùng chiến đoàn 8 của sư đoàn 5 với hơn 100 khẩu pháo ở các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thúc, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay mỗi ngày chi viện, phản kích hồng chiếm lại khu vực Dầu Giây. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B chặn đánh địch quyết liệt ở Hưng Nghĩa

và điểm cao 122, diệt gọn một tiểu đoàn, bắt hơn 100 tên, đẩy lùi quân địch xuống Bầu Cá.

Cùng thời gian trên, sau khi giải phóng Nha Trang, Cam Ranh, cánh quân duyên hải mà nòng cốt là Quân đoàn 2 đã đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, tiến vào giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân và đã tiến tới Rừng Lát.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt và hơn nữa mất Dầu Giây, Xuân Lộc mất giá trị phòng thủ, địch quyết định rút khỏi Xuân Lộc để bảo toàn lực lượng. Ngày 20, địch dùng pháo binh bắn vào các trận địa của ta để nghi binh cho cuộc rút lui. 17 giờ, trời mưa tầm tã, phát hiện thấy quân địch đi lại nhiều, phán đoán chúng có thể rút khỏi thị xã theo hướng đường số 2 về Vạn Kiếp, Bà Rịa và Sở cao su Ông Quế về Nước Trong hoặc Trảng Bom, Bộ tư lệnh chiến dịch lệnh cho các đơn vị tiến công và truy kích địch. Sư đoàn 341 tiến đánh vào thị xã rồi phát triển theo đường Sở cao su Ông Quế; Sư đoàn 7 đánh chiếm nam Tân Phong, chặn đường số 2, Sư đoàn 6 tổ chức chặn địch ở sở cao su Ông Quế, các tiểu đoàn địa phương chốt chặn và truy kích địch trên đường 2.

Do phát hiện và tổ chức tiến công, truy kích chậm, tổ chức chốt chặn không tốt, mặt khác do trời tối, mưa to nên ta chỉ diệt được một bộ phận di sau của địch, bắt sống tên đại tá tình trưởng Long Khánh. Ngày 21 tháng 4, thị xã Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng, chiến dịch tiến công Xuân Lộc kết thúc.

Kết quả, ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52 (sư đoàn 18), đánh thiệt hại trung đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, diệt hàng nghìn tên, bắt 2.785 tên địch, thu 48 ô tô, 1.499 súng các loại, phá hủy 42 xe tăng, xe thiết giáp, 16 ô tô. Giải phóng Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh.

Quyết định tiến công Xuân Lộc là đúng và cần thiết, chiến dịch tiến công Xuân Lộc thắng lợi đã đập tan “cánh cửa thép” cửa ngõ

phía đông Sài Gòn, làm rung chuyển cả hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần chiến đấu của quân ngụy. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực tiến công vào Sài Gòn từ hướng đông, một thế trận mới rất có lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

2. Quân đoàn 1 hành quân thần tốc, tiến công địch trên hướng Bắc Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh

Thực hiện quyết tâm chiến lược của trên, Thường vụ Đảng ủy Quân đoàn 1 đã đề ra mệnh lệnh chiến đấu cho toàn quân đoàn: *“Đi xa, tiến sâu, đánh thắng trận đầu, thắng lợi giòn giã liên tục đến thắng lợi hoàn toàn”*, đây còn là mệnh lệnh từ trái tim của mỗi cán bộ, chiến sĩ, động viên mọi người xốc tới, giành chiến thắng trong từng trận đánh, tiến tới trận quyết chiến cuối cùng.

Ngày 29 tháng 4, thực hiện lời kêu gọi của Bộ Chính trị: *“Hãy nhanh chóng đánh thắng vào sào huyệt cuối cùng của địch với khí thế hùng mạnh nhất, đập tan mọi sức đề kháng của địch, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định”*, Quân đoàn 1 có nhiệm vụ tiến công trên hướng bắc Sài Gòn, phối hợp với các quân đoàn 2, 3, 4 và Đoàn 232 đồng loạt tiến công, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch xung quanh Sài Gòn.

Hoảng sợ trước sức mạnh tiến công không có gì ngăn cản nổi của ta, đại tướng Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng và nhiều tướng tá ngụy bỏ chạy. Mỹ cấp tốc điều máy bay lên thẳng chở nốt 5.000 người Mỹ trong chiến dịch di tản mang tên *“Người liều mạng”* khỏi miền Nam. Sáng ngày 30 tháng 4, đại sứ Mỹ Ma-tin trèo lên máy bay trực thăng rời khỏi Sài Gòn.

Rạng sáng ngày 30 tháng 4, trên các hướng tiến công của Quân đoàn 1 mang tên Binh đoàn Quyết thắng, các đơn vị đồng loạt

nổ súng tiến công đánh chiếm các mục tiêu quy định. Pháo 130mm, Đ74, 122mm của Lữ đoàn pháo binh 45, Trung đoàn pháo binh 54 và 186 dồn dập bắn phá các mục tiêu trong khu vực Bộ tổng tham mưu nguy, quận lỵ Lái Thiêu, căn cứ Phú Lợi, Bến Cát, Lai Khê. Đúng 5 giờ sáng, trên các hướng chia cắt của Sư đoàn 312, Trung đoàn 165 tiến công đánh chiếm Phú Lợi.

Cũng rạng sáng hôm đó, quá trình ta cơ động vào áp sát căn cứ, đã bị địch dùng pháo binh từ Bến Than, Chánh Lưu, Bình Dương bắn phá ngăn chặn. Lực lượng địch ở nam cầu Thơ Út và Phú Chánh bắn phá dữ dội vào đội hình cơ động của Trung đoàn 165, phá hỏng của ta một khẩu pháo 85mm; một số chiến sĩ bị thương. Càng gần đến thất bại, như con thú dữ bị thương, bọn địch càng điên cuồng chống trả. Bộ đội ta phải hứng chịu những đợt “mưa” đạn pháo địch.

Mặc dù có thêm những thương vong, nhưng với truyền thống “Đoàn kết - anh dũng - chiến thắng”, đã từng lập công vang dội, cầm lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” do Bác Hồ trao tặng, lên nóc hầm tướng giặc Đờ Cát-xtơ-ri trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 312 vẫn vững vàng tay súng, tin tưởng vào thắng lợi, quyết vượt qua mọi ác liệt, hy sinh để giành toàn thắng.

Đúng 5 giờ 5 phút ngày 30 tháng 4, Tư lệnh sư đoàn Nguyễn Chuông lệnh cho Trung đoàn 165 nổ súng tiến công đánh chiếm căn cứ Phú Lợi. Các trận địa pháo của Quân đoàn, sư đoàn bắn phá dồn dập vào căn cứ địch. Lợi dụng hỏa lực pháo binh đang kiểm chế địch, Tiểu đoàn 6 nhanh chóng khắc phục sáu lớp hàng rào và hào chống tăng, liên tiếp dùng bộc phá mở cửa, mở thông các hàng rào bùng nhùng, cũi lợn còn lại ở phía trong. Địch dùng hai xe tăng M48 ra ngăn chặn hướng mở cửa, nhưng cũng bị hỏa lực ĐKZ của ta bắn cháy. Đến 8 giờ, Tiểu đoàn 6 đã mở cửa xong, Trung đoàn trưởng Trần Mãng ra lệnh cho lực lượng xe tăng xuất kích phối hợp cùng với bộ binh xung phong vào trung tâm căn cứ, tiêu diệt địch. Nhưng do bị lạc đường, hai chiếc xe tăng bị sa lầy (trong tổng số sáu chiếc)

nên đến chậm thời gian so với quy định. Nhận thấy trận đánh phát triển chậm, Tư lệnh sư đoàn một mặt ra lệnh cho Trung đoàn 209 kiên quyết giữ vững chốt chặn đường 13 và đường 14, không cho địch rút chạy; mặt khác đốc thúc các lực lượng công binh, xe tăng khẩn trương chống lầy, mở đường đưa xe tăng tiến lên phía trước. Quyết không để khó khăn trước mắt làm ảnh hưởng tới kết quả trận đánh, các chiến sĩ xe tăng chủ động vòng về hướng đông bắc để tìm đường. Khi vượt qua ba lớp hàng rào đơn thì một chiếc bị sa hố chống tăng, năm chiếc còn lại chạy dọc đường trong sân bay về phía đông căn cứ, sau đó vòng xuống hướng nam theo cổng chính, hiệp đồng cùng Tiểu đoàn 6 đánh từ hướng bắc xuống.

Trên hướng Tiểu đoàn 4, sau khi đưa lực lượng áp sát mục tiêu đã nhanh chóng đánh chiếm cổng ra vào căn cứ (thay cho mở cửa) và phát triển chiến đấu vào trung tâm. Các loại hỏa lực bắn thẳng của ta lần lượt phá tan các ụ súng, lô cốt, hầm ngầm của địch. Các lực lượng tiến công áp đảo lên trên cả hai hướng, bọn địch trong căn cứ không tổ chức phản kích được. 10 giờ 5 phút ngày 30 tháng 4, từ ba hướng bắc, đông và nam, phối hợp với bộ đội địa phương, Trung đoàn 165 đồng loạt xung phong đánh chiếm các mục tiêu: Khu bộ tư lệnh tiểu khu Phú Lợi, khu vực đại đội cảnh sát dã chiến và khu gia binh. Đúng 10 giờ 30 phút, Trung đoàn 165 đã hoàn toàn làm chủ căn cứ Phú Lợi; ta tiêu diệt 44 tên địch, bắt 510 tên (trong đó có tên đại tá tiểu khu trưởng), thu một khẩu pháo 175mm “Vua chiến trường”, hai khẩu pháo 155mm và ba khẩu pháo 105mm), hai khẩu cối 106,7mm cùng nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh khác của địch.

Thừa thắng, đại đội 6 Tiểu đoàn 5 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Thức và chính trị viên Nguyễn Thanh Nhân dẫn đầu, phối hợp với lực lượng Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 địa phương Phú Lợi, phát triển từ hướng đông nam tiến công đánh chiếm khu dinh tỉnh trưởng Bình Dương. Tại đây, tên đại tá Nguyễn Văn Cửa - Tỉnh trưởng tỉnh Bình Dương cùng thuộc hạ buộc phải ra hàng. Ta tiếp tục tiến công

và làm chủ khu Phú Văn, căn cứ giang đoàn Bạch Đằng và trường sĩ quan công binh nguy.

Trong lúc trận chiến đầu tiên công các mục tiêu địch trong thị xã Bình Dương còn diễn ra quyết liệt, thì tại ấp Hòa Mỹ, xã Định Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bình Dương (cách thị xã gần 3km về phía bắc), đại diện Tỉnh ủy Bình Dương gồm: Sáu Phát, Bí thư tỉnh ủy; Năm Thuận, Phó Bí thư; Một Hữu, Thường vụ tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng; Năm Châu, Tham mưu trưởng tỉnh đội đã tiến hành hội nghị liên tịch, cùng đại diện Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân đoàn và Đảng ủy Bộ tư lệnh Sư đoàn 312. Hội nghị thống nhất thành lập Ủy ban quân quản tỉnh Bình Dương do đồng chí Sáu Phát làm Chính ủy, đồng chí Nguyễn Chuông, Tư lệnh Sư đoàn 312 làm Chủ tịch; đồng chí Một Hữu làm Phó Chủ tịch.

Sau hai ngày đêm chiến đấu liên tục, dũng cảm, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 312 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh bao vây, chia cắt, cô lập, tiến tới tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn sư đoàn 5 nguy; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương, đập tan một mắt xích quan trọng trong tuyến “tử thủ” bắc Sài Gòn, diệt 279 tên địch, bắt 7.740 tên, gọi hàng 3.500 tên; góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Bình Dương và góp phần làm nên chiến thắng chung của Quân đoàn trong chiến dịch lịch sử này.

Trên hướng thọc sâu của Quân đoàn, ngay từ khi cuộc chiến đấu của Sư đoàn 312 tiến công bao vây, tiêu diệt Sư đoàn 5 nguy đang diễn ra quyết liệt ở khu vực Phú Lợi, Lai Khê, Bình Dương và trên đường 13, 14 thì trên hướng thọc sâu vào Sài Gòn, Bộ tư lệnh Quân đoàn đã kịp thời chỉ đạo Sư đoàn 320B đẩy nhanh nhịp độ tiến công, phối hợp với các cánh quân đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu của địch trong thành phố. Toàn bộ đội hình thọc sâu triển khai tiến công theo hai hướng: Trung đoàn 27 do Trung đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu và Chính ủy trung đoàn Trịnh Văn Thư chỉ huy, từ Tân Uyên qua Tân Ba, tiến đánh quận lỵ Lái Thiêu. Trung đoàn 48

do Trung đoàn trưởng Đoàn Trung và Chính ủy Lê Xuân Yên chỉ huy tiến theo đường Trại Hùi, Khánh Vân, Búng xuống Lái Thiêu.

Đến 3 giờ ngày 30 tháng 4, toàn bộ lực lượng chiến đấu của Trung đoàn 27 đã tập kết đầy đủ ở phía bắc Lái Thiêu, chuẩn bị tiến công đánh chiếm quận lỵ.

4 giờ 15 phút sáng ngày 30 tháng 4, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 27 ra lệnh nổ súng tiến công Lái Thiêu. Các trận địa pháo, cối của trung đoàn đồng loạt bắn vào chi khu. Pháo bắn thẳng của xe tăng, súng máy cao xạ 12,7mm hạ thấp nòng bắn chế áp các lô cốt vòng ngoài, chỉ viện cho bộ binh xung phong mở cửa.

Sau gần hai giờ chiến đấu, Trung đoàn 27 đã hoàn toàn làm chủ Lái Thiêu, mở toang cánh cửa phía bắc Sài Gòn. Mất xích quan trọng cuối cùng trong tuyến “tử thủ” bắc Sài Gòn của địch đã bị đập tan, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung đoàn 48 - lực lượng thọc sâu chủ yếu của Sư đoàn 320B nhanh chóng tiến đánh Bộ tổng tham mưu ngụy trong thành phố.

Ngay sau khi trận đánh Lái Thiêu kết thúc thắng lợi, Trung đoàn 27 giao cho Tiểu đoàn 5 triển khai đội hình chốt giữ khu vực đã chiếm, còn toàn bộ trung đoàn có sự phối hợp của Đại đội xe tăng 3 tiếp tục phát triển chiến đấu về phía bắc cầu Bình Phước, tiến vào đánh chiếm các mục tiêu: Khu binh chủng ngụy, quận lỵ Gò Vấp và tiểu khu Gia Định. Vào lúc 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4, Tiểu đoàn 5 phải xử trí một tình huống bất ngờ: Vì không biết ta đã làm chủ Lái Thiêu, nên một đoàn xe của địch chạy từ Bình Dương về Sài Gòn đã ngang nhiên tiến vào quận lỵ Lái Thiêu. Ngay lập tức, Tiểu đoàn 5 nhanh chóng triển khai lực lượng chặn đánh. Tốp xe địch đi đầu gồm 20 xe (trong đó có hai xe tăng) bị tiêu diệt ngay trên đường 13 cũ vào Lái Thiêu, ta bắt và gọi hàng 250 tên địch. Tốp xe địch phía sau gồm 13 xe (có một xe tăng và hai pháo tự hành 175mm) vẫn liều chết vượt qua chặng đường 13 cũ đến Bình Hòa (bắc Lái Thiêu) để ra đường 13 mới về Sài Gòn. Các chiến sĩ

đại đội 5 do đại đội trưởng Vương Văn Vinh chỉ huy đã dùng B40, B41 và các loại hỏa lực bắn thẳng nhanh chóng tiêu diệt đoàn xe, diệt và bắt 90 tên địch.

Kết quả chiến đấu tại Lái Thiêu: Trung đoàn 27 đã tiêu diệt 195 tên địch, bắt 350 tên, gọi hàng 1.740 tên, diệt và phá hủy 31 xe quân sự (có ba xe tăng M48, hai pháo tự hành 175mm), thu sáu khẩu pháo 175mm và 105mm, hai xe tăng, năm xe thiết giáp, 23 xe ô tô các loại, 1.900 khẩu súng và nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch.

Thừa thắng, các chiến sĩ Trung đoàn 27 tiếp tục phát triển chiến đấu về phía cầu Bình Phước, tiến đánh khu bộ tư lệnh các binh chủng nguy.

8 giờ 30 phút sáng ngày 30 tháng 4, sau khi đánh chiếm cầu Vĩnh Bình, Trung đoàn 27 nhanh chóng xốc lại đội hình, dùng tù binh dẫn đường khẩn trương vượt qua cầu Bình Phước, tiến đánh khu binh chủng nguy.

Từ 9 giờ 30 đến 10 giờ ngày 30 tháng 4, các đơn vị lần lượt phát triển tiến công đánh chiếm bộ tư lệnh thiết giáp, căn cứ 60, bộ tư lệnh lục quân công xưởng, căn cứ pháo binh, tổng kho quân nhu, căn cứ 31 và tổng y viện cộng hòa.

Trận đánh chiếm bộ tư lệnh thiết giáp - lực lượng mạnh nhất trong khu bộ tư lệnh các binh chủng quân nguy đã diễn ra rất quyết liệt. Địch ở đây đã bố trí trận địa phòng ngự dày đặc, nhiều tầng, nhiều lớp bằng tất cả các loại xe tăng, thiết giáp hiện đại nhất nhằm ngăn chặn ta tiến công. Tại khu vực công chính bộ tư lệnh thiết giáp, hàng chục xe tăng địch tập trung hỏa lực bắn xối xả vào mũi đi đầu của Trung đoàn 27. Không chùn bước trước hỏa lực của địch, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 vẫn kiên quyết xông lên đánh chiếm căn cứ địch. Những chiếc xe tăng ta dẫn bộ binh tiến lên đánh thẳng vào đội hình xe tăng của chúng. Trước sức tiến công táo bạo

và dũng mãnh của ta, toàn bộ sĩ quan, binh lính địch chiếm giữ các khu binh chủng nguy và quận lỵ Gò Vấp buộc phải ra hàng, trong đó có tên chuẩn tướng Phạm Bá Thanh - tổng chỉ huy y viện cộng hòa và trung tâm tiếp huyết quân đội nguy, đại tá Ngọc - chỉ huy khu kho quân nhu và trung tá Chiến - chỉ huy phó căn cứ 60.

Lúc 10 giờ 30 phút, thừa thắng, Trung đoàn 27 tiếp tục phát triển tiến công đánh chiếm khu vực lực quân công xưởng và quận lỵ Gò Vấp. Toàn bộ quân địch ở đây không dám chống cự, kéo cờ trắng ra hàng (trong đó có tên chuẩn tướng Huỳnh Thu Toàn - giám đốc điều hành lực quân công xưởng). Ta tịch thu nguyên vẹn trung tâm công nghiệp quân sự sửa chữa xe tăng, súng pháo, xe quân sự và trung tâm truyền tin điện tử lớn nhất của quân đội nguy ở miền Nam. Sau đó, một bộ phận của Tiểu đoàn 6 đi trên bảy xe vận tải do tiểu đoàn trưởng Lê Thế Dũng phát triển vào đánh dinh Độc Lập, bốn xe vận tải do Tiểu đoàn phó Liên phát triển đánh sang Bộ tổng tham mưu nguy. Đến đây, hướng tiến công của Trung đoàn 27 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong lúc đó, Trung đoàn 48 từ bắc Khánh Vân tăng tốc độ hành tiến, vượt qua Lái Thiêu, qua cầu Vĩnh Bình rồi tiến vào Sài Gòn đánh chiếm Bộ tổng tham mưu quân đội Việt Nam cộng hòa.

Càng tiến sâu vào phía trung tâm thành phố, lực lượng địch phòng thủ càng dày đặc. Khi có lực lượng thọc sâu, Trung đoàn 48 phát triển đến khu vực ấp Mai Liên (bắc cầu Bình Triệu) lại bị xe tăng và bộ binh địch ngăn chặn quyết liệt. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Thiệu Quang Nông lệnh cho đại đội 6 tiến công địch ở ấp Mai Liên, Đại đội 8 triển khai trận địa cối ngay trên mặt đường bắn chặn địch ở cầu Ông Đen, không cho chúng ra ứng cứu. Đại đội 5 phối hợp với lực lượng xe tăng tiến đánh cầu Bình Triệu. Nếu cầu hỏng, bộ đội sẽ vượt sông.

Trong khi Đại đội 6 đánh ấp Mai Liên, Tiểu đoàn 3 vận động tiến công trong hành tiến cắt đường số 1 (đoạn giữa Thủ Đức - Bình Lợi),

thì đội hình thọc sâu của Trung đoàn 48 nhanh chóng phát triển tiến công qua cầu Ông Đen, đánh thẳng vào trận địa địch phòng ngự ở ấp Bình Triệu. Xe tăng ta vừa tiến công ào ạt, quân ngự đã phải vội vã tăng cường thêm hàng chục xe tăng thiết giáp chốt chặn ngã tư xa lộ Đại Hàn và lập tuyến co cụm, phòng thủ dày đặc từ nam cầu Ông Đen đến bắc cầu Bình Triệu nhằm ngăn chặn ta qua cầu. Trung đoàn trưởng Đoàn Trung lệnh cho các đơn vị phải kiên quyết đánh bại âm mưu co cụm của địch, đánh chiếm bằng được cầu Bình Triệu. Mũi tiến công của Tiểu đoàn 2 sau khi vượt qua ngã tư đường số 1 và đường 13, vòng bên phải theo đường số 1 đánh thốc vào cụm quân địch phòng ngự ở phía bắc cầu Bình Triệu. Trận chiến đấu diễn ra hết sức quyết liệt. Bộ binh, xe tăng địch dựa vào hệ thống lô cốt bê tông, bao cát và hỏa lực xe tăng bắn dữ dội vào đội hình ta.

Quyết không để bọn địch làm chậm tốc độ thọc sâu vào Sài Gòn, Trung đoàn 48 quyết định sử dụng lực lượng xe tăng thiết giáp, có bộ binh của Tiểu đoàn 2 ngồi trên xe thọc ngang qua đội hình địch, sau đó bộ binh xuống xe tổ chức thành ba mũi tiến công. Cả ba mũi cùng đột phá nhanh, tiến công mạnh mẽ, đánh bật địch ra mà chiếm cầu, mở đường tiến công vào thành phố.

Được hỏa lực cụm pháo binh, Quân đoàn trực tiếp chi viện, lực lượng xe tăng thiết giáp của ta vừa tiến vừa bắn mãnh liệt vào đội hình xe địch. Các chiến sĩ bộ binh trên cả ba mũi tiến công dùng B40, B41 và tiểu liên bắn mãnh liệt vào xe tăng và bộ binh địch. Địch vẫn ngoan cố chống cự. Nhưng trước sức tiến công áp đảo của ta, chúng nhanh chóng bị tan rã và bỏ chạy hết từ vị trí này đến vị trí khác.

Đến 8 giờ ngày 30 tháng 4, sau khi bị ta tiêu diệt thêm hai xe tăng và một khẩu pháo tự hành 175mm, thì toàn bộ quân địch phòng ngự ở bắc cầu Bình Triệu gồm các thiết đoàn 18, 15, 22 của lữ đoàn kỵ binh 3 cùng hai tiểu đoàn lính dù, các đại đội lính biệt động và bảo an... buộc phải hạ vũ khí đầu hàng. Trận đánh kết thúc thắng lợi,

ta thu được 144 xe tăng thiết giáp và chiến xa địch; một khẩu cao xạ bốn nòng và gọi hàng 1.500 tên địch.

Điểm “tử thủ” cuối cùng của địch ở bắc Sài Gòn đã bị đập tan. Tranh thủ thời cơ, Trung đoàn 48 sử dụng tám chiếc xe tăng vừa thu được của địch, bắt lính ngự lái dẫn đường tiến vào đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy.

Bộ tổng tham mưu ngụy là một trong năm mục tiêu chủ yếu của chiến dịch; là cơ quan đầu não, trung tâm điều hành chiến tranh của quân đội Sài Gòn. Cấu trúc của Bộ tổng tham mưu ngụy rất kiên cố.

Trung đoàn 48 - lực lượng thọc sâu chủ yếu của Sư đoàn 320B nhanh chóng vượt qua cầu, qua ngã tư Phú Nhuận, tiến theo đường Võ Tánh vào đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy. Cùng lúc đó, cụm pháo binh Lữ đoàn 45 đặt tại Búng dòn đập bắn 47 phát đạn 130mm vào khu vực bộ này. Một số viên đạn rơi trúng trung tâm hành quân, phá hủy sân bay trực thăng và khu kho đạn, kho xăng dầu làm bốc cháy dữ dội; trung tâm thông tin bị tê liệt hoàn toàn. Bọn địch ở đây vô cùng hoảng loạn.

Khi tiến gần tới mục tiêu, Trung đoàn 48 cho đơn vị dừng lại trên đường Võ Tánh để điều chỉnh đội hình tiến công. Căn cứ vào tình hình bố phòng của địch, Trung đoàn trưởng Đoàn Trung quyết định triển khai đội hình thọc sâu làm ba mũi tiến công vào Bộ tổng tham mưu ngụy.

9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, ba mũi tiến công từ ba cổng đã gặp nhau ở khu vực cột cờ trước sân trụ sở Bộ tổng tham mưu ngụy. Trước sức tiến công áp đảo của ta, binh lính sĩ quan địch thuộc tiểu đoàn biệt kích dù, tiểu đoàn bảo vệ Tổng hành dinh và các đơn vị đặc nhiệm khác đã phải lột bỏ quân phục, vứt súng chạy tháo thân. Ta bắt một đại tá, một đại úy và nhiều binh sĩ địch.

Trung đoàn trưởng Đoàn Trung và Chính ủy trung đoàn Lê Xuân Yên tiến vào phòng làm việc của Cao Văn Viên - tổng

tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn thu hồi ấn, kiếm (có ba con dấu của Cao Văn Viên - Tổng tham mưu trưởng và trưởng đoàn DAO Mỹ) cùng nhiều tài liệu quan trọng khác. Tổ cấm cờ gồm ba người: Lại Đức Lưu, Hoàng Xuân Tiến, Nguyễn Văn Đông, do đại đội trưởng Lại Đức Lưu chỉ huy nhanh chóng vận động lên cấm lá cờ giải phóng trên nóc nhà trụ sở Bộ tổng tham mưu ngay trong tiếng reo hò của cán bộ, chiến sĩ; lúc đó khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sau khi đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy, Bộ tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho Sư đoàn 320B dùng Trung đoàn 64 phối hợp với đơn vị bạn đánh chiếm căn cứ Gia Long và Bộ quốc phòng Việt Nam cộng hòa; Trung đoàn 64 tiến công đánh chiếm tiểu khu Gia Định. Một lực lượng khác do đồng chí Lê Minh - Tham mưu trưởng sư đoàn chỉ huy phát triển sang dinh Độc Lập; khi đến nơi thấy đơn vị bạn đã chiếm giữ ở đó liền quay sang cùng lực lượng của Trung đoàn 64 chiếm giữ các mục tiêu khu vực bộ quốc phòng ngụy.

Đến 16 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975, các hướng chiến đấu của Quân đoàn đều đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao. Một số đơn vị tiếp tục truy quét những tên địch ngoan cố chống cự, gọi hàng bọn địch còn lẩn trốn. Đồng thời, các đơn vị phối hợp chặt chẽ với Ủy ban quân quản, chính quyền địa phương triển khai phương án bảo vệ vùng mới giải phóng và các mục tiêu đã đánh chiếm, tổ chức tiếp nhận sự trình diện của sĩ quan và binh lính địch; tổ chức các tổ công tác giúp chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an, ổn định đời sống nhân dân trong vùng mới giải phóng trên khu vực đứng chân của Quân đoàn.

Quân đoàn đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn sư đoàn bộ binh 5 ngụy; các thiết đoàn 1, 18, 22 và một bộ phận thiết đoàn 15; hai tiểu đoàn bảo an 306 và 316; tiêu diệt gần một nghìn tên địch (trong đó có tên chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ - tư lệnh sư đoàn 5 ngụy buộc phải tự sát); bắt làm tù binh 13.580 tên (trong đó có 3 đại tá,

26 trung tá, 114 thiếu tá, 925 sĩ quan cấp úy). Bắn cháy và phá hủy 60 xe tăng địch, ba khẩu pháo 105mm, hai cối 81mm, bắn rơi một máy bay trực thăng; thu 113 xe tăng, thiết giáp, 583 xe quân sự, 105 khẩu pháo cối các loại, 22 tàu xuồng, chiến đấu, 12 bộ siêu tần số, 100 máy vô tuyến điện các loại...

3. Quân đoàn 2 sau khi hoàn thành nhiệm vụ trong tiến công giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

Sau khi hành quân thần tốc giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung, vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975, lực lượng của Quân đoàn 2 có mặt đầy đủ ở nam Xuân Lộc (hướng đông nam Sài Gòn). Cùng thời điểm này, các cánh quân khác của ta cũng rầm rộ tiến vào bao vây chặt sào huyệt cuối cùng của chính quyền Sài Gòn trên tất cả các hướng.

Ở vùng ven và nội thành Sài Gòn đã sẵn sàng có các đơn vị đặc công, pháo binh kết hợp với lực lượng chính trị to lớn của quần chúng. Ở phía sau, ta cũng đang gấp rút tổ chức thêm các lực lượng dự bị mới, sẵn sàng đối phó có hiệu quả với mọi tình huống có thể xảy ra.

Về phía địch, tại Mặt trận Sài Gòn - Gia Định, trên các hướng bắc, tây bắc, tây nam, mỗi hướng địch bố trí khoảng một sư đoàn tăng cường. Riêng hướng đông, lực lượng phòng thủ của chúng tăng lên đến chín trung đoàn, lữ đoàn bộ binh, lính dù, lính thủy đánh bộ và bốn trung đoàn thiết giáp. Ở vùng nội đô có một số đơn vị lính dù, biệt động, thiết giáp, các lực lượng bảo vệ căn cứ, các lực lượng thuộc "Biệt khu thủ đô" phòng giữ. Lực lượng không quân ở Sài Gòn - Gia Định có ba sư đoàn, bố trí chủ yếu ở hai sân bay lớn là Biên Hòa và Tân Sơn Nhất. Ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, địch có ba sư đoàn bộ binh, năm trung đoàn thiết giáp, một sư đoàn không quân. Chúng tập trung phòng giữ Tân An, Mỹ Tho đề phòng

khi không giữ nổi Sài Gòn - Gia Định sẽ theo hướng đường 4 rút về đồng bằng sông Cửu Long cố thủ.

Sáng 23 tháng 4 năm 1975, tại sở chỉ huy Quân đoàn đặt tại ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp, sư đoàn 325 chính thức nhận nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Quân đoàn 2. Ngay chiều và đêm hôm đó, Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn họp đánh giá lại toàn bộ tình hình và nghiên cứu nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch tác chiến.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Sư đoàn 325 được tăng cường xe tăng, pháo binh, cao xạ, công binh, đảm nhiệm một hướng đột kích quan trọng trong hướng tiến công chủ yếu của Quân đoàn 2, đồng thời cũng là hướng vu hồi của chiến dịch. Trước mắt sư đoàn có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt địch ở tả ngạn sông Đồng Nai, đánh chiếm chi khu Long Thành, chi khu Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, khóa chặt đường thủy, không cho địch ở Sài Gòn theo sông Lòng Tàu rút chạy ra biển và mở đường đưa pháo tầm xa vào Nhơn Trạch đánh phá sân bay Tân Sơn Nhất, khống chế đường không. Nhiệm vụ tiếp theo của sư đoàn là tổ chức vượt sông, đánh chiếm căn cứ hải quân Cát Lái, tiêu diệt các lực lượng địch phòng ngự ở hữu ngạn sông Đồng Nai và đánh vào nội đô giải phóng quận 9.

Trục tiến công của sư đoàn vào Sài Gòn là một vùng có địa hình rất phức tạp, bị chia cắt bởi những cánh đồng lầy lội và hệ thống sông ngòi chằng chịt, trong đó có hai sông lớn (sông Đồng Nai và sông Sài Gòn) ta phải tổ chức vượt qua bằng thuyền, phà vì không có cầu qua sông. Lực lượng địch phòng thủ ở khu vực này có một bộ phận của lữ đoàn 468 lính thủy đánh bộ, bảy tiểu đoàn bảo an, một số đơn vị pháo binh, xe tăng và bốn liên giang đoàn yểm trợ, một liên giang đoàn người nhái với khoảng 2.000 quân và 241 tàu, xuồng chiến đấu (các đơn vị hải quân địch tập trung chủ yếu ở khu vực Cát Lái). Khi bị tiến công, hải quân địch có thể cơ động tàu, xuồng theo sông lạch, phối hợp với các lực lượng trên bộ chặn đánh ta từng bước.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, quyết tâm của Đảng ủy và Bộ tư lệnh Sư đoàn 325 là: Tập trung lực lượng bộ binh, xe tăng, pháo binh, cao xạ tiến công tiêu diệt quân địch ở khu vực Long Thành - Bình Sơn, phá vỡ tuyến phòng thủ then chốt vòng ngoài của địch trên hướng đông nam, mở đường đưa lực lượng và binh khí kỹ thuật thọc sâu vào đánh chiếm Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ bịt đường thủy, không chế đường không theo đúng yêu cầu hiệp đồng, hoàn thành nhiệm vụ vu hồi chiến dịch và sẵn sàng vượt sông bằng sức mạnh đánh chiếm căn cứ hải quân Cát Lái, phát triển vào nội đô giải phóng quận 9 khi có lệnh.

Về cách đánh, Bộ tư lệnh sư đoàn chủ trương: tập trung lực lượng bộ binh có tăng cường hỏa lực pháo binh, cao xạ và xe tăng tạo thành mũi đột kích mạnh, chọc thủng “tuyến phòng thủ đông - nam” ở nơi xung yếu nhất của địch là Long Thành. Kết hợp chặt chẽ giữa đột phá chính diện với bao vây, vu hồi, chia cắt, không cho địch rút chạy về phía sau. Khi trận tuyến phòng thủ vòng ngoài của chúng ở Long Thành đã tan vỡ thì nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu tiếp theo trong hành tiến làm cho địch không kịp trở tay, loại trừ khả năng co cụm của chúng.

Về sử dụng lực lượng, hai trung đoàn 101 và 46 được tăng cường xe tăng và hỏa lực mạnh đảm nhiệm nhiệm vụ đánh chiếm khu vực Long Thành: Trung đoàn 101 đột kích hướng chính diện theo trục đường 10; Trung đoàn 46 luồn vào phía sau địch đánh chiếm ngã ba Phước Thiêng cắt đường rút, không cho địch lui về phía sau co cụm; tiếp đó thọc sâu chiếm Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, căn cứ Cát Lái và quận 9 Sài Gòn. Trung đoàn 18 bao vây tiêu diệt bọn địch ở Bình Sơn và làm lực lượng dự bị chiến dịch của quân đoàn, sẵn sàng chuyển sang tham gia tiến công địch trên hướng đột kích chủ yếu (hướng do Sư đoàn 304 đảm nhiệm), đánh vào nội đô theo trục đường 15 và xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa.

Trưa ngày 26 tháng 4 năm 1975, mọi công tác chuẩn bị đã hoàn thành. Trên các hướng, bộ binh và xe tăng bắt đầu cơ động vào chiếm lĩnh tuyến xuất phát xung phong.

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, cuộc tiến công của quân ta trên hướng đông và đông nam Sài Gòn bắt đầu. Lực lượng pháo binh hùng hậu của sư đoàn, quân đoàn và các đơn vị bạn đồng loạt nổ súng trút bão lửa vào Trảng Bom, Hồ Nai, Biên Hòa, Nước Trong, Long Thành, Đức Thạnh, Bà Rịa... Bộ đội cao xạ ngoan cường đánh tra máy bay địch bảo vệ các trận địa pháo và toàn bộ đội hình chiến dịch.

Theo đúng kế hoạch, pháo tầm xa của Quân đoàn và pháo 85mm, 105mm, 122mm của các sư đoàn dồn dập bắn 40 phút vào các cụm phòng thủ của địch trên chính diện tiến công. Súng cối và pháo đi cùng của các trung đoàn bộ binh cũng phát huy hỏa lực bắn 10 phút vào các mục tiêu xung phong đầu tiên. Cùng lúc đó, lợi dụng hiệu quả chế áp của pháo, bộ binh và xe tăng ta khẩn trương vận động vào chiếm lĩnh bàn đạp chuẩn bị xung phong. Đợt pháo bắn chuẩn bị vừa dứt, từ các cánh rừng cao su, các vườn cây, các sườn đồi, công sự, chiến hào... bộ đội ta ào ạt xông lên đánh chiếm các căn cứ, các trận địa phòng ngự của địch. Phía bên phải khu vực đột phá của Sư đoàn 325, các chiến sĩ Sư đoàn 304 nổ súng tiến công căn cứ Nước Trong; phía bên trái, các chiến sĩ Sư đoàn 3 đánh Đức Thạnh, Bà Rịa.

Ngày 27 tháng 4 năm 1975, cuộc chiến đấu ở khu vực Long Thành tiếp tục diễn ra ác liệt. Bộ đội ta quyết đánh chiếm bằng được mục tiêu, địch cũng tăng cường lực lượng tới phản kích và huy động phi pháo chi viện cho binh lính lữ đoàn 468 lính thủy đánh bộ cùng bọn bảo an, dân vệ giữ Long Thành. Các chiến sĩ vừa lòng diệt quân địch trong các vườn cây, các dãy nhà, góc phố vừa đánh trả máy bay địch. Đến 16 giờ 30 phút, Sư đoàn 325 hoàn toàn làm chủ khu vực Long Thành, diệt hơn 600 tên địch, bắt tại trận 506 tên khác, trong đó có hai tên trung tá, hai thiếu tá, bốn đại úy, thu và phá hủy ba trận

địa pháo (10 khẩu 105mm), cùng nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh khác của địch.

Chiến thắng Long Thành phá vỡ một khâu quan trọng trên tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch ở hướng đông nam Sài Gòn. Bộ tư lệnh Quân đoàn 2 gửi điện nhiệt liệt biểu dương, khen ngợi cán bộ, chiến sĩ đã lập chiến công đầu và chỉ thị cho sư đoàn: Nhanh chóng tiến đánh chi khu, quận lỵ Nhơn Trạch, mở đường đưa pháo tầm xa vào cấu trúc trận địa, kịp thời nổ súng đánh phá sân bay Tân Sơn Nhất, khóa chặt đường không của địch trước giờ tổng công kích và khẩn trương đánh bịt đường rút của địch từ Sài Gòn qua sông Lòng Tàu ra biển, hoàn thành nhiệm vụ vu hồi chiến dịch.

Ngày 28 tháng 4, khi sư đoàn thọc sâu vào Nhơn Trạch thì bên cánh phải của Quân đoàn, Sư đoàn 304 vẫn đang tiếp tục đánh Nước Trong. Các cánh quân khác của ta trên toàn mặt trận còn đang đột phá tuyến phòng thủ vòng ngoài, mở cửa chiến dịch trên các hướng. Riêng Sư đoàn 325 nếu đánh được vào tới Nhơn Trạch, sẽ là mũi nhọn đột kích đầu tiên áp sát vùng nội đô. Bọn địch chắc chắn sẽ phản ứng dữ dội. Nhưng đây là một hướng đánh rất hiểm. Do địa hình có nhiều khó khăn, quân địch ít chú ý phòng bị trực đường 25. Nếu ta hành động mau lẹ, chúng sẽ không kịp trở tay. Bị đòn bất ngờ, thế trận phòng ngự của chúng sẽ rơi vào tình trạng rối loạn. Bộ tư lệnh Quân đoàn đồng ý cho đơn vị chuyển sang tiến công địch trong hành tiến.

Trong đêm 27, các đơn vị lần lượt tiến ra đường 25 sẵn sàng cơ động. Trung đoàn 46 đảm nhận nhiệm vụ dẫn đầu đội hình của sư đoàn. Đại đội 6 xe tăng (hiện còn bốn chiếc) được điều lên tăng cường cho Trung đoàn 46. Tiếp đó là cơ quan chỉ huy và các đơn vị binh chủng, đi cuối đội hình là Trung đoàn 101, vừa hành quân vừa tranh thủ củng cố lực lượng. Trung đoàn 18 ở lại bảo vệ phía sau và làm dự bị của Quân đoàn tiến đánh bên cánh phải. Để nắm chắc và chỉ huy các lực lượng ở phía trước, Sư đoàn trưởng Phạm Minh Tâm

và Chính ủy Lê Văn Dương quyết định tổ chức một bộ phận chỉ huy nhẹ đi cùng sở chỉ huy Trung đoàn 46 do trung tá Nguyễn Quang Huy, Phó Sư đoàn trưởng và thiếu tá Nguyễn Văn Rinh, Phó Tham mưu trưởng sư đoàn phụ trách. Đồng chí phó chủ nhiệm chính trị tỉnh đội Biên Hòa và một số đồng chí cán bộ huyện Nhơn Trạch cũng luôn theo sát đội hình tiến quân, giúp sư đoàn hiệp đồng với các lực lượng tại chỗ đánh địch. Rạng sáng ngày 28 tháng 4, đội hình tiến công của sư đoàn được tổ chức xong và các đơn vị bắt đầu xuất phát. Trên đoạn đường từ Long Thành vào Nhơn Trạch, Trung đoàn 46 bộ binh dẫn đầu đội hình tiến công của sư đoàn, liên tiếp tiêu diệt các cụm phòng thủ của địch ở Bến Săng, Phú Hội, Long Tân; đồng thời quét luôn hàng loạt tổ chức kìm kẹp của địch ở các thôn xã dọc đường 25.

Bị bất ngờ trước đòn đột kích táo bạo của các chiến sĩ Sư đoàn 325, lực lượng địch ở đây chống cự không nổi và tan vỡ. Trong buổi chiều và tối hôm đó, được xe tăng và pháo binh chi viện, Trung đoàn 46 sử dụng chiến thuật bao vây tiến công liên tục, sau ba đợt xung phong quyết liệt đã chiếm gọn quận lỵ Nhơn Trạch, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch cố thủ ở đây.

Đội hình chiến đấu của sư đoàn vừa xuất phát, các chiến sĩ Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 164 pháo binh dưới sự chỉ huy của Chủ nhiệm Chính trị lữ đoàn Nguyễn Băng Hiến cũng được lệnh đưa pháo 130mm tiến sát theo bộ binh. Trên đường tiến quân, bộ đội pháo binh cùng các lực lượng hành quân phía sau của sư đoàn liên tục đánh trả các cuộc phản kích của bộ binh và hải quân địch từ căn cứ Cát Lái theo sông lạch tiến ra bịt đường. Ở khu vực Long Tân - Phú Hội, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt nhất. Hàng chục tàu chiến địch đổ quân lên rừng đước và đồn dập nã pháo, cối vào trục đường 25. Binh lính của chúng tóa ra, tốp bò, tốp chạy đầy đồng. Nhiều trận giáp chiến đã diễn ra trong các vườn cây, các vạt ruộng ngập nước. Để bảo vệ pháo, giữ vững đội hình tiến quân, cán bộ, chiến sĩ cơ quan sư đoàn và các

đơn vị binh chủng đều xông lên diệt địch. Các khẩu đội pháo 85, cao xạ 37mm, súng máy 12,7mm... của các trung đoàn 84, 284 cũng nhanh chóng tìm vị trí thuận lợi tham gia đánh tàu chiến và bộ binh địch.

Đêm 28 tháng 4, các khẩu đội pháo tầm xa 130mm của lữ đoàn 164 dồn dập tiến vào Nhơn Trạch thiết bị trận địa bắn, chuẩn bị đánh sân bay Tân Sơn Nhất và các mục tiêu trong thành phố theo lệnh của Bộ tư lệnh Quân đoàn và Bộ chỉ huy chiến dịch, 36 khẩu pháo lớn của Trung đoàn 84 pháo binh, đơn vị anh hùng, 24 khẩu pháo cao xạ 37mm và 57mm của Tiểu đoàn 120 và Tiểu đoàn 75, đơn vị anh hùng nối tiếp nhau vào Nhơn Trạch, hướng nòng ra phía trước, sẵn sàng nhả đạn đánh phá thành Tuy Hạ, căn cứ hải quân Cát Lái, cảng Sài Gòn, v.v... sẵn diệt tàu địch trên sông Lòng Tàu, sông Đồng Nai, cắt đứt đường thủy từ Sài Gòn ra biển và sẵn sàng đánh máy bay địch bảo vệ đội hình tiến công của sư đoàn. Bao quanh các trận địa pháo là tầng tầng, lớp lớp các tay súng bộ binh kiên cường của hai Trung đoàn 101 và 46 - những con người đã góp phần không nhỏ trong chiến công đưa pháo lớn vào đặt ngay cửa ngõ Sài Gòn trước giờ tổng công kích và đang cảnh giác sẵn sàng giáng trả các cuộc phản công của hải, lục, không quân địch, giữ vững bàn đạp Nhơn Trạch. Trong lịch sử kháng chiến cứu nước, đây là lần đầu tiên ta đã đặt toàn bộ khu vực “thủ đô” của địch trong tầm khống chế của pháo binh hạng nặng, tăng thêm thế uy hiếp mạnh mẽ quân địch ở thời điểm quyết định. Việc tổ chức thành công cả một cụm pháo lớn ở ngay sát nội đô trước giờ tổng công kích thể hiện tài thao lược của Bộ chỉ huy chiến dịch; thể hiện quyết tâm và cố gắng vượt bậc của chiến sĩ bộ binh, binh chủng toàn Quân đoàn, đồng thời một lần nữa chứng tỏ ưu thế áp đảo của ta trong trận đánh giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, Tư lệnh Quân đoàn chỉ thị cho các trận địa pháo

130mm đặt ở Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, mở đầu cuộc tổng công kích.

Đúng 4 giờ 30 phút, khẩu đội của Nguyễn Văn Biên vinh dự bắn quả đạn đầu tiên. Tiếp đó, 303 quả đạn pháo 130mm dồn dập bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất trong một thời gian ngắn. Hòa cùng tiếng pháo lệnh của Lữ đoàn 164, các trận địa pháo của sư đoàn và các đơn vị bạn đồng loạt nổ súng, trút bão lửa vào các khu vực mục tiêu quy định.

Tiếng pháo vang rền từ trận địa Nhơn Trạch báo hiệu mở đầu cuộc tổng công kích của quân dân ta trên Mặt trận Sài Gòn - Gia Định. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, các binh đoàn thọc sâu của năm cánh quân đồng loạt vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, ào ạt đánh vào nội đô, cùng các lực lượng tại chỗ giải phóng thành phố.

Trước đó, ngày 28 tháng 4, trong khi sư đoàn đang khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ đánh vu hồi trên hướng Long Thành - Nhơn Trạch thì Trung đoàn 18 (lực lượng dự bị của Quân đoàn) nhận được chỉ thị đưa một tiểu đoàn sang phối hợp với Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 đánh chiếm khu ngã ba đường 15 - Nước Trong, mở sẵn cửa kho binh đoàn đột kích cơ giới hóa phát triển. Sáng ngày 29, khi binh đoàn đột kích cơ giới hóa bắt đầu xuất phát, Trung đoàn 18 được lệnh tiến tiếp ngay phía sau lực lượng thọc sâu, đánh vào giải phóng thành phố theo trục Nước Trong - Long Bình và xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn. Cùng thời gian đó, sư đoàn được lệnh tổ chức đánh chiếm thành Tuy Hạ, căn cứ Cát Lái và phát triển vào nội đô giải phóng quận 9.

Lúc 16 giờ chiều ngày 29 tháng 4, Trung đoàn 101 và xe tăng bắt đầu tiến vào cùng Trung đoàn 46 mở đợt tiến công quyết định. Ba chiếc xe tăng T54 tiến đến cách cổng thành Tuy Hạ 500 mét thì dừng lại dùng pháo và súng trọng liên 12,7mm kiềm chế chặt chẽ các hỏa điểm địch. Các chiến sĩ Trung đoàn 46 một lần nữa

ào ạt xung phong. Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 101 có xe tăng T54 dẫn đầu dũng mãnh xông thẳng vào cổng chính và nhanh chóng tỏa ra đánh chiếm các điểm cố thủ của địch. Mục tiêu thành Tuy Hạ được giải quyết xong vào hồi 18 giờ ngày 29. Lực lượng quân nguy phòng thủ khu vực này phần lớn bị tiêu diệt và bắt sống tại trận. Một bộ phận luôn được ra cổng phía nam, tháo chạy về Cát Lái.

Chớp thời cơ quân địch trong vùng đang hết sức hoang mang, dao động sau các đòn liên tiếp thua đậm ở Long Thành, Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, sư đoàn lệnh cho Trung đoàn 101 truy kích đánh thẳng xuống Cát Lái. Tới 18 giờ 40 phút, bộ binh, xe tăng ta tới sát khu vực mố cầu phà phía bắc. Bọn hải quân địch ở khu vực Cát Lái vội vã kéo tất cả tàu, thuyền sang bờ nam sông Đồng Nai, bỏ rơi hàng trăm tên lính nguy đang run lên vì khiếp sợ bên bờ bắc sông. Khi bộ đội ta tràn tới, chúng nhanh chóng đầu hàng và tan rã.

Tối 29 tháng 4, để chuẩn bị cho cuộc vượt sông đánh vào Sài Gòn, một bộ phận trinh sát chiến đấu của sư đoàn lập tức dùng thuyền bí mật đổ bộ sang bờ nam sông, nắm địch. Bộ tư lệnh sư đoàn cùng cán bộ chỉ huy các Trung đoàn 101, 84, 46 và đơn vị xe tăng, công binh... xuống khu vực bến phà trực tiếp nghiên cứu, xây dựng phương án vượt sông tại chỗ. Giữa những chớp lửa sáng lóe của đạn pháo địch bắn cầm canh sang bờ bắc, cán bộ chỉ huy các đơn vị chăm chú lắng nghe sư đoàn trưởng chỉ thị và phòng tham mưu sư đoàn phổ biến kế hoạch hiệp đồng tác chiến. Quyết tâm của sư đoàn là: tổ chức tiến công vượt sông Đồng Nai bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, đánh chiếm căn cứ Cát Lái, khu vực cảng và quận 9 Sài Gòn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cấp trên giao cho.

Ngay trong đêm tối, các đơn vị khẩn trương triển khai lực lượng chuẩn bị vượt sông. Táng sáng ngày 30 tháng 4, khi trận địa pháo tầm xa 130mm đặt ở Nhơn Trạch được lệnh thôi bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, thì cuộc tiến công vượt sông của sư đoàn bắt đầu.

Đề thăm dò phản ứng và như các trận địa hỏa lực địch trên bờ nam sông bị lộ cho pháo binh ta bắn hủy diệt, sư đoàn trưởng chỉ thị cho một xe lội nước (BAP) chở 10 chiến sĩ bộ binh được trang bị mạnh, vượt lên trước đội hình, tiến thẳng sang bờ nam sông. Xe BAP của ta vừa ra tới giữa sông thì bọn địch trong căn cứ hải quân Cát Lái nổ súng đánh chặn và cho ba tàu chiến xuất kích ra bịt đường. Trận địa pháo bắn ngắm trực tiếp của Trung đoàn 84 lập tức nổ súng đánh chìm tại chỗ cả ba tàu địch. Các cụm pháo sư đoàn đặt ở Nhơn Trạch, Tuy Hạ đồng loạt phát hỏa, trút bão lửa xuống vị trí địch trên bờ nam sông. Các khẩu đội cao xạ của ta cũng hạ nòng tham gia đánh diệt bộ binh địch. Pháo binh ta được đài quan sát luôn sâu hiệu chỉnh bắn rất chính xác. Tiếng trái pháo nổ dồn dập. Từ căn cứ Cát Lái, những đám cháy, những cột khói lớn bốc cao. Đòn tập kích hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh ta nhanh chóng đè bẹp lực lượng địch trên toàn khu vực. Tuy có chuẩn bị đối phó từ chiều ngày 29, nhưng chúng vẫn bị bất ngờ trước quy mô cuộc tiến công và cách đánh của ta. Vì bị bất ngờ nên binh lính nguy hoảng hốt bỏ tàu vọt lên bờ tìm nơi ẩn nấp hoặc tháo chạy thực mạng. Bọn chỉ huy các liên giang đoàn yểm trợ hết sức lúng túng và không nắm được binh lính thuộc quyền. Chúng liên tiếp đánh điện cầu cứu cấp trên cho lực lượng tới tiếp viện.

Vào lúc 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4, mong đánh thông đường tháo chạy ra biển và cứu nguy cho đồng bọn ở Cát Lái, bộ tư lệnh hải quân địch liền lệnh tập trung lực lượng mở cuộc phản kích. Từ Tân Cảng, hàng đoàn tàu chiến chở đầy lính nguy theo sông Nhà Bè hùng hổ tiến ra vừa đi vừa bắn tới tấp vào những nơi chúng nghi ngờ có trận địa hỏa lực của ta bố trí.

Mặc cho địch phản pháo ác liệt, các chiến sĩ Trung đoàn 84 và Tiểu đoàn 120 cao xạ gan góc chờ địch vào gần mới nổ súng đánh trả. Chỉ trong chớp nhoáng lại thêm 5 tàu địch bị nhấn chìm tại chỗ. Nhiều chiếc khác trúng đạn pháo bị thương. Một tàu kéo theo

ba xà lan chở đầy đạn bốc cháy, nổ dữ dội. Hàng chục tàu chiến địch liên tiếp bị bắn chìm, bắn cháy trên sông Đồng Nai làm cho bọn hải quân nguy vô cùng khiếp sợ. Sợ pháo binh ta săn đuổi, các tàu địch đi ở phía sau vội vã quay đầu tháo chạy về Tân Cảng. Nhân đà thắng lợi, cán bộ chỉ huy sư đoàn lập tức ra lệnh cho Trung đoàn 101 vượt sông. Được chính quyền cách mạng và nhân dân địa phương đưa thuyền bè tới giúp chuyên chở lực lượng, cán bộ, chiến sĩ 101 nhanh chóng đánh sang chiếm gọn căn cứ hải quân Cát Lái, bắt giữ thu hồi hơn 100 tàu xuồng chiến đấu và một khối lượng rất lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh khác. Cùng thời gian đó, các chiến sĩ Trung đoàn 46 nhận nhiệm vụ truy kích địch mới được tàu chiến đổ lên bờ bắc. Trung đoàn nhanh chóng tiêu diệt và đánh tan hai tiểu đoàn địch, bảo đảm an toàn cho lực lượng binh khí kỹ thuật tiếp tục chuyển sang phía nam sông.

Cuộc tiến công vượt sông Đồng Nai bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, trận đánh lớn thứ tư của Sư đoàn 325 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi.

Vào lúc căn cứ Cát Lái - điểm cố thủ cuối cùng của địch ở phía đông - nam Sài Gòn bị đập vỡ tan tành, thì trên hướng đường xa lộ, binh đoàn đột kích cơ giới hóa của Quân đoàn 2, sau khi đánh chiếm căn cứ Long Bình, cầu xa lộ (Đồng Nai), đã tràn qua quận Thủ Đức và đang tiếp tục đột phá qua điểm cố thủ cuối cùng của địch ở khu vực cầu xa lộ (Sài Gòn), mở đường đánh vào dinh Độc Lập.

Chấp hành mệnh lệnh trên, ngay sau khi vừa cơ bản đập vỡ được điểm phòng thủ của địch ở Cát Lái, Bộ tư lệnh Sư đoàn 325 trực tiếp nắm Trung đoàn 101 cùng đơn vị xe tăng thần tốc đánh vào quận 9 và khu vực Tân Cảng. Trung đoàn 46 và Trung đoàn 84 ở lại bảo vệ mục tiêu và khóa chặt sông Lòng Tàu không cho địch rút ra biển.

Đến giờ phút này, bọn địch ở Sài Gòn đã hỗn độn đến cực độ. Đại bộ phận binh lính địch khiếp sợ trước sức tiến công vũ bão của quân ta, chúng quẳng súng tìm đường tháo chạy. Bọn quan chức nguy

quyền cũng nháo nhác tìm phương di tản. Nhưng đường thủy, đường không và mọi tuyến đường bộ đều đã bị khóa chặt. Con đường duy nhất mà chúng phải chọn là đầu hàng cách mạng. Ở dinh Độc Lập, tướng Dương Văn Minh đang chủ trì một cuộc họp các tổng trưởng nguy đề chuẩn bị cho lễ ra mắt “tân nội các” dự định sẽ tiến hành vào 10 giờ sáng. Nhưng khi nhận được tin các đơn vị nòng cốt bảo vệ vòng ngoài đều bị tiêu diệt và tan rã, các quân đoàn chủ lực của ta từ nhiều hướng đã tràn vào tới nội đô, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa buộc phải đưa ra một bản tuyên bố muộn màng trên đài phát thanh Sài Gòn xin “ngừng bắn... để cùng thảo luận về bản giao chính quyền” hòng vớt vát được chút gì trong cái thế sụp đổ không thể tránh khỏi.

Không nghe bất cứ luận điệu nào của đối phương, cán bộ, chiến sĩ ta kiên quyết chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, nêu cao quyết tâm tiến thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch, bất chúng phải đầu hàng không điều kiện.

Từ 9 giờ ngày 30 tháng 4, các chiến sĩ Trung đoàn 101 phát triển trên hướng đông nam Sài Gòn dồn dập đánh vào chiếm gọn quận 9, bộ tư lệnh hải quân nguy và khu vực Tân Cảng, thu hồi và bắt giữ hàng trăm tàu địch trên sông Sài Gòn.

Trên hướng đường xa lộ, các chiến sĩ Trung đoàn 18 sau khi đập tan sự kháng cự của địch ở Trường cảnh sát quốc gia và Trường huấn luyện Thủ Đức đã nhanh chóng đánh thẳng vào quận 1.

Quân đoàn giao nhiệm vụ cho Lữ đoàn 203 xe tăng, Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 và các đơn vị bạn trong Quân đoàn thành lập “Liên binh đoàn thọc sâu” đánh chiếm dinh Độc Lập. Bộ phận liên binh đoàn thọc sâu này đã nhanh chóng vượt cầu Sài Gòn tiến vào dinh Độc Lập bắt giữ tổng thống Dương Văn Minh và toàn bộ nội các Sài Gòn, chiếm Đài phát thanh, Tổng cục chiến tranh chính trị, khu vực thương cảng và quận 4.

Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc dinh Độc Lập.

4. Quân đoàn 3 tiến công trên hướng bắc, tây bắc Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh

Quân đoàn 3 được Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ tiến công trên hướng bắc, tây bắc Sài Gòn.

a) Trên hướng bắc, Sư đoàn 320A tiến công cứ điểm Đồng Dù, phá tan tuyến phòng thủ tây bắc Sài Gòn của địch

Sư đoàn Đồng Bằng (Sư đoàn 320A) do đồng chí Bùi Đình Hòe, nguyên phó sư đoàn trưởng, được bổ nhiệm sư đoàn trưởng, trực tiếp chỉ huy sư đoàn chiến đấu cùng các đồng chí Bùi Huy Bồng, Chính ủy: Đặng Văn Trượng, Phó chính ủy và Ngô Huy Phát, Phó sư đoàn trưởng.

Trên con đường hành quân vào chiến dịch này đã diễn ra một cuộc gặp gỡ lịch sử. Đó là cuộc gặp gỡ giữa hai sư đoàn cùng sinh ra từ một cội nguồn: Sư đoàn 320A trong đội hình Quân đoàn 3 và Sư đoàn 320B trong đội hình Quân đoàn 1.

Những người lính Đồng Bằng gặp nhau tay bắt mặt mừng. Từ mấy năm nay, kể từ khi “hòn máu xẻ đôi”, mỗi đoàn quân đánh giặc một phương trời, nhưng vẫn hằng dõi theo bước chân hành quân của nhau. Khi quần nhau với địch trên những điểm cao chót vót phía tây sông Pô Cô, khi nằm trong chiến hào vây ép Đức Cơ, các chiến sĩ 320A vẫn nghe tin chiến thắng của 320B từ chiến trường Quảng Trị vọng vào. Một lá thư thăm hỏi, một gói quà nhỏ bé đầy tình nghĩa anh em 320B gửi vào đã động viên cổ vũ các chiến sĩ tiến lên không ngừng, không nghỉ. Từ hai đầu chiến trường, người lính Đồng Bằng ở hai sư đoàn vẫn luôn động viên nhắc nhở nhau: Hãy xứng đáng với truyền thống vẻ vang của Đại đoàn Đồng Bằng, của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 15 tháng 4 năm 1975, sư đoàn chính thức nhận nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Quân đoàn 3: Sư đoàn 320 được tăng cường Trung đoàn 593, có nhiệm vụ tập trung lực lượng đánh chiếm căn cứ Đồng Dù, mở cửa, đánh chiếm đầu cầu của Quân đoàn; đánh chiếm khu vực cầu Bông, cầu Sáng, bảo đảm đường cơ động cho mũi đột kích cơ giới mạnh của Quân đoàn tiến vào đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tổng tham mưu quân nguy Sài Gòn. Sau đó, sẽ trở thành đội dự bị của Quân đoàn phát triển tiến công vào nội thành Sài Gòn.

Sau khi nhận nhiệm vụ, Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn họp và quyết tâm: Kiên quyết tập trung lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn sư đoàn, nỗ lực cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ mở chiến dịch cho hướng tiến công của Quân đoàn, tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, đánh chiếm Củ Chi, Tân Quy và cầu Bông, cầu Sáng. Sau đó nhanh chóng xốc lại đội hình, sẵn sàng phát triển vào Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Quân đoàn giao cho.

Mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch lập tức được triển khai. Ngày 22 tháng 4, phương án tiến công căn cứ Đồng Dù và khu vực phụ cận được Bộ tư lệnh quân đoàn phê chuẩn.

Các chiến sĩ Tiểu đoàn 17 công binh được lệnh khẩn trương hoàn thành cầu phao qua sông Sài Gòn bằng những phương tiện ta thu được của công binh địch trong chiến dịch Tây Nguyên.

Đêm 23 tháng 4, sư đoàn được lệnh vượt sông Sài Gòn, hành quân xuống nam Bến Súc. Đến ngày 25 tháng 4, toàn bộ đội hình sư đoàn đã qua sông Sài Gòn vào vị trí tập kết an toàn.

Nằm trên trục quốc lộ số 1 Sài Gòn đi Tây Ninh, căn cứ Đồng Dù thực sự là cánh cửa sắt án ngữ phía tây với Bình Dương và Hậu Nghĩa. Đồng Dù là một căn cứ phòng ngự trọng yếu trong tuyến phòng thủ Sài Gòn, nên từ lâu, Mỹ - nguy đã ra công vun đắp, xây dựng nó trở thành một căn cứ xuất phát hành quân hỗn hợp quy mô lớn. Nó vốn là hang ổ của sư đoàn 25 Mỹ “Tia chớp nhiệt đới”, nơi xuất phát

các cuộc hành quân căn quét ra vùng Củ Chi, Bầu Bàng sang đến Bến Cá, Bến Súc, Tây Ninh. Sau này, khi Mỹ buộc phải cuốn cờ, sư đoàn “Tia chớp nhiệt đới” bàn giao cơ ngơi lại cho sư đoàn 25 ngụy, một trong những sư đoàn chủ lực mạnh của quân lực Sài Gòn. Để bảo đảm an toàn cho Đồng Dù, Mỹ - ngụy đã đánh phá, hủy diệt vùng Củ Chi, biến vùng này thành một vùng trắng. Đứng từ đài quan sát của căn cứ pháo binh sư đoàn 25 trong căn cứ Đồng Dù có thể nhìn thông suốt hàng chục kilômét. Xung quanh căn cứ, chúng bố trí một hệ thống hàng rào và vật chướng ngại phòng thủ rất kiên cố và phức tạp với gần chục lớp rào kẽm gai đủ các kiểu: bãi mìn, lò xo, bùng nhùng, mái nhà... và gài mìn bẫy dày đặc. Sau hàng rào là hai lớp tường đất kiên cố có các lô cốt, ụ súng. Tiếp đó đến hệ thống phòng thủ nội vi, bao gồm hàng trăm lô cốt, ụ súng và hàng ngàn mét hào giao thông nối liền các phân khu. Bên trong căn cứ rộng 8 kilômét vuông, chia thành từng ô bàn cờ, có đường cơ động cho xe tăng, xe bọc thép và có cả một sân bay hạng vừa, máy bay vận tải C130 và các loại máy bay chiến đấu có thể hạ cánh được. Hệ thống thông tin liên lạc trong căn cứ và liên lạc với mọi nơi cần thiết được thiết kế một cách hoàn hảo. Trung tâm viễn thông của căn cứ Đồng Dù là một trong những trung tâm lớn và hiện đại ở miền Nam Việt Nam.

Về lực lượng địch, trong căn cứ thường xuyên có một đến hai trung đoàn bộ binh đóng giữ. Ngoài ra còn một trung tâm huấn luyện tân binh và hạ sĩ quan, các tiểu đoàn trực thuộc của sư đoàn như công binh, pháo binh, thiết giáp, thông tin, trinh sát. Căn cứ pháo binh trong Đồng Dù là một căn cứ lớn có đến 18 khẩu pháo các loại, trong đó có 4 khẩu 174 “vua chiến trường”.

Hệ thống phòng thủ khu vực Củ Chi và căn cứ Đồng Dù là một hệ thống phòng thủ chặt chẽ, chu đáo, có hỏa lực mạnh, lực lượng đông, có các căn cứ phụ cận sẵn sàng chi viện và có đường cơ động hết sức thuận lợi. Chính vì vậy mà đã bao năm, chúng kết hợp với bọn ngụy quyền địa phương kìm kẹp nhân dân, đàn áp phong trào cách mạng ở Củ Chi và vùng xung quanh hết sức tàn bạo, dã man.

Nhân dân Củ Chi, dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đã bao năm chiến đấu hết sức kiên cường, bám trụ vững vàng trên mảnh đất đầy thương tích ấy. Lực lượng vũ trang cách mạng địa phương đã trưởng thành từ trong máu lửa, nhân dân được giác ngộ và tôi luyện trong đấu tranh. Đó là những yếu tố hết sức thuận lợi đối với cuộc chiến đấu sắp tới của sư đoàn.

Trong trận quyết chiến này, Bộ tư lệnh sư đoàn quyết định sử dụng lực lượng như sau:

Trường hợp địch chưa tăng cường lực lượng về Đồng Dù, sư đoàn sử dụng Trung đoàn 48 tăng cường một đại đội xe tăng cùng với pháo binh sư đoàn và pháo binh cấp trên tăng cường tiến công tiêu diệt căn cứ Đồng Dù; đột phá trên hai hướng: mũi chủ yếu từ tây bắc, mũi thứ yếu từ tây nam đánh vào. Trung đoàn 9 và một đại đội xe tăng làm dự bị đánh phát triển và đánh quân địch vòng ngoài. Trung đoàn 64 đánh chiếm khu vực cầu Bông, cầu Sáng và phát triển lên quận lỵ Hóc Môn theo nhiệm vụ Quân đoàn giao ở giai đoạn một của chiến dịch.

Trường hợp địch tăng cường lực lượng về Đồng Dù và khu vực xung quanh, sư đoàn dùng cả hai trung đoàn bộ binh cùng với Trung đoàn 54 pháo binh và các đơn vị tăng cường tập trung tiêu diệt bằng được căn cứ Đồng Dù, mở đường cho sư đoàn bạn đánh vào Tân Sơn Nhất, sau đó sẽ phát triển theo kế hoạch.

Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48, đơn vị có truyền thống mở cửa, lần này được giao nhiệm vụ đột phá hướng chủ yếu (hướng tây bắc).

Theo phương án, đầu tiên sẽ dùng bộc phá đánh đồng loạt và liên tục để mở rào; cấp trên chưa có ý kiến gì về việc dùng mìn phá rào. Đại đội 3, đại đội có nhiệm vụ mở cửa và đánh chiếm đầu cầu, được lệnh khẩn trương gói buộc bộc phá. Mặt khác, tiểu đoàn vẫn đề nghị cấp trên nghiên cứu phương án dùng mìn mở rào.

Mọi việc chuẩn bị đã hoàn thành. Theo hiệp đồng, pháo chiến dịch đã liên tục bắn phá căn cứ Đồng Dù trong mấy ngày liền.

Đơn vị bạn đã cắt đường từ Tây Ninh xuống và từ Hậu Nghĩa sang. Ngày 27 tháng 4, sư đoàn được tin tên chuẩn tướng Lý Tòng Bá đã điện cho trung đoàn 50 đưa lực lượng từ ấp Khói về phòng thủ Đồng Dù và điện cho trung đoàn 10 thiết giáp sẵn sàng cơ động.

Sư đoàn quyết định đánh Đồng Dù theo phương án hai: địch có tăng cường phòng thủ.

17 giờ ngày 28 tháng 4, các đơn vị tham gia chiến đấu được lệnh chuẩn bị hành quân vào chiếm lĩnh. Pháo của ta vẫn tiếp tục bắn phá. Căn cứ Đồng Dù bốc cháy ngùn ngụt. Số phận sư đoàn 25 nguy đã được định đoạt.

5 giờ sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, Sở chỉ huy sư đoàn như lắng lại, hồi hộp chờ đợi giờ nổ súng. Phó tư lệnh Quân đoàn Kim Tuấn cũng có mặt tại sở chỉ huy sư đoàn, trực tiếp chỉ huy trận đánh. Sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn đã sẵn sàng ở vị trí chỉ huy. Phó sư đoàn trưởng Ngô Huy Phát, theo phân công, trực tiếp đi với sở chỉ huy Trung đoàn 48.

10 giờ 30 phút là giờ hiệp đồng với Sư đoàn 10 của Quân đoàn, là giờ Sư đoàn 320 phải cơ bản làm chủ căn cứ Đồng Dù để Sư đoàn 10 vượt qua cửa mở này tiến vào tiến công Tân Sơn Nhất. Từ 5 giờ 30 đến 10 giờ 30 chỉ có năm giờ đồng hồ để dứt điểm một căn cứ rộng 8 kilômét vuông được phòng thủ kiên cố quả là một nhiệm vụ nặng nề. Nhưng các chiến sĩ ta quyết đánh với quyết tâm cao nhất.

Đúng giờ quy định, cùng một lúc tất cả các trận địa pháo của sư đoàn và pháo tăng cường cho sư đoàn đồng loạt nổ súng. Tiếng đại bác gầm lên dữ dội theo phương án hiệp đồng với bộ binh. Kế hoạch hỏa lực được chia làm nhiều giai đoạn theo một phương án được tính toán rất tỉ mỉ.

Ra lệnh cho pháo bắn xong, sư đoàn trưởng tiếp tục ra lệnh cho các hướng bộ binh cho điểm hỏa đồng loạt, bắt đầu thực hành

phá rào, mở cửa và ra lệnh cho xe tăng, pháo cao xạ vào chiếm lĩnh trận địa và tuyển xuất phát xung phong.

6 giờ, Trung đoàn 9 báo cáo về có hiện tượng địch phản kích, Tiểu đoàn 4 đã tiêu diệt một trung đội địch từ công tây nam tiến ra. 7 giờ, đại kỹ thuật sư đoàn báo cáo địch cho Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 50 ở xóm Mới và một chi đội thiết giáp lên phản kích. Có thể bọn này sẽ đánh vào phía sau đội hình Trung đoàn 9 trong khi hướng đột phá của trung đoàn chưa mở cửa xong.

Trong khi ấy, trên hướng chủ yếu của trận đánh, cuộc chiến đấu đang diễn ra vô cùng quyết liệt. Đại đội 3 Tiểu đoàn 1 do đại đội trưởng Trần Nhật Tăng và chính trị viên Đào Xuân Sáng chỉ huy đang tổ chức lại hỏa lực chuẩn bị cho các bộc phá viên lên phá nốt những hàng rào cuối cùng. Mìn liên kết nổ tốt, một mảng rào rộng gần chục mét gồm bốn lớp đã bị phá bung. Nhưng các hỏa điểm địch đã tập trung tưới lửa lên cửa mở. Dùng máy thông tin vô tuyến liên lạc trực tiếp với trung đoàn, đại đội trưởng Trần Nhật Tăng yêu cầu trên bắn chi viện lên khu vực đầu cầu. Đề nghị được chấp thuận. Đạn pháo của ta tới tấp rót lên khu vực đầu cầu. Trong khi đó các bộc phá viên đã sẵn sàng. Trung đội trưởng trung đội bộc phá Nguyễn Hữu Dóng dẫn bộc phá viên Nguyễn Văn Chung lên cửa mở.

Mặc đại liên, phóng lựu địch ken dày, Nguyễn Văn Chung, Trần Văn Minh rồi Nguyễn Khắc Bảo không một chút do dự, ôm mìn lao lên. Từ phía sau, chính trị viên Đào Xuân Sáng bình tĩnh chỉ huy các tổ hỏa lực bắn yểm trợ cho Bảo. Bỗng một chùm M79 nổ tóe trước mặt. Bảo ngã vật xuống. Trong giây lát, Bảo lại bật dậy, lao lên đặt mìn vào hàng rào rồi chạy trở lại. Trái mìn nổ tung. Hàng rào bị xé toang, Bảo loạng choạng, chới với rồi ngã vật ra. Quyết không để trận đánh bị gián đoạn, chiến sĩ bộc phá số 4 Nguyễn Văn Lĩnh ôm mìn lao lên cửa mở... Nhưng cũng như Nguyễn Khắc Bảo, Nguyễn Văn Lĩnh đã ngã xuống sau khi hàng rào cuối cùng bị phá toang.

- Hãy trả thù cho các đồng chí đã hy sinh! Tất cả tiến lên!

Tiếng hô của chính trị viên Sáng vang lên đồng loạt. Cả đại đội 3 ào ạt đánh lên cửa mở.

Thấy tình hình vô cùng nguy ngập, bọn địch trong căn cứ lồng lên. Chúng tập trung pháo, cối, 12,8mm, đại liên, M79 tưới lửa lên cửa mở, đồng thời điều xe tăng ra, chuẩn bị bịt cửa mở. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quang Vinh điện về báo cáo với trung đoàn trưởng Lê Quang Bình: “Địch đang bịt cửa mở. Tình hình rất căng thẳng. Tôi xin phép được lên trực tiếp chỉ huy đột phá. Đồng chí phó tham mưu trưởng trung đoàn sẽ thay tôi nắm sở chỉ huy, giữ liên lạc với trung đoàn”. Được trung đoàn trưởng chấp thuận, tiểu đoàn trưởng Vinh bàn giao công việc cho phó tham mưu trưởng trung đoàn rồi lao lên cửa mở.

Đại đội 3 bắt đầu đột phá. Trung đội trưởng trung đội thọc sâu Vũ Văn Sơn đang tổ chức lại hỏa lực. Nhưng hễ một xạ thủ nào nhóm dây định bắn là lập tức bị đại liên địch quật ngã. Ác nhất là hai khẩu 12,8mm trên hai chiếc xe tăng chôn ngầm trong bờ tường đất. Từ vị trí có lợi, chúng có thể kiểm chế toàn bộ khu vực cửa mở. Không thể để tình trạng này kéo dài. Sơn quan sát lại và nhận ra rằng vì ta ở dưới sườn dốc bắn lên nên đường đạn ăn cao, không thể găm trúng chiếc xe quái ác ấy được.

Lại một vài đồng chí nữa trúng đạn. Sơn bậm môi suy nghĩ rồi bò lên nhặt một khẩu B40 của một xạ thủ vừa bị thương. Anh nằm dãn mình xuống đất, căng mắt quan sát vị trí chiếc xe tăng địch. “Phải đứng dậy mà bắn!” - Sơn tự nhủ thầm - “Nếu không đứng dậy bắn thì không thể bịt mồm nó được. Nhưng, đứng dậy trong lúc hỏa lực địch đang ken dày thế này... nguy hiểm! Nhưng... Không còn cách nào khác. Phải đứng thẳng dậy. Một khoảnh khắc thôi. Miễn là đừng trúng đạn trước khi mình siết cò!”. Sơn nghĩ vậy rồi kiểm tra lại súng lựa thế nằm. Một... hai... ba! Đột ngột và bất ngờ, Vũ Văn Sơn bật dậy,

đứng sừng sững phía trước cửa mở. Có lẽ chỉ trong một giây lát. Cái giây lát ấy hẳn thằng địch bên trong bờ thành đất đã nhìn thấy anh. Chúng đã bắn như vãi đạn. Nhưng... Sơn đã kịp siết cò. Trái đạn B40 từ nòng súng của anh lao vút ra, như cắm thẳng vào bờ thành đất, nơi chiếc xe tăng địch đang ẩn nấp. Một đụn khói đen bốc lên sau tiếng nổ dữ dội. Bị đánh một cú bất ngờ, địch choáng váng trong giây lát. Chính trị viên Sáng chớp thời cơ ra lệnh cho bộ đội xung phong. Các chiến sĩ đại đội 3 bật dậy. Nhưng, chỉ vượt được chừng hai chục mét, họ lại bị hỏa lực địch đánh bật trở lại.

Tiểu đoàn trưởng Vinh báo cáo về trung đoàn xin pháo bắn lần thứ hai. Đại đội 3, sau ba đợt xung phong, vẫn chưa đánh chiếm được khu vực đầu cầu. Hỏa lực địch vẫn còn rất mạnh và bắn rất tập trung vào khu vực cửa mở.

8 giờ, trung đoàn lệnh cho đại đội xe tăng đi với hướng chủ yếu vào tham gia đột phá. Nhưng chiếc xe tăng đi đầu vừa chồm tới cửa mở đã bị súng chống tăng của địch từ bên trong bắn trúng. Chiếc thứ hai bị hỏng xích ngay ngoài hàng rào. Đại đội trưởng xe tăng trực tiếp chỉ huy chiếc thứ ba lao vào tiếp tục cùng Đại đội 3 đột phá.

Đợt xung phong thứ tư rồi đợt xung phong thứ năm. Đại đội 3 lọt được một bộ phận vào bên trong bờ tường đất. Địch từ hai phía tràn ra tiếp tục bịt chặt cửa mở. Xe tăng và các bộ phận phía sau vẫn không lọt vào được. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quang Vinh báo cáo với trung đoàn xin đưa đại đội 1 vào tiếp tục đột phá. Trong khi ấy, Đại đội 3 do chính trị viên Sáng chỉ huy vẫn tiếp tục phát triển vào bên trong. Đại đội 1 tiếp tục đột phá đánh chiếm rộng thêm khu vực đầu cầu rồi đưa xe tăng lên.

8 giờ 30 phút, Đại đội 3 báo cáo đã phát triển đến khu vực bãi xe của tiểu đoàn công binh nhưng đạn đã sắp hết. Thương binh nhiều. Sức chiến đấu giảm sút. Chính trị viên Đào Xuân Sáng, trung đội trưởng Vũ Văn Sơn đã bị thương. Tiểu đoàn trưởng Vinh liền ra lệnh

cho Đại đội 3 dừng tại chỗ, củng cố vị trí đứng chân, đưa thương binh ra, cho Đại đội 1 tiếp tục thọc sâu vào căn cứ và đưa nốt Đại đội 2 vượt qua khu đầu cầu vào đánh chiếm khu vực bãi tập.

Trận đánh diễn ra mỗi lúc một thêm quyết liệt.

Ở hướng thứ yếu, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 vẫn chưa vào được trong căn cứ.

Hướng Trung đoàn 9 vẫn tiếp tục đánh phản kích. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 16 súng máy cao xạ đã hạ nòng pháo cùng với Tiểu đoàn 5 diệt hàng trăm tên địch. Nhưng địch vẫn tiếp tục đưa lực lượng phía sau lên, hy vọng có thể bẻ gãy hướng tiến công của ta, chi viện cho đồng bọn trong căn cứ.

Địch trong căn cứ kháng cự quyết liệt. Tên chuẩn tướng Lý Tòng Bá vẫn bám máy, chỉ huy. Các chiến sĩ trinh sát kỹ thuật của ta vẫn nghe rõ tiếng hấn hò hét trên vô tuyến điện.

9 giờ, trinh sát kỹ thuật báo tin Lý Tòng Bá ra lệnh cho trung đoàn 46 ở Trảng Bàng, Đồng Chùa về gấp cứu nguy cho Đồng Dù.

Trước tình hình ấy, Bộ tư lệnh sư đoàn ra lệnh:

- Kiên quyết tập trung lực lượng, đưa thêm lực lượng vào hướng Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 thọc sâu vào sở chỉ huy Sư đoàn 25 nguy và phát triển sang hướng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 và hướng Trung đoàn 9, hỗ trợ cho hai hướng này phát triển.

- Đội dự bị của sư đoàn gồm Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và 8 chiếc xe tăng theo hướng Tiểu đoàn 1 phát triển vào đánh bung ra, chiếm các mục tiêu bên trong, hỗ trợ cho Tiểu đoàn 1 thọc sâu vào sở chỉ huy và hai hướng thứ yếu phát triển vào.

- Trung đoàn 9 xốc lại đội hình Tiểu đoàn 5, tiếp tục đột phá; dùng Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 16 súng máy cao xạ ngăn chặn và tiêu diệt địch từ Ấp Mới phản kích xuống.

- Pháo binh tiếp tục bắn chi viện cho bộ binh trên tất cả các hướng.

Tiểu đoàn 1 tiếp tục phát triển vào tung thâm mặc dù đã bị thương vong khá nhiều. Lúc này cán bộ chỉ huy tiểu đoàn chỉ còn tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Quang chưa bị thương. Chính trị viên Nguyễn Văn Thư tuy bị thương vẫn không rời vị trí của mình. Vinh và Thư nắm lại tình hình, quyết định cho Đại đội 1 còn sung sức tiếp tục phát triển, đồng thời củng cố những khu vực Đại đội 3 và Đại đội 2 chiếm được, mở đường cho xe tăng lên. Nhưng, đứng trong một căn cứ rộng mênh mông, nhà cửa san sát như một thành phố, thật khó xác định được đâu là sở chỉ huy địch. Vinh tìm vị trí có lợi quan sát toàn khu vực một lát rồi gọi đại đội trưởng Nguyễn tới, chỉ về phía trước, ra lệnh: “Cứ nhắm hướng có cái cột ăng-ten lớn kia mà tiến!”. Đại đội trưởng Nguyễn nắm lại đội hình, phân chia cán bộ đại đội đi theo từng mũi rồi cho đại đội xung phong dọc theo con đường trục lớn vào trung tâm.

Vượt qua khu vực Đại đội 3 đã đánh qua, Đại đội 1 bắt đầu gặp hỏa lực địch ngăn chặn. Để tạo sức đột phá mạnh, đại đội trưởng Nguyễn chủ trương dồn các xạ thủ lên phía trước để mình trực tiếp chỉ huy. Xạ thủ B40 Phạm Hữu Hợp luôn bám sát đại đội trưởng, liên tiếp diệt các hỏa điểm địch, tạo điều kiện cho đại đội đột phá. Qua khỏi khu vực tiểu đoàn công binh, các hỏa điểm địch từ bên kia đường (khu sở chỉ huy sư 25) tập trung bắn chặn mũi thọc sâu của Nguyễn. Một lần nữa Nguyễn lại phát huy sức mạnh của đội xạ thủ. Một mặt anh tìm cách liên lạc với phía sau, chỉ mục tiêu cho pháo binh và xe tăng, một mặt dùng cối 60 của đại đội bắn kìm chân bộ binh để cho các xạ thủ tập trung tiêu diệt các hỏa điểm. Các xạ thủ Tĩnh, Hợp, Lịch, Mẫn nhanh chóng dập tắt các hỏa điểm địch. Bộ binh bị cối bắn rát cũng hốt hoảng tháo chạy ra hướng sân bay. Đường vào khu vực sở chỉ huy sư đoàn 25 ngày đã mở. Đại đội trưởng Nguyễn bật dậy, lệnh cho đơn vị xung phong chiếm sở chỉ huy địch.

Các chiến sĩ xe tăng theo sát bộ binh, tiếp tục dùng pháo và đại liên trên xe bắn áp đảo địch cho bộ binh xung phong. Xạ thủ Phạm Hữu Hợp gương cao lá cờ truyền thống của sư đoàn, lúc này đã ướt đầm máu của các chiến sĩ tiểu đoàn Đồng Đa kiên cường, lao về phía trước.

Những tên sĩ quan, tên lính ngoan cố kháng cự đều bị tiêu diệt. Nguyên dẫn đầu mũi thọc sâu của đại đội 1 đã đứng trước cửa nhà chỉ huy của tên chuẩn tướng Lý Tòng Bá.

- Sở chỉ huy địch đây rồi! Các đồng chí!... Phát triển sâu vào bên trong, kiểm tra kỹ, tìm cho ra Lý Tòng Bá!

Ra lệnh cho các chiến sĩ xong, Nguyên hồi hộp cầm máy báo cáo về sở chỉ huy trung đoàn:

- Đại đội 1 Tiểu đoàn Đồng Đa đã chiếm được sở chỉ huy sư đoàn 25 nguy. Tên Lý Tòng Bá và bộ tham mưu của hắn đã bỏ chạy. Chúng tôi đang truy lùng! Xin chỉ thị.

Sở chỉ huy sư đoàn sôi nổi hẳn lên khi nhận được báo cáo đại đội 1 Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 đã chiếm được sở chỉ huy sư đoàn 25 nguy, những tuyến đề kháng cơ bản đã bị đập tan, quân ta từ các hướng đang tràn vào căn cứ tiếp tục truy quét địch.

Cửa mở vào Sài Gòn đã thông, được lệnh của Bộ tư lệnh Quân đoàn, Sư đoàn 10 bộ binh bắt đầu hành tiến. Các chiến sĩ Sư đoàn 10 cùng với pháo binh, xe tăng ào ạt hành quân qua cửa mở Đồng Dù. Ngồi trên xe, các chiến sĩ Sư đoàn 10 nhìn thấy khói lửa vẫn còn bốc lên ngùn ngụt trong căn cứ Đồng Dù. Tiếng súng truy quét tàn binh địch của các chiến sĩ 320 vẫn còn rộ lên từng chập. Khi đi ngang qua sở chỉ huy Sư đoàn 320, sư đoàn trưởng Sư đoàn 10 cho xe dừng lại, chạy vào chúc mừng chiến công của Sư đoàn Đồng Bằng, sư đoàn mà đồng chí đã nhiều năm làm chiến sĩ và từ đó trở thành người cán bộ chỉ huy cấp sư đoàn... Hai sư đoàn trưởng chúc mừng nhau và hẹn gặp nhau tại Sài Gòn.

Sư đoàn trưởng 320 đứng nhìn theo đoàn xe của sư đoàn bạn đang âm âm lao qua. Hơn lúc nào hết, anh hiểu ý nghĩa của chiến công mà tập thể sư đoàn vừa lập nên.

Các chiến sĩ Sư đoàn 320 được nhân dân Củ Chi giúp đỡ, đã bắt gọn bộ chỉ huy sư đoàn 25 ngụy, gồm tên chuẩn tướng Lý Tòng Bá sư đoàn trưởng, tên đại tá Trần Thắng Chức sư đoàn phó và một số sĩ quan tham mưu.

Xuất thân từ một sĩ quan thiết giáp, Lý Tòng Bá đã được quan thầy đưa sang Mỹ đào tạo và sau đó đưa về làm sĩ quan chỉ huy. Bá đã từng làm tư lệnh sư đoàn 23 ở Tây Nguyên, làm tỉnh trưởng Bình Dương, khét tiếng là một tên sĩ quan gian ác và tham nhũng.

Khi bị bắt làm tù binh, Lý Tòng Bá than thở: “Cuộc đời binh nghiệp của tôi hai lần đụng độ với Sư đoàn 320 các ông. Lần thứ nhất ở Kon Tum, lần ấy tôi tưởng mình thắng trận và nhờ chiến tích giả tạo ấy tôi đã được đích thân tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đặc cách gắn lên ve áo tôi quân hàm chuẩn tướng. Còn lần này thì bại trận thật sự, có điều ông Thiệu đã chuồn rồi, không còn có thể chia sẻ với tôi nỗi nhục bại trận”.

Cùng với số phận của Bá, sư đoàn 25 ngụy cũng kết thúc số phận làm đội quân tay sai của nó.

Trong khi sư đoàn thực hiện nhiệm vụ tiến công căn cứ Đồng Dù mở cửa cho một hướng chiến dịch tiến vào Sài Gòn thì Trung đoàn 64, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ tư lệnh Quân đoàn và bộ tư lệnh Sư đoàn 10, đã nhanh chóng đánh chiếm khu vực cầu Bông, cầu Sáng rồi phát triển lên quận lỵ Hóc Môn thiết lập khu vực đầu cầu cho mũi thọc sâu chiến dịch của Quân đoàn.

Trên đường tiến công, các chiến sĩ Trung đoàn 64 đã thực hành đánh chiếm một loạt căn cứ chốt điểm của địch, diệt 115 tên, bắt sống 1.995 tên địch, thu 323 súng, 2 pháo 105, thu và diệt 95 xe (có 5 xe tăng, xe bọc thép).

Đến 23 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 64 được lệnh tiếp tục phát triển, tiến thẳng vào Sài Gòn cùng sư đoàn bạn. Nhận được mệnh lệnh thiêng liêng tiến vào Sài Gòn cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 64 phấn khởi reo hò vang dậy, lập tức tiến quân.

Trên đường, mặc dù những tuyến phòng thủ cơ bản đã bị đập tan, nhưng từng bộ phận quân địch vẫn ngoan cố kháng cự.

Tại ngã tư Bảy Hiền, trung đoàn tổ chức chiến đấu, bắn cháy một xe tăng, diệt và bắt một số địch. Nhiều chiến sĩ sắp đến giờ phút thắng lợi huy hoàng của dân tộc vẫn anh dũng chấp nhận sự hy sinh.

11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, Dương Văn Minh chính thức lên đài phát thanh tuyên bố đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng.

b) Trên hướng Sư đoàn 316 tiến công Bầu Nâu - Phước Mỹ - Trảng Bàng

Ngày 19 tháng 4, Quân đoàn 3 giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 316 chuyển sang kiềm chế giữ chân và tiêu diệt số quân của sư đoàn 25 nguy còn lại ở phía Tây Ninh, không cho chúng co cụm về Củ Chi, giúp đỡ nhân dân xây dựng chính quyền cách mạng trong khu vực từ Trà Võ đến Đồng Dù.

Trung đoàn 148 được giao đánh chặn lực lượng sư đoàn 25 nguy không cho chúng từ Tây Ninh về Đồng Dù; Trung đoàn 174 vừa chốt chặn vừa đánh vận động tiêu diệt số quân địch ở Trảng Bàng, Phước Mỹ. Trung đoàn 149 làm lực lượng cơ động chung, đồng thời sẵn sàng đánh các điểm Phước Hiệp, Suối Sâu, Trảng Bàng khi trên các hướng chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu nổ súng. Ngoài ra, sư đoàn còn phải sẵn sàng đưa nhanh lực lượng vào tham gia chiến đấu trong nội đô Sài Gòn khi có lệnh.

Đêm 9 tháng 4, Trung đoàn 148 bí mật vượt sông Sài Gòn qua cầu Bến Củi, tiến vào bám sát các vị trí địch.

Từ ngày 13 đến ngày 18 tháng 4, Trung đoàn 148 bắt đầu đánh những trận nhỏ lẻ chặn giao thông địch trên đoạn đường từ Trà Võ đi Gò Dầu. Pháo binh ta cũng bắt đầu bắn phá vào các trận địa pháo của địch. Cứ sau mỗi trận đánh ta lại lạng lẽ rút, tránh không để xảy ra đụng độ lớn. Điều đó khiến cho chuẩn tướng Lý Tòng Bá, chỉ huy sư đoàn 25 nói: “Cánh quân Việt cộng ở chiến trường chúng tôi đâm trách đã có những hành động kỳ lạ. Chúng bám chúng tôi như đĩa nhưng lại tránh chúng tôi như đĩa sợ vỡ!”. Địch đâu ngờ rằng, chính lúc này chúng đang nằm trong thế “dồn cáo về hang” của Sư đoàn 316. Trung đoàn 148 đã sẵn sàng và đang chờ thời cơ để tiêu diệt chúng.

Ngày 19 tháng 4, được tin địch có triệu chứng dồn các lực lượng thuộc sư đoàn 25 về Tây Ninh tập trung xung quanh Gò Dầu, Củ Chi để tăng cường cho tuyến phòng thủ ngoại vi tây bắc Sài Gòn, lập tức Trung đoàn 148 được lệnh đẩy mạnh hoạt động. Ngày 20 tháng 4 đánh Bầu Nâu, Trà Võ, sau đó đập tan cuộc phản kích của 2 tiểu đoàn địch. Trong cuộc chiến đấu này Trung đoàn 148 đã diệt 485 tên. Sau đó trung đoàn rút ra thực hiện kế hoạch kiềm chế cắt đứt đoạn đường 22 giữa hai vị trí này. Đến đây sư đoàn 25 nguy thực sự lâm vào tình trạng bị giam hãm.

Ngày 22 tháng 4, Trung đoàn 148 tiếp tục vây giữ địch ở Bầu Nâu, Trà Võ, đánh bật địch khỏi Tân An, cắt giao thông tại cầu Cẩm An. Các trung đoàn 174, 149 cũng bắt đầu vây ép trên hướng Phước Mỹ, Suối Sâu, Phước Hiệp, Trảng Bàng.

Đêm ngày 27 tháng 4, sư đoàn triển khai toàn bộ lực lượng hoạt động xung quanh các vị trí địch, hình thành thế bao vây, giam hãm và sẵn sàng tiêu diệt sư đoàn 25 nguy trên dọc đường từ Trà Võ đến Trảng Bàng. Từ Trảng Bàng đi Phước Mỹ đều có lực lượng của sư đoàn bố trí. Trung đoàn 148 được lệnh đánh tiếp Bầu Nâu, Trà Võ. Trung đoàn 174 đánh Trung Hưng, Phước Mỹ. Trung đoàn 149 đánh thị trấn Trảng Bàng.

9 giờ sáng ngày 28 tháng 4, Trung đoàn 174 đánh tan 1 tiểu đoàn địch từ Đồng Dù, Củ Chi lên giải tỏa cho Phước Mỹ, Trung Hưng, diệt 50 tên, đánh chiếm đồn bảo an Cây Chôm, sau đó lại đánh tan tiếp 1 tiểu đoàn địch từ Phước Mỹ ra phản kích.

Trung đoàn 149 vây đánh Trảng Bàng, chiều ngày 28 tháng 4 đã đánh lui 1 tiểu đoàn địch ra định tháo vây giải tỏa, diệt 42 tên. Cùng lúc pháo binh ta bắn mạnh vào Trảng Bàng tạo điều kiện cho bộ binh áp sát thắt chặt vòng vây. Một bộ phận địch đã ra hàng. Trong lúc ta đang tiếp cận sở hàng binh, thì từ một vị trí kế cận địch xả súng bắn mạnh vào sở binh lính đang ra hàng, sở này bỏ chạy tán loạn. Ta vẫn chưa chiếm được đồn. Trung đoàn 149 tiếp tục chiến đấu tiêu diệt các khu kế cận đồn, các cụm bảo an, dân vệ cùng các hỏa điểm lẻ của địch. Tới 16 giờ ta vây chặt sở chỉ huy chi khu Trảng Bàng. Kết hợp tác chiến với địch vận, ta đã gọi hàng được 103 tên, diệt 23 tên.

Cũng trong ngày 28 tháng 4, tại Bầu Nâu, Trà Võ, Trung đoàn 148 đánh chiếm cầu Cam, vây chặt và pháo kích Bầu Nâu, Trà Võ, Bến Kéo, Bến Mương. Trời đã tối, sư đoàn lệnh cho các đơn vị bám giữ ém sát các đồn không cho quân địch chạy thoát, đồng thời tích cực chuẩn bị mọi mặt để tiêu diệt quân địch trong ngày hôm sau.

Đêm 28, Trung đoàn 149 đánh bật địch tại cầu Trảng Chùa (đông Trảng Bàng). 7 giờ sáng hôm sau một bộ phận thiết giáp địch gồm 7 chiếc bất ngờ thoát ra ngoài Trảng Bàng chạy về phía Lào Táo, gặp Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 174 chặn đánh diệt 2 chiếc, số còn lại chạy sang Phước Mỹ, gặp Tiểu đoàn 1 bị diệt tiếp 2 chiếc và bắt 3 chiếc còn lại.

Ngày 29, tiểu đoàn 3 Trung đoàn 174 chớp thời cơ đánh chiếm Trung Hòa, rồi Lào Táo, diệt 37 tên, bắt sống 260 tên; tiếp đó cùng với tiểu đoàn 1 đánh sang Phước Hiệp, Đồng Chùa. Như vậy, ta đã giải phóng toàn bộ khu vực Trung Hòa, Lào Táo, Phước Hiệp, Đồng Chùa.

Trên hướng Trảng Bàng, sau khi để lọt một bộ phận thiết giáp địch, Trung đoàn 149 điều chỉnh đội hình tiến hành vây chặt hơn. Sau đó ta đánh sập cầu Trảng Chùa. Địch đưa quân ra thăm dò bị ta chặn đánh. Tiếp theo Tiểu đoàn 8 đánh chiếm khu trường học, Tiểu đoàn 9 chiếm khu chợ, đồn cảnh sát, khu hành chính. Sau đó cả 2 tiểu đoàn cùng tiến công mạnh vào sở chỉ huy theo hướng đông và nam - đông nam.

15 giờ 15 phút, ta hoàn toàn làm chủ khu vực sở chỉ huy chi khu Trảng Bàng rồi phát triển chiếm trận địa pháo, diệt 37 tên, bắt 248 tên, thu nhiều vũ khí các loại.

Liên đoàn biệt động 32 địch bị Trung đoàn 148 đánh từ Gò Dầu rút chạy về Trảng Bàng. Thấy chi khu đã mất, chúng tìm đường chạy về Đồng Dù, gặp Tiểu đoàn 7 chặn đánh diệt 39 tên, gọi hàng 260 tên. Số còn lại bỏ chạy, cả liên chi đoàn địch bị tan rã.

Tại Bầu Nâu, Trà Võ, Trung đoàn 148 tiến công mạnh vào sở quân địch bị vây hãm. Chỉ sau hơn một giờ chiến đấu ta đã làm chủ hoàn toàn Bầu Nâu, Trà Võ. Sau đó Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 148 đánh Bến Mương. Trận đánh kéo dài suốt đêm, đến 7 giờ 30 phút ngày hôm sau (30-4) địch bỏ chạy, để lại 76 xác chết. Ta truy kích về hướng Gò Dầu, địch co về Bến Đền, ta bao vây rồi tiến công vị trí này, bắt sống 477 tên.

c) Trên hướng tây bắc, Sư đoàn 10 đập tan tuyến phòng thủ của địch ở ngã tư Bảy Hiền vào chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và cùng Quân đoàn 1 đánh chiếm Bộ tổng tham mưu nguy

Đầu tháng 4 năm 1975, ngay sau khi Cam Ranh giải phóng, Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 đã chỉ thị cho Sư đoàn 10 tranh thủ củng cố đơn vị và khẩn trương tổ chức cơ động vào miền Đông Nam Bộ, tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Được Bộ tư lệnh Quân đoàn nhất trí, sư đoàn để lại toàn bộ sở pháo 122mm, thay bằng pháo 105 thu được của địch, vừa đỡ công

vận chuyển bổ sung đạn pháo 122mm, vừa có thể tận dụng được đạn pháo 105mm của địch trong quá trình chiến đấu.

Khó khăn lớn nhất đối với sư đoàn lúc này là phương tiện vận chuyển. Mặc dù Bộ tư lệnh Quân đoàn đã ưu tiên xe vận tải, nhưng tính ra sư đoàn vẫn còn thiếu tới 60 xe. Để giải quyết khó khăn này, Bộ tư lệnh sư đoàn cử đồng chí Lê Quang Mỹ, chủ nhiệm chính trị sư đoàn, trực tiếp làm việc với Ủy ban quân quản thị xã Nha Trang, Cam Ranh để vận động đồng bào đưa xe tới giúp bộ đội; đồng thời tận dụng số xe thu được của địch phục vụ việc vận chuyển cơ động lực lượng.

Sau 72 giờ chuẩn bị ở Cam Ranh, toàn sư đoàn xuất phát, theo trục đường 450, nhằm hướng Nam tiến tới. Cuộc hành quân của sư đoàn diễn ra dưới bom đạn đánh chặn ác liệt của quân địch. Ngày 10 tháng 4, tiểu đoàn công binh cầu phà Trung đoàn 7 bị địch đánh cháy 6 xe chở phà. Ngày 11, Trung đoàn 28 bị cháy 5 xe. Ngày 12, sư đoàn bộ binh và Trung đoàn 4 bị cháy 7 xe. Ngày 13, Trung đoàn 24 bị cháy 9 xe... đường 450 trở thành tọa độ lửa. Nhưng cả đoàn xe hàng trăm chiếc chở đầy bộ đội và súng đạn, lương thực vẫn hùng dũng lao lên phía trước.

Chiều ngày 13 tháng 4, khối sư đoàn bộ binh, Trung đoàn 4 pháo binh, Trung đoàn 28 bộ binh, Trung đoàn 7 công binh và Trung đoàn 273 xe tăng, vượt qua bom đạn địch, hành quân về tới Đơn Dương (Đà Lạt). Đồng bào vùng mới giải phóng vô cùng sung sướng ào ra đứng chật hai bên đường chào đón các chiến sĩ quân giải phóng.

Ngay tối ngày 13 tháng 4, Tư lệnh Quân đoàn điều bổ sung nhiệm vụ: Sư đoàn 10 không tập kết ở Định Quán trên đường 20 nữa mà quay lại đường 21 đi Buôn Ma Thuột, sau đó theo đường 14 về Lộc Ninh, tập kết phía nam quận lỵ Chơn Thành. Nhận được chỉ thị của trên, Bộ tư lệnh sư đoàn thấy rằng khối đi đầu của sư đoàn vừa vượt qua một tuyến đường địch đánh phá rất ác liệt, nếu cho đội hình quay lại đường cũ sẽ bị tổn thất thêm, qua cân nhắc, tính toán

thời gian sư đoàn có mặt ở vị trí quy định và để phù hợp với tình hình thực tế, Bộ tư lệnh sư đoàn đề nghị Tư lệnh Quân đoàn cho sư đoàn hành quân trên hai đường: 1. Bộ phận đã tới Đơn Dương tiếp tục đi theo quốc lộ 20 đến Di Linh rẽ sang Gia Nghĩa về Kiến Đức; 2. Bộ phận đang còn ở Nha Trang - Cam Ranh và các đơn vị đang đi trên đường 450 sẽ quay lại theo đường 21 về Buôn Ma Thuột. Toàn sư đoàn sẽ hội quân ở Kiến Đức.

Đề nghị đó của sư đoàn được Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 đồng ý. Chiều ngày 20 tháng 4, cánh quân từ Di Linh đi xuống đã gặp cánh quân từ Buôn Ma Thuột đi vào tại Kiến Đức, đúng như dự kiến.

Ngày 21 tháng 4, đội hình sư đoàn tiếp tục hành quân. Xe tới Lộc Ninh rồi qua An Lộc và đến Chơn Thành. Đêm ngày 22 rạng ngày 23, toàn sư đoàn đã đến vị trí tập kết chiến dịch tại một cánh rừng cao su thuộc huyện Dầu Tiếng, tỉnh Thủ Dầu Một.

8 giờ sáng ngày 23 tháng 4, sư đoàn trưởng Hồng Sơn và chính ủy Lê Ngọc Châu về sở chỉ huy Quân đoàn 3 nhận lệnh. Tại sở chỉ huy Quân đoàn 3, Thiếu tướng Vũ Lăng, Tư lệnh Quân đoàn chính thức giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 10. Sư đoàn 10 được tăng cường Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320), Trung đoàn 198 đặc công, Trung đoàn 234 cao xạ, hai tiểu đoàn xe tăng, một đại đội xe tăng M41, M48, một tiểu đoàn pháo 155, một trung đội A72 và được các cụm pháo binh số 4, số 6 chi viện. Nhiệm vụ tác chiến của sư đoàn như sau: Sử dụng một trung đoàn bộ binh ngày N (29-4-1975) hiệp đồng với Trung đoàn 198 đặc công, đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng, thành Quan Năm (nếu Trung đoàn 198 không dứt điểm); bao vây tiến tới dứt điểm địch ở Hóc Môn, tạo bàn đạp cho lực lượng chủ yếu của sư đoàn thọc sâu vào nội đô. Nếu địch phá mất cầu phải tổ chức vượt sông đánh tạo bàn đạp, diệt thành Quan Năm, vây Hóc Môn, chi viện cho công binh Quân đoàn vào triển khai bảo đảm vượt sông.

Lực lượng còn lại của sư đoàn và các đơn vị tăng cường tạo thành một binh đoàn đột kích mạnh sẵn sàng dùng cơ giới thọc sâu vào nội đô đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, mà trọng điểm là bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân, bộ tư lệnh sư đoàn 5 không quân nguy. Sau đó phát triển tích cực phối hợp với đơn vị bạn đánh chiếm Bộ tổng tham mưu nguy và tùy tình hình sẽ xác định nhiệm vụ phát triển vào các mục tiêu trong thành phố.

Ngày 25 tháng 4, Thường vụ Đảng ủy sư đoàn họp quán triệt nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Quân đoàn và bàn phương án tác chiến. Về cách đánh, sư đoàn xác định hai bước chiến đấu then chốt:

Bước 1: Đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng, bao vây tiêu diệt thành Quan Năm, Hóc Môn, bao vây trại huấn luyện Quang Trung. Nếu có điều kiện thì nhanh chóng tiêu diệt các mục tiêu trên. Cách đánh cụ thể là: Lót và luồn đặc công vào tập kích; tiếp đó tung một lực lượng bộ binh mạnh vào trợ lực đánh địch, rồi phát triển bao vây trong hành tiến đánh chiếm thành Quan Năm và Hóc Môn.

Bước 2: Khi bước 1 thắng lợi, nắm vững thời cơ, nhanh chóng đưa lực lượng binh chủng hợp thành thọc sâu đánh thẳng vào Tân Sơn Nhất bằng hiệp đồng binh chủng dưới sự chỉ huy thống nhất của sư đoàn và Quân đoàn.

Về sử dụng lực lượng: Trung đoàn 198 đặc công và Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320) là lực lượng chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tác chiến ở bước 1; Trung đoàn 24 và Trung đoàn 28 được tăng cường xe tăng, pháo binh, pháo cao xạ hình thành cụm cơ động thọc sâu dưới sự chỉ huy thống nhất của sư đoàn. Trung đoàn 24 tiến theo trục đường 6 và quốc lộ, thọc sâu đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, trọng điểm là bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân và bộ tư lệnh sư đoàn 5 dù. Trung đoàn 28 tiến theo trục đường 5 về đánh chiếm bộ tư lệnh không quân nguy, sau đó phát triển phối hợp cùng đơn vị bạn đánh chiếm Bộ tổng tham mưu nguy, Trung đoàn 4 pháo binh, Trung đoàn 273 xe tăng, Trung đoàn 234 cao xạ có nhiệm vụ chi viện

phối hợp cùng bộ binh đánh chiếm các mục tiêu. Trung đoàn 66 là lực lượng dự bị của sư đoàn trong chiến dịch.

Chiều ngày 25 tháng 4, Bộ tư lệnh sư đoàn mở hội nghị quân chính nhằm quán triệt nhiệm vụ và thống nhất phương án tác chiến. Hơn 200 cán bộ chủ trì của các đơn vị trong sư đoàn cùng các đơn vị tăng cường đã về dự.

Trong lúc hội nghị quân chính đang tiến hành, các phân đội trinh sát, công binh bắt đầu lên đường bám địch, mở đường. Việc bảo đảm đường cơ động cho sư đoàn thọc sâu hết sức quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tiến công. Bộ tư lệnh sư đoàn cử đồng chí Đinh Văn Lý, phó tham mưu trưởng sư đoàn và đồng chí Cao Thọ Hương, trưởng ban công binh trực tiếp chỉ huy việc bảo đảm đường cơ động.

Các chiến sĩ công binh, trinh sát đóng giả dân, vượt qua đồn bốt địch, bí mật phân chia từng đoạn để trinh sát, đánh dấu tuyến rồi mới nối lại thành trục đường. Càng gần đến ngày chiến dịch mở, không khí chuẩn bị của sư đoàn càng sôi động hẳn lên. Ở các trạm trú quân, các chiến sĩ chia vãi đồ khâu băng làm tín hiệu nhận nhau; hoặc chum đầu quanh tám sơ đồ thành phố Sài Gòn còn thơm mùi mực in do quân đoàn vừa gửi xuống để làm quen với những đường phố, những khu vực mục tiêu và thảo luận về các tình huống chiến đấu. Trưa ngày 27 tháng 4, tám chiến sĩ biệt động thành Sài Gòn trong đó có chiến sĩ gái Nguyễn Thị Trung Kiên làm nhiệm vụ dẫn đường cũng đã có mặt tại sở chỉ huy sư đoàn ở Bến Súc. Cả sư đoàn sẵn sàng bước vào trận đánh.

Đêm 28 tháng 4, theo đúng kế hoạch hiệp đồng, các chiến sĩ Trung đoàn đặc công 198 và Trung đoàn 64 nhanh chóng bí mật tiến về cầu Bég, cầu Sáng. Cầu Bég nằm trên đường 1, cầu Sáng nằm trên đường 15, cả hai con đường này đều chạy qua cánh đồng lúa Củ Chi, Hóc Môn trước khi vào Sài Gòn.

Quyết tâm của Bộ tư lệnh Sư đoàn 10 là sử dụng Trung đoàn đặc công 198 bí mật áp sát, tiến công táo bạo, kiên quyết đánh

thật nhanh, thật mạnh, áp đảo quân địch không cho chúng kịp trở tay phá cầu. Đồng thời dùng Trung đoàn 64 luôn sẵn sàng tiếp sức cùng đặc công đánh chiếm bằng được hai chiếc cầu. Nếu địch phá cầu trước khi ta tiến công, thì Trung đoàn 64 nhanh chóng cơ động vượt kênh Sáng, đánh chiếm bàn đạp phía nam để Quân đoàn đưa công binh và pháo cao xạ vào bắc phà bảo đảm đường cho sư đoàn thọc sâu. Bộ tư lệnh sư đoàn quyết định thời cơ đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng là lúc Sư đoàn 320 bắt đầu tiến công sư đoàn 25 ngay trong căn cứ Đồng Dù.

Suốt đêm 28 tháng 4, các chiến sĩ Trung đoàn đặc công 198 và Trung đoàn 64 tiến vào cầu Bông, cầu Sáng dưới ánh sáng của pháo sáng địch từ Đồng Dù, Củ Chi, Trảng Bàng bắn lên không ngớt. Máy bay C130 của chúng bay dọc đường 1 và đường 15 bắn như vãi đạn. Nhưng nhờ công tác nguy trang được thực hiện chu đáo, bộ đội chấp hành kỷ luật hành quân nghiêm, các đơn vị của ta đều đã chiếm lĩnh trận địa bí mật, an toàn, đúng thời gian quy định.

3 giờ 30 phút sáng 29 tháng 4, giờ nổ súng của Sư đoàn 10 đã điểm. Các chiến sĩ đặc công Tiểu đoàn 20 với lối đánh gần sở trường, nhanh chóng chiếm gọn cầu Bông. Sau những phút đầu choáng váng, bọn biệt kích dù ngoan cố tổ chức phản kích mong chiếm lại cầu Bông. Nhằm tăng sức tiến công cho tiểu đoàn 20, Bộ tư lệnh sư đoàn chỉ thị cho Trung đoàn 64 đưa đại đội 10 vào tham gia chiến đấu. Bất chấp pháo binh và máy bay địch bắn chặn, các chiến sĩ đại đội 10 vượt lên mặt đường 1, tiến vào tiếp sức cùng bộ đội đặc công chiến đấu. Trận đánh kéo dài 50 phút thì dứt điểm. Tiểu đoàn 81 biệt kích dù hoàn toàn bị tiêu diệt và tan rã.

Trên hướng cầu Sáng, vì đường xa, lại phải luôn tránh địch nên khi Tiểu đoàn 2 vào tới vị trí triển khai thì trời đã sáng. Địch phát hiện được, nổ súng ngăn chặn. Cuộc chiến đấu trở nên phức tạp. Bộ tư lệnh sư đoàn lập tức tung một đại đội của Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 vào tiếp sức. Sau 30 phút chiến đấu, đặc công và bộ binh ta làm chủ cầu Sáng.

Cùng thời gian này chấp hành nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Sư đoàn 10 giao cho Trung đoàn 64 (thiếu) cũng tiêu diệt và làm tan rã tiểu đoàn 99 biệt động quân ở ấp Phổ Mới. Các sư đoàn bạn (316, 320) cũng đã hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài trên hướng tây bắc Sài Gòn. Thời cơ để Sư đoàn 10 thọc sâu đánh vào nội đô đã đến.

5 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4, Trung đoàn 24 và Trung đoàn 28 cùng xe tăng, thiết giáp, pháo binh, cao xạ được lệnh xuất kích. Theo lộ tiêu do công binh cắm sẵn trên hai trục đường 5 và 6, xe ủi đất đi trước húc tung các bờ rừng, mô đất mở đường cho xe tăng và ô tô chở quân đi theo. 347 xe các loại, tươi lá nguyệt trang, cắm cờ giải phóng theo đội hình hàng dọc nối nhau băng qua cánh đồng Củ Chi như một cơn lốc tràn về Sài Gòn.

Sáng 29 tháng 4, trên cơ sở nắm vững lực lượng địch bị tan vỡ nặng ở tuyến phòng thủ vòng ngoài, Bộ tư lệnh sư đoàn quyết định cho Trung đoàn 24 không đi đường vòng tránh Củ Chi như kế hoạch trước mà tiến thẳng lên đường 1, thọc qua quận lỵ này.

10 giờ 50 phút, phân đội phái đi trước của Trung đoàn 24 tiến cách Củ Chi 4km thì gặp một lực lượng bộ binh và thiết giáp của địch ngăn chặn. Đơn vị đã kịp thời triển khai chiến đấu diệt 4 xe tăng thiết giáp và một trung đội địch. 11 giờ sáng ngày 29, bộ binh và xe tăng ta thừa thắng nhanh chóng thọc qua Củ Chi tiến về cầu Bông.

Cùng thời gian đó, tại cánh đồng Tân Phú Trung, một đoàn xe tăng, xe bọc thép và xe ô tô của địch từ Hậu Nghĩa trên đường rút về Sài Gòn cũng tiến thẳng vào cầu Bông. Các chiến sĩ Trung đoàn 64 và Trung đoàn 198 đặc công chốt ở đây lúc đầu tưởng đó là lực lượng đột kích của sư đoàn, nhưng thấy trên xe không cắm cờ và thấy lính địch đội mũ sắt, lập tức triển khai chiến đấu. Bị đánh bất ngờ, đoàn xe địch ùn lại. Giữa lúc đó, cánh quân của Trung đoàn 24 từ Củ Chi ập đến. Thấy các xe tăng M41, M48 chiến lợi phẩm đi trong đội hình tiên quân của Trung đoàn 24, bọn địch lầm tưởng là

đồng bọn của chúng từ Tây Ninh thua trận chạy về. Nhưng khi thấy xe nguy trang cấm cò, chúng ngỡ ngác chưa biết xử trí ra sao, thì đã bị xe tăng M41, M48 của Đại đội 9 do đại đội trưởng Đoàn Sinh Hưởng, chỉ huy xông tới nổ súng. Trong thế bị đánh cả hai đầu, xe tăng địch hoảng loạn nhào xuống cánh đồng lúa phía nam cầu Bông. Từ trên đường 1, xe tăng và bộ binh ta dùng hỏa lực nhằm từng chiếc xe địch nổ súng, 28 xe tăng, xe bọc thép và hàng chục xe GMC bốc cháy, toàn bộ quân địch bị diệt. Trung đoàn 24 tiếp tục phát triển đánh chiếm thành Quan Năm.

Quân địch ở thành Quan Năm ngăn chặn quyết liệt, chỉ huy Trung đoàn 24 lệnh cho Đại đội 7 Tiểu đoàn 5 xuống xe chia thành hai mũi đánh thọc hai bên phối kết hợp với lực lượng xe tăng đột kích chính diện. Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 198 theo kế hoạch phải đánh thành Quan Năm cùng lúc với đánh cầu Bông, cầu Sáng nhưng đơn vị gặp khó khăn chưa tổ chức đột phá được, nay thấy xe tăng và bộ binh ta tiến công, liền nổ súng phối hợp chiến đấu. Trận đánh kéo dài 30 phút, toàn bộ quân địch trong thành Quan Năm bị tiêu diệt và tan rã.

14 giờ 30 phút, Trung đoàn 24 tới trại huấn luyện Quang Trung. Tại đây, địch lợi dụng lô cốt, nhà tầng bố trí hỏa lực đánh chặn. Chỉ huy Trung đoàn 24 dùng 1 đại đội và 3 xe tăng phối hợp với Tiểu đoàn đặc công 115 đánh chiếm trại Quang Trung, còn đơn vị tiếp tục phát triển. Địch cho pháo binh từ sân bay Tân Sơn Nhất bắn phá ác liệt chặn đường. Máy bay trực thăng vũ trang phóng rốc két, bắn đạn 20mm vào đội hình Trung đoàn 24. Các chiến sĩ cao xạ Trung đoàn 234, vừa hành tiến vừa bắn tan xác một máy bay trực thăng vũ trang. Lúc 17 giờ ngày 29 tháng 4, Trung đoàn 24 vượt cầu Tham Lương vào tới ngã ba Bà Quẹo.

Tại ngã ba Bà Quẹo, Bộ tổng tham mưu địch đã tung lực lượng lính dù cùng xe tăng, xe thiết giáp ra ngăn chặn. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra ác liệt, 20 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 24 đã ngã xuống,

3 xe thiết giáp bị cháy. Trung đoàn cao xạ 234 kéo pháo sát theo đội hình hành tiến của bộ binh và xe tăng, bắn rơi 3 máy bay địch, diệt 7 ô đại liên trên các nhà tầng. Từ 18 giờ đến 19 giờ 30, địch ba lần dùng xe tăng, xe bọc thép kết hợp bộ binh phản kích. Song cả ba lần chúng đều bị các chiến sĩ bộ binh và xe tăng ta đánh bại, buộc chúng phải lùi về tuyến trong. Chỉ huy Trung đoàn 24, kịp thời điều đại đội 7 Tiểu đoàn 5 cùng hai khẩu ĐKZ75 áp sát ngã tư Bảy Hiền. Đến 21 giờ ngày 29 tháng 4, mũi thọc sâu binh chủng hợp thành của Sư đoàn 10 tiến cách sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ tổng tham mưu địch khoảng 2km.

Trên hướng đường 15, cánh quân của Trung đoàn 28 sau khi tiêu diệt quân địch ngăn chặn ở Phú Hòa Đông, đội hình trung đoàn tiến đến Tân Quy thì trời đã về chiều và bị xe tăng, bộ binh địch ngăn chặn. Chỉ huy Trung đoàn 28 sử dụng Đại đội 10, Tiểu đoàn 3 cùng bốn xe tăng và bốn xe K63 tiến công quân địch. Thấy lực lượng ta mạnh, địch tháo chạy về Phú Xương. Bộ binh và xe tăng ta truy kích diệt 5 xe M113, 15 xe GMC và một số địch, rồi theo đường 15 tiếp tục phát triển. Khi vượt qua cầu Sáng, các chiến sĩ lái xe tăng mãi chiến đấu, không chú ý đến sức tải của chiếc cầu sắt này đã cho xe chạy gần nhau với tốc độ cao, tạo ra lực cộng hưởng lớn, chiếc xe tăng thứ ba vượt được ba phần tư cầu thì cầu sập, chiếc xe tụt xuống sông. Trung đoàn 28 phải quay trở lại Tân Quy theo tỉnh lộ 8 qua Đồng Dù tiến sang cầu Bông, phát triển chiếm khu tây nam trại Quang Trung. 18 giờ 30 phút, Trung đoàn 28 tiến đến cầu Tham Lương thì dừng lại triển khai đội hình chiến đấu.

23 giờ ngày 29 tháng 4, Bộ tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh điện giao thêm nhiệm vụ cho Bộ tư lệnh Quân đoàn 3, dùng lực lượng đánh chiếm Bộ tổng tham mưu nguy, coi đó là nhiệm vụ chính thức của Quân đoàn, không phải nhiệm vụ phát triển hiệp đồng. Chỉ còn sáu tiếng đồng hồ nữa là tổng tiến công vào nội thành Sài Gòn bắt đầu. Bộ tư lệnh sư đoàn nghiên cứu tính toán lực lượng và quyết định giao cho Trung đoàn 28 nhiệm vụ tham gia đánh chiếm

Bộ tổng tham mưu nguy. Toàn bộ xe ô tô chở Trung đoàn 24 cũng được lệnh quay lại nam Bến Súc để đón Trung đoàn 66, sẵn sàng tham gia tiến công.

5 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, Tư lệnh Vũ Lăng và Chính ủy quân đoàn Đặng Vũ Hiệp đã có mặt tại sở chỉ huy sư đoàn để trực tiếp theo dõi và chỉ đạo trong quá trình tiến công.

7 giờ 15 phút, từ sở chỉ huy Sư đoàn 10, Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh tiến công. Toàn bộ các trận địa pháo của Quân đoàn và sư đoàn đồng loạt bắn vào Tân Sơn Nhất và Bộ tổng tham mưu nguy làm một số máy bay địch và kho bom, đạn địch nổ tung. Giữa lúc quân địch đang hoang mang, dao động trước hỏa lực pháo binh ta, sư đoàn ra lệnh cho Trung đoàn 24 cùng xe tăng đột phá đánh chiếm ngã tư Bảy Hiền. Tại ngã tư Bảy Hiền, từ đêm 29 tháng 4, địch đã đưa tiểu đoàn 8 dù cùng lực lượng của Biệt khu thủ đô và một chi đội xe tăng M41, M48 ra chốt chặn. Chúng lợi dụng sân thượng, tháp nước, những ô cửa sổ nhà cao tầng bố trí dày đặc hỏa lực để ngăn chặn ta tiến công.

Đại đội 7 Trung đoàn 24 cùng 8 xe tăng, xe thiết giáp Trung đoàn 273 anh dũng đột kích mở đường. Để đập tan cụm phòng thủ của địch tại ngã tư Bảy Hiền, đại đội trưởng Đại đội 7 Trịnh Bá Tư cho Trung đội 1 có chiến sĩ biệt động thành dẫn đường mở một mũi lên hướng bệnh viện “Vĩ dân” thọc sâu vào sườn địch, tạo đà cho đơn vị tiến công vào chính diện. Đại đội trưởng xe tăng Nguyễn Xuân Trường chỉ huy đơn vị táo bạo mở mũi đột kích mạnh chi viện đặc lực cho bộ binh đánh thẳng vào bọn địch phản kích. Xe tăng 979 vừa vượt lên thì bị xe tăng địch phục sẵn bắn hồng pháo. Không chần chừ, trưởng xe Mai Trọng Hoạt cho xe 985 vượt lên. Bằng một động tác mau lẹ, quyết liệt, lái xe Phùng Văn Tính cho xe của mình lao thẳng vào xe tăng địch. Chiếc xe tăng M48 của địch hoảng sợ chồm lên vỉa hè, bọn địch trong xe khiếp sợ đầu hàng 8 giờ 45 phút, quân địch cố thủ ngã tư Bảy Hiền bị quét sạch.

9 giờ 5 phút, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn xe tăng 273 tiến đến công số 5 sân bay Tân Sơn Nhất. Tại đây, địch bố trí nhiều hỏa lực mạnh, có cả hỏa tiễn chống tăng X202 đặt trên xe di động và trên tháp nước. Đại đội 7 bộ binh bị hỏa lực địch chặn lại. Tiểu đoàn 5 nhiều lần đột phá nhưng vẫn không thành. Ba xe tăng T54 dẫn đầu của ta bị cháy nằm cản giữa đường. Pháo thủ xe tăng Nguyễn Trần Đoàn bị thương dập nát cánh tay vẫn không rời vị trí chiến đấu. Đoàn nhờ y tá cắt cánh tay cho khỏi vướng, tiếp tục chiến đấu. Hành động quả cảm của Nguyễn Trần Đoàn đã cổ vũ mạnh mẽ cán bộ, chiến sĩ ta xốc tới, đánh tan quân địch. Để đập tan ổ đề kháng của địch ở công số 5, cán bộ chỉ huy Trung đoàn 24 điều hai pháo 85 lên tổ chức trận địa bắn thẳng, chỉ viện cho bộ binh mở đợt xung phong mới.

9 giờ 45 phút, Trung đoàn 24 cùng xe tăng chia thành hai mũi đánh vào Tân Sơn Nhất. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 5 tràn qua công số 5 tiến công khu truyền tin, bộ tư lệnh sư đoàn 5 không quân, bắt sống 3 tên đại tá Lê Hữu Tiên, Trần Quang Thái, Nguyễn Duy Phụng chỉ huy sư đoàn 5 không quân. Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 6 theo công số 4 đánh chiếm bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân và các mục tiêu xung quanh. Đại đội 9, Tiểu đoàn 6 nhanh chóng phát triển tới trại Đa-vít nơi đặt trụ sở phái đoàn quân sự của ta.

Cuộc gặp gỡ giữa các chiến sĩ Trung đoàn 24 với các đồng chí trong phái đoàn diễn ra vô cùng cảm động. Đồng chí trưởng đoàn Hoàng Anh Tuấn và các đồng chí trong đoàn ôm hôn thăm thiết trung đoàn trưởng Vũ Tài và các chiến sĩ Đại đội 9, những nụ cười và cả những giọt nước mắt vui mừng lăn nhanh trên má mọi người... Đại đội 9 được lệnh ở lại bảo vệ phái đoàn. Các lực lượng còn lại của Tiểu đoàn 6 tiếp tục phát triển đánh chiếm bộ tư lệnh không quân nguy.

11 giờ, đại đội 11 Tiểu đoàn 6 tiến vào Bộ tư lệnh không quân nguy. Giữa sân, trước ngôi nhà chính, một con đại bàng đúc bằng

đồng sai cánh dài 2 mét, biểu tượng sức mạnh “không lực Việt Nam cộng hòa” bị trúng đạn, đầu gục xuống, thảm hại.

11 giờ 30 phút, Trung đoàn 24 làm chủ hoàn toàn sân bay Tân Sơn Nhất - căn cứ không quân lớn nhất của quân đội Sài Gòn. Lá cờ “Quyết thắng” truyền thống của quân đội ta được các chiến sĩ đại đội 11 kéo lên đỉnh cột cờ cao vút, tung bay trong nắng.

Trong khi Trung đoàn 24 đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tư lệnh sư đoàn ra lệnh cho Trung đoàn 28 và Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 273 xe tăng lợi dụng bàn đạp của Trung đoàn 24 nhanh chóng đánh chiếm Bộ tổng tham mưu nguy.

9 giờ 30 phút, lực lượng đi đầu của Trung đoàn 24 tiến qua Lăng Cha Cả, giữa lúc cuộc chiến đấu của Trung đoàn 24 diễn ra quyết liệt ở cổng số 5. Nhận rõ thời cơ lúc này là vô cùng quý giá, phó sư đoàn trưởng Võ Khắc Phụng và phó trung đoàn trưởng Đỗ Mùi ra lệnh cho bộ binh và xe tăng vừa đi vừa đánh địch mở đường. Khi đơn vị tiến đến cổng chính vào Bộ tổng tham mưu nguy thì bọn địch bảo vệ khu vực này đóng kín cổng tổ chức cố thủ ở bên trong.

10 giờ sáng 30 tháng 4, Tiểu đoàn 3 với Tiểu đoàn 2 xe tăng và các đơn vị công binh, trinh sát, cao xạ cùng tổ chức đột phá vào cổng chính. Từ trong Bộ tổng tham mưu nguy, xe tăng và bộ binh địch bò ra bịt cổng chính kết hợp với mũi phản kích từ phía nam tới. Một xe tăng địch vừa xuất hiện đã bị xe tăng 815 do đại đội phó Đỗ Hồng Kỳ chỉ huy bắn cháy. Chiếc xe M113 đi sau hốt hoảng quay đầu tháo chạy nhưng nó đã bị xe tăng 815 đuổi theo kết liễu bằng một đường đạn chính xác. Bộ binh địch hoảng sợ bỏ chạy tán loạn; một đại đội địch hạ vũ khí đầu hàng. Thừa thắng, Trung đoàn 28 chia thành hai mũi, một mũi đánh tràn vào cổng chính, một mũi khác đánh vòng sang phía đông nam, 3 xe tăng M41 cuối cùng của địch tiến ra phản kích cũng lập tức bị bắn cháy tại chỗ.

Vượt qua cổng chính, xe tăng 982 do Nguyễn Hữu Thìn và xe tăng 815 do đại đội phó Đỗ Hồng Kỳ chỉ huy dẫn đầu tiến thẳng đến

thêm cao ngôi nhà chính của tổng hành dinh quân địch. Lúc này các chiến sĩ Trung đoàn 48 Sư đoàn 320B Quân đoàn 1 cũng đã áp sát ngôi nhà. Được sự yểm trợ của xe tăng, tổ cấm cò đại đội 10 anh hùng do Nguyễn Duy Tân, Trần Lựu chỉ huy và tiếp đó tổ cấm cò của Trung đoàn 48 Sư đoàn 320B nhanh chóng leo lên tầng cao nhất của ngôi nhà chính Bộ tổng tham mưu nguy cấm cò. Lá cờ chiến thắng, lá cờ nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh rực rỡ bắt đầu tung bay trên tổng hành dinh quân nguy, báo tin toàn thắng đã về ta. Lúc này đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Dưới sự chỉ huy của chính ủy trung đoàn Nguyễn Ngọc Xuân và chính trị viên tiểu đoàn 3 Nguyễn Văn Quý, chiến sĩ ta tiến vào kiểm soát các phòng làm việc của tòa nhà Bộ tổng tham mưu nguy. Cao Văn Viên đã chạy trốn ra nước ngoài, nhưng căn phòng làm việc của y vẫn còn nguyên những hiện vật và tài liệu quân sự.

Chiến sĩ Trung đoàn 28 phát triển chiếm nhà ở của Nguyễn Văn Thiệu đã chạy trốn ra nước ngoài, nhưng giấy thông hành, gậy chỉ huy, lon vai trung tướng, con dấu “Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu” vẫn còn nằm trong tủ. Trung đoàn 28 đã thu toàn bộ những hiện vật đó. Cùng trong thời gian này, các chiến sĩ Sư đoàn 320B Quân đoàn 1 đã đánh vào Bộ tổng tham mưu nguy từ một hướng khác. Bộ đội ta liên tiếp đánh chiếm khu nhà tầng, trận địa pháo và sân bay lên thẳng của địch ở gần cổng số 2, chiếm khu thông tin, phòng nhất, phòng nhì, tổng cục tiếp vận và tiến vào khu trung tâm phối hợp với các chiến sĩ Trung đoàn 28 chiếm lĩnh và bảo vệ ngôi nhà chính của Bộ tổng tham mưu nguy.

5. Trên hướng đông, Quân đoàn 4 tiến công đánh chiếm bộ quốc phòng nguy và cảng Bạch Đằng

Theo phương án tác chiến đã được Bộ tư lệnh Miền thông qua, Quân đoàn 4 bước vào tiến công địch trên hai hướng:

- Sư đoàn 9 được tăng cường Trung đoàn bộ binh 16, hai tiểu đoàn pháo cao xạ, một tiểu đoàn xe tăng đánh chiếm chi khu

quân sự Trị Tâm (quận lỵ Dầu Tiếng), phá vỡ một đoạn trên tuyến phòng thủ của địch, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn từ hướng bắc, đồng thời mở rộng vùng giải phóng về phía tây sông Sài Gòn từ Bến Củi đến đường 26, hỗ trợ và phối hợp với Sư đoàn 5 ở hướng Bến Cầu, Đức Huệ (Long An). Trung đoàn 273 (Sư đoàn 341) chốt chặn khu vực Bầu Bàng, đường số 13, sẵn sàng thay thế và làm dự bị cho Sư đoàn 9.

- Sư đoàn 7 cùng một bộ phận lực lượng Sư đoàn 341 phối hợp với lực lượng vũ trang Quân khu 7 và Quân khu 6 đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán, giải phóng đường 20, tỉnh Lâm Đồng, mở hành lang và bàn đạp tiến công trên hướng đông bắc Sài Gòn.

Hoàn thành nhiệm vụ này, Quân đoàn sẽ mở được bàn đạp tiến công Sài Gòn trên hai hướng quan trọng nhất; đồng thời, kìm chân lực lượng chủ lực của quân đoàn 3 ngụy, thu hút lực lượng dự bị chiến lược của chúng, tạo điều kiện cho Mặt trận Tây Nguyên và các chiến trường khác hoạt động. Vì hai hướng tiến công của Quân đoàn cách xa nhau nên Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn quyết định phân sở chỉ huy làm hai hướng. Hướng Dầu Tiếng do Tư lệnh Quân đoàn Hoàng Cầm, Chính ủy Hoàng Thế Thiện và Sở chỉ huy cơ bản chỉ huy. Hướng đường 20 do Phó tư lệnh Quân đoàn Bùi Cát Vũ cùng một bộ phận Sở chỉ huy nhẹ chỉ huy.

a) Trên hướng Dầu Tiếng - Chơn Thành (đường 13)

Trung tuần tháng 3 năm 1975, theo mệnh lệnh của Quân đoàn. Sư đoàn 9 chuyển về đường 13 tiến công chi khu quân sự Chơn Thành, mở thêm một hướng tiến công mới. Lúc này, sau khi thống nhất ý kiến ở Sở chỉ huy cơ bản, Tư lệnh Quân đoàn Hoàng Cầm chuyển trực tiếp chỉ huy hướng tiến công Định Quán - Lâm Đồng, Chính ủy quân đoàn Hoàng Thế Thiện ở lại chỉ huy hướng tiến công Dầu Tiếng - Chơn Thành.

Trước thời cơ chiến lược mới, phát triển tiến công, Sư đoàn 9 được cấp ủy đảng, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương phối

hợp và giúp đỡ diệt một loạt đồn bốt địch, giải phóng đoạn đường 26 từ ngã ba Đất Sét đến xóm Phan và một số đoạn trên đường số 22; đồng thời nhanh chóng ổn định tình hình khu vực mới giải phóng, chuẩn bị địa bàn tập kết lực lượng cho các đơn vị tiến đánh Sài Gòn từ phía bắc và tây bắc.

Giữa tháng 3 năm 1975, trước sức tiến công và uy hiếp ngày càng tăng của ta, Quân đoàn 3 nguy phải bỏ thị xã An Lộc, rút hai liên đoàn biệt động quân và lực lượng của tiểu khu An Lộc về Chơn Thành, xây dựng thành một cụm phòng thủ mạnh trên hướng bắc Sài Gòn. Trung đoàn 273 (Sư đoàn 341) đang chốt chặn trên đường 13 cùng bộ đội địa phương tỉnh Bình Phước và huyện Chơn Thành lập tức chuyển sang đánh đuổi quân địch rút chạy. Từ ngày 22 đến ngày 30 tháng 3, bộ đội ta đã gây cho địch nhiều thiệt hại trên đoạn đường 13 từ An Lộc về Chơn Thành.

Ngày 31 tháng 3, sau khi tập trung đủ ba trung đoàn bộ binh và được tăng cường Trung đoàn 273 (Sư đoàn 341), 15 khẩu pháo, trong đó có 4 khẩu pháo 130, Sư đoàn 9 mở đợt tiến công mới. Trung đoàn 273 đảm nhận các hướng tiến công chính ở tây, nam và đông chiếm được một số mục tiêu trong chi khu. Trong khi đó, Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 273) sẵn sàng đánh quân chi viện của địch từ Bầu Bàng lên Chơn Thành. Đại đội 11 (Trung đoàn 273) gặp rất nhiều khó khăn trong khi vào thay một đại đội thuộc Trung đoàn 3 (Sư đoàn 9) chốt chặn đánh chiếm vị trí ở xóm Rớt (nam Chơn Thành 3km). Ngày 1 tháng 4, địch cho lữ đoàn kỵ binh thiết giáp 3 từ Bầu Bàng lên cứu nguy cho đồng bọn ở Chơn Thành.

Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9, Võ Văn Dân lệnh cho các đơn vị tiếp tục bao vây địch ở Chơn Thành, sử dụng hai tiểu đoàn của trung đoàn 1 và 2 cơ động về Bầu Lồng, chặn đánh quân viện của địch. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, chiều ngày 1 tháng 4, quân địch ở Chơn Thành rục rịch tháo chạy. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 1 Nguyễn Văn Chia và trung đoàn trưởng Trung đoàn 2 Lê Tấn Cẩm

thống nhất nhận định quân địch nghi binh ở hướng nam để rút chạy theo đường liên tỉnh số 14. Do phát hiện đúng, hai trung đoàn đã tập trung lực lượng truy diệt quân địch rút chạy và phối hợp với các đơn vị bạn đánh chiếm các mục tiêu còn lại trong chi khu. Ngày 2 tháng 4 năm 1975, toàn bộ quân địch ở Chơn Thành bị diệt, tan rã và đã bị ta bắt. Lực lượng của sư đoàn 5 và lữ đoàn 4 kỵ binh thiết giáp địch lên phản kích bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 tên. Tỉnh Bình Long được giải phóng.

Ngày 2 tháng 4 năm 1975, sau khi nhận chỉ thị trực tiếp từ Trung tướng Lê Đức Anh, Phó tư lệnh Miền, Chính ủy Quân đoàn Hoàng Thế Thiện chỉ huy các đơn vị chiến đấu của Quân đoàn trên hướng Dầu Tiếng - Chơn Thành (trừ Sư đoàn 9) hành quân sang hướng đông chuẩn bị tiến công hệ thống phòng ngự của địch tại Xuân Lộc.

b) Trên hướng Định Quán - Lâm Đồng (đường số 20)

Ngày 5 tháng 3 năm 1975, tại căn cứ Đồng Xoài, đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Miền trực tiếp giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 7 (Quân khu 4) cùng lực lượng vũ trang Quân khu 6 và 7 mở mặt trận mới ở đông bắc Sài Gòn, đánh chiếm Định Quán, giải phóng đường số 20 và tỉnh Lâm Đồng. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Phó Tư lệnh Quân đoàn đi cùng Sư đoàn 7, trực tiếp chỉ huy hướng quan trọng này. Ngày 6 tháng 3, Sư đoàn 7 bắt đầu hành quân. Tiểu đoàn công binh 25 đi trước chuẩn bị bến vượt sông Đồng Nai ở khu vực Tà Lài. Trong ba đêm (14, 15 và 16 tháng 3), Sư đoàn đưa toàn bộ đội hình, gồm cả xe pháo qua sông Đồng Nai bí mật, an toàn và nhanh chóng tiến về phía mục tiêu.

Chi khu quân sự Định Quán (thuộc tỉnh Long Khánh), nằm ở địa đầu lãnh thổ quân khu 3 nguy, một cứ điểm kiên cố trên tuyến phòng thủ đông bắc Sài Gòn. Địa hình ở đây rất đặc biệt, có lợi cho lực lượng phòng thủ. Phía bắc chi khu là một bãi rộng gồm nhiều núi đá chồng. Những tảng đá rất lớn, mòn nhẵn, hình bầu dục, xếp chồng lên nhau thành tầng, tầng cao nhất tới 50 mét. Bằng tay không khó

có thể trèo lên những tảng đá này. Giữa các tảng đá là những hang, hốc, những “gộp đá”. Quân địch dựa vào những “gộp đá” này làm đài chướng ngại thiên nhiên để bảo vệ chi khu. Dưới chân các chông đá chúng giăng dây thép gai, gai mìn. Trên các chông đá xây lô cốt, hỏa điểm. Bao quanh Định Quán còn có các điểm cao 112, 258... thuận lợi cho việc quan sát và phòng thủ. Tên chỉ huy trưởng chi khu huênh hoang nói với đồng bọn rằng, dựa vào các “gộp đá” này, chúng có thể chống lại một sư đoàn của ta.

Thị xã Buôn Ma Thuột sau khi bị ta đánh chiếm, cuộc phản kích của Sư đoàn 23 thất bại, địch đã quyết định rút bỏ Tây Nguyên, đưa quân về co cụm ở dải đồng bằng ven biển để bảo toàn lực lượng. Tây Nguyên mất, Lâm Đồng và đường 20 bị uy hiếp, địch buộc phải tăng cường lực lượng cố thủ các vị trí còn lại giữ đường 20 và tạo thế ngăn chặn ta từ xa. Tư lệnh Quân đoàn 3 ngụy Nguyễn Văn Toàn lệnh cho Lê Minh Đức sư đoàn trưởng sư đoàn 18 chuyển bộ tư lệnh sư đoàn từ Long Bình lên thị xã Long Khánh, đồng thời đưa chiến đoàn 43 và một chi đoàn M113 lên tăng cường phòng thủ Định Quán. Chiến đoàn 52 và chi đoàn thiết giáp số 2 giữ khu vực từ Túc Trưng đến Kiệm Tân.

Đặc điểm địa hình khu vực Định Quán và việc địch tăng thêm lực lượng phòng thủ gây thêm nhiều khó khăn cho ta. Sư đoàn trưởng Sư đoàn 7 Lê Nam Phong cùng cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 141 đã thảo luận dân chủ bàn cách diệt địch trong các “gộp đá”. Đại đội trưởng đại đội 7 Phạm Văn Thiệu đề xuất phương án sử dụng một đại đội bí mật thọc sâu vào các chông đá, bịt hang không cho địch chui vào cố thủ.

Đêm 16 rạng ngày 17 tháng 3, Tiểu đoàn 2 và 3 (Trung đoàn 141), đơn vị đảm nhận mũi chủ yếu của trận đánh đến vị trí xuất phát xung phong. Các chiến sĩ bắt đầu liên kết bộc phá chuẩn bị mở cửa.

5 giờ sáng ngày 17 tháng 3, Sư đoàn 7 nổ súng tiến công Định Quán (sau Dầu Tiếng 6 ngày). Pháo ta bắn vào các mục tiêu quân sự

trong chi khu và các vị trí địch ở Phương Lâm, La Ngà, Núi Tràn, đồi Đãng Ca, điểm cao 112. Trung đoàn 209 do trung đoàn trưởng Trần Đức Nhạn và chính ủy Phạm Ngọc Nghinh chỉ huy tiêu diệt cụm phòng thủ của địch ở Núi Tràn, chia cắt Định Quán với lực lượng quân đoàn 3 ngụy ở Túc Trưng. Quân địch trong chi khu rối loạn, tìm nơi ẩn nấp. Các mũi tiến công của Trung đoàn 141 nhanh chóng vượt qua cửa mở, đánh chiếm các vị trí đầu cầu. Đại đội 7 thọc sâu chiếm được “gộp đá” đầu tiên. Sau mấy phút hoảng loạn, quân địch bắt đầu phát hiện được các hướng tiến công của ta. Chúng dựa vào các chông đá chống trả quyết liệt, nhất là hướng đại đội 7. Máy bay A37, F5, AD6 bay cao trên tầm pháo cao xạ ném bom xuống các trận địa pháo, các đường tiến quân và các khu vực ta vừa chiếm được. Phó trung đoàn trưởng Bê Ích Quân phải cho bộ đội dừng lại đào công sự, bổ sung thêm đạn, chuẩn bị đợt tiến công mới.

Chiều ngày 17 tháng 3, Trung đoàn 141 tổ chức đợt tiến công thứ hai. Trước sức tiến công của ta, quân địch phải bỏ khu quân sự và trận địa pháo, chạy vào các “gộp đá”. Đại đội 7 chiếm thêm hai “gộp đá” nữa, tiến sát núi đá Ba Chồng và núi đá Ông Phật.

Sáng ngày 18 tháng 3, sau một đêm củng cố lực lượng, nghiên cứu thêm cách đánh, sư đoàn trưởng lệnh cho các đơn vị tiếp tục tiến công.

Sau khi giải phóng Định Quán, chấp hành mệnh lệnh của Bộ tư lệnh Miền, Sư đoàn 7 chỉ để lại một tiểu đoàn của Trung đoàn 209, đơn vị có kinh nghiệm chốt chặn đường 13 năm 1972 ở lại phía bắc Túc Trưng, ngăn chặn chiến đoàn 52 (sư đoàn 18 ngụy). Ngày 24 tháng 3, toàn bộ lực lượng của Sư đoàn chia thành hai mũi tiến lên thị xã Lâm Đồng.

14 giờ ngày 27 tháng 3, đại đội 11 (Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 165) có 3 xe tăng dẫn đầu diệt đồn bảo an Đa Gù (nam Đắc Oai 7km), sau đó phát triển diệt các đồn dân vệ từ Đa Gù đến Đắc Oai

làm rung chuyển hệ thống đồn bốt địch trên đường 20, tạo điều kiện cho Tiểu đoàn 5 tiêu diệt địch ở yếu khu Đắc Oai.

Đêm 27 rạng ngày 28 tháng 3, đội hình tiến công bằng cơ giới của Sư đoàn 7 nhanh chóng phát triển lên hướng Lâm Đồng. Đi đầu là các đội trinh sát, xe tăng, bộ binh và công binh. Tiếp theo là lựu pháo và cối 160mm.

0 giờ ngày 28 tháng 3, pháo 130 bắt đầu bắn vào sân bay và các mục tiêu quân sự ở phía bắc thị xã, chi viện hỏa lực cho Sư đoàn 7 tiến công trong hành tiến. Trước sức tiến công nhanh bằng cơ giới và hỏa lực mạnh của ta, quân địch ở các chốt dọc đường bỏ chạy về đèo Ba Cô rồi chạy về thị xã. Tỉnh trưởng Lâm Đồng điều một đại đội pháo ra cầu Đại Lào, nhưng mới nghe tiếng gầm của xe tăng và tiếng nổ của trọng pháo ta, bọn này bỏ cả súng chạy vào rừng, kéo pháo chạy trở về thị xã, 4 giờ 30 phút sáng ngày 28 tháng 3, cánh quân đột phá trên đường 20 bắt được liên lạc với Trung đoàn 141 ở mũi vu hồi. Phát hiện quân địch đang hoảng loạn và lực lượng tiến công đã đến đủ, chỉ huy Sư đoàn 7 lệnh cho các đơn vị nổ súng sớm hơn một giờ so với kế hoạch ban đầu.

Trời hừng sáng. Pháo ta bắn cấp tập vào các mục tiêu quân sự trong thị xã. Bộ binh có xe tăng dẫn đầu chia thành hai mũi đột phá và thọc sâu đánh chiếm từng mục tiêu. Lực lượng địch giữ thị xã có gần 4.000 tên được trang bị đầy đủ, có hệ thống công sự kiên cố nhưng không còn tinh thần chiến đấu, đã bị ta tiêu diệt một số, phần lớn tan rã, bỏ chạy về Di Linh và tản mát vào rừng, thị xã Lâm Đồng được giải phóng lúc 9 giờ ngày 28 tháng 3.

Ngày 31 tháng 3, Trung đoàn 165 được tăng cường 3 xe tăng, 2 khẩu pháo 105, một khẩu pháo 85 hành quân bằng cơ giới đánh chiếm khu Di Linh, diệt và làm tan rã 3 tiểu đoàn địch. Sau đó, Trung đoàn được lệnh dừng lại để quay về Long Khánh. Toàn tỉnh Lâm Đồng đã được giải phóng. Ý đồ của địch lập tuyến phòng thủ

Sài Gòn từ xa, bắt đầu từ Tây Ninh qua Lâm Đồng đến Nha Trang bị đập tan.

Đường số 20 từ Lâm Đồng đến Túc Trưng hoàn toàn do ta làm chủ. Một trong những điểm phòng thủ mạnh của địch trên hướng này là chi khu quân sự Định Quán bị ta đánh chiếm. Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang các địa phương đã mở thêm một hành lang chiến lược để cơ động lực lượng và binh khí kỹ thuật vào chiến trường trọng điểm, tạo thêm một bàn đạp tiến công Sài Gòn trên hướng đông bắc.

c) Trên hướng Xuân Lộc - Biên Hòa

Quân đoàn 4 giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 341 trên hai hướng đường 20 từ cầu La Ngà đến ngã ba Dầu Giây và thị xã Xuân Lộc (tỉnh Long Khánh) chuẩn bị mọi mặt để khi có lệnh sẽ đánh tập trung tiêu diệt lớn.

Sư đoàn 341 đảm nhiệm tiến công vào phòng tuyến bảo vệ Sài Gòn từ xa của địch. Lực lượng của chúng gồm ba sư đoàn bộ binh 18, 25, 5 và các đơn vị biệt động quân, lính thủy đánh bộ, các chi đoàn xe tăng, thiết giáp, pháo binh. Các lực lượng này chưa bị đánh đau, còn sung sức và ngạo mạn, chúng lại được lực lượng không quân các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ chi viện tối đa.

Căn cứ vào nhiệm vụ trên giao, sư đoàn tổ chức thành ba bộ phận:

- Một bộ phận do tham mưu trưởng Vũ Thang, phó chính ủy Phạm Thành Minh trực tiếp chỉ huy Trung đoàn 273 thay thế Trung đoàn 1 Sư đoàn 9, hoạt động tại khu vực Dầu Tiếng - Chơn Thành - đường 13 (tỉnh Tây Ninh).

- Một bộ phận do sư đoàn trưởng Trần Văn Trân, phó tham mưu trưởng Hồ Đình Quý cùng trung đoàn trưởng các Trung đoàn 270, 266, 55 và các cơ quan đi chuẩn bị chiến trường ở hướng đường 20 - Bà Rịa - Long Khánh.

- Một bộ phận do chính ủy Trần Nguyên Độ, phó tư lệnh Vũ Cao cùng chủ nhiệm chính trị, chủ nhiệm hậu cần và một số cán bộ cơ quan chỉ huy bộ đội vào vị trí tập kết và tổ chức huấn luyện cho chiến sĩ mới.

Ngày 4 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 273 thay Trung đoàn 1 Sư đoàn 9 bảo vệ thị trấn Dầu Tiếng vừa được giải phóng, đồng thời chốt chặn, đánh địch, bảo vệ đoạn đường từ Bầu Bàng đến Chơn Thành (trên đường 13).

Lực lượng địch tại đây gồm liên đoàn 32 biệt động quân ở An Lộc, liên đoàn 31 biệt động quân ở Chơn Thành, tiểu đoàn 366 bảo an ở xóm Rốt, tiểu đoàn 36 biệt động ở nam xóm Rốt, chiến đoàn 7 và 8 của sư đoàn 5 cùng với chi đoàn xe tăng 182 ở Bầu Bàng. Sở chỉ huy sư đoàn 5 đóng ở Lai Khê - Bến Cát. Với lực lượng đông đặc và thế đứng chân như vậy, địch hy vọng có đủ khả năng “phong tỏa” kiểm soát con đường, bảo vệ Sài Gòn từ phía bắc.

Sau khi được Sư đoàn 9 cung cấp tình hình và qua báo cáo của bộ phận cán bộ chuẩn bị chiến trường, Trung đoàn 273 thống nhất sử dụng lực lượng như sau: Tiểu đoàn 2 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Phú, chính trị viên Đặng Tổ chỉ huy, vào tiếp quản và bảo vệ quận lỵ Dầu Tiếng. Lực lượng còn lại có nhiệm vụ chốt chặn, giữ vững con đường 13 từ xóm Rốt về Bầu Bàng, bảo vệ con đường cơ động của ta từ miền Đông sang miền Tây Nam Bộ.

Đêm 5 tháng 3, các đơn vị hành quân tới vị trí và suốt đêm ấy khăn trương xây dựng trận địa chốt.

Chốt chặn được 20 ngày thì nhiệm vụ của trung đoàn phát triển. Ngày 25 tháng 3, phó tham mưu trưởng Quân đoàn 4 Lê Ngọc Bì giao cho Trung đoàn 273: “Ngoài nhiệm vụ chốt giữ, không cho địch từ Bầu Bàng lên và từ Chơn Thành chạy về, trung đoàn sử dụng một lực lượng cùng với Sư đoàn 9 tham gia đánh vào chi khu quân sự quận lỵ Chơn Thành”. Nhận được lệnh, Trung đoàn 273 sử dụng

Tiểu đoàn 1 do Tiểu đoàn trưởng Chu Đức Hùng và chính trị viên Đặng Xuân Lợi chỉ huy, làm nhiệm vụ chốt giữ, đánh địch từ Bầu Bàng lên ứng cứu cho quận lỵ Chơn Thành.

Đại đội 11 do đại đội trưởng Hoàng Văn Ảnh và chính trị viên Nguyễn Trọng Phú chỉ huy, tiến công tiêu diệt địch tại xóm Rốt (nam Chơn Thành 3km).

Tiểu đoàn 2, đại đội 9 và đại đội 10 của Tiểu đoàn 3 đánh vào Chơn Thành dưới sự chỉ huy của tham mưu trưởng sư đoàn Vũ Thang và phó trung đoàn trưởng Trung đoàn 273 Nguyễn Văn Giáp.

Đúng 5 giờ 30 ngày 31 tháng 3, tiếng súng tiến công vào chi khu quân sự quận lỵ Chơn Thành bắt đầu.

Đến tối ngày 31 tháng 3, Quân đoàn ra lệnh cho các lực lượng chuyển sang vây ép; dùng pháo binh bắn phá liên tục vào các mục tiêu trong chi khu, gây cho chúng nhiều tổn thất.

7 giờ sáng ngày 1 tháng 4, hai tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 8 và 20 xe tăng của sư đoàn 5 địch từ Bầu Bàng lên ứng cứu cho đồng bọn đang bị vây ép tại quận lỵ Chơn Thành. Chúng vừa lò dò tới ấp Xà Mách đã lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 1, bị diệt gọn hai đại đội, bắt sống 103 tên, bắn cháy 5 xe tăng. Số còn lại tháo chạy về Bầu Bàng. Âm mưu chi viện cho Chơn Thành của địch bị bẻ gãy.

22 giờ 40 phút ngày 1 tháng 4, Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 thông báo: “Địch ở Chơn Thành bỏ chạy, Sư đoàn 9 đang truy kích trên hướng ra Sông Bé”. Quân đoàn lệnh cho Trung đoàn 273 chuẩn bị đón đánh địch từ Chơn Thành chạy về Bầu Bàng; đồng thời không cho cánh quân địch từ Bầu Bàng lên đón đám tàn quân ở Chơn Thành chạy về.

Trung đoàn 273 bố trí lại lực lượng theo phương án chiến đấu mới. Toàn trung đoàn bí mật chuẩn bị trận địa với tư tưởng chỉ đạo:

Nắm vững thời cơ, vận động nhanh, hiệp đồng chặt chẽ nhanh chóng bao vây chia cắt, tiêu diệt gọn từng bộ phận, tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch, làm chủ chiến trường.

2 giờ sáng ngày 2 tháng 4, các đơn vị đã chuẩn bị xong và sẵn sàng chiến đấu.

4 giờ 30 phút, một tập địch lọt vào trận địa côi 82 của Đại đội 14. Ta nổ súng, diệt một tên đại úy, bắt sống hai tên, có một thiếu úy. Tù binh khai: tiểu đoàn 366 bảo an và một số tàn binh của tiểu đoàn 31 biệt động quân được lệnh bỏ xóm Rót rút chạy về Bầu Bàng lúc 20 giờ ngày 1 tháng 4. Hiện đang hành quân phía sau. Trung đoàn trưởng Hoàng Trung Trực lệnh cho các đơn vị chuẩn bị chiến đấu.

5 giờ 15 phút ngày 2 tháng 4, đại đội đi đầu của địch lọt vào trận địa phục kích của đại đội 14. Lập tức đại đội 14 nổ súng tiến công. Bị đòn phủ đầu, bọn địch hốt hoảng chạy sang hướng tây bị đại đội 16 hạ nòng 12,7mm bắn quét, diệt một số lớn. Lúc này Tiểu đoàn 3 và đại đội 20 cũng bắt đầu nổ súng.

Từ phía tây, tây nam đường 13, các đại đội 9, 14, 16, 20 đánh sang. Phía đông đường 13, các đại đội 10, 11 đánh tới. Bọn địch bị đòn bất ngờ, rối loạn đội hình, tìm đường tháo lui. Các chiến sĩ ta cắt địch ra mà đánh. Một số tên sống sót kéo nhau chạy trở lại hướng Chơn Thành, bị ngay tiểu đoàn 2 từ Chơn Thành chặn lại. Tiểu đoàn 366 bảo an và số tàn quân tiểu đoàn 31 biệt động quân bị tiêu diệt hoàn toàn.

Cũng trong ngày 2 tháng 4, bọn địch điều tiểu đoàn 2 chiến đoàn 8 từ Bầu Bàng lên đón đám tàn quân trên. Chúng vừa tới ấp Xà Mách, bị Tiểu đoàn 1 chặn đánh, diệt tại chỗ 81 tên, bắt sống 23 tên. Tiểu đoàn 2 địch bị xóa sổ. Sang ngày 3 tháng 4, Tiểu đoàn 1 diệt thêm 120 tên. Tiểu đoàn 3 diệt 254 tên, đại đội 2 Sông Lam diệt 86 tên. Toàn bộ quân địch từ Chơn Thành chạy về Bầu Bàng và từ Bầu Bàng lên Chơn Thành ứng cứu hoàn toàn bị tiêu diệt và bắt sống.

Gần một tháng làm nhiệm vụ chốt chặn, trong điều kiện ăn, ngủ dưới hầm, vật lộn với những cơn khát cháy cổ, với muỗi rừng, với biết bao nhiêu đợt phản kích, pháo kích ác liệt của địch, các chiến sĩ Trung đoàn 273 đã kiên cường trụ vững, liên tục đánh địch, giữ vững chốt. Hành lang vận chuyển từ miền Đông sang miền Tây Nam Bộ được thông suốt, bảo đảm cho đồng bằng sông Cửu Long có đầy đủ tiềm lực và khả năng để bước vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong chiến dịch mùa Xuân 1975 lịch sử.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở hướng đường 13, Trung đoàn 273 lật cánh về tỉnh Long Khánh trong đội hình chiến đấu của sư đoàn ở mặt trận phía đông Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 26 tháng 3, Trung đoàn 270 hành quân tới Đồng Xoài thì được lệnh của Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 tiếp tục xuyên rừng đi tiếp về hướng đường 20 làm lực lượng dự bị cho Sư đoàn 7 và sẵn sàng đánh địch lần chiếm các chi khu Định Quán, La Ngà, Phương Lâm do Sư đoàn 7 vừa giải phóng.

Từ Đồng Xoài qua Bù Đốp xuyên rừng Mã Đà, đến sáng 18 tháng 3, toàn trung đoàn đã tới bờ sông Đồng Nai. Tại đây, đồng chí Bùi Cát Vũ, Phó tư lệnh Quân đoàn 4 giao nhiệm vụ cụ thể: “Trung đoàn 270 (thiếu Tiểu đoàn 6) chốt giữ đường 20 từ cửa chữ C đến Phương Lâm đồng thời cùng với trinh sát sư đoàn nghiên cứu chiến trường, chuẩn bị cho Trung đoàn 270 đánh vào Túc Trưng và Trung đoàn 266 đánh vào Gia Tân - Gia Kiệm”.

Sau khi Định Quán, La Ngà thất thủ, bọn địch ở Túc Trưng, Kiệm Tân phải co lại. Đêm 20 tháng 3, chúng cho tiểu đoàn 2 và đại đội trinh sát của chiến đoàn 52 nòng ra lần chiếm Núi Tràn - một điểm cao quan trọng án ngữ phía tây cầu La Ngà, phía bắc Túc Trưng 4km, nằm sát đường 20.

Về phía ta, Bộ tư lệnh sư đoàn lệnh ngay cho Trung đoàn 270 khẩn trương cơ động lực lượng ra tiêu diệt địch. 4 giờ sáng ngày 31

tháng 3, tiểu đoàn 5 vượt sông Đồng Nai, áp sát chân Núi Tràn về phía tây bắc. Hai đại đội của Tiểu đoàn 4 vượt sông La Ngà, áp sát lộ 20 đông nam Núi Tràn.

Ở sở chỉ huy trung đoàn, trung đoàn trưởng Nguyễn Thế Vân và chính ủy Lê Nguyễn theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ các mũi. Đây là trận đầu Trung đoàn 270 chiến đấu đánh địch ở dã ngoại.

5 giờ sáng ngày 31 tháng 3, hai mũi đột kích của Tiểu đoàn 5 chọc thẳng vào trung tâm điểm cao. Mũi của đại đội trưởng đại đội 6 Nguyễn Văn Tý đánh vào khu chỉ huy. Mũi của đại đội trưởng đại đội 7 Vi Văn Bê đánh hất từ phía tây, tây bắc điểm cao. Địch, lớp chết, lớp nhốn nháo bỏ chạy xuống chân đồi, bị đại đội 1 và đại đội 2 chặn đánh. Kết quả hai đại đội địch bị diệt gọn, hai đại đội bị thiệt hại nặng. Cuộc hành quân lần chiếm vùng giải phóng của tiểu đoàn 2 nguy bị đập tan và cũng từ đó bọn địch co cụm về Túc Trưng, không dám mở các cuộc hành quân giải tỏa.

Theo đường 20 (Đà Lạt về Sài Gòn), quân ta đã áp sát đến Túc Trưng.

Ngày 4 tháng 4, Thiếu tướng Hoàng Cầm, Tư lệnh Quân đoàn 4 giao nhiệm vụ: “Sư đoàn 341 (thiếu Trung đoàn 273) cùng với Sư đoàn 7 tiến công tiêu diệt sư đoàn 18 và toàn bộ lực lượng địa phương của địch tại thị xã Xuân Lộc, hỗ trợ đồng bào địa phương, cùng với địa phương tiến công và nổi dậy, giải phóng tỉnh Long Khánh. Hướng tiến công: bắc - tây bắc. Mục tiêu: dinh tỉnh trưởng, các khu vực cổ vấn Mỹ, trung tâm thông tin, cảnh sát, tình báo CIA, tiểu đoàn 1, chiến đoàn 43 và 4 tiểu đoàn bảo an 340, 342, 243, 367. Sẵn sàng đánh địch từ Núi Thị, Gia Tân lên chi viện cho Xuân Lộc. Thời gian nổ súng: đêm 8 rạng 9 tháng 4”.

Nhận nhiệm vụ xong, sư đoàn trưởng Trần Văn Trân cùng các đồng chí phó tham mưu trưởng Hồ Đình Quý, trung đoàn trưởng Trung đoàn 270 Nguyễn Thế Vân, trung đoàn trưởng Trung đoàn 266

Nguyễn Quang Thuật, trung đoàn trưởng Trung đoàn 55 Lê Văn Cúc và các cán bộ cơ quan sư đoàn, trung đoàn khẩn trương đi trinh sát, chuẩn bị chiến trường.

Vượt qua ngầm La Ngà, đoàn cán bộ trinh sát vào thẳng hậu cứ tỉnh ủy Long Khánh và thị ủy Xuân Lộc để cùng với địa phương trao đổi chuẩn bị kế hoạch phối hợp hành động. Đồng chí Tư Lạc - tỉnh đội trưởng Long Khánh và đồng chí Nam Thắng - bí thư thị ủy Xuân Lộc đã báo cáo toàn bộ tình hình địch, tình hình dân và địa hình trong khu vực tác chiến. Hội nghị đã bàn bạc kỹ về những tình huống có thể xảy ra và thống nhất phương án tác chiến. Riêng về sử dụng lực lượng địa phương, hội nghị nhất trí: Đại đội địa phương do bộ chỉ huy quân sự tỉnh trực tiếp nắm, có nhiệm vụ hỗ trợ cho quân chúng nổi dậy. Chọn một số du kích làm nhiệm vụ dẫn đường cho trinh sát sư đoàn và giúp đơn vị chuẩn bị vị trí giấu quân. Toàn bộ tù binh, hàng binh sẽ giao cho địa phương quản lý. Sau hội nghị, đoàn cán bộ được các tổ trinh sát dẫn vào tận hàng rào thị xã. Lực lượng vũ trang địa phương cử các tổ đưa các mũi trinh sát của sư đoàn, trung đoàn luân qua các cứ điểm trong thị xã. Ba tổ trinh sát sư đoàn do trưởng ban trinh sát Lê Anh Thiện chỉ huy. Ba tổ trinh sát của Trung đoàn 266 do trưởng tiểu ban trinh sát trung đoàn Nguyễn Bá Nức chỉ huy đã vào bám suốt mấy đêm liền trong thị xã. Trưởng ban trinh sát Lê Anh Thiện đã vào tận nhà tên tỉnh trưởng Nguyễn Văn Phúc.

Các mục tiêu tiến công, vị trí cửa mở, cấu trúc các hàng rào, các vật chướng ngại đã được trinh sát xác định. Cùng với lực lượng trinh sát tiềm nhập, điều tra địch ban đêm, sáu đài quan sát của sư đoàn, bốn đài của hai trung đoàn bộ binh cùng các bộ phận trinh sát kỹ thuật, kết hợp với khai thác tù binh, đã cơ bản nắm chắc các quy luật hoạt động của địch cũng như lực lượng của chúng ở thị xã. Các đầu mối cơ sở hoạt động trong lòng địch cũng cử người về căn cứ báo cáo và nhận kế hoạch mới.

18 giờ ngày 8 tháng 4, các đơn vị được giao nhiệm vụ đánh vào Xuân Lộc xuất phát.

0 giờ 30 phút ngày 9 tháng 4, sở chỉ huy sư đoàn đã nhận được báo cáo từ các hướng:

- Tiểu đoàn 5 đã áp sát bìa rừng cao su, đang tổ chức vượt trắng trống.

- Tiểu đoàn 7 đã tới Bình Lộc Sở, đang vượt đường 1 về lô cao su phía đông.

- Tiểu đoàn 9 đã vượt qua Suối Tre.

- Các khẩu đội cối, cao xạ 37, pháo 85 đang cấu trúc trận địa.

4 giờ sáng, các hướng báo về: Bộ đội đã áp sát hàng rào các trận địa pháo đã chuẩn bị xong phần tử.

5 giờ, ở hướng tây bắc xảy ra tình huống nhân dân trong thị xã mở cổng ấp chiến lược đi làm nương, thấy bộ đội ta đào công sự ngay sát hàng rào, bà con đứng lương lự ở cổng ấp. Để giữ bí mật đến giờ “G”, chính trị viên đại đội 9 Tạ Quang Trung tới gặp, đề nghị bà con đi làm và không một ai quay về nhà.

Hai chiến sĩ được lệnh đứng chặn ngang cổng ấp để phòng tình huống bất trắc. Đồng bào vui vẻ kéo nhau ra rẫy, không một ai quay trở lại.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4, giờ quyết định khai tử tiểu khu Xuân Lộc đã điểm. Pháo chiến dịch và các trận địa pháo của Trung đoàn 55 đồng loạt nhả đạn. Từng đụn khói trùm lên các mục tiêu. Quả đạn 85mm đầu tiên bắn trực tiếp, phá tung cụm ăng-ten của khu trung tâm thông tin. Quả pháo lựu 122mm đầu tiên cũng bẻ gãy nốt cột ăng-ten trên đỉnh Núi Thị. Sau mỗi loạt đạn nổ, tiếng các chiến sĩ thông tin ở các đài quan sát pháo binh và các mũi tiến quân của bộ binh lại báo cáo về sở chỉ huy sư đoàn. Pháo bắn chính xác ngay loạt đạn đầu, trúng khu trung tâm thông tin...

Bọn địch trong tiểu khu Xuân Lộc gào bọn pháo binh chi viện. Các trận địa pháo địch ở Núi Thị, Suối Tre, ngã ba Tân Phong bắn như vãi đạn dọc đường số 1 về phía bắc, tây bắc. Chúng định dùng hàng rào lửa ngăn chặn bộ binh và phản pháo các trận địa của ta. Máy bay trinh sát vè vè trên bầu trời. Máy bay AD6, A37, F5 điên loạn, lồng lộn chúc đầu xuống trút bom.

Các trận địa cao xạ 37mm kịp thời nhả đạn, hất ngược chúng lên. Mặc cho bom đạn địch nổ đình tai, nhức óc, mặc cho máy bay địch gào thét xé rách bầu trời, các khẩu đội pháo vẫn giữ đúng phân tử rót vào các mục tiêu trong thị xã. Sau một trận mưa pháo khủng khiếp, phần lớn các hỏa điểm địch đã bị pháo ta phá hoại hoặc làm tê liệt.

Đúng 6 giờ 40 phút, hai phát pháo hiệu đỏ rực bay vụt lên bầu trời. Các chiến sĩ bộ binh vọt dậy lao qua cửa mở, đánh thẳng vào các căn cứ.

Tiểu đoàn 7 tiến công trên hướng tây bắc - hướng tiến công chủ yếu vào mục tiêu. Tiểu đoàn 5, hướng đông bắc, Tiểu đoàn 9 kẹp sườn bên phải Tiểu đoàn 7.

Ở hướng Tiểu đoàn 5 được chọn làm đơn vị mở cửa. 4 giờ sáng, đại đội 5 đã tới vị trí sát hàng rào và dùng kéo bí mật cắt được vài lớp. Đến giờ nổ súng, pháo binh bắn cấp tập vào các mục tiêu thì tổ mở cửa của Nguyễn Xuân Loan, Nguyễn Văn Đấu, Trần Văn Ngọc đã dứt bộc phá ổng vào dưới lớp rào. Bộc phá nổ, xé tung đến hàng rào thứ năm. Địch phát hiện ra hướng cửa mở, tập trung hỏa lực bắn ra như mưa. Máy bay C130 xô từng tràng liên thanh vào con đường dẫn tới cửa mở. Một số chiến sĩ thương vong. Bộ phận hỏa lực của đại đội 8 lên khẩu nào đều bị thương, cửa mở gặp khó khăn, đội hình ùn lại. Khẩu đội trưởng Nguyễn Đăng Trinh vác khẩu ĐKZ lao lên sát hàng rào, lợi dụng mô đất cao, nhằm thẳng khẩu đại liên đầu cầu của địch, néo cò. Hỏa điểm đầu tiên của địch bị dập tắt. Trinh diệt luôn hai khẩu đại liên của địch ở phía Trường trung học Hòa Bình đang bắn ra cửa mở.

Lợi dụng thời cơ, Nguyễn Văn Lái ôm bộc phá lao lên, giật nụ xòe phá tung thêm hai lớp rào nữa. Địch ở gác hai của trường trung học xã đại liên vào cửa mở. Lái hy sinh. Thêm một số đồng chí bị thương. Đại đội trưởng Nguyễn Quốc Hoàn vừa ôm bộc phá lao lên vừa nói: “Dù thương vong cũng quyết hoàn thành nhiệm vụ. Hãy trả thù cho những đồng chí đã hy sinh!”. Một viên đạn AR-15 của địch dính vào tay trái Hoàn, ông bộc phá văng sang bên. Tiểu đội phó Nguyễn Xuân Hải nhào đến, ôm ông bộc phá đút vào hàng rào, giật tung lớp hàng rào thứ bảy thì gặp ngay lớp rào vương chân là là mặt đất.

Đại đội 5 quyết định mở thêm cửa thứ hai. Các xạ thủ súng ĐKZ Đinh Quang Tạo, Nguyễn Văn Nhung, Nguyễn Đăng Trinh ở đại đội 8 tập trung bắn sập những hỏa điểm lợi hại của địch từ Trường trung học Hòa Bình, từ trong các căn nhà, cũng là lúc Nguyễn Khắc Sơn mở xong cửa thứ nhất. Trung đội 2 do Nguyễn Xuân Loan chỉ huy cũng mở gần xong cửa thứ hai. Còn một lớp rào thì hết bộc phá ông, trợ lý tác chiến Tiểu đoàn 5 Lê Hồng Sơn lấy ván bắc qua hàng rào. Tiểu đoàn 5 ào ạt tiến qua hai cửa mở như những cơn lốc, tiêu diệt hàng loạt vị trí của hai tiểu đoàn bảo an 340, 342 bảo vệ mé ngoài và thọc sâu vào các cứ điểm, các mục tiêu ở khu vực xung quanh dinh tỉnh trưởng.

Trong lúc đó, ở hướng chủ yếu, đại đội 1 Tiểu đoàn 7 đã mở gần xong cửa mở thì địch điều hỏa lực bắn vào cửa mở. Một số chiến sĩ thương vong. Chính trị viên Tiểu đoàn 7 Nguyễn Hữu Diệt bị thương vào tay phải. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Huyền điều khiển ĐKZ của đại đội 4 lên diệt ngay cụm hỏa lực mới kéo tới của địch. Các đồng chí Trần Văn Quang, Nguyễn Viết Xuân chớp thời cơ mở xong cả hai cửa, cũng là lúc phát pháo hiệu đỏ rực vút lên. Tiểu đoàn 7 thành hình chữ A ào ạt công kích vào hướng bắc - đông bắc của thị xã.

Đến 7 giờ 5 phút. Tiểu đoàn 7 đã đánh chiếm xong khu vực bắc nhà thờ, tây bắc dinh tỉnh trưởng, tây bắc bến xe Văn Thành.

Ở hướng Tiểu đoàn 5, đại đội 5 hình thành ba mũi tiến công thần tốc, phát triển về phía dinh tỉnh trưởng. Tiểu đoàn 9 cũng đã đánh chiếm và làm chủ gia binh và nhà máy điện. 7 giờ 40 phút, cả ba tiểu đoàn đã thanh toán xong các mục tiêu khu thông tin, khu cố vấn, khu cảnh sát và đang hợp điểm tại khu vực dinh tỉnh trưởng.

Đến 9 giờ 30 phút, khu vực nhà tên tỉnh trưởng đã bị chiếm. 10 giờ, các đơn vị đã cơ bản làm chủ các mục tiêu được phân công.

Đến 11 giờ, địch điều tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48 từ ngã tư Tân Phong đến phản kích ở hướng tây bắc và điều tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52 từ Gia Tân đánh vào bên sườn Trung đoàn 266, nhằm bịt cửa của ta. Chúng còn điều một chi đội xe tăng từ ấp Tân Xuân, men theo đường Quang Trung, chọc một mũi qua ngã tư đường Hoàng Diệu, kết hợp với tiểu đoàn 1, chiến đoàn 48 phản kích nhằm chiếm lại các mục tiêu tại khu vực dinh tỉnh trưởng. Mặt khác, địch dùng máy bay, pháo binh bắn bừa bãi và dọn đường cho bộ binh tiến công, đồng thời ngăn chặn ta phát triển xuống sân bay.

Trước tình hình đó, phó trung đoàn trưởng Lê Tiến Hát hội ý chớp nhoáng với các cán bộ tiểu đoàn và thống nhất: Kiên quyết tập trung binh lực, hỏa lực để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững các mục tiêu đã chiếm. Trước mắt, phải diệt bằng được bọn địch đang co cụm trên tháp chuông nhà thờ, trên gác ba nhà ngân hàng Đồng Tiến và tại ngã ba đường sắt. Tổ chức hỏa lực ngăn chặn xe tăng, đồng thời lùng sục, truy quét và củng cố các vị trí đã chiếm, chuẩn bị đánh địch phản kích.

Sư đoàn trưởng lệnh cho Trung đoàn 270 tung Tiểu đoàn 4 từ Bình Lộc Sở hiệp đồng với Tiểu đoàn 9 đánh tạt sườn quân địch đến phản kích. Tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48 ngụy từ ngã ba Tân Phong vừa mon men đến lô cao su sát đường số 1 ở hướng tây bắc, bị Tiểu đoàn 9 đánh hất trở lại. Trong thị xã, Tiểu đoàn 7 tổ chức lực lượng gọn nhẹ, lợi dụng các dãy phố, các căn nhà nhiều tầng, tiến sát ngã tư đường Hoàng Diệu - Quang Trung bắn cháy 4 xe tăng, tiêu diệt

một số bộ binh. Tiểu đoàn 5 bắn cháy 2 chiếc khác ở đoạn ngã tư đường sắt. Âm mưu phản kích của địch tạm thời bị bẻ gãy. Qua một ngày chiến đấu, ta tiêu diệt và làm tan rã một số lớn quân địch, bắt sống 235 tên, bắn cháy 7 xe tăng, làm chủ các mục tiêu được quân đoàn phân công.

Bộ tư lệnh sư đoàn nhận định: Địch bị đánh bất ngờ, đối phó lúng túng. Nhưng ở hướng chủ yếu của quân đoàn gặp khó khăn và không đánh trúng các mục tiêu, nên chiến đoàn 43 địch còn tăng cường lực lượng để phản kích, giành lại các vị trí đã mất.

Về ta, Trung đoàn 266 phát triển thuận lợi, tinh thần chiến đấu tốt, nhất là Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 7. Nhưng do chuẩn bị vật chất chưa tốt, đạn hết, nên tốc độ tiến công và phát triển có chậm. Tiểu đoàn 4 đánh vận động tương đối tốt, đã bẻ gãy đợt phản kích của Tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52, bảo vệ tốt cạnh sườn cho Trung đoàn 266.

Bộ tư lệnh sư đoàn chủ trương: Kiên quyết giữ vững những mục tiêu đã chiếm. Nhanh chóng giải quyết thương binh, tử sĩ. Bổ sung đạn, gạo, xốc lại lực lượng để ngày mai tiếp tục tiến công, tạo điều kiện cho hướng chủ yếu của quân đoàn đột phá.

Suốt đêm 9 tháng 4, các đơn vị triển khai thực hiện các chủ trương trên.

5 giờ 27 phút ngày 10 tháng 4, pháo binh ta bắn vào một số mục tiêu còn lại trong thị xã. 5 giờ 47 phút, pháo binh ngừng bắn. Tiểu đoàn 9 hình thành hai mũi tiến công vào tòa hành chính. Tiểu đoàn 5 phát triển xuống sân bay Cáp Rang. Tiểu đoàn 7 đánh vào căn cứ Lê Lợi, nơi đồn trú của hai tiểu đoàn 343 và 367 bảo an.

Cũng trong đêm 9 tháng 4, địch đã củng cố lại các khu vực trong thị xã. Do đó yếu tố bất ngờ không còn nữa. Địch đã chủ động đối phó ngay khi lực lượng xung kích của ta áp sát hàng rào. Tiểu đoàn 7 đã năm lần tổ chức đột phá vẫn không thủng. Số thương vong

ngày một cao. Chính trị viên tiểu đoàn Nguyễn Hữu Diệt hy sinh. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Huyền tạm cho bộ đội lùi xuống dưới chân đồi và xin sư đoàn cho pháo binh bắn cấp tập theo hiệu chỉnh của các chiến sĩ bộ binh. Được chiến sĩ bộ binh chỉnh tằm, chỉnh hướng, các trận địa pháo của ta đã phá tung một loạt công sự vòng ngoài, ghìm cứng bọn địch trong các công sự. Căn cứ Lê Lợi chìm trong lửa và khói. Lực lượng xung kích Tiểu đoàn 7 lợi dụng thời cơ phá tung hàng rào. Pháo vừa ngừng, các mũi đột kích đã thọc sâu vào căn cứ. Một trận đánh bằng lựu đạn, lưới lê diễn ra ác liệt. Đến 18 giờ, Tiểu đoàn 7 làm chủ chiến trường đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn bảo an 343 và 367.

Ở hướng Tiểu đoàn 9 cũng diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt giữa chiến sĩ ta với tiểu đoàn 2 chiến đoàn 43. Mờ sáng ngày 10 tháng 4, được chiến đoàn xe tăng 181 chi viện, tiểu đoàn 2 địch mở đợt phản kích hòng đánh chiếm lại khu vực nhà thờ và tòa hành chính. Tiểu đoàn 9 đã giành giật với địch từng ngách phố, căn nhà, từng đoạn hào giao thông nhỏ. Cuộc chiến đấu ở đây không còn là đội hình chiến đấu của đại đội, tiểu đoàn, mà phần lớn là tổ chiến đấu, thậm chí là cá nhân chiến đấu. Mỗi tổ, mỗi người đều tự ghép mình thành từng bộ phận, tự hiệp đồng với nhau, hỗ trợ nhau chiến đấu. Chiến sĩ liên lạc đại đội 9 Phạm Văn Lái cùng phó đại đội trưởng Đặng Xuân Dân và ba chiến sĩ Trúc, Toại, Hà hình thành một mũi đánh vào một đoạn chiến hào của địch. Để tránh đánh vỡ mặt, Lái xin phép phó đại đội trưởng Dân dẫn Toại và Hà vòng phía trái, bí mật thọc một mũi vào sau lưng địch. Bị đánh bất ngờ, bọn địch bỏ chạy. Lái đuổi theo. Mãi đuổi giặc, Lái thọc quá sâu vào tung thâm, trong lúc đơn vị được lệnh chuyển hướng tiến công, Phạm Văn Lái chỉ có một mình với khẩu AK hết đạn. Lái xác định: còn một mình cũng đánh, tìm súng địch mà đánh! Lái vớ được khẩu AR-15 với băng đạn đầy và hai quả lựu đạn Mỹ. Anh cũng cố công sự để chiến đấu.

Hơn một ngày chiến đấu trong hoàn cảnh một mình một hướng tiến công, độc lập chiến đấu, lấy súng địch tiêu diệt địch, bị thương không rời vị trí, Phạm Văn Lái đã diệt 31 tên địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu, nêu tấm gương chiến đấu kiên cường, mưu trí, sáng tạo, táo bạo tiến công. Đêm 10 tháng 4 là một đêm đấu pháo quyết liệt. Địch dùng hàng chục trận địa pháo với 86 khẩu đủ loại 105mm, 106,7mm, 155mm cùng hàng chục lần máy bay ném bom phá hoặc các khu vực đã bị ta đánh chiếm trong hai ngày qua. Chúng phản pháo vào các trận địa pháo của ta, đồng thời bắn chặn các con đường từ hậu cứ dẫn vào thị xã. Máy bay C130 xỏ từng tràng đạn 20mm. Chúng định làm thành một hàng rào lửa ngăn chặn, không cho ta tiếp đạn và giải quyết thương binh. Chúng định hủy diệt toàn bộ lực lượng ta còn bám trong thị xã.

Các tiểu đoàn 5, 7, 9 vẫn kiên cường bám trụ, vừa củng cố công sự, vừa chuẩn bị tư thế đánh địch phản kích trong ngày mai. 4 giờ sáng ngày 11 tháng 4, Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 lệnh cho Sư đoàn 341 tổ chức một lực lượng đánh vào sở chỉ huy chiến đoàn 43 và một lực lượng đánh xuống sân bay Cáp Rang, bắt liên lạc với Sư đoàn 7. Chiều hôm trước, địch đã dùng trực thăng đổ lữ đoàn dù 1 xuống ấp Tân Phong và lực lượng này đã bao vây Tiểu đoàn 18 Sư đoàn 7. Địch còn điều tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48, tiểu đoàn 1 chiến đoàn 43 và tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52 tăng cường giải tỏa vòng ngoài. Mờ sáng ngày 11 tháng 4, lực lượng này đã tổ chức phản kích vào khu hành chính, dinh tỉnh trưởng và dọc theo đường số 1 về phía tây bắc.

Như vậy, nhiệm vụ của sư đoàn càng nặng nề hơn. Phải vừa đánh địch phản kích, giữ vững các mục tiêu đã đánh chiếm trong hai ngày qua, vừa tổ chức lực lượng hỗ trợ, giải vây, giải quyết khó khăn cho đơn vị bạn.

Sư đoàn trưởng chỉ thị cho Trung đoàn 270 tung Tiểu đoàn 6 kết hợp với Tiểu đoàn 7 đánh xuống sân bay Cáp Rang; Tiểu đoàn 5

đánh vào sở chỉ huy chiến đoàn 43; Tiểu đoàn 9 giữ vững các mục tiêu đã chiếm; Tiểu đoàn 4 chuẩn bị đánh giải vây cho Tiểu đoàn 18 Sư đoàn 7.

5 giờ 30 phút ngày 11 tháng 4, pháo binh bắn 30 phút vào sở chỉ huy sư đoàn 18 và chiến đoàn 43. 6 giờ, pháo binh chuyển làn, kiểm chế các trận địa pháo địch ở Núi Thị, ngã ba Tân Phong. Tiểu đoàn 5 lợi dụng các hệ phố, các ngôi nhà nhiều tầng bị bom pháo phá sập, áp sát và tiêu diệt được một số mục tiêu vòng ngoài của chiến đoàn 43. Địch chống cự quyết liệt, một vài phân đội của Tiểu đoàn 5 lùi lại. Trong lúc đó, đại đội 5 vẫn tiếp tục đột kích theo hướng phân công. Trung đội trưởng Nguyễn Phi Nhân dẫn trung đội luồn qua các bức tường đổ, áp sát sở chỉ huy chiến đoàn 43 về hướng đông, tiêu diệt một số hỏa điểm bên ngoài. Địch rút sâu vào trong căn cứ. Nguyễn Phi Nhân đuổi theo, tiêu diệt một số tên. Nhưng vì các mũi khác gặp khó khăn, không đột phá được vào mục tiêu nên mũi đột kích của Nguyễn Phi Nhân bị lẻ loi. Anh đã hy sinh anh dũng trước sở chỉ huy của Chiến đoàn 43. Mãi đến 11 giờ, đại đội 6 Tiểu đoàn 5 mới bắt liên lạc được với Sư đoàn 7 và cùng với bạn tiếp tục đột phá vào sở chỉ huy chiến đoàn 43.

Hướng các tiểu đoàn 6 và 7 cũng diễn ra những trận đánh giằng co với địch. Địch mới được tăng viện, chúng sử dụng xe tăng, xe bọc thép cùng bộ binh chống phá điên cuồng. Các đơn vị của ta đã bốn lần đột phá vào sân bay Cáp Rang đều bị chúng đánh hất trở lại. Tình hình diễn biến không thuận lợi. Hai tiểu đoàn đều gặp khó khăn, Phó sư đoàn trưởng Vũ Cao và chủ nhiệm chính trị Nguyễn Quế xuống ngay sở chỉ huy Trung đoàn 266 đốc chiến. Đại đội 9 Tiểu đoàn 14 được lệnh đưa pháo 85 bắn trực tiếp vào các hầm chứa máy bay lúc bấy giờ là sở chỉ huy lữ dù 1.

Tiếp đó, tiểu đoàn 6 và 7 đánh chiếm sân bay Cáp Rang vào lúc 10 giờ sáng ngày 11 tháng 4. 11 giờ cùng ngày, địch dùng 48 lần chiếc trực thăng đổ quân tăng viện xuống ngã ba Tân Phong. Thế là

địch đã ném xuống cái thị xã này toàn bộ sư đoàn 18, lữ kỵ binh 3, chiến đoàn 8 sư đoàn 5, các liên đoàn biệt động quân của quân khu 3, các liên đoàn biệt động què quặt của quân khu 1 và 2, thiết đoàn 5 xe tăng (60 chiếc) các tiểu đoàn pháo binh lãn thổ và lữ dù 1. Chúng ném vào đây đến 9 chiến đoàn bộ binh; chúng đã huy động đến mức cao nhất lực lượng không quân còn lại của Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ - một cuộc thí quân, thí tướng của Mỹ - nguy đề kéo dài ngày tận số.

Chúng dùng cả bom hơi ngạt ném xuống các khu vực xung quanh thị xã. Chúng còn huy động cả một bộ máy tuyên truyền chiến tranh tâm lý ở Sài Gòn đến Xuân Lộc để lên dây cót tinh thần cho binh lính và chỉ huy.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4: “Khi địch đã dồn quân vào để cố cứu thị xã Xuân Lộc thì ta không cần tập trung lực lượng tiếp tục đánh thẳng vào đây nữa, mà chuyển lực lượng đánh các đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài đang thiếu công sự và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau; dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hòa, không cho máy bay chiến đấu của địch cất cánh” (Văn Tiến Dũng, *Đại thắng mùa xuân*, Nxb. Quân đội nhân dân, H., 1976, tr.205). Thực hiện ý đồ trên, Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 lệnh cho sư đoàn đưa các tiểu đoàn 5, 6, 9 ra ngoài, Tiểu đoàn 7 tiếp tục chốt các mục tiêu trong thị xã. Đến 21 giờ ngày 12 tháng 4, quân đoàn chỉ thị cho Tiểu đoàn 7 lùi ra ngoài và dùng Trung đoàn 270 vận động bao vây đánh địch xung quanh khu vực Núi Thị. Trung đoàn 266 khẩn trương củng cố và chuẩn bị nhận nhiệm vụ.

Sau khi quân ta ra khỏi thị xã, địch liền đưa hai chiến đoàn 43 và 48 của sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, thiết đoàn 5 xe tăng tràn vào chiếm lại; dùng chiến đoàn 52 giải tỏa ngã ba Dầu Giây do Sư đoàn 6

của ta đánh chiếm hôm 10 tháng 4. Chúng dùng các chiến đoàn 315 và 322 từ Trảng Bom dọc theo đường số 1 đánh ra Dầu Giây để nối lại đoạn đường Long Khánh đi Biên Hòa. Chúng tập trung trên 60 khẩu pháo các loại để chi viện.

Bộ tư lệnh sư đoàn lúc này đã điều Trung đoàn 270 đánh địch xung quanh Núi Thị; Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 6 đã đánh chiếm được các điểm cao 46, 52 ở phía bắc và đang khép chặt vòng vây quanh Núi Thị. Bộ chỉ huy nhẹ sư đoàn 18 ngày đã chuyển đến đây sau khi ta tiến công vào thị xã. Lúc này Bộ chỉ huy chiến dịch tăng cường thêm Trung đoàn 95B và Sư đoàn 6 mở đợt tiến công đánh chiếm Túc Trưng, tiêu diệt chiến đoàn 52 rồi theo trục đường 20 tiến xuống ngã ba Dầu Giây và chốt cứng đoạn đường số 1 từ ấp Trần Hưng Đạo đến ngã ba Dầu Giây. Sau đó, Trung đoàn 95B lại đánh lui lũ đoàn 3 kỵ binh từ Biên Hòa ra ứng cứu giải tỏa đoạn đường số 1 do Sư đoàn 6 chiếm giữ. Sáng ngày 15, Trung đoàn 266 được sư đoàn giao nhiệm vụ thay Trung đoàn 95B và Sư đoàn 6, cơ động đánh địch từ ấp Hưng Nghĩa, Bầu Cá ra ngã ba Dầu Giây và chốt cứng ở khu vực đèo Mẹ Bồng Con. Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 270 đánh chiếm Gia Kiệm và làm chủ đoạn đường 20 từ ngã ba Dầu Giây lên Túc Trưng. Cùng ngày, Tiểu đoàn 4 tiêu diệt sở chỉ huy chiến đoàn 43 trên điểm cao 245 và 292.

Thị xã Xuân Lộc hoàn toàn bị cắt lìa khỏi Sài Gòn, Biên Hòa. Lúc này các chiến đoàn 48, 43 và tiểu khu Xuân Lộc bị ta bắn phá liên tục. Lữ dù 1 bị pháo binh ta bắn chặn không nhích lên được. Các trận địa pháo của địch bị triệt dần. Viên chuẩn tướng Lê Minh Đảo đặt hy vọng vào các lực lượng tăng viện, nhưng quân ta với ưu thế áp đảo đã cắt đứt nguồn hy vọng ấy của hắn. Lữ đoàn dù 1 tăng viện bị sa lầy trong đồn điền Trần Thiện Khiêm. Các lực lượng quân đoàn 3 của tướng Toàn rõ ràng không có hy vọng chọc thủng vòng vây theo đường số 1.

Qua mấy ngày đêm chịu đựng những trận pháo bắn nặng nề nhất chưa từng có trên cái tỉnh lỵ tan nát này, Lê Minh Đảo nhận thấy

cuộc chiến trở nên tuyệt vọng. Hân nhận thấy hỏa lực tiến công của đối phương thật dữ dội. Các tiền đồn xung quanh Xuân Lộc bắt đầu đổ sập từng cái một. Vòng vây của đối phương thu hẹp dần. Rạng sáng ngày 19 tháng 4, Đáo nói chuyện với sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụ ở Biên Hòa bằng điện đài. Y được báo cho biết tướng Toàn không có ở đây, nhưng sở chỉ huy đã chỉ thị cho Đáo là “phải giữ Xuân Lộc càng lâu càng tốt”, không còn cái kiểu “ra lệnh phải giữ vững bằng mọi giá”. Đến nửa buổi sáng ngày 19 thì tình hình rõ ràng là tuyệt vọng. Xuân Lộc - biểu tượng duy nhất nói lên sự chống cự của quân ngụy Sài Gòn trước cuộc tiến công mãnh liệt của quân ta đã sắp sửa sụp đổ.

Đến 12 giờ trưa ngày 20 tháng 4, các đài quan sát liên tục báo về sở chỉ huy sư đoàn những hiện tượng lạ: Trong thị xã xuất hiện nhiều đám cháy và tiếng nổ lớn. Có những chiếc GMC tự dung bốc cháy. Trong lúc đó, bộ binh địch bắn hỗn loạn ra xung quanh thị xã. Trường ban pháo binh sư đoàn báo cáo: pháo địch từ các hướng quanh thị xã bắn rất mạnh về phía sở cao su Gia Kiệm. Theo dõi và đếm kỹ, có tới ba trận địa pháo khác nhau, trên 10 khẩu.

Từ sở chỉ huy Trung đoàn 55, tham mưu trưởng Trần Thìn điện về một chi tiết: Các trận địa pháo của địch bắn lung tung, không có bài bản gì cả, ngay một khẩu pháo cũng bắn không đồng lô, đồng liều.

Qua phân tích, sở chỉ huy sư đoàn 341 đi đến kết luận: Có khả năng địch nghi binh, bắn cho hết đạn pháo để tháo chạy khỏi Xuân Lộc. Sư đoàn trưởng điện báo cáo lên quân đoàn về tình hình địch và những nhận định sơ bộ của sư đoàn. Quân đoàn ra lệnh: “Sư đoàn 341 khẩn trương triển khai truy kích theo đường số 22 về hướng Bà Rịa - Long Thành”. Lập tức các đơn vị từ bao vây được lệnh chuyển sang truy kích tiêu diệt địch. Trung đoàn 55 pháo binh bắn chặn mãnh liệt vào ngã ba Tân Phong. Tiểu đoàn 9 vận động về hướng Núi Sóc làm nhiệm vụ đón lõng. Các tiểu đoàn 4, 6, 7

theo đường 22 truy kích về hướng Bà Rịa. Tiểu đoàn 5 tiến công vào thị xã, bắt liên lạc với Sư đoàn 7.

Sau khi điện về sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụ ở Biên Hòa, Lê Minh Đảo ra lệnh cho tiểu khu trưởng Xuân Lộc là Nguyễn Văn Phúc lập một vòng phòng thủ nhỏ hơn để bảo vệ Xuân Lộc. Còn sư đoàn 18, Đảo cho phép “bí mật rút chạy”. Đảo còn nói với ban tham mưu của y: “Cứ để cho chúng giữ, khi chủ lực rút xong, ai biết thì biết”. 17 giờ ngày 20 tháng 4, Đảo ra lệnh: “Tùy nghi di tản”. Sư đoàn 18 và các lực lượng chủ lực quân đoàn 3 ngụ rút chạy tán loạn theo đường 22 về Tân Phong và theo đường số 1 về Trảng Bom.

Trung đoàn 55 pháo binh nhanh chóng chuyển trận địa, kịp thời cấu trúc công sự và cấp tập nã đạn pháo vào ngã ba Tân Phong. Bọn địch đành bỏ xe, pháo, chạy vào rừng cao su về phía Bà Rịa. Tiểu đoàn 9 chốt cứng tại ngã ba Núi Sóc và kiểm soát vùng ấp Trần Hưng Đạo. Tiểu đoàn 7 tiêu diệt tiểu đoàn dù ở ngã ba Suối Tre. Tiểu đoàn 4 vận động phục kích một số tàn quân, diệt nhiều tên, bắt sống 125 tên ở điểm cao 22 và ấp Suối Vạc. Các tiểu đoàn 6 và 8 truy kích địch trong các lô cao su dọc đường 1, bắt sống trên 700 tên.

Các lực lượng chủ lực của quân đoàn 3 ngụ ở Mặt trận Xuân Lộc rút chạy đã bị ta chặn đánh kịch liệt. Chúng bị tiêu hao một số lớn, một số chạy thoát về Long Bình, trong đó có cả Lê Minh Đảo và ban tham mưu của y. Lực lượng “phòng thủ nhỏ” của Nguyễn Văn Phúc ở Xuân Lộc cũng chịu chung số phận. Phúc vét toàn bộ lực lượng của hắn được khoảng 600 tên đã mất tinh thần để nong ra phía đông bắc. Vừa mon men rời căn cứ đã bị sư đoàn 7 và Tiểu đoàn 5 (Sư đoàn 341) tiêu diệt và bắt gọn. Riêng Tiểu đoàn 5 đã bắt sống 257 tên. Tên đại tá Nguyễn Văn Phúc khi bị bắt mới biết sư đoàn 18 đã rút hết từ đêm hôm trước. Y cúi đầu, lẩm bẩm: “Tưởng đánh một trận oai hùng cho thế giới biết, ai ngờ nó đã cao chạy xa bay. Quân chó đẻ!”.

Cả một đạo quân hùng hậu có đủ mặt các sắc lính thiện chiến của quân đoàn 3 và quân khu 3 nguy đã bị đánh tơi tả. Bức “tường thép” Xuân Lộc - phòng tuyến “bất khả xâm phạm” vòng ngoài của chế độ Sài Gòn do tướng Mỹ Uây-en lập ra và được quân nguy cất công xây đắp với sự cố gắng đến mức cao nhất, đã bị phá tung. Niềm hy vọng mong manh để bảo đảm cho sự tồn tại của nguy quyền Sài Gòn đã bị đập vỡ.

Thị xã Xuân Lộc, một vùng đất bình dị mà ít người biết, nay bỗng trở thành một cái tên được cả nước biết đến, và đối với Sư đoàn 341, Xuân Lộc đã trở thành một địa danh lịch sử, ghi nhận chiến công của các chiến sĩ sư đoàn. Cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở để đón các lực lượng hùng mạnh của ta vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng: Tổng tiến công vào Sài Gòn - Gia Định.

Ở một cánh trên hướng đông bắc, mọi công tác chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược đang được Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 tổ chức triển khai. Ngày 25 tháng 4, Thiếu tướng Hoàng Cầm, Tư lệnh Quân đoàn 4 giao nhiệm vụ; Sư đoàn 341 được tăng cường một tiểu đoàn xe tăng (13 chiếc), một tiểu đoàn cao xạ hỗn hợp, một đại đội pháo 105, tiến công tiêu diệt địch từ ngã ba Sông Thao đến Suối Địa. Nếu không tiêu diệt gọn thì phải bao vây chặt, không cho địch chạy thoát về Biên Hòa, bảo đảm đường tiến quân của quân đoàn vào giải phóng Biên Hòa. Thời gian nổ súng là đêm 26 rạng ngày 27 tháng 4.

Ngày 22 tháng 4, sau khi quân đoàn giao nhiệm vụ sơ bộ, đồng chí Vũ Cao đã dẫn đầu đoàn cán bộ lên đường đi chuẩn bị chiến trường.

Buổi chiều ngày 25 tháng 4, Thường vụ Đảng ủy sư đoàn họp nghe đoàn cán bộ đi chuẩn bị chiến trường báo cáo toàn bộ tình hình yếu khu Trảng Bom và ra nghị quyết lãnh đạo trận đánh then chốt này. Yếu khu Trảng Bom nằm trên đường số 1, cách Biên Hòa 30km về phía đông, đông bắc. Sau khi bị thất thủ ở Xuân Lộc, quân đoàn 3 nguy lệnh cho sư đoàn 18 (chưa kịp củng cố) ra xây dựng tuyến phòng thủ Trảng Bom.

16 giờ ngày 25 tháng 4, Bộ tư lệnh sư đoàn giao nhiệm vụ cho các đơn vị:

- Trung đoàn 270 được tăng cường 8 xe tăng, 2 pháo 85, một cối 120, tiến công trên hướng chủ yếu bố trí phía bắc yếu khu Trảng Bom, có nhiệm vụ tiêu diệt địch trong yếu khu, bao vây chặt địch ở Suối Địa, ngăn chặn không cho địch từ Trảng Bom rút chạy qua Hồ Nai - Biên Hòa, sau đó phát triển tiêu diệt địch ở Suối Địa.

- Trung đoàn 273 được tăng cường 2 pháo 85, 2 cối 120, tiến công trên hướng thứ yếu bố trí ở phía đông Trung đoàn 270, có nhiệm vụ tiêu diệt địch phòng ngự trên đường số 1 và rừng cao su ven đường từ yếu khu đi Bầu Cá. Sau đó phát triển tiêu diệt địch ở Bầu Cá và ngã ba Sông Thao. Phối hợp diệt địch trong yếu khu, nếu Trung đoàn 270 gặp khó khăn.

- Tiểu đoàn 8 được tăng cường 4 xe tăng, bố trí phía đông ấp Hưng Nghĩa, làm nhiệm vụ hướng bao vây vu hồi. Sử dụng một đại đội tiến công từ phía đông nam vào yếu khu Trảng Bom. Còn lại theo trục đường số 1 từ hướng đông đánh vào, phối hợp với Trung đoàn 273 diệt địch trong khu vực Bầu Cá và ngã ba Sông Thao.

- Trung đoàn 266 (thiếu Tiểu đoàn 8) bố trí phía sau Trung đoàn 270, làm dự bị cho sư đoàn, sẵn sàng bước vào chiến đấu trong khu vực Trảng Bom, nếu tình hình khó khăn. Sẵn sàng phát triển chiến đấu vào Biên Hòa trong tình huống thuận lợi.

Sau khi pháo bắn chuẩn bị, Trung đoàn 273 và 270 cử một bộ phận tiêu diệt cụm xe tăng và bộ binh địch bố trí ở ga Sông Mây. Sau đó chốt chặn cầu số 3 trên đoạn đường sắt Trảng Bom đi Cây Gáo. Riêng Trung đoàn 270 đưa Tiểu đoàn 4 vào bao vây Suối Địa, kiểm chế trận địa pháo và tạo thời cơ tiêu diệt Suối Địa.

- Trung đoàn 55 bố trí phía bắc khu vực tác chiến tập trung hỏa lực vào yếu khu, khu vực nhà cổ văn Mỹ, đồn điền Ông Quế. Sau đó chuyển hỏa lực tập trung vào Bầu Cá - Suối Địa.

- Lực lượng cao xạ ngắm bắn trực tiếp các mục tiêu trên mặt đất; đưa súng 12,7mm đi sát bộ binh.

- Tiểu đoàn 17 công binh tăng cường cho mỗi trung đoàn bộ binh một trung đội. Số còn lại bảo đảm cho cơ giới cơ động trên đường sắt từ Cây Gáo vào Trảng Bom và bảo đảm cho sở chỉ huy.

- Tiểu đoàn 18 thông tin chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, bảo đảm chỉ huy thông suốt trong quá trình chiến đấu.

Trận tiến công yếu khu Trảng Bom là trận mở đầu của cánh đông bắc cho quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn theo đường số 1 và đường xa lộ Biên Hòa. 17 giờ ngày 26 tháng 4, khi tiếng súng đầu tiên của Chiến dịch Hồ Chí Minh nổ ở hướng đông thì Sư đoàn 341 đã ém gọn vào vị trí tập kết an toàn.

Đường hành quân của ta rất bí mật, nhưng địch vẫn tăng cường pháo kích ngăn chặn. Ở hướng bắc, chúng bắn tới 1.200 - 1.500 quả ngay vào các trục đường lớn và dọc bờ Suối Rét. Hàng ngày, 20 đến 25 lần tốp máy bay A37, F5 ném bom vào những nơi chúng nghi ngờ có lực lượng ta trú quân. Chúng còn tung thám báo, biệt kích lùng sục xung quanh yếu khu Trảng Bom để phát hiện lực lượng ta. Song mọi cố gắng của chúng đều không mang lại kết quả. Các trung đoàn bộ binh ta vẫn bí mật áp sát mục tiêu. Các khẩu pháo vẫn được chiến sĩ ta kéo vào chiếm lĩnh trận địa.

18 giờ, các đơn vị đã chuẩn bị xong mọi mặt và đợi lệnh nổ súng.

Sở chỉ huy sư đoàn nằm gọn trong khu rừng tre sát bờ Suối Rét. Tre Đồng Nai khỏi phải nói về độ cứng, độ bền, đứng san sát nhau như thành, như lũy. Hầm sở chỉ huy đặt dưới các khóm tre mà lớp lớp rễ tre suốt mấy đời bám đất, khó có loại bom đạn nào khoan nổi.

Dù bom pháo địch vẫn bắn phá ác liệt, ngọn đèn dầu trong sở chỉ huy vẫn soi rõ từng nét chì, từng binh độ, từng mục tiêu trên tấm bản đồ tác chiến.

19 giờ 30 phút, phó ban thông tin Bùi Ngọc Hương kiểm tra 10 đầu dây đều thông suốt.

Cùng lúc Bộ Tham mưu Quân đoàn chỉ thị: “Địch ở Trảng Bom có khả năng rút chạy, Sư đoàn 341 nhanh chóng tổ chức tiến công”. Lúc này là 20 giờ ngày 26 tháng 4. Sau 30 phút, Bộ Tham mưu lại hỏi thúc: “Sư đoàn 341 báo cáo ngay kế hoạch chiến đấu”. Trong lúc đó sở chỉ huy sư đoàn đang tranh luận sôi nổi. Có ý kiến cho rằng địch đang rút chạy, nếu ta không nhanh chóng tiến công thì mất thời cơ và không hoàn thành nhiệm vụ. Một ý kiến khác cho là địch không rút chạy, chỉ có khả năng điều chỉnh lực lượng cho phù hợp. Nếu ta tiến công sớm sẽ mất thời cơ. Căn cứ vào các ý kiến trên, Bộ tư lệnh kết luận: Địch sẽ không bỏ Trảng Bom vì cự ly từ Trảng Bom vào Biên Hòa không xa, nếu chúng bỏ Trảng Bom thì Biên Hòa sẽ bị ta uy hiếp mạnh. Hơn nữa, chỉ còn bảy, tám giờ nữa thì trời sáng, với một lực lượng đông như vậy địch sẽ không rút hết được. Cũng có thể chúng điều chỉnh lực lượng cho phù hợp với tuyến phòng thủ.

Sư đoàn trưởng báo cáo lên quân đoàn, đồng thời chỉ thị cho pháo binh bắn chặn Suối Địa và các mục tiêu trọng yếu khu Trảng Bom; sử dụng tiểu đoàn 4 cắt rừng cao su, vận động bao vây chặt bọng địch ở Suối Địa. 24 giờ, pháo binh ta bắn trúng đội hình hành quân của địch ở Suối Địa, gây cho chúng thiệt hại nặng; một số lớn chạy tán loạn vào rừng. Tiểu đoàn 4 đang vận động tới Suối Địa đã tóm được hai tên (có một đại úy hậu cần chiến đoàn 48). Qua khai thác, tù binh cho biết: sau khi giải phóng Bà Rịa, trục đường 15 ta đã hoạt động, quân đoàn 3 địch đã điều lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ đoàn 468 lính thủy đánh bộ đang án ngữ Trảng Bom về giải tỏa đường 15 và đưa lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ từ Long Bình cùng với sư đoàn 18 chưa kịp vá víu ra phòng thủ từ ngã ba Sông Thao đến Hố Nai.

Như vậy là địch đang điều chỉnh lực lượng. Vậy yếu tố bất ngờ và thời cơ để tiến công vẫn còn. Địch điều chỉnh lực lượng lúc này càng bộc lộ thêm những chỗ yếu và sự lúng túng của chúng trong thế bố trí phòng ngự bị động.

Sư đoàn chỉ thị cho các đài quan sát tiếp tục theo dõi hoạt động của địch, đồng thời lệnh cho các đơn vị nâng đội hình áp sát mục tiêu. 4 giờ sáng ngày 27 tháng 4, phó trung đoàn trưởng pháo binh Đàm Quang Vinh báo cáo về sở chỉ huy: Cụm pháo 122 và 85 bố trí ở bắc Suối Rét chiếm lĩnh xong trận địa, đã chỉnh đúng tầm, hướng, sẵn sàng lao đạn. Cụm cao xạ bố trí ở nam Suối Rét cũng đã sẵn sàng. Từ phía Trung đoàn 273, Trung đoàn trưởng Hoàng Trung Trực báo cáo: Bộ đội đã đào công sự xong. Bộ phận mở cửa đã cắt được một, hai lớp rào.

4 giờ 5 phút ngày 27, lệnh nổ súng tiến công yếu khu Trảng Bom được phát đi các đơn vị. Các pháo thủ lập tức lao đạn. Những cầu vồng lửa vút lên, tới tấp giáng xuống bảy trận địa pháo của địch. Cùng lúc, pháo tăng cường cho các trung đoàn bộ binh cũng tới tấp giội xuống các mục tiêu. Yếu khu Trảng Bom chìm ngập trong khói lửa của trận mưa pháo khủng khiếp. Bảy trận địa pháo của địch câm ngay từ loạt đạn đầu. Các hỏa khí của chúng trong yếu khu cũng bị pháo ta phá hoại. Trong tiếng nổ âm âm như bão cuốn của các trận địa pháo, 4 giờ 7 phút, xe tăng được lệnh xuất kích, bộ binh tiếp tục nhắc đội hình sát mục tiêu.

Nhưng đến 4 giờ 22 phút, Trung đoàn 270 không bắt được liên lạc với xe tăng. Sư đoàn trưởng chỉ thị cho trung đoàn sẵn sàng tiến công tiêu diệt địch không có xe tăng tăng cường.

Từ hướng bắc, Tiểu đoàn 6 nhanh chóng dùng bộc phá, phá tung hàng rào và đánh chiếm các công sự phía trước. Đến lúc pháo chuyển làn, Tiểu đoàn 6 phát triển theo chiến hào vành khăn, dồn địch vào trung tâm yếu khu. Tiểu đoàn 5 từ phía bắc bám theo bìa rừng cao su đánh thẳng vào trung tâm.

Sau một thời gian chiến đấu ác liệt, 8 giờ 30 phút, toàn bộ quân địch tại yếu khu Trảng Bom bị ta tiêu diệt. Ta làm chủ một đoạn đường dài 14km từ ngã ba Sông Thao đến tây Trảng Bom.

Trong lúc các đơn vị bạn đánh tập trung hiệp đồng binh chủng vào yếu khu Trảng Bom thì Tiểu đoàn 8 do tiểu đoàn trưởng Hồ Sĩ Chính và chính trị viên Nguyễn Phương Nhân chỉ huy được giao nhiệm vụ độc lập chiến đấu trên một hướng, tiêu diệt địch ở ấp Bầu Cá.

Bầu Cá là vị trí quan trọng án ngữ 7km đường số 1 từ ấp Hưng Nghĩa đến ấp Bầu Cá. Chúng bố trí ở đây tiểu đoàn 2 chiến đoàn 48, chi đoàn 1 xe tăng thiết giáp và một trận địa pháo 105. Khi Bầu Cá bị tiến công thì các trận địa pháo ở Trảng Bom, Suối Địa, Sông Thao, dốc Ông Hoàng và một chi đội xe tăng của thiết đoàn 5 trực tiếp chi viện.

Khi tiếng súng tiến công ở Trảng Bom bắt đầu thì Tiểu đoàn 8 cũng hiệp đồng phát hỏa. 39 quả đạn cối 82 của Đại đội 8 bắn vào các mục tiêu trong Bầu Cá vừa dứt, lập tức các đại đội bộ binh tổ chức xung phong.

Tiếp đó, tiểu đoàn 8 tung Đại đội 5 vào truy quét, 393 tên còn sống sót bị Đại đội 5 bắt làm tù binh. Bên khẩu pháo 105, hai xe tăng còn mới nguyên, gần chục xe GMC được các chiến sĩ bộ binh giao cho các binh chủng bạn tiếp quản. Bầu Cá được giải phóng. Ta đã làm chủ đoạn đường từ ngã ba Dầu Giây vào đến bắc Trảng Bom. Trưa ngày 27 tháng 4, trên đường tiến công vào Long Bình, các chiến sĩ Tiểu đoàn 8 đã có mặt trong đội hình tiến công hành tiến của Trung đoàn 266.

Khi thảo luận phương án tác chiến, một tình huống được nêu ra và được nghiên cứu kỹ: Nếu Trảng Bom bị tiến công thì địch ở Biên Hòa sẽ ra phản kích và bọn địch ở Trảng Bom thất thủ sẽ chạy về Biên Hòa. Cả hai lực lượng này đều phải qua Suối Địa vì không còn đường nào khác.

Ta dùng một lực lượng nhỏ chốt chặn ở Suối Địa thì vừa giăng bẫy đón lõng, chặn đứng đường rút của bọn địch từ Trảng Bom chạy về, đồng thời cũng chặn đứng địch từ Hồ Nai ra ứng cứu. Vì vậy, phải đánh chiếm Suối Địa cùng một lúc khi ta tiến công Trảng Bom và biến căn cứ này thành trận địa phòng ngự của ta. Đó là một quyết định đúng đắn và táo bạo của sư đoàn. Nhiệm vụ này được giao cho Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 270 do phó tham mưu trưởng Nguyễn Ngọc Năng cùng với tiểu đoàn trưởng Nguyễn Anh Dậu và chính trị viên Trần Xuân Vũ chỉ huy. 24 giờ ngày 26 tháng 4, Tiểu đoàn 4 xuất phát.

3 giờ 30 phút, Tiểu đoàn 4 đã áp sát hàng rào. Đội hình hai đơn vị cách nhau 800 mét ở hai phía đường số 1.

3 giờ 45 phút, các đại đội đã bí mật cắt xong hàng rào.

Đại đội trưởng Nguyễn Quang Nếp đưa 2 khẩu ĐKZ, 2 khẩu 12,7mm lên sát hàng rào cách lô cốt đầu cầu khoảng 60 mét, chỉ từng mục tiêu cho các pháo thủ. Mọi người đã ở tư thế sẵn sàng xuất kích.

4 giờ 10 phút, Tiểu đoàn 4 bắt đầu nổ súng. Lúc này ở hướng Trảng Bom đã nổ súng được 5 phút.

Sau khi làm chủ Suối Địa, Tiểu đoàn 4 lập tức chuẩn bị trận địa phục kích tiêu diệt địch từ Trảng Bom chạy về.

Đại đội 2, Trung đội 2 Đại đội 1 và Trung đội 3 Đại đội 3 do phó tiểu đoàn trưởng Dương Cao chỉ huy, tổ chức trận địa phục kích ở bãi nghĩa địa cách Suối Địa gần 2km. Lúc đó, bọn địch ở Trảng Bom đang kéo nhau chạy về Suối Địa. Đi đầu là chi đoàn 3 của lữ 3 kỵ binh mở đường cho các loại tàn quân của sư đoàn 18 biệt động quân, bảo an, dân vệ. Cả cái mớ hỗn độn, vô tổ chức ấy xô nhau chạy về Suối Địa.

9 giờ 10 phút ngày 27 tháng 4, chúng lọt vào trận địa của Tiểu đoàn 4. Nguyễn Anh Phong bắn cháy 2 xe thiết giáp, chặn đầu.

Lâm Anh Dũng bắn cháy 2 xe GMC chở đầy lính, khóa đuôi. Gần 100 xe đủ loại của địch bị nhốt chặt vào trong rọ.

Như những cơn lốc, các chiến sĩ Tiểu đoàn 4 lao vào trận đánh. Trận phục kích tài tình của chiến sĩ Tiểu đoàn 4 thắng lợi rực rỡ. Toàn bộ bọn địch ở Trảng Bom chạy vào Hồ Nai bị tiêu diệt và bị bắt làm tù binh. Riêng đại đội 2 đã tóm gọn 400 tên tù binh đủ các sắc lính của quân khu 3 ngụy Sài Gòn. Sư đoàn 18 ngụy bị xóa sổ. Tên chuẩn tướng Lê Minh Đảo chạy thoát về Long Bình, để rồi hai ngày sau vất bỏ quần áo, cải trang thành thường dân lén lút chạy về Sài Gòn. “Người hùng” của thị xã Xuân Lộc không kịp theo quan thầy di tản ra nước ngoài, mà được ở lại chứng kiến từ đầu đến cuối sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ ngụy Sài Gòn.

Mất Suối Địa thì Hồ Nai - Biên Hòa sẽ bị uy hiếp mạnh. Quân đoàn 3 ngụy liền đưa chiến đoàn 22 xe tăng, thiết giáp từ Tam Hiệp ra phản kích, đồng thời, vét lực lượng còn lại của lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ kết hợp với bọn ác ôn phản động khét tiếng ở khu vực Hồ Nai ra ngăn chặn. Chúng định chặn đứng cuộc tiến công của ta trên hướng đường số 1 ngay tại Suối Địa. Các trận địa pháo tầm gần, tầm xa còn lại của địch, kết hợp với pháo tăng, dồn dập trút đạn vào đây. Các loại đạn pháo chụp, pháo khoan, nổ chát chúa, văng mảnh rào rào. Cả trận địa mù mịt cát bụi. Hình như còn bao nhiêu đạn pháo của quân đoàn 3 ngụy, chúng đều tập trung trút tất cả vào cái eo dốc Suối Địa chưa đầy 3km² này.

Tiểu đoàn 4 bị thương vong một số, đường dây thông tin từ tiểu đoàn xuống các đại đội bị đứt. Số chiến sĩ liên lạc đều bị thương. Nhưng trận địa chốt chặn Suối Địa vẫn được Tiểu đoàn 4 bảo vệ vững chắc. Xe tăng và bộ binh địch vẫn bị cầm chân tại rìa mép thị trấn Hồ Nai.

Tuy nhiên, sự ngăn chặn quyết liệt của địch cũng phần nào làm chậm bước tiến của quân ta vào Biên Hòa. “Nhất định phải đực

phải tuyến phòng thủ ngoan cố này càng sớm càng tốt” - Sư đoàn giao nhiệm vụ cho các đơn vị:

- Trung đoàn 55 đề đại đội 2 pháo 122 và đại đội 9 pháo 85 kiềm chế các trận địa pháo của địch, bảo đảm cho đội hình tiến công hành tiến của sư đoàn vào Biên Hòa.

- Tiểu đoàn 7 được tăng cường 4 xe tăng chi viện cho Tiểu đoàn 4 đột phá vào tuyến phòng thủ Hồ Nai, mở đường cho sư đoàn tiến công.

- Trung đoàn 266 (thiếu Tiểu đoàn 7) qua ga Hồ Nai đột nhập vào tổng kho Long Bình.

- Trung đoàn 270 và 273 cơ động ra Trảng Bom, xóc lại lực lượng, chuẩn bị đánh vào Hồ Nai - Biên Hòa sau khi tuyến rìa Hồ Nai bị các tiểu đoàn 7 và 4 chọc thủng.

Sư đoàn thành lập sở chỉ huy tiền phương do phó sư đoàn trưởng Vũ Cao và cán bộ cơ quan, đi sát chỉ huy hai tiểu đoàn 7 và 4. Cán bộ ba cơ quan xuống các đơn vị đốc chiến.

Khi pháo ta bắn cấp tập vào phòng tuyến 1 Hồ Nai, thì xe tăng và Tiểu đoàn 7 đã cơ động đến bờ tây Suối Địa. Tiểu đoàn 4 đã triển khai đội hình sát áp Hồ Nai 1. Phó trung đoàn trưởng Trung đoàn 270 Đàm Quang Phấn và phó chính ủy trung đoàn Hà Xuân Diệu cũng có mặt, trực tiếp chỉ huy Tiểu đoàn 4.

Theo lệnh của phó sư đoàn trưởng, pháo binh lập tức chuyển làn vào trung tâm Hồ Nai. Các loại cối 60, 82, ĐKZ82 của hai tiểu đoàn đánh vào những mục tiêu lộ ở sát áp Hồ Nai 1. Đại đội trưởng Lương Văn Tà dẫn lực lượng đột kích vượt bãi trống ở lưng chừng dốc, đánh chiếm ngay các công sự tiền duyên.

Bọn địch lùi dần vào sâu trong phố, lợi dụng nhà cửa, ngõ ngách bắn trả. Một khẩu trọng liên địch xuất hiện ở mép trái sau góc nhà của một cửa hiệu bán thuốc tây bắn tạt sườn mũi đột kích của

Lương Văn Tạ. Các xạ thủ B40, B41 của Tiểu đoàn 7 xuất hiện kịp thời dập tắt ngay khẩu trọng liên của địch. Bộ binh chớp thời cơ, đánh thốc vào Hồ Nai 1. Địch đưa xe tăng ra cản phá. (Những chiếc xe tăng này đã được chiến đoàn 22 điều đến từ đêm 27 tháng 4 và chúng đã bí mật cho xe tăng xuống hầm, chỉ để tháp pháo là sát mặt đất, nòng pháo quay về phía sườn dốc Suối Địa).

Xe tăng và bộ binh ta vừa tới đỉnh dốc thì một vệt lửa màu da cam từ sau góc nhà bốn tầng lướt đến. Rồi một quả nỡ không rõ từ đâu chớp đánh nhặng trên đội hình xe tăng hai chiếc đi đầu của ta. Cùng lúc, pháo tăng, rồi đại liên từ sáu, bảy xe tăng địch bắn như vãi đạn. Đợt đợt phá của ta bị chững lại. Bộ binh địch lợi dụng thời cơ này để phản kích. Chiến sĩ B41 Đặng Ngọc Quyên ôm súng lặn mấy vòng qua đường số 1, xuống rãnh đường. Lợi dụng một gò đất che khuất, Quyên tiếp cận mấy chiếc tăng, kê súng, néo cò. Chiếc xe tăng địch bốc cháy. Khẩu đội ĐKZ của Trần Đình Ngộ bắn cháy thêm chiếc nữa. Khẩu 12,7mm của Nguyễn Văn Lưu cũng hạ nòng quét vào cụm bộ binh địch. Ba khẩu trung liên, hàng chục khẩu M79 của các chiến sĩ đã đồng loạt bắn vào tòa nhà bốn tầng và cửa hiệu thuốc tây. Bọn địch giạt cả về phía sau.

Nắm thời cơ, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 7 Nguyễn Văn Huyền hạ lệnh xung phong. Các mũi đột kích ào lên, đánh thẳng vào trung tâm ấp Hồ Nai 1. Số xe tăng địch còn lại chạy về phía cầu Sắn Máu. Ta đang tổ chức đột phá tiếp vào trung tâm thị trấn Hồ Nai thì bọn tàn quân lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ, nhất là bọn cảnh sát ác ôn, bảo an, dân vệ ở thị trấn Hồ Nai chặn đánh tiêu hao lực lượng ta.

Địch đã biến các nhà thờ thành các pháo đài để “tử thủ”. Các cửa hiệu, các cửa sổ nhà tầng, các tháp chuông nhà thờ đều có những họng súng đen ngòm tới tấp xả đạn chặn đường. Cũng vì vậy mà sức tiến công của ta chậm lại. Khi các mũi xung kích của ta vào tới trung tâm Hồ Nai thì trên dọc đường phố, đạn tiểu liên cực nhanh từ các

ô cửa sổ quét rền rẹt xuống mặt đường. Lựu đạn nổ sáng xanh, mảnh văng tung tóe.

Đại đội 2 Tiểu đoàn 7 đang dàn đội hình theo dãy phố để chiến đấu.

Lúc này, ở các sở chỉ huy sư đoàn, trung đoàn, ai cũng nóng ruột. Cả một tuyến phòng thủ như Trảng Bom, Suối Địa chỉ đột phá trong bốn giờ, ta đã làm chủ, nay chỉ tuyến Hồ Nai gần chục kilômét mà không chọc được. Các mũi, các hướng khác đang áp sát Sài Gòn. Đài Tiếng nói Việt Nam lại đưa tin: “Biên Hòa đã giải phóng”. Rõ ràng địch ở Biên Hòa đã bỏ chạy, thế mà ở đây, còn cách Biên Hòa gần hai chục kilômét, địch vẫn đánh chặn ác liệt. Bộ đội dồn ứ cả lại trên đoạn đường Trảng Bom, Suối Địa.

Sở chỉ huy sư đoàn sôi lên. Bức điện khẩn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Quốc phòng vẫn để trên bàn. Lời trong bức điện: “Thời gian là sức mạnh, là thời cơ. Cần suy nghĩ táo bạo, hành động táo bạo, thần tốc hơn nữa. Dùng sức mạnh hòa lực, đánh diệt lớn, vỡ lớn, tan lớn” như thúc giục. Bộ tư lệnh sư đoàn nhận định: Do phán đoán tình hình địch không sát, nên tổ chức tiến công chậm. Địch chỉ dùng một lực lượng nhỏ, kết hợp với bọn canh sát ác ôn ở Hồ Nai để ngăn chặn, làm chậm bước tiến công của ta để tạo cho Quân đoàn 3 và các lực lượng khác chuyển sang tây sông Đồng Nai lập phòng tuyến mới.

Sư đoàn quyết định cử phó sư đoàn trưởng Vũ Cao và cán bộ cơ quan lên phía trước nắm chắc tình hình và trực tiếp chỉ huy. Kiên quyết dùng hỏa lực mạnh áp đảo để dập nát bọn địch ở Hồ Nai. Sáng 29 tháng 4, với đội hình 5 xe tăng đi trước, tiếp đến là cao xạ 37, súng máy 12,7 rồi đến bộ binh, toàn sư đoàn tiến công hành tiến vào Hồ Nai. Trong lúc pháo tăng và cao xạ dập tắt các ổ đề kháng của địch trên các tháp chuông nhà thờ, trên các ô cửa sổ thì các chiến sĩ bộ binh dùng lựu đạn, AK đánh chiếm từng tầng trệt, từng hầm ngầm của dãy phố.

Đến 10 giờ, đội hình hành tiến của sư đoàn đến ngã ba Hố Nai đi Biên Hòa. Tới đây xe tăng của ta chưa qua được vì gặp ngay bốn tuyến hào chống tăng. Định lại gom góp tàn quân có cả xe tăng để chống cự. (Sau này mới biết địch còn có 60 xe tăng, lợi dụng tuyến hào chống tăng và hậu cứ chiến đoàn 22 để chống cự. Bọn này không nhận được lệnh của quân đoàn 3 ngụy (trưa 29 tháng 4 để rút về tây sông Đồng Nai để phòng ngự từ Thủ Đức). Địch mất liên lạc lúc này trở thành khó khăn đối với ta.

Chỉ huy sư đoàn quyết định để một bộ phận cầm chân địch, còn các đơn vị cứ phát triển, đánh chiếm các mục tiêu đã phân công. Trung đoàn 273 sau khi diệt một tiểu đoàn địch trên đường vận động ở ga Long Lạc đã nhanh chóng tiến công vào sân bay Biên Hòa. Trung đoàn 270 vòng lên phía bắc đường số 1 đánh chiếm Hóc Bà Thúc và phát triển qua sân bay. Trung đoàn 266 đánh chiếm sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, một bộ phận vòng qua Hố Nai, đánh vào Long Bình.

Đêm 29 tháng 4, số xe tăng địch ở ngã ba Hố Nai bị Sư đoàn 6 tiêu diệt.

Sáng 30 tháng 4, Trung đoàn 266, Tiểu đoàn 5, rồi Tiểu đoàn 3 vượt qua sông Đồng Nai. Pháo địch từ trường sĩ quan Thủ Đức, từ trường cảnh sát quốc gia và sau nhà máy xi măng bắn dữ dội vào đoạn Long Bình - Thủ Đức. Pháo binh ta bắn chế áp các trận địa pháo binh địch để bảo vệ cho đội hình tiến công hành tiến của quân ta.

Khoảng 6 giờ sáng, pháo binh mặt đất, pháo cao xạ của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 bắn giập đầu bọn pháo binh địch. Các trận địa pháo của chúng tê liệt dần. Cũng là lúc từng đoàn xe đủ các loại của quân ta đã vượt qua cầu Rạch Chiếc. Đến 10 giờ, Quân đoàn 2 đánh tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch, bắn cháy hơn 10 xe tăng, thiết giáp và đang vượt qua cầu Thị Nghè. Tuyến phòng thủ Sài Gòn đã bị đập vỡ. Các binh đoàn chủ lực của quân ta tiến vào Sài Gòn như thác đổ, triều dâng.

6. Trên hướng tây nam, Đoàn 232 và Khu 8 tiến công đánh chiếm Biệt khu Thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, Đoàn 232 và Khu 8 tiến công trên hướng tây nam, đánh chiếm Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này.

Đoàn 232 được thành lập tháng 2 năm 1975 gồm hai sư đoàn bộ binh: Sư đoàn 3 do đồng chí Đỗ Quang Hưng làm Sư đoàn trưởng; Sư đoàn 5 do đồng chí Vũ Văn Thước làm Sư đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Xuân Ôn làm Chính ủy và một số đơn vị binh chủng khác hợp thành.

Trước đó, Đoàn 232 do đồng chí Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà) làm Tư lệnh; đồng chí Trần Văn Phác (Tám Trần), Chính ủy; đồng chí Trần Văn Nghiêm, Phó tư lệnh.

Khi triển khai Chiến dịch Hồ Chí Minh, đồng chí Năm Ngà và một bộ phận chỉ huy của Đoàn 232 được rút về Sở chỉ huy cơ bản Miền cùng đồng chí Đồng Văn Cống phụ trách các cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần của Miền để phục vụ cho Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh. Đoàn 232 lúc này do Trung tướng Lê Đức Anh làm Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Văn Tương làm Chính ủy.

Sư đoàn 3 đánh chiếm tiểu khu Hậu Nghĩa, chi khu Đức Huệ, Đức Hòa - bảo đảm hành lang lộ 10 và tuyến sông Vàm Cỏ Đông phối hợp với Trung đoàn 25 công binh làm cầu phà để xe cơ giới và binh khí kỹ thuật vượt sông Vàm Cỏ Đông và Kinh Xáng; Trung đoàn đặc công 27 diệt yếu khu Bà Hom, An Lạc, Bình Điền, khống chế và cắt lộ 4, giữ cầu, đảm bảo sườn và mặt sau cho Sư đoàn 9; Sư đoàn 5 không đánh Mộc Hóa mà áp sát thị xã Tân An, cắt đường 4 từ thị xã Tân An đến Bến Lức và phía nam Tân An, đoạn Tân An - Tân Hiệp, giữ cầu Bến Lức, cầu Tân An. Trung đoàn pháo binh 75 yểm trợ hỏa lực cho Sư đoàn 3 đánh chiếm tiểu khu Hậu Nghĩa, sau đó di chuyển sang Mỹ Hạnh chi viện cho Sư đoàn 9 tiến về Sài Gòn.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 5 tiến công sư đoàn 22 ngay lần lượt tiêu diệt từng đơn vị mới được bổ sung tăng cường co cụm từ cầu Voi đến cầu Bến Lức, Sư đoàn 5 khống chế và làm chủ lộ 4 từ Tân An lên cầu Voi; Trung đoàn 16 thì đánh chiếm khu vực cầu Bình Điền và An Lạc; hai trung đoàn đặc công 115 và 117 phối thuộc cánh tây nam đánh chiếm vùng Phú Lâm.

Cùng thời điểm này, đồng chí Sáu Nhẫn (Bùi Văn Trữ), Phó phòng công binh Miền đang chỉ huy cán bộ, chiến sĩ công binh kết hợp với đồng bào địa phương huy động phương tiện tại chỗ để tạo đường dẫn vượt sinh lầy và làm cầu phà ứng dụng (cầu phà dã chiến) để phương tiện cơ giới, xe tăng và pháo của Đoàn 232 vượt sông Vàm Cỏ Đông thuộc địa phận xã An Ninh, rồi tập kết về địa bàn xuất phát tiến công thuộc vùng Mỹ Hạnh, Đức Hòa, theo lộ 10 tiến về Sài Gòn.

Ngày 27 tháng 4, mũi tiến công phía nam theo tỉnh lộ 50 từ Cần Giuộc lên đã lập bộ phận tiền trạm tại xã Bình Đăng, quận 8 dự kiến 28 tháng 4 sẽ chiếm cầu Chữ Y và ngày 29 tháng 4 chiếm lĩnh trận địa, đợi lệnh tiến công vào mục tiêu.

Đến ngày 28 tháng 4, một sự kiện gây chấn động lớn trong hàng ngũ quân địch: Một phi đoàn 5 chiếc máy bay A37, do phi công Nguyễn Thành Trung hướng dẫn, đã táo bạo, bất ngờ oanh kích sân bay Tân Sơn Nhất. Cùng ngày 28 tháng 4, Trần Văn Hương sau một tuần nhận chức tổng thống thay Nguyễn Văn Thiệu, đã bắt lực, đành phải bàn giao chiếc ghế tổng thống cho tướng Dương Văn Minh.

Theo mệnh lệnh của Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, đúng 0 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, đồng loạt cả năm cánh quân nổ súng tiến công vào nội thành Sài Gòn, dũng mãnh, táo bạo tiến đến mục tiêu đã được phân công. Ở hướng tây, Sư đoàn 9, mũi chủ lực của cánh quân tây nam, theo kế hoạch, sau khi cơ giới, tăng và pháo vượt qua sông Vàm Cỏ Đông đêm ngày 28 tháng 4, ngày 29 tháng 4 Sư đoàn 9 hành quân về Sài Gòn.

‘ Sau khi qua sông, ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 9 hành quân về Sài Gòn theo ba trục đường:

- - Trục thứ nhất: Trung đoàn 1 bộ binh được tăng cường 6 xe tăng PT885, hai khẩu pháo 85, một tiểu đoàn pháo cao xạ đánh chiếm cầu Bà Lác, cầu Lớn, qua ngã năm Vĩnh Lộc tiến vào ngã tư Bảy Hiền, rồi tiếp theo đường Lê Văn Duyệt (nay là đường Cách mạng tháng Tám) đánh chiếm biệt khu thủ đô từ hướng bắc, đông bắc;

- - Trục thứ 2: trung đoàn 3 được tăng cường 3 xe tăng T54, sáu xe bọc thép PTR.60, hai khẩu pháo 85, một tiểu đoàn cao xạ tiến song song với lộ qua cầu An Hạ, Bà Lác, Bà Hom đánh chiếm trường đua Phú Thọ rồi theo đường Trần Quốc Toàn (nay là đường 3-2) đánh chiếm biệt khu thủ đô từ hướng nam, đông nam;

- - Trục thứ 3: Trung đoàn 2 được tăng cường 7 xe tăng T54, 16 xe bọc thép PTR60, 2 xe M113, bốn khẩu pháo 85, hai tiểu đoàn cao xạ mở đường từ An Ninh đến Mỹ Hạnh, bảo đảm cho binh khí kỹ thuật của sư đoàn hành quân. Sau đó tiến vào theo trục của Trung đoàn 1 hướng về biệt khu thủ đô và phát triển về dinh Độc Lập. 5 giờ sáng ngày 29 tháng 4, toàn Trung đoàn 1 do Trung đoàn trưởng Nguyễn Văn Chia và Chính ủy Lê Văn Dũng chỉ huy cùng Bộ chỉ huy nhẹ của sư đoàn 9 về đến bìa rừng Vĩnh Lộc.

‘ Trung đoàn 2 do Trung đoàn trưởng Lê Tấn Cẩm và Chính ủy Lê Giao chỉ huy cùng Sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn hành quân sang Bàu Công.

‘ Trung đoàn 3 do Trung đoàn trưởng Hoàng Chuẩn và Chính ủy Hồ Văn Giáo chỉ huy diệt một số chốt dã ngoại của địch, đánh tan một tiểu đoàn biệt động quân ngụy, làm chủ đoạn đường (lộ 10) từ ngã ba Bà Lác đến cầu Kinh Xáng.

9 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi các binh đoàn thọc sâu từ các hướng tây bắc, bắc, đông và đông nam hùng dũng tiến vào

nội thành đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu trong thành phố thì ở hướng tây nam các mũi tiến công của Sư đoàn 9 đã vượt qua tuyến phòng thủ cơ bản của địch vào ngã tư Bảy Hiền. 9 giờ 20 phút, trinh sát kỹ thuật của sư đoàn bắt được tin chính quyền Sài Gòn ra lệnh “ngừng bắn để thương lượng với phía bên kia”. Thời điểm này, Bộ chỉ huy cánh quân tây nam đang hành quân từ căn cứ Tỉnh đội Tân An về Đức Hòa. Cũng ở chặng đường này, Tham mưu trưởng Trần Văn Nghiêm nhận được tin nguy quyền ra lệnh ngừng bắn.

Sau đó, Bộ chỉ huy cánh quân tây nam nhận được nội dung điện của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương do Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh chuyển đến: “Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng”.

10 giờ 20 phút, đại đội 2 của Trung đoàn 1 tiến qua cổng trại Lê Văn Duyệt (biệt khu thủ đô) bắt tướng Lâm Văn Phát, tư lệnh thủ đô và nhiều sĩ quan thuộc quyền. Cờ giải phóng được kéo lên cột cờ biệt khu thủ đô đúng 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4. Mũi tiến công phía nam Sài Gòn, Bộ chỉ huy gồm các đồng chí Võ Thắng, Huỳnh Văn Mến, Tư Chiêu, Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Long An. 10 giờ ngày 30 tháng 4, đồn Đa Phước đầu hàng. “Từ Đa Phước quân chúng dùng xe đồ, xe hàng chở toàn bộ cơ quan chỉ huy đến cầu Chữ Y, lúc bấy giờ là 11 giờ 30 phút. 12 giờ, Sở chỉ huy cánh nam đến Tổng nha cảnh sát, sau lực lượng tiến công (Trung đoàn 4) một tiếng rưỡi”. (Tức lúc 10 giờ 30 phút, Trung đoàn 24 đã đánh chiếm xong Tổng nha cảnh sát nguy).

Những dòng trên là điện của Sở chỉ huy cánh nam gửi đồng chí Lê Đức Anh (tức Sáu Nam) - Tư lệnh cánh quân tây nam, báo cáo cánh quân phía nam đã chiếm mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ. Đoàn 10 đặc công đã đánh chiếm cảng Hải quân và kho xăng dầu Nhà Bè. Như vậy đến 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975,

cánh quân tây nam đã chiếm giữ các mục tiêu được phân công tại nội đô Sài Gòn (biệt khu thu đô, Tổng nha cảnh sát, riêng kho xăng Nhà Bè thì do Đoàn 10 đặc công đánh chiếm). Cùng thời điểm này, Quân đoàn 1 (hướng bắc) chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy; Quân đoàn 3 (hướng tây bắc) chiếm sân bay Tân Sơn Nhất; Quân đoàn 4 (hướng đông) chiếm bộ quốc phòng, cảng Bạch Đằng; Quân đoàn 2 (hướng đông nam) đánh chiếm dinh Độc Lập.

Theo hiệp đồng tác chiến, sau khi chiếm biệt khu thủ đô, một bộ phận của Sư đoàn 9 chốt giữ mục tiêu đã chiếm, bộ phận còn lại phát triển phối hợp với Quân đoàn 2 tiến chiếm dinh Độc Lập. Do vậy, vào lúc 11 giờ 30 phút, các tiểu đoàn 1, 2 của Trung đoàn 1, Tiểu đoàn 4 của Trung đoàn 2, Sư đoàn 9 cũng có mặt tại Dinh tổng thống Việt Nam cộng hòa, lúc cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 2 bắt toàn bộ nội các Dương Văn Minh. Ngoài mục tiêu nội thành, cánh quân tây nam còn một nhiệm vụ chiến lược khác là không chể, chiếm giữ quốc lộ 4, theo dõi chặt chẽ âm mưu co cụm của địch về đồng bằng sông Cửu Long để kịp thời báo cáo với Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, đồng thời phối hợp với Quân khu 8, Quân khu 9 phá tan âm mưu này của địch. Vì vậy Bộ chỉ huy cánh quân tây nam đã chỉ đạo cho Sư đoàn 5 giữ vững trận địa, tiếp tục chiếm giữ quốc lộ 4, cầu Bến Lức, cầu Tân An. Riêng lực lượng vũ trang Mỹ Tho và Quân khu 8 chịu trách nhiệm từ Trung Lương đến Bắc Mỹ Thuận, không chể và đánh chiếm khu Đồng Tâm thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, Mỹ Tho là căn cứ cũ của sư đoàn 9 Mỹ và lúc bấy giờ là căn cứ của sư đoàn 7 ngụy.

(Cũng trên hướng tây nam, Khu 8 đã phối hợp cùng Đoàn 232 tiến công đánh chiếm Tổng nha cảnh sát ngụy:

(Cùng với các quân khu, Quân khu 8 đã được Trung ương Cục, Quân ủy Miền phổ biến tình hình và giao nhiệm vụ chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đồng chí Huỳnh Phú Sổ, Bí thư Khu ủy,

Chính ủy Quân khu 8 nhận nhiệm vụ: ngoài nhiệm vụ tự giải phóng toàn Khu 8, quân khu còn phải mở một mũi tiến công vào phía nam thành phố Sài Gòn cấp tương đương sư đoàn đánh chiếm Tổng nha cảnh sát ngụy, một trong năm mục tiêu chủ yếu của chiến dịch.

Bộ tư lệnh Quân khu 8 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị. Cánh quân đánh vào Sài Gòn, chiếm Tổng nha cảnh sát được quân khu sử dụng gồm Trung đoàn 24, Trung đoàn 88, (Miền sẽ bổ sung thêm Trung đoàn 271), có sự phối hợp Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 của tỉnh Long An. Bộ chỉ huy cánh quân này gồm các đồng chí: Võ Văn Thanh - Thiếu tướng - Khu ủy viên - Phó chính ủy quân khu làm Chính ủy; Huỳnh Văn Mến - Đại tá - Khu ủy viên - Phó tư lệnh quân khu làm Tư lệnh; Lê Văn Phẩm - Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho làm Phó tư lệnh phụ trách công tác dân vận; Nguyễn Văn Chiêu - Tỉnh đội trưởng - Thường vụ Tỉnh ủy Long An làm Phó tư lệnh, phụ trách quân sự địa phương và một số trợ lý chủ chốt tham mưu tác chiến, chính trị, hậu cần, thông tin liên lạc...

Tình hình địch đang xáo động mạnh. Một số nơi, hệ thống đồn bốt, lực lượng phòng vệ dân sự, bộ máy kìm kẹp của địch ở xã ấp đã tự tan rã. Thế và lực của cách mạng đang áp đảo địch ở khắp nơi. Nhân dân náo nức chờ lệnh tổng tiến công.

Trung đoàn 24 đang triển khai đánh chiếm căn cứ Đồng Tâm của sư đoàn 7, cán bộ từ trung đoàn đến tiểu đoàn đang chuẩn bị trận địa tiến công được lệnh hành quân về nam Long An nhận nhiệm vụ mới. Đêm 14 tháng 4, toàn trung đoàn vượt qua quốc lộ 4 về đứng chân ở huyện Chợ Gạo sát ranh giới Long An - nơi đây mới được giải phóng nửa tháng. Mỗi tiểu đoàn trung bình gần 300 quân, súng đạn trang bị đầy đủ.

16 giờ ngày 15 tháng 4 năm 1975, có điện triệu tập Trung đoàn trưởng và Chính ủy Trung đoàn 24 đến gặp Bộ tư lệnh tiền phương nhận nhiệm vụ ở xã Thạnh Phú Long thuộc huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đồng chí Ba Thắng - Chính ủy Bộ tư lệnh tiền phương sau khi thông báo vắn tắt tình hình đang diễn ra rất khẩn trương, nêu rõ yêu cầu nhiệm vụ: Quân khu 8 có vinh dự tổ chức cánh quân đánh từ Long An vào thẳng vùng ven Sài Gòn ở quận 8 để nhận nhiệm vụ tiếp theo. Lực lượng gồm Trung đoàn 24, Trung đoàn 88, Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 Long An và Trung đoàn 271 đang đến sau. Nhiệm vụ chung là tiến công thần tốc mở đường theo trục đường 5B3 (lúc đó) đến rạch Cần Giuộc vào ngày “X” (ngày 27 tháng 4 năm 1975). Trung đoàn 24 đảm nhiệm chủ công đi đầu, tiếp sau là Trung đoàn 88 dự bị, sau cùng là các tiểu đoàn của tỉnh Long An.

Tiến công trong hành tiến là chủ yếu: tiêu diệt, bức rút, bức hàng toàn bộ hệ thống đồn bốt trên trục tiến công kể cả các lực lượng giải tỏa, bảo đảm hành lang an toàn từ phía sau ra phía trước. Mục tiêu chủ yếu của Trung đoàn 24 trước mắt là tiêu diệt đánh chiếm chi khu Cần Giuộc. Trung đoàn 88 tiêu diệt chi khu Tân Trụ ở phía sau (đã nổ súng 2 ngày đêm chưa dứt điểm).

Tối 15 tháng 4, toàn trung đoàn sang đứng chân ở nam sông Vàm Cỏ Tây thuộc tỉnh Long An, đây là vùng mới giải phóng được ít ngày. Đêm 16 tháng 4, trung đoàn vượt sông Vàm Cỏ Tây bằng tàu chở hàng của dân, mỗi tàu 40 - 50 đồng chí sang ém quân ở vùng địch kiểm soát và triển khai đánh ngay trận mở đầu diệt 3 đồn ở xã Tân Chánh.

3 giờ sáng ngày 17 tháng 4, Tiểu đoàn 4 được lệnh nổ súng, sau ba tiếng bộc phá nổ là hỏa lực các loại nổ dồn dập trong một phút - nhiều đám cháy và tiếng nổ của đạn, lựu đạn, sau tám phút tất cả im tiếng súng, Tiểu đoàn 4 đã báo cáo diệt xong ba đồn. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội, hai trung đội bảo an, diệt 20 tên, số còn lại chạy hết; thu 5 súng AR-15, M79.

Nhân dân đã sơ tán trước sáng 18 tháng 4, để lại lợn, gà, nhà cửa. Bộ đội đóng ở ngoài vườn sẵn sàng đánh địch vào giải tỏa. 8 giờ sáng ngày 18 tháng 4: 1 giang đoàn chạy từ Long An đến nhưng đều

ở phía bờ nam sông bắn 12,7mm sang. Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 6 sẵn sàng nổ súng nhưng địch không dám đổ bộ. Đến 11 giờ, giang đoàn này lui ra hướng biển.

Thực hiện lệnh của Sở chỉ huy tiền phương quân khu đẩy mạnh tiến công địch để tiến đến chi khu Cần Đức, trung đoàn sử dụng Tiểu đoàn 5 diệt 1 phân chi khu, 2 đồn và bức rút 1 đồn. Đánh xong, cả trung đoàn trong đêm lại di chuyển lên phía trước. Đêm 19 tháng 4, Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 5 diệt tiếp phân chi khu và bức rút thêm 4 đồn, địch hoảng sợ bỏ chạy. Hơn 10 đồn phân chi khu đã tự đốt phá đồn rút chạy trước khi trời tối. Phân chi khu An Thuận (đồn cấp đại đội), ta chỉ dùng một trung đội tăng cường một ĐKZ75, một đại liên cũng dứt điểm trong 10 phút. Trung đoàn tập trung chuẩn bị đánh chi khu Cần Đức.

Lực lượng địch có một tiểu đoàn bảo an được tăng thêm số quân các nơi chạy về tạo thành một cứ điểm lớn, có nhiều chốt ở vòng ngoài. Quân thì đông nhưng tinh thần địch đang dao động mạnh nên cách đánh của trung đoàn phải giải quyết bằng hai giai đoạn: giai đoạn đánh bóc vỏ và giai đoạn tiến công dứt điểm.

Đêm 22 tháng 4, Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 5 vào chiếm lĩnh trận địa, Tiểu đoàn 6 làm dự bị. Kết quả trong 20 phút nổ súng, Tiểu đoàn 4 đã đánh tan 6 chốt cấp trung đội làm chủ trận địa lúc 24 giờ ngày 22 tháng 4.

Tiểu đoàn 5 vào chiếm lĩnh xây dựng trận địa vây ép không khó khăn lắm, vì địa hình kín đáo, địch không phát hiện được. 5 giờ sáng ngày 23 tháng 4, Tiểu đoàn 5 nổ súng đánh vào chi khu Cần Đức gây nhiều tổn thất cho địch. Địch chui hết vào công sự giao thông hào và một số hầm, kêu phi pháo và viện binh đến giải vây. Phi pháo địch đánh liên tục từ 6 giờ sáng đến 18 giờ chiều, máy bay có 12 phi vụ, mỗi phi vụ 2 đến 3 chiếc A37, F5. Tuy vậy, bom pháo địch đều đánh gần trận địa. Tiểu đoàn 5 báo cáo bộ đội vẫn an toàn do địch và ta cách nhau vài chục mét. Trung đoàn quyết định đưa thêm Tiểu đoàn 6

vào đánh dứt điểm trong đêm 23 tháng 4 năm 1975. Lúc 17 giờ, Tiểu đoàn 5 báo cáo địch có dấu hiệu rút chạy, cho tiểu đoàn bám chặn để có thể đánh chiếm ngay mục tiêu không chờ Tiểu đoàn 6 vào thay thế.

Vào chập tối, Tiểu đoàn 5 nổ súng dồn dập đánh vào chi khu Cần Đức trong lúc địch đang rút chạy. Tiểu đoàn 6 vòng về phía tây bắc thì địch đã chạy thoát hết về hướng bắc.

18 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4, ta làm chủ chiến trường, Bộ tư lệnh tiền phương đã cho các tiểu đoàn 1, 2 Long An vào tiếp quản thị trấn Cần Đức, giải quyết việc thu dọn chiến trường hỗ trợ phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác phá kiềm.

Trung đoàn dừng lại, sẵn sàng đánh địch vào tái chiếm. Suốt ngày 24 tháng 4 không có địch giải tỏa, tái chiếm. Khi chi khu Cần Đức bị diệt, các đồn bót trong khu vực bỏ chạy khá nhiều.

Ngày 25, 26 tháng 4 trung đoàn tiếp tục phát triển về hướng bắc không gặp sự kháng cự nào, quân lính ở các đồn bót đã bỏ chạy từ huyện Cần Đức sang Cần Giuộc, chỉ còn một số đồn ở dọc lộ 5A và chi khu Cần Giuộc.

Tối ngày 27 tháng 4, toàn trung đoàn đã ở nam sông Cần Giuộc - đoàn cán bộ đi trước chuẩn bị làm nhiệm vụ tiếp theo, có đồng chí Huỳnh Văn Mến - Tư lệnh tiền phương quân khu cùng đi, được tổ tự vệ thành đưa vào vị trí giấu quân rất mạo hiểm ở bờ sông Cần Giuộc có dừa nước che kín. Tổ tự vệ thành có 3 nữ, 2 nam trẻ, nhanh nhẹn cho biết: khu này có 1 liên đoàn biệt động quân phục kích ở đây mấy ngày đêm mới rút đi chiều nay (ngày 27 tháng 4), nhưng sông này có 1 giang đoàn thủy quân lục chiến từ Cần Giuộc sáng nào cũng đến chốt từ sớm đến 4 giờ chiều mới rút. Hàng chục tàu đậu rải ra cứ 30 - 40 mét 1 tàu, chỉ cách chỗ này không xa, các chú không được ho, không được phát ra tiếng động, địch nghi ngờ là đạn bắn ra như mưa vào đây. Tất cả 30 cán bộ

từ Tư lệnh quân khu tiền phương, trung đoàn trưởng, cán bộ đại đội cùng 1 tiểu đội trinh sát và 5 tự vệ thành phải ăn cơm trước sáng, nằm im trên mặt đất không công sự, chỉ nhờ lá dừa nước che kín, mặc cho tàu địch gầm rú, tiếng thả neo, tiếng kêu của xích sắt chạm vào tàu nghe rợn tai.

Đến 4 giờ 30 phút chiều, giang đoàn này bắt đầu rút về Cần Giuộc.

Mọi người thở phào nhẹ nhõm bắt đầu nấu cơm. Đồng chí Tư Nhân (Huỳnh Văn Mến) triệu tập cán bộ tiểu đoàn và trung đoàn trưởng đến phổ biến nhiệm vụ. Đồng chí yêu cầu đêm nay phải hoàn thành trinh sát các mục tiêu ở cầu Nhị Thiên Đường và cầu Chữ Y, từ đây đến đó còn trên dưới 10km. Chậm nhất 6 giờ sáng mai (ngày 29 tháng 4) phải có mặt ở đây, sẽ có xuồng đón về Sở chỉ huy để báo cáo sơ bộ quyết tâm đánh hai mục tiêu này. Đoàn cán bộ được tăng cường hai tự vệ thành. Ăn cơm xong, tự vệ thành đã đưa lên khỏi mặt nước một xuồng giấu kỹ, chở đoàn cán bộ qua sông Cần Giuộc lên phía bắc qua lộ 5B. Đối chiếu với bản đồ, đoàn phải đi qua một cánh đồng lầy lội bùn, ngang đầu gối, nước mặn, hướng về Sài Gòn rực sáng ánh điện. Một trinh sát đạp phải mìn bị thương vào bàn chân phải ở lại.

Trung đoàn trưởng vừa lội bùn cùng anh em vừa dự kiến phương án tác chiến: Tiểu đoàn 4 đánh cầu Chữ Y, Tiểu đoàn 5 đánh cầu Nhị Thiên Đường. Đến ngang cầu Nhị Thiên Đường, Trung đoàn trưởng cho cán bộ dừng lại xác định phương án đi trinh sát: Tiểu đoàn 4 do Tham mưu trưởng đi cùng vào điều tra cầu Chữ Y, còn Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 6 cùng Trung đoàn trưởng điều tra cầu Nhị Thiên Đường xem địch bố trí lực lượng ra sao? Tiến công như thế nào?...

Kết quả đã xác định được hai đồn quân cảnh cấp đại đội bảo vệ hai mục tiêu cầu Chữ Y và cầu Nhị Thiên Đường, đồn cầu đúc lô cốt bê tông cốt thép 4 góc, hàng rào kẽm gai bao bọc quân lính đều ở trong nhà, xung quanh là đường phố, nhà dân dày đặc. Ngoài ra có một số vọng gác từ bên ngoài. Tiểu đoàn 4 phải đi xa hơn Tiểu đoàn 5

đến 6km đồng lầy vẫn về kịp nơi quy định trước sáng. Xuồng đã có chuẩn bị sáng đưa cán bộ về Sở chỉ huy tiền phương để báo cáo theo đúng quy định. Ai cũng hốc hác vì quá vất vả sau 10 đêm liên không ngủ, đêm 28 tháng 4 là căng thẳng nhất. Các đồng chí trong Bộ tư lệnh quân khu gồm: Ba Thắng, Tư Thân và Năm Chiêu (còn đồng chí Chín Hải đã về chỉ đạo Mỹ Tho). Tất cả đang chờ nghe báo cáo của Trung đoàn 24. Đồng chí Đàm Hữu Vân - Chính ủy trung đoàn cũng đến dự.

Sau khi nghe Trung đoàn trưởng Trung đoàn 24 báo cáo tình hình, địa hình và sơ bộ quyết tâm đánh hai mục tiêu cầu Chữ Y và cầu Nhị Thiên Đường bằng hai mũi, cách sử dụng lực lượng, các đồng chí chỉ huy quân khu trao đổi và đều nhất trí. Sau khi giao nhiệm vụ đánh chiếm cầu Chữ Y, cầu Nhị Thiên Đường, Tổng nha cảnh sát (Trung đoàn 88 làm dự bị) đồng chí Ba Thắng xác định: giờ “G” ngày 30 tháng 4 và đối với Trung đoàn 24 là 5 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975. Đồng chí Tư Thân cũng nhấn mạnh, căn dặn thêm trung đoàn cách đánh, chốt giữ, mục tiêu là tiến thẳng vào chiếm Tổng nha cảnh sát, sẵn sàng nhận lệnh tiếp theo.

Đảng ủy trung đoàn họp mở rộng quán triệt nhiệm vụ lịch sử trên giao và cụ thể hóa nhiệm vụ của trung đoàn và từng tiểu đoàn. Bộ đội được chuẩn bị mọi mặt rất chu đáo, ai cũng dành một bộ quần áo đen lành nhất để mặc khi giờ “G” sắp bắt đầu. Cán bộ, chiến sĩ đã bắt chấp máy bay trinh sát bay lượn trên đầu cùng những máy bay phản lực quần lượn để yểm trợ cho trực thăng bốc người di tản khỏi thành phố suốt ngày và đêm 29 tháng 4 năm 1975, công khai làm mọi công tác chuẩn bị ở ven địa hình. Trên đường 5B xe cộ đủ loại vẫn tấp nập nập ra vào thành phố từ Cần Giuộc lên, từ thành phố ra.

Vào 17 giờ ngày 29 tháng 4, bộ đội đã nguy trang kín ba lô súng đạn lần lượt ra khỏi ven địa hình, hình thành hai cánh quân tiến về phía bắc nhằm hướng cầu Chữ Y và cầu Nhị Thiên Đường.

3 giờ sáng, Tiểu đoàn 5 đã báo cáo chuẩn bị xong, Tiểu đoàn 4 do phải đi xa hơn nên 4 giờ 30 phút mới báo cáo chờ lệnh nổ súng. Sở chỉ huy trung đoàn đi sau Tiểu đoàn 5. Tiểu đoàn 6 đi sau cùng trên trục đường 5B mặc cho xe cộ ngược xuôi chạy tấp nập. Đúng 5 giờ sáng ngày 30 tháng 4, hai tiểu đoàn 4 và 5 bắt đầu nổ súng tiến công.

Tiểu đoàn 5 đã diệt được một chốt, phát triển vào đánh đồn ở cầu Nhị Thiên Đường, bị địch chống trả mạnh phải vòng tránh qua một số nhà chiếm tầng cao đánh xuống bằng mọi cách, đến 8 giờ chiếm được cầu Nhị Thiên Đường.

Tiểu đoàn 4 phải đánh chiếm từng mục tiêu từ ngoài vào trong, cũng phải vòng tránh chiếm tầng cao đánh xuống đến 8 giờ 30 phút mới chiếm được cầu Chữ Y. Địch ở các nhà tầng dùng đại liên bắn vào cầu Chữ Y và cầu Nhị Thiên Đường. Tiểu đoàn 6 được lệnh đánh thẳng lên cầu Chữ Y theo đại lộ Phạm Thế Hiển để hợp đồng với Tiểu đoàn 4 chuẩn bị phát triển vào quận 1.

Địch chiếm các tầng cao hai bên đại lộ Phạm Thế Hiển bắn như đồ đạn xuống đường để ngăn chặn, bộ đội ta vẫn dựa vào các nhà tiến lên cầu Chữ Y. Tiểu đoàn 5 cũng được lệnh để lại một đại đội chốt giữ cầu Nhị Thiên Đường còn lại cùng Tiểu đoàn 6 lên cầu Chữ Y. Đến 9 giờ 30 phút thì cả Tiểu đoàn 4, 5 và 6 đều có mặt ở cầu Chữ Y, địch ở phía bên kia cầu và nhà tầng bắn ngăn chặn. B40, B41 cùng đại liên của ta đã diệt một số hỏa điểm, chiếm được hai bên cầu Chữ Y. Các đơn vị tiếp tục vận động qua cầu Chữ Y bất chấp hỏa lực ngăn chặn, đến 10 giờ 45 phút thì Tiểu đoàn 4 và 6 cùng Tiểu đoàn 5 đã đánh chiếm Tổng nha cảnh sát và khu quân cảnh. Đến 11 giờ, ta đã chốt chặn các công ra vào, kiểm soát toàn bộ tình hình. Khoảng 1.000 tên địch đã vứt bỏ sắc phục giơ tay xin hàng. Phóng viên nhiếp ảnh trong và ngoài nước kéo đến quay phim, chụp ảnh cảnh ta chiếm Tổng nha cảnh sát, lúc này là 11 giờ trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

7. Vai trò nổi dậy của nhân dân Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 26-4-1975, cuộc hội quân lớn nhất của quân đội ta (tính đến thời điểm đó) để triển khai thế trận chiến dịch đã hoàn thành và bắt đầu tổng công kích vào Sài Gòn - Gia Định. Với lòng mong ước quê hương được giải phóng đã tích tụ từ lâu, được các đòn tấn công như vũ bão của bộ đội chủ lực hỗ trợ, ngày 28 và 29 tháng 4, hàng vạn nhân dân các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp, Thủ Đức, Bình Chánh đã nổi dậy giải phóng ấp, xã, huyện lỵ của mình. Chỉ sau hai ngày, hơn 40 cuộc đấu tranh điển hình của công nhân nhà máy nước Thủ Đức (được hàng nghìn quần chúng các xã xung quanh hỗ trợ) đã kiên quyết bao vây một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ có hàng chục xe tăng, thiết giáp yểm trợ, buộc chúng phải tháo lui không phá được nhà máy.

Trong ngày 29 và đêm 29 rạng sáng 30 tháng 4, trước khi 5 mũi tiến công của các quân đoàn vào nội thành thì đã có 107 điểm nổi dậy tại chỗ của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương (31 điểm ở ngoại thành và 76 điểm ở nội thành). Trong đó có 32 điểm nổi dậy trong ngày 29 và đêm 29 rạng ngày 30 tháng 4; 34 điểm nổi dậy trước 9 giờ 30 khi Dương Văn Minh chưa tuyên bố đầu hàng; 41 điểm trong và sau khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng nhưng các quân đoàn chủ lực chưa vào đến nơi.

Có được sự nổi dậy mạnh mẽ trên là do nhân dân được các cơ sở Đảng lãnh đạo đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội đặc công, biệt động và quân địa phương đánh chiếm các mục tiêu đã quy định; giành được chính quyền ở cơ sở; phá kim kẹp, gỡ đồn bốt, chiếm xưởng, chiếm kho, chiếm công sở, giữ gìn bảo vệ máy móc không để quân địch phá trước khi rút chạy, sau đó bàn giao lại cho chính quyền cách mạng (như hãng Vimytex, Vinatexco, kho xăng Esso, Shell, Caltex, nhà máy điện, nhà máy nước, những cơ sở hạ tầng kinh tế...).

Hầu như toàn bộ những cơ sở kinh tế lớn ở nội thành đều được nhân dân nổi dậy chiếm giữ và giao lại cho cách mạng.

Sáng 30-4-1975, khi các mũi đột kích thọc sâu của các binh đoàn chủ lực đánh vào các mục tiêu chủ yếu, then chốt trong nội đô, lập tức hơn 400 cuộc nổi dậy của hàng chục nghìn quần chúng nhân dân từ quận 1 đến quận 11, được mạng lưới tổ chức cơ sở Đảng, Đoàn, tổ đội vũ trang công tác, dân quân tự vệ, biệt động thành phát động, đã nổi dậy truy quét ác ôn, kêu gọi binh sĩ đầu hàng, bao vây công sở, giải tán phòng vệ dân sự.

Nhân dân thành phố đã góp phần rất lớn làm tan rã hoàn toàn 40 vạn quân từ các hướng thua trận tháo chạy dồn về Sài Gòn, và 20 vạn quân ở các nơi thuộc ngoại thành. Nhân dân đã tham gia đắc lực vào việc gìn giữ trật tự trong thành phố với gần 4 triệu người khi chính quyền cách mạng chưa kịp tổ chức, khi mà bất kỳ lúc nào ở đâu bọn người lợi dụng “đục nước, béo cò” đều có thể có cơ hội đập phá nhà công, cướp bóc nhà tư, trả thù, trả oán cá nhân hay tuyệt vọng làm càn.

Dưới sức mạnh của nhân dân, thành phố vẫn bình yên, nguyên vẹn sau một chiến dịch lớn, mọi sinh hoạt của người dân vẫn bình thường, cuộc sống dần dần ổn định.

8. Giải phóng và làm chủ biển, đảo của Tổ quốc trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, đồng thời với việc giải phóng các tỉnh trong đất liền, trong kế hoạch tác chiến chiến lược và chỉ đạo thực hiện, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã đề ra nhiệm vụ giải phóng các đảo trên Biển Đông từ rất sớm.

Chiến dịch Trị Thiên - Huế (từ ngày 5 đến 26-3-1975) và Chiến dịch Đà Nẵng (từ 28 đến 29-3-1975) diễn ra trên một địa bàn rộng lớn gồm các tỉnh ven biển miền Trung: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế,

Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Để làm tốt nhiệm vụ hiệp đồng tác chiến chiến dịch và thực hiện quyền làm chủ biển, đảo sau khi chiến dịch kết thúc, trước đó (tháng 2 năm 1975), Quân chủng Hải quân đã bố trí lực lượng tàu thuyền chiến đấu tăng cường hoạt động tuần tiễu ở bắc vĩ tuyến 17, sẵn sàng đối phó với những hoạt động của hải quân địch và bảo vệ tuyến vận tải biển Cửa Việt - Đông Hà. Đặc công Hải quân hoạt động sâu phía trong Huế, đánh sập cầu An Lỗ và đánh chìm hải thuyền địch.

Trong thời gian chiến dịch đang phát triển mạnh, Bộ tư lệnh Hải quân kịp thời tăng cường lực lượng tàu vận tốc nhanh và bộ đội đặc công tinh nhuệ từ sông Gianh vào Cửa Việt để đẩy mạnh khả năng hoạt động phối hợp trên chiến trường sông biển Trị - Thiên.

Bị đánh bại trên mặt trận Huế, quân địch tan vỡ, bỏ chạy ra bờ biển tìm đường vào Đà Nẵng. Một biên đội thuyền máy của Hải quân ta được lệnh vượt qua lưới lửa của địch, thả thủy lôi tại cửa biển Thuận An, bịt cửa biển này không cho tàu địch ra vào cảng. Sự xuất hiện kịp thời của lực lượng Hải quân ta tại đây cùng với các lực lượng chiến đấu trên bộ đã chặn đứng đường rút chạy của địch. Ngày 25 tháng 3, mấy vạn tên địch gồm đủ các sắc lính đang co cụm bên bờ biển Hội An đã bị quân và dân ta tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh.

Ngày 26-3-1975, trong lúc cánh quân trên bộ của ta đang hành quân thần tốc, áp sát Đà Nẵng, hải quân ta đã dùng biên đội thuyền máy chở một phân đội đặc công táo bạo vượt qua làn đạn bắn chặn của địch, chọc thẳng vào bán đảo Sơn Trà phối hợp tiến công từ hướng biển.

Ngày 27 và 28 tháng 3, trước sức tiến công mãnh liệt của pháo binh và hải quân ta, lực lượng tàu thuyền chiến đấu của địch đã phải dần xa bờ, hủy bỏ việc chuyển quân rút chạy và di tản dân như kế hoạch chúng đã định. Tối 29 tháng 3, phân đội đặc công Hải quân đã đến cầu Thủy Tú, phối hợp kịp thời với các lực lượng trên bộ

giải phóng Đà Nẵng, tiếp quản bán đảo Sơn Trà và chiếm căn cứ đầu não của vùng 1 duyên hải của hải quân địch. Cũng trong ngày, lực lượng đặc công đã phối hợp với các lực lượng chiến đấu khác truy lùng quân địch, quản lý căn cứ Đà Nẵng và tham gia giữ gìn trật tự, an ninh vùng giải phóng.

Ngày 2-4-1975, biên đội tuần tiễu và phá lôi đầu tiên của Hải quân ta đến quân cảng Đà Nẵng làm nhiệm vụ cảnh giới, rà phá thủy lôi, mở đường cho các phương tiện tàu thuyền quân sự, quốc doanh chở bộ đội, vận chuyển hàng hóa, vũ khí từ hậu phương lớn miền Bắc vào chiến trường. Tiếp đó, các ra-đa cơ động của hải quân ta được điều từ miền Bắc vào để quản lý vùng biển, đảo mới được giải phóng và chuẩn bị cho các trận đánh tiếp theo.

Ngay sau khi giải phóng Đà Nẵng, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chỉ thị cho Khu ủy, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân “nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất đánh chiếm các đảo do quân ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Trường Sa. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng” (Mật điện số 990B/TK lúc 17 giờ 30 phút ngày 4 tháng 4 năm 1975 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi đồng chí Võ Chí Công, Chính ủy Quân khu và đồng chí Chu Huy Mân, Tư lệnh Quân khu 5).

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, Bộ tư lệnh Quân khu 5 đã chỉ đạo lực lượng vũ trang phối hợp với du kích và nhân dân tiến công và nổi dậy ngày 30 tháng 4 giải phóng Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré. Từ ngày 14 tháng 4 nhân dân đảo Cù Lao Xanh nổi dậy giải phóng đảo. Ngày 10 tháng 4, bộ đội đặc công tỉnh Khánh Hòa và một tiểu đoàn của Trung đoàn 19, sư đoàn 968 giải phóng đảo Hòn Tre. Và đến ngày 27 tháng 4, ta giải phóng Cù Lao Thu (Khánh Hòa) và toàn bộ các đảo ven biển Trung Bộ.

Trước tình hình cuộc tiến công của ta phát triển thuận lợi, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và các tỉnh đồng bằng miền Trung,

ngày 9 tháng 4 năm 1975, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho Quân khu 5 và Hải quân dùng lực lượng thích hợp chớp thời cơ đánh chiếm, giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, nếu dễ chậm, quân đội các nước khác chiếm, tình hình trở nên rất phức tạp không chỉ trên mặt trận quân sự, mà cả mặt trận đấu tranh chính trị và ngoại giao. Vì vậy, tiến công địch trên Biển Đông cũng phải thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng. Bộ Tổng tư lệnh dự kiến cuộc chiến đấu trên biển có thể sẽ gay go, ác liệt, vì ở đó có hạm đội 7 Mỹ và tàu chiến các nước đang hoạt động. Trong chiến đấu, yêu cầu cán bộ, chiến sĩ ta phải hết sức bình tĩnh xử trí tốt các tình huống, phải dũng cảm, mưu trí và sáng tạo, đánh đúng đối tượng... Nếu quân nước ngoài chiếm thì kiên quyết đánh chiếm lại.

Sự chỉ đạo đánh chiếm lại đảo ở Biển Đông của Quân ủy, Bộ Tổng tư lệnh kịp thời, cụ thể, phù hợp với chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng trong giai đoạn kết thúc chiến tranh, đã tạo thuận lợi cho bộ đội đánh chiếm đảo không gặp trở ngại gì lớn. Hải quân của ta chuẩn bị đánh chiếm các đảo rất kỹ. Các tàu vận tải quân sự 673, 674, 675 thuộc trung đoàn đặc công hải quân 126 do trung đoàn trưởng Mai Năng chỉ huy được ngụy trang giả tàu đánh cá, bí mật xuất phát và tiếp cận các đảo (đồng chí Mai Năng sau này là Thiếu tướng, Tư lệnh Binh chủng Đặc công, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân). Tàu 673 do Nguyễn Ngọc Quế đội trưởng đội 1 chỉ huy dùng xuồng và phao cao su bí mật đổ bộ lên đảo. Đúng 4 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4, ta nổ súng tiến công địch. Sau 30 phút chiến đấu, ta diệt và bắt 39 tên thuộc tiểu đoàn bảo an 371 quân đội Sài Gòn, giải phóng đảo Song Tử Tây. Chiến sĩ Lê Xuân Phát kéo cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lên cột cờ trên đảo, xác định chủ quyền của Tổ quốc vào lúc 5 giờ ngày 14 tháng 4 năm 1975.

Song Tử Tây bị mất, hệ thống phòng thủ của địch trên quần đảo Trường Sa bị đe dọa. Địch liền điều thêm lực lượng trong đất liền ra tăng cường phòng ngự cho các đảo còn lại và tìm cách chiếm lại đảo Song Tử Tây. Chúng điều các tàu HQ16, HQ402 ra phản kích,

nhưng thế trận tan rã, địch quay về đảo Nam Yết, trung tâm quần đảo Trường Sa để phòng thủ.

Lúc này trên vùng biển Trường Sa có nhiều tàu và máy bay lạ xuất hiện. Quân ta tiếp tục củng cố lực lượng, rút kinh nghiệm chiến đấu.

Đúng 4 giờ sáng ngày 21 tháng 4, lực lượng tấn công đợt 2 bắt đầu rời cảng Đà Nẵng hành quân lên đường, chiều ngày 24 tháng 4 bộ đội đến vị trí tập kết. Đêm 24 tháng 4, tàu 673 định đổ quân chiếm đảo Nam Yết, nhưng gặp tàu khu trục địch, yếu tố bí mật không còn nữa, tàu ta quay về đảo Song Tử Tây chờ thời cơ.

Tàu 641 tiến về đảo Sơn Ca, lúc 21 giờ 30 phút thì cách đảo Sơn Ca 2 hải lý, lần thứ nhất đổ bộ không thành công do nước chảy xiết. Chờ đến lúc 23 giờ 30 phút nước đứng, lần đổ bộ thứ hai bắt đầu, sau 30 phút bộ đội đã đặt chân lên đảo. Địch trên đảo có 4 lô cốt, hai dãy nhà tôn, các chòi canh, có hàng rào thép gai bao quanh. Sáng ngày 25 tháng 4, trận đánh bắt đầu. Địch trên đảo ngoan cố chiến đấu cầm cự, nhưng sau 2 giờ thì bị bộ đội ta tiêu diệt, quân ta hoàn toàn làm chủ đảo Sơn Ca. Các tàu tuần dương, khu trục của địch lượn quanh các đảo nhưng không làm gì được bèn quay lại đảo Nam Yết.

10 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4, ta giải phóng đảo Nam Yết. Ngày 28 tháng 4 ta làm chủ hoàn toàn đảo Sinh Tồn. Cũng trong ngày 28 tháng 4 ta giải phóng đảo Trường Sa và An Bang. Hồi 9 giờ sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, phân đội cuối cùng của Trung đoàn 126 đặc công hải quân đổ bộ lên hòn đảo cuối cùng của quần đảo Trường Sa. Toàn bộ quân địch trên các đảo bị bắt làm tù binh. Bộ đội ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Quân ủy Trung ương khen ngợi “Hoàn thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược”.

Từ ngày 27-4-1975, trong lúc các cánh quân ta tiến vào giải phóng Bà Rịa - Vũng Tàu... Hải quân ta đã điều lực lượng tàu

chiến đấu vào làm chủ Cam Ranh. Ngày 29 tháng 4, phối hợp với các cánh quân xiết chặt vòng vây quanh nội đô Sài Gòn, các tàu chiến của Hải quân ta cấp tốc hành quân vào vùng biển Vũng Tàu. Ngày 30 tháng 4, khi quân và dân ta tiến hành tổng công kích và nổi dậy ở nội đô Sài Gòn, thì bộ đội Hải quân được triển khai trên biển ngăn chặn, truy bắt bọn tàn quân địch chạy trốn.

Cũng trong ngày 30 tháng 4, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương điện cho Bộ Tư lệnh và Đảng ủy Mặt trận Sài Gòn chú trọng việc giải phóng và đưa anh em từ chính trị của ta ở Côn Đảo và Phú Quốc trở về.

Ngày 1 tháng 5, Trung ương Cục miền Nam và Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho Hải quân tiến ra giải phóng Côn Đảo. Khi các lực lượng của ta còn đang hành quân trên biển thì ở Côn Đảo, các chiến sĩ cách mạng của ta đã nổi dậy tiêu diệt địch, giải phóng đảo. Hải quân ta và các lực lượng chiến đấu khác đã kịp thời chuyển sang làm nhiệm vụ truy bắt bọn tàn quân địch chạy trốn và phối hợp với các chiến sĩ cách mạng xây dựng chính quyền trên đảo.

Ở Phú Quốc, khi nghe tin chính quyền Sài Gòn đầu hàng cách mạng, nhân dân trong huyện đảo đã kéo về thị trấn phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng thị trấn và hoàn toàn làm chủ huyện đảo trong ngày 30-4-1975.

Ở các đảo khác thuộc vùng biển phía Nam, phối hợp với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên đất liền, nắm bắt thời cơ chính quyền và quân đội Sài Gòn đầu hàng cách mạng, các tổ chức Đảng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tiến công, giành quyền làm chủ đảo trong các ngày 30 tháng 4 và 1-5-1975.

*

* *

chiến đấu vào làm chủ Cam Ranh. Ngày 29 tháng 4, phối hợp với các cánh quân xiết chặt vòng vây quanh nội đô Sài Gòn, các tàu chiến của Hải quân ta cấp tốc hành quân vào vùng biển Vũng Tàu. Ngày 30 tháng 4, khi quân và dân ta tiến hành tổng công kích và nổi dậy ở nội đô Sài Gòn, thì bộ đội Hải quân được triển khai trên biển ngăn chặn, truy bắt bọn tàn quân địch chạy trốn.

Cũng trong ngày 30 tháng 4, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương điện cho Bộ Tư lệnh và Đảng ủy Mặt trận Sài Gòn chú trọng việc giải phóng và đưa anh em tù chính trị của ta ở Côn Đảo và Phú Quốc trở về.

Ngày 1 tháng 5, Trung ương Cục miền Nam và Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho Hải quân tiến ra giải phóng Côn Đảo. Khi các lực lượng của ta còn đang hành quân trên biển thì ở Côn Đảo, các chiến sĩ cách mạng của ta đã nổi dậy tiêu diệt địch, giải phóng đảo. Hải quân ta và các lực lượng chiến đấu khác đã kịp thời chuyển sang làm nhiệm vụ truy bắt bọn tàn quân địch chạy trốn và phối hợp với các chiến sĩ cách mạng xây dựng chính quyền trên đảo.

Ở Phú Quốc, khi nghe tin chính quyền Sài Gòn đầu hàng cách mạng, nhân dân trong huyện đảo đã kéo về thị trấn phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng thị trấn và hoàn toàn làm chủ huyện đảo trong ngày 30-4-1975.

Ở các đảo khác thuộc vùng biển phía Nam, phối hợp với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên đất liền, nắm bắt thời cơ chính quyền và quân đội Sài Gòn đầu hàng cách mạng, các tổ chức Đảng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tiến công, giành quyền làm chủ đảo trong các ngày 30 tháng 4 và 1-5-1975.

*

* *

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, ngày quyền Trung ương tuyên bố đầu hàng cách mạng vô điều kiện cũng là lúc quân, dân ta ở miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh Long An, Bình Dương, Tây Ninh, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu, đảo Phú Quốc.

Ngày 1 tháng 5 năm 1975, quân và dân ta tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Vĩnh Long, Chương Thiện, Cà Mau, Long Xuyên, Kiến Tường, Sa Đéc và Côn Đảo, Châu Đốc.

Như vậy, đến ngày 1 tháng 5 năm 1975, toàn bộ các tỉnh, các thành phố trên đất liền, các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên toàn miền Nam Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, khẳng định chủ quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của Tổ quốc ta.

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh là thắng lợi vĩ đại nhất, có ý nghĩa lịch sử quan trọng và tầm vóc thời đại sâu sắc. Từ nay giang sơn Việt Nam được thu về một mối, chấm dứt vĩnh viễn sự chia cắt hai miền. Đất nước Việt Nam mở ra một trang sử mới trong độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc. Năm 1975 đã thực sự là một mốc son chói lọi trong lịch sử giữ nước của dân tộc ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, 4 tập, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, 1972, 1973.
2. *Việt sử lược*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960.
3. Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu chiến lược - chiến thuật thời Trần - Lê*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội,
4. Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1969.
5. Nguyễn Thu, *Lê quý kỷ sự*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974.
6. Phan Huy Lê - Bùi Đăng Dũng - Phan Đại Doãn - Phạm Thị Tâm - Trần Bá Chí, *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
7. Nguyễn Lương Bích, *Việt Nam ba lần đánh Nguyên toàn thắng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1981.
8. Tài liệu dịch thuật của Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Lê quý dật sử*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1987.
9. Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn - Nguyễn Quang Ngọc, *Chiến thắng Bạch Đằng 938 và 1288*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1988.
10. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
11. Ban chỉ đạo kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long và Quân khu Thủ đô Hà Nội, *1.000 năm Thăng Long - Hà Nội - Những hoạt động quân sự tiêu biểu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

12. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *20 trận đánh trong lịch sử dân tộc (thế kỷ X - XIII)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.

13. Nguyễn Lương Bích - Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.

14. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.

15. Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

16. Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Chiến dịch Điện Biên Phủ, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

17. Trung tướng, Giáo sư Phạm Hồng Sơn, *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam* (in lần thứ hai), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

18. Trần Trọng Trung, *Hai bộ thống soái trước bàn cờ Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

19. *Điện Biên Phủ - mốc vàng thời đại*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

20. Quân chủng Phòng không - Không quân, *Lịch sử Bộ đội tên lửa Phòng không (1965-2005)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

21. Đặng Việt Thủy, *101 chuyện xưa - tích cũ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

22. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006.

23. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

24. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa năm 1789*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009.

25. Đặng Việt Thủy, *10 vị Hoàng đế Việt Nam tiêu biểu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011.

26. Đặng Việt Thủy (chủ biên), *Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008.

27. Đặng Việt Thủy (chủ biên), *Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008.

28. Đặng Việt Thủy - Đặng Thành Trung, *Những trận đánh điển hình trong lịch sử chống ngoại xâm của Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009.

29. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

30. *Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

31. *Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - Chiến thắng của sức mạnh Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

32. *Năm 1975 - Những sự kiện lịch sử trọng đại*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.

33. Và một số sách, tạp chí khác.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
I - Trận Bạch Đằng (Năm 938).....	11
II - Trận Như Nguyệt (Năm 1077).....	34
III - Trận Đông Bộ Đầu (Năm 1258).....	57
IV - Trận Bạch Đằng (Năm 1288).....	72
V - Trận Chi Lăng - Xương Giang (Năm 1427).....	97
VI - Trận Rạch Gầm - Xoài Mút (Năm 1785).....	125
VII - Trận Ngọc Hồi - Đống Đa (Năm 1789).....	145
VIII - Chiến Dịch Điện Biên Phủ (Năm 1954).....	165
IX - Trận Điện Biên Phủ Trên Không (Năm 1972).....	216
X - Chiến Dịch Hồ Chí Minh (Năm 1975).....	243
Tài liệu tham khảo.....	363

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

Số 65, phố Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

ĐT: (024) 3926 0024 - Fax: (024) 3926 0031

Chi nhánh Nhà xuất bản Hồng Đức

111 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028)38244534

ĐẶNG VIỆT THỦY

**10 TRẬN ĐÁNH NỔI TIẾNG
TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

Chịu trách nhiệm xuất bản

BÙI VIỆT BẮC

Biên tập nội dung: NGUYỄN KHẮC OÁNH

Kỹ thuật vi tính: NHẬT THIÊN QUANG

Sửa bản in: NGUYỄN KHẮC OÁNH

Trình bày bìa: GIA LONG

Liên kết xuất bản

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRI THỨC VĂN HÓA SÁCH VIỆT NAM
(VINABOOK JSC)**

Địa chỉ: 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 35140632 * Fax (028) 35140635

In 700 bản, khổ 13,5x21cm, tại Công ty Cổ phần In Scitech

Địa chỉ: D20/532H, Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh,
TP. Hồ Chí Minh

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2785-2018/CXBIPH/21-61/HD.

Số quyết định xuất bản: 1302/QĐ-NXBHD cấp ngày 17/10/2018.

Mã số quốc tế - ISBN: 978-604-89-5012-5.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018.